HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

xuân nhâm ngọ

SỐ 62 THÁNG 12/2001 & 1/2002

khánh trường





TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 534-2205- Email: tchl@aol.com

http://saigonline/hopluu.com

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 62 tháng 12/2001 & 1/2002

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ biên

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



HỢP LƯU

Kính chúc quí văn hữu, độc giả
một năm mới mọi sự như ý

Xuân Nhâm Ngọ 2002

số 62, tháng 12/2001&1/2002



mục lục

Tranh bìa:
Khánh Trường: *(oil on canvas)*





thư tòa soạn



Hợp Lưu số đầu tiên ra mắt tháng 10 năm 1990. Nếu tính chính xác, thì tháng 10 năm 2002 diễn đàn văn học này mới đủ 12 tuổi.

12 năm, tròn một con giáp, nếu dùng tuổi của con người làm đơn vị đo lường, thì dưới mắt nhìn những vị đã trưởng thành, Hợp Lưu chỉ là một chú bé con, cả trí tuệ lẫn thân xác còn rất non yếu. Tuy nhiên, trong lĩnh vực báo chí, so với nhiều tạp chí Việt ngữ khác đã ra đời từ trước đến nay, chúng tôi đủ tự tin để hiểu rằng Hợp Lưu là tờ báo có tuổi thọ tương đối cao.

12 năm, tròn một con giáp, quay nhìn lại đoạn đường dài Hợp Lưu đã đi qua, hồi nhớ lại những thăng trầm, chông gai Hợp Lưu đã đối đầu, chúng tôi không tránh được cảm giác bàng hoàng. Vào thời điểm ấy, những năm đầu của thập niên 90, tình hình chính trị ở hải ngoại còn bỏng cháy tinh thần bài nội. Cảnh trưng cờ, biểu ngữ phản đối trước các văn phòng bán vé máy bay về Việt Nam được duy trì bền bỉ, cảnh những cuốn sách xuất bản tại nội địa, hay có xu hướng hòa hợp hòa giải xuất bản tại hải ngoại bị cột dây kéo lê ngoài đường, bị chất đống đốt cháy rụi trong các bãi đâu xe, là cảnh được báo chí hải ngoại đưa

thành tít lớn ở trang nhất. Trong môi trường cực kỳ khó khăn đó, Hợp Lưu đã "dám" ra đời, đã lì lợm sống, đã từng bước một định hình và trưởng thành. Đối với hầu hết mọi người, thực trạng ấy giống như một phép lạ. Riêng đối với anh chị em trực tiếp điều hành diễn đàn văn học này, thì từ kinh nghiệm và chứng liệu tích góp được qua từng số báo, chúng tôi hiểu rằng sở dĩ Hợp Lưu không chết, Hợp Lưu vẫn tồn tại, Hợp Lưu vẫn chịu đựng và vượt qua được nhiều chướng ngại, vì Hợp Lưu đã chọn đúng hướng, đã thể hiện được ước mơ, khát vọng thầm kín nằm sâu trong tiềm thức và ý thức của hầu hết mọi người Việt Nam, cả trong lẫn ngoài nước. Đó là ước mơ và khát vọng nhìn thấy nhau, tìm đến nhau, vượt qua mọi hận thù quá khứ, mọi thể chế chính trị, để có thể nắm tay nhau hướng đến tương lai. Trong số ra mắt 12 năm trước chúng tôi đã khẳng định: mọi thể chế chính trị rồi sẽ qua đi, sẽ tàn lụn, duy văn chương, nghệ thuật của người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam thì vẫn còn đó, vẫn tồn tại và phát triển, mãi mãi. Mục đích của Hợp Lưu là thế, đường đi và hướng đến của Hợp Lưu là thế, cho nên Hợp Lưu không chết, không thể chết, cũng chỉ là điều tất yếu.

12 năm, tròn một con giáp, dù vẫn còn đương đầu với nhiều khó khăn, từ nhiều mặt, nhưng Hợp Lưu có thể mạnh dạn thưa cùng quí văn hữu, độc giả: ngày nào người Việt Nam đang sinh sống trên mọi phần đất ở quê người còn sử dụng tiếng Việt, còn đọc và yêu mến ngôn ngữ Việt, văn học nghệ thuật Việt, thì Hợp Lưu vẫn còn. Thay mặt ban chủ trương, các văn thi hữu và độc giả xa gần khắp năm châu từng gắn bó với Hợp Lưu suốt 12 năm qua, chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả. Không có các vị, Hợp Lưu không hiện diện trong sinh hoạt văn học Việt Nam, không có các vị, Hợp Lưu không đứng vững đến ngày hôm nay, không có các vị, Hợp Lưu không thể tiếp tục làm cái công việc bình thường nhưng vô cùng cần thiết: dy trì vẻ đẹp của văn chương, nghệ thuật Việt Nam, ở mọi phần đất bên ngoài quê hương, nói riệng, cho Việt Nam, nói chung.

Xin các vị hãy xem số báo này như một cột mốc nhỏ - nhỏ thôi - đánh dấu bước đi của Hợp Lưu trên con đường chắc chắn sẽ còn rất dài, rất xa hướng đến một tương lai tốt đẹp của văn học và nghệ thuật Việt Nam. Trong viễn tượng ước mơ ấy, Hợp Lưu chỉ xin được làm kẻ đồng hành khiêm tốn bên cạnh những đồng hàng khác, đã và đang làm những công việc Hợp Lưu không ngừng nỗ lực hoàn thiện.

HỢP LƯU



NGUYỄN HUỆ CHI

Hiện tượng hội nhập văn hóa dưới thời Lý-Trần

Nhìn từ một trung tâm Phật Giáo: Quỳnh Lâm



1. Khảo sát hiện tượng "hội nhập văn hóa" tại một trung tâm Phật giáo có vị trí quan trọng vào hàng nhất nhì ở thời Lý-Trần như chùa Quỳnh Lâm không chỉ giúp ta một cứ liệu để hiểu thêm bản sắc Phật giáo Việt Nam vào giai đoạn thịnh trị của nó mà còn rộng hơn, qua đấy hiểu được cái khí hậu tư tưởng của thời đại, tức là những điều kiện cốt yếu tạo nên các phương thức giao lưu, chung sống giữa nhiều dòng văn hóa khác biệt trong đời sống xã hội Việt Nam ở giai đoạn lịch sử rực rỡ này. Về mặt khái niệm, cũng cần nói rõ, cái gọi là "hội nhập văn hóa" ở đây tức là hội nhập giữa những thành tố Phật, Đạo và Nho - vốn là ba hệ tư tưởng không cùng nguồn gốc và có sự đối nghịch

với nhau, nhưng đều du nhập vào đời sống tinh thần của người Việt từ sớm, và với thời gian, đã mặc nhiên trở thành các hệ giá trị văn hóa dân tộc, nhất là Đạo giáo và Phật giáo, mặc dù cho đến trước thế kỷ thứ X, chính quyền đô hộ Trung Quốc vẫn ngấm ngầm hoặc công khai lấy Nho giáo làm chỗ dựa. Tất nhiên, đặt trong bối cảnh của một trung tâm Phật giáo thì văn hóa Phật giáo phải đóng vai trò chủ thể trong sự "hội nhập" ấy. Nhưng xét bản chất giáo lý cũng như cách thức truyền bá giáo lý, Phật giáo vốn không lấy sự kỳ thị và cưỡng chế làm cứu cánh mà lấy hòa đồng làm cứu cánh (1), do đó cũng có thể nói mối quan hệ cộng hưởng giữa Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo trong phaỵm vi nhà chùa thời Lý-Trần đã diễn ra một cách hồn nhiên, tự nó, do khả năng thu hút, hoán cải, hoặc ảnh hưởng lẫn nhau, thâm nhập vào nhau đến một chừng mực nào đấy mà có, chứ không bị lợi ích thực tiễn của một thế lực xã hội nào chi phối, làm cho méo mó.

2. Nói như thế không có nghĩa là bỏ qua đi một điều kiện quan troỵng làm nhân tố tích cực trong cuộc hội nhập này : đó là quan điểm chính trị cởi mở của các chính quyền nhà nước dưới thời Lý-Trần. Cách hiểu "quan điểm chính trị cởi mở" cũng cần được xác định. Đây không phải là lòng tốt cá biệt, tự phát của một vị vua nào, muốn chứng tỏ rằng mình có bụng khoan hòa, và triều đại mình là thịnh trị, nên cho phép thần dân được tuỳ ý thiên Nho hay trọng Đạo. Mà quan điểm chính trị cởi mở nói ở đây là tư tưởng chung quán xuyến nhiều triều đại, do bản lĩnh và sự mẫn cảm phi thường của người nắm vận mệnh đất nước thấu hiểu được các yêu cầu của lịch sử và cũng được cụ thể hóa bằng các chủ trương, chính sách của triều đình. Nhờ thế, nó có tác dụng cố kết lòng dân, giải tỏa dần mọi ức chế, ổn định tâm lý xã hội, và đưa các hệ thống giáo lý vốn rất xa cách kia xích lại gần nhau.

Dưới thời nhà Lý, các triều vua đều rất tôn sùng đạo Phật, nhưng cũng biết đánh giá cao địa vị của Đạo giáo, và cả những tín ngưỡng lâu đời trong dân, như tập tục thờ "thần thiêng" ở những nơi ghềnh cao vực thẳm. Triều đình vừa cho dựng chùa, lập quán, xây đền miếu, vừa cấp độ điệp cho sư sãi, đặt giai phẩm cho tăng đạo, lại sắc phong cho hàng loạt vị thần (2). Câu chuyện hội kiến giữa Thiền sư Giác Hải, Đạo sĩ Thông Huyền với vua Lý Nhân Tông còn để lại một truyền thuyết lý thú và một bài thơ thù tặng rất đẹp lời của nhà vua mà sách Thiền uyển tập anh và Nam Ông mộng lục đều có ghi lại :

Giác hải lòng như biển,
Thông Huyền đạo rất huyền.

Thần thông kiêm biến hóa,
Một Phật một thần tiên (3).
(Phạm Trọng Điềm dịch)

Song điều cần nhớ là nhà Lý cũng chính là một triều đại bắt đầu xây đắp nền móng cho đạo Nho. Việc nhà nước cho dựng Văn Miếu năm 1070, và mở Trường Quốc tử giám 5 năm sau đó, nói lên rằng Nho giáo đã được nhận thức đúng vai trò, trong yêu cầu xây dựng một bộ máy quản lý hành chính ngày càng hoàn bị.

Còn các vua Trần thì không những lo củng cố Phật giáo, tổ chức nên một giáo hội Phật giáo thống nhất từ triều đình cho đến thôn xã, không những lo kiện toàn các khoa thi Nho giáo để đào tạo nhân tài, mà điều quan trọng là còn biết chuẩn bị nền tảng cho sự ra đời một đội ngũ thượng lưu trí thức vừa giỏi Nho vừa tinh thâm cả Đạo và Phật, đáp ứng được mọi yêu cầu đa dạng của đời sống chính trị, xã hội, và cả cái nhu cầu vi diệu của tâm linh. Ta đã biết nhà Trần thường mở các khoa thi Tam giáo, nhưng hình như chưa mấy ai băn khoăn rằng các khoa thi này mở ra là cốt để cho ai? Người tu hành hay người thế tục? Nếu là mở cho giới tu hành thì thực vô lý, vì có ai lại đi kiểm tra một nhà sư về giáo lý của Nho và Đạo vốn không hề có trong các khóa lễ nhà chùa. Chỉ có thể nghĩ rằng khoa thi Tam giáo là mở ra cho người làm chức việc của triều đình : để họ có một tri thức tổng hợp, và khỏi rơi vào lúng túng, đơn giản khi khu xử việc đời, mà chắc chắn trong sinh hoạt của dân chúng thuở bấy giờ, việc đời cũng xuyên chéo với việc đạo. Ngay từ đời Trần Thái Tông, quan điểm dung hợp cả Phật và Nho đã được ông phát biểu rất rõ : "Trẫm thầm nhủ : Phật không chia Nam Bắc, đều có thể tu mà tìm; tính người có trí ngu, cùng nhờ giác ngộ mà thành đạt. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê muội, con đường tắt sáng rõ lẽ tử sinh, ấy là đại giáo của đức Phật. Đặt mực thước cho hậu thế, làm khuôn mẫu cho tương lai, ấy là trách nhiệm của tiên thánh (Nho). Cho nên Lục Tổ có nói : "Bậc đại thánh (Nho) và đại sư (Phật) đời trước không khác gì nhau". Như thế dù biết đại giáo của đức Phật ta phải nhờ tiên thánh mà truyền lại cho đời. Thế thì nay lẽ nào trẫm không coi trách nhiệm của tiên thánh là trách nhiệm của mình, giáo lý của đức Phật là giáo lý của mình ư?" (Tựa Thiền Tông chỉ nam - Nguyễn Đức Vân và Băng Thanh dịch) (4). Sau này, đến đời Trần Nhân Tông, nối chí ông nội, đánh xong giặc Nguyên Mông ít lâu bèn cởi áo hoàng bào đi tu, làm vị tổ đầu tiên của Giáo hội Trúc lâm Yên Tử; nhưng ông vẫn không quên kiên nhẫn rèn luyện phẩm cách một bậc "nhân nhân quân tử" cho ông vua kế vị (5), và nêu cao nghĩa khí

nhà Nho của hàng ngũ bề tôi rường cột của triều đình; mặt khác, ông cũng lo tổ chức cho nhiều đại thần công khanh thụ giới Ưu bà tắc, tức là không xuất gia nhưng vẫn làm Phật tử tại gia. Đặc biệt, chủ trương dung hợp Nho, Phật, Đạo của các vua Trần thời này lại không hề đi kèm với những biện pháp cứng rắn, mệnh lệnh, mà được thực hiện khá uyển chuyển, lấy việc thuyết phục và tự nguyện làm phương châm hàng đầu. Khi vua Trần Anh Tông (1293-1320) (6) viết bài thơ Chiêu ẩn rủ Nguyễn Trung Ngạn đi tu, ông không theo, nhà vua cũng không ép. Và Trần Thì Kiến, một vị đại thần khác, có lẽ đã nói lên được cái ý nghĩa sâu xa của việc dung hợp Phật-Nho bằng những câu thơ thâm thúy :

Rừng suối phải đâu là đại ẩn,
Chùa nhà ấy mới thực chân tu (7).
(Tặng An Lãng tự Phổ Minh thiền sư
Nguyễn Đổng Chi dịch)

Chính là từ một sự chuẩn bị tốt đẹp như trên mà đến khoảng đời Trần Minh Tông (1314-1357), một tầng lớp sĩ phu đông đảo với tất cả cốt cách tài hoa, sự sắc sảo, năng động, biết ứng phó trước mọi tình thế, đã xuất hiện ồ ạt như một lực lượng xã hội định hướng (groupe social d'orientation) làm rường cột cho sự phát triển của đất nước mà Đại Việt sử ký toàn thư phải gọi là "nhân tài đầy dẫy" (8), và Lê Quý Đôn cũng nhắc đến với lòng kính trọng: "Bởi vì nhà Trần đãi ngộ sĩ phu rộng rãi mà không bó buộc, hoà nhã mà có lễ độầ, cho nên nhân vật trong một thời có chí khí tự lập, hào hiệp, cao siêu, vững vàng, vượt ra ngoài thói thường, làm rạng rỡ sử sách" (9). Lê Quý Đôn tuy hình dung họ như những khuôn mặt nhà Nho tiêu biểu, nhưng muốn hiểu được sức mạnh tinh thần của những con người ấy, chắc chắn phải nhìn sâu hơn vào những nhân tố kết hợp hài hòa bên trong mà phải một quá trình dài mới có thể hình thành.

3. Trở lại với câu chuyện chùa Quỳnh Lâm. Có một chi tiết được Đại Việt sử ký toàn thư ghi chép mà nhiều người đã sơ ý bỏ qua, là cũng khoảng dưới đời Trần Minh Tông, chùa Quỳnh Lâm từng có một vị "Giám tự" nổi tiếng "bài Phật": Trương Hán Siêu, một nhà Nho nhiều uy tín (10). Chế độ "Giám tự" là dành cho các loại chùa "quốc tự' - chùa công, do nhà nước quản lý. Ta không rõ triều đình cử Trương Hán Siêu trông coi chùa Quỳnh Lâm là với dụng ý gì, nhưng chắc chắn không phải muốn lợi dụng tư tưởng bài Phật của ông để gây áp lực với

nhà chùa, bởi Quỳnh Lâm lúc đó nằm trong số vài ba Thiền viện danh tiếng đếm được trên đầu ngón tay, mà cả hoàng đế lẫn vương hầu đều rất tin cậy. Vậy thì, cũng như điều đã luận giải, chỉ có thể hiểu rằng, khi cử Trương Hán Siêu về đây, triều đình nhà Trần đã không nghĩ phải có sự đồng nhất về chính kiến, quan điểm mới đủ tiêu chuẩn. Đối với họ, chính kiến cá nhân là một chuyện, mà trách vụ triều đình lại là một chuyện khác. Mặt nữa, biết đâu các vua Trần đã không có dụng ý đưa một nhà Nho kích bác Phật giáo như Trương Hán Siêu đến hòa nhập vào cộng đồng Phật giáo tại Quỳnh Lâm để nhờ đó, thanh lọc bớt tư tưởng cực đoan vốn có nơi ông. Nếu quả như vậy thì dụng ý của nhà vua đã đạt được một kết quả khả quan. Trong vòng mấy năm cuối đời, tư tưởng Trương Hán Siêu dường như đã có chiều thay đổi:

Đời lênh đênh trước khác nay,
Thân nhàn mới biết trước ngày lầm to (11).
(Dục Thuý Sơn - Trần Văn Giáp dịch)

Rõ ràng, không thể không thừa nhận sự cởi bỏ những ràng buộc khắt khe về hệ tư tưởng, khuynh hướng tự do thoải mái trong một chừng mực nhất định trong việc chuyển đổi quan niệm nhất nguyên chính thống thành sự hỗn dung, đa nguyên về tư tưởng, đã giúp cho hiện tượng hội nhập văn hóa ở thời Lý-Trần, từ mỗi con người cụ thể, mỗi địa bàn sinh hoạt văn hóa cụ thể, cho đến đời sống cộng đồng nói chung, đều diễn tiến chóng vánh, thuận lợi, nhịp nhàng và sinh sắc hơn. Trong các kết quả tích cực đó, tất nhiên có sự hội nhập văn hóa ở chùa Quỳnh Lâm.

4. Nhưng ngày nay, muốn xem xét cụ thể sự hội nhập văn hóa ở trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm dưới thời Lý-Trần, ta khó lòng dựa vào các nguồn tài liệu trực tiếp, chẳng hạn dấu tích tờ cúng, kinh sách tụng niệm, các loại bi ký, hệ thống tượng cổ, và kiến trúc chùa chiền... Những tài liệu này đã bị huỷ hoại khá triệt để sau bao nhiêu thế kỷ chiến tranh và tàn phá. Ta chỉ có thể sử dụng một phương pháp gián tiếp : lần theo dấu chân những nhân vật tiêu biểu đã từng gắn tên tuổi của mình vào lịch sử ngôi chùa, và thông qua hành trạng, tư tưởng, và văn thơ của họ mà kiểm xét các dấu ấn văn hóa họ đã mang tới cho chùa Quỳnh Lâm. Dựa vào tập tục "truyền đăng" (nối đèn tổ) của Phật giáo, ta có thể tin là những con người này, nếu quả là những nhân vật có bản sắc phi phàm, thì nhất định thế nào cũng để lại một ảnh hưởng đậm nét, ít nhất là dăm ba thế hệ những người kế thế. Và công phu bồi

dắp của họ, trước sau dần già sẽ làm cho các lớp nền văn hóa hội tụ lại ở chùa Quỳnh Lâm ngày một dầy thêm mãi. Ở đây, ta chỉ giới hạn trong một số nhân vật đã có mặt tại chùa Quỳnh Lâm vào thời Lý-Trần.

Người thứ nhất đến với chùa Quỳnh Lâm không được chính thức ghi trong sách vở thực lục của nhà nước Đại Việt, nhưng lại được nhiều truyền thuyết dân gian lưu lại, là một vị sư đời Lý: Không Lộ. Tương truyền ông là người có công khởi dựng chùa Quỳnh Lâm vào giai đoạn đầu. Ngay tấm bia lớn trước sân chùa, tuy văn bản bị khắc lại đã rất lủng củng, vẫn còn những dòng chữ xác nhận công lao của con người này từng đúc nên pho tượng Di Lặc cao 6 trượng 6 thước tại chùa Quỳnh (12). Theo Thiền uyển tập anh thì Không Lộ là Thiền sư thuộc thế hệ thứ chín dòng Thiền Vô Ngôn Thông. Nhưng theo hành trạng của Không Lộ trong cả một hệ thống tài liệu phônclo (folklore) tồn tại từ thời Lý-Trần đến nay (13), thì ông lại là người có nhiều phép thuật. Ở đây, ông gắn bó như hình với bóng với một cái tên khác : Nguyễn Minh Không - người đã từng chữa cho vua Lý Thần Tông khỏi căn bệnh hiểm nghèo hóa hổ. Có thể thấy Nguyễn Minh Không phônclo hóa chính là con số cộng giữa một Không lộ Thiền tông và một Không Lộ Mật tông mà có. Nhưng có phần chắc, điểm xuất phát đầu tiên của cái thần lực siêu việt của vị sư Minh Không này chính là nguồn tín ngưỡng bản địa rất phong phú trong đời sống người Việt, nó không tách rời khỏi mọi thứ bùa chú dân gian, cũng như về mặt tư tưởng, nó thấm đậm triết lý dân gian của dân tộc Việt Nam. Rất có thể là với Không Lộ hay còn sớm hơn thế, cũng đã bắt đầu hình thành lễ hội chùa Quỳnh Lâm, vì một lễ hội Phật giáo bao giờ cũng thu hút tinh tuý từ trong phong tục các lễ hội dân gian thời cổ đại, mà dễ thấy nhất là triết lý phồn thực, gửi gắm khát vọng sinh sôi nảy nở không ngừng của con người sống trên địa bàn trồng lúa nước, và cái cảm hứng thiêng liêng, thần thánh, trước vẻ đẹp bất tận của sự sinh thành. Một vài bài ca dao, thơ vịnh còn truyền tụng ở vùng quanh chùa Quỳnh cho thấy Phật giáo đã không ngại tiếp thu cái phần phóng khoáng, cởi mở, rất "người" ấy trong các lễ hội phồn thực dân gian dân tộc, trộn lẫn nó với các nghi thức tôn giáo, khiến cho lễ hội chùa Quỳnh có sức cuốn hút vô số nam thanh nữ tú, gây được một tiếng vang xa rộng và được duy trì cho mãi đến gần đây:

Nức tiếng Quỳnh Lâm khắp xứ Đông,
Ai qua không đứng lại mà trông.
Tháp cao chín đợt màu mây ám,
Chùa rộng trăm gian gác ngựa lồng.

Trước điện thông reo cùng trúc múa,
Trong am khánh đá với chuông đồng.
Vua tu Phật hóa vui vui nhỉ,
Chả trách ngày xưa gái lộn chồng (14).

Bên cạnh triết lý phồn thực, các truyền thuyết chung quanh Không Lộ còn mang đến cho sinh hoạt Phật giáo Quỳnh Lâm một mảng văn nghệ dân gian chứa đựng không ít ý nghĩa thâm thúy, và có những phần tương đồng về mặt loại hình với văn nghệ dân gian ở những vùng khác. Trong kho truyền thuyết, cổ tích của nhân dân ta, có một loại truyện thường dùng thủ pháp khuyếch đại nhưng không hẳn là ảo hóa mà ta tạm gọi là "phép thắng lợi tinh thần". Cốt lõi sâu xa của loại truyện này vẫn là bản chất lạc quan pha chút hài hước của người nông dân, muốn phản ánh cái ước vọng đôi khi chỉ là ảo vọng về một hiện thực mà mình muốn chiếm lĩnh, nhưng trên thực tế lại thường diễn ra ngược lại. Triết lý này càng dễ lan xa, dễ ăn sâu vào cảm quan nghệ thuật của đại chúng, khi đặt trong trường kỳ lịch sử, dân tộc chúng ta luôn luôn ở vào tình thế phải đối phó với một kẻ thù phương Bắc mạnh hơn mình gấp bội, nên để giành cái "được" cơ bản, lúc này lúc khác không thể không cam nhận những cái "mất" ít cơ bản hơn. Câu chuyện Nguyễn Minh Không mang một cái túi khổng lồ, thu gom đồng ở Trung Quốc đem về nước đúc nên "An Nam tứ khí" mà tượng Phật Quỳnh Lâm ở trong số đó, không hiểu nguyên uỷ thế nào (có thể thuộc loại truyện anh hùng lực sĩ thời khuyết sử còn để dấu vết lại), nhưng từ bình diện triết lý dân gian thâm thúy như đã nói, thì phải chăng đáng được xếp vào loại biểu tượng "nghịch đảo" kiểu này : cái gì đạt được trong nghệ thuật tức là không đạt được trong thực tế, hoặc tệ hơn nữa, trong thực tế nó đã bị mất đi. Bởi vậy, lời gởi gắm sâu kín trong câu chuyện có giá trị như một ước nguyện cao sâu của nhiều đời, một sự nhắc nhở lâu dài đối với các thế hệ con cháu, mà đến nay xem ra vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự.

Tóm lại, với hệ thống truyền thuyết bao quanh Nguyễn Minh Không hay Không Lộ, với những thơ văn, truyện dân gian còn giữ được xung quanh Lễ hội chùa Quỳnh, quả thực có một lớp nền văn hóa bồi đắp nên bề dày đầu tiên của trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm cần được chúng ta chú ý : lớp nền văn hóa phônclo bản địa cổ truyền mà dòng Phật giáo dân gian hóa từ rất xa xưa đã biết tiếp thu, thừa hưởng khá trọn vẹn.

5. Người thứ hai sau Thiền sư Không Lộ xứng đáng được xếp

vào hàng sáng nghiệp đối với chùa Quỳnh Lâm là Thiền sư Pháp Loa thời Trần. Trong Trúc Lâm tam tổ, Pháp Loa là vị tổ thứ hai, một người rất có tài về tổ chức. Cũng vì thế, sự hiện diện của ông là một may mắn lớn, khiến cho chùa Quỳnh Lâm có một bước đột khởi về cơ bản : đang từ một ngôi chùa bình thường, nó trở thành một "quốc tự" bề thế, lớn lên rất nhanh về quy mô và tài sản, cũng giành được sự viếng thăm và ưu đãi quá mức bình thường của tầng lớp quý tộc vương hầu, nhất là dưới hai triều vua Trần Anh Tông và Trần Minh Tông. Nhưng điều đáng nói hơn là với Pháp Loa, Quỳnh Lâm bắt đầu có thêm phần Thiền viện, tức là một giảng đường để giảng tập kinh sách Thiền tông. Cái tên Viện Quỳnh Lâm bắt nguồn từ đây. Bước ngoặt quan trọng này sẽ đưa Quỳnh Lâm bước sang một thời kỳ mới, đích thực đóng vai trò một trung tâm văn hóa Phật giáo : lo việc đào tạo tăng ni, thực hành các nghi thức thụ giới, tổ chức in kinh Đại Tạng, mở các buổi giảng tập kinh sách, truyền bá giáo lý Phật học... Đồng thời, ngay trong phương pháp thuyết giảng, có phần chắc các thế hệ sư tổ cũng phải tìm được những phương thức kết hợp mới mẻ để lôi cuốn đệ tử ngày càng tìm đến với mình. Theo Lưu Đại Kiệt thì việc truyền giảng kinh Phật ở các chùa chiền Trung Hoa thời cổ đại tuyệt không bao giờ mang hình thức khô khan cứng nhắc kiểu thầy giảng trò nghe của các trường phái triết học thời Bách gia chư tử. Mà luôn luôn, kinh Phật được biến cải theo hướng cổ tích hóa, và người thuyết giảng cũng phải kiêm cả việc "diễn xướng", vừa làm điệu bộ, vừa mượn các lời ca, điệu nhạc đệm vào lời giảng, làm sinh động cho buổi giảng của mình. Lưu Đại Kiệt đã dẫn lời Tuệ Hạo kể lại một cuộc đăng đàn thuyết pháp của vị "đạo sư" : "Bàn về vô thường thì khiến cho từ nội tâm đến ngoại hình đều run lẩy bẩy; nói về địa ngục thì sợ hãi đến nỗi giọt lệ vòng quanh; dẫn nhân duyên xưa thì như nhìn thấy vãng nghiệp hiển hiện; trình bày hiện kiếp thì tự mình biểu thị quả báo đang đến; nói về an lạc thì sảng khoái vui mừng; kể chuyện buồn đau thì khóc than chua chát. Nhờ đó, khiến chúng sinh phải mũi lòng, cả giảng đường đều thương xót; ngũ thể rạp xuống chiếu, dập đầu bày tỏ nỗi ai hoài; người nào người ấy đều búng tay hân hoan; ai ai cũng xướng lên lời tụng Phật" (Cao tăng truyện) (15).Ưu thế của cách thuyết pháp sinh động này không phải chỉ riêng có ở các Thiền viện Trung Hoa mà cũng được phát huy cả ở các Thiền viện của Đại Việt. Điều này giải thích vì sao Phật giáo Việt Nam tiếp nhận một cách hào hứng các lễ hội dân gian cổ truyền mà vẫn không biến chất, và sự quy tụ của khách thập phương, dù rất phóng túng, thoải mái, nhìn chung vẫn lấy mục đích "ngộ đạo" làm đầu. Thiền viện chính là cái cầu nối dẫn dắt lễ hội

đi vào quy củ, là phần linh hồn của lễ hội, và cũng là cơ sở cho những sáng tạo, cải cách, "hiện đại hóa" nghi tiết của lễ hội. Xét về phương diện đó, sự hội nhập văn hóa ở Quỳnh Lâm kể từ khi Thiền viện thành lập tại đây đã đạt đến trình độ cao hơn thời Không Lộ rất nhiều. Yếu tố bác học của Phật giáo nhà chùa đan cài vào yếu tố dân gian và cùng song song phát triển. Công lao hàng đầu phải thuộc về Pháp Loa.

Theo sử sách truyền lại thì Pháp Loa là người được Trúc Lâm Điều Ngự rèn cặp kỹ lưỡng để đào tạo thành một người thuyết pháp trọng yếu của Giáo hội Trúc Lâm. Ta không rõ ông có biết "diễn xướng" sành điệu được như lời nhà sư Tuệ Hạo hay không, nhưng qua 4 bài văn ông còn để lại trong Tam tổ thực lục, ngờ là bài giảng của ông về Phật học, cũng có thể thấy được trình độ uyên bác của một vị Thiền sư thấm nhuần giáo chỉ, cả sự già dặn trong kinh nghiệm của một bậc thầy. Trước mắt Pháp Loa có đến mấy thế hệ học trò, trình độ rất khác nhau. Vậy mà với mỗi loại, Pháp Loa đều có cách giảng riêng, phù hợp với khả năng tiếp thu của từng loại. Ông có thể nói những lời rất bình thường, giản dị, đủ cho người mới tu hành hiểu rõ lẽ đạo. Chẳng hạn ông nói về phép chọn bạn: "Phép chọn bạn thì gồm có hai: trước là loại bạn không thể gần gũi, sau là loại có thể gần gũi. Không thể gần gũi thì tăng có bốn hạng tăng si : một là tăng tham lam, hai là tăng độc ác, ba là tăng càn rỡ, và bốn là tăng không có lòng tin. về sư có bốn hạng sư tội lỗi: một là sư không chính đính, hai là sư ngoại đạo, ba là sư ghen ty, và bốn là sư tiểu tâm (16). Về bạn thì có bốn loại kém : một là theo phép Tiểu thừa, hai là tham cầu phú quý, ba là phân biệt ta và người, bốn là không có cái tâm trí tuệ. Những hạng người như vậy là không thể gần gũi được. Còn về loại có thể gần gũi được thì về tăng có sáu hòa: thân hòa cùng ở, miê.ng hòa không cãi, ý hòa không trái, kiến hòa cùng tỏ bày, điều răn hòa cùng tu, điều lợi hòa cùng chia sẻ. [...]. Về bạn có bốn loại hơn mình: một là theo học Đại thừa, hai là đọc rộng kinh điển, ba là can ngăn điều vô ích, và bốn là giúp nhau trong khó khăn hoạn nạn. Đó là những hạng người có thể gần gũi, cũng gọi là vào bậc gia hạnh vậy" (Yếu minh học thuật - Lê Hữu Nhiệm dịch) (17).

Những câu đại loại như trên ngày nay đọc lại thực không có gì khúc mắc, tưởng như Pháp Loa chỉ là một ông thầy sãi có học thức trung bình. Nhưng ta sẽ rất ngạc nhiên khi đọc sang những bài giảng khác, bắt gặp một Pháp Loa khác hẳn, với những cách lý giải hết sức trừu tượng về các phạm trù triết lý như "hữu vô", "sắc không", "thân tâm", "thể tính" v.v... Đối tượng giảng giải của ông giờ đây là những người đã có một công phu tu tập khá thâm hậu.

Ở những trường hợp này, Pháp Loa đã không ngại đưa ra những thuật ngữ mới lạ như "pháp pháp", "hữu hữu", "sinh kiến"... làm rối trí người nghe, mà mục đích chính là làm cho người nghe từ trong sự mông lung của khái niệm mà vỡ bùng chân lý. Chẳng hạn, ông nói về nhận thức tương đối trong cái gọi là "sự thực hữu của tính": "Người học Phật, trước tiên cần thấy tính. Thấy tính không phải là nói về cái có thể nhìn thấy. Cho nên, nhìn thấy "cái thấy không thể thấy" thì chân tính sẽ hiện ra. Bản tính của cái thấy là vô sinh, nên cái thấy sinh nẩy là không có. Cũng không có sự thực hữu của tính, mà cái thấy chân thực thì không thay đổi, cho nên mới nói: thấy tính một cách chân thực" (Thượng thừa tam học khuyến chúng phổ thuyết - Huệ Chi dịch) (18). Hoặc chỗ khác, ông nói về tương đối luận trong quan hệ giữa hữu và vô của pháp: "Luôn luôn tự mình suy nghĩ: thân từ đâu tới? Tâm từ đâu thành? Tâm đã không có thì do đâu mà có thân? Thân và tâm đều không có thì pháp từ đâu mà có? *Pháp đã không phải là cái hữu có thực thì vô cũng có duyên cớ từ hữu.* Hữu không phải là cái có hiện hữu, vậy thì cái có hiện hữu lấy gì mà có được? Cái có hiện hữu đã là không, vô cũng có phép tắc của hữu, pháp là bắt chước cái không pháp, vậy thì cái pháp tự nó là dựa vào đâu? Không có căn cứ, không có chỗ dựa, pháp chẳng phải là cái pháp tự nó. Cái pháp đó không phải là thực cũng không phải là không thực. Có được thực pháp chứng ngộ thì mới có năng lực chứng ngộ nhập Thiền" (như trên) (19). Khác hẳn đoạn văn bình dị trích dẫn trước, hai câu trích dẫn sau đã chứng tỏ tuệ lực siêu việt của Pháp Loa.

Tuy nhiên, cần để ý là dù trình bày giáo lý dưới hình thức cụ thể, giản đơn hay trừu tượng, sâu sắc đến đâu, Pháp Loa luôn luôn đứng vững trên quan điểm của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần - một quan điểm nặng phần nhập thế, hiện hữu, và không quá cứng nhắc trong phương thức tư duy, cũng khống để cho mọi hình thức tu hành trói buộc mà xóa bỏ mất bản ngã. Pháp Loa dặn người đi tu đừng quên báo hiếu công ơn cha mẹ, như kinh Báo ân phụ mẫu đã dặn, nghĩa là đừng tách biệt lẽ đời và tu đạo; Pháp Loa cũng khuyên người đi tu phải nhìn sâu vào bên trong mình, rèn luyện, an định cái tuệ của chính mình, "dài lâu hay chóng vánh, hết thảy các cửa tam muội đều từ trong mình mà tỏa ra, nhất nhất đều đầy đủ. Tuệ đã đầy đủ thì bố thí ra chúng sinh, nguyện lực vô cùng" (như trên) (20). Một chỗ khác, Pháp Loa còn căn dặn kỹ càng người tu hành trước hãy nghe đạo cho thấu đến phần cốt tuỷ, để khỏi rơi vào chỗ bắt chước cái bề ngoài, vì bắt chước cái bề ngoài thì không bao giờ có thể đắc đạo cả: "Nay thấy kẻ có học nhưng chưa "nghe đạo" đã vội xưng là tu đạo, thế thì tu đạo gì vậy? Bậc cổ

đức từng nói: "Ăn được một vài cuống rau đã tự cho mình là ăn chay theo đạo tổ". Ngài lại dạy: "Như con trâu suốt đời ăn cỏ, có bao giờ thành Phật được đâu?". Cho nên ngài Tuệ Trung có câu:

Ăn thịt và ăn cỏ,
Chúng sinh từng loài đó.
Xuân về trăm cỏ sinh,
Họa phúc nào đâu có"
(Yếu minh học thuật
Lê Hữu Nhiệm dịch) (21).

Có thể nói, với tư tưởng Thiền học sâu rộng mà biểu hiện không chấp nhất, với một phương pháp truyền giảng uyển chuyển, lúc cao siêu lúc phổ cập nhưng đều thích hợp với mỗi loại đối tượng cụ thể, Thiền sư Pháp Loa đã biết cách chinh phục tín đồ từ khắp mọi giới để hoằng dương Phật pháp. Ông xứng đáng là người đã kiến tạo nên lớp nền thứ hai, lớp nền văn hóa Phật giáo chủ yếu ở chùa Quỳnh Lâm, có tác dụng biến chùa Quỳnh Lâm thành một trong ba trung tâm Phật giáo lớn nhất của Giáo hội Phật giáo Trúc lâm đời Trần.

6. Nhưng nếu chúng ta chỉ dừng lại ở đây thì sự hiểu biết về trung tâm văn hóa Quỳnh Lâm sẽ chưa thể gọi là đầy đủ. Bởi vì cái tên Quỳnh Lâm trong lịch sử không phải chỉ bao gồm hai phần: Quỳnh Lâm tự và Quỳnh Lâm viện mà còn bao gồm một phần thứ ba - đó là Bích Động am. Mà nói đến Bích Động am hẳn không ai quên nơi đây đã hình thành một thi xã nổi tiếng, từng tổ chức những cuộc đàm đạo văn thơ lôi cuốn được không ít nhà thơ có tên tuổi thời Trần. Thi xã này có tên là thi xã Bích Động. và người đứng đầu thi xã Bích Động chính là Tư đồ Văn huệ vương Trần Quang Triều. Cho nên, nói đến Quỳnh Lâm, không thể không nhắc đến nhân vật quan trọng thứ ba này.

Trần Quang Triều không những gắn bó với chùa Quỳnh Lâm qua Bích Động thi xã, ông và vợ ông là công chúa Thượng Trân còn cung tiến phần lớn tài sản cho chùa Quỳnh Lâm. Sách Tam tổ thực lục cho biết, tháng Chạp năm 1317 khi bắt đầu tu tạo lại chùa Quỳnh, Văn huệ vương Trần Quang Triều đã làm thí chủ và cúng 4.000 quan tiền. Bia chùa Quỳnh Lâm thì lại chép số tiền này lên đến 40 vạn quan. Rồi đến tháng Chạp năm 1324, lại cũng sách Tam tổ thực lục ghi thêm : ông còn cúng 300 mẫu ruộng ở Gia Lâm, cùng số ruộng ở hai trang Động Gia và An Lưu, tổng cộng hơn 1.000 mẫu, và hơn 1.000 nô tỳ để

làm của tam bảo vĩnh viễn cho chùa Quỳnh Lâm. Nên nhớ món gia sản gồm ruộng và nô này là một con số không nhỏ, dù là đối với một vương hầu. Cho nên nếu các nhà sư đến với Quỳnh Lâm để tu hành đắc đạo thì thi sĩ Trần Quang Triều cũng đến với Quỳnh Lâm bằng tất cả tâm huyết của một người "hằng tâm hằng sản". Ông muốn giải phóng khỏi cuộc đời tù túng? Muốn gửi gắm cả phần hồn và phần xác cho nhà chùa? Muốn chọn thơ ca làm con đường đạt đến sự "diệu ngộ"? Hãy thông qua Bích Động thi xã để tìm câu trả lời.

Đặc sắc của trường thơ Bích Động là gì? Trước hết, ngày nay ta chỉ còn biết được 4 thành viên của Bích Động thi xã là Nguyễn Sưởng, Nguyễn Ức, Nguyễn Trung Ngạn và Trần Quang Triều. Và ta cũng không đọc được hết thi ca của họ, vì phần lớn đã bị mất mát. Nhưng qua số thơ còn lại, cũng như qua hành trạng của những người này, điều có thể rút ra là họ đều không phải là những tín đồ Phật giáo. Tuyệt không một ai bỏ đời sống trần thế để theo đuổi tu hành. Ngay Trần Quang Triều là người mà Đại Việt sử ký toàn thư có chép rõ rằng sau khi công chúa Thượng Trân vợ ông mất thì ông "ở vậy và xuất gia cho đến trọn đời" (22); nhưng cũng chính Đại Việt sử ký toàn thư sau đấy đã chép tiếp, vào năm 1324, "Văn huệ công Trần Quang Triều được cử giữ chức Nhập nội kiểm hiệu Tư đồ" (23) và một năm sau nữa thì "Tư đồ Văn huệ công Quang Triều mất lúc 39 tuổi" (24). Thế có nghĩa là Trần Quang Triều trước khi làm Tư đồ đã không hề xuất gia và đang làm Tư đồ thì mất tại chức, nên cũng không kịp xuất gia. Xem xét lại lịch sử trong suốt các triều vua Trần, ta chưa thấy có tiền lệ một người nào được cử ra giữ chức Tể tướng mà lại là nhà sư. Điều đó chứng tỏ, sau khi vợ mất, Trần Quang Triều chỉ trở về am Bích Động sống cuộc đời một cư sĩ mà thôi, và Bích Động chính là một tổ chức thơ ca mang tuyên ngôn của một nhóm nhà Nho và cư sĩ chứ không phải Thiền sư, kể cả Nguyễn Trung Ngạn tuy có ra làm quan và hai lần đi sứ nhưng trong thơ văn thường nhắc đến rau thuần, cá vược như một nỗi cảm hoài canh cánh. Dĩ nhiên, nhóm nhà Nho - cư sĩ này vẫn có mối giao lưu mật thiết với các vị sư tại chùa Quỳnh Lâm và am Bích Động, và ảnh hưởng lẫn nhau giữa họ là khá rõ ràng.

Chủ trương của nhóm nhà Nho - cư sĩ này lấy việc đạm bạc với công danh làm lẽ sống. Hầu như bài thơ nào của họ cũng nói đến "nguội ngắt lòng danh lợi" và "mộng về vương vấn lòng". Tính chất hô ứng trong một số bài của người này và người khác được thể hiện khá nhịp nhàng, trở thành như một quan điểm chi phối nguồn cảm hứng của cả thi xã. Nếu Trần Quang Triều gửi gắm thái độ coi khinh miếng mồi đỉnh chung trong bài Điếu tẩu:

Thác biếc triều dâng sóng cá heo,
Mây lồng hơi lạnh tiếng bơi chèo.
Đồng Giang cần trúc từng xem nặng,
Hơn cả mồi câu vạc đỉnh treo (25).
(Phạm Tú Châu dịch)

thì Nguyễn Ức cũng nhắc lại ý này dưới hình thức thanh minh cho người phải ra làm quan bất đắc dĩ trong bài Điếu đài:

Muối mơ vạc Hán nhẹ dường tơ,
Trăng gió Đồng Giang sáng khoái thừa.
Chiếc áo lông cừu không tránh nổi,
Đành lưu danh lại với ngàn xưa (26).
(Đào Phương Bình dịch)

Cũng cần đặt câu hỏi: vì sao cả một thi xã xuất hiện trong giai đoạn nhà Trần đang hưng thịnh mà lại có thái độ quay mặt lại với công danh? Đây là một vấn đề cần nghiên cứu nghiêm túc, và không thể bằng lòng với một câu trả lời vội vã. Có thể bản thân vị chủ soái thi xã vốn là con cháu của dòng Trần Liễu, nhánh trưởng họ Trần, vốn có nhiều công lao nhưng cũng có không ít mặc cảm trong mối quan hệ đối với dòng thứ là dòng được nối nhau nắm giữ triều chính, nên dầu được trọng đãi, tâm trạng nguội lạnh thế sự vẫn được di truyền từ đời này sang đời khác, và in dấu lại ở người này người khác, mà ông là một chăng? Hoặc cũng có thể vào giai đoạn này, triều chính nhà Trần đã trở nên phức tạp, tuy chưa suy vong nhưng cũng báo hiệu một nguy cơ chia rẽ nội bộ, mà một phân số trí thức nhạy cảm đã tiên liệu được, trong đó có nhóm Bích Động thi xã của Trần Quang Triều? Chẳng phải chỉ sau khi Trần Quang Triều chết không lâu thì vụ án Trần Quốc Chẩn nổ ra như một tiếng sét bên tai, phơi bày rõ sự lục đục ngấm ngầm nội bộ từ lâu đấy hay sao? Đặc biệt trong thơ của Trần Quang Triều có một bài gần như lấp lánh một dự báo thiên tài, một sự khái quát thẩm mỹ đi trước thời đại, báo hiệu được sự suy vong không cưỡng nổi của nhà Trần. Bài thơ nhan đề là Trường An hoài cổ:

Núi sông còn đó nước xưa đâu?
Nắng xế gò cao bách giãi dầu.
Vương khí một thời chôn dưới cỏ,
Bướm đồng chao cánh dưới mưa mau(27).
(Huệ Chi dịch)

Bài thơ chắc chắn là nói về một triều đại đã qua, một triều đại tồn tại trước triều Trần, nhưng vì sao lại đặt tiêu đề là Trường An hoài cổ? Chúng tôi ngờ Trường An đây là Trường Yên tức Hoa Lư, Ninh Bình ngày nay, là kinh đô cũ của hai triều Đinh và Lê đã mất. Tuy nhiên, âm hưởng man mác không dứt của câu thơ và cái hình ảnh những cánh bướm liệng mãi dưới màn mưa nói rõ cảm hứng của người làm thơ đã không còn đóng khung trong khuôn khổ của đề tài mà đẩy tới một sự liên tưởng khác hẳn, liên tưởng về cái gì đang và sẽ xảy ra trong hiện tại. Đấy cũng là cảm hứng của Nguyễn Ức trong bài Bạc chu Ứng Phong đình ngẫu đề (Đậu thuyền bên đình Ứng Phong ngẫu hứng đề thơ) :

Thuyền buộc bên đình ngắm cảnh chơi,
Triều xưa, hành điện mất đâu rồi?
Oanh hoa chẳng biết trò hưng phế,
Quấy rối tình xuân mãi chẳng thôi (28).
(Đào Phương Bình dịch)

Từ một tiên cảm đúng hướng như thế phải nói thái độ xa lánh cuộc sống phồn hoa danh lợi của Bích Động thi xã nhìn chung là một thái độ lành mạnh. Đó là con đường dũng thoái của những Nho sĩ biết giữ mình trong thanh sạch, biết giới hạn và ngăn trước sự lạm phát dục vọng của mình. Từ đây, có thể nói đến một sắc thái thứ hai của trường thơ Bích Động thi xã là sự quay về, buông thả cái "tôi" trữ tình trong vẻ đẹp cuốn hút của thiên nhiên. Nếu việc miêu tả nghệ thuật bức tranh thiên nhiên chưa bị gò bó trong các ước lệ của nghệ thuật phong kiến là thành tựu lớn của thơ ca Lý-Trần thì thơ thiên nhiên của Bích Động thi xã là một trong những thành tựu ấy. Bài thơ nào của họ cũng là những bức tranh sống thực, khiến người đọc tưởng như được ngắm không chán mắt, trong đó cảnh vật hiện ra với đủ mọi cung bậc và hương sắc. Có khi là màu vàng chói của quýt và bưởi chen lẫn màu xanh biếc của dâu gai:

Đường đi trơn đá núi,
Khói độc lẫn mây ngàn.
Buồm khách ngoài mưa gió,
Chùa cao hứng nắng tàn.
Đất dâu gai xanh rợp,
Trời quýt bưởi đỏ chan.
Xe trẩy bâng khuâng nhớ,

Lòng về trĩu tâm can (29).
(Hoàng Châu đạo thượng tác
Trần Quang Triều. Huệ Chi dịch)

Có khi là cái âm hưởng ngân nga của tiếng ve và màu sắc trong ngần của một trời trăng lẫn với mùi hoa thông như vương vấn lòng người không dứt:

Nguội ngắt lòng danh lợi,
Am thiền rảo gót qua.
Xuân chầy, hoa mỏng mảnh,
Rừng thẳm, ve ngân nga.
Mưa tạnh, da trời biếc,
Ao trong, ánh trăng ngà.
Khách về sư biếng nói,
Thông rụng nức mùi hoa (30).
(Đề Gia Lâm tự
Trần Quang Triều. Huệ Chi dịch)

Ta hãy để ý: những bài thơ này đều mang rõ sắc thái "thi trung hữu họa" rất gần với thơ Vương Duy đời Đường. Trong thơ như có một con người cô đơn, không tìm quên mình trong tụng niệm mõ chuông mà tìm quên mình trong cảnh; có khi tìm quên chưa được nên vẫn hiện ra như một cái tôi trăn trở, nhưng cũng có khi đã đạt đến sự đạm nhạt đến mức nhòa tan hẳn mình đi. Đó chính là ý vị Thiền trong thơ của Bích Động thi xã, không kém gì thơ Thiền của Huyền Quang. Có lẽ đó cũng chính là dấu ấn của ảnh hưởng sâu đậm của trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm đối với cả nhóm thơ.

Tất nhiên, nói ảnh hưởng của tư tưởng Thiền tông đối với trường thơ Bích Động là một đặc điểm có thực, nhưng thơ thiên nhiên của Bích Động thi xã nhìn tổng quát vẫn là thơ của nhà Nho. và đây lại là thơ của những nhà Nho nhạy cảm với thời thế, rút lui mà không chán nản, bàng quan, đến mức gác bỏ ngoài tai mọi sự. Đó chính là đặc sắc thứ ba của Bích Động thi xã, khiến cho thơ ca của họ ít nhiều vẫn động đến thời thế và làm thành cái thần của nhiều bài thơ. Có khi đây chỉ là biểu hiện sự kín đáo, như một chút xao động của những cơn sóng lòng trong thơ Trần Quang Triều:

Ngày qua mây tự lững lờ,
Bách xanh um cạnh nhà thờ bấy lâu.
Mảnh lòng : đầm lạnh trăng thâu,

Mưa đêm : nghìn giọt lệ sầu vương hoa.
Dưới đài, cỏ rễ đường ra,
Trong thông, hạc nhớ cầm ca thuở nào.
Khôn nguôi biển rộng trời cao,
Tìm đâu giấc mộng đêm nao trước đèn (31).
(Đề Phúc Thành từ đường
Phạm Tú Châu dịch)

Có khi cảm hứng về thời thế bật ra trực tiếp hơn, trở thành một tình cảm rạo rực quy tụ lại ở chữ "dân", như cái cảm xúc trong một đêm nằm nghe tiếng chuông chùa Quỳnh của Nguyễn Sưởng khi ông trở lại am Bích Động đề thơ, bấy giờ vị chủ soái của họ vừa ra nhận chức Tể tướng như họ vẫn ước ao, nhưng lại cũng vừa đột ngột tạ thế làm họ khôn xiết tuyệt vọng :

Gió vờn trụ đá hạc lên tiên,
Mây phủ nhà tranh, rồng ngủ yên.
Chợt nghĩ đến dân rầu khúc ruột,
Chuông Quỳnh lạnh thấm ánh trăng đêm (32).
(Trùng đáo Quỳnh Lâm Bích Động am
lưu đề - Phạm Tú Châu dịch)

Và cái cảm hứng về dân rất sâu nặng này rốt cuộc đã là một hệ quy chiếu cơ bản để các thành viên trong thi xã Bích Động có được một sự đánh giá thống nhất mọi người và việc, từ cái chết của vị Tư đồ chủ soái của họ, cho đến công nghiệp của vị Thượng phụ Trần Thủ Độ, cho đến cả việc nhìn ngắm một dòng sông đã từng làm nên cả một chiến tích oai hùng :

Mồ thù như núi có cây tươi,
Sóng biển gầm vang đá ngất trời.
Sự nghiệp Trùng Hưng ai dễ biết?
Nửa do sông núi nửa do người (33).
(Bạch Đằng Giang - Nguyễn Sưởng.
Đào Phương Bình dịch)

Cảm quan thời thế của Bích Động thi xã ở đây rõ ràng đã không bị cảm hứng Thiền lấn át, trái lại chắc đã có lúc có nơi nó tác động trở lại và góp phần làm năng động hơn - thúc đẩy tính chất nhập cuộc rõ hơn - cái cảm hứng Thiền của các vị Thiền sư thi sĩ thời Trần. Và đây là

lớp nền văn hóa thứ ba, mang trong nó một màu sắc riêng, đóng góp vào cái di sản văn hóa chung của trung tâm văn hóa Quỳnh Lâm.

7. Tất cả sự hội nhập của ba nền tảng văn hóa tạo nên vốn văn hóa Quỳnh Lâm mà ta vừa trình bày là bằng chứng của một hiện tượng "chung sống hòa bình" thú vị của các hệ tư tưởng trái ngược trong suốt một thời đại thịnh trị dài đến 5 thế kỷ của lịch sử nước ta. Mặc dầu ngày nay tư liệu đã mất mát hầu hết, ta vẫn có thể hình dung được diện mạo khoáng đạt của con người thời đó, và cái khí hậu tự do dễ thở của một xã hội có sự bình đẳng bác ái giữa tầng lớp vương hầu với nhau cũng như giữa các tầng lớp dân chúng trong công xã (trừ đẳng cấp nô tỳ), nó là kết quả của sự chung sống tự nguyện này. Đúng như Giáo sư Đặng Thai Mai nói: "Bảo là đời sống hồi này là một đời sống tự do, một đời sống hoàn toàn bình đẳng thì e quá nhưng thiết tưởng nói rằng đời sống xã hội phong kiến thời này còn có những ngày dễ chịu, vui vẻ, gần gũi với nhau hơn các đời vua sau này thì cũng không phải là nói ngoa. Hồi ấy người ta biết sống vui trong tình thân, trong tin tưởng" (34).

Chỉ từ sau khi Lê Lợi phất cờ khởi nghĩa thắng lợi, rồi đến Lê Thánh Tông nối ngôi, đưa Nho giáo lên địa vị độc quyền, hiện tượng đa hệ phái nói trên mới dần bị xóa bỏ. Tuy vậy, xóa bỏ nhưng trong tâm lý lâu đời của người dân, không hẳn đã xóa bỏ ngay được. Cuộc đấu tranh thầm lặng nhưng dai dẳng giữa Phật, Đạo và Nho (thực ra là giữa Phật và Nho, vì Phật giáo dễ dàng liên kết với Đạo giáo, biểu hiện ngay trên Phật điện : bên cạnh bàn thờ Phật, bao giờ cũng có một tòa riêng thờ Mẫu) đã diễn ra ở Quỳnh Lâm cũng như bao nhiêu chùa chiền, Thiền viện khác. Không biết từ bao giờ câu ca dao sau đây xuất hiện trong đời sống tinh thần, tình cảm người dân Quỳnh Lâm, nhưng chính nó là bằng chứng của một sự thách đố gan lỳ giữa hai bên : Một bên là sự cuốn hút của lễ hội Phật giáo phóng khoáng của chùa Quỳnh, và một bên là thúc ước ngặt nghèo của lễ giáo nhà Nho đối với người phụ nữ, không bên nào chịu bên nào.

Một bên Phật giáo thách đố:

Quỳnh Lâm khánh đá chuông đồng,
Muốn chơi thì trả của chồng mà chơi.

Một bên nhà Nho thách đố lại:

Của chồng lắm lắm em ơi,

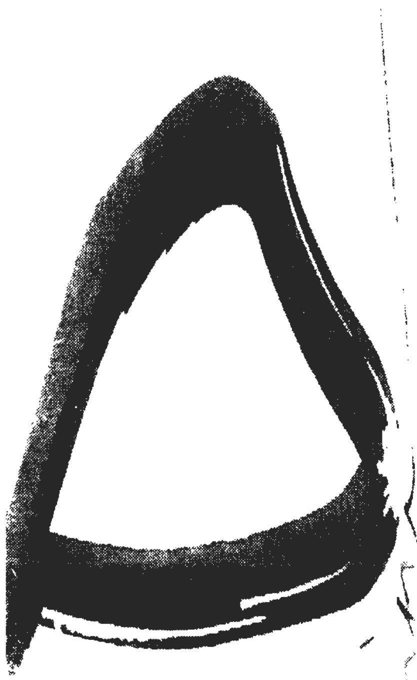
Bao giờ trả hết đi chơi chùa Quỳnh (35).

Và chính sự cực quyền về tư tưởng trong một thời kỳ dài, được chính quyền phong kiến bảo trợ công khai, sẽ làm cho cuộc đấu tranh không được giải tỏa mà cứ diễn ra ngấm ngầm không dứt.

NGUYỄN HUỆ CHI

Chú thích:

1. Phật giáo cũng có lúc cưỡng chế các tôn giáo khác, như Trần Nhân Tông từng đi các nơi kêu gọi phá bỏ dâm từ (Đại Việt sử ký toàn thư), nhưng chỉ là cá biệt.
2. Xem Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỷ, kỷ nhà Lý, các quyển II, III, IV.
3. *Thơ văn Lý-Trần, tập I.* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.
4. *Thơ văn Lý-Trần, tập II, quyển thượng.* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989.
5. Như việc Trần Nhân Tông bắt gặp Trần Anh Tông đang say rượu trong cung vào năm 1299, đã họp quần thần ở phủ Thiên Trường vờ bàn định phế truất, để răn con cảnh tỉnh. Xem Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỷ, quyển VI. Bản dịch của Cao Huy Giu, tập II. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972; tr. 84-85.
6. Chúng tôi tính cả thời gian những ông vua này đã lên làm Thái thượng hoàng.
7. *Thơ văn Lý-Trần, tập II, quyển thượng.* Sđd.
8. Xem Đại Việt sử ký toàn thư, bản dịch đã dẫn; tr.125.
9. *Kiến văn tiểu lục; "Tài phẩm".* Phạm Trọng Điềm dịch. Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962; tr.303.
10. Xem Đại Việt sử ký toàn thư - bản dịch đã dẫn; tr.156-157. Việc này phải xảy ra sau năm 1342 vì được chép sau việc ông giữ chức ở trấn Lạng Giang (vào năm 1342).
11. *Thơ văn Lý-Trần, tập II, quyển thượng.* Sđd.
12. Xem văn bia An Nam cổ tích danh lam đệ nhất Quỳnh Lâm Phật thiên trụ quốc triều bi ký. Sách Hải Dương dư địa chí thì nói Không Lộ đúc tượng đồng cao 8 thước 5 tấc. Bệ và tòa sen cũng cao như vậy.
13. Xem Lĩnh Nam chích quái và Nam Ông mộng lục.
14. Tài liệu sưu tầm của Tố Như và Phạm Đức Huân. Chúng tôi có đối chiếu và khảo đính giữa hai dị bản.
15. Lưu Đại Kiệt : Trung Quốc văn học phát triển sử, quyển trung. Cổ điển văn học xuất bản xã, Thượng Hải, 1958; tr.36-37.
16. Chữ "tiểu tâm" ở đây, theo chúng tôi, được hiểu nghĩa như tủn mủn.
17, 18, 19, 20, 21. Đều xem Thơ văn Lý-Trần, tập II, quyển thượng, Sđd.
22, 23, 24. *Đại Việt sử ký toàn thư, bản dịch đã dẫn; tr.107, 127, 128.*
25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33. Đều xem Thơ văn Lý-Trần, tập II, quyển thượng, Sđd.
34. *Thơ văn Lý-Trần, tập I, Sđd; tr.38.*
35. Tài liệu do chúng tôi sưu tầm tại Đông Triều năm 1971.





NGUYỄN HƯNG QUỐC

Phê bình phê bình

Trong một cuộc tán gẫu về văn học quanh một bàn nhậu ở Việt Nam, dịp tôi về thăm nhà vào cuối năm 2000, một người nghe đâu cũng làm thơ hỏi tôi:

"Nghe nói hình như anh có viết một cuốn sách về Võ Phiến?"

Tôi gật đầu xác nhận. Người ấy nói tiếp:

"Tôi không hiểu tại sao anh lại mất thì giờ như vậy. Tôi thấy Võ Phiến viết xoàng lắm."

Tôi kiên nhẫn:

"Anh có đọc Võ Phiến nhiều không?"

"Không. Trước năm 1975, tôi chỉ đọc vài bài viết của ông ấy trên báo thôi."

"Còn sau năm 1975 thì sao?"

"Không. Tôi không đọc gì của ông ấy cả."

Tôi nói cho qua chuyện:

"Sau năm 75, qua Mỹ, Võ Phiến viết nhiều lắm. Mới đây ông ấy

cho in bộ sách về văn học miền Nam dày đến 7 tập."

Nhà thơ nọ bỗng lên giọng, gay gắt:

"Tôi thấy ổng chỉ viết linh tinh."

Tôi ngạc nhiên:

"Ủa, anh đọc rồi hả?"

Nhà thơ nọ đáp, đầy tự tin:

"Chưa. Tôi không có bộ sách đó. Nhưng tôi có đọc mấy câu Võ Phiến phê bình Vũ Khắc Khoan được trích trong một bài báo đăng trên tờ gì đó ở Mỹ."

Thành thực mà nói, tôi không quan tâm đến việc nhà thơ vô danh nọ không đồng ý với tôi hay coi thường Võ Phiến. Một phần, qua buổi trò chuyện, tôi không đánh giá cao sự hiểu biết cũng như khả năng phán đoán của nhà thơ ấy cho lắm; phần khác, quan trọng hơn, cho dù sự bất đồng ấy đến từ một người thông minh và nhạy cảm hơn, tôi cũng cho là chuyện bình thường. Trong phạm vi văn học, có lẽ chỉ có những điều vớ vẩn nhất, tức những điều ngay cả những người không biết đọc và không biết viết cũng biết, mới hy vọng có thể được mọi người đồng ý. Tuy nhiên, tôi vẫn không ngớt ngạc nhiên về thái độ của nhà thơ ấy, một thái độ thô bạo và ngây thơ lạ thường. Thô bạo ở chỗ sẵn sàng công kích bất cứ ai nói khác điều mình nghĩ, và ngây thơ ở chỗ cả tin vào một vài câu trích dẫn bâng quơ đâu đó đến độ suồng sã nhảy xổ ra tranh luận về những cuốn sách anh chưa hề đọc.

Thái độ thô bạo và ngây thơ như vậy, tôi ngờ là xuất phát từ một sự ngộ nhận về phê bình và dẫn đến hậu quả là làm cho công việc phê bình các hoạt động phê bình cứ loanh quanh mãi trong vòng đàm tiếu vu vơ và vô bổ.

Điều đáng ngạc nhiên và cũng đáng lo ngại hơn là thái độ thô bạo và ngây thơ như vậy hình như lại khá phổ biến.

Vài ba tháng trước khi tình cờ gặp nhà thơ kể trên, tôi được một nhà văn thuộc loại khá có tiếng tăm ở California chuyển cho xem một xấp tài liệu của một diễn đàn văn nghệ được tổ chức qua hệ thống internet. Nội dung của xấp tài liệu ấy là cuộc thảo luận tập trung vào một bài phê bình bộ *Văn Học Miền Nam* của Võ Phiến. Đọc các ý kiến được trình bày trong cuộc thảo luận, tôi thấy rõ một điều: những người tham gia đều là những trí thức loại khá. Nhìn chung, ai cũng có vẻ am hiểu tình hình sinh hoạt văn học miền Nam trước năm 1975 và văn học hải ngoại sau năm 1975. Họ có lối lập luận khúc chiết, một lối diễn đạt mạch lạc và đặc biệt, một thái độ nghiêm túc, lịch sự và đầy nhiệt

tình. Tuy nhiên, điều khiến tôi ngạc nhiên nhất là cả những người đồng ý và bênh vực bài phê bình lẫn những người không đồng ý và phản đối bài phê bình ấy đều thú nhận là họ chưa hề đọc bộ *Văn Học Miền Nam* của Võ Phiến. Chưa hề đọc bộ sách, tất cả những cứ liệu người ta dùng để thảo luận với nhau một cách say sưa và... uyên bác là một số câu trích dẫn cụt đầu cụt đuôi trong bài phê bình nọ, một bài phê bình vốn đầy ác ý đối với Võ Phiến và được viết bởi một người, theo tôi, có một trình độ hiểu biết và cảm thụ văn học khá tầm thường. Chỉ dựa trên một nguồn tài liệu cực kỳ nghèo nàn và chắp vá như thế, những người tham gia vào diễn đàn nhiều khi phải suy diễn thêm, phải kết hợp với một số tin đồn họ thu nhận được đâu đó, cuối cùng, cuộc thảo luận càng lúc càng đi xa những gì Võ Phiến thực sự viết. Nói cách khác, những người trí thức và có vẻ như yêu thích văn học ấy đã bỏ rất nhiều thì giờ để thảo luận về những điều họ... nghe nói, trên cơ sở của những gì họ... nghe nói. Tôi cho một việc làm như thế, dù xuất phát từ những động cơ đầy thiện chí, vẫn là một chuyện ngồi lê đôi mách, một việc làm vô cùng nhảm nhí.

Không những nhảm nhí, nó còn phản văn học.

Chúng ta đã có chữ phản khoa học để chỉ thái độ thiếu tôn trọng các giá trị khoa học và đi ngược lại các phương pháp khoa học. Chữ phản văn học tôi dùng ở đây nhằm chỉ thái độ coi rẻ các đặc trưng cơ bản của văn học, đối xử với văn học như một cái gì không phải là văn học.

Đặc trưng cơ bản của văn học là gì? Có nhiều cách trả lời tuỳ theo những quan điểm khác nhau, tuy nhiên, có một điểm hầu như mọi trường phái phê bình hiện đại đều chấp nhận, đó là: tính không thể giản lược và không thể thay thế được của các tác phẩm văn học.

Với các nhà hình thức luận ở Nga, những kẻ xem nghệ thuật là kỹ thuật như tựa đề một bài viết nổi tiếng của Viktor Shklovsky "Art as Technique" (1), mục tiêu chính của nghiên cứu văn học là tính văn chương; yếu tính của tính văn chương nằm ở những sự vi phạm vào các thói quen để ngôn ngữ được lạ hoá; nơi thể hiện chính của tính văn chương là các thủ pháp nghệ thuật; và nơi tồn tại của các thủ pháp ấy chỉ có thể là văn bản. Với các nhà Phê Bình Mới, tác phẩm văn học là một cái gì có tính tự trị: để hiểu nó, người ta phải tiếp xúc trực tiếp với nó, căn cứ vào những yếu tố hình thức trong văn bản, chứ tuyệt đối không được đi qua bất cứ một thứ trung gian nào khác, kể cả tác giả (điều họ gọi là nguỵ luận về ý định, *intentional fallacy*) và độc giả (điều họ gọi là nguỵ luận về hiệu ứng, *affective fallacy*). Với các nhà cấu trúc luận, văn học không có gì khác hơn là ngôn ngữ; ngôn ngữ

không có gì khác hơn là các quan hệ; và các quan hệ ấy không có gì khác hơn là cách cấu trúc của văn bản. Sau này, các lý thuyết văn học hậu hiện đại đều phủ nhận tính khép kín và tính tự trị của văn bản, đều nhấn mạnh vào tính liên văn bản, và đều tin là bên trong hoặc đằng sau văn bản bao giờ cũng có sự hiện diện của vô số những yếu tố khác, từ ngôn ngữ đến lịch sử, văn hoá, chính trị, xã hội, phái tính, chủng tộc, v.v... Tuy nhiên, để tiếp cận với những yếu tố ấy, con đường duy nhất mà nhà phê bình phải đi qua là chính cái văn bản mà họ phê bình.

Văn bản văn học dù được xem là một chỉnh thể thống nhất và tự tại như chủ trương của các nhà Phê Bình Mới, hình thức luận và cấu trúc luận hoặc như một bức khảm của những trích dẫn (mosaic of quotations) như chủ trương của các nhà giải cấu trúc luận, hậu cấu trúc luận, hậu thực dân luận, nữ quyền luận, đều là một cái gì không thể thay thế được.

Như thơ, chẳng hạn. Đến với thơ là phải đến với văn bản thơ. Khi bị tóm tắt, tức là khi không còn là cái văn bản nguyên thuỷ của nó, thơ không còn là thơ nữa. Nó chỉ còn lại một ít sự kiện và ý tưởng trong khi ai cũng biết thơ không phải chỉ là sự kiện và ý tưởng. Bên cạnh sự kiện và ý tưởng, thơ còn có ngôn ngữ với những cách thức tổ chức đặc biệt của nó, từ việc khai thác các âm, vần, thanh điệu, cú pháp đến cách xây dựng hình tượng, đến cả cách trình bày trên trang giấy, v.v... Đó là hình hài của thơ, là da thịt của thơ, là nhan sắc của thơ, là... gần như tất cả thơ. Chính vì vậy, trước đây các nhà Phê Bình Mới đã cực lực phản đối việc diễn xuôi (paraphrase) thơ. Họ cho đó là điều bất khả.

Mà bất khả thật. Làm sao người ta có thể chuyển ra văn xuôi mà vẫn giữ được cái nét độc đáo trong hai câu thơ quen thuộc này của Xuân Diệu: "Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ / Hoa bưởi thơm rồi: đêm đã khuya"? Thế cụm từ "chưa xong nhớ" bằng bất cứ một hình thức diễn đạt nào khác, chẳng hạn,"chưa nguôi nhớ" nghe chừng hợp lý hơn, hương vị của câu thơ chắc chắn sẽ bị phai nhạt rất nhiều. Bởi vì chính chữ "xong" ấy đã làm cho chữ "nhớ" mới hẳn: từ một động từ diễn tả tâm tình nó trở thành một động từ diễn tả động tác, có tính vật lý và đầy sức nặng. Diễn ra văn xuôi, người ta có thể giữ được sự liên tưởng đến hai câu thơ nổi tiếng của Lý Bạch ngày xưa "Cử đầu vọng minh nguyệt / Đê đầu tư cố hương", từ đó giữ được tính liên văn bản và tính xuyên thời gian của văn học; có thể giữ được cái ấn tượng lửng lơ khi đằng sau động từ "ngắm" không hề có một đối tượng gì cả; có thể giữ được cái ám ảnh về không gian và thời gian bằng cách lặp

lại ở đầu câu trên hai động từ liên quan đến không gian (ngẩng / ngắm) và lặp lại ở cuối câu dưới hai danh từ liên quan đến thời gian (đêm / khuya); có thể giữ được cái cách dùng một mùi hương để diễn tả ý niệm thời gian; và có thể giữ được sự nhấn mạnh vào yếu tố thời gian ấy bằng cách dùng thật nhiều các phụ từ như: mãi, chưa, xong, rồi, đã, v.v... Nhưng làm sao người ta có thể giữ được cái cảm giác mang mang và man mác ở câu trên, khi để diễn tả động tác ngắm và nỗi niềm nhớ, tác giả đã dùng thật nhiều vần trắc và nguyên âm mở (ngẨng đẦu ngẮm mÃi chưa xOng nhỚ) và cái cảm giác sâu lắng, thoáng chút bùi ngùi và hắt hiu ở câu dưới, khi để diễn tả nỗi cô đơn trong khuya khoắt, tác giả đã dùng thật nhiều vần bằng và nguyên âm khép (hoa bƯỞi thƠm rồi: đÊm đã khuYa)?

Thơ như thế mà văn xuôi thì cũng như thế. Một cuốn tiểu thuyết, chẳng hạn, không phải chỉ là một cốt truyện để có thể tóm tắt được một cách dễ dàng. Dùng một cốt truyện, được viết bởi hai nhà văn khác nhau, chúng ta có thể có hai tác phẩm khác nhau một trời một vực. Thử tước bỏ tất cả cách diễn tả độc đáo và sắc sảo của Nguyễn Tuân hay của Phạm Thị Hoài, chỉ giữ lại cốt truyện trong các truyện ngắn của họ, chúng sẽ còn là cái gì? Chắc chắn chúng không khác các truyện ngắn trong các tờ báo học trò bao nhiêu cả. Thử tước bỏ các chi tiết nho nhỏ trong bộ truyện *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác, chỉ giữ lại cốt truyện về những bước thăng trầm trong gia đình giáo Hiến hay về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn hay về bối cảnh chính trị và xã hội vào nửa sau thế kỷ 18, bộ truyện ấy sẽ còn lại cái gì? Chẳng còn cái gì cả. Bởi nét đặc sắc của *Sông Côn mùa lũ* không nằm trên cái cấu trúc vĩ mô gắn liền với các biến động lớn lao của lịch sử, tức những mùa nước lũ, mà nằm ở những chi tiết nho nhỏ, có vẻ như thứ yếu, liên quan đến những đám bèo trôi giạt theo các dòng nước lũ ấy. Mất chúng, bộ truyện dường như mất tất cả. Trong vô số các chi tiết nho nhỏ ấy, thử nêu lên một ví dụ: dòng nước. *Sông Côn mùa lũ* mở đầu bằng hình ảnh một dòng sông, lúc gia đình giáo Hiến lếch thếch bồng bế nhau đi tị nạn, và kết thúc cũng bằng một dòng sông, sông Bến Ván, nơi dừng chân của mẹ con An. Nó mở đầu bằng dòng kinh nguyệt đầu tiên của An và kết thúc cũng bằng dòng kinh nguyệt của Thái, con gái của An. Giữa những dòng chảy ấy là dòng chảy điên cuồng của đất nước và của số mệnh từng người: những cuộc "hành kinh" của lịch sử.

Nên lưu ý là hình ảnh về những dòng chảy ấy, dưới nhiều hình thức và với nhiều mức độ khác nhau, bàng bạc trong hầu hết các tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác chứ không riêng gì trong *Sông Côn mùa*

lũ. Tên các tác phẩm của ông: *Nỗi băn khoăn của Kim Dung*, *Bão rớt*, *Tiếng chim vườn cũ*, *Qua cầu gió bay*, *Đường một chiều*, *Ngựa nản chân bon*, *Xuôi dòng*, *Mùa biển động* (5 tập), và *Sông Côn mùa lũ* (4 tập), trong đó, trừ tập tiểu luận đầu và tập truyện thứ hai, các tựa sách khác đều sử dụng một trong ba hình tượng: gió, nước và con đường. Nhiều nhất là hình tượng nước. Trong tám tựa sách, ba tựa sau cùng, tất cả đều xuất hiện sau năm 1975, đều liên quan đến nước. Tựa cũ của *Đường một chiều* là *Bóng thuyền say* cũng liên quan đến nước. *Qua cầu gió bay* cũng thấp thoáng hình ảnh của nước. Ám ảnh về nước thật ra là ám ảnh về sự chuyển động. Hai hình tượng còn lại, gió và con đường, cũng gắn liền với ý niệm về chuyển động ấy.

Toàn là những sự chuyển động bất thường và ngoài ý muốn: đường thì một chiều, biển thì động, sông thì đang mùa lũ, gió thì bay, bay dữ đến độ thành bão rớt. Sự say mê đối với các chuyển động, thật ra, không có gì mới: nó đã có ít nhất từ thời phôi thai của tiểu thuyết. Sự say mê đối với các chuyển động bất thường và ngoài ý muốn cũng không mới: đó là sự say mê chung của hầu hết các nhà văn hiện thực. Tuy nhiên, ở phần lớn các nhà văn hiện thực, sự say mê đối với các chuyển động, nếu là chuyển động xã hội, thường dẫn đến cảm hứng phê phán, nếu là chuyển động lịch sử, thường dẫn đến cảm hứng sử thi với những bức tranh hoành tráng, ở đó, người đọc có thể nhìn thấy những nhân vật cao hơn hẳn đời thường; ở Nguyễn Mộng Giác thì niềm say mê đối với các chuyển động xã hội chỉ dẫn đến những cảm hứng nhân đạo và niềm say mê đối với các chuyển động lịch sử chỉ dẫn đến một cái nhìn mang đầy tính bi kịch. Người bị ám ảnh nhiều về con đường cũng là người viết cuốn *Ngựa nản chân bon*; người bị cuốn hút bởi những hình tượng như biển động, mùa nước lũ cũng lại là tác giả của cuốn *Xuôi dòng*; người say mê Kim Dung, nhà văn chuyên viết truyện chưởng đầy tính bạo động lại chú ý nhất, ở Kim Dung, một khía cạnh ít bạo động nhất: *nỗi băn khoăn*... Tính chất chuyển động, do đó, cứ như gắn liền với tính chất mỏi mệt; tính chất dữ dội lúc nào cũng song song với một cái gì như thể ngao ngán. Nghịch lý ấy thể hiện rất rõ trong phong cách của Nguyễn Mộng Giác: thích những đề tài lớn nhưng trong các đề tài lớn ấy lại chỉ chú ý đến các chi tiết nhỏ; thích lịch sử, nhưng trong lịch sử, chỉ xoáy vào các khía cạnh đời thường; thích các anh hùng, nhưng ở các anh hùng, chỉ tập trung ngòi bút vào những khoảnh khắc yếu đuối; thích tả phụ nữ ở cái mốc tuổi dậy thì, nhưng ở tuổi dậy thì, lại dừng lại ở một dấu ấn ít thơ mộng nhất: kinh nguyệt. Có thể nói, tất cả các nhân vật của Nguyễn Mộng Giác đều là những nạn nhân. Những thanh niên trí thức ở Huế một thời ồn ào và

hung hãn với giấc mộng anh hùng trong *Mùa biến động*, cuối cùng, cũng chỉ trở thành một đám nạn nhân nhếch nhác của lịch sử. Ngay nhân vật Quang Trung trong *Sông Côn mùa lũ* cũng không hẳn là một anh hùng. Đậm nét nhất trong hình ảnh nhân vật Quang Trung của Nguyễn Mộng Giác không phải là một võ tướng xông pha giữa trận địa hoặc một vị vua đầy quyền lực mà chỉ là một kẻ hay thao thức trong đêm khuya, hay băn khoăn trong lòng, hay ngập ngừng trong giọng nói, hay thoáng vẻ bối rối trên khuôn mặt, và hay tần ngần trong mỗi bước đi. Có cảm tưởng Quang Trung cũng chỉ là một nạn nhân của lịch sử: lịch sử xô ông tới, đẩy ông lên những đỉnh cao, và cuối cùng, thật bất ngờ, làm cho ông biến mất. Quang Trung như thế, các bà vợ của Quang Trung cũng như thế. Cứ thử đọc lại đoạn Nguyễn Mộng Giác tả cảnh Ngọc Hân đi gặp hoàng hậu, vợ chính của Quang Trung. Hai người đàn bà quyền uy nhất nước thời bấy giờ không khác hai người đàn bà bình thường bao nhiêu cả: họ cũng bối rối, cũng cảm thấy nhỏ nhoi và bơ vơ khi đối diện với nhau, và cũng yếu ớt vô cùng: người thì đầy hoang mang, phải dựa vào bạn; kẻ thì phải ôm con chặt vào lòng cho thêm tự tin (2). Có thể nói, ngòi bút của Nguyễn Mộng Giác chỉ phát huy hết sự tinh tế khi dừng lại ở những bức tranh nho nhỏ và tội nghiệp như thế. Khi phải tả những sự lớn lao và dữ dội, ông thường dùng biện pháp lướt, tức chỉ vẽ thoáng qua, thật nhanh (3), hoặc có khi phải dựa dẫm vào người khác, hoặc các sử liệu hoặc một tác phẩm của ai đó cùng đề tài (4). Bởi vậy, nếu bỏ qua các chi tiết có vẻ như nằm ngoài mạch truyện chính, bộ truyện *Sông Côn mùa lũ* cũng như cả *Mùa biến động* sẽ không còn là gì cả.

Tôi dùng Nguyễn Mộng Giác để làm ví dụ là nhằm để chứng minh một luận điểm: ngay ở những nhà văn mà tài năng chủ yếu là ở cách kể chuyện thì các tác phẩm của họ cũng không thể bị giản lược được.

Đó cũng là sự khác biệt giữa các tác phẩm sáng tác và các tác phẩm phê bình hay lý luận. Các tác phẩm thuộc loại sau có thể bị giản lược. Dù vậy, việc giản lược ấy phải được tiến hành với một số điều kiện nhất định, trong đó, điều kiện quan trọng nhất là phải tôn trọng tính hệ thống của lập luận, nghĩa là, thứ nhất, không quá tập trung vào những chi tiết nhỏ nhặt trong những câu văn khai triển hoặc đẩy đưa; thứ hai, không tách một từ hoặc một nhóm từ ra khỏi câu văn và không tách câu văn ra khỏi mạch văn của nó để suy diễn hoặc xuyên tạc. Hơn nữa, ngay cả khi việc giản lược ấy được thực hiện một cách cẩn thận và bởi một người có uy tín lớn thì nó cũng không thể thay thế hoàn toàn cho cái văn bản mà nó giản lược. Lý do đơn giản là bất cứ sự giản

lược nào cũng đều là một sự diễn dịch (interpretation); mà bất cứ sự diễn dịch nào cũng đều mang dấu ấn chủ quan, xuất phát từ tầm hiểu và tầm nhìn của người diễn dịch. Bởi vậy, để nhận định một cách nghiêm túc về một công trình phê bình hay lý luận nào đó, điều kiện tiên quyết là phải tiếp cận với văn bản: đó là cái tuyệt đối không thể bị thay thế.

Cũng có thể nói một cách khái quát hơn: chỉ có một con đường duy nhất để tiếp cận với văn học, từ sáng tác đến phê bình và lý luận văn học, đó là qua văn bản. Một cuộc thảo luận về văn học, dưới hình thức viết hay hình thức nói, chỉ có thể nghiêm túc khi nó bắt đầu với việc đọc văn bản. Thái độ bất chấp văn bản bao giờ cũng là một thái độ phản văn học.

Thật ra, trong nghệ thuật cũng thế. Tính không thể thay thế được cũng là đặc trưng cơ bản của nghệ thuật nói chung. Muốn thưởng thức hay đánh giá tranh của Đỗ Quang Em hay một bức tượng của Lê Thành Nhơn ư? Thì chỉ có một cách duy nhất: phải nhìn tận mắt. Muốn thưởng thức một bản nhạc của Trịnh Công Sơn hay một bản hoà tấu của Hoàng Ngọc-Tuấn ư? Thì phải mở băng nhạc ra mà nghe.

Trên thực tế, có lẽ hiếm có người nào đủ can đảm bàn luận về những bức tranh mình chưa xem hay những bản nhạc mình chưa nghe. Nhưng lại có vô số người sẵn sàng chõ miệng vào bàn tán về những tác phẩm văn học mà họ chưa từng đọc bao giờ. Lạ lùng. Tôi cho một thái độ như thế là một thái độ vừa phản văn học lại vừa bất lương: nó làm ra vẻ có thẩm quyền ở cái nơi nó hoàn toàn không biết gì cả. Hơn nữa, đó cũng là một hành động nói leo vụng về: nó bất chấp những nguyên tắc sơ đẳng của lý luận và nó tin cậy một cách nhẹ dạ vào những điều hoàn toàn chưa được kiểm tra.

Điều đáng kinh ngạc và cũng rất đáng buồn là những kẻ nói leo ấy lại thường sử dụng một thứ khẩu khí đầy quyền uy. Khẩu khí quyền uy ấy chúng ta rất dễ bắt gặp, đây đó, trên sách báo cũng như ngoài xã hội, trong những kiểu nói, đại khái: "Anh cho ông này viết hay hả? Tôi thì tôi thấy ông ấy viết xoàng lắm!" hay: "Tôi không hiểu tại sao anh lại khen cuốn sách đó; với tôi, nó dở ẹc!", v.v... Tôi gọi đó là thứ khẩu khí quyền uy vì tiền đề của nó là thái độ tự xem mình là chân lý, xem những ý kiến riêng của mình như một thứ chuẩn mực để đánh giá người khác: nếu anh/chị nghĩ giống tôi, anh/chị đúng; nếu anh/chị nghĩ khác tôi, anh/chị...sai. Khẩu khí quyền uy như thế khác hẳn giọng điệu mạnh mẽ của các nhà phê bình khi khẳng định một quan điểm hay một thái độ: sự khẳng định được công bố như kết quả của một chuỗi phân tích tư liệu và lý luận chặt chẽ, do đó, đầy tính chất duy lý,

và cũng do đó, sẵn sàng đón nhận mọi sự đối thoại, nếu không muốn nói là khiêu khích tinh thần đối thoại. Khẩu khí quyền uy, ngược lại, đầy cảm tính, và thực chất là một sự chạy trốn đối thoại. Nó chỉ dẫn đến bế tắc. Lý do là giữa những người đối thoại không hề có một cơ sở nào chung cả. Người này nói" Tôi thích", người kia nói: "Tôi không thích"; người này nói: "Tôi thấy hay", người kia nói: "Tôi thấy dở". Thế là hết chuyện.

Không những chỉ dẫn đến ngõ cụt, khẩu khí quyền uy và cùng với nó, cách suy nghĩ tự lấy mình lạm trung tâm như vậy thực chất là một sự vi phạm vào nguyên tắc dân chủ trong sinh hoạt văn học, ở đó, mọi người, từ giới sáng tác đến giới phê bình và độc giả đều có quyền yêu thích đặc biệt một hiện tượng văn học nào đó. Đó là cái quyền của mỗi người. Một chị bán hàng chỉ đọc tiểu thuyết như một cách giải trí nhẹ nhàng trong lúc vắng khách hoàn toàn có quyền để yêu thích một tác giả bình dân và ăn khách, từ Kim Dung cho đến Quỳnh Dao, từ Hồ Trường An cho đến Nguyễn Ngọc Ngạn mặc dù chị không có quyền bắt người khác phải chấp nhận đó là những tác giả lớn. Ngược lại, một người đọc để tìm vui trong việc khám phá những cái hay, cái mới của ngôn ngữ và của nghệ thuật, cũng có quyền để yêu thích những tác phẩm hiểm hóc và xem đó như những công trình đầy tính sáng tạo mặc dù người ấy không có quyền đòi hỏi những người đến với văn chương như một cách tiêu khiển phải chia sẻ cách nhìn ấy của mình. Trong cuộc đời, chúng ta dễ dàng chấp nhận những cái quyền tư nhiên và khá hiển nhiên ấy.

Xin lưu ý là cả các nhà phê bình cũng được hưởng những cái quyền tự nhiên và hiển nhiên ấy. Nghĩa là, các nhà phê bình cũng được quyền yêu thích một số tác giả hay một số tác phẩm nhất định nào đó. Trước đây, khi viết cuốn *Thi Nhân Việt Nam*, Hoài Thanh tỏ vẻ yêu thích đặc biệt đối với một số nhà thơ như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, v.v... Đó là cái quyền của ông. Sau này, trong cuốn *Thơ Miền Nam 1954-75*, Võ Phiến cũng tỏ vẻ yêu thích đặc biệt đối với một số người như Tô Thuỳ Yên, Phạm Thiên Thư, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Bắc Sơn, thậm chí, Giản Chi, Đỗ Tấn, Trần Bích Tiên, v.v... Đó cũng là cái quyền của ông. Những cái quyền ấy cần phải được tôn trọng.

Những cái quyền ấy đầy tính chủ quan. Mà phê bình thì không thể không chủ quan. Donald A. Stauffer có lần khẳng định: "nhà phê bình không thể là một nhà phê bình lý tưởng nếu hắn tự cho mình là tiếng nói vô ngã của chân lý; hắn cũng không thể là nhà phê bình lý tưởng nếu mối quan tâm hàng đầu của hắn không phải là tác phẩm

nghệ thuật."(5) Không phải ai cũng đồng ý với quan điểm ấy. Một số người, như Northrop Frye, muốn loại trừ tính chất chủ quan bằng cách loại trừ các loại phán đoán giá trị ra khỏi phê bình (6). Nhưng người ta không có cách nào loại hết các phán đoán giá trị được: nó hiện diện ngay ở việc chọn lựa đề tài và chọn lựa tư liệu. Đó là số mệnh của phê bình.

Tính chất chủ quan làm phê bình vĩnh viễn không thể là một lời phán quyết chung thẩm cho bất cứ một hiện tượng văn học nào cả. Mọi hành động phê bình đều là những hành động cô đơn và bất định, ở đó, người ta biết là không có gì bảo hiểm chắc chắn cho việc phát ngôn của mình, trừ kiến thức, kinh nghiệm và quan trọng hơn, trực giác thẩm mỹ của mình. Có lẽ đây là điểm khác biệt chủ yếu giữa một phán đoán thẩm mỹ và các loại phán đoán khác. Đánh giá ai đó có tội hay không có tội, chúng ta căn cứ vào điều khoản này hay điều khoản nọ trong luật pháp, hoặc, đơn giản hơn, căn cứ vào những nguyên tắc đạo lý phổ quát trong xã hội. Đánh giá một nhận định nào đó có chính xác hay không, chúng ta có thể căn cứ vào luận lý học hoặc các dữ kiện thu thập được từ thực nghiệm hay thực tế. Còn đánh giá cái hay, cái đẹp của một tác phẩm văn học? Chúng ta không có một căn cứ nào vững chắc cả. Không thể căn cứ vào các nguyên lý, các quy luật hay các khuôn mẫu trong lịch sử văn học bởi vì chúng chỉ hiện hữu trong một không gian và một thời gian giới hạn nào đó mà thôi. Cũng không thể căn cứ vào các thành tựu và các giá trị được xem là vĩ đại trong quá khứ và được xem là những điển phạm trong lịch sử vì lý do đơn giản là, những thành tựu, những giá trị và những điển phạm ấy là những gì mọi người cầm bút chân chính đều muốn phủ nhận hoặc muốn vượt qua trong cuộc hành trình sáng tạo của chính họ. Thành ra, trong thế giới văn học, chúng ta không thể nhân danh ai khác ngoài chính mình. Nhân danh mình, chúng ta yêu tác phẩm này và ghét bỏ tác phẩm nọ. Trong cuốn *Thi nhân Việt Nam*, khi cho bài "Ông đồ" là kiệt tác của Vũ Đình Liên, "Gửi Trương Tửu" là kiệt tác của Nguyễn Vỹ, "Màu thời gian" là kiệt tác của Đoàn Phú Tứ, hay khi cho lời văn của Xuân Diệu có cái gì như chơi vơi, đằng sau câu thơ của Nguyễn Nhược Pháp dường như có một tiếng cười khúc khích, đằng sau câu thơ của Huy Cận có một nỗi buồn rười rượi và đằng sau câu thơ của Thâm Tâm thấp thoáng những nỗi bâng khuâng khó hiểu của thời đại, v.v... Hoài Thanh cũng không nhân danh cái gì khác ngoài trực quan của bản thân ông. Và chúng ta, khi đồng ý với những nhận định vừa nêu của Hoài Thanh, chúng ta cũng chỉ nhân danh chúng ta mà đồng ý. Bất cứ khi nào chúng ta không nhân danh chính mình mà lại nhân danh một thứ quyền

lực nào đó, bất cứ là quyền lực gì, chẳng hạn như danh tiếng hay uy tín của một trào lưu hay một bậc tiền bối, chúng ta đều đi ra ngoài cơ chế sáng tạo và bị rớt vào cơ chế hành chánh của văn học, ở đó, văn học đã bị xơ cứng thành những kiến thức phổ thông, và ở đó, chúng ta không còn là những chủ thể cảm xúc và tư duy nữa mà chỉ là một đơn vị trong một tập thể đã bị điều kiện hoá. Nói cách khác, ở đó, chúng ta hoàn toàn bị tha hoá. Một cách đọc như thế thực chất là một sự phản bội lại bản chất của văn học, một hình thức sinh hoạt văn hoá tồn tại trước hết là để con người trở về với cái tôi của họ, với thế giới riêng tư và thầm kín của họ.

Phê bình là chủ quan. Tuy nhiên, tính chất chủ quan ấy phải có giới hạn thì mới có thể có đối thoại, và do đó, mới có thể có phê bình được. Cái giới hạn ấy chủ yếu xuất phát từ hai yếu tố. Thứ nhất, đối tượng của phê bình: văn học. Một sự yêu thích chỉ có tính văn học khi tác phẩm được đọc như một công trình văn học chứ không phải như bất cứ một thứ gì khác, từ một phương tiện để tuyên truyền đến một phương tiện để giải trí. Trong ví dụ nêu ở trên, chúng ta cho một chị bán hàng đọc truyện để giải trí có quyền yêu thích những tác giả ăn khách và bình dân nhưng lại không chấp nhận ở chị cái quyền xem những tác giả ấy là những tác giả lớn là vì thế. Vì nó đi lạc phạm trù: chị chỉ xem những tác phẩm ấy như những phương tiện giải trí thì chị cũng chỉ có quyền đánh giá chúng như những trò giải trí mà thôi. Một người đọc các tác phẩm văn học như những công cụ tuyên truyền cũng vậy: họ có thể khen những tác phẩm ấy có giá trị tuyên truyền hoặc giáo dục nhưng khi có ý định tán tụng những tác phẩm ấy như những tác phẩm văn học lớn, họ cũng đã đánh lận hai phạm trù khác nhau: phạm trù nghệ thuật và phạm trù chính trị. Những sự lẫn lộn phạm trù như vậy thực chất là một biểu hiện của tính chất thiếu chuyên nghiệp, nơi mọi ranh giới đều nhoà lẫn vào nhau: nhoà lẫn giữa văn học và phi văn học, giữa phê bình và đàm tiếu. Thứ hai, mặc dù trong các phán đoán thẩm mỹ, người ta chỉ có thể nhân danh chính mình, nhưng cái "mình" mà người ta nhân danh ấy thực chất bao giờ cũng là một cái "mình" tập thể: nó là kết quả của vô số sự tương tác trong quá trình giáo dục và xã hội hoá của từng cá nhân. Không ai có thể thực sự đọc một mình. Đọc bao giờ cũng là cùng đọc với những người khác, trong đó có vô số những người đã chết. Khi chúng ta đọc *Truyện Kiều*, chẳng hạn, chúng ta luôn luôn "đọc chung" với Phạm Quý Thích, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà, Phạm Quỳnh, Trương Tửu; hơn nữa, chúng ta còn "đọc chung" với cả những tác giả ngoại quốc, từ

những lý thuyết gia Nho học ở Trung Hoa đến các lý thuyết gia thuộc các trường phái hiện thực, lãng mạn, phân tâm học, hiện sinh, hiện tượng luận, Mác-xít ở Tây phương, v.v... Chính những mối quan hệ chằng chịt này làm cho bất cứ cái đọc nào cũng có tính lịch sử, và tính lịch sử này, đến lượt nó, trở thành một giới hạn của tính chủ quan trong phán đoán thẩm mỹ: phán đoán ấy có thể được/bị đánh giá trên cơ sở một sự đối chiếu với những ý kiến đã có.

Tính chất chủ quan làm mọi lời phát biểu của nhà phê bình chỉ nên được xem như những lời đề nghị, một hình thức tiến cử với công chúng và với lịch sử những tác phẩm hắn xem là có giá trị và xứng đáng được bảo tồn. Tính chất tương đối trong những sự chủ quan ấy làm nhà phê bình bị buộc phải đối diện với nhu cầu tăng cường sức thuyết phục cho những phán đoán của mình: trong lúc không thể đoan chắc về tính chính xác của những nhận định ấy, hắn phải tự chứng minh những nhận định ấy là đúng đắn, ít nhất so với một phương pháp luận và một quan điểm thẩm mỹ nào đó mà hắn đã lựa chọn. Điều này có nghĩa là nhà phê bình phải bạch hoá quá trình cảm thụ và đánh giá của mình. Hắn không thể là kẻ nói theo kiểu "thánh phán". Hắn phải có bổn phận, dưới hình thức này hoặc hình thức khác, tự chứng minh cho các luận điểm của mình.

Hành động tự chứng minh ấy là một biểu hiện của tinh thần trách nhiệm. Có thể nói nhà phê bình chỉ vượt lên khỏi tư cách độc giả để thực sự trở thành nhà phê bình khi ít nhiều chứng minh được những gì mình cho là hay, là đẹp. Một độc giả bình thường, trong một lúc ngà ngà men rượu hay men tình, có thể cho một bài thơ nào đó của Nguyên Sa là hay nhất Việt Nam, chẳng hạn. Không sao cả. Nhưng một nhà phê bình thì khác. Bằng sự phân tích, nhà phê bình phải mô tả những cái hay trong bài thơ ấy, và bằng sự so sánh, làm cho người đọc thấy được cái hay ấy quả là một cái hay lớn, hơn nữa, lớn hơn hẳn những cái lớn khác.

Tinh thần trách nhiệm cũng đòi hỏi nhà phê bình phải sẵn sàng bảo vệ các quan điểm của mình. Có lẽ đây là một trong những sự khác biệt giữa nhà phê bình và người sáng tác. Người sáng tác không cần bảo vệ tác phẩm của mình. Một tác phẩm sáng tạo, từ một bài thơ dăm ba câu đến một cuốn tiểu thuyết dày cả hàng ngàn trang, ngay sau khi được xuất bản, có một đời sống riêng, một số mệnh riêng, giữa một công chúng đông đảo và xa lạ, ở đó, nó phải tự giải thích cho nó và tự bảo vệ nó. Tác giả không cần, không nên và thật ra thì không thể nhảy ra phân bua với thiên hạ về những động cơ, những chủ ý hay những điều mình tâm đắc trong quá trình sáng tác. Vô ích. Tác phẩm, nếu hay,

tự nó đầy đủ cho nó; nếu dở, càng ồn ào thì càng lố bịch thêm. Tuy nhiên, một tác phẩm phê bình hay lý luận thì khác. Khác, ở hai điểm. Một, nó thuộc thế giới của nhận thức mà nhận thức thì cần lý giải, hơn nữa, cần cả sự cọ xát để được toàn diện, hoặc ít nhất, sáng tỏ hơn. Hai, vốn là một sự phát biểu về một tác phẩm, một sự kiện hay một vấn đề văn học gì đó, nó ít nhiều liên quan đến người khác, hoặc như một đối tượng được đề cập hoặc như một đối tượng để tác động, do đó, người phát biểu phải sẵn sàng đứng ra bảo vệ các luận điểm ấy cũng như nhận chịu mọi hậu quả do việc phát biểu ấy mang lại. Khi bị phê phán, người phát biểu không thể chạy tội bằng cách cho là mình chỉ phóng bút theo cảm hứng. Nói thế là vô trách nhiệm. Nói thế là biến phê bình thành chuyện dèm pha tầm phào.

Gắn liền với những sự yêu thích có tính chất cá nhân, tất cả các công trình phê bình đều, trước hết, là một sự phản ánh khẩu vị văn học (taste) của nhà phê bình, sau đó, may ra, với một mức độ nào đó, mới là một sự phản ánh của tình hình sinh hoạt văn học một thời đại. Gắn liền với tinh thần trách nhiệm, mọi công trình phê bình nghiêm túc đều có tham vọng từ vương quốc chủ quan vươn tới vương quốc khách quan, từ những cảm nhận xuất phát từ trực giác và kinh nghiệm đến những phân tích mang tính khái niệm.

Đánh giá một nhà phê bình, chúng ta không đánh giá ở chỗ hắn giống với những người đọc bình thường, tức ở chỗ hắn thích hay không thích một tác giả, tác phẩm nào đó. Đó là cái quyền của hắn, thuộc phạm vi cá nhân của hắn. Việc đánh giá một nhà phê bình chỉ nên bắt đầu từ chỗ nhà phê bình ấy biến tác phẩm được mình yêu thích thành một mô hình nghệ thuật, hơn nữa, còn có tham vọng thuyết phục người đọc chấp nhận mô hình nghệ thuật ấy là một sự sáng tạo có giá trị; nói cách khác, từ chỗ nhà phê bình biến cái yêu cái ghét của mình thành một thứ quan điểm thẩm mỹ và có tham vọng biến quan điểm thẩm mỹ ấy thành một giá trị thẩm mỹ có tính phổ quát. Lúc ấy, hắn đã vượt ra ngoài phạm vi cá nhân. Hắn đã xuất hiện như một nhân vật công cộng (public figure).

Việc đánh giá ở đây chủ yếu xoay quanh ba nội dung chính:

Thứ nhất, việc phân tích và chứng minh cái hay, cái đẹp của nhà phê bình có đủ sức thuyết phục hay không? Hắn khen một tác phẩm nào đó là hay? Được thôi. Nhưng cái cách hắn chứng minh cái hay ấy ra sao, đó mới là điều quan trọng. Hắn thành công nếu sau khi đọc xong, người đọc thấy tác phẩm ấy tự nhiên hay hơn hẳn, mới hơn hẳn và sâu sắc hẳn; nếu người đọc thấy rằng việc đọc quả là một cuộc khám phá thú vị và bổ ích, ở đó, họ bắt gặp những điều hoàn toàn bất

ngờ trong lãnh thổ của nghệ thuật và cái đẹp. Ngược lại, hắn sẽ thất bại thảm hại nếu đọc xong, người đọc thấy tác phẩm ấy vẫn cũ mèm và thế giới thơ văn vẫn không rộng thêm một chút xíu nào cả. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta cần cẩn thận: phần lớn những gì có vẻ như giàu sức thuyết phục thường là những cái đã cũ, do đó, chưa chắc đã có giá trị thực sự. Để kiểm tra tính thuyết phục của một luận điểm đôi khi cần khá nhiều thời gian và cần một tầm nhìn rộng, bao quát cả một hay nhiều trào lưu văn học trong một hay nhiều thời đại khác nhau, không những trong quá khứ hay trong hiện tại mà cả trong hướng vận động của văn học từ hiện tại chuyển đến tương lai. Nói cách khác, ở đây, khi đánh giá một sự đánh giá, người ta không những cần kiến thức mà còn cần cả viễn kiến và sự nhạy bén nữa.

Thứ hai, quan điểm thẩm mỹ nào làm nền tảng để dựa theo đó nhà phê bình đánh giá cái hay và cái lớn của văn học? Không có một nhà phê bình nghiêm túc nào lại không xuất phát từ một quan điểm thẩm mỹ nhất định. Chính quan điểm ấy làm cho ý kiến của nhà phê bình tránh được nguy cơ trở thành bất nhất và rỗng tuếch. Quan điểm ấy, một cách tự giác hay tự phát, thể hiện qua hai hình thức khác nhau. Một, những lời phát biểu trực tiếp dưới dạng khái niệm về văn học. Hình như hiếm có nhà phê bình nào lại không có những lời phát biểu trực tiếp như thế, hoặc thành bài riêng hoặc xen kẽ trong các bài phê bình. Ngay cả ở những nhà phê bình có khuynh hướng hoài nghi lý thuyết hay chống lại lý thuyết như hầu hết các nhà phê bình Việt Nam, chúng ta cũng dễ dàng bắt gặp những đoạn ít nhiều mang tính lý thuyết như thế. Hai, quan điểm mỹ học thể hiện rõ hơn và đáng tin cậy hơn qua những tác giả hoặc tác phẩm mà nhà phê bình yêu thích. Ở trên, tôi có viết là chúng ta cần tôn trọng cái quyền yêu thích một hiện tượng văn học nào đó ở nhà phê bình, tuy nhiên, xin nhấn mạnh thêm là: tuy chúng ta không phê bình sự lựa chọn ấy vì bản thân sự lựa chọn ấy, chúng ta vẫn có thể phê bình chúng như một cách thức thể hiện quan điểm mỹ học của nhà phê bình. Nói cách khác, câu hỏi không phải là "tại sao nhà phê bình lại yêu thích những tác giả hay những tác phẩm ấy?" mà là: "sự yêu thích ấy tiết lộ điều gì trong cái gu thẩm mỹ của nhà phê bình?". Chắc chắn không phải ngẫu nhiên mà Hoài Thanh lại nhiệt liệt khen ngợi thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Vũ Hoàng Chương... hơn hẳn những người khác. Cũng chắc chắn không phải ngẫu nhiên mà Võ Phiến lại cảm thơ của một số người này mà lại không thể cảm nổi thơ của một số người khác. Loại bỏ tất cả những lý do phi văn học, đằng sau những sự lựa chọn ấy là những quan niệm khá nhất quán về thơ, về cái đẹp

trong thơ và về chức năng của thơ, cơ sở để tạo nên sự đồng điệu, và từ đó, của sự ưu ái của họ. Đi sâu vào những quan niệm ấy, có khi chúng ta sẽ bắt gặp, chẳng hạn, giữa Hoài Thanh và Võ Phiến, tuy có khá nhiều dị biệt trong văn phong cũng như tư tưởng, lại có những tương đồng khá sâu sắc và bất ngờ khi họ đối diện với thơ: cả hai đều là những nhà lãng mạn chủ nghĩa hồn nhiên và chân thành. Cũng nên lưu ý là tính chất lãng mạn chủ nghĩa ấy khá mờ nhạt khi Võ Phiến phê bình văn xuôi, và càng mờ nhạt hơn nữa khi ông sáng tác. Đi sâu vào những quan niệm như thế, công việc phê bình phê bình có nhiều hứa hẹn mở ra những khám phá thú vị hơn và nhất là, có cơ sở hơn: trong khi chúng ta rất khó đánh giá một sự yêu thích thì chúng ta lại dễ dàng đánh giá một quan điểm bởi vì, thứ nhất, nó thuộc phạm trù nhận thức, thứ hai, nó có tính lịch sử, nhờ đó, chúng ta có thể tiến hành việc so sánh để nhận ra tính chất đúng/sai và mới/cũ trong quan điểm ấy.

Cuối cùng, điều chúng ta có thể làm và nên làm là đánh giá xem quan điểm thẩm mỹ của nhà phê bình có gì mới lạ và có làm phong phú thêm cách hiểu của chúng ta về văn học hay không? Chính câu hỏi thứ ba này không chừng mới là câu hỏi quan trọng nhất. Nó phân biệt những công trình phê bình mang tính sáng tạo và những sự nhai lại. Một công trình phê bình chỉ có thể được xem là có đôi chút giá trị khi nó phát hiện một cái gì mới hoặc trong cách đọc hoặc trong tác phẩm được đọc; những phát hiện mà trước đó chưa ai biết hoặc một số người đã biết nhưng lại chưa tự giác hẳn về cái biết của mình. Ví dụ, không có công trình phê bình nào về *Truyện Kiều* có thể được xem là có giá trị nếu nó chỉ lẩn quẩn với việc chứng minh lại những kiến thức phổ thông; nếu nó không làm cho *Truyện Kiều* có một diện mạo mới, khác với những gì chúng ta đã quen nghĩ; nếu nó không giúp mở rộng vốn hiểu biết của chúng ta về *Truyện Kiều*, từ đó, giúp mở rộng, dù chỉ một chút, địa dư của cái gọi là văn học.

Có thể nói tầm vóc của công trình phê bình chủ yếu tuỳ thuộc vào tầm vóc của những phát hiện ấy: phát hiện cái hay ở đơn vị câu, chữ khác với việc phát hiện cái hay ở tổng thể của tác phẩm, và việc phát hiện cái hay của tác phẩm khác với việc phát hiện một cách nhìn hoặc một góc độ nhìn để từ đó không những tác phẩm được đề cập mà còn nhiều tác phẩm khác nữa tự nhiên trở thành khởi sắc và giàu có hẳn.

Nói tóm lại, đánh giá một nhà phê bình, chúng ta không thể không đọc những gì hắn viết. Trong những gì hắn viết, chúng ta cần tôn trọng cái quyền yêu ghét chủ quan, tức cái quyền thích tác giả này và không thích tác giả nọ, yêu tác phẩm này và không yêu tác phẩm

kia của hắn. Xâm phạm vào quyền cá nhân ấy bao giờ cũng là một hành động thô bạo. Điều chúng ta cần làm và có thể làm là: thứ nhất, phê bình các luận điểm của hắn; thứ hai, phê bình việc chứng minh các luận điểm ấy của hắn; cuối cùng, thứ ba, phê bình cái hệ mỹ học mà hắn bênh vực hay khen ngợi. Theo tôi, nếu biết dừng lại ở những giới hạn như thế, chúng ta có thể bảo vệ được văn hoá phê bình, giúp phê bình giữ được tính chất trí thức và trách nhiệm của nó, đồng thời, trong đời sống, giảm thiểu được vô số những cuộc cãi cọ lằng nhằng vừa vô duyên vừa vô ích.

NGUYỄN HƯNG QUỐC
30.4.2001

Chú thích:

1.Bài này được nhiều người dịch ra tiếng Anh và in trong rất nhiều tuyển tập phê bình và lý thuyết khác nhau, chẳng hạn, trong cuốn *Contemporary Literary Criticism,Literary and Cultural Studies*, do Robert Con Davis và Ronald Schleifer biên tập, nxb Longman, New York,1989, tr.54-66; cuốn *Literary Theory: an Anthology*, do Julie Rivkin và Michael Ryan biên tập, Blackwell Publishers, Massachusetts,1998,tr. 17-23,v.v...

2. *Sông Côn mùa lũ*, tập 4, tr. 1562-1571.

3. Ví dụ đoạn tả trận đánh ở Thăng Long đầu năm Kỷ dậu trong *Sông Côn mùa lũ*,tập

4, chương 96, tr. 1847-1864.

4. Chẳng hạn cuốn *Tháng Ba gãy súng* của Cao Xuân Huy và cuốn *Ngày N+* của Hoàng Khởi Phong.

5. Donald A. Stauffer (biên tập) (1966), *The Intent of the Critic*, Bantams Books, New York, tr. 5.

6. Northrop Frye (1957), *Anatomy of Criticism, Four Essays*, Penguin Books, London, tr. 3-29.







HÒA ĐA
kể chuyện làng quê

Tôi sinh ra ở một xóm nhỏ ngay cạnh tỉnh lỵ Phan Rang nhưng đến năm ba tuổi gia đình chuyển về sinh sống ở một làng nhỏ phía bắc Bình Thuận, tôi lớn lên ở đó. Làng tôi nằm trên quốc lộ 1 xuyên Việt trên một giải đồng bằng hẹp. Tuổi thơ chỉ gồm những trưa hè gánh nước trên những con đường ngoằn nghèo quanh xóm đầy cát lún, hay cùng đám bạn đồng lứa nô đùa, la hét trong dòng sông. Con sông Lũy chảy song song với quốc lộ, cạn nước gần như sát đáy vào mùa khô và hung dữ tràn bờ cuốn phăng những gì nó gặp trên đường đi vào mùa nước đổ... Xa xa là những chỏm núi đá cuối cùng của dãy Trường Sơn, đứng cô độc giữa bình nguyên chật hẹp, không có vẻ gì là hùng vĩ của núi non. Khí hậu khắc nghiệt, chỉ gồm hai mùa mưa nắng. Quận lỵ nằm cạnh đó với tất cả những cơ ngơi của các văn phòng hành chánh, bưu điện, nhà thương... Nhưng cái gì cũng mang vẻ nghèo nàn, xốc xếch.

Dân làng, hầu hết sống bằng nghề ruộng rẫy, hay buôn bán nhỏ, căn bản dựa vào nông sản tại chỗ và hải sản từ một thị trấn cạnh bờ biển gần đó, Phan Rí Cửa. Người lớn ai cũng đầy vẻ khắc khổ vì phải

tranh sống. Giải trí vui chơi, có họa chăng là các ngày lễ Tết, hay năm khi mười họa mới có một gánh cải lương lưu diễn tập tuồng, ghé lại thị trấn; rồi cũng không nhận được sự hưởng ứng nồng nhiệt của cư dân trong làng, vài hôm sau lại lẳng lặng dọn đi, trả lại cho dân làng cái quạnh quẻ cố hữu. Cũng thỉnh thoảng có vài nhóm bán dạo, kiểu sơn đông mãi võ, vừa bán hàng vừa phụ diễn văn nghệ hay ảo thuật, cái này thì hấp dẫn bọn con nít chúng tôi hơn người lớn, nên cũng chỉ được vài hôm... Dạng giải trí thường gặp nhất là những buổi chiếu phim ngoài trời do phòng thông tin quận tổ chức mà bao giờ cũng bắt đầu bằng lễ chào quốc kỳ và suy tôn Ngô tổng thống. Tôi không nhớ người lớn giải trí một cách đông đảo bằng cách nào, có lẽ cuộc vui thu hút được bà con nhiều nhất la cái máy hát quay tay. Những buổi tối có trăng, gần như cả xóm tụ tập ở sân sau nhà chú Ba, cách nhà tôi một căn, nghe say sưa mấy tuồng cải lương thu trên dĩa đá. Kim chạy dĩa là loại kim sắt, mỗi mặt dĩa thay một kim, kim cũ cũng được cất lại phòng hờ. Tuồng hát cũ mèm mà vẫn được chiếu cố, vở tuồng được yêu cầu cho nghe nhiều nhất mà tôi còn nhớ là tuồng San Hậu, Tô Ánh Nguyệt...

Cuộc sống quá cơ cực làm người lớn không có hứng thú gì trong việc giải trí. Có chăng là vào dịp Tết, họ quần năm tụm bảy sát phạt nhau. Người bình dân thì chơi bầu cua cá cọp, sóc dĩa, bài cào... các bà thì rủ nhau gầy sòng tứ sắc. Có "văn hóa" hơn một chút là các ông tụ nhau đổ tam hường, giựt trạng em, trạng anh. Theo lời người lớn kể lại thì cuộc chơi bình dân được quần chúng tham gia nhiệt tình trong các ngày Tết là các sòng bài chòi, ở đó có trống có mõ, có hò có ca... Bài chòi phát xuất từ vùng Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Các chòi chơi cất trên một bãi đất trống, thường được dựng khá chắc chắn để chơi trong ba ngày Tết. Người có tiền thì lên chòi ngồi chơi, người không tiền thì đứng vây quanh nghe hò bài chòi và bàn luận... chỉ tiếc là cách chơi phức tạp và chỉ hấp dẫn khi những người hò bài chòi có giọng tốt và sáng tạo, nên dần dần cũng mai một, không có sức sống như các điệu hát chèo, quan họ ở ngoài Bắc, hay điệu vọng cổ, các điệu ca trong cải lương ở miền Nam. Một cuộc chơi khác, tương đối cũng hấp dẫn giới bình dân là chơi lô-tô (giống như "bingo" ở Mỹ), trò chơi này cũng tùy thuộc vào người hô. Họ đọc có câu có kệ, nghe có vần có điệu. Người chơi trước thỏa máu đỏ đen, sau có vài phút giải trí dễ dãi:

Tôi xóc tôi móc, con cờ bằng cây, con gì nó ra đây?

-Nước chảy bon bon, dắt mẹ bồng con, lên non hái trái, cảm thương nàng, phận gái mồ côi, số một (1) ôi, là con số một.

-Chị bảy ăn trầu bô bô, cái miệng thì xỉa thuốc, việc làm trật vuột, làm biếng làm nhác, tối thì coi hát, sáng ngủ dậy cho trưa, đổ thừa cho con bú, cái mặt sù sụ, cái đầu chôm bôm, xuống bếp lục cơm, lên giàn bốc cá, chồng thấy chồng đánh, đâm đầu nhảy sải, con bảy mươi bảy (77) là con bảy mươi bảy, con gì nó tiếp theo?....

Người lớn ai cũng phải làm lụng vô cùng cực nhọc. Đất thiếu màu mỡ, nhiều cát, nên ruộng không có năng suất cao, hơn nữa vì gần biển nên nước sông bị nhiễm mặn gần như quanh năm, ruộng chỉ nhờ vào nguồn nước mưa. Năm nào mưa thuận thì còn đỡ, năm nào hạn hán hay mưa bão dầm dề thì trăm đường cơ cực. Hoa màu phụ cũng là một nguồn lợi tức quan trọng cho người sản xuất lẫn người bán lẻ. Những rẫy hoa màu nằm phần lớn bên kia sông, bên động cát, loại cát có pha đất thịt, nơi có nhiều mạch nước ngọt để tưới, người dân tận dụng từng vạt đất nhỏ để trồng, mùa nào thức đó. Hoa lợi thu được đem tiêu thụ ở chợ. Một nghề chính, nhưng chỉ sinh hoạt trong mùa nắng, là tráng bánh. Có cả nguyên một xóm chuyên nghề này được gọi là Xóm Bánh Tráng. Vào trong xóm vào mùa tráng bánh, ở đâu người ta cũng gặp những vĩ tre phơi bánh, không phải là loại bánh nhỏ, mà là những bánh lớn, có đường kính chừng 40 -50 cm, mỏng có, dày có; loại bánh dày rắc đầy mè, nướng trên than hồng, nở ra, cong vòng, vàng lườm và thơm phức, ăn với mắm ruốc giầm ớt cho thiệt cay là hết sẩy... Tất nhiên, bánh làm ra không thể tiêu thụ hết ở địa phương, họ bán cho những mối thu mua chở đi bán ở Phan Thiết hay Sài Gòn. Sự giao lưu về hàng hóa lúc bấy giờ dựa vào đường xe lửa xuyên Việt. Ga Sông Mao nằm về phía tây nam quận lỵ và cách đó chừng 10 km.

Vùng quê tôi không có những đồi cát hùng vĩ như Mũi Né, nơi đã có diễm phúc được ghi vào ống kính của các nhiếp ảnh gia tên tuổi, nhưng quê tôi cũng có những vùng toàn là cát, loại cát mủn, màu ngà ngà vì lẫn quá nhiều thứ rác bẩn. Người dân ai cũng biết gánh, đòn gánh không phải làm bằng tre như ở miền Nam mà làm bằng gỗ một loại cây rừng có tên là cây sò đo, có khắc mấu ở hai đầu. So với tre, đòn gánh sò đo dẻo và chịu được trọng lượng ở hai đầu rất lớn, lên đến 60 - 70 kg. Đòn gánh loại này thông dụng ở vùng Phan Rí, Phan Thiết, Bình Tuy. Có thể nói không ngoa là người dân vùng này lớn lên với cây đòn gánh trên vai. Từ Phan Rang trở ra, đòn gánh được làm bằng tre, giống như trong Nam, hoặc bằng cây săng có hai mấu sắt ở hai đầu. Ở Phan Rang có câu hát:

...

Đòn gánh kia có gãy thì còn chờ mụt măng,
Em có chồng, như cá vào đăng,

Ra vô không có đặng, nói năng uổng lời.

Tuy cuộc sống có vẻ cực khổ như vậy, trẻ con chúng tôi đứa nào cũng được đi học. Tôi không nhớ có đứa nào trong khoảng tuổi tôi mà không được cho đi học. Trải dài theo quốc lộ 1 non ba cây số, nhà cửa dân chúng phần lớn tập trung ở hai bên con lộ chính này, chia thành ba làng, sâu hơn vào phía trong là một làng của người Chàm, làng Hậu Quách, họ sống riêng biệt với gia súc của họ trong một ngôi làng có tre, me keo và xương rồng rào kín chung quanh, sống bằng nghề nông và chăn nuôi. Tuy vậy, họ không hoàn toàn cô lập với người Việt quanh đó, họ cũng đến chợ mua bán, giao dịch. Họ đi chợ bằng xe bò hay đi bộ với hàng hóa trong thúng đội trên đầu. Tuy văn hóa và tín ngưỡng khác nhau, nhưng người Chàm và người Việt sống với nhau rất hòa thuận, không có những mâu thuẫn đi đến xô xát với nhau như giữa người Việt và người Miên thỉnh thoảng vẫn xảy ra ở Nam Bộ.

Quận lỵ Hòa Đa đóng trên địa bàn của làng giữa, làng Thoại Thủy và do đó trường tiểu học cũng nằm ở đó. Bây giờ tôi không còn nhớ rõ trường có bao nhiêu phòng học, nhưng là một cơ ngơi rộng rãi, vững chắc, xây gạch lợp ngói trên một nền cao ngang bụng, lót gạch tàu hay tráng xi măng. Năm tôi học lớp Nhất (lớp năm bây giờ) trường đã có hai lớp Nhất A và Nhất B, với sĩ số mỗi lớp chừng 30- 40 học sinh, mà số nữ sinh trong lớp không ít. Tính ra số học sinh học hết tiểu học lúc đó (1957) trong vùng không phải là nhỏ. Ngay cả người Chàm cũng gửi con em của họ đến trường học chung với trẻ em Việt Nam. Hiện tượng này cũng dễ giải thích: công việc không đủ cho người lớn, thì có đâu cho trẻ con. Để chúng lêu lổng ở nhà sao bằng cứ gửi chúng đến trường, chỉ tốn chút tiền sách vở, bút mực... may thì lớn lên có chút chữ nghĩa, kiếm được việc làm khá hơn, thoát khỏi cảnh khốn cùng, còn không thì ít ra cũng không lâm cảnh dốt nát. Uy tín của thầy giáo rất lớn, được phụ huynh kính nể và học sinh vâng lời. Dọa một đứa trẻ mà hăm mét với cha mẹ chúng, không có tác dụng bằng hăm mét với thầy giáo. Câu *mắng "Thầy giáo mày không biết dạy !"* là một câu mắng rất nặng. Vào khoảng đó, trong làng có một ông Thầy, thường được gọi là thầy Năm De, mở một trường tư nhỏ (dạy tại nhà) đến lớp ba. Trò nào làm biếng không đến lớp, cha mẹ đánh đến cách mấy cũng không chịu đi, thầy cho học trò đến nhà cùng với một đoạn dây thừng và bảo *:" Thầy kêu mày đi học kìa"* thế là cậu líu ríu theo đến lớp, đủ biết uy của thầy giáo lớn đến mức nào! Thầy dạy theo phương pháp riêng, học chữ cái không theo thông lệ a, b, c mà thầy

ghép chữ thành vần theo kiểu trong kháng chiến, dễ học, dễ nhớ: *"i tờ (t) tờ i ti, i u mờ (m) mờ i mi...* Chỉ cần học với thầy chùng hai ba tuần là có thể nhận được đủ mặt chữ cái, ghép được vần xuôi. Cũng có đứa, vì hoàn cảnh gia đình, nghỉ học sớm, nhưng ít ra cũng đã biết đọc biết viết thành thạo, tỉ lệ thất học rất thấp. Ngay cả người lớn, số người hoàn toàn mù chữ chiếm một số rất nhỏ. Tôi biết chắc như thế, vì thỉnh thoảng chính quyền vẫn tổ chức những buổi "đón chợ, đố chữ" : học sinh chúng tôi được chia thành nhiều tốp, chăng dây chận hết các ngõ, ai muốn vào chợ phải đọc được một chữ do chúng tôi viết trên bảng đá... và tôi nhớ là không mấy người bị mời về vì không đọc được chữ. Trong làng, số người lớn có *bằng "primaire"* (bằng tiểu học thời Pháp) không phải là ít. Họ đọc và nói trôi chảy tiếng Pháp, tất nhiên chữ quốc ngữ họ cũng thành thạo. Họ là những người được dân trong làng kính nể, nhờ vả những khi cần làm đơn từ giao tiếp với chính quyền. Trong làng cũng có một ngôi chùa, tên chữ là gì tôi không biết, nhưng vẫn thường được gọi là chùa Phật Học. Chùa nằm trên một khoảng đất rất rộng, quay mặt ra đường lộ, sân sau chùa tiếp giáp với bờ sông, trong sân chùa còn nguyên cả những cây cổ thụ. Mấy vị sư trong chùa đọc được chữ Nho, coi được sách bằng chữ Hoa, viết về ngày tốt, tháng kỵ; tuổi khắc, tuổi hạp... là chỗ dựa cho dân làng vào những dịp ma chay, hiếu hỉ, động đất, cất nhà, khai trương, xuất hành... Cũng có hẳn một ngôi chùa của người Hoa, thờ bà Thiên Hậu, thường vẫn được gọi là chùa Bà, ở cách đó không xa. Ngày rằm, ngày vía thiện nam tín nữ, không phân biệt Việt, Hoa tấp nập viếng chùa, xin xâm, hương khói nghi ngút. Trong thị trấn cũng đã có một ngôi nhà thờ Thiên Chúa nhỏ và một nhà thờ Tin Lành. Sinh hoạt của các nhà thờ này tuy được chính quyền hổ trợ mạnh mẽ nhưng cũng chỉ giới hạn trong vòng giáo hữu còn rất khiêm nhường quanh đó, hầu hết là đồng bào di cư từ ngoài Bắc, hồi 54. Lúc nhỏ, tụi tôi sợ ông Cha ở nhà thờ, một phần vì chiếc áo chùng màu đen, phần khác vì tuổi nhỏ tụi tôi ưa phá phách, trửng giởn... ông Cha không thích. Đối với tụi tôi, Thầy ở Chùa có vẻ hiền hơn Cha ở Nhà Thờ.

Trước tôi vài năm, khoảng trước 1956 sau khi xong tiểu học, học sinh phải đi xa, hoặc về tỉnh lỵ Phan Thiết; hoặc vào Sài Gòn để học tiếp trung học. Đây là một trở ngại lớn cho những gia đình nghèo khó, nên có thể nói hơn 90% ngừng lại ở Tiểu học. Đi Phan Thiết còn đỡ, đi học ở Sài Gòn chẳng khác gì sau này người ta du học bên Pháp, tuy thủ tục không có gì khó khăn nhưng chỉ những nhà có tiền hay có thế lực mới có khả năng cho con đi học ở Sài Gòn. Chúng tôi may mắn hơn, một năm trước khi tôi lên trung học, một nhân sĩ trong vùng xin

mở được một trường Trung Học Đệ Nhất Cấp, nằm trên địa bàn xã Phan Rí Cửa (xã trù phú và đông dân nhất của Quận). Thế là trẻ con trong vùng với một khoảng cách từ 10 đến 15 cây số có chỗ để học tiếp. Trường nằm trên một đồi cát, cạnh miếu thờ Cá Ông. (Người vùng biển kính cẩn thờ cá voi, họ gọi là cá Ông, vì họ tin rằng cá Ông giúp ngư dân khi gặp nạn ngoài biển khơi,. Khi cá Ông chết, tấp vào bãi, họ gọi là Ông lụy (chết), người đầu tiên gặp Ông lụy phải để tang, và cả xóm biển phải làm tang lễ cho Ông.) Trường có tên là Trung Học Bán Công Phan Rí Cửa. Không biết tại sao lại gọi là bán công, nhưng học sinh phải đóng tiền như trường tư. Có điều, ngôi trường ấy là trường trung học duy nhất của Tỉnh Bình Thuận không nằm trên địa bàn tỉnh ly, cho nên nó là niềm hãnh diện chung của dân chúng trong vùng bắc Bình Thuận. Trường dạy cho đến lớp Đệ Tứ (lớp 9). Ngoài Thầy Trương Minh Huệ mà người địa phương gọi thân mật là thầy Sáu Huệ, làm Hiệu Trưởng, còn những thầy giáo được mời từ nơi khác về. :Thầy Nguyễn Xuân Nhiên (Văn, Hội Họa, Nhạc) Thầy Trịnh Thế Trụ (Toán, Lý-Hóa, Vạn Vật) Thầy Đinh Tôn (Pháp Văn) Thầy Nguyễn đình Tín (Anh Văn)... Học sinh đi học, ngoài thứ hai chào cờ phải mặc đồng phục : quần trắng, áo trắng; còn thì tự do, nhưng phổ biến là bộ bà ba, sang thì màu trắng, hèn thì màu đen, quần này áo kia cũng không sao, áo vá cũng được, có tiền thì mang dép, không thì mang guốc vông, không có nữa thì chân không. Trường học từ sáng 8 giờ đến 11 giờ,đến chiều 1:30 đến 3:30, nên bọn học sinh ở xa trường phải đem cơm trưa theo. Cơm được bỏ trong gào mên (cà mèn) loại hai hay ba ngăn: ngăn lớn đựng cơm, ngăn nhỏ đồ ăn. Buổi trưa, quanh trường. chỗ nào cũng có những bếp lửa nhỏ do học sinh gầy để hâm đồ ăn. Cũng có đứa không có khả năng mang theo cơm và đồ ăn, buổi ăn trưa chỉ có vỏn vẹn vài nắm cơm và muối mè, hay miếng cá khô nướng trước. Cũng có những học sinh từ những xã cách trường xa quá (Chợ Lầu, Lương Sơn, Long Hương) thì ở lại luôn ở trường cho đến cuối tuần hay cuối tháng, tối ghép hai bàn học lại làm chỗ ngủ, sáng dọn lại trả cho lớp. Họ cũng mang theo cả mùng mền chiếu gối, hai ba người chung nhau nồi nấu cơm. Mấy thằng bạn ngoài Duồng thì lại khác, đứa nào cũng rách rưới thê thảm, mắt đứa nào cũng bị bét (toét) vì cát bụi. Duồng là một làng đánh cá nhỏ nằm giữa Phan Rí Cửa và Long Hương, nhưng nghèo xơ, nghèo xác, cả làng chỉ có chừng vài chục nóc gia, nhà cửa xiêu vẹo, lụp xụp... Đám bạn học ở Phan Rí Cửa gần trường thì khá hơn, thị trấn này giàu có nhất so với mấy xã khác, sống nhờ vào biển: đánh cá và làm nước mắm, các ngành nghề khác cũng phát triển khá hơn. Vào thời đó (60 -61) mà Phan Rí Cửa đã có điện. cây xăng, nhà

máy nước đá, rạp hát... Nhà thằng Dũng, thằng Thạnh, bạn cùng lớp là nhà hàm hộ (làm nước mắm), trong nhà có cả bàn Ping-pong. Tụi nó con nhà giàu, học giỏi, lại đẹp trai... nhưng vì chỉ quanh quẩn chỉ có tụi tôi là đồng lứa nên cũng hòa đồng với nhau mà chơi, mà học, mà nghịch phá... không thấy có những phân biệt như ở những chỗ khác.

Tôi không biết lúc đó tiêu chuẩn học hành của các trường ở Sài Gòn hay các trường Tỉnh ra sao, nhưng quả thật ở Trung Học Bán Công Phan Rí Cửa ấy, chúng tôi được dạy kỹ, dù về sau, tôi biết những Thầy của chúng tôi lúc đó chỉ có trình độ Tú Tài I là cao. Sĩ số đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp hàng năm của trường rất cao. Ở trình độ đệ Tứ lúc bấy giờ mà chúng tôi phải dùng tiếng Pháp trong giờ Pháp Văn, tiếng Anh trong giờ Anh Văn dù là nói chậm và ngắn (lúc đó ở trường dạy cả hai sinh ngữ cùng một lúc, không phân biệt sinh ngữ chính hay sinh ngữ phụ như sau chương trình cải tổ 1961). Pháp Văn thì học bộ sách (từ đệ Thất đến đệ Tứ) của giáo sư Bùi Hữu Sủng, Anh Văn thì học bộ *L'anglais Vivant, Edition bleue.* Có điều là học sinh dù có anh đã 17, 18 tuổi, nhưng vẫn nghịch như quỉ, và sợ Thầy như sợ cọp. Một lần, một bọn học sinh trường kéo nhau sang vườn táo và đào gần đó phá phách, bị bắt được, mắng vốn; thầy phạt quì gối trước cửa lớp và chép phạt 200 câu *"từ nay tôi không đi ăn trộm làm hại thanh danh nhà trường nữa"*, vậy mà không một ai oán hận. Một lần khác, trong giờ Pháp Văn, anh này ném cho anh kia một mẩu giấy vo tròn, bị thầy Tôn bắt được, mở ra thấy có hàng chữ *:"nid bonze maison toi "*, cả lớp, kể cả Thầy, không biết anh nói gì, hỏi mãi anh mới ấp úng nói*: "thưa Thầy, con chưởi nó"* - *"chưởi cái gì?"* - *"thưa Thầy con chưởi tổ sư nhà mày"*. Cả lớp được một trận cười. Trường nằm cạnh một phụ lưu của sông cái. Đường quốc lộ khúc trên, chỗ làng tôi, chạy song song với sông. Mỗi sáng đi học, chúng tôi thường nhìn mực nước ở sông cái, để quyết định có nên đi đường tắt, lội ngang sông nhỏ để lên trường, nếu được chúng tôi có thể lợi được gần nửa giờ, so với phải đi đường vòng. Khổ một điều, vì khúc sông này quá gần cửa biển, nên đôi khi thủy triều lên, nước ở khúc này lớn, có khi khi lút đầu, bọn con gái thường quay trở lại đi đường vòng, bọn con trai chúng tôi, lột hết quần áo cuộn lại, một tay cầm sách vở, một tay cầm quần áo và cơm trưa, đưa lên khỏi đầu, cứ trần truồng lội đứng bằng hai chân sang sông; qua bờ bên kia, chui ngay vào lùm mặc quần áo vô. Làng tôi ở cách xa trường khoảng 3 cây số, học sinh thường tụ họp chừng năm ba đứa đi cho có bạn. Tôi có biệt tài kể chuyện nên tụi bạn thường tụ họp ở nhà tôi để cùng đi. Từ *Tây Du, Phi Long diễn nghĩa...* đến *Ngũ Hổ Bình Tây, La Thông Tảo Bắc...* kể theo chuyện cũng có mà bịa thêm cũng có. Tôi không hiểu sao, bài

học thì nhét vào đâu một cách khó khăn, mà chuyện đọc thì sao cứ vô cùng dễ dàng. Những Triệu Khuông Dẫn, Trịnh Ân, Đào Tam Nương, Hàng Tố Mai... La Thành, Đơn Hùng Tín, Tần Thúc Bảo... Tôn Ngộ Không, Bát Giái, Ngưu Ma Vương... chỉ đọc lướt qua mà sao tôi nhớ giỏi thế, còn mấy bài học, ngồi mài cả buổi mà khi trả bài cho thầy cứ quên đầu, quên đuôi. Vừa đi , vừa kể chuyện, đường không còn thấy xa. Lúc chấm dứt, bao giờ tôi cũng lựa một chỗ ly kỳ, hấp dẫn (nếu cần thì bịa ra, tụi bạn đâu có biết) rồi bắt chước cách nói trong chuyện Tàu lúc đó "Muốn biết khúc sau thế nào, xin chờ ngày mai sẽ rõ" khiến tụi bạn không thể rời tôi được . Một trong những trò quỉ quái của bọn học trò con trai chúng tôi là xích (đu) xe ngựa. Phương tiện di chuyển công cộng của người bình dân là xe ngựa, hình dáng cũng như xe thổ mộ ở Sài Gòn, nhưng bánh xe nhỏ hơn. Người đánh xe lựa chỗ ngồi trên càng xe để tạo cân bằng, thành ra khi có một thằng nhóc đu trên bàn đạp, sự cân bằng sẽ mất ngay, và thằng nhóc sẽ lãnh một roi quất ngược về phía sau, rủi mà trúng dám rướm máu lắm. Bị đòn đau như vậy, nhưng mười thằng là đã hết chín thằng thích đu xe. Có lần bác Tư Nhường đánh xe ngựa mắng vốn má tôi *"Cái thằng con chị, tui đâu có làm hiểm với nó, nó muốn thì đón xe, tui cho quá giang; lần nào cũng xích theo xe, có ngày té chết."*

Cứ thế cho đến ngày tôi thi đậu được bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, thì gia đình tôi dời về Phan Thiết. Xa trường, xa đám bạn nghịch ngợm, xa cả làng quê nghèo khổ...

Làm sao quên được những kỷ niệm của thời thơ ấu? Những đêm sáng trăng , bắt chước mấy gánh hát rong, tụ nhau trên nhà lồng chợ giả làm đào làm kép, đứa nào cũng muốn đóng vai chánh. Hô một tiếng *"tam quân"* là lũ nhóc con dạ ran, lũ nhóc này cũng là đám khán giả nhiệt tình của đám đào kép nửa mùa đó. Nhớ những lúc chơi, nhảy dây, u mọi... nhất là rượt bắt, trẻ con mỗi xóm là một phe, cũng có phục kích, dụ địch, bắt và giải cứu tù binh. Mà không biết sao, ở đó tụi tôi chơi nhiều trò có nguồn gốc khác nhau, từ Bắc (rồng rắn lên mây) Trung (Đúc hột đúc hạt... vùng Qui Nhơn, Phú Yên) đến cả những trò chơi xuất phát từ tôn giáo (Thiên đàng Địa Ngục...) . Cũng có cả trò chơi du nhập từ nước ngoài: trò đánh banh (quả banh nhỏ bằng cao su) mà sau này tôi biết là đã nhái theo gần như y hệt môn thể thao base ball của Mỹ...

Đất nghèo quá, chỉ có cát và bụi, thì lấy gì để tạo ra của cải để làm giàu? Người dân quê tôi nghèo quá, chân và vai to bè và chai cứng vì phải gánh nặng và lội bộ trên cát nóng, nhưng họ vẫn hy sinh

làm việc để gửi con cái họ đến trường. Họ quê mùa, dốt nát, nhưng họ muốn con cháu họ phải có đời sống khá hơn, không rơi vào con đường đau khổ mà họ đã trải. Họ sống đời tối tăm nhưng họ muốn con cháu họ sống trong tươi sáng. Ước mơ của họ, như bao bậc cha mẹ của những miền quê nghèo khó của miền Trung là làm sao họ đổi được đời, con họ đổi được đời... Họ đổi được đời chưa thì không biết nhưng ước mơ của họ về tương lai của con cháu thì có thể đã đạt được. Mà sao trong lòng thấy như có gì cay đắng. Làng quê tôi, cát bụi, nghèo đói vẫn còn nguyên bụi cát đói nghèo, những người con thành đạt cũng tìm những nơi khác để cống hiến. Có chăng chỉ là những tình cảm không làm nên cơm gạo cho phần đất nghèo nàn, cơ cực ấy.

Con sông Lũy vẫn khô cạn và mặn chát trong mùa nắng và vẫn cuồn cuộn hung hăng tràn bờ trong mùa mưa lũ. Và làng quê tôi không *có cây đa cao vút từng xanh, có con sông lơ lững vờn quanh...* cũng không có *bao mái tranh san sát kề nhau, bóng tre ru ôm mấy hàng cau...* Có chăng là những mái tranh lụp sụp, úp trên những vách đất được trét bằng bùn và rơm, những con đường quanh co trong xóm đầy cát lầm, cái thứ cát màu xam xám vì lẫn quá nhiều thứ, trong đó có cả mồ hôi của người dân quê tôi.

HÒA ĐA
Tháng 3/2001







VÕ ĐÌNH
"Chớ mần răng chừ?!

Chúng ta sáng tạo trong bóng đêm tăm tối. Làm được gì, ta làm.
Có gì, ta cho. Nghĩ cho cùng, chính sự nghi hoặc của ta lại là nỗi đam mê của ta, cơn đắm say của ta là công trình vất vả của ta. Cái còn lại là gì?
Nỗi điên dại của nghệ thuật đó thôi.
Henri James

Gần đây, trong một bài viết ngắn, tôi có nhắc đến Trịnh Công Sơn: "Họ Trịnh là một nghệ sĩ có tài. Nhạc ông nghe thấm thía, lời ca ông viết đi sâu vào lòng người. Ông bà ta thường nói: "Có tài thì có tật". Như nhiều nghệ sĩ khác, TCS thường vướng vào cái tật "đại ngôn" (1). Câu "đại ngôn" đó, trong một thư riêng, nguyên văn như sau: "Làm người Việt nam là ôm lấy cái sinh mạng bão tố đến phút cuối cùng". Đáng ra, tôi phải nói thêm, "đại ngôn", nhưng đúng. Năm TCS viết câu đó, 1974, ông mới 35 tuổi.

Cái "sinh mạng bão tố" ấy, làm người Việt chúng ta biết đến nhiều trong bao nhiêu năm thống khổ. Khổ lớn, khổ nhỏ, khổ vật chất, khổ tinh thần, khổ trí tuệ, khổ tình cảm... "Sinh mạng bão tố" ấy,

chính là cái kiếp đọa đày của con người Việt nam. Cái kiếp ấy, nó đeo cứng lấy chúng ta. Chúng ta "ôm lấy cái sinh mạng bão tố" ấy, không chỉ như con người trong cuộc nhân sinh, mà còn như con người Việt nam, trong hoàn cảnh đặc thù của đất nước và dân tộc. Hoàn cảnh ấy sinh ra những trường hợp lạ kỳ. Như bài tiểu luận của ông Hoàng Ngọc-Tuấn, được viết rất công phu, mà tôi mới được đọc hôm nọ.(2)

Tôi thú vị, khâm phục, và... ngỡ ngàng. Thú vị ở giọng văn. Khâm phục cái kiến thức. Và ngỡ ngàng vì thấy rằng một tài năng như thế mà phải gồng mình viết một bài ba, bốn chục trang để thuyết phục người đọc về một lẽ...hiển nhiên. Tôi tin rằng tác giả bài viết cũng đã nghĩ như vậy nhưng ông vẫn cứ viết vì tin rằng việc đó cần phải được làm. Tôi hoan nghênh việc làm của ông mặc dù tôi ngờ rằng ông viết bài đó mà vô cùng khổ tâm.

Một trí thức, một nghệ sĩ Việt nam, định cư ở một quốc gia giàu mạnh, tự do, lẽ cố nhiên không phải "ôm lấy cái sinh mạng bão tố" như một người hiện đang bị cầm tù, hành hạ, hay một người đói khát, bệnh tật trong cảnh màn trời chiếu đất ở quê nhà. Cái khổ của mỗi con người, trong những hoàn cảnh và điều kiện khác nhau, không thể đem so sánh, đo lường, phê phán.

Tôi dám chắc ông Hoàng Ngọc-Tuấn sẽ sung sướng hơn nếu ông dành thì giờ và năng lực có được để viết truyện hay làm nhạc (HN-T cũng là một nhà văn, một nhạc sĩ có tầm vóc) thay vì để thuyết phục người đọc về những điều đáng ra đã được từ lâu coi như hiển nhiên. Hoàn cảnh đòi hỏi ông phải làm công việc thuyết phục đó, hoàn cảnh của một "sinh mạng bão tố", hoàn cảnh của một người Việt nam. Tôi ngờ rằng ông viết mà "khổ". Tôi chia sẻ cái "khổ" đó.

Để phản bác thói quen xem "văn ra sao thì con người (xã hội) thế ấy" H.N-T chứng minh điều ông muốn nói với những trích dẫn văn liệu. Chúng tôi, những người viết về mỹ thuật, không làm thế được. Chúng tôi "ganh tị" với những người viết về văn chương. Cư ngụ ở một đất nước có nhân quyền và dân quyền, sự sống hàng ngày được bảo đảm, chúng tôi vẫn cứ phải "ôm lấy cái sinh mạng bão tố" của con người Việt nam. TCSơn đã viết một câu "lớn lối" tuy không phải là không đúng sự thật. Bấy giờ (1974), còn quá trẻ, ông chưa biết nói "chuyện lớn" với lời lẽ giản dị đấy thôi.

*

Ai cũng biết rằng ở hải ngoại có rất nhiều "báo bổ". Riêng các

báo văn học nghệ thuật có uy tín, được đông đảo văn nghệ sĩ hỗ trợ, cũng có đến cả chục tờ. Tầm vóc, cung cách, trình độ, mỗi tờ mỗi khác. Tuy vậy, có một mẫu số chung, ấy là tờ nào cũng kêu than: Độc giả ít oi, bài vở thiếu thốn, tài chánh lao đao, nhân sự eo hẹp. Tờ nào cũng khốn đốn với vấn đề tiền bạc. Người mua đã ít, mà những số báo bán được cũng phải chờ dài cả cổ mới nhận được tiền, v.v.

Trong tất cả các tạp chí "văn nghệ", chỉ có Hợp Lưu là thường xuyên có bài về nghệ thuật hình sắc (visual arts) Đối với người đọc trung bình, một bài về nghệ thuật hội họa, chẳng hạn, là một bài nói về *thân thế* và *sự nghiệp* của người họa sĩ hơn là về *nghệ thuật* của họa sĩ ấy. Một người đọc đặc biệt yêu thích và hiểu biết về hội họa đòi hỏi nhiều hơn. Người đọc đó đòi hỏi phải có những phân tích cặn kẽ, những suy xét chi li, những nhận định chính xác.

Bản thân tôi là một người vẽ, không phải một học giả hay lý thuyết gia về hội họa. Tuy vậy, tôi vẫn ý thức rõ ràng rằng bàn về hội họa mà không trưng ra những tài liệu hình sắc cần thiết chỉ là bàn cho... "vui" thôi, không đào sâu thực chất của vấn đề. Cứ lấy một bài của chính người viết này làm thí dụ:

Trong một số Hợp Lưu mới đây (3), bài "Gô Ganh & Noa Noa", trang 179, đoạn 4, từ dòng 1 ,"Những phong cảnh trừu tượng..." đến dòng 7, "...thế giới ban sơ": "Những phong cảnh 'trừu tượng' dệt trên thảm thời Trung cổ" là những cái gì ghê gớm thế, mà rất "rất gần gũi với lý tưởng này của Paul Gauguin"? Cần có một bức hình, nếu có màu càng tốt, của cái "phong cảnh 'trừu tượng' dệt trên thảm" này.

Một thí dụ khác:

Cũng bài "Gô Ganh & Noa Noa" ấy, ở trang 187, đoạn 5, những dòng nói về các tác phẩm "vũ nữ vú trần", "Delicate Annamese", "Robust Tonkinese" của họa sĩ Jean Despujols. Đây là nơi phải có ít nhất một tranh in lại (reproduction) của một trong ba tác phẩm ấy. Để người đọc có thể so sánh với những người nữ Tahiti của Paul Gauguin. Để thấy rằng ông Despujols đã vẽ như một khách du lịch khéo tay, sử dụng cây cọ một cách tầm thường, đầy ước lệ, còn ông Gauguin đã vẽ như một nghệ sĩ sáng tạo, với nhiều khám phá mới mẻ và độc đáo.

Không phải chỉ hội họa mới gặp phải "vấn nạn" ấy. Tôi có người bạn vong niên, hiện định cư ở một nước thuộc khối Tây phương. Anh là một người đa tài: văn chương, kịch nghệ... Nhưng đặc biệt nhất là nỗi đam mê và sự thành tựu của anh về âm nhạc. Anh là một nhac sĩ thực thụ với hơn 60 nhạc phẩm được cơ quan văn hóa nhà nước lưu trữ và xuất bản, được nhiều dàn nhạc trình diễn tại nhiều đại hội âm nhạc

quốc tế, được phát thường xuyên trên nhiều đài phát thanh trên thế giới, được đem vào giáo trình âm nhạc của nhiều nhạc viện và đại học. Đã nhiều lần anh được mời tham dự và giảng thuyết tại các hội nghị quốc tế với tư cách đại biểu của quốc gia nơi anh định cư. Tên anh được tìm thấy trong "2000 Nhạc Sĩ Xuất Sắc Của Thế Kỷ 20" (2000 *Outstanding Musicians of the 20th Century)*, v.v. Một người như thế mà vẫn "không có điều kiện để nói lên được điều gì cụ thể nhằm xoay chuyển tình trạng thương mãi hóa của âm nhạc Việt nam đương thời. Nghĩ thật buồn. Mà nói ở đâu bây giờ. Để nói về nhạc, bài viết phải có những cứ liệu âm nhạc mà không tạp chí nào có nhu liệu để trình bày nhạc. Nói về nhạc mà chỉ nói khơi khơi về ca từ thì hóa ra lại là bình thơ kiểu nửa mùa..." (4)

Nghệ thuật tạo hình, đặc biệt điêu khắc và hội họa, thường được biết đến như một nghệ thuật của thị giác. Sự thật phức tạp hơn: Không phải chỉ thị giác mà...xúc giác, vâng, xúc giác, cũng là một phần quan trọng, rất quan trọng, của sự thưởng ngoạn.

Một thí dụ quen thuộc, nhiều người từng có kinh nghiệm: họa phẩm (tranh sơn dầu) của Vincent van Gogh. Con mắt thấy được những hình tượng, những đường nét, màu sắc. Và, *qua con mắt*, bàn tay như được sờ mó những lồi lõm, những sần sùi, những vạch, những rãnh, những vết cào, vết cứa trên mặt tranh. Bản thân tôi, ngắm những đại tác phẩm hội họa ở bảo tàng viện nào đó, đã nhiều lần, nhìn quanh quất không thấy có nhân viên bảo vệ đứng canh, vội vàng đưa tay sờ tranh một cái, thú vị vô cùng. Thật tình, không nên làm vậy. Mỗi ngày có hàng ngàn khách yêu tranh đi qua, mỗi người sờ một cái thì còn gì là tranh! Cấm sờ tranh là một luật lệ hợp lý, hợp tình!

Thấy một bức tranh mình yêu thích, bề mặt huê dạng, đầy ắp chất liệu (thí dụ thời hiện đại: tác phẩm của van Gogh, Gauguin, Rouault, Vlaminck, Gromaire, de Kooning,v.v.) mà chỉ được nhìn thôi, không được sờ, là một khổ tâm. Nếu bức tranh đó được đem in lại, dù phương tiện ấn loát có tinh xảo mấy đi nữa nó cũng chỉ là một bản sao, một *copy*, một *reproduction*. Ngắm nó là một việc cực chẳng đã. Nếu vì hoàn cảnh kinh tế và kỹ thuật, không có được cả bức in lại đó để nhìn để ngắm, nỗi khổ tâm lại càng to lớn hơn.

Có lẽ vì thế mà, đặc biệt trong giới trí thức, mỹ thuật Việt nam, trong nước cũng như ngoài nước, người ta hay gồng mình thay thế hình ảnh bằng ngôn ngữ, thứ ngôn ngữ qui ước ai cũng hiểu được, ai cũng dễ cảm thấy xúc động. Ngôn ngữ ấy được dùng như những công thức.

Có những công thức quen thuộc, dễ dãi, được sử dụng để đi loanh quanh vấn đề, và lúc nào cũng chứng tỏ hữu hiệu. Những công thức xoáy mạnh vào tình cảm ai cũng chất chứa trong tim: tình quyến luyến đất nước quê hương, lòng gắn bó với đồng bào dân tộc. Công thức được yêu chuộng và "chắc ăn" hơn cả là vuốt ve lòng tự ái vốn có ở mọi người: ngợi ca người phụ nữ Việt nam. Thế là tha hồ nhắc nhở và ca tụng quê hương dân tộc, tha hồ rót vào tai những lời ngon ngọt về đàn bà con gái Việt nam. *Và không đụng chạm đến điều đáng nói nhất khi bàn về một tác phẩm hội họa: nghệ thuật đã tạo nên nó.*

Bưng chén cơm lên ăn, thú vị nhận thấy cơm ngon, không khê, không nhão, không khô, hạt cơm bùi, thơm, dẻo,v.v. Không loay hoay nói về màu trắng "trinh tuyền" của hạt cơm, gợi nhớ đến "ánh tuyết", "ánh trăng", đến "sương tang", "sương bạc", rồi tiện thể kéo vào câu Kiều "Sương in mặt, tuyết pha thân" ngõ hầu câu chuyện chén cơm thêm phần "văn nghệ" duyên dáng, đậm đà.

Từ chén cơm đến nàng Đạm Tiên, đoạn đường khá xa. Và khá gập ghềnh. Nhưng như thế, khỏi phải bàn về người nhà nông nào, đã trồng lúa ở đâu, giống lúa nào đã cho hạt gạo ấy, người khéo tay nào, lửa, nước nào đã nấu nên nồi cơm ấy.

*

Viết về mỹ thuật, hay viết về một lãnh vực chuyên môn nào đó, là "mách" độc giả về vấn đề ấy. Ông cha ta thường nói: "Nói có sách, mách có chứng". Mách kiểu này hay mách kiểu kia, mọi "mách" đều cần có "chứng". Chứng, thường là người ta không có, hoặc giả có đi nữa cũng không đủ phương tiện và khả năng trưng bày nó ra. Khổ tâm! Khổ tâm!

Khổ tâm đó, khó giải quyết. Chúng ta, người đọc, ráng chịu. Người viết, với cố gắng và thiện chí, có thể cung cấp cứ liệu nhưng tờ báo khó kham nổi tốn kém. Quần chúng, nói chung, "hổng có ke". Rốt cuộc, người viết về mỹ thuật, trong hoàn cảnh Việt nam, chỉ có thể có một thái độ không lấy làm đẹp đẽ cho lắm: "Ganh tị" với những cây bút viết về văn chương, về chữ nghĩa.

Trong bài có nhắc đến Trịnh Công Sơn nói trên, tôi đã viết: " 'Ôm lấy cái sinh mạng bão tố'!!! Cùng là 'dân Huế' với nhau, chỉ có thể nói thêm: 'Chơ mần răng chừ?!'"

Bạn đọc dù không quen thuộc với lối nói địa phương Thừa Thiên/Huế này chắc cũng đoán được rằng "Chơ mần răng chừ?!" có

nghĩa là "Thế làm sao bây giờ?!"
Vâng, thế làm sao bây giờ?!

VÕ ĐÌNH
2001

---

(1) Văn Học số 184, tháng 8/2001
(2) VIỆT số 8, giữa năm 2001
(3) Hợp Lưu số 59, tháng 6&7/2001
(4) Trích thư riêng



NGUYỄN TUẤN ANH
1. Milosz: Cầm Tưởng.

"Khi một người nào nói, một cách thành thật, rằng mình đúng 55%, như vậy là rất tốt, và chẳng có chi phải thắc mắc. Và nếu nói đúng 60%, vậy là quá tuyệt, quá may, và hãy để cho người đó cám ơn Thượng Đế.

Nhưng nếu đúng 75%?

Những nhà hiền giả tỏ ý nghi ngờ.

Vậy thì, nếu đúng 100%?

Bất cứ kẻ nào nói ta đúng 100%, thì đó là một thằng cuồng tín, một tên ác ôn côn đồ, một thứ bệt xà lù tồi tệ nhất."

Một người Do Thái già ở Galicia
(Milosz trích dẫn).

Milosz viết Cầm Tưởng (La Pensée Captive) ở Paris, khi còn Stalin. Cuốn sách gây những biến động khó lường ở Ba Lan, quê hương nhà thơ. Thoạt tiên bị coi là "phạm thánh", và chỉ được đọc lén, dần dà tới năm 1956 được vinh danh qua việc trích dẫn bởi sách báo nhà nước. Sự thực, ngay vào thời kỳ đó, đã có những người chỉ trích, rằng cuốn sách muốn giải thích, và từ đó, biện minh, về những hành xử, thái độ của tầng lớp trí thức vốn đã quen được dẫn dắt bởi nhà nước và chế độ. Một số người lại coi nó quá bi quan, không đếm xỉa gì tới đà tiến lên của thế hệ trẻ, vốn độc lập so với đám già, gì thì gì cũng há miệng mắc quai, tay đã nhúng chàm. Một thời gian sau, nó lại được đưa vào danh sách đen, những tác phẩm nguy hại.

Thời kỳ 1951/52, chủ nghĩa Cộng Sản đang ở một trong những đỉnh cao của nó. Trong lời mở đầu, bản tiếng Anh, tác giả đưa ra một số nhận xét về nước Pháp, khi tác giả ngồi viết Cầm Tưởng: đa số trí thức Pháp cảm thấy xứ sở bị lệ thuộc vào Mỹ, đã đặt hy vọng vào một thế giới mới từ phía Đông, dưới sự lãnh đạo của Stalin, một nhà lãnh đạo khôn ngoan, đạo hạnh không ai có thể sánh được. Khi Albert Camus dám nhắc tới những trại tập trung, như là những viên gạch đầu tiên tạo nền móng cho chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, ông đã bị những đồng nghiệp trí thức xỉ vả không tiếc lời.

Triết gia Karl Jaspers, trong lời mở đầu bản tiếng Pháp (nguyên bản tiếng Ba Lan 1951; bản tiếng Pháp nhà xuất bản Gallimard, bản tiếng Anh của Knopf, New York, cùng được xuất bản năm 1953), coi những bài tiểu luận ở trong "Cầm Tưởng" là một tài liệu, và cùng lúc, một dẫn giải thuộc loại hảo hạng. Ông giải thích thêm:

Về chuyện nô dịch tinh thần trong chế độ toàn trị, chúng ta, những người Đức thời kỳ quốc xã, đã có kinh nghiệm. Chúng ta đã từng biết những sắc thái bề ngoài (những khẩu hiệu, thái độ, cách hành xử hàng ngày) và chúng ta cũng đã nhận ra điều gì đang xẩy ra ở bên trong chúng ta, vào thời kỳ đó. Cuốn sách bầy ra cho chúng ta thấy chuyện gì xẩy ra ở những chế độ dân chủ nhân dân ở phía Đông, đặc biệt là ở Ba Lan. Nó gây ấn tượng đối với chúng ta, chắc là nhiều hơn so với những người khác, bởi vì chúng ta đã từng trải qua, cái điều đang xẩy ra ở đó.

Thường thường, người ta có thói quen áp dụng những bản kẽm cũ mòn, về những chuyện đang xẩy ra ở đó: dối trá/sự thực; phản động/phản kháng... Với cuốn sách, không giản dị như vậy, mà là hoàn cảnh, thực tại 'thực'. Bằng cách nào, những con người thay đổi, một khi không ngừng cảm thấy, đè nặng lên họ, là một hiểm họa hủy diệt, và cùng lúc, họ còng lưng gánh vác lịch sử, theo nghĩa, đây là niềm tin,

đây là chân lý: lịch sử cần thiết như thế đó. Và đó là Niềm Tin Mới. Milosz nhớ lại thời kỳ 1945, mốt thời thượng trong những câu lạc bộ trí thức ở Varsovie, là so sánh chủ nghĩa cộng sản với sự ra đời của thiên chúa giáo. [Người viết còn nhớ, một ký giả đã từng hỏi Stalin, bao giờ thì đảng cộng sản có một Đức Giáo Hoàng.]

*

Chắc chắn một điều, Milosz viết Cầm Tưởng từ những kinh nghiệm ông đã từng trải qua, kể luôn cả cái kinh nghiệm cay đắng của một nhà văn nhà thơ bị rứt ra khỏi tiếng nói mẹ đẻ. Nhưng đây mới là điều tuyệt vời: Cầm Tưởng đã được gợi hứng từ những tư tưởng của một vị thánh, một bậc nữ lưu số một của thế kỷ 20: Simone Weil.

*

Trong "The Poet's Work" ("Tác phẩm của Nhà Thơ", một dẫn nhập thơ Milosz, nhà xb Harvard, 1991), hai tác giả Leonard Nathan và Arthur Quinn cho rằng, thật khó mà bỏ qua tầm quan trọng của Weil đối với Milosz, thời gian ông viết Cầm Tưởng. Ngay cả cái tên Cầm Tưởng, cũng đã được lấy ra từ một trong những tiểu luận sau cùng của Weil, nhan đề là "Human Personality" ("Cá nhân tính của con người"), được xuất bản năm 1950, sau khi bà mất (24 tháng Tám, năm 1943; 34 tuổi).

Trong tiểu luận trên, Weil khẳng định, có một điều gì thật thiêng liêng ở tâm khảm của mỗi con người; rằng cái "tâm thiêng" này (this sacred center) không phải là cá nhân tính (personality), vốn là kết hợp (combination) của những thói quen, những thái độ do hoàn cảnh lịch sử tạo nên. Đây là một đốm lửa thần thánh, một cái nhân vô ngã, nhờ nó mà con người tạo nên âm nhạc Gregorian (chant), kiến trúc Romanesque, [hùng ca] "Iliad": "Những con người mà qua họ, những tác phẩm này đã được đem lại cho chúng ta - những con người đó đã không coi đây là những cơ hội để biểu bỏ cá nhân tính." Những con người không để ý tới tia lửa uyên nguyên nội tại này [thường] giản lược họ, như là sản phẩm của những sức mạnh xã hội. Họ bị vây khổn (traped) ở trong ngôn ngữ, như là những cái đầu bị giam cầm:

"Nói rõ hơn, một cái đầu bị vây khổn ở trong ngôn ngữ, là ở trong nhà tù.... Nếu một cái đầu bị cầm tù, mà lại không nhận ra điều này, như vậy là sống trong lầm lẫn. Nếu nó nhận ra điều này, dù chỉ một phần mười của một giây, và rồi sau đó quên đi, để trốn đau, như vậy là sống trong giả trá. Những con người - ấy là cực kỳ thông minh

- vẫn có thể sinh ra, sống, rồi chết trong lầm lẫn và giả trá. Thông minh ở trong họ chẳng [được coi là] tốt, [coi là] một tài sản cũng không luôn. Sự khác biệt giữa những con người, thông minh hơn kém nhau, thì cũng giống như sự khác biệt giữa những tên tội phạm bị kết án chung thân ở trong những phòng giam lớn hoặc nhỏ. Người tự hào thông minh thì cũng giống như tù tự hào phòng giam rộng rãi."

(Trích dẫn tác phẩm Weil, trang 330-331)

"Cầm Tưởng" của Milosz có thể đọc như một chứng minh luận đề trên đây của Weil, nhất là bốn chương giữa, trong đó đưa ra chân dung bốn cầm tưởng, tự hào vì cái chuồng giam Xô viết của họ. Bốn cái đầu mang vòng kim cô ở trong Cầm Tưởng là: A., hay là một kẻ đạo đức; B., một tình nhân bất hạnh; C., tên nô lệ của lịch sử; D., nhà thơ hay là gã hát rong. Được ý thức hệ rủ rê mời chào, từng người đã đem quá khứ của mình ra để buôn bán, nhằm kiếm chút quyền lực hão huyền. C., tên tù của lịch sử, đã "theo đuổi một cuộc chiến chống lại chủ nghĩa đế quốc, tuyên truyền hoà bình, nhưng thực ra - như một cư dân ở Varsovie nói về ông – chỉ mơ tưởng chiến tranh. Bởi vì nếu chiến tranh bùng nổ, ông sẽ đọc diễn văn, đi du lịch bằng phi cơ, viết phóng sự chiến trường, và sẽ chẳng phải ngồi vào bàn để mà cố nặn ra một cuốn tiểu thuyết. Nhưng buồn thay cho ông, lúc này đương hoà bình…"…."Ông rất nghiêm túc về chuyện viết tiểu thuyết. Nhưng khi cá đã mắc mồi, người ta lôi nó lên khỏi mặt nước. Những nhà văn, một khi đã là thành viên của Hội, phải viết, phải trình tác phẩm, nếu không sẽ bị đuổi ra khỏi Hội, mất đặc quyền đặc lợi."

Cả bốn người đã biến sự yếu đuối của họ thành một sức mạnh bề ngoài, và cả bốn cuối cùng đã mất đứt linh hồn trong cuộc mà cả nói trên, như Milosz đã cay đắng nhận xét số phận của họ, những người bạn của ông, và cũng là số phận của ông: "Những khổ đau của con người bị nhận chìm trong tiếng ré kèn đồng của đội giao hưởng trong trại tập trung; và tôi, như là một thi sĩ, chỗ ngồi của tôi đã được đánh dấu sẵn, trong đám những tay đàn vĩ cầm hàng đầu."

Phòng triển lãm nho nhỏ những tù nhân thê thảm của ý thức hệ, đã được Milosz nhắc tới trong một, hai bài thơ làm vào cuối thập niên 1940, như "Đứa trẻ của Âu Châu", hay "Chân dung giữa thế kỷ 20" (Mid-Twentieth Century Portrait"), nhưng sau đó, cái chỗ đã được đánh dấu sẵn dành cho ông, không còn nữa. Nói rõ hơn, ông không còn coi mình là một "cái đầu bị vây khổn". Chính điều này làm cho Cầm Tưởng trở thành một cuốn sách mê hoặc và gây bực (a fascinating and disturbing book), "ảm đạm tự mãn về mình" trong khi nặng nề chỉ trích

những người khác, theo đánh giá của Paul Coates, một trong những độc giả chịu khó đọc ông vào lúc đó (1).

Chắc chắn, ở đây Milosz tự biện minh, về quyết định "chạy làng" (to defect) của ông. Chính cái hành động chạy làng đó đẩy ông vào một vị trí đạo đức cao hơn người khác, một khi biết rõ mọi mũi dùi sẽ chĩa vào ông, chưa kể thái độ khinh khi, rè bỉu của những người cộng sản mà ông bỏ lại sau lưng. Nhưng điều mà những người chỉ trích không nhận ra, đó là, bằng cách nào, ông tin rằng cái đầu của ông hết còn bị vây khổn. Và đây chính là một "hạnh ngộ", nếu coi tầm quan trọng của Weil trên tư tưởng của ông, những ngày ở Paris.

Ngay từ thoạt kỳ thủy, Milosz vẫn nhấn mạnh, cuộc chạy làng của ông mang tính bản năng, hơn là một vấn đề liên quan tới trí thức hay ước muốn. Có lần ông diễn tả quyết định trên của mình, là "cuộc nổi loạn của cái bao tử".

Milosz được cứu thoát là bởi vì có một lần trong đời, như Weil nói, ông nhận ra rằng mình đã sống trong lầm lạc. Nhưng, thay vì ôm lấy kinh nghiệm này, ông trốn đau một thời gian, bằng một cuộc sống "phù du", ở New York, Washington, Warsaw; và"không dám rờ tới thơ" (nguyên văn: ít viết thơ, rồi ít viết thơ hơn nữa). Ngay cả những gì ông viết ra cũng ngày càng cay đắng, cho đến một lúc, ông hết còn chịu đựng nổi. Điều này, Simone Weil cũng đã tiên đoán, trong bài tiểu luận đã dẫn ở trên:

"Một con người mà cái đầu của người đó cảm thấy rằng [đang] bị vây khổn, thường tự an ủi mình bằng cách chùm chăn [nguyên văn: tự làm mình mù trước sự kiện]. Nhưng nếu người đó thù ghét sự giả trá, anh ta sẽ không làm như vậy; và trong trường hợp này anh ta phải chịu đau nhiều hơn nữa. Anh ta sẽ đập đầu vô tường cho tới khi bất tỉnh. Tỉnh dậy, anh ta khiếp sợ nhìn bức tường, cho tới một ngày, anh ta lại tiếp tục đập đầu vô tường; và lại bất tỉnh. Cứ thế mà làm, đừng trông mong, hy vọng. Và tới một ngày, anh ta sẽ thức dậy, ở bên kia bức tường. Có thể, anh ta vẫn ở trong phòng giam, may ra rộng hơn một chút. Nhằm nhò chi chuyện đó, anh ta đã tìm ra chiếc chìa khoá phòng giam; anh ta đã biết được điều bí ẩn; cái điều bí ẩn này sẽ phá vỡ mọi bức tường. Anh ta đã vượt lên trên cõi mà người đời gọi là thông minh, là trí tuệ, để bắt đầu cái cõi được gọi là minh triết (wisdom)."

Điều mà Milosz không thể "chạy làng", không thể ngưng tìm kiếm, đó là phía bên kia bức tường. Và cái điều mà ông kiếm thấy vào năm 1953 có thể coi là khởi đầu của minh triết (2).

Chúng ta phải coi cái đẹp như là trung gian giữa cái cần và cái

tốt (mediation between necessity and the good), giữa trầm trọng và ân sủng (gravity and grace). Milosz cố triển khai tư tưởng này trong tác phẩm "Sự Nắm Bắt Quyền Lực", tiếp theo "Cầm Tưởng". Đây là một cuốn tiểu thuyết viết hối hả, với ý định cho tham dự một cuộc thi văn chương, nghĩa là vì tiền, và cuối cùng đã đoạt giải! Viết hối hả, vậy mà chiếm giải, nhưng thật khó mà coi đây là một tuyệt phẩm. Ngay chính tác giả cũng vờ nó đi, khi viết Lịch Sử Văn Học Ba Lan. Tuy nhiên, đây là câu chuyện của thế kỷ. Nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết tìm cách vượt biên giới Nga, để sống dưới chế độ Nazi, như Milosz đã từng làm như vậy. Ông mô tả những động cơ của nhân vật của mình:

Vào lúc đó, anh từ chối thừa nhận lý do, với chính mình, rằng đây là ước muốn được thanh hóa, được chia sẻ những bất hạnh của một dân tộc bị lăng nhục. Anh ta cũng ôm ấp một hy vọng hoàn toàn phi lý, rằng từ cái mớ hỗn mang, một điều gì mới mẻ sẽ nhô lên, một ngày nào đó. Một điều gì chưa có vóc dáng rõ rệt nhưng chắc là tốt đẹp hơn. Nhưng bao trùm lên tất cả những động cơ này, là một ước muốn lớn lao, và riêng với anh, có vẻ vị kỷ: tái sắp xếp chính mình, làm sao có một thời gian, một không gian đâu đó ở bên ngoài cái cuộc đời chính thức (official life); ở đó, anh có thể bắt đầu lại mọi chuyện; ở đó, tha hồ mà suy tư mà chẳng bị cấm đoán gì hết (nguyên văn: nơi mà tư tưởng thì tự do bởi vì nó hoàn toàn không bị cấm đoán).

Như giấc đại mộng phần thư chính thân xác của mình, của Nguyễn Tuân (3), ở đây là cái đầu bị cầm đánh lừa chính nó. Nó ôm ấp giấc đại mộng tiến hoá của thế kỷ 19, và coi chủ nghĩa phát xít có lẽ là giai đoạn cuối cùng, và cần thiết để "lịch sử sang trang", nghĩa là chấm dứt chủ nghĩa tư bản. Nhưng, như Nguyễn Tuân với thói ngông của một nghệ sĩ, cái đầu tuy bị cầm nhưng vẫn cho ta là nhất: nó vẫn thờ phụng cái tôi tàn khốc đang trông chờ một cơ hội làm mới lại chính nó. Tuy nhiên đằng sau những ảo vọng, là bờ bên kia, tức niềm ân sủng: động cơ mơ hồ, tiềm ẩn mong được tẩy trần (purified), thông qua đau khổ, nhục nhã, và từ đó, cảm nhận ra rằng có một điều gì thiêng liêng, ở bên kia bờ ảo vọng. Nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết, như Milosz, sẽ sống sót dưới chế độ Nazi, sẽ cố gắng làm việc với chính quyền mới bị Liên xô thống trị, và sau cùng sẽ đào thoát qua Tây phương để lại bắt đầu cuộc đời của mình. Nhưng chúng ta không thể biết, liệu anh ta có tới được cõi minh triết hay không.

Tuy nhiên, một nhân vật ở trong cuốn tiểu thuyết đã hoàn tất được cuộc hành trình này: giáo sư Gil. Những suy tưởng hậu chiến của ông mở ra và chấm dứt cuốn truyện. Gil đã mất người vợ và đứa con trai độc nhất của họ trong chiến tranh. Ông bị tống ra khỏi chức vụ của

mình ở đại học bởi những người cộng sản và sống sót bằng sự bố thí của họ, qua công tác dịch thuật. Đám trẻ Ba Lan coi ông như một thứ tàn dư trưởng giả. Thế là ông được yên thân để làm công tác dịch thuật. Ông cảm thấy như bị cơn dịch ở Athens cuốn băng đi, như nó đã từng cuốn băng cư dân và hứa hẹn của một miền đất. Không phải sức mạnh ở nơi Gil đã cứu thoát cư dân; cứu thoát gia đình của riêng ông, lại càng không phải. Nhưng ông thử "bằng cách sử dụng tất cả sức mạnh của tưởng tượng" để tái tạo (recreate) "những dáng dấp, điệu bộ của người đàn bà, đau thương của một miền đất, nét mặt người đàn ông khi nhìn đứa con bị chết, vóc dáng những ngón tay, độc nhất, không thể bắt chước được, trong khi ôm vò rượu vang." Nếu ông có thể làm được việc này, như vậy là [con người sẽ vượt] được thời gian (nguyên văn: thời gian sẽ bị vượt): "Hàng hàng con người riêng lẻ, sẽ cùng hiện diện, và như vậy sự đồng hiện diện sẽ lớn lao biết là chừng nào: những con người đã từng sống, và chưa có được một cơ may chia sẻ cho nhau, cùng một lời than thở". Giáo sư Gil như vậy là đã tới được cõi minh triết cao nhất của ông.

NGUYỄN TUẤN ANH

Chú thích:

(1) Coates: Irony and Choice, (Trớ trêu và Chọn Lựa), trang 140. Cách nhìn rõ rệt nhất phòng triển lãm những cái đầu bị giam cầm của Milosz, là của Madeline Levine, trong "Báo động đối với Tây phương: Văn xuôi của Milosz trong thập niên 1950. Giữa Bồn Chồn và Hy Vọng (Between Anxiety and Hope), trang 112-133. Như Levine chỉ ra, người ta có thể nhận diện được những khuôn mặt quen thuộc của sân khấu văn chương Ba Lan thời kỳ đó, qua phòng tranh của Milosz.

(2) Sau khi xuất bản Cầm Tưởng, Milosz nhận được thư khen ngợi của một tu sĩ (an American Trappist monk), Thomas Merton, cũng vừa nổi tiếng qua tác phẩm tự thuật về mình. Cả hai bắt đầu trao đổi thư từ, và chỉ chấm dứt khi tu sĩ mất. Ngay trong những lá thư đầu tiên, Milosz đã thúc giục Merton hãy tìm đọc Weil, và ông đã trích dẫn Camus; nhà văn người Pháp này, tác giả của những cuốn như "Con Người Nổi Loạn", đã coi Weil là một tâm linh thuần khiết nhất (the purest spirit) của thế kỷ 20. Qua trao đổi, Milosz đã kết án chính cuốn sách Cầm Tưởng của mình, khi cho rằng đã tỏ ra tức giận đối với những trí thức chọn lựa thái độ để cho cái đầu bị cầm tù, trong giả trá và lầm lẫn; và ông đã không chuyển tình yêu thương mà ông vẫn dành cho họ. [Ghi chú 1 và 2, là của Leonard Nathan và

Arthur Quinn, tác giả cuốn "Tác Phẩm của Nhà Thơ" đã nói tới trong bài viết].

(3) "Cái giờ nghiêm trọng của đời mày đang điểm. Bây giờ hoặc là không có bao giờ nữa. Mày phải cương quyết. Không có thứ nhân đạo nào cấm mày không được tàn nhẫn ngay với mày. Mày hãy diệt hết những con người cũ ở trong mày đi – những con người mà mày mệnh danh là cố nhân, theo một cái cố tật ưa du dương với kỷ niệm. Đào thải, chưa đủ. Phải tàn sát. Giết, giết hết. Thò đứa nào ở dĩ vãng hiện về đòi hỏi bất cứ một tí gì của mày bây giờ, là mày phải giết ngay. Mày phải tự hoại nội tâm của mày đi đã. Mà hãy lấy mày ra làm lửa mà đốt cháy hết những phong cảnh cũ của tâm tưởng mày"... Chàng chạy ra đường. Ngoài đường, cuộc Cách Mệnh đang bước dài trên khắp ngả phố. Trên các cửa sổ mở, gió đời lùa cờ máu bay theo một chiều... Nguyễn thấy mệt mỏi trong lòng và trên thân chàng thì xót nhức vô cùng. Thì ra, lúc ở nhà ra đi, chàng vừa chịu xong một cái nhục hình. Lý trí đã lột hết lượt da trên mình Nguyễn... Cái luồng gió ban nãy thổi cờ máu, thổi mãi vào thịt non Nguyễn đang se dần lại. Nguyễn thèm đến một con rắn mỗi năm thoát xác một lần...

Trích "Lột Xác", của Nguyễn Tuân, in trong tuyển tập Nguyễn Tuân, tập I, nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, ấn bản năm 2000.

2. Khi cái đầu bị mát.

Đồ mát dây, dở hơi, cám hấp, khùng..., đó là những từ để chỉ một người cái đầu không bình thường, hết còn minh mẫn. Mát, là từ tiếng Pháp, masse, bị mát dây tức là mạch điện bị chạm. Đối với cái đầu, nguy hiểm, nhất, đáng sợ nhất, là lúc nó biết rằng những dây nối đã bị lỏng, theo Roger Rosenblatt, trong bài tiểu luận trên tờ Time, số đề ngày 3 tháng Chín, 2001.

Tác giả nhắc lại, trước đó vài tuần, trên tờ The New York Times, ngay trang nhất, là bức hình tác giả, và sử gia William Manchester. Những nét "quằn quại" ở trên khuôn mặt cho thấy, có lẽ ông đang ở vào những giây phút sáng tạo dữ dằn nhất, [chắc giống như người đàn bà khi vượt cạn!]. Nhưng câu chuyện kèm theo bức hình, nói ngược lại. Đây là câu chuyện của một con người hết còn sáng tạo, nói nôm na, hết viết được nữa. Ở vào tuổi 79, liệt một bên chân do những cú strokes sau khi bà vợ mất vào năm 1998, ông nhận ra không thể hoàn tất tập ba của cuốn Con Sư Tử Cuối Cùng, viết về cuộc đời Winston Churchill. Độc giả đã chờ đón cuốn sách từ nhiều năm nay. Ông cho biết, "Tôi không thể sắp xếp mọi chuyện được nữa" (I can't put things together). "Tôi không thể nối chúng lại" (I can't make the connections).

*

Trong tất cả những nỗi sợ mà một nhà văn kinh nghiệm – và bởi vì nhà văn có nghĩa là cuộc đời của mình bao gồm từ 96% cho đến 100%, chỉ những sợ cùng lo, hay là niềm xao xuyến sinh tồn, angoisse, chữ thời trào lưu hiện sinh, – cái nỗi sợ không nối chúng lại với nhau được nữa, là khủng khiếp nhất. Cái đầu của nhà văn, khi nó còn chịu chơi (còn làm việc được), nó giống như chú thỏ của Alice, kéo người đẹp đi tới mọi hang cùng ngõ hẻm, với một lời hứa hẹn: Những nơi chốn bí

ẩn và hấp dẫn này, ngay cả trí tưởng tượng của con người, cũng chưa từng biết tới! Niềm xao xuyến, nỗi lo âu của con thỏ: nó phải khám phá, và cùng lúc, phô bầy ra, cho người đẹp thấy, những thiên đường bí ẩn và hấp dẫn đó. Đây là một trong những "trách nhiệm" lớn lao nhất của nhà văn, theo người viết, làm sao cho độc giả cả thấy: đây là bí ẩn, đây là hấp dẫn, và đây là niềm vui: văn chương.

Hãy lấy một câu văn, của nhà sử học Manchester đã dẫn ở trên, khi viết về tang lễ của Churchill: "Khi chiếc hòm trên phủ quốc kỳ của ông đi qua thành phố cổ, cùng với đội nghi lễ hải quân, cùng với những cư dân của thành phố London, đầu trần, run rẩy trong giá lạnh; họ tưởng niệm, không phải chỉ Churchill, không phải chỉ những gì mà ông ta đã làm được cho nước Anh, ông ta là gì đối với họ; nhưng họ còn tưởng niệm, những gì họ có được, chẳng còn nữa, và chẳng bao giờ lại được như xưa."

Rõ ràng là, khi bắt đầu câu văn, Manchester chẳng thể nào biết được, nó sẽ dẫn ông ta tới đâu. Nó sẽ chấm dứt như thế nào. Có thể ông mơ hồ cảm thấy, rằng sẽ hấp dẫn lắm đấy, khi tới được nơi chốn bí ẩn: trạm cuối của câu văn, của cuộc hành trình. Nhưng... tuyệt vời thay, khi câu văn chấm dứt, là một câu văn khác bắt đầu, và chúng ta – người viết, người đọc – sẽ cứ thế mà chạy theo, không những một con thỏ, mà có thể hai, có thể nhiều hơn nữa, cùng một lúc!

*

Người viết cho rằng, cái yếu tố quan trọng nhất, qua kinh nghiệm một câu văn ở trên là yếu tố thời gian: cùng một lúc. Thời gian mới là yếu tố quyết định của một câu văn.

Bạn hãy thử đọc câu văn sau đây: "Những ngày Mậu Thân căng thẳng, Đại Học đóng cửa, cô bạn về quê, nỗi nhớ bám riết vào da thịt, thay cho cơn bàng hoàng khi cận kề cái chết, theo từng cơn hấp hối của thành phố, cùng với tiếng hoả tiễn réo ngang đầu." (Nguyễn Quốc Trụ: Cõi Khác, trong Lần Cuối, Sài Gòn, nhà xb Văn Mới, 1998)

Thời gian ở đây: Thành phố Sài Gòn, những ngày Mậu Thân.

Nói rõ hơn, chỉ có ai đã từng sống những giây phút đó, mới bắt được nhịp thở của câu văn, và cũng là của thành phố, trong những cơn hấp hối của nó.

Nói một cách khác, không phải NQT, mà là Sài Gòn, những ngày Mậu Thân, mới là chủ nhân thực sự của câu văn trên.

Cũng vậy, câu văn của Manchester, là của thành phố Luân Đôn, những ngày ăn bom bay V1, V2... của Đức quốc xã.

*

Những câu văn như của Manchester ôm lấy bạo động, hay là dấu ấn của thời gian, của lịch sử – lịch sử như là nơi chốn tự nhiên của bạo động, le lieu naturel de la violence - rồi biến nó thành niềm u hoài... liệu chúng ta có thể nói như vậy, khi phải giải thích những dòng chữ "hiền hoà" như trên? Joseph Brodsky lại đưa ra một lời giải thích khác, khi được hỏi, tại sao thiếu vắng cái gọi là "cảm xúc nói

ra lời hung bạo" (biểu hiện bạo động của cảm xúc, violent expression of emotion) trong thơ của những nghệ sĩ phổ cập, đại chúng, như Pushkin, Mozart, thí dụ vậy," Không có biểu hiện hung bạo của cảm xúc ở Mozart, bởi vì ông vượt lên trên cõi đó." "-Nhưng như vậy là thi sĩ muốn nhắm tới một thứ thơ "trung tính", vượt lên trên mọi cảm xúc?" Nhà thơ trả lời, đây là vấn đề thời gian. "Cội nguồn của âm điệu [của thơ], là thời gian. Bạn chắc còn nhớ, tôi đã từng nói, bất cứ một bài thơ đều là thời gian được sắp xếp lại?... "Thời gian nói với từng cá nhân chúng ta bằng những giọng điệu thay đổi. Thời gian có giọng trầm bổng của riêng nó..."

(Trích "Trò chuyện với Joseph Brodsky", tác giả Solomon Volkov, nhà xuất bản Free Press, 1998, đoạn Brodsky bàn về thơ của nữ thi sĩ Nga, Marina Tsvetaeva).

Có thể, một độc giả không ở Sài Gòn, trong những đêm thành phố run rẩy chờ đợi những đợt pháo kích bất thần trút xuống, vẫn có thể cảm nhận được niềm lo âu xao xuyến, nỗi sợ bám riết vào da thịt... nhưng chắc chắn là qua một kinh nghiệm khác, về bạo động và lịch sử....

3. "Lẫm liệt một thời mà bây giờ thì... tội nghiệp quá."

Câu văn trên, trích từ "Một Thời Gió Bụi", tập truyện ngắn của Nguyễn Khải (nhà xuất bản Lao Động Hà Nội 1993). Tác giả không định nói về một miền đất, mà là một khí hậu văn chương, khi so sánh anh nhà văn hiện nay với người dân làm cói ở xã N.

"Một Thời Gió Bụi" mở ra bằng câu chuyện một làng làm cói. Thuở lẫm liệt, "vào thập niên 1970 có năm họ thu được 9 triệu tiền hàng. Tiền thu đã nhiều mà làm cói lại dễ hơn trồng lúa. Một lần cấy mống cói thu hoạch từ bẩy đến mười năm... Mọi người tin rằng sự ổn định ấy là bất di bất dịch... Vậy mà cái yên tĩnh bây giờ [không còn lo chiến tranh], cái mở ra của bây giờ... đang dồn xã anh hùng vào ngõ cụt...". Thế rồi tác giả bèn quay qua chuyện viết văn, "cũng như những người làm cói, tôi tin tưởng cái nghề viết của bọn tôi sẽ không có gì thay đổi, sẽ mãi mãi vẫn như thế. Nền văn học trong tương lai là nền văn học xã hội chủ nghĩa, làm sao nghi ngờ được... Vậy mà bỗng chốc... bỗng chốc bản thảo đưa tới nhà xuất bản từ nửa năm bị trả lại. Tại sao vậy? -Anh viết chính trị quá, cao siêu quá, bạn đọc sẽ khó mua. –Bạn đọc nào? Bạn đọc của tôi vẫn trung thành với tôi mà! –Bạn đọc quen thuộc của anh đã tới tuổi về hưu rồi, đã về hưu tiền ăn còn chả đủ lấy tiền đâu mua sách."

"Nhưng người có tiền là những người đang làm việc, họ còn trẻ, rất trẻ. Hãy viết cho tuổi trẻ đi! Khốn nỗi cái tuổi trẻ hôm nay với tuổi trẻ của bọn tôi lại khác nhau quá nhiều vì thời thế đã thay đổi... Chân lý vĩnh cửu không còn nữa... Tiêu chuẩn bây giờ là tiền. Nó là bản vị của mọi giá trị. Chẳng hạn một nhà văn mà không kiếm ra tiền là nhà văn tồi... Nên ví thân phận anh nhà văn với ai nhỉ? Chắc là phải xếp dưới thầy cúng với thầy bói. Nghề này đang hái ra tiền, vì còn rất cần thiết cho những cái mộng tỉ phú. Chỉ có thể so sánh anh nhà văn hiện nay với người dân làm cói ở xã N mà thôi. Lẫm liệt một thời mà bây giờ thì... tội nghiệp quá!"

Ấy chỉ vì "chân lý vĩnh cửu không còn nữa!"

*

Bất cứ một so sánh nào cũng khập khễnh. Đôi khi khập khễnh "cần thiết" hơn cân đối, hoàn chỉnh, ít ra là trong trường hợp ở đây.

Người viết đã từng nghe "hơn một nhà văn" ở trong nước chê Nguyễn Tuân. "Những tùy bút sau này của ông dở quá! Thua xa Võ Phiến!", một nhà văn ở trong nước đã nói với tôi như vậy. Anh kể, kỷ niệm lần đầu đụng đầu với văn chương miền nam trước 1975, "Tôi đọc câu thơ của Nguyên Sa, hình như là thế này, 'Sáng hôm nay Nga buồn như một con mèo ốm...', và sướng điên lên. Làm sao ở miền bắc lại có một câu thơ ngu ngơ dại khờ tuyệt vời đến như vậy! Làm thơ như thế thì còn quá phản động!"

Ấy là tôi diễn ý của tôi, khi nhìn anh bồi hồi với "nụ hôn đầu ôm mái tóc lang thang" (thơ Thanh Tâm Tuyền): thì cứ coi như anh lần đầu tương tư Nga, và tiện thể, tương tư câu thơ đi, có chết ai!

Tôi lạc đề như vậy, là để nói ra điều này: không thể có một thứ văn chương lẫm liệt, và nếu có một thứ văn chương lẫm liệt, thì cái hậu quả tội nghiệp bây giờ là tất nhiên!

Và nếu Nguyễn Tuân sau này dở quá, cũng là lẽ tất nhiên, theo nghĩa, có thể ông thừa sức để viết hay hơn, thừa sức kiếm ra những đề tài xứng với ông hơn, nhưng ông biết rất rõ: viết hay là bỏ mẹ!

Bởi vì hãy nhớ lại câu cảnh cáo của Adorno: Sau Lò Thiêu mà còn làm thơ thì thật là ... "tội nghiệp"! (ông dùng chữ "dã man").

Hay là mượn ngay một câu chuyện ngụ ngôn của Đông phương, về một con chó chuyên săn hùm beo, bị đánh què chân, chỉ để dùng vào việc săn chuột! Ở đây, Nguyễn Tuân đánh què chính mình, tự tay ném tác phẩm của mình vào thùng rác, vì sợ rằng sau này thiên hạ sẽ hỏi, tại sao một thời đại khốn kiếp như thế mà lại có một thằng viết văn hay như vậy?

Liệu có thể coi nhà văn đó hèn nhát? Và cái thái độ chê bai Nguyễn Tuân, có phải do quá ghen với tài năng của ông, hay là vì họ Nguyễn phải đợi ba trăm năm sau mới tìm được kẻ khóc mình?

Liệu chúng ta có thể đi đến một kết luận vội vã: lẫm liệt cho lắm vào, bây giờ tội nghiệp cho đáng kiếp!

*

Cũng một trường hợp như vậy, nếu chúng ta đọc truyện ngắn "Huyền thoại phố phường" của Nguyễn Huy Thiệp.

Đây là một câu chuyện mô phỏng "Con đầm bích" của Pushkin. Nghe nói ở trong nước có người "quá ghen" hoặc "quá ngu" đến độ chê họ Nguyễn là đạo văn! Bản thân tôi, lần đầu đọc truyện này, cũng ngạc nhiên, tự hỏi tại sao Nguyễn Huy Thiệp "viết lại" Pushkin, bằng cách đẩy cái không khí huyền hoặc của "Con đầm bích" - bạn đọc chắc còn nhớ cảnh tượng "nụ cười" của bà đầm già "bước ra

khỏi lá bài" khiến tay sĩ quan phát điên... - vào trong "thực tại" phố phường?

Một cách nào đó, Nguyễn Huy Thiệp đã nhận ra nhu cầu phải viết khác đi, nếu không muốn làm nhục văn chương, nghệ thuật. Nên nhớ, một khi văn chương phải hạ mình xuống để làm những công chuyện như "phản kháng, ly khai, chống cộng, hợp lưu, giao lưu hoà giải..." một cách nào đó, nó đã bị tổn thương, hoặc đã tự đánh què chính nó, và nếu văn chương có một lương tâm, chắc là nó cũng cảm thấy hổ thẹn! Theo nghĩa đó, Cao Hành Kiện đã cho rằng, đây chỉ là chuyện tri âm tri kỷ mà thôi. Cũng vẫn theo nghĩa đó, những người chê thơ Nguyễn Chí Thiện (không phải là thơ!), đáng lẽ họ phải đặt ngược vấn đề và tự hỏi, nếu Nguyễn Chí Thiện ở trong tù mà còn làm thơ thì... tội nghiệp thực!

Đây chính là lý do tại sao, khi thiên hạ khen "Bác sĩ Zhivago" của Pasternak, Nabokov đã "bực mình", qua một số câu trả lời phỏng vấn mà Nguyễn Tuấn Anh tôi trích dịch sau đây.

Khi được hỏi, ông tiên đoán ra sao, về sức khoẻ của văn chương Nga, Nabokov trả lời:

"Thật khó mà có một câu trả lời giản dị cho một câu hỏi như thế. Vấn đề là, không có một chính quyền nào, cho dù thông minh tới đâu, nhân bản tới đâu, có thể đẻ ra những nghệ sĩ lớn; ngược lại, một chính quyền tồi tệ nào cũng dư sức để mà hành hạ, làm tình làm tội, và hơn thế nữa, bách hại, làm thịt nghệ sĩ. Nên nhớ điều này, vì nó thật là quan trọng: chỉ đám thiếu thẩm mỹ (philistins), mắt mù tai điếc trước nghệ thuật, mới ăn nên làm ra trong mọi chế độ. Bởi vậy tôi chẳng có thể nào tiên đoán gì hết, nhưng hy vọng, lẽ dĩ nhiên, rồi chế độ công an trị ở Liên xô sụp dần rồi biến mất. Trong khi chờ đợi, tôi lấy làm thương hại cho mấy tên ngu đần đã lầm lẫn Staline với McCarthy, Lò Thiêu Auschwitz với bom nguyên tử..."

Khi được hỏi, ông viết cho ai, Nabokov trả lời:

"Tôi không tin một nghệ sĩ lại phải lo lắng đến độc giả của mình. Độc giả số một của ông ta, là cái kẻ mà mọi buổi sáng ông ta nhìn thấy trong gương, khi cạo râu. Tôi cho rằng, khán thính giả độc giả của một nghệ sĩ, mà ông ta tưởng tượng ra được, là những người làm đầy một căn phòng, và tất cả đều mang mặt nạ của ông ta."

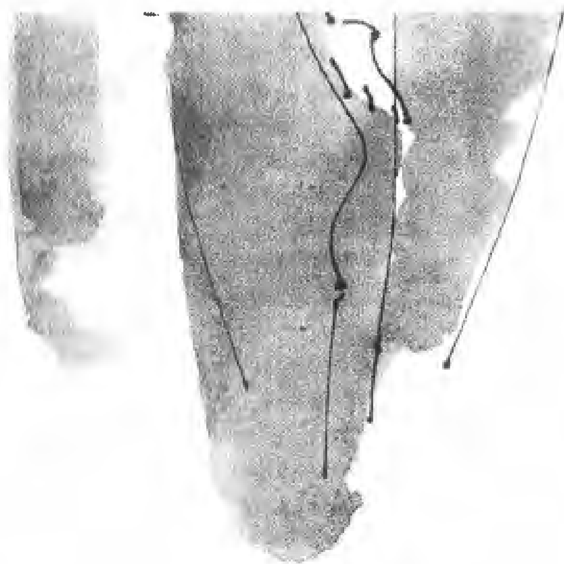
Về cuốn Dr Zhivago, khi Robert Bingham, của tạp chí Reporter, New York, muốn biết ý kiến của ông, Nabokov đã từ chối đưa ra một lời phê bình, sợ có hại cho tác giả. Theo ông, đây là một cuốn sách ủng hộ (pro) bôn sê vích, và sai lầm về lịch sử (historiquement faux), bởi vì đã vờ đi cuộc cách mạng tự do (révolution libérale) mùa xuân 1917; hơn nữa vị bác sĩ đã mừng đến phát điên, khi cú đảo chánh của bôn sê vích xẩy ra bẩy tháng sau đó. Tuy nhiên, ông đánh giá cao Pasternak như là một thi sĩ trữ tình (poète lyrique). Ông chào mừng Pasternak được giải Nobel, chỉ vì những câu thơ của ông ta. Trong Dr Zhivago, văn đã không tới được tầm cao của thơ ông. Ông nói thêm, tầng lớp trí thức Nga không ăn ý với Đảng đã không mặn mà với cuốn sách như là độc giả Mỹ. Khi cuốn sách xuất hiện ở Hoa Kỳ, đám lý tưởng tả phái đã mừng quýnh lên: đây là một bằng chứng cho thấy "một đại tác phẩm" đã được đẻ ra, từ chế độ Xô viết."

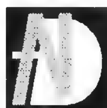
(Về những trích dẫn trên đây, là từ "Strong Opinions" (tạm dịch Bạo Mồm), Nguyễn Tuấn Anh tôi sử dụng bản dịch tiếng Pháp, "Partis Pris", tủ sách 10/18,

nhà xb Julliard, ấn bản 2001).

Với riêng người viết, chính cái tình trạng tội nghiệp kia, là một dấu hiệu hết sức đáng mừng của văn chương ở trong nước, nếu chúng ta nhận ra cái thông điệp của nhà văn Nam Phi Coetzee, khi viết về trường hợp cuốn Thương Xá (The Arcades Project) của nhà văn người Đức gốc Do Thái, Walter Benjamin. Khi Hitler lên nắm quyền ở Đức, ông bỏ chạy qua Paris. Và khi Pháp sắp sửa lọt vào tay Quốc Xã, ông tìm đường tới Hoa Kỳ qua ngả biên giới giữa Pháp và Tây Ban Nha, ôm theo bản thảo cuốn sách. "Nó còn quan trọng hơn cả tôi, và phải được gìn giữ", ông nói về đứa con tinh thần của mình.

Theo Coetzee, cuốn "Thương Xá", cho dù chúng ta đánh giá nó như thế nào – điêu tàn, thất bại, một dự án bất khả, impossible project – đề nghị một đường lối mới, để viết về một nền văn minh: sử dụng những rác rưởi làm chất liệu, thay vì những nghệ phẩm của cái nền văn minh đó; lịch sử từ đáy thay vì lịch sử từ đỉnh. Và lời kêu gọi của Benjamin (trong "Những luận đề" - "Theses"), cho một lịch sử xoáy vào đau khổ của những người thua, thay vì thành tựu của những kẻ thắng: lời kêu gọi này mang đầy tính tiên tri, về cung cách mà việc viết sử bắt đầu nghĩ về chính nó, trong quãng đời [còn lại ngắn ngủi của chúng] ta.





NGUYỄN VĂN THỌ
truyện ngắn - nhân vật? hay...

Truyện ngắn gần đây được xuất bản khá nhiều. Cơ chế thị trường mở ra một thời kỳ truyện ngắn rào rào như cơn mưa đầu hạ. Phải nói, chưa có thời kỳ nào mà nước ta có nhiều đầu sách truyện ngắn và nhiều tác giả văn xuôi hôm nay. Cứ qua vài hiệu sách, dễ kiếm tìm vài tập truyện đáng đọc. Người ta, để đáp ứng nhu cầu thị trường, rất nhiều tiêu thức tuyển chọn và thực tế biết bao đầu sách được nối bản nhiều lần. Điều ấy phần nào nói lên Truyện Ngắn Việt Nam hiện nay không đến nỗi nào.

Nhìn vào những bộ tuyển lớn, ví như tập Truyện Ngắn Hay Việt Nam, đã ra năm tập của nhà xuất bản Hội Nhà Văn chẳng hạn, thấy mấy năm gần đây, lượng tác giả từ tứ thập đến ngũ thập chiếm đa số, sau đó là kể đến đội ngũ các cây bút trẻ. Những cây viết đàn anh như Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng, Đỗ Chu, v.v... dường như hôm nay, đứng xa như mấy gốc cổ thụ, chỉ thấy bóng chiều xum xuê chứ không thấy màu

xanh biêng biếc của những búp lộc trỗ mới. Ngược lại, một số tác giả như Bão Vũ, Lê Minh Khuê, Đoàn Lê, Hồ Anh Thái, Nguyễn Quang Lập vẫn còn sung sức lắm. Cũng thật buồn khi Nguyễn Huy Thiệp không còn khuất phục người đọc như những năm 89-92 nữa; nhưng bù lại, khi truyện ngắn của anh nhợt nhạt (1), thì một lớp trẻ xuất hiện ồ ạt như mạ non mùa xuân.

Tác giả bài viết này không có ý làm một cái nhìn tổng quan về Truyện Ngắn Việt Nam mấy chục năm qua, chỉ nhân bài viết Nhân Vật Hay Không Nhân Vật (2) của Tuyết Ngân (TN) trao đổi thêm mấy vấn đề TN đã đề cập.

1- Không nên lẫn lộn giữa
Nhân Vật Tiểu Thuyết và Nhân Vật Truyện Ngắn

Những ý kiến của TN trong bài viết nêu trên cười lớp trẻ chưa tạo dựng được nhân vật trong truyện ngắn. Tuyết Ngân viết: *Cả ngàn truyện ngắn đó đã xây dựng nên một mẫu nhân vật thế nào? Tâm hồn con người hiện đại được thể hiện như thế nào? Đây là sự đòi hỏi cứng nhắc của văn học ở thể tài truyện ngắn.*

Thừa nhận rằng trong lịch sử truyện ngắn thế giới và Việt Nam, một số nhân vật trở thành điển hình về khắc họa nhân vật. Trên ngòi bút thiên tài, người đời đi vào trang văn của Lỗ Tấn, Nam Cao rồi lại bước ra cõi trần, trở thành câu ví cửa miệng của nhân gian khi thấy những Chí Phèo, AQ lởn vởn mỗi khi. Nhưng không phải tất cả truyện ngắn thành công bởi vì đều có những nhân vật như thế. Rất nhiều truyện ngắn nổi tiếng khác, trở thành kinh điển khi các nhân vật chỉ được phác họa bóng dáng trong bối cảnh nào đó. Thế giới truyện ngắn hiện đại thì nhiều lắm. Đơn cử như các tác giả nhận giải Noben chẳng hạn, những Heinrich Boll, Thomas Mann, Albert Camus có khối truyện như vậy;ở ta, truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp hay sử dụng thủ pháp này. Nhân vật dường như không rõ mặt. Thậm chí không biết anh ta, chị ta ăn mặc gì, khuôn dáng thế nào... Chỉ thấy các câu nói, hành vi, nhưng là những hành vi rất đậm nét để tạo thành một ám ảnh. Nhân vật Nhà Thơ Khổng trong Tướng Về Hưu của Nguyễn Huy Thiệp là một ví dụ.

Những nhân vật như dạng Chí phèo, AQ thi thoảng mới xuất hiện trong truyện ngắn. Nó không chỉ xuất hiện với những nét khắc chạm tinh vi, sinh thành một mẫu người mà nó còn phải đặt trong hoàn cảnh hết sức điển hình về mặt mâu thuẫn xã hội. Mâu thuẫn cũng nên hiểu là tính cách phức tạp đa chiều của cuộc sống, các diễn biến tâm lý và hành động xung đột lẫn không xung đột được cài đặt sinh động, không

giản đơn khi tập hợp thành chuỗi diễn biến những sự kiện. Chính vì vậy dạng thức nhân vật này đa phần xuất hiện trong tiểu thuyết. Và cũng chỉ có tiểu thuyết là có cả một độ dài cần và đủ để tạo nên nhiều nhân vật với tất cả các thể chế, hoàn cảnh xã hội trong nhiều chủ đề khác nhau. Hơn nữa, trong cấu trúc truyện ngắn hiện đại, nhân vật được xây dựng có tính điển hình như vậy cũng chỉ là một dạng cấu trúc. Đôi khi nhân vật cũng chỉ là một cái cớ để tác giả đưa duyên, một ý đồ nào đó, chứ không hề muốn điển hình hóa nhân vật mang tên ấy. Ví dụ như Nguyễn Huy Thiệp mượn Nguyễn Huệ để tạo một nhân vật không hẳn là Nguyễn Huệ, hay một điển hình Vua nào đó.

Do vậy, suốt cả bốn chục năm qua, truyện ngắn Việt Nam không đào đâu ra loại nhân vật này, mặc dù chúng ta có rất nhiều truyện ngắn hay. Có thể ngoa ngôn một chút là không kém gì truyện ngắn hay thế giới.

Sự thành công của truyện ngắn của một số tác giả xưa như Ma Văn Kháng, Đỗ Chu, Nguyễn Khải; những nhà văn lớp sau như Lê Minh Khuê, Đoàn Lê; rồi lớp Nguyễn Huy Thiệp, Hồ Anh Thái Nguyễn Quang Lập v.v... không hề có dạng nhân vật như Chí Phèo, AQ; đa số, chỉ thấy nhân vật mang tính ước lệ, phô diễn trong những cảnh huống có kịch tính hay không kịch tính - Như Truyện Người Ẩ'n của Hồ Anh Thái.

Sự đòi hỏi nhân vật có tính khắc họa, đại diện cho một thế hệ, đòi hỏi :mẫu con người, phản ảnh tâm hồn thời đại, không phải nhất thiết truyện ngắn cần có. Nó sẽ là sự bất cập, nhất là khi gượng ép; sẽ sản sinh ra một dạng nhân vật công thức một thời. Như anh bộ đội phải hy sinh, dũng cảm, chị công nhân phải đấu tranh cho quyền lợi tập thể, sinh viên phải có những tính chất theo các nhà chính trị với những phẩm cách trí thức mới - điều ấy phù hợp với loại bài người tốt việc tốt hơn là sự cần thiết của nhân vật truyện ngắn.

Cũng cần đưa ra một ý nữa, hình như việc chuyển dịch từ: Truyện Ngắn, chưa được rõ lắm, nên có sự ngộ nhận như trên về nhân vật.

Truyện Ngắn, có nơi gọi là đoản thiên tiểu thuyết (người Anh viết: Short story), người Pháp gọi là tân truyện (Nouvelle). Dựa vào lịch sử và cấu trúc, có thể chia ra: truyền kỳ và tân truyện.

Truyền kỳ là dạng thức truyện ngắn có lịch sử lâu hơn. Cấu trúc truyền kỳ là thế giới hoàn chỉnh; trong đó có nhân vật và hành động với những tuyến đối lập, chủ mục rõ rệt, có thiện và ác, đúng và sai (dạng thức bao giờ Thạch Sanh cũng thắng Lý Thông mà thực tế không phải khi nào Thạch Sanh cũng thắng). Truyền kỳ thường thể hiện mối quan tâm, khát vọng, ước mơ của người xưa; nó vẫn nối dài tới ngày nay, đưa ra một cấu trúc truyện ngắn mới có tính khép kín vòng tròn, có mở chuyện, thân chuyện và phần kết; có khi có cả hệ

thống nhân vật xoay quanh câu chuyện.

Tân truyện là những mảnh vỡ của thế giới. Nó là những mảnh vỡ lấp lánh có thể và không có nhân vật Người. Thuộc về hiện đại, tân truyện có thể lấy một cơn mưa, một ánh nắng của buổi sớm làm đối tượng. Tân truyện bất chấp ngụ ý, khi truyền kỳ có cấu trúc tròn khép kín thì tân truyện là khoảng mở. Là mảnh vỡ của thế giới, nhưng có khi nó lại gợi mở cả thế giới hiện thực trong đó; bởi vì nó được gợi ra từ cuộc sống có thực, những sự kiện có thực, cảm giác có thực. Tân truyện không đơn tuyến. Thế giới phức tạp và với sự phát triển của triết học tân truyện mở ra một cấu trúc đa phức điệu.

Bấy lâu nay người ta vẫn công nhận truyện ngắn là phải ngắn, còn phân định ra sao, cấu trúc thế nào để nhận ra khi nào có nhân vật hay không có nhân vật lại là một điều nhiều người nhầm lẫn.

2- Truyện ngắn có thể lấy cái Tôi làm điểm xuất phát và luôn chưa cũ!

Nhân vật Tôi, từ xưa tới nay là nhân vật dẫn chuyện và nhân vật chuyện chưa khi nào là nhược điểm. Trong đó tác giả vừa là người kể, vừa là nhân vật tham gia vào câu chuyện, nông hay sâu tùy theo mục tiêu mà tác giả muốn. Thực ra khi có Tôi trong truyện, cũng không dễ gì thuyết phục người đọc. Bởi vì truyện ngắn, muốn gửi gấm ý tưởng sâu xa gì, cũng phải, ở tầng thứ nhất, tất cả các chi tiết làm cho người đọc hình dung cuộc sống thực sống trong đó. Cái tôi có khả năng gây cảm tình cho người đọc rằng, câu chuyện được tác giả nhìn thấy, kiểu: chính tôi nhìn thấy con rắn ấy mà, nhưng nếu sau đó, tay nghề bây bấy, thì lập tức người ta sẽ phì cười vì con rắn vuông không hề có trong thực tế.

Cho nên cái lười biếng không phải nằm trong cái Tôi mà các tác giả trẻ phô diễn. Nó chỉ lười biếng khi các hoạt động của Tôi sau đó, với nhân vật khác, trong cảnh huống nhợt nhạt, giả tạo.

Các khuyết điểm của một số tác giả trẻ hiện nay đâu phải chỉ riêng họ mới có. Nhìn ngược lại, nhân vật của các tác giả đã ngoài ngũ thập, hỏi sau hơn vài chục năm qua, mấy nhân vật còn sống sót? Nhất là khi nó chỉ bám lấy duy lý có tính nhất thời của thời đại để phản ánh, thâu tóm, mà tách xa cuộc sống thực, cái đang nằm sâu kín trong cõi lòng người đời!

Chẳng qua, ở thời kỳ ấy, cả tác giả lẫn người đọc đều giản đơn khi cuộc sống cũng giản đơn và chúng ta cùng đồng thanh công nhận mẫu người như thế, nhân vật như thế. Cho tới nay, cuộc sống không đơn giản một chiều nữa, người đọc cũng không chịu được những

chuyện kể đơn giản nữa, nên chúng ta và đúng hơn là chính cuộc sống đòi hỏi phải nhìn vào lớp trẻ với con mắt khắt khe hơn mà thôi.

Tôi cũng đồng ý với Tuyết Ngân khi nhìn chung, một số cây bút trẻ gần đây, bên cạnh thành công của họ, không thiếu đám người, nhân vật như ma trơi; nhân vật đa phần hình như sản sinh na ná như trong khuôn đúc nào đó.

Nhưng những điều ấy không phải nhược điểm từ việc họ dùng Tôi để dẫn chuyện. Cái đó lỗi vì đâu? Thưa rằng, nó như ma trơi vì các tác giả trẻ của chúng ta sắp xếp sự xử lý theo những tiêu chuẩn đạo đức trong ứng xử được định hình; trong khi cuộc sống thì phức tạp, đời sống muôn mầu muôn vẻ và có những phát triển ngoài cả ý thức xã hội.

Lại phải trở lại vẫn những nguyên lý cơ bản của văn học, ấy là sự chọn lọc các chi tiết truyện ngắn còn non tay, chưa đắt, tình tiết lỏng lẻo với lối quan sát chưa chín v.v...

3- Truyện ngắn có thể không có nhân vật và không có cốt truyện, nhưng...

Cách đây không xa, văn chương Việt Nam ồn ào với lối viết của Phan Thị Vàng Anh (PTVA). Những tác phẩm của PTVA xuất hiện gây chú ý ngay cho người đọc từ phút đầu. Hầu như những bài viết của chị, nhân vật không có tính chất đậm đặc như thường thấy mà cốt truyện cũng chàng màng. Đọc chị, người ta bị ám ảnh, bị lôi cuốn; nhưng là sự lôi cuốn bởi những cảm giác, suy nghĩ của một con người trong một hoàn cảnh nào đó. Lối viết này, rất gần với nhật ký của một nữ sinh có tài.

Phan Thị Vàng Anh có quyền như thế. Đó là sự dũng cảm tự mình tìm một mạch lộ mới. Muốn từ chối lối viết cổ điển của mùa gặt năm trước. Và ở lứa tuổi chị khi đó, lối viết ấy phù hợp.

Nhưng cái hài kịch là sau đó, nhiều người bắt chước kiểu viết ấy. Kể cả một vài cây bút không còn ở độ tuổi mơ màng ngây thơ nữa. Vào cái tuổi ngấp ngé Nhi Bất Hoặc rồi, họ còn trình làng cái bảng lảng của những trang nhật ký tuổi xanh! để rồi có người tuyên bố: Truyện ngắn không có chuyện mới là truyện ngắn hiện đại!!

Những sự từ chối tương tự như vậy ở nhiều nhà văn trẻ của ta đã tìm ra lời giải về truyện ngắn hiện đại hay chưa mà thực tế thì rất nhiều trang viết của họ còn là vấn đề mông lung và nghi ngờ lắm.

Bởi vì truyện ngắn hiện đại, không thoát khỏi những quy luật cổ điển của truyện ngắn, sự phát triển theo cả hai cấu trúc Truyền Kỳ và Tân Truyện vẫn song hành trên thế giới. Cái hiện đại không chỉ nằm

trong sự cách tân về hình thức thể hiện; ví như tiết tấu truyện nhanh hơn xưa, tốc độ các sự kiện dầy đặc hơn xưa, cách thức đảo các sự kiện, trộn lẫn hư ảo, hay đặt nghịch về thời gian chỉ là thao tác biểu đạt. Sự hiện đại vẫn đạt tới trên cơ sở hai cấu trúc cổ điển nói ở phần trên, nếu như nó, cấu trúc ấy được thổi vào luồng thông khí của ngày nay, cập nhật ngôn ngữ của hôm nay và nhất là đưa các vấn đề thấu lẽ, những vấn đề không chỉ nằm trong một dân tộc, dù nó là câu chuyện của một sắc tộc ít người. Tất nhiên ở đây, không chỉ giới hạn trong hiện thực cuộc sống.

Sự thay đổi cách viết, khi xử lý những tiết tấu truyện, nhanh hay chậm phụ thuộc vào ý nghĩa nội dung của từng đoạn, ý định chủ quan của tác giả định bắt người đọc khởi lên một cảm giác nào ở từng đoạn của truyện ngắn. Tất nhiên ngày hôm nay, với tốc độ sống chóng mặt, thì dường như tốc độ truyện hiện đại đỡ cà rầm cà rà hơn xưa, các chi tiết thường ở mật độ dầy. Nhưng những chi tiết của truyện vẫn không thoát khỏi đặc trưng cái mà ta gọi là chi tiết truyện ngắn đã được định hình từ truyện ngắn cổ điển. Nghĩa là tất cả những chi tiết đã viết ra phải gợi được, xoay quanh vấn đề chính của truyện, nêu bật được ý nghĩa chuyện hay nổi bật tính cách của nhân vật trong truyện.

Thủ pháp truyện hoang tưởng, hay lối kể đan cài không tuân theo thứ tự thời gian về mặt nội dung cũng không nằm ra ngoài sự tính toán cũ của truyện ngắn truyền kỳ. Ngày nay, khi kết hợp những cấu trúc giữa truyền kỳ và tân truyện, người ta đẻ ra hàng loạt truyện tranh và truyện phim cho trẻ con và cả người lớn với nhiều sự tưởng như hoang tưởng kỳ quặc. Nhưng thực ra, dưới mặt bằng hoang tưởng kỳ quặc ấy, các nhà văn vẫn gửi những thông điệp của họ về thế giới hiện thực hôm nay, hay phản ảnh ước mơ của con người về thế giới ngày mai. Chỉ có điều, nhà văn của chúng ta có thể mang tác phẩm ấy ra dọa dẫm được thế giới hay không lại là chuyện khác. Và điều ấy chẳng dễ chút nào. Một người có thể tạo ra một miền đất hoang tưởng, những câu chuyện hoang đường có tính ẩn dụ nào đó, cũng phải nắm lấy cuộc sống thường nhật tìm chất liệu để hợp lý, logich phát triển của chuỗi những sự kiện trong đó. Nhất là logich về tâm lý nhân vật.

Có một tác giả nào đó đã phát biểu, truyện ngắn gần gũi với thơ. Tôi cho rằng điều ấy xác đáng khi đặt vấn đề khởi thủy của truyện ngắn và thơ. Đó là những vấn đề mà truyện ngắn viết ra, phải từ những bức xúc trong tâm hồn người viết. Nói như nhà thơ Rainer Maria Rilke:

- Ông hãy đi vào chính mình. Hãy truy cứu cái nguyên do khiến mình cần bút; hãy kiểm tra xem nó có bắt rễ từ chỗ sâu xa nhất của trái tim không, hãy tự thú xem nếu không viết liệu mình có chết nổi không...(3)

Truyện ngắn cũng cần điểm khởi phát tương tự như thế và có

thể như vậy, nhà văn Nguyễn Khải từng thú nhận đại loại rằng, các truyện ngắn của ông bao giờ cũng có bóng dáng cuộc sống tôi ở trong đó. *Cái cuộc sống tôi mà Nguyễn Khải định nói, có phải vừa mang tính chiêm nghiệm từng trải, vừa mang tính bức xúc của tâm hồn ông?*

Một số nhà văn trẻ có làm như vậy không. Có lẽ chỉ họ mới trả lời rõ ràng hơn chúng ta. Nhưng qua cách rà xát của TN thì thấy sự yếu kém của các nhà cách tân truyện ngắn còn bất cập vì chưa thành thạo lối cũ đã chiếm ngự một thông lộ mới.

Người viết bài này không muốn nói rằng các nhà văn trẻ quay lại viết truyện ngắn có tính cổ điển. Mỗi nhà văn tự tìm lấy tạng viết của mình. Nhưng, một truyện ngắn ở dạng cổ điển, có chuyện, có nhân vật, hấp dẫn người đọc từ đầu tới cuối, không cho họ đoán ra diễn biến tâm lý và sự kiện kết thúc sát ở phút chót, cũng không dễ dàng đâu.

Nhưng các nhà văn trẻ của chúng ta khi đã chọn con đường của họ; thử hỏi họ đã gặt hái gì?

Thử hỏi, ngay cả những tác phẩm thành công của PTVA, người đọc rút ra được điều gì, nhớ kỹ điều gì ở xã hội và con người? Những phơn phớt u hoài trăn trở như thế, sau PTVA hàng loạt ong bướm bay ra, để lại chi khi nắng hè oi ả? Tôi không ngạc nhiên khi kiểu viết ấy, mùa gặt ấy của PTVA như vụ lúa ngắn ngày chêm giữa hai vụ chính Mùa, Chiêm. Liệu người ta có sừng sững như một thạch nhũ văn chương được không, nếu một đời văn chỉ là đốm lửa những mong manh xanh xanh như vậy, khi thực tế xã hội, con người mỗi năm một biến động, mỗi tuổi một biến cố và sâu sắc hơn trong chiêm ngiệm. Bởi vì, truyện ngắn công nhận cả dạng thức không có nhân vật, không có mâu thuẫn xung đột, không có cốt truyện; nhưng tầm vóc nó như thế nào, hay là chỉ phản ánh một gian đoạn nhất thời nào đó, những điều vụn vặt manh mún của cuộc sống và chỉ dừng lại ở đó, không gợi ra một thế giới vượt khỏi cái cụ thể truyện nhìn vào? Phải chăng dù cách thức biểu hiện thế nào đi nữa, nó chỉ thực sự thành công khi đọc xong, gây được ám ảnh cho người đọc, lắng xuống từ một xúc cảm sâu sắc nào đó, dù là thế thái nhân tình, thây phận của một cõi người, hay giấc mơ hão huyền về vẻ đẹp nào đó. Bằng không, dù thiên thần chước quỷ, kỹ thuật chữ nghĩa gì chăng nữa; hoặc là, chúng như một làn sương mỏng trong một sớm mùa xuân; hay là, một áng văn dầy đặc chữ nghĩa mà thiếu mất hồn vía ngoài một kiếp đời nhân vật mà tác giả bầy đặt?

Ngày nay dòng chảy văn chương đương đại càng mở rộng và vấn đề càng không đơn giản như Tuyết Ngân suy nghĩ: các tác giả chỉ thực sự vĩ đại khi để lại một mẫu nhân vật nào đó. Điều ấy thật bất cập ngay cả trong tiểu thuyết hiện đại, nói chi tới truyện ngắn ố Nhân vật mà

tôi đề cập ở trên.

Nhân đây cũng bàn rộng ra một chút. Hình như có một thế hệ đã quá quen với Hồng Lâu Mộng, Chiến Tranh Và Hòa Bình, Sông Đông Êm Đềm rồi. Vâng! Tại đó có tuyến nhân vật, có chính và phản diện, có những tầng xung đột, chương hồi hoàn thiện. Nhưng còn nữa, trong tiểu thuyết hậu hiện đại, hỏi ở Phía Tây Không Có Gì Lạ, Trăm Năm Cô Đơn thì trong đó, ai là phản diện, ai là chính diện; nhân vật còn mang hình dáng mầu sắc của những thời kỳ tiểu thuyết trước nó không?

Những truyện ngắn đương đại có tiếng vang gần đây ở Mỹ, ở Pháp và gần nhất là Trung Hoa mà Giả Bình Ao là một hiện tượng, hỏi có bao nhiêu nhân vật chạy ra cửa miệng của nhân gian? Hay là ở họ, dạng thức nhân vật tiểu thuyết và nhân vật truyện ngắn có những khác biệt rất khác nhau trong cấu trúc, dàn dựng.

4- Một lối đi nên tránh.

Những nhận xét chung của truyện ngắn về nhược điểm của các cây bút trẻ hiện nay, tôi cho rằng tương đối đầy đủ, nhưng cũng cần nhấn mạnh thêm một hiện tượng khá phổ biến, không chỉ ở truyện ngắn mà còn ngay trong vài cuốn tiểu thuyết; ấy là khi xu hướng các nhân vật Việt Nam của ta thích triết lý một cách vô lối. Người ta cứ đinh ninh cho rằng có như vậy truyện của họ mới tải được những ý nghĩa cao xa. Đọc truyện ngắn của một người nổi tiếng bữa xưa, hôm nay cũng đầy những nhân vật như thế. Thôi thì đám thanh niên du thủ du thực, cô gái nạ giòng, hay một chú choai choai ở một vùng quê cứ động mở miệng là triết lý. Những cậu ấm cô chiêu, hay đám sinh viên từ đâu về tập làm Khổng Tử, Lão Tử Việt Nam ấy, tha hồ tuôn ra những còn xanh, rẻ tiền; càng mông lung, ỡm ờ càng tốt. Lại nữa, khi học ở đâu đó họ ném vào những đoạn đồng giao, tân cổ giao duyên mang theo những giải tần khó hiểu.

Xây dựng những con người mang mặt nạ triết học như vậy, những người viết hy vọng rằng, truyện ngắn của họ mang tầm tư tưởng lớn; song thực ra, họ không biết là họ đã tạo nên đám nhân vật giả dạng, đám nhân vật không có thật trong đời sống. Điều ấy chứng tỏ họ chưa hiểu, những truyện ngắn có giá trị tư tưởng lớn thì ý nghĩa của nó nằm trong mối liên quan giữa các sự kiện và nhân vật được thể hiện tự nhiên và bình dị. Chúng ta hãy nhớ lại truyện ngắn Người Đi Xuyên Tường của một nhà văn Pháp. Nhân vật trong đó có hề triết lý một câu vớ vẩn nào, đại loại như các nhân vật Việt Nam. Những truyện ngắn của Nam Cao hay Cố Hương của Lỗ Tấn chẳng hạn, các nhân vật nào đâu vặn vẹo ra miệng ý nghĩa cuộc sống ra sao, vậy mà những truyện

ngắn của họ lại mang tầm vóc không chỉ cho một thời kỳ, không chỉ phản ảnh một dân tộc.

Văn chương cổ có nói một câu mà tôi rất tâm đắc, nôm na: Văn muốn tới mà chưa tới là hạng bét; nói tới mà tới là hay; nói chưa tới mà tới là thứ văn chương tuyệt chiêu!

Sau sự thành công của Nguyễn Huy Thiệp, không ít người ngộ nhận, nói ngược với các giá trị thẩm mỹ và đạo đức định hình trước họ, sẽ mau chóng làm cho họ nổi tiếng. Thế là thay vì khai thác cuộc sống bình thường dung dị như của một thế hệ viết đi trước họ, nhiều người viết trẻ tập trung vào con lộ hiện sinh, bản năng và cá nhân con người trong cuộc sống hiện tại.

Cá nhân con người thì tốt thôi. Khai thác tối đa cá nhân cái Tôi của mình cũng là một mảnh đất phong phú quá rồi. Phản ánh bản năng của con người cũng không nên chối bỏ. Nhưng đặt cái tôi thế nào, phô diễn cái bản năng ra sao cái để người đọc nhận thức được cái tôi, bản năng của mỗi người trong ngòi bút không thấp hơn các sự kiện thấp hèn là một điều còn bất cập ở các văn bút trẻ.

Tôi đến mức thái quá, khi mà bao giờ cũng Phải Bảo Trọng Mình luôn luôn và trước đã, thì cũng là sự nhẩy từ thái cực này sang một thái cực khác. Tôi đã có lần tâm sự với con gái của tôi rằng, cuộc sống ngày xưa luôn đề cao tổ quốc lên trên gia đình, tập thể luôn trên cá nhân; đấy là một giai đoạn chiến tranh, khi tổ quốc lâm nguy, quyền lợi của cộng đồng bị đe dọa, mà quyền lợi của cá nhân ở thời khắc đặc biệt ấy, nằm trong sự sống chết của cộng đồng. Ngày nay chúng ta sống trong hòa bình, xây dựng. Cách nhìn xưa sẽ mang lại sự mất cân bằng cho xã hội, bất cập trong thực tế phát triển không đồng đều của xã hội loài người phát triển bình thường. Vì thế quyễn lợi của tổ quốc và gia đình, cá nhân và tập thể phải xem ra bằng nhau. Không nên, nhất bên trọng nhất bên khinh.

Điều tâm sự trên không chỉ có ý nghĩa về nhận thức sống mà còn là dấu hỏi ở cách đặt vấn đề trong các truyện ngắn của ta gần đây, kể cả một số truyện đề tài chiến tranh, lấy sự hiểu biết của ngày hôm nay, mối quan hệ sống của ngày hôm nay để lý giải một thời đã qua; cái thời mà ngày ấy chúng ta không nghĩ như hôm nay và nhiều khi phải hành động như vậy vì không thể khác được. Những lý giải mập mờ cuộc sống cá nhân trong mối tương quan của đời sống cộng đồng mang tính hiện sinh, đề cao lối sống ích kỷ của con người trong xã hội mới.

Nhân đây xin kể một chuyện nhà văn X nói cho tôi nghe về sự nguy hại của văn chương, mà theo tôi đó là tính mập mờ của vài truyện ngắn hôm nay.

Nhà văn X kể rằng, anh nhận một thư của một người thủ kho. Anh ta sau khi bán nửa kho quân trang mua sắm đầy đủ cho vợ con rồi bỏ

trốn và viết cho X một lá thư cám ơn: đại loại "cám ơn nhà văn đã dạy tôi sống"(!)

Khoan hãy nói tới truyện ngắn hiện nay của bạn tôi, nhà văn X hay dở ở chỗ nào. Nhưng rõ ràng, việc làm phạm pháp của anh chàng thủ kho kia là kết quả của một lớp người đọc nhận thức văn chương của X. Có phải chăng cái nhận thức nguy hiểm ở chỗ: Luôn Bảo Trọng Lấy mình. Còn bảo trọng thế nào, với cả cộng đồng này thế nào thì người đọc không thấy.

Nghe xong chuyện. Tôi nhớ lại những ngày ở trên mặt trận Tây Nguyên. Chúng tôi phải cắt hai ống tay áo, lọc mảnh lành để may quần đùi mặc. Chúng tôi phải ăn củ chuối, đọt khoai dại dai như đỉa và sắn mốc luôn mấy tháng mùa mưa. Khi đó, chúng tôi căm phẫn vài người tải lương đã mang hàng tấn gạo nuôi lợn cải thiện đơn vị mình. Ngày hôm nay, sau chuyện của gã thủ kho quân lương kia, bao nhiêu đồng ngũ tôi ở biên giới hải đảo thiếu áo quần giữa mùa đông giá rét?

Khép lại vài suy nghĩ về truyện ngắn, nhân trao đổi một bài trên Văn Nghệ Trẻ, tôi chỉ muốn chép lại vài lời của học giả Lê Quý Đôn trong Vân Đài Loại Ngữ:

- Ba Trăm thiên trong kinh thi phần nhiều xuất phát từ điền phu, khuê phụ mà các văn sĩ đời sau không thể nào theo kịp được, vì nó chân thành.

- Viết văn, lấy ngôn ngữ chấm phết cho lạ kỳ, nhai đi nhai lại, dốt cuộc cũng chẳng có gì, ấy là văn quê vụng.

- Lời nói cốt bình dị mà thôi - Từ đạt nhi dĩ hĩ.

- Từ xưa văn nhân phần nhiều mắc bệnh khinh bạc, nguyên là thể chất súc tích văn chương nên cao hứng thú, phát dẫn linh tính khiến cho người ta kiêu căng, cho nên quên giữ gìn tiết tháo, qua mạnh về tiến thủ. Tôi cho là ít học vấn, thiếu hàm dưỡng và bị khí làm chủ động (Nhan Chi Khôi).

Nước Đức, 04-2001

NGUYỄN VĂN THỌ

1- Chữ của Nguyễn Huy Thiệp - trả lời phỏng vấn Multikusnti Đức, 2000;

2- Báo Văn Nghệ Trẻ; số 14 - 08.04.01;

3- Thư gửi một nhà thơ trẻ - Nhà xuất bản Hội Nhà Văn - 1995; Phạm Thị Hoài dịch.





NGUYỄN HOÀNG VĂN

Mấy thuở tà dâm

Không ai biết chắc giữa hai câu thơ:

Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm

của Nguyễn Công Trứ và:

Đàn bà chớ đọc Thúy Vân, Thúy Kiều

của một tác giả dân gian nào đó, câu nào có trước, câu nào có sau. Chỉ chắc chắn một điều là, hết thảy, đều ló mặt với đời sau khi Bà Banh đã bị thay tên: thời nào Bà từng nô nức khói hương; thế rồi, từ một ngày nào đó, đã lặng lẽ sân chùa: Vắng như chùa Bà Đanh...

Bà Banh, vị nữ dâm thần đứng... banh chân tớ hớ tênh hênh cho khách thập phương chọc gậy vờ vịt làm cuộc âm-dương, cái cuộc âm-dương của trận mây mưa có bốn lứa đôi trần trụi nồng nàn quấn quýt vào nhau trên thạp đồng Đào Thịnh, thứ thạp nghe đâu đã có từ thời kỳ Đông Sơn. (1)

Ngày nay những điều như thế - cái dáng đứng banh ra mời mọc cho đời chọc vào hay bữa tiệc orgy tưng bừng trên cái thạp đồng khởi đầu văn hiến - được chúng ta gọi chung là tín ngưỡng phồn thực, tức niềm tin hướng về cội nguồn của sự sinh sôi nẩy nở thời tiền sử, cái thời mà Thượng Đế hãy còn là đàn bà và cái sự dâm, nếu có thể tạm gọi như thế, chưa... tà.

Trong suy niệm hồn nhiên của con người tiền sử thì thân thể của người phụ nữ có cái gì đó bí ẩn: qua những hiện tượng như kinh nguyệt chẳng hạn, họ thấy cả một dấu tích huyền hoặc của thiên nhiên, cứ như là chu kỳ trăng mọc rồi trăng lặn. Cứ như thế suy rộng ra: nếu người đàn bà có thể khai sinh những mầm sống thì một đấng nữ thiêng liêng nào đó cũng khai sinh ra vũ trụ muôn loài này, và nếu người đàn bà có thể tiết dòng sữa ngọt giữ gìn mầm sống thì muôn loài cũng được nuôi dưỡng bằng sản vật thiên nhiên của bà mẹ lớn nào đó!

Bài thơ được xem là cổ nhất của nhân loại - sáng tác vào khoảng 2300 B.C. - là tác phẩm của một nữ pháp sư, sáng tác để ca ngợi một nữ thần. Thời đó, cái nghề pháp sư, như là dấu gạnh nối giữa thế giới siêu nhiên và thế giới phàm tục, đều do nữ giới đảm nhận và tín ngưỡng tôn sùng Thượng Đế nữ này kéo dài từ khoảng 25,000 B.C cho đến 500 A.D., tức lúc những vị vua tin vào đấng Ki-tô ra tay cấm đoán (2).

Dâm hãy chưa... tà nên cái sự động tình mây mưa của những đấng thiêng liêng cũng cứ là nô nức. Cứ nghĩ: nếu người trần thế mây mưa để đời sống này tiếp diễn thì thần thánh cũng nên mây mưa để thiên nhiên, như một nguồn dưỡng chất nuôi sống con người, tràn trề nẩy nở: đam mê dục lạc, như thế, không những chỉ là một nhu cầu tự nhiên mà còn là một bổn phận. Bà mẹ thần thánh của thời mẫu hệ, do đó, đã là một phụ nữ hoàn toàn... giải phóng. Khác xa với tính chung thuỷ, tiết liệt và, nhất là, tính thụ động và an phận trước sự chọn lựa hay sự tùy tiện ban ơn mưa móc của nam giới ở hình ảnh bà mẹ lý tưởng của nền văn minh phụ hệ; bà không bị trói buộc bởi những xiềng xích hôn nhân và một ràng buộc đạo lý nào. Dâm chưa tà nên bà thoải mái luyến ái và lang chạ, thay người tình mà cứ như là thay áo (3).

Dâm chưa tà và nữ giới còn là đấng bề trên nên sự lấn lướt chăn chiếu của người đàn bà cũng được thần thoại hoá. Người Ai Cập đã diễn tả rất cô đọng tương quan bất bình đẳng đó qua hình dáng dấp loã thể của nữ thần Osiri, thực hiện đâu vào khoảng năm 1,000 trước Công Nguyên: thần đứng xoạc chân như thể bao trùm cả cõi nhân gian và từ bên dưới, gã đàn ông cố sức chỉa thẳng dương vật của mình lên trời,

một dương vật mà - dù đã cố tỏ ra hùng dũng và đã phóng đại nhiều lần - trông vẫn có vẻ gì đó nhược tiểu và tuyệt vọng làm sao. Thần còn được phụ nữ đeo tòng ten trên cổ như một thứ bùa chú có kèm theo một hình tượng dương vật với kích thước rất khiêm nhường (4).

Đó còn là sự rẻ rúng và coi thường, xem nam giới như một thứ đồ chơi, thích vứt đi lúc nào thì vứt. Hầu như ở mọi nền văn hoá, nữ thần nào cũng lắm tình nhân, những người tình mà, sau những cuộc mây mưa, sẽ bị những nữ thần vứt bỏ không chút tiếc nuối. Ám ảnh thần thoại này còn kết tụ ở tập quán xã hội và dai dẳng sống đến tận thế kỷ 19 tại nhiều vùng đất bán khai: Nữ vương xứ Baidu ở Phi Châu thường bắt những người tình một đêm ra tra tấn trước khi đem ra chặt đầu; trong một bản phúc trình, những viên chức Anh đã ghi nhận tập quán thay chồng của nữ vương Ashanti: thủ tiêu hàng tá tình nhân sau những thời hạn định kỳ để thay đổi bằng hàng tá khuôn mặt mới! (5)

Khi trật tự mẫu quyền lung lay để nhường dần chỗ cho chế độ phụ quyền thì nam giới mới bắt đầu thoát khỏi thân phận bị rẻ rúng, và do đó, trong các nghi lễ tôn giáo, dương vật của họ, hay nói một cách bình dân là con cu, mới bắt đầu... to ra.

Tiến trình này khởi sự từ những giai đoạn đầu của thời đại đồ sắt sớm khi nam giới ý thức được vai trò quan trọng ở bắp thịt của mình trong những nỗ lực sinh tồn. Trong chiều hướng lấn lướt đó, họ càng trở nên tự tin hơn về sự dự phần của mình trong chức năng sáng tạo: không có họ thì người đàn bà chẳng thể nào tự mình... làm mẹ, và như thế, cơ thể người phụ nữ bỗng dưng đánh mất vẻ huyền bí nguyên thủy. Để lật ngược thế cờ, thì điều trước hết là phải lật ngược cái mặc cảm nhược tiểu chim cu, cái thân phận nhỏ nhoi của gã đàn ông Ai Cập từng ngậm ngùi trước dáng đứng bao trùm cả cõi nhân gian của nữ thần Osiri (6).

Nhưng to ra không thôi thì vẫn chưa đủ. Họ phải dựng nó dậy ngạo nghễ, thiêng liêng: cội nguồn sáng tạo phải chuyển từ nơi sâu kín trên thân thể người phụ nữ sang cái bộ phận vừa dài vừa tròn, khi cứng khi mềm của gã đàn ông.

Như thế, cái hình tượng dài tròn ấy mới bắt đầu chế ngự trong các đền đài hay nghi lễ. Trước, nó vẫn xuất hiện trong các nghi lễ đấy nhưng khi mà nam giới hãy còn yên phận tôi đòi, cùng lắm là nó xuất hiện như những phẩm vật hiến tế. Người Hy Lạp có thể rườm rà với những nghi thức ở đó hình tượng dương vật có thể xoay xoay động đậy hay ngỏng lên ngỏng xuống giống như trò múa rối, họ có thể rườm rà với những nghi lễ đón rước ở đó hình tượng dương vật được vinh danh bằng những vòng hoa hay những cái hôn làm phép những

phụ nữ có địa vị cao trọng (7), nhưng dù sao đó vẫn chỉ là một thứ dương vật để tế thần. Chỉ khi nam giới đã có quyền rẻ rúng nữ giới - chẳng hạn như ô uế hoá hiện tượng kinh nguyệt mà trước đây xem là bí ẩn và huyền nhiệm - bộ phận sinh dục của họ mới thực sự trở thành thần: thần dương vật (8).

Khi vị thần đó đã có thể an hưởng sự khẩn cầu, thí dụ như những phụ nữ hiếm muộn với nghi thức ôm hôn hay leo trèo nựng nọt, thì hình tượng của nó càng lan tràn trong đời sống xã hội và trong thần thoại. Vào khoảng thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên, hình tượng dương vật đã tràn ngập những đô thị Hy Lạp với những phù điêu chạm trổ cho đến những "cột dương vật" đứng dọc theo đường phố; cứ theo những trước tác của Delos thì người Hy Lạp đã xây dựng một đại lộ với những cột dương vật lớn dương thẳng lên trời, như thể là nòng đại bác. Người Ấn Độ cũng mê say dương vật không kém với truyền thuyết về con cu lớn nhất thế giới, gọi là "gậy trời" của nữ thần Shiva, từ cõi trần vươn mãi lên cao cho đến khi bị bầu trời ngăn lại.

Điều đó, thậm chí, còn gắn bó với cả những thói tục man rợ của chiến tranh. Chúng ta đã nghe nói đến tập quán chặt đầu, cắt tai hay lột da đầu kẻ thù như là biểu tượng chiến thắng của những bộ lạc hay dân tộc đây đó, nhưng khi con cu của người đàn ông được xem là thiêng liêng, nó cũng được xem như là biểu tượng của chiến thắng. Bức phù điêu chạm quanh ngẫu tượng dương vật tại Karnak, Ai Cập, dựng vào năm 1300 B.C. còn kể lại cho đời sau một chiến công lẫy lừng của hoàng đế Meneptha: cắt được 13,240 con cu của đối phương! (9).

Nó, hình tượng con cu, còn thâm nhập vào phong tục và ngôn ngữ. Trong Anh ngữ, bên cạnh nhiều ý nghĩa khác nhau, chúng ta đã quen với testament như một tuyên bố, một xác nhận về một sự thật nào đó, hay tên của một bộ thánh thư là một từ ngữ có gốc gác La Mã: testes (10). *Testes*, cũng trong tiếng Anh, là hai khối tinh hoàn, hay nói một cách bình dân là hòn dái, nhưng sao lại lạc bước vào đây?

Thì, cũng như Trời thiêng Đất thiêng trong mấy lời thề thốt bình dân hôm nay. Người nay thề Trời thề Đất thì người xưa, như người Ả Rập chẳng hạn, lại trịnh trọng thề cu thề buồi và nhờ cậy chúng đứng ra làm chứng: O Father of Virile Organ, bear winess to my oath! Mà không chỉ là lời thề suông: họ còn sờ mó của nhau để biểu lộ lòng thành thật, thậm chí còn xoa vò hay vuốt ve để kích thích cho cu mình cương cứng lên, như một cách để long trọng hoá cái sự ăn thề. Cứ như vậy, hễ ngày nào con người còn vinh quang cắt cu thù làm biểu tượng chiến thắng và còn trịnh trọng sờ cu mó dái nhau ăn thề thì ngày đó cái

sự "dâm" vẫn còn loạn đả một cách hồn nhiên. (11)

Dâm chỉ... tà khi quan hệ nam nữ trở nên phức tạp hơn với những ràng buộc trinh tiết, vốn là sản phẩm của ý niệm sở hữu, nền tảng của trật tự phụ quyền. Đó là lúc gã đàn ông muốn chiếm đoạt người phụ nữ như thể chiếm đoạt một thứ tài sản riêng: nó phải chưa là của ai và phải thuộc về mỗi một mình gã, quyết không bị sây sớt ra ngoài. Cái không thuộc về ai là trinh, cái không sây sớt ra ngoài là tiết và những ý niệm như thế được lồng ghép vào khuôn khổ đạo lý, làm thành một thứ nền tảng tinh thần của trật tự xã hội mới. Trật tự đó bao gồm những lề luật định chế và những khuôn khổ luân lý, thuận theo là "chính", ngược lại là... tà. Dâm mà xâm phạm vào tiết và trinh, như một chỉ số của quyền sở hữu, sẽ trở thành tà. (12)

Riêng tư là một khía cạnh khác của tinh thần sở hữu và ý niệm trinh tiết cũng không phải là ngoại lệ. Trong khuôn khổ của trật tự phụ quyền, ý niệm đó lại được quy phạm hoá những ràng buộc như thế thành một thứ lề luật khe khắt. Kín đáo là đòi hỏi đầu tiên của người phụ nữ, và nếu người phụ nữ không thể tự nhiên phô bày cái xuân thì phơi phới thì những nghệ sĩ cũng phải đoạn tuyệt với truyền thống của các hoạ sĩ hang động thời tiền sử: có diễn tả thân thể của người đàn bà, họ cũng phải vẽ thêm cánh lá nho che đậy.

Cứ thế loài người dệt hay vẽ lá nho che đậy mãi. Che đậy cho đến khi ngộp thở, không thể ngủ yên trong khuôn khổ cứng nhắt của đạo lý rồ bùng ra, vỡ oà, như cuộc cách mạng tình dục, sôi nổi ở những năm kéo dài từ thập niên 60 đến thập niên 70 chẳng hạn. Sôi nổi đến độ hầu như bội thực.

Cái dâm trong văn chương cũng ví như màu sắc đậm nhạt của chiếc lá nho mà người hoạ sĩ thời nào đã vẽ nên che đậy: thoạt tiên lá chỉ trơ cành, lá mọc đậm đà, lá trong dần rồi lá rơi dần. Lá trơ cành như cái ngày *Em van mà nó chẳng tha / Nó đem nó đút thằng cha nó vào.* Lá mong mỏng he hé như khi Nguyễn Du *Xem trong âu yếm có chiều lả lơi...* Lá đùng đục cau có đáng kiếp tà dâm hay mô phạm *chớ đọc Thúy Vân Thúy Kiều...* Rồi lá rơi rụng, rơi rụng như những trang giấy rướn cong hơi thở dục tình, sang cả hay dơ dáy rẻ tiền, lạm phát đến độ ê hề. (13)

Vậy thì biết làm như thế nào đây? Cúi nhặt dăm ba cánh lá rụng rơi hay yên lòng với những gì mà lá đã để lại đằng sau? Cái đó thì tùy. Vẽ chiếc lá che đậy cũng là một nghệ thuật mà ngắt chiếc lá vứt đi, phơi bày lồ lộ cũng là một nghệ thuật. Cái ấy, cái ở đằng sau chiếc lá, không thành vấn đề, vấn đề là vẽ hay xoá chiếc lá đi như thế nào.

Thế thôi: cái quan trọng là cái cách, là nghệ thuật. Còn như chỉ

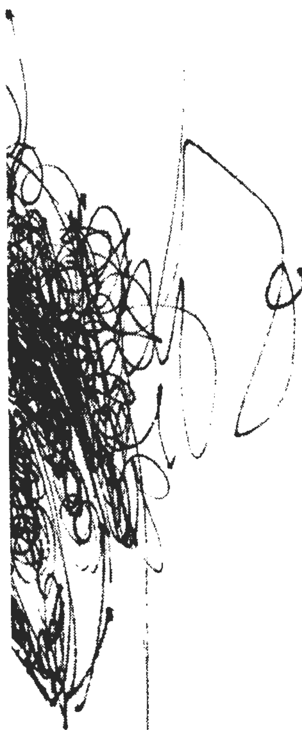
muốn trần trụi cái ấy thì chỉ cần đơn giản nhập vai Tràng Khanh, Tống Ngọc: biết bao là kẻ sớm đưa tối tìm, vừa tiện, vừa nhanh, sao lại phải mất thì giờ vạch... lá?

NGUYỄN HOÀNG VĂN
Sydney 7.10.2001

Tài liệu tham khảo & chú thích:

1. Thạp đồng Đào Thịnh tìm thấy ở làng Đào Thịnh, Yên Bái, có niên đại khoảng năm 500 B.C. Giữa thạp là hình mặt trời giống mặt trống đồng, chung quanh có chạm hình bốn đôi nam nữ đang giao hợp. Tập tục thờ các dâm thần bị chính thức cấm đoán từ thời nhà Lý.
2. Miles, R. 1990. *The Womenõs History of the World.* London: Paladin Grafton Book. (tr. 36-45)
3. Sđd (tr.41)
4. Sđd (tr.57-67)
5. Sđd. (tr.44)
6. Tiến trình thay đổi này có thể nhìn qua sự thay đổi giới tính của... thượng đế.. Các nhà nhân chủng học cho là có bốn giai đoạn. 1/ Khi thượng đế còn là phái nữ, nhân vật đó được đồng nhất với vũ trụ, hay, chí ít, được ca tụng là đã sinh ra vũ trụ. Thỉnh thoảng - một cách ngẫu nhiên và tùy hứng - họ cũng có những quan hệ luyến ái với nam giới. 2/ Khi quyền uy tối thượng đã hơi hơi giảm sút, sự "phụ thuộc" đàn ông của họ lại gia tăng: nữ thượng đế đã biết công khai tuyển mộ những "cung nam", những kẻ có khi chính là anh em hay con cái, để thoả mãn dục vọng. 3/ Nam thần xuất hiện và quyền lực ngang ngửa với những nữ thần. 4/ Nam đẩy nữ giới ra khỏi ngai vàng của thượng đế!
7. Sđd. (tr.110).
8. Sự rẻ rúng này có thể đã sinh ra hiện tượng đồng tính luyến ái.. Thí dụ như Greek Love, theo sử gia Plutarch, thì đó chính là sự biến thái của hình thức tôn sùng "thần dương vật" khi nam giới cho rằng nữ giới không có vai trò gì khác ngoài việc mang thai và sinh sản. Họ bị từ khước cả những vai trò xã hội lẫn vai trò tình cảm: không cần đến đàn bà, đàn ông với nhau thôi, cũng dư sức để tạo nên khoái lạc.
9. Sđd.(tr. 63)
10. Trong tiếng Anh testes là số nhiều của testis, từ đồng nghĩa là testicle.
11. Sđd. (tr.62)
12. Tuy vậy, thoạt đầu, thí dụ như phong tục cổ của người Ai Cập, trước khi lấy chồng cô gái nào cũng bị buộc phải làm tình với một ngẫu tượng dương vật bằng vàng tại đền thờ; và chỉ những ai, qua nghi lễ này, chứng tỏ được rằng mình vẫn còn là trinh nữ mới được coi trọng và được hoan hỉ đón nhận như những người vợ. Xem: Nguyễn Hoàng Văn. 2001. "Văn chương và lý thuyết mất trinh", Việt số 8. Melbourne: Australia.
13. Nguyễn Hoàng Văn. 1999. "Màu lá nho", Việt số 4. Melbourne: Australia.





CAO HÀNH KIỆN
Hành trình một ngày dài

Gao Jing Xian (Cao Hành-Kiện), người đoạt giải Nobel Văn Chương năm nay đàm luận cùng nhà văn Leslie Zhao (Leslie Triệu) về Trung Quốc, về lưu vong, và sự lớn mạnh của một giai cấp trí thức.*

Không dựa trên một mưu cấu truyện duy nhất, Linh Sơn là một tiểu thuyết thành hình qua những đan kết của nhiều mảnh truyện kể rời Nó là hành trình của một cuộc hành hương về thiên nhiên nguyên sơ, hướng tới văn hoá nhân gian và bản ngã nội tại Cao hành Kiện khởi viết tác phẩm này vào năm 1982 tại Bắc Kinh. Ông hoàn thành cuốn tác phẩm mà đã đem lại giải thưởng Nobel văn chương đầu tiên cho Trung Quốc này tại Paris vào năm 1989, không bao lâu sau cuộc trấn áp đẫm máu Thiên An Môn. Tác phẩm đối với ông buổi ấy là một cách đóng lại 48 năm sống thân phận

một con dân của Trung Quốc.

Trong những giai đoạn đầu khởi dựng Linh Sơn, hai biến cố đã có ảnh hưởng sâu đậm tới chữ nghĩa và tác phẩm của Cao Thứ nhất là một kết quả chẩn nghiệm của một lần khám sức khoẻ tới hạn kỳ vào năm 1983 cho thấy một vết nám ở phổi mà một giảo nghiệm tiếp tới cho biết đó là dấu hiệu ung thư . Thân phụ của Cao đã qua đời vì ung thư phổi, người đã sống được vỏn vẹn ba tháng sau kết quả chẩn nghiệm. Cao lại hút thuốc có hạng, nên nghĩ mình không qua khỏi phen này ông dành thời giờ sót lại cho mấy lạc thú là đọc Dịch Kinh và ăn uống. Thế rồi đúng là một ngạc nhiên cho mọi người, khi khám sức khỏe trở lại mấy tuần sau đó thì vết nám không thấy nữa và cuộc chẩn nghiệm trước được hồi xét lại như là một nhầm lẫn.

Biến cố có tác động lớn kế tới là cuộc tăng cường chiến dịch Chống Ô Nhiễm Tinh Thần của chính quyền Trung Quốc. Những tác phẩm của Cao, nhất là các vở kịch đã biến ông thành một mục tiêu của chiến dịch. Người cầm đầu bộ Tuyên Huấn của Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã chỉ đích danh Cao như một phần tử cần được đưa đi "lao cải " ở Thinh Hải, nơi có những trại tù khắc nghiệt nhất nước. Được tin này Cao rời Bắc Kinh trực chỉ miền thâm sơn biên thùy Tây Nam Trung Hoa, cứ thế mà đi, trong 5 tháng băng qua 15 nghìn kilômét và cuối cùng trở lại Bắc Kinh khi tình hình đã bớt căng thẳng.

Dấu tích những kinh nghiệm chuyến băng ngàn để lại rất rõ trong Linh Sơn. Đối mặt với thần chết và chạy trốn lưỡi đao chính trị là những kinh nghiệm mãnh liệt có lẽ đã giúp Cao tập trung tinh thần và thêm bén nhậy ở những nhận thức. Ở tiểu thuyết thứ hai, Thánh Kinh của Một Người, xuất bản vào năm 1999, Cao một lần nữa sử dụng tài năng sử dụng ngôn ngữ của mình để biểu tỏ cái hiểu của ông về con người và lịch sử. Cả hai cuốn tiểu thuyết đều đầy đặn triết lý tư tưởng Thiền. Khi đoạt giải Nobel Văn Chương năm 2000 vì tác phẩm của ông mang " cái nhìn hiển lộ sự thực phổ quát, những cái thấy đắng cay và biệt tài dụng ngữ", Cao trở thành ngòi bút đầu tiên mang Nobel Văn hương về cho trung Hoa

Ấy là một ngày tháng Mười, ở Trung Tâm Văn Giới Varuna ở Blue Mountains tôi nhận được tin Nobel trong khi đang chuẩn bị cho bộ sách các nhà văn Trung Hoa mà đã bước qua năm thứ tư của những ngày đêm biên tập. Chiều tối khi một người bạn điện thoại báo tin Cao đoạt giải, tôi phải thú thực ấy là lần đầu tiên tôi có cảm giác liên hệ mật thiết với giải văn chương này, dù rằng Cao, như một người bạn đang ở xa cách những ngôi nhà cũ của Eleanor Dark trong vùng núi non này của nước Úc tới hàng vạn dặm.

Hồi đầu năm, khi Nhà xuất bản HarperCollins ra mắt bản Anh ngữ cuốn tiểu thuyết Linh Sơn, Gao được mời tới Sydney (ông đã tới đây nhiều lần ở những chuyến diễn thuyết). Một buổi tối sau khi đã cơm nước ở Chinatown, tôi đã theo ông về khách sạn cho một cuộc chuyện trò.

Leslie Triệu: Ở buổi ra mắt Soul Mountain, mấy chữ đầu tiên anh nói: "Là một người trí thức". Vậy, một người trí thức là gì ? Khi đọc Soul Mountain (Linh Sơn) và One Man's Bible (Thánh Kinh của Một Người) tôi cảm thấy anh có một ý thức mạnh mẽ chính anh là một người trí thức. Thế hệ của anh đã kinh qua đủ loại khổ hình, thế nhưng tôi có cảm tưởng rằng ý thức bản thân như một trí thức của anh nó không giảm bớt mà thực sư đã trở nên mạnh mẽ hơn. Anh trở nên ý thức mãnh liệt rằng như một trí thức anh phải ứng xử những cách thế nào đó chứ không chỉ an tâm tồn tại là đủ.

Cao Hành Kiện: Khái niệm người trí thức đáng được bàn tới Có một sự khác biệt giữa khái niệm về kẻ trí thức ở Tây phương và kẻ trí thức trong cách định vị ở Trung Quốc. Ở Hoa Lục, ai qua được ngưỡng cửa đại học thì được xem là kẻ trí thức. Tây phương thì khác. Giới trí thức không thường bao gồm những người tốt nghiệp đại học hay cao học ở lĩnh vực khoa học kỹ thuật, dù rằng họ có khả năng tri thức cấp cao Những thẩm phán không được gọi là người trí thức - họ là những professional, giơõi coõ chưõc nghiệp. Trí thức là những người đưa ra tư tưởng, những triết gia Chỉ có những người dấn thân vào lĩnh vực tư tưởng xã hội một cách độc lập và lĩnh vực sáng tạo mới được gọi là trí thức. Ho viết những tác phẩm phản ảnh tư tưởng, và họ nói cùng xã hội Sự xuất hiện của giới trí thức hiện đại có lẽ khởi đi sau cuộc Cách Mạng Pháp. Họ là những cá nhân tư duy độc lập, nằm ngoài giới quyền quí, không lệ thuộc vào một chế độ quyền lực nào, họ tham dự vào xã hội và lên tiếng trước những vấn đề xã hội Lấy Emile Zola làm một thí du: những gì ông ta nói không đại diện cho quyền lợi của một phe nhóm chính trị nào Ông ta đưa ra hệ ý thức cá nhân của chính ông. Có những nghiên cứu kinh viện của giới học gỉa và tư tưởng không có liên hệ trực tiếp tới chính trị hay những vấn đề xã hội trước mắt. Nhưng họ có toàn quyền tự do tham dự . Ấy là điều kiện tiên quyết và tuyệt đối quan trọng. Sự chào đời của trí thức Trung quốc diễn ra vào thời điểm phong trào Mồng Bốn Tháng Năm. Tôi không nghĩ đã có giới trí thức trong xã hội cổ của Trung Quốc. Chỉ có những người đỗ đạt trở thành quan chức (scholar-official).

Nhưng giới trí thức ngày nay đang đối mặt với một thách thức, bởi vì trong qúa khứ tất cả họ đều thuộc về cánh tả, họ là những người đòi cách mạng. Ở cuối thập niên vừa rồi, khi Bức Tường Bá Linh sụp đổ, thế giới lý tưởng ngã về không tưởng (utopian idealism) của họ không còn đứng vững, và vai trò phát ngôn mà giới trí thức hiện đại tự đảm lãnh trong qúa khứ bị vâõn xeõt.

Từ quan sát của tôi, giới trí thức Pháp dường nhận thức điều này tương đối sớm sủa, đã bắt đầu tự mổ xẻ vấn đề ấy Trong lịch sử hiện đại, giới trí thức đã có một ảnh hưởng lớn lao lên xã hội, câu hỏi lúc này là, họ sẽ có ảnh hưởng gì trong tương lai ? Đây là một câu hỏi mới, lý thú.

Triệu: Trong lời bạt Liễu Giải Phủ viết ở *One Man's Bible , Liễu nói rằng đây là cuốn sách của một người lưu vong.* Tôi để ý tới chứng cớ ấy ở cả hai cuốn tiểu thuyết Linh Sơn và Thánh Kinh của Một Người, nó trở nên càng lúc càng rõ ràng hơn. Ở một mức độ nào đó làm như anh muốn viết cái kết thúc cho mạch nối đời anh với xứ sở Trung quốc, anh muốn cắt đứt mọi mạch nối Làm như anh đang muốn nói : " Đây, tôi đã xong với các anh rồi "

Cao: Khởi nguyên của Linh Sơn là tôi muốn viết một cuốn sách cho chính tôi Buổi ấy, dù là tôi đã tư áp đặt những giới hạn nghiêm nhặt cho bản thân ở nhiều tác phẩm, thì chúng vẫn gây khó cho tôi về mặt chính trị Tôi viết Linh Sơn để bày tỏ tôi một cách tự do, tôi không nghĩ một cuốn sách như vậy sẽ được xuất bản trong buổi tôi còn sống, và tôi không từng bao giờ có ý nghĩ sẽ định cư ở một nước Tây Phương.

Tôi viết xong Linh Sơn vào năm 1989. Sau khi nghe qua radio tin tức Thiên An Môn, tôi tự bảo dạ rằng làm sao phải xong tác phẩm này - tôi không thể trở về. Tôi đối điện ngay với một thực tại mới Nếu tôi muốn tiếp tục sáng tạo, tôi sẽ phải ở lại một nước Tây Phương. Trong hoàn cảnh ấy tôi viết chương cuối của Linh Sơn, vào cuối tháng sáu . Lúc ấy tôi nghĩ dù tôi có nhớ nhà nhớ nước, và dù tôi còn bao tình cảm với Trung Hoa, tôi sẽ không còn viết một tác phẩm nào khác nữa ở một đề tài Trung quốc như vậy nữa Nhưng khi khởi viết Thánh kinh của Một Người, ý tưởng giàn xếp cho xong một sổ đời với Trung quốc lại từ đáy sâu đâu lại trồi dậy một lần nữa

Dù cả hai tác phẩm bước ra từ một dòng suy tưởng, chúng là hai tác phẩm khác hẳn nhau *Linh Sơn ngã về tâm linh, trong khi Thánh kinh của Một Người nói nhiều hơn về chính trị* hiện thực, không phải chỉ chính tri Trung Quốc, mà cả chính trị Tây Phương, và nội dung cuốn

ấy cực kỳ sát cận thực tế.

Triệu: Tôi thấy dường như Linh Sơn có một cảm thức mạnh mẽ về kiểu cách (style). Đoc nó người ta ý thức anh chú ý rất nhiều tới hình thước, thể thái (form). Nhưng ở tiểu thuyết thứ hai, Thaõnh Kinh của Một Người, những chuyện kiểu cách thể thái đã được giải quyết êm xuôi, và những tố chất kiểu thức (stylistic elements) ấy bớt hiện rõ, cuốn sách dễ đọc hơn.

Cao: Thánh Kinh của Một Người là một cuốn sách rất sát thực tế. Trong một trong những cuốn sách khác của tôi, Tiếp Cận thực tại: Đối thoại về văn chương (bản Pháp Ngữ), tôi nói tới bằng cách nào đi gần với thực tại, càng gần sát càng tốt. Đây là một phản ứng trước khuynh hướng hậu hiện đại Tôi cực kỳ chống lại những lý thuyết loại này Chúng cho rằng không có ý nghĩa trong thế giới và không có cả sự thực, chỉ là một mớ tiếng nói vô nghĩa Tôi nghĩ họ đang chơi trò chơi chữ . Nếu nói là cái duy nhất còn lại, thì chẳng đáng cho chúng ta phải viết. Tôi muốn đi ngược lại và đi sát với thực tại đời sống.

Rất dễ để nói về thực tại, nhưng trong lịch sử văn học chúng ta đã có hiện thực chủ nghĩa và tự nhiên chủ nghĩa, và vô số kể người cầm bút đã nỗ lực diễn bày thực tại một cách trung thực. Khó khăn hôm nay là bước một bước khác tới việc nắm bắt thực tại Nhưng tôi nghĩ rằng điều này có thể làm được.

Triệu: Điều anh nói về thực tại dường như dẫn tới một vấn đề khác. Tôi cảm thấy anh đang cố sử dụng một khái niệm lịch sử khác thường vào tiểu thuyết của anh. Lịch sử cốt lõi là gì ? Nếu chúng ta nghĩ tới lịch sử như một thân cây đã bi đốn ngã, lệ thường người ta sẽ chặt nhánh chặt cành, gọt sạch thân cây Ở tiểu thuyết của anh anh lại làm ngược lại Anh lại thu tất cả mọi nhánh cành, để chúng nối kết với nhau như một tăng trưởng tự nhiên, để cho dù thân cây có biến mất khỏi tầm nhìn thì chúng ta vẫn có được dạng hình nguyên thuỷ của cây

Cao: Ở *Linh Sơn có một chương về lịch sử,* lịch sử qua rất nhiều những hướng nhìn khác nhau, chương sách kết thúc với lời tán thán: "Lịch sử, ôi lịch sử !" Mỗi người có cách nhìn cách nói riêng về lịch sử, và thực khó để nói cách nào là trung thực nhất.

Từ quan điểm của tôi tôi muốn loại trừ những dối traõ ngụy tạo, đã có vô số lời dối láo đã được tung truyền trong 100 năm qua, gồm trong đó cả những dối láo trong ý thức hệ . Tuy nhiên tôi không

thể nói rằng điều tôi đang cố tranh thủ để diễn bày cho trung thực là thực tại duy nhất. Nếu tôi có một quan điểm riêng về lịch sử thì nó đi ngược lại một lịch sử thống nhất hàm vĩ hay những loại lịch sử đã được ôn duyệt . Tôi nghĩ rằng lịch sử là cái gì đa dạng và có thể có những quan điểm khác nhau Nếu mỗi quan điểm đưa ra một khía cạnh trung thực của lịch sử, chúng sẽ bổ sung và phản ánh một bức tranh lịch sử hoàn tất hơn.

Triệu: Buổi ra mắt Soul Mountain, ấn bản Anh ngữ của Linh Sơn, được tổ chức ở một quán bia (pub) ở Sydney Nhà văn là anh thì tới từ Pháp. Tổng lãnh Sự Pháp đọc diễn từ ở một qúan pub nước Úc về một cuốn sách Trung Hoa Đối với anh, người đã có kịch và tranh diễn và trưng bày ở Âu Châu, điều này có lẽ đã là chuyện bình thường, anh cũng hẳn đã kinh nghiệm những chung đụng va chạm của nhiều ngôn ngữ và văn hoá trên những tụ điểm đời sống những năm qua Anh nghĩ gì về bản sắc ? Cuối cùng thì bản sắc của anh là gì ?

Anh có thể nói là một công dân quốc tế anh không giới hạn cảm thức quê hương vào một vùng đất, đâu cũng là nhà. Nhưng cuối cùng tôi nghĩ người ta vẫn trở về với câu hỏi gốc rễ của chúng ta nằm ở đâu

Cao: Tôi nghĩ ấy là một gỉa đề không chừng vô bổ. Những tranh luận bám vào câu hỏi loại này không đi tới một giải đáp thực tiễn nào cả. Nó không thay đổi điều kiện sống của chúng ta một mảy may

Nói về bản sắc thì nếu anh là một di dân thì anh là một di dân, nếu anh tỵ nạn chính trị thì anh là một người tỵ nạn chính trị . Ở ngôn ngữ nào thì nó cũng là một trong hai trường hợp, tự ý mà đi, hay vì hoàn cảnh bó buộc mà tới Chúng ta coõ thể làm một phân tích cụ thể về những vấn đề và dừng lại ở đó. Câu hỏi bản sắc nhìn chung là một câu hỏi mang tính chính trị, bởi vì nó liên quan tới những vấn đề phức tuế như quyền sống, quốc gia, chủng tộc, và những dị biệt văn hoá. Nhấn mạnh quá nhiều vào bản sắc có thể đưa tới những tranh cãi và nói năng không chứa đựng ý nghĩa thực sự nào, và còn dễ đưa tới chủ nghĩa dân tộc, quốc gia chủ nghĩa Có một vấn đề thực tiễn và có ý nghĩa hơn, ấy là vấn đề bản sắc cá thể (individuality).

Có một bản sắc nằm ngoài mọi ngờ vực ấy là anh là một cá nhân. Chúng ta có thể bỏ qua những giá trị văn hóa của những quốc gia dân tộc khác nhau, nhưng có một điều ta không bỏ qua được, ấy là sự hiện hữu dộc lập của từng mỗi cá nhân. Tra cứu về điều kiện sống , hoàn cảnh văn hóa chính trị của những cá nhân quan trọng hơn là dọ

dẫm kiếm tìm câu hỏi bản sắc.

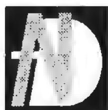
Người Hoa đã sống tùy thuộc qúa mức trong vùng giới hạn văn hoá của mình. Làm như họ đã tự ấn định một điều kiện nghiêm nhặt lên chính họ rằng họ phải cưu mang một bản sắc Trung Hoa trên mỗi đời sống. Đối với riêng tôi, văn hoá trung Hoa nhìn chung chung không chứa đựng ý nghĩa gì. Tôi không là một người viết sử, tôi là một kẻ sáng tạo; những kẻ sáng tạo không cố gắng đeo cứng vào một quan điểm đặc thù Trung quốc. Dĩ nhiên, diều này hoàn toàn không có nghĩa tôi bác bỏ tôi là một người Hoạ Tôi là người Hoa và sẽ mãi là người Hoạ Tôi mang những dấu ấn văn hóa Trung Hoa, nhưng quan trọng không phải là những dấu tích Trung hoa bên trong tôi mà là những gì sau cùng có thể tìm thấy trong các tác phẩm của tôị Quan trọng nhất là đời sống sáng tạo của cá nhân tôi như một người cầm bút, và hiện hữu của tôi như một con ngườị

THƯỜNG QUÁN
dịch từ The Australian Review of Books số tháng 12 năm 2000: Long Day;s Journey - This year's Nobel Prize for Literature winner Gao Xingjian talks with writer Leslie Zhao about China, the problem of exile and the rise of an intellectual class .

---

* Leslie Triệu: Nhà văn hiện sôõng tại Uõc, tác phẩm mới nhất của ông là tập tiểu luận Hải Ngoại Nhân, xuất bản vào tháng 4 năm 2000.





PHILIP MARCHAND
Một kinh nghiệm Bắc Mỹ: thơ sau ngày khủng bố

Hiện tại chúng ta cần thơ tới ngần nào. Khi những chiếc tháp vĩ đại biến thành lửa và tro, và người chết nằm hoả táng dưới gạch đá đổ nát thì chỉ ngôn ngữ của thơ là tinh sạch và đủ mạnh để nói lời ai oán.

Nếu tìm không thấy ngôn ngữ ấy, chúng ta còn cảm thấy trơ vơ và hụt hẫng hơn nữa. Đó là lý do hết thảy chúng ta trông chờ tổng thống Hoa kỳ, vào tối hôm xảy ra cuộc tấn công khủng bố, sẽ nói đôi lời ngang tầm biến cố. Rủi thay, diễn từ của George W. Bush nghe như thể đang bám víu những lời lẽ và khẩu hiệu sách động: "Không một ai trong chúng ta quên mãi mãi hôm nay, và lúc này, chúng ta bước tới để bảo vệ nền tự do và tất cả những gì thiện hảo và công chính trên thế giới." Ông đã nói như thế, và trong cụm từ cuối câu ấy, có điều gì tuyệt vọng, như một đứa bé rán sức xác quyết rằng cái người ta cố tình làm thương tổn nó là kỳ dị và gớm ghiếc biết mấy.

Thơ có thể giúp Bush. Không ai nhớ lắm những lời Ronald Reagan nói trong diễn từ tưởng niệm đoàn phi hành tàu con thoi không gian Challenger năm 1986, nhưng người ta còn nhớ cụm từ "lướt khỏi những ràng buộc eo sèo của trần thế" mà Peggy Noonan, người viết diễn văn cho ông, trích từ bài thơ của một chí nguyện quân Mỹ trong Lực lượng Không quân Hoàng gia Canada thời Thế Chiến Thứ Hai.

Rồi sau tối đó, những người viết diễn văn cho Bush ngày càng vững bụng; tuy thế, những gì ít ỏi chúng ta nghe từ các nhà chính trị và nhà bình luận truyền hình Mỹ và Canada vẫn chưa làm thỏa mãn nỗi thèm được nghe diễn tả những gì mình kinh qua bằng một lối nói thành tâm và chân thật. Nhu cầu đó khiến Dana Gioia, một nhà thơ và nhà phê bình hiện sống ở California sửng sốt khi ông thực hiện một chuỗi các buổi nói chuyện và đọc thơ vào những ngày liền theo sau cuộc tấn công khủng bố. Ông luận giải: "Lúc đó, tôi nghĩ rằng hội trường sẽ trống, nhưng thay vào đó, tôi đối mặt với các hội trường chật ních. Tôi nhận ra rằng người ta đang khao khát được nghe ai đó, ngoài hệ thống truyền thông thương mại và lãnh vực chính trị, thử nói cho rõ ràng những gì đang diễn ra. Đó là điều hẳn các nhà thơ thời đại trước đây cũng cảm thấy khi họ ở gần tâm điểm của văn hoá chứ không phải là những trí thức chuyên biệt làm việc bên những rìa mép của văn hoá. Và các nhà thơ, không kém những công dân Mỹ, thấy mình bị mắc vào một tình trạng không chuẩn bị trước. Chúng ta chẳng nhờ cậy được nhiều nhặn gì vào lịch sử của mình."

Hẳn ta phải lùi lại thời Nội Chiến [1861-1865] tìm thấy một cơ hội mà thảm kịch lớn lao của đất nước làm phát sinh trong thơ Mỹ lời ai oán cùng cực. Walt Whitman viết trong bài thơ "When Lilacs Last In The Dooryard Bloom'd" — *Cuối cùng, khi hoa tử đinh hương nở trước sân nhà*:

Tôi thấy la liệt xác chết
Tôi thấy xương trắng thanh niên
Và tôi thấy muôn mảnh vụn thây người tử trận
Nhưng thật trăm phần không như tôi tưởng
Họ nghỉ ngơi an bình chẳng chút khổ đau
Chỉ người sống sót đau
Mẹ đau, vợ con đau
Đồng đội trầm ngâm đau
Và các đoàn quân ở lại đau.

Đúng vậy đó. Ở Manhattan và Washington, người chết bên dưới tro than không đau khổ, nhưng người mẹ đau khổ, và người cha,

người vợ và người chồng, đứa con, và "các đoàn quân ở lại" — tất cả chúng ta lúc này — chúng ta đau khổ. Hôm nay, ngôn ngữ của Whitman đánh động sâu xa lòng người không kém thời ông viết bài thơ đó năm 1865.

Tuy thế, từ Whitman tới nay, trong thơ Mỹ lẫn thơ Canada đều phát sinh quá ít kiểu mẫu hoặc cảm hứng trước tình trạng bi thảm tập thể. (Sự nổi tiếng lâu bền của bài thơ "In Flanders Field" — *Trên chiến địa Flanders* của McCrae làm chứng cho nhu cầu sâu xa là diễn tả những gì người Canada nếm trải trong Thế Chiến Thứ Nhất — một kinh nghiệm mà đối với Canada chấn thương không kém Cuộc Nội Chiến đối với Hoa kỳ.)

Albert Moritz, một nhà thơ hiện sống tại Toronto vừa nêu ý kiến: "Người Mỹ từng có thời cảm thấy mình tách biệt với một số những tai họa kinh khiếp giữa người và người, những vụ giết người, những cuộc tàn sát tập thể. Cho rằng người Mỹ là một dân tộc nhởn nhơ và tương đối hạnh phúc là một quan điểm có thật và nó còn phản ánh trong thơ Mỹ nữa. Tại Mỹ, có bi thương nhưng chủ yếu là bi thương cá nhân. Thỉnh thoảng một nhà thơ có thể cất tiếng than vãn cho một người và biến nó thành biểu tượng cho cả nước, nhưng nó không đạt sống động ngang mức tâm hồn và bản thể đòi hỏi, và nó như thể thơ trào phúng. Tại Mỹ, khá vắng cái bi thương thật sự."

Charles Martin, một nhà thơ nổi tiếng tại thành phố New York, đồng ý rằng thơ Bắc Mỹ đang hầu như mang tính cá nhân chủ nghĩa ngột ngạt: "Thông thường, dường như nó không nói với một cử tọa ở bên ngoài nhà thơ và tôi cho rằng để bắt đầu cho loại tình trạng mà chúng ta đang nói tới đây thì đó là cái trở ngại có thật. Đối với thơ, thường có khía cạnh chữa bệnh — như thể mục đích của nhà văn nhà thơ là tự chữa trị mình."

Gioia cũng nhận thấy cái trở ngại đó. Ông chỉ ra: "Hơn phần tư thế kỷ vừa qua, thơ Mỹ không phải là thơ có tính đại chúng. Nó là thơ được viết ra hoặc bằng ngôn ngữ văn chương rối rắm, hoặc nếu nó được viết bằng ngôn ngữ có thể tiếp cận thì chỉ nói tới những kinh nghiệm rất riêng tư. Nói cách khác, thơ của chúng ta hoặc nói như ngôn sứ hoặc xưng tội.

Cả hai bút pháp, "nói như ngôn sứ" — một sự truyền đạt mang tính huyền bí giáo phái nhắm tới số ít người — hoặc xưng tội, đều không thích hợp với điều mà hiện nay chúng ta đòi hỏi nơi thơ. Moritz tin rằng chúng ta, vì những kiểu mẫu của mình, hẳn phải quay lại các nhà thơ châu Âu nửa sau thế kỷ hai mươi vừa qua. Moritz chỉ ra: "Thơ thì mang tính cách qui mô rộng lớn hơn là vấn đề bi thương và sầu khổ.

Nó ngấm đẫm trong nhu cầu ứng xử với sự mất mát và sự không tương xứng của ngôn ngữ nhằm nhận thức thấu đáo sự mất mát đó."

Có lẽ thật ý nghĩa khi tạp chí *The New Yorker*, số ra ngay sau ngày có cuộc tấn công khủng bố, chỉ chứa đựng duy nhất một bài thơ — của một người Ba lan. Martin suy đoán: "Tôi nghĩ đó có lẽ là vì những bài thơ do người Mỹ viết mà họ lưu trữ chỉ có tính cách quá đổi riêng tư và chắc là không liên quan tới trạng huống này."

Chắc chắn trong những năm vừa qua, tại Canada và Mỹ không tác phẩm nào sánh nổi giọng ai oán như trong tác phẩm của nhà thơ Anna Akhmatova, một người viết sống dưới kỷ nguyên Staline. Bài *Requiem* (Kinh Cầu Hồn) được bà viết ra sau khi con trai bị mật vụ bắt:

Tờ mờ sáng họ đến đem con đi mất
Con là kẻ mẹ đưa tang: mẹ bước đằng sau

Bài thơ ấy xé ruột và có tính cá nhân, nhưng cũng ôm vào nó các phụ nữ khác, những người giống như bà, sáng sáng xếp hàng bên ngoài nhà giam trông ngóng tin tức người thân yêu — và qua những phụ nữ đó, bài thơ ôm ấp được cả đất nước. Và Akhmatova viết tiếp:

Và mẹ đâu cầu nguyện cho riêng mình mẹ
còn cho tất cả những người đứng bên ngoài trại giam
trong lạnh buốt hay chói chang mùa hạ
bên mẹ dưới bức tường đỏ mù loà

Cái hoang vu lạnh lẽo, cái giọng đau đớn tê dại vì mất mát đó hầu như có thể tìm thấy trong tác phẩm của Paul Celan, một người Do thái sinh ở Rumania, mất cả cha lẫn mẹ trong Cuộc Tàn Sát Khủng Khiếp của Đức Quốc xã. Celan viết trong một bài thơ:

Cây liễu của mẹ cha lung linh lá trắng trong bóng tối
Tóc mẹ rồi chẳng bao giờ bạc

Nhà thơ tiếp tục một chuỗi các diễn tả não lòng những vật khác nhau, so sánh chúng với mẹ mình — những so sánh rất mộc mạc và mạnh tới độ chúng vượt quá tính cách cá nhân:

Mây sũng mưa có chờn vờn trên giếng
Nơi mẹ thầm quét cho mọi người

Trong một bài thơ nổi tiếng, "Death Fugue" — *Liên Khúc Về Cái Chết*, rút tỉa từ kinh nghiệm chính mình trong các trại tử thần của Đức Quốc xã, rõ ràng Celan viết theo cái nhìn của cộng đoàn — trong trường hợp này, cộng đoàn của những người bị kết án. Ông viết:

Sữa đen rạng sáng chúng tôi uống lúc xế chiều
Chúng tôi uống giữa trưa trong buổi sáng
chúng tôi uống ban đêm
Chúng tôi uống và chúng tôi uống.

Chính cái "chúng tôi" bị quên lãng đó, cái hoà hiệp tính riêng tư và tính toàn thể đó, là cái các nhà thơ đương đại Mỹ và Canada cần triệu lên nếu họ muốn thể hiện trọn vẹn những biến cố vừa qua.

Trong khi làm điều đó, có thể họ phải hi sinh cái "ngôn ngữ văn chương rối rắm" mà Gioia nói tới. Nhưng thêm lần nữa, điều đó có tiền lệ dồi dào trong thơ châu Âu thế kỷ hai mươi. Nhà thơ Ý Salvatore Quasidomo, sinh năm 1901, bắt đầu sự nghiệp là thành viên của cái lúc đó được gọi là trường phái "Hermetic" — *Thơ hủ nút*, vốn quả thật vô địch về ngôn ngữ văn chương rối rắm. Nhưng trong tâm trạng căng thẳng thời chiến và việc xứ sở bị Đức Quốc xã chiếm đóng, Quasimodo đã đơn giản hoá thủ pháp của mình — và cũng dùng "chúng tôi". Ở một trong các bài thơ về sau, ông tự hỏi:

Và chúng tôi, làm sao có thể hát
với bàn chân ngoại lai trên tim mình
giữa những người chết xác bỏ trong công viên
trên cỏ, cứng đờ giá băng
trước tiếng be be trẻ em kêu
trái tim người mẹ mịt mùng
đi tới đứa con
bị đóng đinh trên cột

Dường như câu trả lời cho vấn nạn của ông là trong một số cơ hội, thí dụ như cái chết của hàng ngàn người trong cuộc tấn công khủng bố, nhà thơ có thể vẫn hát nhưng bài hát của nhà thơ hẳn là môt bài truy điệu.

Robert Desnos, nhà siêu thực Pháp, dưới sức ép của chiến tranh và chiếm đóng, đã chuyển dịch mình khỏi những thử nghiệm ngôn từ và trò chơi ngôn ngữ của đồng bạn để thiên về nội dung và hình thức dễ tiếp cận hơn. Trong bài thơ được dịch sang tiếng Anh có nhan đề "I Dream Of You So Much" — *Anh mơ tới em thật nhiều*, ông kết hiệp tình yêu phụ nữ với tình yêu xứ sở bị tấn công:

"Anh mơ tới em thật nhiều, bước đi và trò chuyện thật nhiều, và ngủ thật nhiều với sự có mặt bóng ma em tới độ lúc này anh chỉ làm được mỗi một điều là mãi mãi ở với một bóng ma giữa các bóng ma..."

Một hành động gột rửa tương tự như thế về kỹ thuật văn chương, một sự gia tăng tương tự như thế trong tính chất trực tiếp và giản dị, có thể tuôn tràn vào thời đại chúng ta khi nhà thơ muốn diễn tả đầy đủ những cuộc tấn công khủng bố vừa qua. Gioia nói: "Tôi

nghĩ các nhà thơ đang quên rằng không phải mọi sự chúng ta làm đang đào sâu các khía cạnh mới của ý thức con người. Chúng ta có khuynh hướng tin rằng bài thơ càng cá nhân, càng có phong cách riêng và càng độc nhất vô nhị thì càng hay. Những thời đại như hiện nay có thể, bằng một số cách nào đó, nhắc nhở chúng ta rằng phần việc quan trọng nhất của chúng ta là phát âm kinh nghiệm chung một cách rõ ràng và sống động. Thơ của chúng ta không nên chỉ nói tới bản thân. Nó còn nên nói dùm cho thời đại và nơi chốn của chúng ta, bằng những cách thức đáng nhớ và cảm động.

NGUYỄN ƯỚC *dịch.*

Phụ chú:

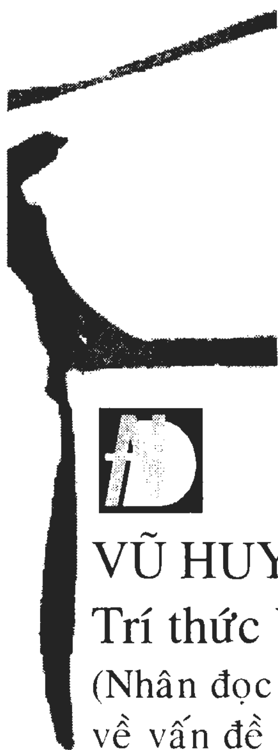
- Nguyên tác: "There are no words" — *Không lời nói nổi*, đăng trên The Toronto Star, số Chúa nhật, 23 tháng Chín năm 2001.
- Bài "In Flanders Fields" của John McCrae, bác sĩ quân y, (1872- 1918). Bài thơ được in trên tờ giấy bạc 10$ của Canada cùng với bản dịch tiếng Pháp, phát hành đầu năm 2001.

In Flanders fields the poppies blow
Between the crosses, row anh row
That mark our place, and in the sky
The larks, still bravely singing, fly
Scarce heard amid the guns below.

Bản dịch tiếng Pháp:

Au champ d'honneur les coquelicots
Sont parsemés de lot en lot
Auprès des croix, et dans l'espace
Les alouettes devenues lasses.
Mêlent leurs chants au sifflement des obusiers.

Trên chiến địa Flanders hoa anh túc nở
Giữa thánh giá, hàng tiếp hàng
Ghi dấu chốn của chúng ta, và trên bầu trời
Chim sơn ca bay còn lanh lãnh hót
Tiếng văng nghe nơi súng ống dưới kia



VŨ HUY QUANG

Trí thức buồn ngủ

(Nhân đọc các tranh luận về vấn đề trí thức)

Trí thức với hàng 66 định nghĩa đã không nắm vững, lại đọc tới phản trí thức - tôi có ý bắt đầu tự trách. Đến lúc nghe nói tới kinh viện và trách nhiệm người trí thức thì từ tự trách, thành tự lo. Là vì tôi không thấy thơ thới chút nào, mà chỉ thấy mù mịt. Diễn lâu càng rộng, càng mù mịt.

Cứ theo tôi trong mươi năm nay, có hai hiện tượng sôi nổi, được nhiều người với nhiều khuynh hướng bàn tới nhất: Dương Thu Hương và Phạm Thị Hoài. Kì lạ là cả hai là phụ nữa, giống nhau ở chỗ họ dõng dạc trước hiện tượng thực tế: người nhận "muốn là người Cộng Sản đích thực", người thẳng thắn phê bình trí thức Việt Nam. Phản ứng của những người cảm thấy bị động chạm, không trực diện dối chất họ, lại loanh quanh bàn về các định nghĩa, từ nguyên. Khi phụ nữ người ta bảo "đàn ông là một lũ giẻ rách" thì không chứng minh được rằng "tôi không phải là giẻ rách", mà loanh quanh bàn về tiểu sử người nêu vấn đề.

Chắc Phạm Thị Hoài bứt rứt vì sự cạn cợt đầu óc của đồng bào mình - mà điều này chả có gì mới, người Đức (Fichte), người Pháp (Blanqui), người Mỹ (Tom Paine) đã làm rồi, gần đây nhất là ông Bá Dương người Tàu - thì không ai hiểu đương sự không muốn chửi người lao động (nạn nhân) hay chế độ (guồng máy cai trị) chịu trách nhiệm (xoàng quá, ai phàn nàn cũng được, lại mơ hồ), mà ý Phạm Thị Hoài muốn nói rằng, ai là người có trí thức phải cùng nhau chịu trách nhiệm.

Thế là lập tức nhao nhao lên, lỗi của hai phụ nữ trên là viết những kịch bản mà người bình dân không thích ý, giới trí thức không hài lòng. Thế còn khán giả? Thì ngẫu nhiên tôi đọc bài của ông Lỗ Tấn, ông này cho tôi biết tiến trình vụ "Diễn đàn trí thức" này, mới tới giai đoạn của anh hề nhì lên sân khấu. Nhan đề bài ấy, là "Nghệ thuật của anh hề nhì", xin được gửi kèm theo đây.

VŨ HUY QUANG
10/01

NGHỆ THUẬT CỦA ANH HỀ NHÌ*
PHONG CHI DƯ

Trong các gánh hát ở nơi nọ vùng Chiết Đông, có một vai trò gọi là "nhị hoa diện", dịch cho nhã một tí thì gọi là "anh hề nhì". Vai này khác vai hề thường ở chỗ không đóng trang công tử bột hoành hành chẳng kiêng nể ai, cũng không đóng tên gia đinh quan tể tướng một mực cậy thế cậy thân, mà là đóng một tay giỏi võ bảo vệ công tử, hoặc một vị thanh khách xu phụ công tử. Tóm lại: thân phận anh ta cao hơn anh hề thường, nhưng tính cách thì lại tồi hơn.

Nghĩa bộc thì do kép già đóng, lúc đầu thì lấy lời can gián, sau thì chết theo chủ; ác bộc thì do anh hề đóng, chỉ làm điều ác, cuối cùng bị giết. Nhưng bản lĩnh "anh hề nhì" thì lại khác, có ít dáng dấp người thượng đẳng, biết cầm, kỳ, thi, họa, cũng biết phạt rượu, đánh đố (1), nhưng lại dựa vào cửa quyền, chửi bới dân đen, ai bị áp bức thì anh ta cười nhạt vài tiếng, cho hả dạ, ai bị hãm hại thì anh ta dọa nạt thêm, quát mắng một hồi. Nhưng thái độ anh ta không phải luôn luôn như vậy, đại để anh ta thường quay mặt về phía người xem dưới sân khấu, nói khuyết điểm của trang công tử mà anh ta xu phụ, lắc đầu giả

vờ nhăn nhó nói: "Xem cậu ta, độ này hỏng tệ!"

Cái ngón cuối cùng này là đặc sắc của "anh hề nhì", bởi vì anh ta không ngu xuẩn như nghĩa bộc, cũng không giản đơn như ác bộc, anh ta là trí thức. Anh ta biết chỗ mình dựa là núi băng, nhất định không lâu bền, tương lai mình còn phải xu phụ người khác, cho nên đang được nuôi nấng, chia xẻ oai thừa, anh ta cũng giả vờ làm như mình không phải cùng một phường với tên công tử đó.

Tuồng do bọn hề nhì biên soạn, tất nhiên không có vai đó, anh ta đâu có chịu. Tuồng do anh hề thường, tức công tử bột biên soạn, cũng không có, bởi vì bọn này chỉ nhìn thấy một mặt, không nghĩ đến. Cái anh "nhị hoa diện" này là do dân đen trông thấy rõ hạng người như thế, lấy cái tinh hoa ra, đặt thành vai trò.

Trên thế gian, nếu có bọn quyền quí nhất định có thế lực bạo tàn, có thế lực bạo tàn nhất định có anh "nhị hoa diện", và có nghệ thuật của anh "nhị hoa diện". Chúng ta chỉ cần theo dõi một tờ báo nào đó, chừng một tuần lễ, thì có thể thấy khi thì nó oán giận ngày xuân, khi thì ca tụng chiến tranh, khi thì dịch những bài nói chuyện của Becna Sô, khi thì bàn vấn đề hôn nhân. Nhưng trong đó, nhất định có khi nó tỏ ra khẳng khái, hiên ngang, bất mãn đối với quốc sự; đó là nó sử dụng cái ngón sau cùng đấy.

Cái ngón sau cùng đó, một mặt khác cũng là che đậy làm cho người ta không biết nó là bồi bút, nhưng dân đen thì thấy rõ lắm, và đã đưa điển hình đó lên sân khấu từ lâu rồi.

(Tập *Cho bàn gió trăng* - **Lỗ Tấn** - Tạp Văn)





HUỲNH HỮU ỦY

Lời tựa của một cuốn sách chưa được xuất bản

Năm 1995, nhà xuất bản Thanh Văn muốn xuất bản tập bản thảo *Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại* của chúng tôi. Ông Châu Văn Thọ, giám đốc nhà xuất bản đã hoàn tất bước đầu phần ấn loát, tức là đánh máy, sắp xếp hình ảnh, layout, lên khuôn đầy đủ, thực hết sức tỉ mĩ, công phu, và tốn kém, chỉ còn đợi đưa lên máy in, rồi đóng xếp là sách hoàn thành. Vậy nhưng đến giờ chót, vì gặp nhiều khó khăn về tài chánh, công việc đành phải ngưng lại.

Cho mãi đến nay, đã hơn năm năm trôi qua, quyển sách vẫn còn ở dạng bản thảo. Tuy nhiên, cũng vì thế mà có một điều may là chúng tôi có thì giờ để cập nhật hóa và bổ túc thêm nhiều điểm, bởi vì trong mấy năm vừa qua, nền nghệ thuật hiện đại của chúng ta đã có nhiều thay đổi trong một tình hình rất thuận lợi.

Một cách căn bản, ý kiến của chúng tôi về vấn đề này vẫn chỉ là cách nhìn trước kia. Hôm nay, chúng tôi xin trình chính bạn đọc, đặc

biệt là những bạn đọc cũng có nhiều lưu tâm như chúng tôi, bài tựa mà chúng tôi gọi là "Đôi lời dẫn nhập" của quyển sách *Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại* mà chúng tôi đang hết sức nỗ lực để ấn phẩm này ra đời trong một tương lai gần đây. Vì đã in lời tựa của tập bản thảo, chúng tôi cũng xin được in luôn ở đây lời bạt của họa sĩ Thái Tuấn để bạn đọc và thân hữu xem qua.

HUỲNH HỮU ỦY

ĐÔI LỜI DẪN NHẬP VÀO SÁCH

Nền văn hóa Việt Nam đã có một chiều dầy thực sự mấy nghìn năm. Kho tàng sách vở để lại đến ngày nay không phải là nhiều, nhưng cũng tạm đủ để có thể dựa vào đó mà phác vẽ trở lại nền văn hiến cũ.

Riêng trong phạm vi mỹ thuật, thư tịch xưa dường như không cung cấp gì cho chúng ta cả, chỉ họa hoằn lắm mới có một vài nhận xét rời rạc đây đó. Điều này, đối với chúng tôi thực quả là khó hiểu, bởi vì rất rõ ràng là dân tộc chúng ta có khiếu thẩm mỹ, biết chuộng cái đẹp và cũng để lại nhiều vết tích nghệ thuật đáng kể, thế thì tại sao lại không có những khảo sát, ghi chép thành sách vở trong lĩnh vực này?

Phải đợi đến khi tiếp xúc với người Pháp, chúng ta mới thực sự có một công trình nghiên cứu về mỹ thuật Việt Nam của các học giả Pháp, phần nhiều đều là thành viên của trường Viễn Đông Bác Cổ. Mặc dù có nhiều điểm cần xem xét kỹ khi sử dụng lại những tư liệu này, hoặc vì phương pháp khảo cứu, hoặc vì quan điểm thiên lệch, nhưng bất kể là thế nào, họ cũng có rất nhiều công lao ghi chép, nhận xét, hệ thống hóa, và ngày nay chúng ta đã thừa hưởng một di sản đáng kể.

Chung quanh trường Viễn Đông Bác Cổ (L'École Francaise d'Extrôme - Orient), Hội Nghiên Cứu Cổ Học Đông Dương (La société des Etudes Indochinoises), và Hội Đô Thành Hiếu Cổ (L'Association des Amis du Vieux Hué), cùng với các nhà nghiên cứu người Pháp, một tầng lớp học giả người Việt cũng bắt đầu hình thành, góp phần vào công trình khảo cứu này. Đấy là một điểm son lớn đằng sau cuộc hôn phối đầy bất trắc, gượng ép, đôi lúc đau khổ, tan nát, và hận thù giữa hai dân tộc Pháp-Việt.

Trường Mỹ Thuật Đông Dương được thành lập ở Hà Nội vào cuối một phần tư của đầu thế kỷ XX, như chúng ta dã biết, là khởi điểm của nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Đấy cũng là một điểm son rực rỡ khác nữa của người Pháp trong cuộc gặp gỡ Đông-Tây trên đất nước chúng ta. Kể từ ấy đến nay, cũng đã trên 70 năm rồi, nghệ thuật Việt Nam đã đi qua nhiều mốc đường và đã hình thành được một khuôn mặt riêng, một tiếng nói riêng, nhưng vì còn bị nhiều hạn chế nên mức độ phát triển để tạo được một tiếng nói thực sự độc đáo và mạnh mẽ, để trở nên quen thuộc và được công nhận trên thế giới vẫn chưa đạt được. Hiện nay, chúng ta có thể lạc quan vì đã bắt đầu có nhiều dấu hiệu tốt.

Đã mất nhiều thì giờ xem xét đến giai đoạn mỹ thuật này, chúng tôi có thể khẳng định ngay rằng: thời kỳ 1925 - 1945 là rất quan trọng vì đó là nền tảng của nghệ thuật Việt Nam hiện đại, rồi sau đó là thời kỳ 1954 - 1975, nền nghệ thuật mới bắt đầu hình thành đã được phát triển tới cao điểm tại miền Nam, chung quanh trung tâm văn hóa Sài Gòn, với tất cả cái tốt đẹp nhất do hoàn cảnh lịch sử đưa lại. Rồi đến hiện nay, có vẻ là "trăm hoa đua nở", nhưng khi mọi hiện tượng sốc nổi, bèo bọt qua đi, hy vọng tất cả sinh hoạt này sẽ tự chắt lọc để tạo thành một nền nghệ thuật thực sự sâu sắc và mới mẻ, bởi vì chúng ta đã có được một thuận lợi rất lớn là đất nước đã hoàn toàn thống nhất, Hà Nội và Sài Gòn chắc chắn sẽ trở thành một vì lợi ích của dân tộc, và ở đây cũng là vì nhu cầu đi tìm cái đẹp, cái mới của những người nghệ sĩ hiện đại trên cả hai miền đất nước. Chúng ta còn có một cơ may lớn khác nữa là cuộc tiếp xúc của nghệ sĩ Việt Nam với thế giới hiện nay, đã có một vài khuôn mặt nổi bật và được công nhận trên thế giới, có thể đan cử trường hợp Lê Bá Đảng, Điềm Phùng Thị ở Pháp, Lê Thành Nhơn ở Úc, Nguyễn Quỳnh ở Mỹ v.v...

Tôi là một người rất ham chuộng mỹ thuật. Từ hồi còn bé đã thích xem tranh, thích ngắm những tác phẩm mỹ thuật, từ cái chén gốm, cái đĩa sứ, chiếc bình cổ, đến một pho tượng nhỏ, hay một công trình kiến trúc, điêu khắc đồ sộ. Tôi vẫn tập luyện thêm bằng cách đọc những sách viết về mỹ thuật của các tác giả lớn. Hơn nữa, lại là người có nhiều cơ duyên với các họa sĩ, như xưởng vẽ của Đinh Cường, Thái Tuấn, Trịnh Cung, Văn Đen, Bé Ký, Nguyễn Phước... là chỗ quen thuộc, lui tới thường xuyên. Và thỉnh thoảng, có hứng thú cũng có viết lách, ghi chú đôi chút về sinh hoạt của những người làm nghệ thuật tạo hình, nhận xét về các tác phẩm của những nghệ sĩ này. Tập sách này chính là một tập hợp các nhận xét ấy, với những bài viết rải rác đây đó. Có một số họa sĩ, nhà điêu khắc khác tôi chưa có dịp gặp gỡ, hoặc

vì chưa thuận tiện để đưa ra những nhận xét riêng, tôi đã nhờ đến cây bút và cách nhìn của vài họa sĩ, nhà văn, nhà phê bình vốn gần gũi với họ. Các ý kiến này, tôi để vào phần phụ lục, có lẽ cũng sẽ mang lại cho người đọc nhiều điều thích thú lúc nhàn lãm.

Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại đã được tiến hành biên soạn trên cả hai mặt lịch sử và mỹ học. Không phải là biên niên sử nhưng cũng luôn cố bám sát sự kiện trên những dấu mốc thời gian, để vẽ phác lại trong đôi nét khái quát nền nghệ thuật hiện đại của chúng ta, cùng lúc cùng bước đi trên đường tìm cái đẹp, lọc lựa cái đẹp nơi từng mỗi tác giả, mỗi khuynh hướng, từng thời kỳ. Là một tập sách khảo về nền mỹ thuật hiện đại, nên ngoài độ chính xác về sự kiện, cũng còn phải mang lại những rung cảm thẩm mỹ; đó là phương hướng và ao ước của tác giả khi thực hiện quyển sách này.

Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại ra đời chỉ với một ước muốn rất khiêm tốn và mong manh: sẽ trở thành một vết tích nhỏ bé, một tài liệu, có đôi chút hữu ích về sau cho những người cần đến khi muốn khảo cứu về nền nghệ thuật hiện đại của chúng ta. Trong chiều hướng đó, tác giả hy vọng quyển sách này sẽ được bạn đọc rộng lượng sử dụng tạm, như một bảng chỉ dẫn sơ lược, trước khi chúng ta có những công trình hệ thống và hoàn chỉnh hơn sau này.

HUỲNH HỮU ỦY

LỜI BẠT CỦA HỌA SĨ THÁI TUẤN

Nghệ thuật có khả năng lưu giữ và phát triển những giá trị của một nền văn hóa. Bởi tính chất sáng tạo, nghệ thuật không chỉ là sự ghi chép một cách thụ động những giá trị sẵn có, mà còn là công việc thanh lọc và chuyển hóa để tạo thành những giá trị mới. Cũng vì vậy, sự thăng trầm của một nền văn hóa đôi khi có thể ảnh hưởng đến những sinh hoạt nghệ thuật, song không phải vì vậy mà có thể chi phối được toàn bộ công việc sáng tạo nghệ thuật. Sự kiện đó đã được chứng minh bởi sự xuất hiện của những tác phẩm danh tiếng ngay trong những thời kỳ văn hóa bị chi phối bởi các chế độ thuộc địa, phong kiến cũng như độc tài.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử với những thịnh suy; dân tộc Việt Nam đã hình thành được một nền văn học nghệ thuật rực rỡ, phong

phú, còn được lưu truyền đến ngày nay. Riêng ở bộ môn hội họa, so với các bộ môn nghệ thuật khác, chúng ta chỉ thừa hưởng một di sản thật khiêm nhượng, không những về số lượng tác phẩm mà cả đến những thư tịch đề cập đến lĩnh vực này.

Người họa sĩ Việt, như đứa con nhà nghèo, lãnh nhận gia tài chỉ là mảnh đất cằn cỗi. Song với sự thua thiệt đó, cũng còn may mắn là được bù đắp bằng những hạt mầm văn hóa tốt tươi đầy sinh lực của dân tộc. Những hạt mầm ấy ở phạm vi mỹ học, chính là nguồn mỹ cảm đặc thù đã in sâu và lưu giữ nơi ký ức tập thể của dân tộc.

Sau cuộc tiếp xúc với nền văn minh Tây phương; khi trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương được thành lập; họa sĩ Việt Nam đã có dịp làm quen với kỹ thuật cũng như những hình thức mới mẻ ở địa hạt tạo hình. Từ phương tiện phong phú và quan niệm nghệ thuật rộng rãi hơn, công việc của người nghệ sĩ ngày nay là biến cản mảnh đất khô cằn trở nên màu mỡ; hầu cho hạt nhân văn hóa của dân tộc nẩy sinh hoa trái tốt tươi.

Nghệ Thuận Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại là tập sách đầu tiên nói về những công việc mà người nghệ sĩ Việt Nam đã thực hiện được và hiện đang tiếp tục với nhiều triển vọng trong tương lai.

Ngoài phần công phu sưu tầm tài liệu và kiến thức sâu rộng cùng sự rung cảm bén nhạy, tác giả cũng đã từng theo sát sinh hoạt hội họa từ trước kia trong nước cũng như ngày nay ở hải ngoại. Chính với những điều kiện đó đã tạo cho tập sách một giá trị đáng tin cậy.

Những nhận định thẳng thắn mà cũng không kém phần rộng rãi của tác giả; ước mong sẽ được đón nhận như dấu hiệu yêu mến nghệ thuật, và đấy cũng là sự quí mến mà tác giả đã dành cho tất cả những nghệ sĩ đã và đang cố gắng xây dựng nền hội họa mới của đất nước.

Công việc xây dựng quả còn dài, tập sách đã đánh dấu được một chặng đường ngắn ngủi, đồng thời cũng là nhịp cầu bắt lên giữa người làm nghệ thuật và những người quan tâm đến nền mỹ thuật Việt Nam.

Orleans Mùa Hè 1994
THÁI TUẤN

Trích thêm thư riêng của họa sĩ Thái Tuấn gửi cho tác giả đề ngày 28 tháng 5 năm 2000, viết từ Orleans (Pháp).

... Lịch sử hội họa Việt Nam còn quá ngắn. Lại trải qua những chế độ chính trị khác nhau. Biết bao ảnh hưởng xáo trộn. Chúng ta phải vượt qua, đứng ở quan điểm hoàn toàn nghệ thuật; vì nghệ thuật mà

nhận định.

Công việc khó khăn đủ chuyện. Mà phương tiện thì eo hẹp, điều kiện thì thiếu thốn. Song nghĩ lại mình không làm thì chẳng biết đợi chờ ai. Nên được đến đâu, biết đến đâu, làm đến đó. Để có một số tài liệu cho người đi sau làm tiếp.

Chế độ nào cũng sẽ qua đi. Cuốn sách sẽ còn lại mãi mãi. Độc giả sẽ là những người công bằng phán xét.

Mong ước cuốn sách của anh sẽ là một sự hàn gắn mà nghệ thuật mang lại cho chính trị.

Thật ra nghệ thuật cũng chỉ biết có đất nước, dân tộc; để đóng góp cho nhân loại, cho con người.

THÁI TUẤN

CÁO PHÓ

Son épouse Mai Lan NGO,
Ses filles Quynh Nhu, Quynh Vy et Quynh Chi,
Sa mère Thi Thuong NGO,
Sa sœur Thi Lan NGO,

Ont la douleur de vous faire part du décès de
Quoc Dung NGO
Le 05 novembre 2001.

Une cérémonie sera célébrée en l'Eglise de Saint Pierre
Le jeudi 08 novembre 2001 à 14H15.

CHIA BUỒN

Các văn hữu khắp nơi xin chia buồn
cùng nhà văn Đặng Mai Lan.
Cầu mong linh hồn người quá vãng sớm về nước Chúa

Hợp Lưu, Văn Học, Văn





HUỲNH NGỌC CHIẾN
Người tử sinh

• Kính điếu anh hồn hai thi sĩ Tố Như và Bùi Giáng

Xin cho thiển thổ một doi
Gọi là đắp điếm lấy người tử sinh

Khi tiếng tù và báo hiệu đến lúc đổi phiên canh của người lính lệ rúc lên làm rung động bầu trời chiều, thì trời đã vào giờ Thân. Gần vọng đài ở góc thành Nam, những ngọn gió biển thổi vào làm các ngọn tinh kì bay phất phới, có hai người đang cùng nhau đối ẩm. Người ngồi hướng mặt về phương nam mặc giáp phục, vẻ mặt thô hào, râu hùm hàm én. Đối diện là một người ăn mặc theo lối nho sinh, dáng người tao nhã. Cả hai cùng mân mê chén rượu, nhìn nhau rất lâu mà không nói một lời nào. Nho sinh bỗng nhiên như người sực tỉnh mộng, nâng chén rượu nói :- Có phải tướng quân quyết định ngày mai sẽ giải giáp qui hàng?

Người mặc giáp phục mỉm cười, trỏ tay xuống dưới vọng đài:

- Ý ta đã quyết. Ngày mai. Tiên sinh hãy nhìn kìa. Tinh binh hùng tướng điệp điệp trùng trùng là thế, nhưng chỉ ngày mai thôi, sau khi ta tiếp sứ thì ngọn cờ sẽ ngơ ngác, trống canh sẽ trễ tràng. Hôm nay tiên sinh hãy cùng ta uống chén rượu tiễn biệt cuối cùng.

Nho sinh trầm ngâm một hồi lâu, rồi hỏi :

- Không lẽ tướng quân tin vào cái âm mưu chiêu hàng của Hồ Tôn Hiến ư?

Người mặc giáp phục bỗng nhiên cười rộ, làm cho những con chim đang đậu trên chóp vọng đài cùng kêu lên một tiếng rồi hoảng hốt vỗ cánh bay đi.

-Tiên sinh nghĩ ta là người thế nào? Từ ngày chia tay cùng chuyết kinh, ta đã một mình một ngựa tung hoành khắp thiên hạ, dựng lên cơ đồ để năm năm qua, chốn hải tần hùng cứ một phương, văn võ sơn hà rạch đôi cùng Minh đế. Nếu như cái âm mưu chiêu hàng trẻ con của tên Tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến mà qua mắt được ta thì ta còn gì là Từ Hải của đất Việt Đông nữa?

Nho sinh lại hỏi :

- Nếu như vậy thì tại sao tướng quân lại quyết định qui hàng?

Từ Hải, người mặc giáp phục, nhìn sâu vào đôi mắt của nho sinh rồi nói :

- Tố Như tiên sinh! Ta với tiên sinh dầu chỉ là bình thuỷ tương phùng nhưng lại là bạn tương tri trong chổ hình thần, hiểu nhau từ trong phế phủ. Ta có chút tâm nguyện bình sinh, há tiên sinh lại không thấu rõ?

Nho sinh được gọi là Tố Như vội buông chén rượu, hai tay thi lễ, nghiêm trang nói :

- Thưa Từ tướng quân, Nguyễn Du tôi chỉ là văn sinh, bình sinh may mắn được gặp tướng quân và xem nhau như chổ tri âm. Chút tâm sự của tướng quân, Du tôi có hiểu được một phần. Tướng quân vốn trí dũng hơn người nhưng chưa hiện rõ được cái bi tâm nên ngàn đời sau người ta vẫn còn mơ hồ chưa thấu. Có đúng thế chăng?

Từ Hải gật đầu, nâng cao chung rượu, uống cạn rồi đáp :

- Xin mời cạn chén. Gặp được tiên sinh quả không uổng phí một phen kết mối giao tình. Ta vốn là khách biên đình ngẫu nhiên gặp được chuyết kinh trong chốn bình khang ô trọc. Chữ tương phùng âu cũng không ngoài môt chữ cơ duyên. Ngay từ buổi đầu sơ ngộ, ta và nàng đã xem nhau như là tri kỉ. Trong chốn phong trần ta đã nhận ra ở nàng thân phận lênh đênh của một bậc tài hoa bạc mệnh. Còn phần ta dầu đang trôi nổi trong cõi trần ai, nhưng nàng vẫn nhận ra ở ta cái ngạo khí can vân của khách anh hùng. Nàng mong muốn được đem

việc chung thân phó thác cùng ta. *Tấn dương được thấy mây rồng có phen. Rộng thương nội cỏ hoa hèn. Tấm thân bèo bọt dám phiền mai sau.* Cho nên ta đã rong ruổi khắp bốn phương, xông pha giữa làn tên mũi đạn để xây dựng cơ đồ, đem đặt dưới chân nàng để tạ lòng tri kỉ. Rồi ta cũng đã vì nàng tổ chức buổi đến ân trả oán giữa chốn quân trung.

Từ Hải bỗng ngừng câu nói, uống cạn tiếp một chung rượu nữa. Nguyễn Du hỏi :

- Thưa tướng quân, vì hồng nhan tri kỉ trả oán đền ân thì có gì là ân hận?

Từ Hải lắc đầu nói :

- Có gì vì nàng mà ta ân hận? Nguyễn tiên sinh, sống ở cõi đời có được một hồng nhan tri kỉ để làm bạn thì ta thấy có chết đi cũng không uổng phí một đời người. Trong buổi trả oán đền ân, ta đã để mặc nàng tác chủ để nàng trút hết đi được tâm sự trầm oan. Nhưng than ôi, trong buổi đền ân trả oán đó, nàng đã làm điên đảo cả thị phi. Cảnh tượng kinh hoàng ngày báo phục báo hiệu bao giông tố của mai sau, mà có lẽ ngoài ta và sư trưởng Giác Duyên ra, không có ai hiểu thấu. *Việc nàng báo phục vừa rồi, Giác Duyên vội đã gởi lời từ qui. Giác Duyên vâng dặn ân cần. Tạ từ thoắt đã dời chân cõi ngoài.* Rồi mai đây nàng sẽ trùng phùng cùng sư trưởng Giác Duyên nơi *cõi ngoài* ấy để thành tựu cho xong giai điệu cuối cùng của những tiếng tân thanh.

Nguyễn Du nghiêm nét mặt hỏi :

- Thưa tướng quân, Du tôi vẫn canh cánh một điều bên lòng là Vương phu nhân vốn đã nổi tiếng khắp thiên hạ với tiếng đàn cao diệu. Thế mà chẳng nghe thấy tướng quân một lần nhắc đến. Há đó chẳng phải là điều kì lạ đối với kẻ ôGươm đàn nửa gánh non sông một chèo ô ư?

Từ Hải gật đầu đáp :

- Khắp thiên hạ ai ai cũng được nghe nàng đánh đàn. Từ bọn công tử la cà chốn thanh lâu, cho thậm chí đến kẻ đốn mạt như Mã Giám Sinh đều được nghe nàng đàn. Chỉ trừ có riêng ta. Đối với bọn họ, ngay cả với Kim Trọng, Thúc Sinh, thì nàng cần phải dùng cung đàn bạc mệnh để biểu đạt tâm can. Còn với ta, nàng hiểu rằng ta đã thấu rõ hết tâm sự của nàng rồi nên tiếng đàn kia không còn cần thiết nữa, vì ta đã hiểu rõ nàng ở chổ ôhuyền ngoại chi âmọ. Đã bao năm nay, kể từ khi nàng mãi nhìn ô cánh hồng bay bổng tuyệt vời, đã mòn con mắt phương trời đăm đăm ọ cho đến buổi đền ân trả oán ô Tấc riêng như cất gánh đầy đổ đi ô, ta vẫn canh cánh bên lòng chút tâm sự ôXót nàng còn chút song thân, Bấy lâu kẻ Việt người Tần cách xa, Sao

cho muôn dặm một nhà, Cho người thấy mặt là ta cam lòngọ. Cũng bởi chút tâm sự đó mà ta chấp nhận nghe nàng khuyên để qui hàng Hồ Tôn Hiến. Tiên sinh thừa hiểu rằng nghe theo lời khuyên của nàng cũng chỉ là cách để ta thực hiện một chút gì còn lại trong tâm nguyện. Ngày mai ta sẽ qui hàng để cho ômuôn dặm được một nhà ô, để cho đứa con lưu lạc tha hương được quay về nơi cố quận.

Nho sinh đăm chiêu nhìn những giọt rượu màu hổ phách sánh ra ngoài chung lưu li. Ánh nắng chiều cuối thu chiếu vào làm màu rượu càng thêm óng ánh. Không gian bỗng nhiên như im sững lại trong nỗi trầm tư. Sau nhiều lần rất phân vân, nho sinh ngập ngừng hỏi :

- Nhưng thưa tướng quân, tướng quân đã thể hiện bi tâm theo thể điệu của khách anh hùng, nhưng rồi...

Từ Hải cắt ngang mà đáp :

- Phần ta, ta sẽ chết.

Nho sinh thảng thốt kêu lên :

- Tướng quân sẽ chết. Tướng quân đã biết rõ điều đó ư? Thế thì...

Câu nói giữa chừng bỗng như chùng lại, bị cuốn theo cơn gió từ biển thổi mạnh vào.

Từ Hải uống cạn thêm một chung rượu nữa, rồi đáp :

- Đúng! Ta sẽ chết! Cái chết của ta cùng những giọt nước mắt ăn năn của nàng trong ngày mai giữa đám loạn quân sẽ làm sáng tỏ biết bao điều mà nàng hãy còn mơ hồ trong cõi đời dâu bể. Cái chết của ta cũng sẽ làm khai thông bao nhiêu điều bế tắc cho đời nàng, cho nhiều người khác và sẽ khiến nàng được trùng sinh trong giác ngộ, mai sau..

Tố Như vén áo bào, nghiêm trang đứng lên nói :

- Thưa tướng quân, ô sĩ vị tri kĩ giả tử, nữ vị duyệt hĩ giả dungọ, kẻ sĩ vì người tri kỉ mà chết, khách má hồng vì người mình yêu mà trang điểm dung nhan. Tướng quân là khách anh hùng cái thế, lại lãng mạn đa tình, nay vì đấng hồng nhan tri kỉ mà nguyện làm người tử sinh để thể hiện trọn tấc bi tâm. Vãn sinh xin vì tướng quân và phu nhân mà dựng lên một toà tân thanh lặng lẽ giữa biển dâu. Để vạn đại mai sau, nhân gian nhìn lại sẽ hiểu đâu là tinh thể của tình yêu và hai chữ bi tâm.

Từ Hải vội đứng lên, nâng cao chung rượu mà nói :

- Tấm lòng của tiên sinh, ta xin tạc ghi vào phế phủ. Mai đây khi đã lịch hành trọn con đường dâu bể, xin tiên sinh hãy đem chút tài hoa bạt tụy của mình ra gởi tâm sự ta vào thiên cổ. Ta chỉ thương cho tiên sinh đã đem tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời để cưu mang những phong vận kì oan của thiên hạ, còn tâm sự u uẩn của chính mình lại không

biết ngõ cùng ai. Nhưng ta hiểu đó cũng là cách thể hiện bi tâm của những tâm hồn thông tuệ, và cũng là cái thông lụy của bọn tài hoa suốt dưới vòm trời kim cổ. Bây giờ, xin tiên sinh hãy cùng ta cạn chén vĩnh li.

Hai người nhìn nhau thật lâu. Từ Hải bỗng nhiên thấy dường như khuôn mặt Nguyễn Du nhoà dần đi và biến thành khuôn mặt kiều diễm của Thuý Kiều. Một lát sau lại biến thành khuôn mặt nho nhã của Thúc Sinh, rồi thành khuôn mặt trầm tĩnh của Giác Duyên, gian ác của Khuyển Ưng, thông minh mà cay nghiệt của Hoạn Thư, thô bỉ của Bạc Bà, Bạc Hạnh..... Trong dòng biến hoá trong phút giây mà dường như vô tận đó, tất cả các hình ảnh đều trôi chảy, thoát ẩn thoát hiện, đan xen nhau, bùng cháy lên trong ngọn lửa trí tuệ đắm say của nhà thơ. Và cuối cùng tất cả các hình ảnh đó đều tan biến đi, tất cả đều tiêu dung lặng lẽ trong suối nguồn vô lượng của bi tâm, để hiện ra lại khuôn mặt thông tuệ của chính nhà thơ. Chỉ trong một phút giây kì diệu đó thôi, mà Từ Hải thấy như mình đã trãi qua cuộc hành trình dài bằng cả một đời người.

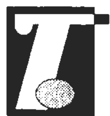
Hai người bỗng nhiên cười rộ lên, cùng cạn hết chungƯ rượu rồi ôm chặt nhau khi nền trời đang mờ dần trong ánh tà huy.

Chiều hôm ấy, người ta thấy một thư sinh áo trắng, lưng đeo trường kiếm, cưỡi ngựa rời cổng thành. Người ấy cưỡi ngựa trên đường cái quan, cất cao giọng ngâm giữa những làn gió thu lạnh buốt:

Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kì oan ngã tự cư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Gần mấy trăm năm sau, có một gã thi sĩ thiên tài đọc lại Nguyễn Du và viết *Xô ùa Từ Hải ra làm Người Tử Sinh thì đồng thời Nguyễn Du cũng đưa Tại Thể mình xuất võng hoạt tồn, vào cuộc chịu chơi với Triều Nguyễn, mở trở lại Buổi Lễ Hội Tháng Ba trên căn cơ bất khả tư nghì.*

HUỲNH NGỌC CHIẾN



LƯU HY LẠC

Bài viết lại

Gửi KT

Bao năm trường trôi qua ở phía biển con đường
vẫn vậy, mãi cho đến khi chính tôi chứng kiến
con chuột vùng thoát khỏi bẩy bởi khúc mồi chỉ
là miếng phó-mát giả, nó khiến tôi hoàn hồn,
buông bỏ cái công việc nhảm nhí hết sức trong

ngày mà bao năm trường mãi làm đi làm lại.
Nhảm nhí ở chỗ cứ hăm hở đi bắt bí
chính cuộc sống tôi bằng cách chắp những mảng màu
cứ như thật, đã chuyền tay từ người này sang
người khác đắp đời sống tôi. Rồi duy nhất với

nó, cái công việc nhảm nhí như thế nó xui
bước đi tôi hăm hở kiếm tìm bất cứ thứ
sắc màu nhặt nhạnh /bất kể thực giả, ròng rã
bao năm trường cẩn trọng cầm lòng ghi nhớ nó,
cái công việc hết sức nhảm nhí trong ngày, mãi

cho đến khi chính tôi chứng kiến con chuột vùng
thoát khỏi bẩy bởi khúc mồi chỉ là miếng phó-
mát giả trên con đường hằng ngày tôi đi về
hướng biển- bao giờ con đường cũng sạch sẽ- màu
trời bao giờ cũng trong sáng- ngoài xa bao giờ

cũng từng đàn hải âu là là mặt nước cùng
những lượn sóng, chao ôi ! bao giờ cũng thật yên
bình đẹp đẽ, nó khiến tôi hoàn hồn buông bỏ
cái công việc hết sức nhảm nhí trong ngày, tôi
thấy kiểu tôi đặt chiếc bẩy chuột góc phòng bao

nhiêu năm ròng rã trôi qua với miếng mồi bằng
khúc phó- mát thật, còn bẩy hụt con chuột dăm
lần bảy lượt, thật bỏ công tôi sắp đặt. Để
sáng nay chứng kiến con chuột vùng thoát khỏi bẩy
bởi khúc mồi chỉ là miếng phó-mát giả, tôi

tự hỏi bao năm trường với công việc hết sức
nhảm nhí như hăm hở đi bắt bí ngay chính
cuộc sống tôi bằng cách chấp những mảng màu cứ
như thật/ bất kể thực giả, đã chuyền tay từ
người này sang người khác đắp đời sống tôi, mà

cuộc đời vốn dĩ thay đổi khôn lường, và con
chuột còn biết đâu thực giả thì công việc trong
ngày của tôi quả hết sức nhảm nhí nó thật
bỏ công tôi sắp đặt.

LƯU HY LẠC





PHẠM HẢI ANH
Lập xuân

-"Hôm ấy cô sẽ vấn khăn hoàng hậu, buông mấy sợi tóc mai quăn quăn thế này này. Cô sẽ cài hoa trắng. Còn hoa tai phải đồng màu với váy...", giọng cô Loan lảnh lót. Cứ độ vào thu cô lại thích bàn chuyện cưới xin. Nên mặc váy tầng đăngten hay mặc hở cổ trên bó dưới xòe, tóc bới cao hay chải lật, rồi hoa cầm tay bó to hay nhỏ, đặt ở tiệm nào...Các dự định của cô thay đổi xoành xoạch theo giá cả và mốt thời trang. Cả các chú rể tương lai cũng vậy, thoắt hiện thoắt biến, thay thế nhau tài tình như tráo bài tây.

Cô Loan làm nghề bán hàng xén, đã ở tuổi qúa lứa. Bố mẹ tôi vốn ít giao thiệp với người buôn bán, nhưng vì cô là hàng xóm nên vẫn tiếp đón niềm nở. Bọn con gái trong xóm rất khâm phục các mốt quần áo váy vóc và hộp trang điểm đồ sộ của cô. Người cô đẫy đà, mặt to, mũi gãy, lúc nào cũng phấn son rất đậm. Khách nhà tôi toàn những người quần áo đứng đắn, tướng mạo nghiêm trang mà câu chuyện thì tẻ ngắt nên tôi rất mê cô. Vài lần ra chỗ cô bán hàng, tôi thấy cô chửi

tục rất lưu loát, nhưng cứ sang nhà tôi cô lại ăn nói cực kì văn hoa lễ độ. Kho chuyện tình của cô đặc biệt phong phú, mới lạ từng ngày chứ không nhạt nhẽo như chương trình vô tuyến. Đâm ra nhà tôi có thói quen tối tối ngồi nghe cô tâm sự. Cô nghiễm nhiên coi bố mẹ tôi như những nhà cố vấn tâm lý, điều đó làm mẹ tôi khá hãnh diện. Nhưng người nghe cô chăm chú nhất thực ra lại là tôi. Thâm tâm, tôi tôn cô làm một bậc sư phụ lão luyện trong đường tình ái. Chỉ có điều cô không gặp may.

Có một dạo tưởng cô cưới chú X. Nghe nói chú này hào hoa bặt thiệp lại hát karaôkê hay lịm người. Ngày tết chú tặng cô cả cân thịt thăn lợn và chai nước mắm ngon cho mẹ cô. Nhưng chú nhất định chỉ galăng ở mức ấy, mãi mãi không hơn gì. Thế là cô bỏ. Cô cũng bỏ anh hàng phở hay ân cần chan thêm nước béo vào bát phở sáng của cô. Anh này theo ý cô là không nghiêm chỉnh và mùi mồ hôi gây không chịu được. Bẵng đi ít lâu lại thấy cô hay nói đến anh thợ mộc góa vợ, khéo tay, đóng hộ cô cái chạn không lấy tiền. Cô mặc váy đến nhà anh này chơi hẳn hoi. Về là thấy cô cởi ngay váy ra giặt. Cô bảo nhà ấy đầm đìa nước đái chó với lại trẻ con nheo nhóc không chịu được. Từ độ ấy không nghe cô nhắc gì đến anh thợ mộc nữa. Rồi một ông giám đốc bí ẩn hay mời cô đi ăn nhà hàng. Ông này tặng cô cả dây chuyền, nhẫn vàng. Cô tức tốc ra hiệu thử, người ta xác định chỉ là vàng tây bẩy tuổi, nhưng dù sao cũng là của thật. Cô muốn thử thêm tình yêu của ông giám đốc bằng cách hỏi vay vốn làm ăn. Ông giám đốc biến mất. Cô làm quen một nhà thơ. Nhà thơ gọi cô là con bồ câu nhỏ, là tiên nữ thục hiền. Cô đang tính mua sổ về chép thơ thì nhận được thiếp mời. Nhà thơ cưới một con bồ câu khác non tơ hơn cô cả chục tuổi. "Nhưng chỉ có em mới là tình yêu duy nhất của đời anh.", đêm chia tay nhà thơ khóc trên vai cô. Anh ta muốn được khóc ở những vị trí thấp hơn nữa nhưng cô không cho phép. "Nó đểu. Nhưng em cũng cáo lắm. Nó không ăn được em nó còn thèm.", cô bảo mẹ tôi. Nàng thơ trong cô chết yểu cùng mối tình lãng mạn, chỉ còn những lời cay chua.

Đất khu tôi, theo lời mẹ cô Loan than thở thì "âm thịnh dương suy". Nội trong xóm đã có hai bà góa, một gái già và nửa tá con gái chưa chồng, chưa cả người yêu. Âm khí nặng nề, nhìn thấy hãi. Đàn ông trong xóm mặt mũi cứ xanh xao vàng vọt, chả còn khí sắc gì nữa. Ngày rằm mùng một, nhà nào cũng hương đèn xuỵt xoạt cầu khấn cho khí dương thịnh lên mà chưa thấy gì. Đến như mẹ tôi, tuy trang bị đầy mình kiến thức khoa học tiên tiến cùng các học thuyết duy vật này nọ,

nhìn cảnh ấy cũng không khỏi động lòng sốt ruột. Cô Loan đi xem bói đông tây, về bảo rằng tại tinh cây hoa sữa trấn đất xóm này. Cây hoa sữa chẳng biết từ bao giờ, mọc ở khoảng đất hoang gần cổng ngõ. Hình như rễ nó ăn lan qua nhà vệ sinh, hút lắm chất bổ dưỡng nên lớn nhanh lắm. Khi nhà tôi chuyển về đây, cây mới lùm lùm ngang cửa sổ, qua một hai năm đã cao trùm mái. Từ độ đi xem bói về, cô Loan ghét cây hoa sữa lắm. Nước xà phòng giặt quần áo, nước gội đầu nóng, dấm chua, dầu hỏa... cô đều bê đổ hắt vào gốc cây. Nhưng cái giống cây mọc hoang, lại ở chỗ bẩn đất tốt, sức sống phải biết. Bất kể cô Loan làm gì, lá cây cứ xanh bóng lên, một màu ngăn ngắt kinh dị, chưa thấy đâu có. Cô Loan mời thầy về cúng yểm mộc tinh. Ông thầy cúng kiếng cả buổi rồi chôn chín cái đinh nhọn hoắt mũi chĩa vào gốc cây sữa. Đàn bà con gái cả xóm hồi hộp chờ đợi. Đầu tiên là cô Kỳ, hàng xóm sát vách nhà cô Loan, góa chồng đã bốn năm, rất mực chính chuyên, tự dưng bị tay thợ móc cống già gạ gẫm mùa đông này cùng đắp "chăn ba bảy độ". Cô Kỳ chửi gã té tát, mặt mũi đỏ tưng bừng. Rồi cái Minh, con bé xinh nhất xóm, một hôm vác về một con thú bông mặt lợn, tai thỏ, mình gấu, trông quái gở không giống cái gì. Nó hãnh diện bảo đấy là quà bạn trai tặng. Có một người độ này cũng hay lui tới nhà tôi. Tụi bạn tôi khen anh điển trai. Cô Loan chê anh cù lần. Bố mẹ tôi tế nhị sang nhà hàng xóm chơi mỗi buổi tối anh đến. Tôi chăm chỉ ngồi tiếp anh, thấy không hào hứng, cũng không buồn, chỉ yên tâm những tối thứ bảy không phải ngồi bó gối xem tivi một mình. Sinh nhật tôi, anh mang đến một bó giấy báo lùng bùng, kín mít. ễ trong là mười nụ hồng trắng còi cọc. Tôi kiếm cái lọ nhỏ nhất, cắm mãi mà mấy bông hoa trông vẫn xẹo xọ. Hôm sau cô Loan sang chơi, cười ầm lên bảo :"Rõ khéo! Mười bông chết chín còn một bông gật gù!" Tự dưng tôi thấy ghét cô Loan. Cô về rồi, tôi lẳng lặng vơ chỗ hoa quẳng vào sọt rác. Những nụ hồng khổng bao giờ nở.

Mùa cưới. Nắng hanh vàng như mật. Cô Loan vẫn phấp phới váy áo ra khỏi nhà mỗi tối thứ bảy, mặc dù chẳng thấy ai đưa đón. Tôi đi công tác Đà Nẵng một tháng, về nhà bỗng được tin cô Loan đã cưới. "Mà lấy một bác sĩ hẳn hoi!", mẹ tôi nói, nhìn tôi như nhắc nhở hãy lấy đấy làm gương. Đám cưới cô Loan mới một tuần trước đây thôi. Ăn to! Mẹ tôi đưa tôi xem tấm ảnh. Cô Loan mặc cái váy cưới trắng tinh, xùm xòe, đầu cài hoa trắng, môi đỏ chót cười rất điệu. Trông cô giống manơcanh hơn là người thật. Tôi hỏi :

-Chú rể trông có được không mẹ?

-Mới thấy mặt có một lần vào lúc nhập nhoạng. Trông cũng cao

ráo, sáng sủa. Nhưng mà từ hôm cưới, có thấy qua lại đây nữa đâu...

-Sao thế mẹ? -Tôi kinh ngạc.

-Nghe bảo chồng cô ấy cưới xong là đi Tây công tác. Cô Loan vẫn ở đây, chờ chồng đón qua làm phu nhân.

Cô Loan nghỉ việc bán hàng ở chợ, suốt ngày đi lễ. Cây hoa sữa đầu ngõ, từ độ cô Loan lấy chồng, không bị hất nước xà phòng, tưởng sẽ tươi tốt, không ngờ lại chột đi. Cả một mùa hoa, nụ đơm đầy cây mà tự nhiên cứ héo quắt đi rồi rụng hết. Mẹ cô Loan mỗi buổi ra quét ngõ lại càu nhàu, dọa đốn phứt cái cây báo hại. Bà cụ ngày càng khó tính. Chỉ có hai mẹ con mà chốc chốc lại thấy gắt gỏng, rồi cô Loan mặt đầm đìa nước mắt chạy sang nhà tôi chờ qua cơn mới về. Mẹ tôi thương hại, khuyên :

-Mẹ con không hợp thì cô về ở nhà chồng. Thỉnh thoảng tạt về thăm cụ, lại quí hóa, êm đẹp.

Cô Loan thừ người, lát sau nói nho nhỏ :

-Biết thế em chả cưới nữa cho xong...

Mẹ tôi gạt ngang :

-Bậy nào. Bao giờ chú ấy đón cô sang Tây...

Cô Loan cười như mếu :

-Tây tàu gì hả chị... Em thèm có đám cưới. Đàn bà ngần này tuổi không lấy nổi một tấm chồng, nhục lắm chị ơi! Em năn nỉ người ta. Em tự làm đám cưới thật to cho hả. Để người ta nhìn thấy em cũng đàng hoàng như ai. Nhưng người ta không ham chị ạ. Người ta là bác sĩ, chê em hàng chợ không hợp...

Giọng cô Loan nhỏ tắc. Cô vớ lấy chén nước chè, uống liên tiếp mấy ngụm, nước mắt rơi lã chã xuống lòng chén.

"Thế... mấy đêm cưới xong, cô về nhà chồng cơ mà?", mẹ tôi hỏi, sửng sốt!

-Em thuê khách sạn. Chị ơi, thà là người ta cứ đểu với em! Đằng này, người ta còn không tới...

"Thế chú ấy đi Tây à?", mẹ tôi vẫn luẩn quẩn vối ý nghĩ về bên Tây, không hiểu ra làm sao cả.

"Em còn biết nói thế nào?" cô Loan sụt sịt "Người quen, bạn chợ, ai gặp cũng hỏi. Em cứ nói thế. Ai cũng khen em tốt số, lấy chồng sang, giờ còn sắp được đi Tây! Chị ơi, em cạn cả vốn vào đám cưới, lại sợ ra chợ người ta cứ hỏi, nên thôi bán hàng. Mấy tháng nay, em phải làm thuê ở chỗ khác. Mẹ em ngày nào cũng chửi em..."

Tôi bỏ đi chỗ khác. Tôi không muốn nghe những lời mẹ an ủi cô Loan. Tôi biết nó cũng nhạt nhẽo như những bài nghiên cứu xã hội

học mà mẹ vẫn viết đều kỳ đăng báo. Nếu nó là tôi, thì mẹ có nói cũng những lời như thế không?

Mẹ tôi giữ lời hứa, không kể chuyện của cô Loan cho ai. Thành ra trong xóm, cô Loan vẫn được tiếng là tốt số. Cô nghe khen, mặt mũi hớn hở tự hào đến mức tôi đâm nghi ngờ không biết cô có khổ tâm thật hay không. Thỉnh thoảng, cô sang nhà tôi, than thở chán duyên phận, chỉ muốn đi tu, rồi khóc nức nở. Khóc xong, cô lại lúng liếng nhờ bố mẹ tôi có đám nào giới thiệu cho. Dạo này, cô còn diện và điệu bộ nhí nhảnh hơn xưa. nhưng bọn con gái trong xóm qua thời ngưỡng mộ cô rồi. Hai đứa đã kịp vượt cả "sư phụ", lấy chồng, có con đàng hoàng. Những đứa còn lại tâm trí để cả vào mốt và bận bịu kiếm chồng, cũng chẳng buồn để ý đến cô nốt.

Tối thứ bảy, tôi ngồi buồn nhìn cô Loan lúi húi bày bàn thờ ra sân. Giờ này, bọn con gái trong xóm được các anh đón rước hoặc tự đi chơi, đã tản đi hết. Khoảng sân vắng hoe. Cô Loan đứng dưới vòm cây hoa sữa, lầm rầm khấn khứa. Dáng cô bắt đầu xồ xề, chỉ có bộ ngực không cam phận cứ nhô căng ra đằng trước. Cô Loan kể, anh nhà thơ có lần ví ngực cô như mũi chiến hạm phăng phăng đi tìm bến đậu. Một cái bến chính chuyên, một lần được gọi là "vợ", đơn giản thế thôi, đủ cho cô lao qua bao nhiêu cuộc thử nghiệm, lần nào cũng thảm bại và lại hăm hở từ đầu... Mấy nén nhang cháy đỏ lập lòe. Trời tối, không thấy khói, chỉ có mùi trầm thơm làm tôi nôn nao. Môi tôi lạnh và khô. Tôi nhớ một buổi tối như thế này, có những nụ hồng không bao giờ nở, nằm héo rũ trong sọt rác. Hình như tôi chưa bao giờ biết khao khát một cái gì. Hình như tôi luôn thèm được khao khát một cái gì... Tôi bước ra sân. Một làn mưa bụi mỏng, ẩm ướt trùm lấy tôi. Thế mà tôi quên, hôm nay đã là tiết lập xuân...

PHẠM HẢI ANH
Amsterdam, Hemelvaartsdag 98



PHAN NI TẤN ND

Tóc búi

Ôi mái tóc búi anh lên khoảng trống
Khoảng trời xanh và tóc tóc biếc bay chung
Như mây theo nước và nắng theo gió
Em theo anh đến chỗ vô cùng

Ôi mái tóc búi em lên một cõi
Mùa thanh tân xuân nở vàng tươi
Tuột ngọn nắng xuống câu thơ mộng
Nhặt trên anh những nụ em cười .

Ống lụa

Cuống họng em ngon như ổ bánh mì
Lúc đói bụng anh thường nhai ngấu nghiếng
Cuống họng phụt máu, phun nước miếng
Anh nuốt vô đau điếng cả phần thơ

Cuống họng em đeo dây chuyền lấp lánh
Anh đeo theo một cọng tòn teng
Gặp phải lúc trăng thanh gió mát
Anh luồng vô lục lạo tìm quen

Anh làm quen hơi thở em ngái ngủ
Tiếng trở mình xột xoạt miếng yêu đương
Ơi cuống họng! Phải em là ống lụa
Cuộn hồn anh tròn trịa giữa thiên đường?

PHAN NI TẤN (N.D)





LỆ HẰNG
Viết lên trời xanh

Anh đang ngồi coi TiVi. Nhìn cảnh mấy đội quân nhóc tì được huấn luyện để ôm bom xông vào trạm xe buýt, tiệm ăn, quán nhạc...để giết người, giết mình. Mặt mày chúng câng câng ra. Rõ ràng chúng đang bị say máu, một hai đòi hiến thịt, biến thành thánh hoangxuanson@hotmail.comtử đạo chết cho đủ giống lý tưởng ngông cuồng của người lớn. Bụng chúng quấn đầy bom. Số kilô chất nổ còn nặng hơn trọng lượng da thịt của chúng. Anh hoảng quá. Anh thực sự hoảng hốt. Và bỗng dưng anh nhớ em, nỗi nhớ đau xé cả người y như bọn con nít khủng khiếp kia lúc bị bom xé tan xác. Thế là, như một kẻ đã quấn bom trong người anh xông ra bàn ngồi viết thư cho em. Buồn một nỗi, viết thư cho em mà sao lòng anh cuồng nộ quá.

Em! Anh muốn gọi tên em gọn như bom vậy đó. Một tiếng vậy thôi em chịu không? Không chịu anh cũng gọi lỡ rồi, bù cho những lúc gặp nhau, anh phòng thủ thật kỹ, nghĩa là cũng ôm bom trong người

như bọn trẻ con dang đòi giết người để được người lớn cúng chúng như anh hùng. Anh cũng cố bậm trợn ngầu lì chai đá như bọn chúng với em cho bõ ghét. *Em cưng, em yêu, mấy tiếng du dương này bọn ôm bom làm sao nói ra lời được.* Anh cũng vậy - yêu em - thèm muốn em - cưng em - hừ hừ mấy cụm chữ rắc rối này nhiều phen chúng trồi lên trụt xuống hành anh đau cần cổ. Anh chịu chết, không tài nào nói nổi. Anh sợ em làm tàng với anh. Anh sợ ngọt ngào với em, rồi mai kia mốt nọ mang tiếng lừa gạt em, còn phiền nữa. Đàn ông, trừ những anh cù lần lửa, hoặc mang bệnh chậm lụt, có chạ nào không bị đàn bà chửi rủa là bạc tình, là lường gạt, là sở khanh, sở bạc đâu em.

Danh xưng, tên gọi, thiên hạ hơn sáu tỉ người đều có tên có họ cả rồi. Anh sợ điệu này mai mốt không làm sao bày đủ tên họ, chức vị để gọi nhau nữa. Có nhiều cái tên lòng thòng ba bốn chữ, mỏi miệng quá. Anh nhất định gọi em, một chữ nhỏ xíu như vậy đó. Như thế em phải hiểu - em- là tiếng gọi của thần chú, hễ khi nào, anh quát lên một tiếng em, hay anh gừ lên một tiếng em. Làm ơn làm phước hiểu dùm anh đang đứt ruột thương em. Không thì bom nổ đấy.

Ôi ngôn từ nhân loại, dù sao cũng cám ơn loài người đã mầy mò đẻ ra chữ viết, để bây giờ xa Banktown, xa Cabramatta nghìn dặm đường bay, anh rên lên ỏviếtõ một tiếng em rền rỉ và... em cưng ơi! Em làm anh tan tác như lá khô bồn chồn trong vườn thu nhà em vậy.

Xa em, anh mới biết anh đang nhớ em đến mủn cả người. Cám ơn em đã đủ sức làm anh phải nhớ em. Anh cứ tưởng người đàn bà duy nhất anh thực sự yêu quí chỉ là bà mẹ khốn khổ của anh thôi. Hình như hai đứa đã mầy mò đủ mọi trò chơi để nghịch rồi, nhưng cái trò viết thư, cái trò lải nhải tán tỉnh nhau hình như anh chưa bao giờ làm. Anh nhớ chắc, anh chưa bao giờ nói yêu em. Anh không muốn nói. Tại vì...lỡ mai sau anh dở chứng yêu người khác thì sao? Không hiểu sao, bây giờ, anh chỉ muốn thảnh thơi như lá khô rụng trong vườn nhà em. Ít ra, chúng cũng an nhiên tự tại hơn cái thân anh lúc này nhiều.

Anh còn nhớ em rất thích rủ anh chơi đốt lửa. Anh phải gom thật nhiều cành khô và lá chết. Phải lom khom mồi lửa cho em. Lửa cũng nhiều màu lắm, nhất là những đốm lửa khiêu vũ trong vực mắt đen thẳm của em. Chúng biến hình đổi dạng không ngừng. Lưỡi lửa bập bùng, lúc nhọn lểu, lúc ngoằn ngoèo, lúc lại cong cớn như muốn đòi mơn trớn. Má em cũng hồng lên thơm mùi lá cháy. Em lẩn thẩn ngồi đếm lá, lâm râm đọc kinh giải oan cho lá trước khi lùa chúng vào đống lửa. Em ngồi đếm từng chồng lá một. Anh nhìn chăm vào môi em, sợ em mỏi miệng, lẫn lộn từng chồng, đếm suốt đêm em dám quên anh lắm. Cuối cùng em càu nhàu xô hết đống lá khô vào cho bọn lửa tham

tàn ngốn hết, Cành to, cành nhỏ, lá nâu, lá vàng, lửa đớp hết. Em than - lá chết nhiều quá, đếm không nổi. Bất chợt em ngước mắt nhìn anh, hỏi một câu làm anh sửng cả người - Người chết thấy gớm hơn lá chết, phải không? Anh không dám gật đầu. Em tiếp tục nhìn lửa - Người chết chắc cũng nhiều như lá. Lá chết xác khô đi như thế này, thấy thiệt tội nghiệp nhưng không thấy kinh tởm. Anh không trả lời nổi. Hồi nào đến giờ anh không nghĩ ra điều đáng sợ này. Em nói như than - Ai cũng sợ người chết, phải đem chôn thật sâu, phải đốt đi, không ai muốn nhìn, muốn kề cận người chết. Rõ ràng người chết xấu xa và kinh tởm hơn lá chết. Lúc đó anh chỉ biết nhìn trân trân vào mặt em. Anh có cảm tưởng sau câu hỏi đó em thành người lớn. Sau đó không bao giờ em đòi chơi đốt lửa với anh nữa, nhưng hai mắt chới với đầy những dấu hỏi của em từ mùa đông năm ấy là cục than đỏ mãi trong lòng anh.

Em đang giận anh lắm phải không? Không giận sao được. Anh bỏ đi không một tiếng một lời với em. Cũng không một lần gặp mặt sau những ngày dầu sôi lửa bỏng. Anh không muốn gặp em, không thể gặp em thì đúng hơn. Anh bị cơn lốc quỉ xoáy vào thạch trận. Không còn đường nào thoát thân ngoài chạy trốn. Anh bỏ đi vì không muốn gây khổ lụy cho em. Em đã khốn đốn vì anh nhiều quá rồi. Anh biết mình không đủ lời để phân trần cho em hiểu. Ngôn ngữ vô dụng trong cuộc tình này.

Ngày hai đứa gặp nhau, giữa em và anh cách biệt đã hiện diện rồi. Ngày em mới từ đảo sang, anh khó lòng quên nổi đôi mắt em lúc đó, em ốm tong teo đôi mắt đầy hoảng hốt. Mười năm sau, em lớn lên tươi trẻ và xinh đẹp quá sức anh chịu đựng. Sâu trong mắt em, anh vẫn thấy những lần chớp đầy đe dọa của ông thần hoảng hốt ấy. Em đừng ngoác miệng ra cười, thần lửa, thần rừng, thần chiến tranh làm gì có thần hoảng hốt. Có chứ sao không? Em hoảng đời, hoảng hoàn cảnh ngang trái của mẹ em, hoảng cảnh rối ren xà bần của mẹ anh, và em hoảng hồn vì anh nữa. Đúng không? Em run sợ, hoang mang ngay cả lúc em nói cười hớn hở. Hình như anh cũng lây bệnh hoang mang từ em nữa. Anh đành gọi đó là căn bệnh di truyền của người Việt Nam. Hình như mọi người Việt Nam đều lớn lên trong khiếp sợ hoang mang và hãi hùng như em vậy.

Rõ ràng anh cần em cháy phổi được, vậy mà, có bao nhiêu chuyện anh không sao nói được với em. Anh vẫn thấy mình ở ngoài nhau. Vậy đó, hai đứa vẫn ở ngoài da thịt nhau, vẫn hoàn toàn khác nhau, Mấy cái người cứ một hai lải nhải rằng yêu nhau thì nên một, rằng trăm năm hạnh phúc. Họ đang hùa nhau nói láo đấy. Làm gì có

chuyện đó. Anh phải sống và chết cái phần đời của anh, em phải sống cái phần đời tự nhiên mẹ em đẻ ra, tống vào mồm em. Chẳng thể nào trộn chung hai đứa mình vào nhau được. May ra, tử tế với nhau lắm mình có thể xài chung bankcard, chung nhà, chung xe, Nhưng chung đôi một số phận thì thì...đừng có ham. Nếu biết anh đang ôm cả kí bom trong người em có dám xông vào nữa không? Hãy tha thứ cho anh, nếu như điều thú nhận này đáng để em phàn nàn.

Tình yêu cũng là một thứ làm anh sợ hãi nữa. Anh là đứa bủn xỉn lời nói, em càng keo kiệt ít nói bậc thầy hơn anh nữa. Em nhất định dè chừng miệng lưỡi em. Đúng như vậy không? Anh không hiểu em có nhiễm bệnh lừng khừng giống anh không? Có bị con mụ cô đơn mai phục trường kỳ như anh không? Cũng lạ, ở bên em anh cứ hục hặc như người động kinh, xa em anh lại thắc thỏm, mốc meo như người lên men vì cứ phải bận tâm nghĩ tới em hoài. Đừng hòng chống nạnh tay xỉ vả anh mất công, đợi mãi có dịp này để tự chữa bệnh bủn xỉn lời nói, anh mong em đủ rộng lượng để chịu đựng anh, như em đã nhiều lần chịu đựng. Có đêm anh mở trừng hai mắt, hậm hực nạt nộ anh - yêu là quái quỉ gì? Phải rồi, em trả lời cho anh đi, yêu là giống quái quỉ gì?

Thiên hạ cứ đua nhau tuồng kịch phim ảnh thơ nhạc yêu thương mùi mẫn hết đời này sang đời khác. Anh ngờ quá, biết đâu chừng họ cũng mần tuồng nói dối như nhau. Một trò nói dối cần thiết nhân loại bày ra để đủ sức chịu đựng nhau?! Nói trắng ra để mần thịt nhau. Đàn ông mần thịt đàn bà, đàn bà ngoạm thịt đàn ông. Chỉ có thế thôi em ạ, mà tốn bao nhiêu là nước bọt rồi! Cũng tại ông Thượng Đế, Ông bày trò nặn cho con người bộ phận truyền sinh, nên mới sinh ra lắm tội. Đến chừng quả đất bị nêm cứng, ầm một cái Ông cho tận thế. Anh hỏi em nếu không bày ra trò yêu thương bi tráng này liệu quả đất có tăm tối đi tí nào không nhỉ? Em trả lời cho anh đi? Em ngần ngừ phải không? Anh biết mà, em đâu phải là người nhọn lưỡi để liếm môi một cái mở máy nói tràng giang đại hải. Nói cho em nghe chuyện này, anh không hạp với bố của anh chút nào hết. Càng lớn lên anh càng tìm cách né ông, nhưng anh nhớ hồi còn nhỏ, đánh lộn với bọn da trắng, bị cảnh sát nhốt, bố đến lãnh anh về, anh nghĩ ông sẽ hầm hầm hoặc tệ hơn nạt nộ, nhưng không, ông lại có vẻ hả hê lúc vỗ vỗ vào vai anh. Đó là dịp thuận tiện nhất để anh hỏi thẳng bố anh - Bố có yêu mẹ không. Bố anh cứ xàng xê đường vòng, hỏi tới nữa ông ngần ngừ. Sau đó anh không bao giờ hỏi nữa. Anh hiểu không một người cha nào đủ tàn nhẫn để nói dối con mình.

Tình yêu là quái quỉ gì? Anh đem câu hỏi hóc búa này hỏi mẹ anh. Lần nào bà cũng xoa đầu anh rồi cười. Thấy anh nhăn nhó, bà mới

chợt hiểu anh không hỏi đùa, anh hỏi thật. Bà bèn hắng giọng đọc Nhã Ca Salomon kiểu Việt Nam chay của bà - Rằng đàn bà Việt Nam thời mẹ hiếm ai chạm tay được của quí đó. Yêu với thương gì, thời của mẹ đủ thứ bổn phận chòng chéo nhau. Bổn phận làm con, bổn phận làm vợ, rồi bổn phận làm mẹ, chằng chịt từ đầu xuống chân, chiến tranh dồn đuổi, sống thôi đủ vã mồ hôi rồi. Mẹ nghĩ chỉ những người cực kỳ may mắn mới được đàn ông Việt Nam yêu. Mẹ không có được cái may mắn đó. Đàn bà Việt Nam chỉ mong có được một người chồng tử tế thế là mừng lắm rồi. Tình yêu mẹ chỉ đọc thấy trong tiểu thuyết thôi. Con muốn biết tình yêu là gì, chịu khó học tiếng Việt, tụng hết tủ sách của mẹ là giỏi lắm rồi.

Có lần anh cũng bày trò triết lý vụn với em rằng đau khổ không phải là thứ để ôm nghiến lấy một mình, phải tống nó ra ngoài, bắt kẻ khác chịu chung với mình, ôm đau khổ một mình cũng nguy hiểm cho xã hội như ôm bom vậy. Anh nói nghe mạnh bạo như vậy đó, nhưng cuối cùng vẫn nghiến ngầm đau khổ một mình anh. Lúc bị dồn đuổi anh ba chân bốn cẳng bỏ trốn. Hãy trách anh hèn nhát đi em! Mấy tháng nay cục nợ hèn nhát nó dày vò anh dữ quá. Người anh mong chờ nhất để ném hai tiếng hèn nhát vào mặt anh là chính em. Anh nghĩ như thế dễ chịu cho anh hơn. Em dịu dàng và sâu thẳm quá. Anh mò không thấy đường ra đường vào. Len lỏi vào đời em còn khó hơn nữa. Anh tuyệt vọng đứng ngoài em, mãi mãi anh ở ngoài em. Điều này thiệt khủng khiếp.

Em có biết một tháng nay anh làm gì không? Hỏi anh đi cưng, ba mươi mốt ngày đêm xa em anh làm gì? Đừng hoảng hốt, từ từ rồi anh cũng phải nói ra thôi, ôm bom mãi anh chịu gì nổi. Khi hai thằng bạn thân bị bắn chết, anh mới biết sợ, anh dông một mạch lên nông trại, nằm co quắp trong xó rừng. Hình như anh cũng có mầm bệnh tâm thần như mẹ anh. Đêm nào anh cũng thấy mình ôm bom lao vào đám đông. Mình mẩy anh cháy như ngọn đuốc. Anh thấy máu mình sôi lên, thấy da thịt anh cháy lèo xèo. Đau đớn quá anh chỉ mong chết, vậy mà mãi không chết được. Ôm bom tự sát không phải chuyện dỡn chơi em ạ. Anh muốn nổi lửa đốt hết rừng già rừng non của Úc cho hả giận. Anh giận đời, giận thân, giận cha mẹ tại sao hết chuyện để chơi đùa với nhau, nỡ bày cái trò ân ái ma quỉ của hai người đẻ ra anh làm gì? Họ thực sự làm phiền anh quá. Anh muốn hú một tiếng biến thành tên cuồng sát, thực thi tới cùng chức năng diệt chủng mà thần hoảng hốt đã trao cho anh. Anh nghĩ diệt chủng tốt hơn truyền giống em ạ. Anh nghĩ con người ngày nay không đáng sống và không nên sống nữa. Trái đất cằn cỗi quá rồi, không đáng để cho con người vật vã tranh

dành nhau nữa. Nếu Thượng Đế có thật, từ chóp hành tinh nào đó nhìn xuống quả địa cầu, thấy chủng loại người sinh sôi nảy nở kinh quá. Điệu này, Ngài chỉ cần chớp mắt một cái, hơn sáu tỉ người cứ ăn rồi đẻ, chém giết nhau xong, đẻ nữa. Vài chục năm nữa, sáu tỉ đẻ thành tám tỉ. Cứ thế nhân hoài lên. Từ chóp trời cao ngất nhòm xuống thấy chúng sinh bám cứng vào vỏ đất loi ngoi như côn trùng đủ loại. Thượng Đế chắc hoảng hồn lắm. Chính vì thế, anh sợ hãi tình yêu, anh chạy trốn em.

Tội nghiệp ông bà Ken, người dưng xa lạ bỗng nhiên gánh chịu mọi cơn khùng của anh. Sáng sớm ngày thứ Hai, ngày anh định gọi điện thoại cho em, cô Thu đến bốc anh ra phi trường, vé máy bay mua sẵn. Lúc đầu, tưởng đâu tất cả chỉ là một trò chơi, một trò chơi anh vô can đứng ngoài. Ai ngờ to chuyện.

Đến San Francisco, bước ra khỏi đường ống, bốn cặp tiếp viên đứng hai bên lối đi chào khách, anh xách vali nhỏ, cô Thu cũng lặng lẽ như anh. Em vẫn cằn nhằn anh... người gì đâu như quả mìn. Nói cho em hay, cô Thu là cả một khối mìn lạnh lẽo hơn anh nhiều. Hai người con trai đón cô ngay cửa, lối đi trải thảm mà hình thù như lỗ cống. Sam tóc quăn, da đen, mắt nguy nan như rừng già. Còn Tâm, vừa nhìn thấy hắn, anh muốn đứng tim luôn, mắt anh đổ hào quang. Cái bộ não cả triệu watts nổ ùng trong đầu anh. Phi trường lớn như một thành phố, đường ngang tua tủa, mũi tên, exit loạn cào cào. Tai anh cứ thế nổ lùng bùng. Em biết rồi, anh đâu phải là dân mán mường, đây là lần thứ ba anh đến phi trường này. Vậy mà anh phải bám vào thành vịn cho khỏi ngã. Tâm giống anh không thể tưởng tượng được, tóc, cằm, mắt, mũi chỉ khác một chút ở vòng môi, môi hắn dữ dội và chua chát hơn môi anh. Lúc đầu anh u mê quá, nghĩ không ra, anh tưởng mình ngủ mơ hay bị quỉ ma hành vật, gặp người hành tinh chơi độc dựng ra một thằng thứ hai rập khuôn như anh, một loại cloning quái gở nào đó. Hãy tưởng tượng hôm nào xuống phố em bỗng đụng đầu cái rầm một cô gái lạ hoắc nào đó giống hệt như em! Anh nhìn sang cô Thu, gương mặt bà ấy, bút mực nào vẽ nổi anh vái làm thầy. Cô ôm lấy hai người con, rồi dang ra, quay sang nhìn anh. Anh rất thích đôi mắt của bà ấy, nó âm u và thảm thiết. Bây giờ anh hiểu thảm thiết này bắt nguồn từ bố anh.

Em rụng rời chưa? Tâm là con rơi của bố anh đấy. Bố anh đúng là nòi tình, ông loay hoay làm sao đúc hai thằng con giống hệt nhau, Tâm chui từ bụng cô Thu, anh chui từ bụng mẹ anh, vậy mà hắn với anh giống nhau như hai giọt nước. Kể cũng lạ! Mẹ anh mà thấy Tâm ấy hả! Trời đất quỉ thần ơi, anh không dám nghĩ tiếp nữa đâu. Bố mẹ như thế, cô Thu như thế, anh có khùng điên ngoại hạng mới đâm đầu lao vào

cái mà em gọi là nòi tình lăng quăng gì đó. Thôi cho anh xin em. Vậy là, từ nãy giờ anh rên rỉ nhớ em loạn cả lên. Anh làm cái trò khỉ gì vậy em? Thôi vậy, cho anh xin lại hết những gì đã nói nghe em. Bởi vì, chưa chắc anh đã đủ can đảm gửi lá thư này nhưng nếu em nhận được lá thư super này, cứ tạm coi như anh khùng, anh lừa dối em, đã lừa dối em, đang lừa dối em và mãi mãi anh bắt buộc phải lừa dối em. Đàn ông sinh ra để lừa dối đàn bà. Mở miệng yêu là bắt đầu học bài gian dối. Anh viết tàng tàng điên điên như vậy đó. Em có buồn anh không? Thôi nghe từ bây giờ anh hứa không điên nữa. Anh gắng nói chuyện nghiêm chỉnh vậy.

Sau cú điếng người, suýt té ngửa ra vì cô Thu, bọn anh hối hả rời phi trường. Cô Thu đưa cả nhà đi ăn trưa, biển mây, biển nước chập chùng lẫn nhau. Nhà cửa ở đây sơn phết nhiều màu, nhà xanh nằm giữa, vàng đỏ hai bên, có nhà quét vôi tím, có nhà sơn mái hồng, Từ mười chín tầng lầu nhìn xuống hàng nghìn ngôi nhà như nghìn con mắt tinh ma của núi. Núi nằm mơ, nằm ngủ hay núi đã chết, anh không tài nào đoán nổi, nhưng rõ ràng đất Mỹ có sức mạnh đủ làm anh choáng váng từng giờ một. Anh thích trò chơi viết lên trời xanh của dân San Francisco, máy bay thuê giờ, bay vòng vòng trên vịnh biển. Gió từ muôn khơi thổi về lồng lộng, phất phới hàng chữ màu hỏa hoàng, hình chữ như những nhát kiếm thời hiệp sĩ Cát Tiên ơi! *yêu em một nghìn năm sau và hai nghìn năm trước.* Bóng bay hình trái tim của những kẻ còn hân hoan gọi nhau bằng tình nhân thả đầy bờ biển. *Tina ơi, yêu em cháy cả tim rồi...* Anh không biết những quả bóng sẽ bay đi đâu. Anh cũng không biết những câu tỏ tình như vậy sẽ bay lên trời hay rơi xuống địa ngục?

Bắt chước họ, anh cũng cũng muốn thuê máy bay chạy vào vô tận một câu tỏ tình trên vòm trời Sydney cho em lé mắt chơi. Mà thôi, anh không đủ can đảm. Anh sợ lắm rồi, ba cái trò lăng quăng như tỉ tỉ tinh trùng cứ lăng quăng hết thế kỷ này sang thế kỷ khác. Tại em đó, anh hèn nhát cũng chỉ vì em thôi. Anh không tỏ tình vì em cứ dọa anh hoài. Tiếng yêu linh lắm, không được đem ra xài bậy bạ, sẽ gian nan mãn đời cho mà coi. Ôi em xí xọn. Em hại anh tới ngần này tuổi, anh chưa dám nói yêu em bao giờ. Còn cô Thu với bố anh thì sao? Có chút tình yêu nào giữa hai người này không? Bố mẹ anh nữa họ cãi nhau hết năm, hết tháng, hết đời, họ làm mấy chị em anh, đứa nào cũng thề sống thề chết, lớn lên bye bye chồng với vợ. Em thấy đó, nhà anh đứa nào cũng lớn tồng ngồng rồi, cho bố mẹ anh chờ đỏ mắt, bọn anh thề không một đám cưới nào xảy ra trong gia đình anh. Bố anh không thèm biết ông có một đứa con trai với cô Thu. Anh cũng có gặp

ba em nữa, ông đến thăm cô Thu với người vợ nhỏ loắt choắt của ông. Ông không hề hỏi đến mẹ em, một lời ám chỉ về em cũng không luôn. Anh nghĩ ông ngại bà vợ ngồi bên cạnh. Anh buồn nôn vì những tởm lợm giả hình trong tình yêu của họ. Yêu vung cả xích chó lên, có con trai, con gái loạn xà lên rồi làm ngơ như không hề có chúng. Yêu như thế đâu có đáng gọi là mối tình này mối tình nọ phải không em? Anh không chịu chúng mình yêu nhau như họ đâu.

Thôi nghe, có bao giờ anh thư với từ lẩm cẩm thế này đâu. Có thể anh viết thư để đốt cho khói thư bay lên chọc thủng trời. Có thể anh viết chỉ để báo động với em - Chúng ta sống như ôm bom tới giữa đời. Chút tình này, hú lên hy vọng bên kia núi bên kia biển trời em nghe thấy. Làm ơn làm phước hiểu dùm, anh đang đứt ruột thương em. Câu này hiện bây giờ anh đang nói thật, mai kia lỡ thành nói dối. Anh sẽ cho em biết sau.

LỆ HẰNG



THÁI VIỄN PHƯƠNG
Con cọp. con ong và buổi chiều

sáng hôm qua nằm mơ thấy một buổi chiều
buổi chiều như một buổi chiều khác
con cọp và con ong cười nói với nhau
khu rừng như một khu rừng khác
buổi chiều và con ong giống nhau
con ong nói
cọp ngủ trên rừng và những người xưa đi đâu
mờ mờ và trong suốt
vi vu trống đập bập bùng
mê mùng phi vũ
hùng huy u thâm
yên vân du mộng
nắng vàng soi thấu lòng tình yêu
bướm ong bay lòng đáy giếng
hơi thở chan hòa ngực mát

năm năm sau nằm mơ thấy một đóa hoa vàng

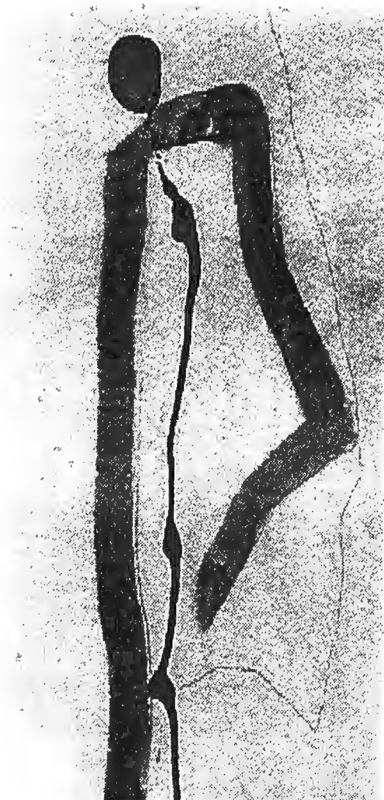
nhiều hoa vàng bay quanh một hòn đá
cọp ngáp hoa vui mừng
phương phương não hải phù trầm
nguyên nguyên bất tuyệt
buổi chiều về trò chuyện thâm trầm
khí bay lên bay xuống

tối hôm qua nằm mơ thấy mật ong
ruồi vui mừng thành đầu kim vàng
triển hiện thâm tàng
kích tình vô danh kỳ diệu
chiều bay lên bay xuống giấc mơ giấc mơ
cọp chim bay qua lòng thành quách

sáng hôm qua nắng chảy xuống lạnh lùng
mát sâu và trống vắng
con ong tiêu trầm liếm mật
con cọp hứng tình xuân thiên đột phá

THÁI VIỄN PHƯƠNG
Aug/18/01,
tặng TN.





NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Tony Tiến Lại

Tôi tên Tony Tiến Lại. Tôi vốn họ Đoàn, Đoàn Hùng Tiến, đó là tên nguyên con bố tôi nhắc lại trong điện thoại, một lần nói chuyện sau mười mấy năm xa nhau. Tôi không nhớ nhiều về bố, và câu chuyện giữa một người 10 năm trong tù như bố, và một người ngoài tù như tôi, thật là khó. Ở tù lâu, một người có thể tự rèn luyện nhiều điều chịu đựng, trầm lắng, cô đơn và kiên nhẫn. Một mặt khác, dường như tù tội cũng làm con người dễ dàng thành ba phải, và do đó nhiều không tưởng. Đó là cảm tưởng của tôi với bố sau lần nói chuyện duy nhất. Nhưng biết đâu, câu chuyện không trơn tru vì lỗi tại tôi nói tiếng Anh, tiếng Tàu giỏi hơn tiếng Việt? Cái tên lạ lẫm còn nhớ được nguyên con kia của tôi, có lẽ tại hôm đó bố đã cứ nhắc đi nhắc lại mãi. Cho đến khi cô tôi đến cúp phôn, và sau đó, đổi luôn số phôn.

Lại là họ của chồng cô, cô giận bố đã không gửi tiền nuôi tôi nên đã tự động đổi họ. Và vì tôi bắt đầu đi học ở Hồng kông, tôi đã phải có thêm tên Tony.

Tới Mỹ năm lên trung học, nghe nói dì dượng tôi cũng phải tốn kém lắm mới di dân sang được. Bây giờ dượng đã chết, tôi quên dượng chết vì bịnh gì, chỉ nhớ nước da ông vàng ẻo, tôi thường đỡ ông đi nhà thương. Tôi ngồi lại nhà thương lúc dượng trở bệnh nặng phải nằm lại, nhưng giấy tờ, bệnh lý, trị liệu, bảo hiểm, dì tôi tự tay lo lấy tất. Dì tháo vát và bí mật. Bây giờ dì một mình một nhà, tôi thỉnh thoảng cũng về thăm những kỳ nghỉ không theo bạn bè đi làm, hoặc ngao du làm tây ba lô thời đại học. Ra trường, lấy vợ thì ít khi.

Một lần, đang làm tây ba lô ở Âu châu, dì gọi, hỏi "Con đang đâu đó?" Tôi nghếch ngác, ngó quanh quất không biết mình đang ở đâu, đáp bừa " À, đang ở Pháp." "Paris hả?" Đối với người Việt, dù là người Việt thông thái lấy chồng Tàu, cũng Paris là Pháp, Pháp là Paris mà! Đó là những gì tôi biết về người Việt, trong những lần tới chơi nhà nói chuyện với ba má mấy đứa bạn Việt, các ông già thường nói, *bác đã từng đi du học ở Paris nghen cháu,* mấy bà già thì nói, *bác có người em ruột hiện đang buôn bán lớn bên Paris,* vân vân..., nên tôi gật "Dạ phải, Paris!" Nửa tiếng đồng hồ sau, tôi và một thằng tây ba lô người Mêhicô nhận ra là chúng tôi đang ở một làng quê đầy đồng lúa mì vàng óng, tôi phồng mũi nghe ngóng mùi lúa thơm và chỉ hít được đầy mùi phân chuồng Bỉ. Cái thằng tây cho chúng tôi quá giang xe chở hàng của hắn đã quẳng chúng tôi xuống đây, vì nó nói tiếng Anh ú ớ, còn tiếng tây thì chúng tôi i tờ...

Tôi hiện đang chờ thủ tục ly dị. Vợ chồng (*vợ chồng*, cái tiếng nghe khi vui khi mệt) đã ở riêng 4 tháng, 1 năm nữa, thủ tục xong, theo luật của bang tôi. Melanie cũng làm tây ba lô khi nó mới gặp tôi ở *hostel*. Nó ngon như một góc bánh kem ứa sữa, nhưng ba nó là một thằng nhà binh về hưu, miền Nam, bảo thủ hạng nặng. Khi Melanie có bầu được 4 tháng, nó dắt tôi về nhà, bắt tôi nói chuyện với ba mẹ nó:

" *Côlônen,* tôi sẽ làm đám hỏi với con gái ông!"

Côlônen ngạc nhiên, nhưng tươi tỉnh nhìn tôi, tôi đủ can đảm nói tiếp:

"*Côlônen* sắp được làm ông ngoại!"

Côlônen trợn mắt ngó tôi, tôi phân bua, và tìm Melanie cầu cứu thì nó đã trốn mất trong cầu tiêu.

Nhưng sau đó *côlônen* cũng không được làm ông ngoại. Đứa con gái của chúng tôi sinh ra thiếu tháng, không có thực quản, bơm chất bổ vào ruột cũng không trôi, nó chết, tôi vẫn không tin con người bắt đầu bằng cái hình hài nhỏ xíu yếu ớt tội nghiệp bèo nhèo như thế. Tôi chưa bao giờ nghe ai nói mẹ tôi sinh đẻ tôi ra sao...Và cái chết có thể vô tình đến vô tình đi! Chỉ nghe nói mẹ chết khi sinh tôi. Một phim

tôi xem lúc nhỏ ở Hồng kông, thằng Ba Tàu có vợ chết đã lâu, bây giờ đứa cháu nó cũng sắp chết, nó thắp nhang bàn thờ vợ nói như thiệt: *"...nó sắp xuống dưới đó gặp bà đó, bà thay tui chăm sóc tử tế cho nó nghen!"*

Melanie đi *therapist* một hồi, rồi đến tôi cũng đi, có lẽ cùng hồi phục và cùng quyết định chia tay. Melanie ngỏ ý trước, nó muốn tôi dọn ra ở riêng. Đàn bà thường biết cách bắt đầu và chấm dứt câu chuyện hay hơn đàn ông. Lý do, nó nói, tôi là thằng *cà ngơ cà ngác,* để nhà cho nó, nó giữ nhà tốt hơn. Điều này đúng, trong 3 năm ở với nó, tôi thấy nó gối đầu giường Metropolitan Home, và kêu tôi đi The Home Depot khiêng vác đủ các thức ván, đinh, bù lon, nẹp, gạch lót, sơn sàn, sơn bóng, gỗ tấm ...lung tung. Nó đứng hàng giờ trong tiệm, quần chó táp, tóc búi cao, mắt xanh lơ nheo lại suy nghĩ, ngắm màu thảm, so độ dày, kiểm giá các loại nắp cầu, thông minh chất vấn tụi bán hàng, có lẽ, tôi thấy tụi nó chạy đôn chạy đáo kéo thang leo lên tut xuống kiếm cho ra thứ hàng gì Melanie hỏi.

Tôi bị bắt vì tội đi biểu tình đả đảo chính phủ không tham gia hiệp ước Kyoto. Rõ là một thằng nhà giàu phá đám, vãi cứt đái ra đầy đường lộ rồi chối phăng không đi quét dọn. Các thế hệ sau sẽ tiếp tục nguyền rũa thì ăn thua gì, cả loài người sắp không còn quả đất sạch và không khí sạch để sống thở thì ăn thua mẹ gì? Các tay tổ quyền quý đã sẵn sàng mua đất cất nhà tít trên sao Hỏa nhem thèm. Palladino lỗ rún sậu hoáy, vết thẹo mổ cũng sâu hoáy, mặc xì líp chụp ảnh, ảnh bụng, trông giống hệt hình đám núi lửa tắt trên sao Hỏa. Bọn ở dưới thấp cổ bé miệng, bất tài vô tướng sẽ tha hồ lè nhè cãi cọ phân bua, chia nhau tí chút không khí nhiễm độc, sẽ xâu xé trấn lột nhau chút của thừa rơi rớt. Như thế. Tương lai. Trần gian.

Nhưng cảnh sát giam lại và đưa tôi ra tòa, vì thêm tội tôi đã trần truồng như nhộng hôm biểu tình. Có lẽ sẽ khai với tòa, tôi là hội viên chính thức của tổ chức *Tôi Tự Do Là Tôi*, một hội nghe xôm xả ở Âu châu, tôi khai phịa rứa, vì chi nhánh ma này do tôi mới thành lập, không đăng ký gì, và cũng chưa kết nạp được hội viên. May ra Dave Palladino sẽ kiếm thêm vài thằng nữa ra tòa đối chứng hộ tôi. Thằng chuyên viên điện toán này chuyên mặc áo quần phụ nữ, đeo xú chiêng, tóc giả lượn phố những ngày cuối tuần không đi làm. Mắt nó to đen, mi rậm, thanh tú kiểu giống đực Ý. Ít ai nhận ra nó là đàn bà giả. Hôm biểu tình, nó cởi trần, lòi cả quần lót đăng ten Victoria Secret mà cảnh sát chẳng làm gì khó dễ! Tôi cởi quần, có lẽ nặng tội hơn? Nhưng tôi nhất định sẽ làm tới như tay Vincent Bethell trùng trục suốt mấy tháng

tù để phản đối. Tháng này không lạnh lắm, trần truồng càng mát! Nếu cảnh sát ớn tôi, không cho ra chơi chung, ăn chung với tụi tù khác, may ra, sẽ được một công hai chuyện. Không tính toán, nhưng bất ngờ được vậy cũng tốt, khỏi bị mấy thằng đen to con hãm hiếp, nếu tôi nhất định phải vào tù.

Gần 30 tuổi rồi, thì giờ không còn nhiều lắm. Nếu không có chuyện bắt bớ cản trở, tháng tới, tôi sẽ dạy học ở Nhật. Tiếng Nhật có 3 hệ thống chữ viết mà 1 hệ thống giống hệt như tiếng Tàu, không khó lắm cho tôi. Tôi cũng đang theo một dự án mẩu Na Uy làm phân bón cỏ chitosane trong vỏ tôm. Làm chút đỉnh để đi đây đi đó. Thì giờ rảnh, tôi theo dõi Asimo. Mấy năm trời nay, Asimo đang càng ngày càng giỏi hơn, thông thạo hơn. Tôi khoái chí, năm nay, nó đã được bình bầu là một trong những nhân vật nổi tiếng nhất. Tôi định dành dụm sắm cho cô một *thằng Asimo* khi cô trăm tuổi. Và một *thằng Asimo con* cho tôi khi tôi trăm tuổi... Asimo! Mày sẽ vượt thế hệ trước dễ dàng hơn tao, nhưng nên nhớ, tuy mày chỉ chăm chăm làm và không hề mở miệng nói gì, cô tao rất thích những người như thế, nhưng đừng quên là tao biết rành tiếng Nhật đấy!

Cô gọi, thuật lại lời tay luật sư cáo già, bạn học cũ và có lẽ một thời đã theo đuổi cô ở Đài Loan:

" Thằng đâm thuê chém mướn nói, *cháu mày chỉ mới cỡi quần, chưa chế bom gửi tới nhà ai, chưa vô đảng Osama Bin Ladin, chưa trốn thuế, không ở khu biệt cư David Koresh, cũng chưa đặt bom giết nhân viên chính phủ, có gì mà to chuyện?"*

Giọng cô tưng tửng. Tôi vừa nể, vừa ức, vừa thẹn.

Thằng Fam, tên Việt của nó là Hồng Phạm, theo chung dự án vỏ tôm với tôi, đến:

"Mày chưa đi nhưng tao sẽ cột một cái nơ vàng ở đít xe, một cái bông hồng vàng ở đầu xe, chờ mày ra tù, cái đầu trọc lóc, như trái dừa khô, tao dẫn về Việt nam, gả con em gái bà con tao cho mày!..."

"Nó lí lắc như con chuột lắc..."

Chuột Việt Nam, nhưng tôi là loại mèo gì đây? Mèo ướt, như cô tôi khinh khỉnh? Mèo trọc, như thằng Fam nói? Mèo Tàu? Mỹ? Việt?

Không mèo chuột, không cha mẹ, không vợ con, không tây, tàu, việt, mỹ...tony tiến lại tiến tới tiến lui.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC
8/2001



LUÂN HOÁN
Ngồi chơi ngoài gò mả

buồn, tôi ra gò mả ngồi
nhìn bia mộ đứng giữa trời chênh vênh
liếc đọc thầm những cái tên
chẳng quen, chẳng lạ lem nhem nhạt nhoà

con người bỗng hoá con ma
con ma rồi sẽ hóa ra con gì?

con gì cũng chẳng hơn chi
con người biết nói, biết đi, biết buồn

vu vơ nghĩ, chợt hết buồn
đứng lên phủi đít như tuồng khôn ra

mai tôi chết, không làm ma
quyết làm cho được đóa hoa bốn mùa

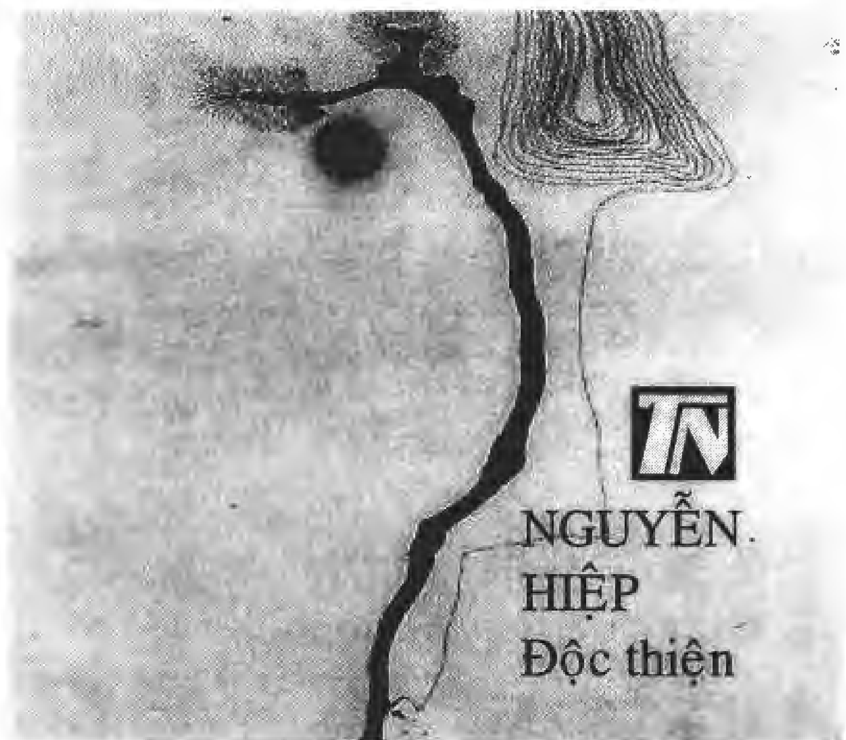
Cùng đá Tiên Châu

tôi đứng cùng với đá
trên ngọn đồi thong dong
chúng tôi không ai nói
nhưng nghe nhau thì thầm

đá rằng không phải đá
hồn nhiên đứng ngàn năm
tôi rằng tôi không phải
sống suốt đời động tâm

đá rằng không phải đá
hạnh phúc một đời câm
tôi rằng tôi không phải
lăn miết đời long đong

LUÂN HOÁN



Tuấn và tôi là bạn chí thân, thân thương gắn bó với nhau từ thuở mài đũng quần ở trường Trung Học huyện cho đến thời kì sôi nổi, vui tươi và sâu lắng trong giảng đường Đại Học. Ngày tốt nghiệp ra trường,. Tuấn bảo: _ Ngành du lịch đang là mũi nhọn kinh tế , tao sẽ xin về đó! Tôi nói: _ Liếm mật nơi lưỡi dao bén là điều nguy hiểm! Tuấn im lặng làm theo ý mình.

Sau bốn năm du học ở nước ngoài về, tôi sững sờ nghe tin Tuấn đã chết vì bệnh si-đa, căn bệnh đáng sợ của thời đại chúng tôi, mà lại bị lây qua một lần hớt tóc. Vẫn biết rằng cuộc đời là trò chơi luân vũ của sinh và diệt nhưng lòng tôi vẫn đau đớn không tả xiết. Căn bệnh chưa có thuốc chữa này đã cướp đi Tuấn của tôi, một thằng bạn như hình với bóng của tôi. Thật mỉa mai cho chúng tôi khi say mê học hành, trang bị đầy đủ các môn, ngoại trừ không được chuẩn bị sự miễn nhiễm với bệnh tình đa loại ngày nay, một môn học chứa đựng chìa khoá có thể mở chính sự tồn tại và ý nghĩa cuộc đời chính mình. Tôi bàng hoàng cắm ba cây nhang lên bàn thờ Tuấn rồi lặng người nhìn đôi mắt u buồn trên di ảnh. Tôi muốn nói chuyện với Tuấn thật nhiều,

tôi muốn khoe với Tuấn bao nhiêu là tri thức tôi tích lũy được khi lang thang ở xứ người, nhưng lúc ấy, em gái nuôi của Tuấn đã đặt vào tay tôi tập nhật kí, nước mắt cô ấy còn thấm đẫm góc bìa. Khi đã ngồi xuống bộ đi- văng ghép bằng những tấm ván chắp nối, tôi lần giở từng trang và người tôi rung lên theo từng dòng chữ thân thương của bạn:

NHẬT KÍ :

"26/ 7. Sống đã lâu ở đây vậy mà mãi khi phải nằm liệt giường, tôi mới chú tâm đến làng Vá của mình. Tôi nằm đó mường tượng từng mái tôn rỉ sét phủ lá dừa cũ mục, đầy những hạt cỏ nảy mầm, ưu tư biết bao điều: một chuỗi dài những thực tại biến chuyển mờ mịt thoáng chốc đã đi qua đời tôi. Mỗi khi nghe nhịp tim mình thắc thỏm, tôi lại rã rời tay chân, xót xa nghĩ đến lẽ vô thường. Mọi sự trong đời tôi tưởng chừng tốt đẹp xiết bao, nhưng không một hoài niệm nào làm nơi trú ẩn cho tôi khỏi niềm đớn đau đang có. Tôi chỉ còn biết loay hoay nghe ngóng, để ý tưởng mình tha thẩn quanh khu làng Vá này như chìm đắm trong một phòng thí nghiệm của biến dịch nhỏ nhoi mà hàm chứa. Từ đây, tôi lần hiểu được tính mong manh, dễ vỡ và biết được sự quý giá ngần nào của đời sống con người. Tôi bắt đầu viết những trang nhật kí này như sự xác nhận cùng em: cơn trọng bệnh đã lay tôi ra khỏi cơn mê, mà cơn mê nào thì cũng đầy thiển cận và vô minh, ích kỉ.

"27/ 7. Tôi như con chim nhỏ trọng thương, đớn đau suốt đêm, lăn qua, trở lại, soạn một chỗ ngủ, một thế ngủ thật bình yên cho mình, nhưng mẹ ơi, khi tôi đã bắt đầu yên ổn thì trời cũng vừa hừng sáng, chẳng còn thời gian để ngủ nữa. Tôi lại nằm đó, mắt mở thao láo, một dòng liên tưởng chạy dài lạnh cả sống lưng: sự loay hoay đêm nay sao giống quá những ngày qua tôi đã sống, sống trong nghiện ngập công việc, sống trong vòng lẩn quẩn bất tận của cái bẫy đời mình.

Mới sáng sớm mà làng Vá đã rộn lên: các bà đã tru tréo, gây gỗ chí cha chí choét với nhau như bắt đầu cho bản hợp xướng đều đặn, miên viễn của một ngày đầy cơ may và hiểm họa, đây là bản hợp xướng khốn nạn mà dễ thương nhất tôi đã được nghe. Đã gần đến lúc em bưng lên cho tôi tô cháo buổi sáng, tôi đột ngột xúc động khi nghĩ đến em, đến ánh mắt trìu mến và sự hi sinh vô điều kiện, khi em tìm thấy tôi đang say khướt trong một quán nhậu, sau khi nhận được kết quả thử máu, em dịu dàng khuyên can cuộc chạy trốn khỏi người thân, khỏi cái bẫy ảo tưởng của tôi, em nói về sự chết như một anh hùng

biết chế ngự thế thượng phong của vị thần mang lưỡi hái sáng loáng. Cầu xin em đừng thương hại tôi! Ngay khi đã ngoan ngoãn trở về với em, tôi vẫn còn ray rứt điều này mà hình như em cũng đọc ra thì phải. Dẫu sao chúng ta cũng chỉ là những đứa trẻ chơi trò con trẻ ngày xưa, trò ú tim – cút bắt: tự bịt mắt mình mà cứ tin sẽ không ai thấy được. Tôi mang ơn em! Dù điều đó làm em phật lòng. Tôi biết bão tố trong lòng em, tôi biết những giọt nước mắt lặng thầm chảy trong đêm của em, tôi cũng biết em cố tình dồn lấp thật đầy mọi công việc trong ngày... Em sợ suy tư, tôi cũng vậy, nhưng còn một điều khác đáng sợ hơn là bị bỏ lại một mình, phải không em?

" 28/ 7. Tôi là ai? Tôi tự tạo cho mình một lí lịch, một hồ sơ bệnh án hay điều gì đã gán, đã chuốc cho mình? Tôi mơ hồ hỏi tôi trong thế giới ảo hoá, không thực tính của tôi. Tốt nghiệp đại học xong, tôi bị mê cuồng chạy theo sự ham thích vun vén, xây dựng, phải chăng tôi đã xây ngôi nhà cuộc đời mình trên cát, để rồi cái chết hôm nay gần đến đã tàn nhẫn giật sập ảo tưởng và không thương tiếc xua tôi ra khỏi sự huyên náo, xôn xao, tất bật hàng ngày? Tôi cũng như cái làng Vá thân thương của tôi vậy, chúng tôi vá mãi miết những số phận của mình, tôi thường mỉm cười cay đắng khi nghĩ rằng: Làng mình bây giờ chẳng đụp toàn chỉ vá còn các mảnh vải đã bạc thếch, mục rã gần hết. Làng tôi là sáng kiến của bà vợ ông giám đốc nghĩa trang: bà ta tận dụng bức hàng rào kiên cố quanh khu đất ấy để bắt cây, bỏ tôn làm hàng loạt những ô ngăn cho thuê: trong rào, xác người chết nằm, ngoài rào, xác người sống trú. Nhà của chúng tôi thuê không giống nhau mấy vì tôn bà ta mua lại ở bãi sắt vụn, nhưng tất cả có điểm chung là cùng gối đầu lên chiếc hàng rào âm dương ma quái kia. Ôi ! nhớ ngày cha con tôi mới về làng này, lòng khao khát tương lai làm cho cha con tôi không lúc nào ngơi nghỉ, không lúc nào sống yên trong hiện tại. Gia đình tôi có vẻ ít vá nhất trong làng. Tôi là con ruột của cha tôi, còn em là con của một ngư phủ cả đời đối mặt và sống trong sóng gió rồi như một định mệnh, trong lần đi biển ấy, ông không về nữa. Em rách rưới, lang thang và thường đưa đôi mắt trẻ thơ đã điếng dại của mình nhìn chằm chằm ra biển cả. Đám con cái nhà giàu hay lấy em làm mục tiêu cho thỏa thích sự nghịch ngợm quỷ ma của chúng, chúng ném cát vào em, lêu lêu chọc ghẹo, thậm chí có lúc chúng hè nhau tuột những mảnh vải vốn đã te tua trên người em... Em vẫn nhịn nhục đi sang chỗ khác để lại được yên ổn đứng ngóng đợi hình bóng người cha trở về, có lẽ em đã tin có một cuộc đời khác ở sau cuộc đời này. Cái ngày cha tôi nhận em làm con nuôi là ngày đáng nhớ: Một con cá

đuối bằng hai bàn tay theo cơn sóng lị vào bờ, đám trẻ kia liền nhào tới vây ráp, chúng hò nhau sắp bắt được con cá như được một trò chơi mới trong ngày, nhưng ngay lúc ấy, chẳng biết bằng sức mạnh tiềm ẩn nào, em đã băng ra, gạt phăng tất cả, em dùng hai bàn tay ôm con cá bé nhỏ vào lòng rồi lội băng đi trước những cái miệng há hốc của bọn trẻ. Khi nước đã ngấp nghé ngực, em thầm thì điều gì đó rồi thả hai tay ra. Em đã đứng nhìn lần cuối con cá quẫy đuôi trở về xứ sở trong xanh của mình. Cha con tôi có mặt ở đó, cha tôi bảo:_ Con về sống với bác, có cháo ăn cháo, có rau ăn rau. Từ đó chúng tôi côi cút qua ngày với sự lo toan chật vật của cha tôi trong khu làng Vá.

" 29/ 7. Cơn mưa vừa dứt, trước nhà tôi đã ồn náo đến khó chịu. Ai đó vì lách đường nước bẩn mà thụt chân xuống chiếc cầu tạm mục nát, bị sái chân đã chửi toáng lên: _ Làm mả mẹ gì thế này? Chúng mày đặt bẫy ông à? Tôi buồn rầu nghĩ: Đúng là chuyện lẩn quẩn của làng Vá! Ở đây có bao nhiêu ngôi nhà thì có bấy nhiêu số phận vá víu, lẩn quẩn. Cuối làng là anh Tư Xề hay hát vọng cổ, cái cổ đỏ rướn dài như cổ gà nòi hay rụt mạnh một cái rất ấn tượng, người đàn ông qua hai đời vợ, tính bình thản như một thói quen ăn sâu ấy lại vá đắp vào cuộc đời mình cô vợ bé mập ú và tinh vi với những trò lừa gạt tàn nhẫn. Rồi con bé Chung tốt bụng, ngây thơ đã biến thành người đàn bà chàng hãng, vẹo vọ khi bị hút vào cuộc đời của thằng cha phu hải quan trơ lì, tự mãn, tục huyền lần thứ ba vì cái tướng sát vợ, lúc nào cũng săm soi bộ tịch tươm tươm tất tất, " đàng hoàng phát ớn" của mình.Tội nhất chị Sương! Lặn lội một nắng hai sương đi thu ve chai, rác rến, chị đong gạo về nuôi cái thằng chồng hờ là ca sĩ, ca xiết hết thời gì đó, lúc nào cũng say khướt, lúc nào cũng rên rỉ rằng: - Cuộc đời thực đang vắng bóng, rằng ta khắc khoải qua ngày, đoạn tháng ở cõi tạm này...Hắn khóc, nhìn mà thương: hắn ôm mặt, gục đầu, những tiếng rích rích, u u , âm âm theo nhịp rung của đôi vai nhọn, lúc này chắc hắn quên rằng mình đang kí sinh, bòn rút đến giọt máu, giọt mồ hôi cuối cùng của người đàn bà xanh mét bị mọi người miệt thị là " con chồng để" ấy...

Lạ lùng! Vậy mà từ ngày ngã bệnh, trong tôi đã mở ra một cái nhìn mới lạ về họ, tính hài hước thân thiện, lòng bi mẫn yêu thương, khả năng cảm thông mà tôi không ngờ mình có, tôi đã thoát khỏi những mẫu mực thói quen của mình một cách êm thấm, nhẹ nhàng...Phải chăng đây là kinh nghiệm cận tử hay vì tôi đã quen nhìn ra khỏi làng Vá đến nỗi tôi hoàn toàn mất liên lạc với sự thiết cận nhân tình vốn có trong tôi, có lẽ làng Vá cũng bị bỏ quên như bản thể

sâu xa của tôi vậy? Làm sao có một thứ gì hiện hữu nội tại riêng nó, hay ngược lại là mãi mãi hỗn mang, vô trật tự, không một cơ hội thiêng liêng để xác lập lại mình cùng các mối quan hệ xung quanh?! Mẹ ơi! Tôi đã làm gì cuộc đời tôi thế này?

" 30/ 7. Tiếng mưa rơi, tiếng nhạc và tiếng khóc cùng phát lên quanh tôi, sao nghe vang vang chẳng điệu gì rõ nét? Tôi đang cố soi rọi bằng tai, mắt, mũi, miệng, da... của mình về một thực tại vụn vặt mà sâu xa quanh tôi, nhưng chỉ mù mờ những đám mây lang thang vô định, những âm thanh không điệu thức, những mùi vị pha trộn đắng ngắt, những màu sắc tím tái, bầm dập, những hình thể quằn quại ảo mờ...Hôm nay có vài người đến, họ nói về cái chết thì phải? Tôi bắt đầu trạng thái này từ lúc nào vậy? Sống, tôi chưa chuẩn bị đầy đủ, cũng như giờ đây, tôi có chuẩn bị gì cho mình để chết đâu? Tôi bắt đầu hoảng loạn rồi sao? Có thứ nghiệp lực nào đang đến, vờn quanh, tôi sợ hãi những giọt nước mắt, nhưng chính nó đang lăn trên má tôi, âm ấm rồi lạnh dần, lạnh dần đến trơ khô...Không! Không! Tôi vẫn chưa qua, bằng chứng là tôi đã tỉnh táo lại để viết những dòng này cho em, những dòng thú nhận trước... đớn đau..."

Những dòng chữ cuối cùng của Tuấn nguệch ngoạc, giãn dần ra, mất nét nhiều. Tôi ráng nhận, đọc từng chữ trong nước mắt tràn tuôn. Tuấn ơi! Mày làm sao thế này?! Tôi bật lên thổn thức. Cô em nuôi của Tuấn thốt những lời kể lể mang mang:_ Anh ấy trong sạch lắm mà! Anh ấy tội tình gì đâu? Lúc nào cũng học hành, công việc mà có tội hả trời?... Tôi nghe mà tê điếng cả người. Tôi bước tới bàn thờ, ôm chầm lấy di ảnh Tuấn mà nức nở, tôi nhìn thật lâu khuôn mặt, ánh mắt thân thương ấy, bỗng dưng tôi rùng mình nghe văng vẳng đâu đây tiếng Tuấn, những lời nói như thảng thốt từ trời cao, vọng âm trong vách nhà chắp vá: _Không! Khô...ông...kh...ôôô...ng!!! Mồ hôi tôi rịn ra rồi tuôn túa, tôi khóc to lên. Ngoài xa kia, biển cũng đang gào thét, qua làn nước mắt nhoè nhoẹt, tôi thấy những con sóng nửa tĩnh, nửa mê và tương quan như nhau triền miên lên xuống.Và trên cao kia, trên bầu trời trong xanh miên viễn kia, dường như có những tiếng thì thầm an ủi chúng tôi: _ Không! Không thể nào độc thiện trong cõi người ta đầy ô nhiễm này. Tuấn bị lây nhiễm HIV từ một lần đi cắt tóc, lưỡi dao cạo của phòng hớt tóc Thanh Xuân , Thanh Nữ kia, vô tình mà độc ác kia đã đưa dẫn người bạn hiền trong sạch của tôi về bên kia cửa tử.

NGUYỄN HIỆP

Bình Thuận. 9/ 2001



THẬN NHIÊN
Ngày cuối mùa nắng

anh muốn hôn em biết mấy
nắng biếc phố
leng keng phong linh
em cười rạng rỡ dưới lẵng hoa
áo xanh màu trời
xanh vô tận
tình yêu dạy anh gọi tên em dịu dàng

thở thật nhẹ
như thơ
anh muốn hôn em biết mấy
lên tóc lên mắt lên môi
lên chấm nốt ruồi trên má
trong nắng
giữa phố núi ấy.

thi sĩ ngợi ca cuộc đời
đẹp như văn chương
chẳng biết khởi đầu từ đâu
thốt nhiên lóng lánh sương cỏ
thốt nhiên run rẩy
thốt nhiên khát yêu như khát chết tình cờ
trong bóng nắng triền núi ấy.

THẬN NHIÊN





TRẦN MỘNG TÚ
Một nửa người đàn ông

Cô chăm chú sửa lại bản thảo của cuốn tiểu thuyết một lần trót, trước khi mang sang nhà in. Làm công việc sửa đổi văn chương bản thảo cho nhà xuất bản , không lúc nào mà cô rảnh rỗi được. Trong tháng này có 5 cuốn truyện dài sẽ được in, cả 5 cuốn đều là sách của tác giả có sách xuất bản lần đầu.

Cô nghe tiếng gõ cửa, rồi chiếc đầu của người tùy phái ló vào.

" Thưa cô, có một bà muốn gặp cô"

"Ai vậy, ông có hỏi tên hộ tôi không? "

" Tôi có hỏi, bà ấy nói tên là Lan".

Cô cố nhớ tên của các tác giả mới trong đầu. Không có ai là Lan cả, họ đều là phái nam. Cô nói với người tùy phái;

"Ông mời hộ bà Lan vào văn phòng ngoài đó, tôi sẽ ra. Cũng sắp đến giờ tôi đi ăn trưa rồi.

Đợi cho người tùy phái khuất sau cánh cửa, cô quay điện thoại gọi anh.

" Hôm nay em muốn đi ăn mì ở Hải Ninh, em sẽ đến đó độ 20

phút nữa, em có một người khách đang chờ. Nhưng em sẽ tiếp họ 5 phút thôi."

Người đàn bà khỏang ngoài 40 tuổi, ăn mặc dản dị nhưng đúng thời trang, nét mặt khô nhưng trí thức. Bà ta ngồi yên không đứng lên khi cô xuất hiện. Cặp chân mày hơi cau lại một chút, bà chờ cô giới thiệu mình trước.

Cô hơi khựng lại một giây,nhưng tự chủ được ngay, cô quen với những người đến gặp cô để nhờ vả, nên cô hỏi với giọng không được vồn vã lắm.

" Tôi là Tâm, bà cần gặp tôi có việc gì?"

Người đàn bà nhìn thẳng vào mặt cô, nói chậm và ngắn.

"Tôi là vợ của ông Minh"

Cô đứng lặng, nghe như có một đường nước mưa vừa chẩy từ cổ áo xuống lưng. Cô biết chuyện này rồi thế nào cũng đến, nhưng cô không biết là nó đến vào buổi trưa hôm nay. Cô biết rất rõ mình phải nói gì với bà Lan. Cô lấy lại bình tĩnh, kéo một chiếc ghế ngồi đối diện với vợ của người yêu mình (hay người mình yêu, cũng thế)

Cô ngồi yên, thở một hơi thật sâu, quan sát một bà vợ. Vợ của người đàn ông mình đang liên hệ. Cô muốn biết chắc người đàn bà này sẽ hiểu những điều mình sắp nói.

Cô mở đầu (bao giờ mà cô chẳng có thói quen mở đầu), cô đi thẳng vào vấn đề hộ người đàn bà.

" Chắc bà đến đây để cho tôi biết là anh Minh đã có gia đình. Thưa bà, tôi biết điều này đã lâu. Và không bao giờ tôi có ý định kéo anh Minh ra khỏi gia đình của anh ấy" Cô nói một hơi dài.

Người đàn bà ngạc nhiên về sự bình tĩnh của cô, bà ngẩn ra một lúc ngắm tình địch của mình. Trước mặt bà là một phụ nữ trẻ;(chắc chỉ lớn hơn con gái lớn của bà bốn, năm tuổi) Hai con mắt sáng trên một khuôn mặt nhỏ, cắt tóc ngắn, mặt không phấn chỉ thoa một chút son mầu san hô nhạt, cùng mầu với chiếc sơ mi , chiếc quần jeans đen sát vào người, cô hơi gầy. Cả người cô tóat ra vẻ vừa thông minh vừa bướng bỉnh. Bà tự hỏi. " Cái vẻ nào của người con gái này đã quyến rũ chồng mình ?" Bà hỏi lại với giọng hơi ngập ngừng.

" Cô không bao giờ có ý định kéo anh Minh ra khỏi gia đình của anh ấy thì tại sao cô đi lại với anh ấy cả hai năm nay, có điều gì bảo đảm là cô sẽ không lấy anh ấy một ngày gần đây?"

Cô điềm đạm.

"Thưa bà đã hai năm nay, từ khi anh Minh có liên hệ với tôi. Ngày nào anh Minh cũng có mặt ở nhà một bữa ăn. Hôm thì về ăn trưa, hôm thì ăn cơm chiều. Buổi tối, anh Minh ngủ ở nhà, lương đem về không thiếu một đồng. Như thế không chứng tỏ được là tôi sẽ chẳng bao giờ muốn chiếm đoạt nguyên anh ấy của bà hay sao?"

Người đàn bà ngẩn ra vài giây trước lý luận lạ lùng của cô. Bà ta chưa biết phải nói gì thì cô đã tiếp, cô nói như cô đang tâm sự với một người bạn thân hay có thể cô đang viết một trang tiểu thuyết thì cũng thế.

" Xin bà cứ an tâm. Anh Minh kết bạn với tôi là một sự an toàn cho hạnh phúc gia đình của bà. Thú thực với bà, tôi đã hơn 30 tuổi. Nhưng không

bao giờ tôi có tư tưởng muốn lệ thuộc, hay muốn làm sở hưũ chủ nguyên một người đàn ông. Tôi xin lỗi bà khi phải nói điều này. Tôi không hiểu được tại sao phần đông những người đàn bà trên mặt đất này lại có thể đặt mình lệ thuộc vào một người đàn ông nguyên một ngày, rồi những ngày đó kéo ra cả suốt đời mình. Hay có người đàn bà muốn làm chủ một người đàn ông như làm chủ một ngôi nhà, một cái thuyền, một chiếc xe. Rồi khi không ưng ý cũng không làm sao mà cầm mà bán đi được như xe, như nhà. Đành đợi đến ngày họ chết mới đem chôn xuống đất.

Tôi chỉ có thể ăn một bữa trưa với anh Minh, hoặc một bưã chiều, gặp mặt vài tiếng trong một ngày. Nếu bây giờ anh Minh đòi hỏi tôi phải là của anh ấy 24 giờ trong một ngày, rằng buộc vào một tờ văn tự như giấy chủ quyền động sản, hay bất động sản . Thì chắc chắn là tôi sẽ chấm dứt sự liên hệ lập tức.

Bà không mất mát gì cả. Anh Minh là người đàn ông đào hoa, anh ấy không có tôi, anh ấy sẽ đi với người khác. Lúc đó bà mới nên lo ngại. Nếu tôi không có anh Minh, dĩ nhiên cũng rất nhiều người đàn ông khác muốn đến làm bạn với tôi. Vì họ biết tôi không bắt họ cưới hỏi, không lệ thuộc vào họ, cũng không muốn làm chủ họ, tôi không nhận qùa tặng, khi đi ăn, đi chơi thì tôi cũng thay phiên trả tiền.

Người đàn bà ngắt lời cô bằng một cái khoát tay, trước khi nói.

" Thế cô cho là cô chỉ gặp anh Minh có mấy tiếng một ngày, không phải là chiếm đoạt hay sao ?"

"Thưa bà, tôi xin hỏi lại. Trong một ngày của bà, bà nghĩ đến bà bao nhiêu tiếng? Bà nghĩ đến anh Minh bao nhiêu tiếng? Chúng ta, ai cũng có thế giới riêng của mình, và ai trong một lúc nào đó chắc cũng muốn người khác để cho mình được yên thân. Những lúc bà không

cần có anh Minh bên cạnh, thì việc anh ấy đi đâu và làm gì có quan trọng lắm không ?

Tôi biết bà đang nghĩ gì trong đầu. Chắc bà cho tôi là một người mất thăng bằng. Hay có thể là bà cho tôi đang tìm cách lừa bà, để một ngày nào đó tôi sẽ chiếm đoạt nguyên cả anh Minh.

Không, không bao giờ tôi cần nguyên một người đàn ông cả, tôi chỉ cần một nửa thôi. Có nhiều người phải uống nguyên một ly trà mới thấy vị ngon, phải ăn nguyên một trái táo mới hài lòng, phải đến được chân núi, hay trèo lên đỉnh núi để thưởng thức thì mới mãn nguyện, sông thì phải đi hết dòng mới thỏa chí, phải được lấy nguyên một ông chồng và được gọi là vợ thì mới cho là sung sướng. Tôi thì trà uống một ngụm, táo cắn một miếng, núi nhìn một góc, sông yêu một khúc, đàn ông hưởng một nửa. Suốt đời chỉ là người tình thì cũng đã thấy mình dư thừa hạnh phúc. Bà cứ an lòng ra về.

Người đàn kéo ghế đứng lên, bà thấy không cần phải nghe thêm nữa. Bà biết có nói gì cũng vô ích. Minh sẽ không bao giờ buông được người con gái đầy quyến rũ lạ lùng mà không phải cưu mang này. Và cô ta là người sống với những sản phẩm của tưởng tượng đó thì cũng sẽ chẳng bao giờ muốn thế chỗ của bà. Bà ra về. Họ không chào nhau. Nhưng người tình đứng nhìn theo cho đến lúc cái bóng của người vợ khuất ở một ngã rẽ.

Bà không an lòng chút nào như lời khuyên của cô. Bà vừa đi vừa nghĩ về những câu nói của tình địch, bà phân vân tự hỏi. Cô ta là nhà văn, cô làm việc cả ngày với chữ, là những tưởng tượng của riêng cô và của thiên hạ trộn chung vào với nhau. Những điều cô nói ra là mặt thật của đời sống, hay chỉ là một chương sách cô vừa đọc hoặc cô sắp viết? Nhưng thật hay không, đời sống hay tiểu thuyết. Những lời đó làm bà phải lưu ý. Gần hai chục năm nay tại sao bà lại để mình lệ thuộc vào nguyên một người đàn ông như thế? Nếu bà biết sớm suy nghĩ như cô ta, chỉ cần giữ một nửa thôi, thì cuộc sống sẽ thanh thản biết bao !

Cô đổi ý định ra ngoài ăn trưa, cô nhờ người tùy phái ra mua thức ăn đem về sở. Cô gác ống điện thoại ra ngoài. Một nửa người đàn ông hôm nay cô cũng không thấy hấp dẫn nữa.

TRẦN MỘNG TÚ
9/01



TRẦN THỊ MINH NGUYỆT
Khoảng cách không màu

1.Anh hiểu
chiều thứ sáu, em ôm khư khư câu hẹn hò
vui sướng như con bé được miếng kẹo chocolate
Mê man,
em quăng mình vào hồi tưởng
cùng thói quen dụ dỗ ngày mai
bằng hào quang của ngày hôm trước.

2.Anh hiểu vô cùng
trong màu nến xanh
khi em lùa thu lên giấy mỏng
anh hỏi:
sao môi em ngọt
sao lưng em thơm
sao ngực em xinh.
Máu tưng bừng trong những ngón tay anh
ấm và ân cần
anh vuốt tóc em, ngược từ vầng trán
một lần - rúc rích tóc vui
hai lần - những kẽ tay khít khao từng kẽ tóc
ba lần - tóc bỗng thơm lừng hơi thở thanh xuân.

3.Suốt ngày thứ Bảy, em ôm khư khư câu hẹn hò
không muốn nghe thế giới đang kinh hoàng vì Bin Laden
và chiến tranh sinh học bắt đầu
Hai chiếc điện thoại nằm mệt lả trên bàn,
vì đợi
vì cứ mỗi chặp em lại bấm nút speaker
rồi đánh lừa mình - chúng đã hỏng.

4.Từng phút
im lìm
từng phút
điếng ngắt.
Cắn chặt môi
đói lả
em mò ra bàn ăn
mười ngón tay lạnh gầy
loay hoay thắp mẫu nến
mẫu nến ngắn củn còn lại từ đêm ấy, anh ơi!

5.Im lặng vô cùng
nến sao không thở
áo lơi sao không thở?
Chỉ có tay em chạm vào trán,
chạm vào tóc
ngan ngát mùi ước mơ:
tình yêu của anh
Những ngón tay ân cần
trên môi em ngọt
trên lưng em thơm
trên ngực em xinh
trên từng lọn tóc em thơm lừng hơi thở thanh xuân.
Nến tắt ngúm
sau ánh lóe vàng buồn thiu
Em mò mẫm
đo cái ngu ngốc cuả em
và cái hạnh phúc đần độn cuả người đàn bà khác
đo khoảng cách không mầu
giữa anh và em.

TRẦN THỊ MINH NGUYỆT
San Jose 10/2001





NAM DAO
Hốc gió xoáy

- Gửi Eric Việt

Nhìn xuống khoaủnh sân đất nện lao nhao người, tôi xua đi hình aủnh những con giòi lúc nhúc trong vết thương thối rữa lâu ngày, muủ vàng nhợt ứa ra lẫn chút máu đoủ ròng ròng chaủy trên lớp da đen bóng nhẫy dưới mặt trời. Tiếng ̣keủng báo trưa từ dãy nhà mái lợp tôn trên có cắm một cây thập tự làm bằng hai thanh gỗ buộc kẹp vào nhau ầm ĩ khua lên. Lũ chó suủa theo ăng ẳng át đi tiếng khò khè thơuỉ và tiếng rên rỉ kêu ca cuủa đám bệnh nhân phòng bên. Nghiến răng, tôi kéo đầu hai maủnh băng cho căng ra rồi vắt chéo thắt gút theo chiều ngang bàn chân. Nó nhăn mặt, họng ừng ực nuốt nước bọt kìm đau, mắt ngước lên nhìn bức tượng Jesus móc vào một cái đinh đóng trên bức tường vôi trắng mới sơn lại. Hai bàn chân Jesus đè lên nhau, nặn bằng đất thó, bị đóng đinh và vẫn ứa máu.

Đúng lúc ấy, khi anh tài xế gọi ịá Dorothy, baủo Đốc ngừng tay, đến giờ lunch rồi...áẺ thì tiếng kèn harmonica lại cất lên. Nó nghèn nghẹn, không ra blue, không ra rock, lắm lúc hụt hơi thành những

tiếng nấc cụt. Tôi nhìn Dorothy. Nó nhún vai, mông vênh lên, cặp mắt nâu viền đen nhún nhaủy. Thằng bé tôi vừa băng chân nhổm dậy rồi lấm lét lùi vào góc phòng ngồi xệp xuống, hai tay bưng tai, mặt chúi giữa hai đầu gối nhô cao.

Bữa ăn vẫn lại là đậu đỗ luộc chín với bắp, kèm vào chút thịt như thịt gà thì phaủi. Khẩu phần cho Đốc đặc biệt có thêm chất đạm. Nhưng thật khó nuốt cho trôi khi trời nóng đến 32 độ C trong bóng râm, và ẩm đến độ chỉ ngồi mà mồ hôi cũng chaủy ra như tắm hơi, rỉ raủ ứa từ mọi lỗ chân lông, nhớp nháp thấm ướt lưng T-shirt. Mùi nồng hắc từ những cái nách nhờn nhẫy đầy lống hơủ ra xông ngột ngạt mũi, khéo mà tránh đầu gió, không thì chỉ chực nôn mưủa. Lạy trời, trưa nay Dorothy đừng có xức nước hoa!

Trưa ơủ bệnh xá thưa hẳn người. Bọn ex-pat lưu vong chui hết vào căn phòng có máy điều hòa không khí, boủ cái nóng nung nấu lại cho đám y tá người baủn địa, đứa dựa lưng vào tường, đứa nguủ ngồi, đứa nằm còng queo ơủ hàng hiên đón những cơn gió hiếm hoi từ bìa rừng phía Bắc thỉnh thoaủng lướt qua chỉ đuủ lao xao lá động. Đột nhiên, tiếng ì ầm từ xa vẳng lại như cơn tức giận, mỗi lúc một gần, một đe dọa. Dorothy chạy ra. Rồi anh tài. Ngưủng mặt nhìn mây ùn ùn tít tắp chân trời, anh thản nhiên... không phải tiếng súng. Sắp giông rồi. Tháng tới mới bắt đầu mùa mưa. Lúc đó cũng là mùa của tiếng súng!

Khi quay vào nhà, Dorothy liếc mắt nhìn tôi, mặt hất ra đằng sau kiêu sa. Tuần trước, chúng tôi đi tiêm ngừa chống đậu mùa cách Kenema ba mươi cây số. Chỉ ngần ấy đường, đi mất bốn tiếng. Đi xe, được hai mươi cây. Còn lại là đường rừng. Hai mươi cây, mất đúng một giờ xe. Đường đất, có nhiều đoạn mìn phá mới lấp lại, mấp mô lồi lõm thương tật. Lại lắm chỗ bị lầy, phaủi xuống xe rồi đẩy. Đường rừng, chi chít cây và rắn. Kể caủ Dorothy. Không hiểu sao cô ta trườn quanh như loài bò sát, tay thỉnh thoaủng níu lấy tôi, kể caủ khi đoàn đã vào đến trại tị nạn. Trại lố nhố gần nghìn nhân mạng. Rất ít đàn ông. Rặt con nít. Và đàn bà lũ lượt, nhơ nhớp, mắt sâu hoắm, lòng trắng rã lờ đờ ngước nhìn không đuủ sức để ánh lên nỗi tuyệt vọng. Họ đang bị dịch taủ. Dịch khiến họ khô nước. Phaủi uống. Nước ơủ đâu. Uống nước suối thì lại tiếp tục nuôi bệnh. Và muỗi. Chúng lúc đến hàng đàn, như caủm tưủ đoàn Kamikaze, lao vào những khoang thịt cằn cỗi chỉ có da đuủ bọc lấy xương. Nào, đưa tay đây. Chích làm gì. Ngừa bệnh, bệnh đậu mùa. Chung quanh thối um mùi cứt loủng. Người đàn bà ôm đứa con chưa biết đi ngơ ngác ị... Ngừa để làm gì? Ế. Dorothy dịch lại, rồi tự mình traủ lời. Người đàn bà há hốc mồm, răng cưủa rụng hết, thều thào ị... đói. Chữa đói. Ngừa đậu mùa rồi đói cũng chết! Ế. Dorothy lại dịch,

nhưng lần này không nói gì thêm.

Chúng tôi làm cật lực đến lúc mặt trời đứng bóng thì nghỉ ăn trưa. Liếc nhìn những cặp mắt hau háu đói, tôi chịu. Boủ những căn lều dựng tạm, tôi lững thững ra bìa rừng, dựa lưng vào một gốc cây cổ thụ, rễ xù xì ngoằn ngoèo như giống trăn khổng lồ ởủ xứ này. Khi tôi mơủ mắt, Dorothy ngồi nhìn tôi, chân dạng, hai đầu gối co lên, mắt viền đen ướt xanh màu nước biếc. Tôi nhắm mắt lại. Mùi nước hoa xừng xực xông vào mũi và tiếng hổn hển thơủ cạnh tai, hơi nóng òa vào da mặt căng boủng. Tiếng khỉ trên tàn cây chí chóe chạy. Tôi giật mình mơủ mắt. Không biết từ bao giờ Dorothy đã thoa lên đôi môi dày một lớp son đoủ chói. Những mái lều trại tị nạn đằng xa nhoáng lên như bốc lưủa. Nhưng tôi, tôi không còn một chút dục vọng nào. Nhìn Dorothy mắt ngước lên nưủa cặm giận nưủa van nài, tôi chỉ thều thào, tôi mệt nhoài, ị I am so tired! Ể, rồi cúi đầu nhuủi trốn về phía mặt trời đang ngaủ xuống như một con bệnh kiệt lực.

Quaủ như anh tài nói, giữa trưa tiếng sấm rền rung một chặp rồi mưa như trút nước. Mưa thế này, đám quân cuủa Sankoh thế nào cũng kéo xáp gần thành phố. Anh tài cười hề hề ị Mùa mưa là mùa nước mắt Ể, nháy mắt nhìn bọn ex-pat chúng tôi, bọn y sĩ không biên giới, những keủ thiện nguyện từ bốn phương kéo về Kenama hai tháng nay. Có M=dam Lisa, phối hợp viên, chưa chồng nhưng tiếng là đến đâu trên lục địa châu Phi này cũng tìm ra người yêu lý tưởng. Có Andrea, Đốc người Lỗ-ma-ni, thề sẽ kiếm ra việc trong OMS, nhắc là dẫu anh chỉ vào rừng một lần chích ngừa dịch thì ị my dear Lisa Ể cũng đừng quên làm biên baủn để anh còn ghi lại trong Curriculum Vitae. Có tôi, Đốc Canadian, gọi thế nhưng tóc đen, da ngăm vàng, tên lại đèo chữ Nguyễn là tên họ gần ba mươi triệu người theo lời cha tôi nói. Có hai tuần một lần đoàn xe chơủ đến bệnh xá thuốc men, băng bông cũng như đô-la để traủ chi phí và lương bổng cho anh tài, hai cận vệ và bốn người y tá baủn địa mà Dorothy là một.

Cơn mưa dứt hột vào quãng sáu giờ chiều. Mặt trời lại ửủng đoủ như mặt người say rượu ởủ đâu hiện ra với dăm cái cầu vòng baủy sắc mọc lên trên những cánh rừng phía sau doanh trại cuủa bọn lính Liên Hiệp Quốc mũ xanh đến từ Tanzania. Không khí dịu hẳn, đất bốc ẩm thơủ mùi thơm. Chòi cây xanh treủ lại đâm ra thắm biếc trên những mái tôn rỉ rít nay óng ánh hồi sinh. Treủ con ùa ra trần truồng, bụng oủng ưỡn trên những cặp chân khẳng khiu, dẫm vào những vũng đọng đá tung tóe nước vào nhau rồi khanh khách cười, khanh khách rú những tràng thanh âm quấn quít bện lấy nhau như túm tóc quăn tết từ da đầu vắt veủo cong lên rồi lòng thòng rơi xuống bờ cổ.

Tiếng harmonica lại cất lên. Lần này nó thánh thót bay bổng lên khoủi tiếng trống bập bùng. Dorothy nói trống không, lưng quay về phía cưủa sổ, tay đưa lên áp vào má ị...đám người vừa tới chạy từ khu moỏ Tongo. Quân phiến loạn nghe đâu đã tới Ể. Anh tài lắc lư nhe răng trắng nhởn cười ị...bên này tới, bên kia cũng tới. Lính cuủa chính quyền đang rục rịch. Nhưng đánh nhau thì chưa...+. Nhìn về phía doanh trại bọn lính mũ xanh, anh khẳng định ị Còn đợi bọn Tanzania đi đã chứ! Ể. Tôi ngẫm nghĩ, với đám chạy loạn này thì mai chắc số bệnh nhân tăng ít nhất là gấp đôi. Lẳng lặng bước xuống thang rồi đẩy cổng ra đường, tôi lơ đi tiếng anh tài gọi giật lại.

Cứ thế, tôi mò hướng tiếng harmonica văng vẳng gió chiều. Thỉnh thoaủng lại bần bật giật như cơ thể giãy dụa một cơn động kinh, gió chợt đi chợt đến, hung hãn thốc vào những tàn cây gạo, hoa tan tác rơi như vấy máu tươi xuống con lộ quanh co. Tôi tránh nhìn những cặp mắt trắng dã hốt hoaủng hướng về phía tôi. Chẳng lâu, tôi thấy ông ta. Tay trái cầm kèn, mắt đeo một cặp kính đen, ông nghếch tai lên rồi quay về phía tôi nhe răng cười, miệng nói một tràng dài. Thấy tôi không đáp, ông hỉnh mũi lên hít, đổi giọng nói bằng thứ tiếng Anh muốn hiểu phaủi đoán đến gần nưủa. Hai người cận vệ cuủa đoàn lúc ấy xáp tới, gọi ị Đốc, về thôi...Ể, thì ông ta phá lên cười, hoủi ị Y sĩ haủ? Không biên giới... hà hàỂ. Ông tự giới thiệu ị Massaquoi, poet Ể. *Poet, nhà thơ?* Ông nâng kèn ngang miệng, thổi một hơi dài, trịnh trọng đáp ị Yes Ể rồi ngân nga :

Bước chênh vênh
đỉnh núi
Chân đạp trên kim cương
Phía dưới
sao lại là vực sâu tai ương..

Giọng thơ khàn đặc mang màu đen cuủa cánh rừng trong buổi chiều tà hạ xuống như chấm than. Ông lại phá lên cười, quay ngang người chìa về phía tôi cánh tay phaủi. Nó bị chặt ngang dưới khuỷu, băng lại bằng một maủnh vaủi, mùi thối rữa một vết thương chưa lành miệng xông lên. Ông baủo ị... Đốc, tôi không nhưng họ mới cần đốc tờ...+. Tôi hoủi ị Ai? +. Ông cười hà hà ị...cái bọn mua bán kim cương ơủ Anwert, ơủ London - chỉ vào đầu, ông tiếp - chúng nó phaủi chữa cái này, khó lắm... +. Cận vệ lại nhắc về. Nhẹ nhàng nâng cánh tay phaủi, tôi nói khẽ ị...mai đến bệnh xá, phaủi bôi thuốc rồi băng lại! +.

Đêm hôm đó thật khó nguủ. Đốc người Lỗ lại xem những cuộn

vidéo cao bồi cũ rích reủ tiền, ngựa chạy đuổi da đoủ, bắn rụng xuống cát sa mạc như bắn khỉ. M=dam Lisa rúc rích cười với ai đó buồng bên. Phần tôi, sau khi sắp đặt xong công việc cho ngày mai, tôi thẫn thờ ra hàng hiên, ngồi dựa vào bức vách gỗ, liên tưởng đến ông già thổi harmonica và chợt nhớ ra cha tôi cũng gồng mình xưng là poet. Thật ra, tôi nào biết cha viết gì, tôi một keủ mang hai giòng máu nhưng chỉ sống với một nưủa như đời thực, nưủa kia buông xa từ một đất nước mơ aủo, có những chiến dịch Hạ Lào, mồi rơm Mỹ Lai, ngày 30 - 04, di taủn, vượt biên, rồi một con tàu ánh sáng cho đến nào là dồn Khơme-đoủ vào rừng, học bài học họ Đặng, và cứ lăng quăng mơủ vào, bung ra, thay cũ, đổi mới. Nhưng lần nào, cha cũng baủo lần này là có thể hy vọng. Hy vọng gì? Cha bí hiểm, troủ tay vẽ một vòng tròn trong không khí, điểm đi và điểm đến là một. Thơủ ra, cha baủo thế là chậm, chậm mất ba mươi năm. Và phí, phí ít ra là tám cho đến mười triệu lít máu. Dĩ nhiên, tôi không hoủi thêm. Con tính trên mạng người lúc nào mà chẳng kỳ quặc. Và thường gây ác mộng, nhất là bất lực như bị bóng đè trong một giấc nưủa mơ nưủa tỉnh.

Tôi nưủa mơ nưủa tỉnh cho đến lúc gà gáy sáng. Mơủ cưủa sổ, mặt trời sáng lòa lên vách mang bóng tàn cây bông chập chờn như đuôi loài công múa vũ điệu bình minh. Khi bước ra phòng khám bệnh, Dorothy đã ơủ đấy. Tay chỉ, nàng lẫy ị Đốc có hẹn... +. Massaquoi hà hà cười. tay trái nâng harmonica lướt một gam nhún nhaủy, xong mới reo ị Good morning. Đốc! + rồi khịt khịt mũi. Gỡ cặp mắt kính đen xuống, mắt ông già đùng đục vô hồn, mi nhấp nháy co thắt loại động tác não bộ không kiểm soát được, ngước lên nói ị...Massaquoi này chỉ muốn chữa mắt. Mù mất hai mươi năm nay rồi, Đốc xem sao... +. Tôi lắc đầu. Lấy kéo cắt maủnh vaủi băng khúc cụt cánh tay phaủi, tôi nhẹ nhàng nói ị Chịu. Phaủi đến nhà thương ơủ Freetown thì may ra...+. Ông già phá lên cười ị... chẳng cần. Tay chỉ vào mũi rồi lại khịt khịt, ông ta ồm ồm - bây giờ nhìn bằng cái này...+. Lắc lư, ông quay một vòng đầu, la ị...trong phòng này có ba người. Hai nam, một nữ. Không bốn, một mới vào, nam thì phaủi +. Đúng thế thật. Có tôi, Dorothy, một anh cận vệ nãy giờ chỉ ngồi im trong góc phòng. Còn người mới rón rén vào là thằng bé bàn chân tấy muủ tôi mới tẩy trùng và băng bó hôm qua. Thấy Massaquoi, nó ríu chân lại. Bất chợt ông già đứng vụt dậy, mũi khịt khịt, kêu ị A, mày đấy à? + rồi giật cánh tay phaủi bị cụt giơ lên. Thằng bé thất thanh rú rồi đâm đầu chạy khoủi phòng khám bệnh, chân khập khiễng lết đi trên nền đá men lát nhà trắng ố. Tôi ngạc nhiên nhìn lên. Từ hốc gió xoáy, nước mắt Massaquoi tuôn ra chaủy dài xuống má, đọng trên hàm râu bạc long lanh ánh kim khí phaủn

chiếu nắng sáng từ cửa sổ hắt vào. Thẫn thờ buông mình ngồi xuống, ông ta quệt mắt, và lại đeo cặp kính đen vào. Từ đó, ông ta lẩm bẩm một câu bằng thổ ngữ, rồi nín câm. Băng bó xong, ông lẳng lặng đi ra như mất hồn và nhòa vào nắng chói.

Đến trưa, tiếng harmonica lại cất lên. Tôi bỗng thấy ớn lạnh. Từ hôm xuyên rừng đi chích ngừa dịch, tôi đã sợ rồi sẽ bị sốt rét. Tránh thế nào được những con muỗi đói máu. Cũng như tránh thế được những con người đói ăn trên lục địa này, đói đến đôỳ xung vào làm lính, phiến loạn một bên, chính quyền một bên. Rồi chặt tay chặt chân nhau. Chặt tay phaủi cho hết cầm được súng. Chặt chân. Chân thì phaủi hay trái cũng được. Chặt caủ đám thường dân, già từ sáu mươi đến treủ mười hai hay mười ba tuổi. Thường dân rồi cũng sẽ là lính nên chặt trước. Lính treủ con lại dễ sai. Chúng bắn giết như đùa. Chặt chân chặt tay chứ đừng chặt đầu. Cho chúng nó cưu mang lẫn nhau mà mất sức. Lính Liberia qua tiếp tay bọn phiến loạn tự xưng mình là cách mạng. Đằng sau, có bọn Bỉ, bọn Hòa Lan. Nhưng đừng lo, bọn Anh sẽ tiếp sức lính Guynea giúp chính quyền baủo vệ moủ Tongo. Đám mũ xanh ơủ giữa làm bàn đệm, nhưng cứ nghe tiếng súng là lùi lại rồi tạt ngang tránh né. Sĩ quan lính Tanzania nói, chúng tôi chỉ được trang bị phòng thuủ, ịPeace keeping+ mà. Nháy mắt, anh ta baủo mỗi ngày Liên Hiệp Quốc traủ cho trăm đô một đầu ịpeace keeper + rồi hềnh hệch cười ị That=s good busines +. Thì ra thế. Nhưng đó chỉ là busines nhoủ. *Busines lớn nhất vung tiền ra thu kim cương nằm ơủ bên Âu Châu văn minh.* Thu kim cương, cần súng. Cần dao quắm, cần những cánh tay cụt, và cần những chiếc dạ dày kẹp lép gào chống cường toan se xót. Cần bọn lính treủ con thích đùa, nhất là sau khi cho chúng uống thứ kích thích tố khiến mùi máu tanh thành một hấp lực không cưỡng lại được. *Em ơi, em xinh đẹp, đừng bao giờ đòi một cái nhẫn hứa hôn có đính kim cương.* Mười tám mặt cắt cho bốn carat lung linh chóe bóng phù hoa che không biết bao nhiêu là những vết thương tóe máu, mưng muủ trên hàng trăm hàng ngàn cơ thể một loài sinh vật bất hạnh chót sinh ra ơủ maủnh đất Sierra Leone khốn khổ này.

Cơn lạnh đâm buốt vào xương lúc xẩm chiều nhưng mồ hôi tôi vẫn nhễ nhại ứa ra toàn thân. Lúc đó, một người cận vệ đã tìm được thằng bé sáng nay trốn chạy. Băng bàn chân nó nay bê bết lầy, lại phaủi tháo ra và rưủa lại. Tay lẩy bẩy, tôi ngước mắt nhìn, cáu kỉnh ị...tại sao mi lại chạy vào rừng? +. Nó co rúm người lại nói như mê hoaủng. Tôi không hiểu, hoủi Dorothy. Nàng cau mặt dịch ị...nó baủo không phaủi nó chém cụt tay ông già thổi harmonica! +. Tôi định vặn ị...thế thì tại sao mày phaủi trốn? + nhưng kìm lại, không nói gì thêm.

Ích chi mà phân biệt đao phuủ và nạn nhân, khi làn ranh chỉ là cái vạch phấn lau đi vẽ lại, để đao phuủ hôm nay nhất thiết sẽ thành nạn nhân ngày mai. Bỗng dưng, có tiếng chân rầm rập. Rồi tiếng súng đì đọp, tiếng liên thanh ròn rã. M=dam Lisa hốt hoaủng điện thoại về Freetown. Có lẽ nào quân phiến loạn tấn công? Còn bọn lính mũ xanh đóng trại, chắc chưa đến nỗi nào. Nhưng sao trong trại chúng nhốn nháo gọi nhau. Rồi có caủ tiếng xe tăng rù lên, xích sắt kèn kẹt nghiến như tiếng nghiến răng giận dữ từ địa ngục. Không hiểu sao, đầu tôi bốc nóng nhưng người chẳng còn một chút sức, tay duỗi xuống như cánh tay áo sũng nước vắt phơi trên dây thép lạnh ngắt.

Người ta đắp cho tôi đến ba bốn cái chăn dạ dành cho lính. Hai hàm răng lập cập đánh vào nhau, tôi đang nhịp cho tiếng kèn harmonica thì phaủi. Trong bóng tối, tiếng kèn tạo ra aủo giác mang hình thể cuủa những khối màu di chuyển lúc nhanh lúc chậm. Tai tôi nghe loáng thoáng anh tài xế nói, bọn lính Tanzania dành gái bắn nhau chứ chẳng phaủi là quân phiến loạn tấn công đâu. Thế ư? Dành đàn bà mà phaủi dùng đến xe tăng à! Tôi có nằm mơ không? Moủm núi moủ Tongo thình lình cao vút lên. Nhìn xuống, quặng đá lấp lóe kim cương lổm nhổm bò như những con bò cạp. Ngước lên, ơ kìa, cha tôi đứng chênh vênh. Cha, sống lúc nào cũng chênh vênh. Giữa hai lằn ranh, xẩy chân là mất mình. Vì lẽ nào, cha nói, oủ vực bờ sống - chết mới biết thế nào là sống? Dĩ nhiên, biết sống tất cũng biết thế nào là chết. Sự chết không đến nỗi đáng sợ bằng sự sống-cũng-như -chết. Cha chua chát cười, rồi lại men moủm núi đi lên. Càng cao, nỗi cô đơn càng lớn. Rồi bóng cha chỉ còn là cái chấm nhoủ trên triền tít tắp lẫn vào mây. Há mồm, tôi gào. Đừng, đừng boủ cái nhân gian này còn quằn quại đau. Cánh tay cụt cuủa ông già tên Massaquoi giơ lên vẫy. Thình lình, lại tiếng harmonica. Lần này, có tiếng ca-nông đệm vào như ai đó dậm chân đạp vào trống cái cuủa giàn trống một ban nhạc kích động với đàn, kèn và tiếng hát da đen tức tuởi. Ông già lại ê a:

Bước chênh vênh...
Chân đạp trên kim cương
Phía dưới
Sao lại là vực sâu tai ương!

Ông hề hà, khịt khịt mũi, tay trái nâng chiếc harmonica lên rồi quẳng xuống vực từ giã một quá khứ. Gió xoáy vào hốc trống giữa cặp kính đen và hai tròng mắt. *Ông lại vẫy, và phép lạ, em ơi, có phép lạ là vì cánh tay cụt đã mọc ra nguyên lành như chẳng bao giờ thương phế.*

Thế thì em yêu, đừng hoủi tôi một cái nhẫn hứa hôn đính kim cương nhé. Tôi run rẩy, a cái cơn sốt rét này đến vào lúc chẳng nên đến. Tiếng súng lại ran lên, và hoủa châu bắn lên trời lập lòe sáng ma quái. Thế nàylà thế nào? Chẳng lẽ lính Tanzaria mũ xanh dành gái mà phaủi bắn hoủa châu ư? Ai rón rén vào, kéo chăn. Không, tôi lạnh lắm, đừng kéo nữa. Tôi co người, mũi thoang thoaủng mùi nước hoa. Rồi cái thân thể ai đó trần truồng nằm xấp lên tôi, run rẩy, ôm lấy giúp tôi chống cơn lạnh buốt xương, vuốt ve áp môi lên mặt, lên ngực. Đôi môi nhung đầy đặn ướt át độ lượng đưa tôi vào khoang thuyền trôi lờ lững caủm giác bình yên. ị Take me! +. Ai thì thào, ị take me +, tiếng thì thào kéo tôi từ cơn mơ saủng ra ngoài một vùng nưủa đau xót nưủa đắm mê, chập chờn bóng thiên đường giữa một đêm rầm rền súng đạn.

Sáng tinh mơ, M=dam Lisa vào phòng tôi, baủo Freetown yêu cầu bọn ex-pat y sĩ không biên giới chúng tôi triệt thoái. Phaủi đi ngay, nếu không phi trường Kenema có thể bị chiếm nội nhật ngày hôm nay. Rên hừ hừ, tôi hoủi ị...còn bệnh nhân? +. M=dam Lisa lạnh lùng ị Để cho Trời định! +. Nhắm mắt, hình aủnh hàng trăm con người hoạn nạn mỗi ngày kéo đến bệnh xá thoắt hiện ra như đám âm binh khật khừ rời địa ngục bò lên cõi trần. Có thằng bé gan bàn chân tấy muủ. Có Massaquoi, ông già thổi harmonica. Ông giơ tay, cánh tay phaủi bị chém cụt. Nó giờ đây không còn nguyên lành như trong giấc tôi mê saủng đêm qua.

Hai người cận vệ dìu tôi lên chiếc xe chơủ ra phi trường. Dorothy theo sau. Nàng xếp cho tôi nằm lên cáng thương, mắt nhìn tôi, ôi đôi mắt bây giờ tôi mới biết là đôi mắt đẹp. Nó bao la ướt át như mặt hồ long lanh sáng, nhưng sao mà buồn, nỗi buồn cũng bao la như trời bao la vắt ngang tầm mắt. Đột nhiên, Dorothy thì thào, ị take me! +, nhưng niềm vô vọng khiến hai giọt nước mắt ứa ra, như hai viên kim cương lung linh dưới tia nắng vàng non một sớm mai đẫm sương ngơ ngác.

Em yêu, nếu cứ còn muốn kim cương, tôi sẽ đính vào nhẫn hứa hôn một hạt kim cương trong vắt ứa ra từ khóe mắt nàng. Còn hạt kia, tôi giữ cho tôi. Trong lòng.

Hỡi Kenema yêu dấu.

NAM DAO
26 -04-2001



ĐỨC PHỔ
Rót Xuân mời nhân gian

Tặng KT

Em hãy lạnh cho tôi được đắp
mảnh xuân tình ngày cũ đã về
qua, dù trước ngõ vui sau vườn
buồn bã, có hề chi lời mỏi

hẹn thề. Em hãy tối lòng cho
tôi được thắp, ngọn đầu đời tâm
khảm đã mòn hao, tháng tiếp tháng
ngày tiếp ngày vội vã, và bốn

mùa níu gót nhau vui. Em hãy
dại cho tôi được bảo, dạy nhau
tình sau trước một đàng, đời sang
cả có chắc gì đẹp mộng, hãy

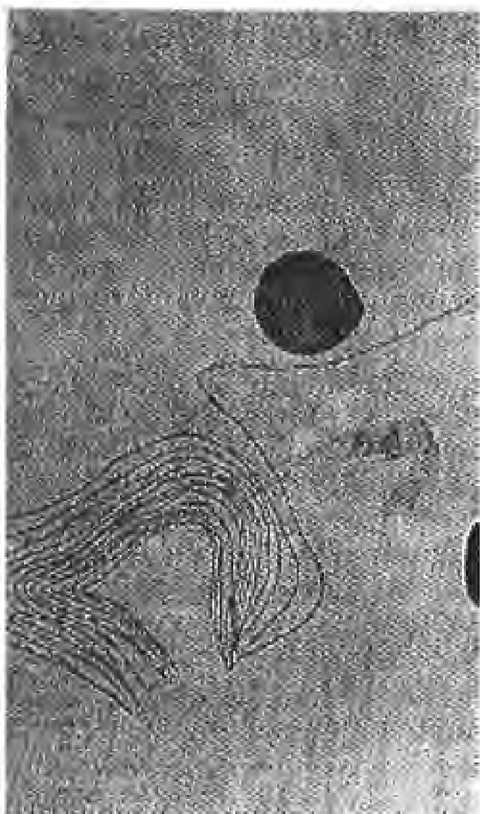
đơn sơ như trời chuyển sang mùa
(Thay chút nắng làm cơn mưa đủ
mát, đủ cho cành khô hạn đơm
bông, đủ đêm nồng mật ứa tình

đông, với cốc cũ hãy rót đầy
xuân mớ.) Em hãy đứng cho tôi
được mỏi, giữa muôn chiều lòng sững
mấy tiêu tao, dẫu vay mượn người

xưa hồn sơn bạc, mượn đêm vàng
giọt nguyệt rót nghìn chung. Em hãy
tỉnh mặc tình tôi say khướt, và
tôi điên một bữa biết si tình.

Hãy rót tình xuân muôn triệu cốc
Mời nhân gian ngọt nụ xuân kỳ.

ĐỨC PHỔ





LÊ THỊ THẤM VÂN
Cơn mưa, từ trời

Cái quảng cáo trên màn ảnh truyền hình chỉ độ 15 giây, màu trắng đen của nhật báo Mercury. Thanh niên ,28 tuổi, kĩ sư ,triệu phú. Tám tháng sau, cũng 28 tuổi, kĩ sư, nhưng hết là triệu phú. (28 tuổi thì ai cũng đã đang và sẽ, nhưng triệu phú thì Việt Nam có triệu phú ở tuổi 18 nhiều đứng nhất nhì thế giới.) Đây là hậu quả của thị trường chứng khoán, hãng xưởng, computer, high tech. Cách đây hơn một tháng, cái quảng cáo khác của nhật báo Mercury, cũng hai màu trắng đen, người đàn ông trung niên đến từ Ấn Độ, tay giăng tờ báo như giăng cờ Mỹ, ông là một trong hàng loạt người Ấn đổ xô sang Hoa Kỳ, thay vì đào vàng bằng cách xây đường rầy xe lửa thuộc hàng trăm năm trước như dân Tàu, giờ dân Ấn đào vàng bằng ngỏ ngách computer, high tech. Họ phụ một tay thay đổi bộ mặt thành phố San Jose tạp chủng, đa dạng, đa văn hoá mà cách đây gần ba thập kỉ, dân tị nạn Việt Nam chân ướt chân ráo là ngọn sóng công nhân hàng đầu.

tháng tới tôi 40 tuổi

Trời đang bừng bừng sức nóng mùa hè. Da tôi thấm đẫm mồ hôi. Vị mồ hôi của tôi mặn, chua không ngọt. Tôi mong được nằm mãi như thế này. Tan xác thân biến linh hồn, bôi xoá chấm đen trong không gian. Đêm qua trong giấc mơ ngắn ngủi, tôi (ước) mình là con chim bay vút vào không gian, không gian là (thế giới) đời sống, chấm đen là hình ảnh hiện hữu cuối cùng, của tôi. Tôi thức giấc, miệng đang còn cười. Cách đây hai tuần, hình ảnh-ý nghĩ ám mồn một trong tôi. Đó là chập chùng dãy núi, kết bởi những viện đá cuội. Thường đá cuội thì nhỏ mà đá cuội trên đỉnh núi sao to lạ. To như cái ghế ngồi của từng người tùy trọng lượng. Những viên đá cuội và những tấm lưng giấu mặt. Họ sống ở đời, đến một lúc nào đó, thấy đủ, lẳng lặng leo lên đỉnh núi ngồi, đưa lưng và giấu mặt, từ từ tan, bốc khói. Đó cũng là một cách ra đi nhẹ yên, tốt đẹp, bình đẳng. Ai rồi cũng ra đi, và nên ra đi. Điều ra đi không bận tâm óc con người, nhưng cảm giác ra đi thế nào, lúc nào mới là bi đát. Người đàn bà Eskimo khi cắn chỉ không còn đứt, là biết mình nên ra đi. Bà leo lên đỉnh núi khoác áo lặng lẽ ngồi chờ. Hiện thực hay huyền thoại, hình ảnh nào cũng hết sức vĩ đại, tự do.

Bởi tử thần không có lòng từ bi.

tháng tới tôi 40 tuổi

Và là những suy nghĩ rời rạc trong tôi của buổi sáng hôm nay. Sinh nhật tuổi 20 là Madona với hai nịt vú đỉnh nhọn hoắt, thập niên 80's, muốn, muốn và muốn như kẻ bỏng khát chỉ độc nước biển đưa kề miệng. Và tuổi 30 tôi chưa nghĩ đậm về những viên đá cuội đưa lưng giấu mặt trên đỉnh núi.

Bên ngoài tôi là mẫu quảng cáo nhật báo Mercury. (À quên nói với bạn, hệ thống nhật báo Mercury phát hành tuần báo Việt Mercury phục vụ cộng đồng Việt, tuần báo Nuevo Mundo phục vụ cộng đồng Mễ. Nơi tôi ở đa dạng đến thế là cùng!)

Bên trong tôi, ám ảnh sự cố biến tan, bốc khói. Cánh chim bay vút, một mình đi như đến, hoặc xen kẻ giữa những tấm lưng giấu mặt đồng loại và cộng nghiệp.

40 tuổi, tính tuổi thọ thời tôi đang hít thở là được (lạc quan), đã (bi quan) tựa triết lý nửa chai rượu của tay bợm nhậu. Thống kê cho biết tuổi thọ thời nay cao hơn thời xưa. Tin lành hay

dữ? Tuổi 40, mặt trời đứng trên chóp đầu.

Hôm qua Chinh đưa con đi coi bóng rổ ở Paolo Alto suốt từ 5 giờ chiều đến 11 giờ tối. Tôi có một buổi tối rỗi rảnh, đã dự tính làm vài chuyện thuần giải trí. Gọi hỏi thăm H., rủ V. đi xi nê, tới nhà Nh. tán dóc, ghé tiệm sách cũ ở Redwood city, đi shopping mua vài thứ lặt vặt, hay ra Blockbuster mướn phim về nhà nằm coi.

Những dự tính cuối cùng đều là dự tính. Bà dọn lại closet, bỏ xấp hình vào album, nằm ngâm mình trong bồn, đầu óc thể xác đang thư giản, bỗng bà thèm đĩa bánh cuốn tráng hơi ở tiệm Bắc Hương, thay vội đồ lái xe xuống phố, khi rẽ xe vào đường Santa Clara, tấm bảng quảng cáo tiệm Thanh Thế hôm nay có bún riêu đặc biệt, thế là bà tạt vào, thêm một dự tính không thành. Tiệm tối thứ Sáu vắng vẻ lạ lùng. Ở góc phải, hai người đàn ông đứng tuổi đang uống bia, ăn hến xúc bánh tráng, nói về gia cảnh một người bạn của cả hai đang gánh ba cái họa cùng một lúc: mất việc, vợ ngoại tình, thằng con bị lật xe phải cắt một phần chân. Hai người đàn ông nói to như đang ngồi nhậu ở nhà. Gần chục chai Sing Tao rỗng ruột xếp đều trên bàn. Tiếng những người đàn bà ngồi lúp xúp sau quầy tính tiền. Ba bà rồi thêm một bà nữa tiến lên từ bếp, định ghé lại bàn hai ông khách hỏi gì đó, nhưng rồi lại dừng nơi ba bà đang ngồi cạo gió, giật tóc cho nhau. Bà thứ tư chặc lưỡi, "trời đất quỷ thần ơi! gió quá, gió quá... gió độc... da như cua luộc." Bà ngồi, tờ báo cầm theo định đọc dẹp sang một bên. Giọng nói của hai ông khách sang sảng. Tiếng nói của bốn người đàn bà líu ríu sau quầy làm bà không nghe cũng phải nghe, không nhìn cũng phải nhìn. Bà trở thành như người giữa chốn không người, mất cảm giác mình là khách lạ. Tô bún riêu mang lên nóng hổi, giờ thì bà hối hận vì đã đổi ý ăn bún riêu. Nách bà tướp mồ hôi, rồi gáy cổ cũng thế. Hơi nóng và mùi chua tô bún làm bà đẩy nó sang một bên, mường tượng những cọng bún sẽ vữa sình trong vài phút. Bà chần chừ nên đợi nguội rồi ăn, hay bỏ luôn tô bún. Nhưng không ăn thì biết trả lời sao khi bị hỏi, "ăn được không bà?" Thế là bà so đũa sới bún cho mau nguội, hà hơi thổi. Bà nghĩ nếu là bún ốc bà sẽ lựa ốc ăn trước thay miếng bún riêu lợn cợn trứng cùng tôm khô vắt vội lềnh bềnh rời rã trong nước lèo theo chiều khuấy đôi đũa. Bà vắt chanh, bỏ rau sống, rắc tiêu. Một trong người đàn ông liếc mắt qua bà, dừng ở ngón tay lập gia đình gần 15 năm nhưng không hề đeo nhẫn. Bà thong thả cho bún vào muỗng, thổi, rồi lùa vào miệng, vẫn còn nóng, lại thổi. Bà nhìn bức tường trước mắt, hai con cá giả bơi lội trong hồ, bà cho bún vào

miệng, nuốt trôi muỗng bún, nghĩ chẳng thể nuốt được quá năm muỗng, chủ có buồn thì cũng đành chịu. Bà định gọi ly chè, nhưng liền đổi ý. Bà đứng dậy đến quầy tính tiền, nghe tiếng người đàn bà thư tư gọi, "ông già đâu?" rồi lững thững lui xuống bếp. Ba người đàn bà vẫn còn ngồi lúp xúp cạo gió, giật tóc, xoa dầu. Người đàn bà bị gió mập mạp, áo thun trắng ngắn tay tuột xuống quá bả vai. Bà này cạo phía lưng và gáy, bà nọ xoa dầu liền tay trước ngực và cổ. Bà đoán bà bị gió là bà chủ, bởi dây chuyền vàng có tượng Phật Quan Âm bằng ngọc thạch to cỡ ngón trỏ đeo kẹt cứng ở kẻ vú. Hai hột xoàn lóng lánh nổi bật trên khuôn mặt phấn son đã nhoà. Người đàn bà xoa dầu ngừng tay, đứng dậy tính tiền. Bà ngoái nhìn phía bếp, người đàn ông ngồi trên ghế nhựa con, không trông thấy bà, nhưng bà nhận ra ngay đó là ông Phùng, bởi cái bớt trên trán trái hiện rõ dưới ánh đèn neon trắng toát. Bà biết ông Phùng đã hơn mười năm, là người khách quen thuộc của bà. Ông ngồi chúi đầu phía trước, móc mũi xoa trán vuốt mặt hả họng ngáp, bà kịp thấy ông chỉ còn 3 răng cửa. Bà nhận tiền thối, né người sang một bên, không muốn người đàn ông trông thấy. Bà bước vội ra khỏi tiệm bằng ngõ hông, chiếc xe đạp kê cạnh cửa, dừng lại nhìn. Ghế tróc bao, túi ni lông treo lủng lẳng đựng đôi giày ở ghi đông, niềng cong vòng, màu sơn hết nhận ra, vất cũng chẳng ai thèm lượm. Bà hấp tấp bước ra cửa, leo lên xe, rồ máy, đâm thẳng ra xa lộ.

Con trăng trước mặt chưa tròn nhưng làm sáng rực hàng cây mái nhà vòng cầu mặt đường xa lộ 280. Bà nghĩ về người đàn ông ngồi vuốt mặt trong bếp nhà hàng. Cái vuốt mặt tựa phủi bụi, phủi bỏ vướng bận, phủi bỏ lầm lỡ, phủi bỏ quá khứ, phủi bỏ chính mình. Con trăng chưa tròn lơ lửng như vật chắn trước mắt. Hình ảnh người đàn ông hả họng ngáp dài chập trùng với những lần gặp gỡ trong từng đoạn thời gian, thể hiện qua giọng nói, miệng cười, chiếc mũ đội, màu áo khoác, ngón tay móng đã cắt hay chưa cũng đã trên mười năm. Lời tán tỉnh không dành cho bà nhưng cho một nhân viên đắc lực, trung tín của bà ngày ấy, tên Loan, cựu hiệu trưởng trường tiểu học, vợ trung úy phi công miền Nam, đồng nghĩa nhan sắc và đức hạnh. Người đàn ông đã đến tiệm bà nhiều lần vì người đàn bà tên Loan này. Giọng ông oang oang, bước đi chắc nịch. Người nhân viên im lìm hơn là dịu dàng. Vẻ im lìm mang tín hiệu gửi đi cho ông rõ là sẽ chẳng bao giờ có buổi gặp nơi nào khác ngoài nơi làm việc. Người nhân viên đã dắt con bằng đường bộ mong gặp lại chồng sau tháng 4-75 loạn lạc, ngỡ ngày gặp lại nhau trên đất tự

do là ngày đoàn tụ gia đình, ngờ đâu là ngày chia lìa vĩnh viễn, chồng đã tạo dựng đời sống mới, có người khác thay bà. Người đàn ông giọng oang oang, bước đi chắc nịch siêng lui tới nói lên sự dám làm, lòng quả quyết và ngay thẳng. Bà nhớ một lần, ông đến, người nhân viên hôm đó nghỉ bất ngờ vì chuyện nhà, ông trả tiền, vô tình hay cố ý, để rơi tấm ảnh ông chụp với người con gái Mỹ tóc vàng mắt xanh hoàn toàn khoả thân, khi bà trao tấm ảnh lại cho ông, ông đỏ mặt một chút, nói đỡ, "năm đầu tôi đến Mỹ." Bẵng thời gian khá lâu, ông biến mất, rồi lại xuất hiện với màu da rám nắng, thứ nắng ở cõi xa xôi nhưng rất gần gũi. Thứ nắng mà người xa quê nhận ra tức khắc khi đối diện, bởi ướp mùi vị của chính mình. Ông cho biết đã lui về Việt Nam, tính chuyện làm ăn, lấy vợ. Ông nói huyên thuyên, bà nhận ra nguồn nhựa sống mới đang luân lưu trong toàn thể người ông. Bà nhân viên im lìm của bà đã dọn đi tiểu bang Oregon. Rồi những lần kế tiếp, ông đến với xấp ảnh, người con gái trong ảnh thua tuổi ông rất xa, dù làm bài toán cộng trừ nhân chia... như ông đang lo thủ tục đưa người con gái ấy sang đây làm vợ chính thức. Bà ngắm, nghe và chúc mừng nhưng lòng chứa sự ái ngại. Ở tuổi ông, đèo bồng một ảo tưởng , một mơ hồ, một trò chơi có khả năng làm gẫy đôi người. Rồi ông biến mất. Trước lần thấy lại ông ngồi trong góc bếp vuốt mặt hả họng ngáp dài đêm nay, cách đây hai năm, bà thấy ông đứng làm cá trong siêu thị Đại Hàn trên đường El Camino, bà không dừng mua khúc cá như dự định cho bữa cơm tối, và chừng như ông cũng thoáng thấy bà, vội quay mặt. Bà đeo theo hình ảnh chập chùng quãng đời ông, cùng chiếc xe đạp có bọc ni lông đựng đôi giày treo lủng lẳng, như con trăng đang chắn ngang trước mắt. Bà thò tay vào trong áo quẹt giọt mồ hồi ẩm giữa hai bầu vú, đưa lên mũi ngửi, rồi liếm nhẹ. Bà nghĩ tới ngày mai là ngày đi thăm bà má nuôi. Mỗi tháng một lần, đều đặn dẫn tới viễn dưỡng lão như kinh nguyệt, như con trăng tròn. Đoạn đường gần 6 tiếng đi và về cộng thêm giờ ngồi đứng vô ra cạnh cái xác bất động tiêu mất gần một ngày chủ nhật. Bà toan tính nghĩ ngợi, vì bổn phận, nghĩa vụ cần dứt bỏ, hay vì lòng xót thương mà suốt bao tháng năm trải dài theo những xa lộ nối liền. Giờ biến thành thói quen. Thói quen nghĩ kỹ là cho chính bà, do lòng ích kỉ, tìm sự bình yên. Xe chạy, bà cầm chặt tay lái, cảm giác mệt mỏi ùa thốc, đầu buốt rồi lan nhanh xuống cổ, dọc theo cơ thể, ngang thắt lưng thì bà muốn quỵ. Bà biết cơ thể bà đang đổi như đất trời chuyển mùa. Trước ngày có kinh, ngực bụng cứng căng, cảm tưởng

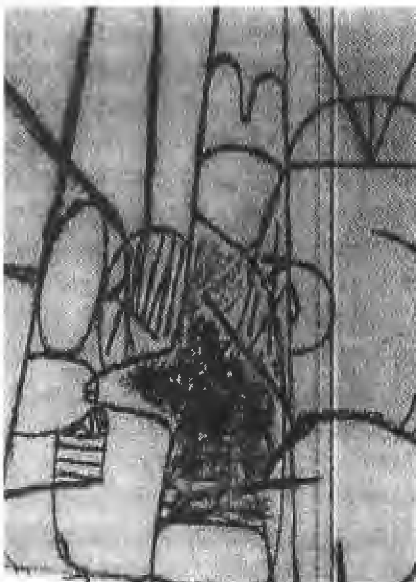
đeo thêm khối thịt nặng nề không cần thiết. Bà bứt rứt khó chịu, sẵn sàng gây gổ với bất cứ ai. Chồng bà sống cạnh quá lâu trở thành cái đồng hồ, hàn thử biểu khi nào không hay. Thường thì ông im lặng trước những cơn thịnh nộ bất thường vô lý của bà. Còn bà, thường tránh những quyết định quan trọng, liên hệ tới người khác. Lại thêm trò mau tủi thân, mủi lòng trước những chuyện vặt vảnh. Một câu nói vô nghĩa hay cử chỉ ơ hờ của người thân quen dễ khiến cảm thấy bị xúc phạm hoặc nổi giận vô cớ (nhất là với chồng), hất đổ thứ gì ngay trước mặt. Khi còn con gái, vốn liếng gần gũi là cái điện thoại, giận ai vất mạnh nó vào tường. Cái điện thọai hiệu AT & T quả thật là tốt, vẫn cứ xài được cho đến ngày đi lấy chồng. Sau này là nồi cơm điện hiệu Panasonic, nếu tính không lầm, đã bị hất cả thẩy trên 10 lần. Càng lớn tuổi, bà đằm hẳn. Ngày đầu có kinh bà như người kiệt lực, nhấc ngón tay cài nút áo cũng thấy mệt mỏi, lười biếng. Chải tóc cũng nghĩ hành động không cần thiết.

tháng tới tôi 40 tuổi

Lần đầu tiên có kinh ở tuổi 13, dù chẳng nghĩ mình phạm trọng tội đến độ phải tự sát để đền tội như trong truyện ngắn nó đọc, nhưng con bé cũng lo âu kinh hãi ở những ngày mới lớn. Mẹ mất sớm, ở với người bố tâm thần thể xác thường trực bất ổn. Ông có quá nhiều đam mê và buông trôi theo chúng. Đứa con gái lắm lúc là cái gai găm trong mắt hay hạt sạn kẹt giữa kẻ chân ông. Con bé phải tự xoay sở những bất thường, bất trắc khi trí khôn còn là mầm. Tập uốn mình theo thời tiết, lạnh bận áo ấm, hè bận áo ngắn tay, mưa khoác áo tơi, và sớm nhận thức rằng không thể nào ngăn chặn được cơn mưa, từ trời.

tháng tới tôi 40 tuổi

(trích truyện dài "ÂM VỌNG" sắp xuất bản)
LÊ THỊ THẤM VÂN





PHẠM CHI LAN
Phỏng vấn

(Cuộc phỏng vấn diễn ra trong tưởng tượng, ở một khung cảnh giống như một nơi nào trên mặt đất, có thể là một thành phố mang dấu ấn của văn hóa, nơi hội tụ rất nhiều kẻ sĩ, trí thức và các nhà thơ. Không thấy bóng dáng các nhà phê bình, dường như họ đã phá sản, khánh kiệt chữ nghĩa, và đã dọn đi tới một hành tinh khác, mất tích.)

Căn phòng ẩm lạnh, người đàn ông ngồi ôm gối nhìn mưa rơi, lạnh hắt vào lòng, lạnh lan tỏa trong phòng. Những hạt nước mờ đọng nơi cửa kính và tiếng mưa gõ vào cánh cửa dồn dập, nghe như tiếng người gọi cửa. Người đàn ông mơ màng.

Có tiếng gọi cửa thật, cùng nhịp với tiếng mưa rơi. Đứng lên đi về phía cửa, người đàn ông vuốt lại cổ áo, ngang qua chiếc gương treo trên tường ngay lối cửa ra vào, nhìn vào gương, ông lẩn vội ánh mắt của người trong gương.

Đó là người của tòa báo, là thi sĩ, kiêm phóng viên đến gặp ông về buổi phỏng vấn. Dường như ông đã chờ đợi buổi hẹn này từ lâu lắm, từ ngày ông biết cầm phấn viết tên mình trên bảng đen. Gã là một thư sinh, ông nghĩ thầm, có chút thất vọng trong lòng. Ngày nay, những người trẻ cầm bút đa tài và đa sự, trẻ người nhưng không non dạ, ông thầm hy vọng. Hắn mỉm cười, nụ cười sáng loà với cặp kính trắng và trán cao, tóc dài kéo ra đằng sau, cột lại một chùm đuôi ngựa. Trông có nét nghệ sỹ, ngoài làm thơ làm báo làm tiền làm tình, hắn còn biết làm gì khác nữa, ông băn khoăn. Hắn lỉnh kỉnh với những vật dụng mang theo người, mang theo những giọt nước mưa ướt từ áo khoác ngoài, nhỏ ướt dưới sàn vài giọt lõng tõng.

- Xin lỗi nhà thơ, vì trời mưa nên tôi đến trễ, xin ông đừng phiền.

Ông khoát tay, mở rộng cánh cửa.

- Anh vào nhà, tôi cũng rảnh không bận chuyện gì.

Hắn loay hoay trong ghế sắp xếp những vật dụng mang theo, tìm chỗ cắm điện máy thu thanh, lui cui nhặt cây bút đánh rơi dưới sàn, bấm nút tắt mở thử nút ghi âm máy cassette. Ông rót cho hắn và cho mình một ly cognac vàng sóng sánh, hắn cầm nhấp một ngụm rồi đặt lại trên bàn. Chuẩn bị những vật dụng đồ nghề xong, hắn sẵn sàng. Còn nhà thơ, ông nốc những ngụm rượu, như để tỉnh táo hoặc đánh tan cái lạnh từ bên trong.

- Thưa nhà thơ, ahèm...chúng ta bắt đầu được chưa. Xin ông cho biết đôi chút về tiểu sử của ông trước. Một hai ba, testing ...testing...

Hắn gõ gõ ngón tay vào máy ghi âm để trên bàn. Nhà thơ lim dim, như đang hồi tưởng, nhớ đến một nhân vật nào.

- Tôi là nhà thơ, tôi sinh ra và lớn lên ở một nơi khác. Tôi nổi tiếng đã lâu, tôi in tập thơ đầu tay khi cha mẹ cậu vẫn còn nhảy lò cò trong sân. Tôi biết yêu năm mười bảy tuổi, biết làm thơ khi chưa vỡ tiếng, biết làm...

Hắn bấm nút thu thanh, tiếng rò rò của máy bắt đầu chạy.

- Vâng, nào chúng ta bắt đầu vào chuyện. Người ta đang nói về ông rất nhiều, thơ và sách ông đã được Hàn Lâm Viện để ý, các nhà xuất bản lớn đang ngấp nghé vì ông được đề cử vào hàng ngũ những người được đề cử đoạt giải văn chương, có thể ông được giải năm nay nào ai biết được. Xin nhà thơ hãy nói về những tác phẩm nổi tiếng của ông.

- Anh nói cho rõ. Tác phẩm hay không phải là những bản bán chạy và dựng thành phim đâu nhé. Ngay chính tôi cũng ruồng bỏ chúng...

- Thưa vâng, xin đồng ý. Nhà thơ là tác giả nên ông có thể nói gì

cũng được, cho thêm thi vị... Những cuốn best seller kia, tên ông bao giờ cũng được in to và đậm hơn cái tựa. Ông là người nói được nhiều ngoại ngữ ngoài tiếng mẹ đẻ, vậy khi nằm mơ, ông nói thứ ngôn ngữ nào ?

- Anh khá lắm, anh biết bắt đầu từ giấc mơ trở ra. Khi mơ tôi chỉ thấy có hai mầu đen trắng, cảm giác nóng và lạnh, nói thuần một thứ tiếng Việt chẳng ra người miền nào, và không hề có thơ hiện diện trong giấc mơ. Vô thức không cần biết những điều viễn vông, dối trá ảo tưởng kia, trong mơ tôi sống rất thật, và tôi không hề biết sợ là gì. Thực tại là thơ, đời sống là thơ. Hiện thực bây giờ là thơ.

- Như vậy thơ không đến từ những giấc mơ ?

- Thơ đến từ những giấc mơ dối trá, và phần nào đã bị bóp méo. Thơ chưa thể nói hết được sự thật, anh hiểu không? Và thơ chỉ có thể ghi lại được những mảnh vụn vỡ đổ nát của một giấc mơ. Những dị thể đó gọi là thơ chứ sao! Nếu tôi có thể nhớ và nói hết mọi điều của giấc mơ, mọi điều có thật của giấc mơ, thì tôi đã trở thành một nhà tiên tri, hay ít ra cũng là một vị thánh. Những vị thánh đặt tay lên ngọn lửa mà không thấy bỏng rát hay đau đớn, không sợ hãi. Thánh cũng không thể chia sẻ cảm xúc rõ rệt của một giấc mơ. Bởi vì tôi không cảm thấy sợ sệt trong mơ, nhưng tôi cảm thấy sợ khi cầm bút viết lại giấc mơ. Bài thơ mà anh đã đọc, đó chỉ là những ám ảnh hỗn loạn của một đam mê không thành hình. Tôi mất hết cảm giác sau một bài thơ. Mà này, anh đã từng mơ chứ ?

Hắn mơ màng, tay mân mê cái bút:

- Có, tôi có mơ đến những cái hổng không trên mặt đất khi đang thức tỉnh đứng trên mặt đất, về những điều ít người nghĩ đến trong đời sống thường ngày...

- Những cái trong đời sống hằng ngày thì có gì đáng nói, chỉ là những điều tạp nhạp và tủn mủn. Những cái trong đời sống gồm có sự sợ hãi và lòng khinh khi, những cái ấy không xảy ra trong mơ, và dĩ nhiên không đáng có trong thơ. Nào ta hãy nói về nguyên tố của một bài thơ. Thơ bắt nguồn từ sự tự do — không phải anh đang khó chịu muốn đi tắm hơi hay muốn đấm bóp, hay muốn vào nhà vệ sinh mà người ta có thể bắt anh làm thơ lúc đó được. Không ai khác có thể nhét vào đầu anh hình ảnh một giấc mơ, một cảm xúc mà anh không xúc cảm gì hết rồi bắt anh viết ra thơ, hoặc đưa anh cái búa rồi đánh lừa bảo là cái bút, hoặc đưa anh cái bút bảo đó là khẩu súng. Đó là nguyên cớ. Còn về động lực, thì anh biết rồi đó, đó là một cách thức sống sau giấc ngủ đầy mộng mị, anh cần phải can đảm sống lại từng giây phút trong mơ. Một sự cố gắng khổ sở và đầy sự bất lực, tuyệt vọng. "Nó" có thật

hay không, tôi không thể kiểm chứng được vì bộ nhớ không làm công việc kiểm thảo, tri thức không có tư cách làm việc này. Chỉ biết hành sử một mệnh lệnh, sau đó bộ nhớ làm công việc ghi lại và cất giữ. Hệt như bộ nhớ chiếc máy điện toán, nó ghi lại và nó cũng hay quên, cho đến khi người ta gọi nó ra. Mà người ta thì rất lưu manh, anh biết không...

Nhà thơ ngừng lại để thở, rồi ông cầm chai rượu rót đầy ly mình, ực một ngụm, nuốt như nuốt chén đắng, sảng khoái và đăm chiêu. Tiếng mưa ở ngoài lúc này nghe rõ hơn, lộp độp như gót giầy ai đang nện trên mặt đường. Phóng viên nghiêng đầu loay hoay với cuốn sổ tay trên đùi. Không phải hắn đang ghi vội những lời nhà thơ nói, hắn đang cặm cụi vẽ hình những con rắn loằng ngoằng chồng lên nhau và một miệng cười hai mép ngoác lên. Cả hai người đàn ông vừa nhận ra căn phòng thiếu ánh sáng, thứ ánh sáng không soi rõ được những trang sách đang mở toang bừa bộn trên bàn làm việc của nhà thơ. Thứ ánh sáng không soi rõ sự thật nào đó mà nhà thơ đang nói đến.

- Sự thật là nó vẫn ở trong ta, anh ạ. Cái khó là làm sao lấy được sự thật ấy ra. Khi bắt đầu cầm bút viết, tôi ao ước mình không phải đang sống giờ phút đó, mà đang phiêu diêu ở một vùng nào đó, bí ẩn. Như cảm giác của người lên đồng, vừa muốn chối bỏ mình vừa muốn là chính mình, để khi con ma nhập vào rồi, thì viết như thể đang thi hành một mệnh lệnh.

Mệnh lệnh. Hắn ước gì ra lệnh cho nhà thơ kia ngủ khò, rồi hắn sẽ rón rén ra khỏi căn phòng âm u đầy âm khí của những cuốn sách đã chết lâu đời.

- Nhà thơ đúng là có duyên nghiệp lớn... Xin hỏi, tại sao nhà thơ lại chọn cho mình một cách diễn tả một bài thơ... Ý tôi muốn nói là tại sao có lúc ông làm thơ vần điệu, có lúc tự do, có lúc đối thoại, có lúc độc thoại ?

- Một câu hỏi thừa, nhưng tôi xin trả lời: một bài thơ tự nó là một thân phận, không thể viết khác được. Anh có chọn được con anh không? Chỉ khi đứa con lọt ra khỏi lòng người mẹ, người ta mới nhận dạng ra nó, biết nó đẹp xấu thế nào, là trai hay gái. Người đọc và nhất là các nhà phân tích phê bình xin đừng hỏi tại sao, mà xin hãy cầm nó lên mà nghe rõ đây: "Đọc đi đã, đồ ngu!" Nếu vẫn chưa hiểu năm điều vấn nạn: Tại sao? Cái gì thế này? Ở đâu ra? Tự bao giờ? Và làm thế nào? (why what where when how), thì xin hãy cầm nó lên và tiếp tục đọc nữa. Nếu cả năm điều kia vẫn chưa trả lời nổi một điều nào, thì tôi đề nghị hãy quăng nó vào lửa, ít nhất nó cũng loé sáng được vài giây làm ấm một khoảng trống và thắp sáng sáng được một chút bóng tối...

- Còn trường hợp có thể trả lời được ít nhất một điều, thì "nó" có thân phận hay không?

- Thì nó xứng đáng được sống ít nhất cũng một tích tắc. Thì anh sẽ không ném nó vào lửa vội.

Nhắc đến lửa, nhà thơ đứng lên đi lấy ống pipe và hộp quẹt. Ông nhận thuốc vào tẩu, đập đập nén thuốc cho chặt, mồi lửa, phì phò một hơi dài, nhắm mắt suy nghĩ điều gì. Hắn sực nhớ đến gói Marlboro Light trong túi, vì lịch sự không dám mồi lúc nãy. Hai người đàn ông thả khói ngập căn phòng. Tiếng rò rò của máy ghi âm, quay đều những vòng dây nhựa băng casette.

- Làm sao biết một tác phẩm nghệ thuật? Nghệ thuật là gì?

Ông hát, giọng ồm và đục:

Nghệ thuật là gì?
Là đui là điếc là câm.
Nghệ thuật là gì?
...thì cứ hỏi ngay cuộc đời...(*)

Cuộc phỏng vấn bước qua giai đoạn formal, khi băng ghi âm thu được 30 phút một mặt, máy ngưng. Đề tài dậm chân ở *sự thật*, những giấc mơ trong và ngoài đời sống. Hắn bạo gan hơn ở phút thứ 45, hắn say khói cigar Havana hạng nặng nhà thơ mời, hắn lan man về những khát vọng của mình lúc nào không hay. Khi say, người ta hay nói về khát vọng mà lúc thường xấu hổ không dám nói. Lúc này, nhà thơ lặng im nghe hắn nói.

Cuộc phỏng vấn đến giai đoạn casual ở giờ thứ bốn, hắn uống hết nửa chai cognac Remy XO, nhà thơ vớ được hắn tưởng bạn nhậu lâu đời, cao hứng rót đầy ly vơi, hắn bò lê bò càng nằm trên sofa, đọc những bản thảo vàng khè nhà thơ lôi ra từ một ngăn tủ khóa kỹ.

Những đối thoại lúc sau cũng làng nhàng (không đáng ghi lại ở đây), và máy ghi âm cũng đã hết băng. Nhà thơ ngồi độc thoại (vì không biết máy ghi âm hết băng), mơ màng nói với một kẻ thứ ba khuất mặt:

- Em, anh đã sống trọn cuộc đời này cho nghệ thuật, không ai nhìn thấy rõ tài năng thật của anh. Họ xưng tụng những sáng tác lem nhem kia, và họ cho là kiệt tác. Hà hà! Bọn ngu thật! Trình độ của họ chỉ có thế, em hãy tha tội cho họ. Tài năng thật của anh, chỉ em biết rõ. Chỉ anh mới biết yêu em thật. Anh đã cướp em từ P.E., từ Dalí, từ Phạm, từ Trịnh. Anh sẽ không nói hay viết ra điều bí ẩn của chúng ta. Anh sẽ giữ nó một mình, cho đến ngày chúng mình gặp nhau. Những cái mà

người ta gọi là tình yêu, xạo ke, sai bét. Anh sẽ không nói với ai. Tình yêu không có trong tự điển của anh. Sách anh không có một chữ yêu nào, em biết không? Ha ha, người ta cứ kháo nhau nghệ thuật là gì, mà không bao giờ hỏi tình yêu là gì.

Trên cánh đồng hoa vàng chiều hôm ấy, em đã khóa kín tình yêu của anh lại. Đam mê của anh, nỗi đam mê khát vọng làm sao có thể bộc lộ được mình, anh đã thất bại, anh vẫn không làm sao bày tỏ được điều mình muốn nói, không phải với mọi người, mà bày tỏ điều quan trọng đó với em. Chúng mình chưa mất cơ hội, phải không em?

Nhà thơ vẫn độc thoại với một người thứ ba. Những câu nói lam nham, lè nhè, câu được câu mất, có gì vương vướng trong cổ, trong giọng nói ông. Ông vẫn độc thoại với người thứ ba, cho đến lúc hắn bật tỉnh dậy trong cơn say còn ngây ngất. Hắn dáo dác, nhìn quanh căn phòng tối âm u có mùi âm khí của những cuốn sách đã chết. Hắn thấy nhà thơ ngồi ngủ gục trong ghế bành, tay còn cầm điếu thuốc cháy dở, mặt ngoẹo một bên và nụ cười thoang thoảng.

Hắn vơ vội đồ nghề lỉnh kỉnh, mặc áo khoác vội, khẽ khàng ra khỏi nhà khép nhẹ cánh cửa.

Ra đến ngoài đường, kính xe hắn bị gài một giấy phạt đậu quá giờ. Hắn chộp mảnh giấy màu vàng, chửi thề. Một vật trong túi áo rớt đánh bộp xuống đường. Oh shit! Hắn chửi. Máy cassette ghi âm rơi tõng xuống vũng nước đọng sau cơn mưa, bùn văng đầy áo. Nhặt lên, loay hoay mở máy lấy băng ra, cuộn băng bị rối mắc kẹt. Cáu kỉnh, hắn lôi mạnh cái tape, giây băng rối kéo theo lằng nhằng, hàng chồ. Hắn bứt mạnh, rút tuồn tuột đám giây băng nhựa, mấy chục thước băng rối làm hắn tức điên lên. Hắn ném mạnh cuộn băng vào lỗ cống. Một ngày vô tích sự và xui xẻo.

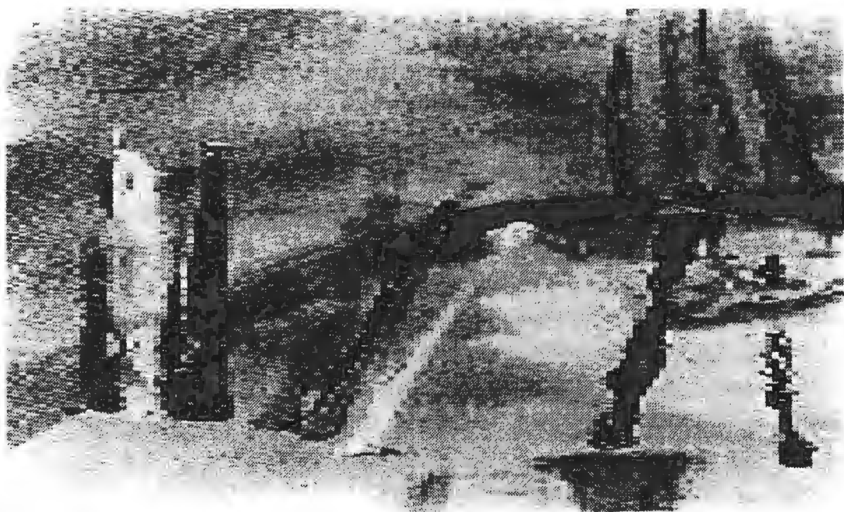
Hôm sau, khi đã tỉnh hẳn cơn say, ngồi nhấp cafê ở Starbucks, hắn đọc lướt một cái tít nhỏ trang trong tờ báo địa phương. Một căn apartment phát cháy lúc 11:45g tối. Một người đàn ông không rõ danh tánh chết trong đám cháy, những cuốn sách làm mồi cho lửa.

Oh shit! Hắn chửi.

Rồi hắn cười một mình. Sự thật chết cháy ra tro, những tác phẩm sự thật giấc mơ dối trá đã loé sáng hơn một tích tắc trong đêm, làm ấm một khoảng trống vắng, và thắp sáng được một bóng tối.

PHẠM CHI LAN
(1999-2001)

(*) Quán bên đường. Nhạc Phạm Duy phổ thơ Trang Thế Hy





VŨ TIẾN THỦY
Những chuyện ngăn ngắn

CÁI LƯNG NGỰA

Có một anh chàng bị ngứa lưng đang khi làm việc.Anh không thể đưa tay gãi, hay cọ lưng vào đâu được. Mới đầu cái ngưá mấp mé lan man hai bên lườn.

Từ từ ngứa dữ, ngứa ran lên vào tới giữa lưng. Anh cũng gan lì,thách đố với cái ngứa.Mặt anh tức đỏ như say rượu.

- Để xem cái ngưá xoay vần đến đâu.

Anh lẩm bẩm như vậy.Có lúc ngứa quá làm anh ngẩn ra.Trong đầu anh thoáng hiện những cái lưng trâu, lưng bò, lưng ngựa mà anh từng nhìn thấy.

Có cả ruồi và kiến bò loăng quăng...Thế mà chúng nó chẳng ngứa ngáy gì cả ???

- Ừ...hay chúng cũng thấy ngứa, nhưng cứ mặc kệ ? Ừ..được như cái lưng ngựa thì khoẻ biết mấy!

Anh lại lẩm bẩm và cố làm việc; mặc kệ cái ngứa. Cuối cùng cơn

bão ngứa cũng qua đi.Tan sở , anh khoan khoái đi về, quên mất cái ngứa.

Nhưng cái ngứa nó không quên anh.Nó đến thình lình ngay lúc anh vừa tắm xong. Dữ dội và ồ ạt. Nó làm anh gãi quýnh lên. Tay anh không đủ dài để gãi vào giữa lưng. Anh phải mài lưng vào bờ tường. Nhưng tường nhà anh sơn nhiều lần, đã nhẵn. Anh quơ lấy thanh gỗ làm cái gãi. Anh lẩm bẩm :

- Cuối tuần này phải nhớ mua cây gãi lưng bằng tre mới được. Chợt anh nghe tiếng gỗ chạm vào lưng có vẻ bất thường. Âm thanh vang to lên dần dần... sôôộtt sôôộtt sôôộ.tt!!! Lưng anh hình như đang từ từ se cứng. Anh không cảm thấy ngứa tàn bạo như trước. Thay vào đấy là cảm giác nằng nặng....căng căng...Anh có cảm tưởng cái lưng không còn là của anh nữa.

Anh đang định lấy tay sờ thì sửng sốt thấy màu nâu đen của cái lưng ngựa trong tấm gương ngay sau lưng anh

CON MẮT RÁCH

Một người đàn bà khai với bác sĩ mắt :

- Cả tuần nay con mắt trái của tôi rất khó chịu.

Bác sĩ khám, đo, soi, rọi, rồi bảo :

- Mắt bà vẫn bình thường. Có lẽ bà chỉ cần nghỉ ngơi. Tôi sẽ cho bà một loại thuốc rửa và giữ mắt sạch sẽ.

- Nhưng... con mắt trái của tôi bây giờ lúc nào cũng nhìn thấy có một cái màng nhỏ ...

- Đó là màng nhện. Những người trên 40 tuổi, nhìn thấy màng nhện là bình thường. Bà đừng lo gì cả .

Người đàn bà ra về với nỗi bồn chồn. Bà đã không diễn tả và khai hết với bác sĩ. Con mắt trái của bà lâu nay rất bướng bỉnh. Bà muốn xem tin tức trên màn ảnh truyền hình,hay đọc sách, thì nó cứ bám lấy các đồ ăn thức uống. Đặc biệt là đường, kẹo, mỡ... nó dán chặt. Bà không thể dứt nó ra được. Trong bóng mắt, trong cái màng nhện còn có những chuyển động li ti mà bà chưa biết chắc là cái gì? Tóm lại, con mắt trái nó đang điều khiển bà, chứ bà không tài nào điều khiển được nó.

Bà quyết định bịt kín con mắt trái đó lại xem sao. Với chỉ con mắt phải, bà vẫn làm việc, đọc sách không khó khăn lắm. Giải pháp này có vẻ hữu hiệu. Bà thấy yên ổn được hai ngày. Đến ngày thứ ba thì con mắt trái bắt đầu phản công.

Bà đang đọc sách bằng con mắt phải thì nghe con mắt trái nong nóng, nằng nặng. Bà rời quyển sách, liếc nhìn bọn đồ ăn. Con mắt trái lập tức êm ru. Bà bật máy truyền hình xem tin tức. Con mắt trái bắt đầu nhức nhối khó chịu. Bà nằm vật ra. Nhắm cả con mắt phải. Được một lúc, bà sắp chìm vào giấc ngủ . Nhưng con mắt trái không chịu. Nó gõ bồm bộp vào vách mắt, đòi được mở ra. Bà giả vờ như không nghe. Nó càng gõ dữ dội. Rồi vách mắt rách toang. Trong màu máu đỏ hoang mang, có những con kiến càng màu rêu xanh hớn hở bò ra. Nghênh ngang như những chiếc xe tăng nghiến nát mặt cỏ . Người đàn bà vùng dậy. Con mắt trái của bà đã rách thật. Trứng kiến còn đọng ở chân mi.

CÁI TAI BIẾT NÓI

Có một chàng thanh niên bỗng mắc chứng bệnh lạ . Cứ khoảng chín mười giờ tối, cái tai phải đóng ù lại. Nghe lùng bùng hoặc không nghe gì cả . Còn tai trái bắt đầu nói. Nó nói tùm lum, dai dẳng. Anh thấy nó nói, anh nghiêng đầu nghiêng cổ , cố hiểu lời cuả nó. Nhưng thật bực, anh chẳng biết nó nói cái gì. Anh đành làm việc vặt, hoặc đọc sách.Tức thì cái tai trái gào lên như thủy triều,lồng lộn và thúc bách. Nó làm anh hoang mang, sợ hãi. Anh ôm đầu lăn lộn cho đến khi trời sáng, hai cái tai mới trở lại bình thường.

Cả tuần lễ như thế, người anh rộc đi. Anh tìm cách đối phó. Trước chín giờ tối, anh rời nhà, đi lẫn vào đám đông ngòai phố. Anh lang thang hết đường này sang phố nọ . Phấn khởi vì thoát khỏi hai cái tai, anh đi không biết mệt. Đến ba giờ sáng anh tà tà trở về nhà. Nhưng vừa mở cửa bước vào, lập tức tai phải ù đặc. Tai trái quạu cọ rên rỉ nói. Rõ ràng nó bực tức vì không được mở miệng. Anh hoảng hốt ôm đầu chạy bay ra đường. Khốn khổ cho anh, bên ngoài vắng tanh vắng ngắt. Tai trái cướp được tình thế, nó hùng hổ nói liên tu bất tận....và làm anh...bất tỉnh giữa đường.

Người ta đưa anh vào nhà thương cấp cứu... Trời sáng, anh lại bình thường. Ai cũng cho là anh say rượu hay thuốc. Anh lặng lẽ về nhà

ngủ vùi.

Những ngày kế tiếp, anh la cà ngoài đường phố cho đến khi mặt trời mọc mới về. Giải pháp này cũng tạm ổn. Anh thoát khỏi hai cái tai, nhưng toàn bộ cơ thể anh bắt đầu suy nhược. Anh phải tìm cách khác.

Lần này anh quyết ăn thua đủ . Trước hết anh cạo trọc để có thể nhìn rõ hai cái tai. Chưa tới chín giờ tối, anh không ra đường nữa mà vào phòng tắm. Anh trừng trừng nhìn anh trong gương. Trên cái đầu trọc, mọc hai cái tai coi thật kỳ cục. Chúng như loài nấm lạ , xấu xí, mà lại vênh váo ta đây. Anh thấy ghét quá, nhưng cố theo dõi xem chúng sẽ làm gì? Kìa, cái tai phải từ từ co lại, co lại...trong khi tai trái đang vểnh lên...Anh thấy rõ điệu bộ của nó, khinh khỉnh...Anh giận điên. Nó chưa kịp mở giọng, anh đã lia lưỡi dao cạo, cắt đứt phăng toàn thân thể của nó.

Cái tai trái chưa kịp nói, rơi xuống bồn rửa mặt tung toé máu. Đầu tai còn vểnh lên.

MẾU MIỆNG

Anh ta làm nghề bán cá trong siêu thị á đông. Khách hàng lựa cá chết, anh chỉ việc cân, mổ , rửa sạch và cắt khúc. Cá sống đang bơi lội trong hồ, anh phải lấy vợt bắt, đập chết rồi mới cân. Cái chày trong tay anh rất chính xác. Chỉ nện một nhát ngay đầu là con cá đang vùng vẫy dưới sàn chết đứ đừ. Trong lúc giết cá, miệng anh mím, mắt mở to, chung quanh có tiếng hô : chết này! Những con cá chết không kịp ngáp lần cuối, anh thích chí lắm. Miệng cá lúc nào cũng mếu. Anh bảo kiếp làm cá, sống cũng khóc, chết cũng khóc, thật là vô vị .

Hôm ấy có một bà khách mua tám con cá bông lau loại lớn nhất. Anh hớn hở cầm vợt. Cá lớn cá nhỏ bơi rần rần. Mắt anh chọn lựa, tay anh quơ quơ. Đây thật là con cá lớn làm anh kinh ngạc. Người nó nung núc. Anh giơ cái vợt lên không nổi. Nước tung toé, cá vẫy vùng. Anh đưa mắt hỏi. Bà khách chớp mắt hài lòng. Miệng bà ta và miệng anh đều tủm tỉm.

Nhưng anh không cười lâu, bởi vì con cá khoẻ quá, nó thoát khỏi tay anh, chạy trốn. Anh đuổi, anh đập, đến ba lần mà cá còn vùng vẫy hung hăng. Lần thứ tư, anh nện nát cái miệng nó. Nhưng anh gần bị ngã, và trẹo mắt cá chân. Anh khấp khểnh lôi con cá lên cân. Đuôi nó vẫn còn dẫy đành đạch. Máu từ miệng cá ứa đỏ bàn tay anh.

Tối về anh uống rượu lầm lì, khác hẳn mọi khi. Rồi anh thấy váng vất khó chịu. Anh cất bước loạng choạng vào phòng để ngủ sớm. Kìa, ngay trên giường anh, một người đàn bà to béo đang nằm cười hềnh hệch. Miệng cười như mếu. Cái cần cổ trắng hếu, nung núc mỡ. Bà ta trần truồng, da ngăm ngăm. Anh cố nghĩ xem đấy là ai. Vừa nghĩ vừa đến gần. Anh chưa kịp hỏi thì bị một cái tát nẩy đom đóm mắt. Anh ngã dúi vào góc giường. Người đàn bà túm gáy anh, bẻ quặt mặt anh lại :

- Nhìn kỹ đây nè.

Anh tỉnh lại. Hoá ra người đàn bà là con cá bông lau. Anh quơ tay tìm cái chày. Bà ta cười khẩy :

- Ở đây làm gì có chày?

Anh lại tỉnh lại. Bỗng thấy đau nhói hai bên sườn. Anh rên rỉ đưa tay nắn bóp. Nhưng sườn anh đang mọc vẩy. Cứng và tanh mùi cá. Nó như có gân, kéo miệng anh mếu sệch.

Từ đó, anh cười hay khóc, hay không, cũng mếu miệng.

VŨ TIẾN THỦY



NGUYỄN TÔN NHAN
Âm dương ban sơ

Nhịp ba Âm và Dương nhảy
Úm Ma Ni tiểu tu di
Bát Mê Hum vội gấp gẩy
Lê cao rồi cũng lộn về

Cửa tử cửa sinh cùng mở
Ba nghìn thế giới ban sơ
Hổn độn cõi mơ sắc mớ
Sắc không không sắc mập mờ

Đâu có cái gì là thật
Chẳng có cái chi là hư
Đúng thì dĩ nhiên sẽ gật
Sai cũng đương nhiên vẫn ừ

Đúng sai nằm ngang mờ mịt
Lù mù là Phật là Ma
Nhiều nhiều mộng lưa ít ít
Chim bay thấp thấp thành gà

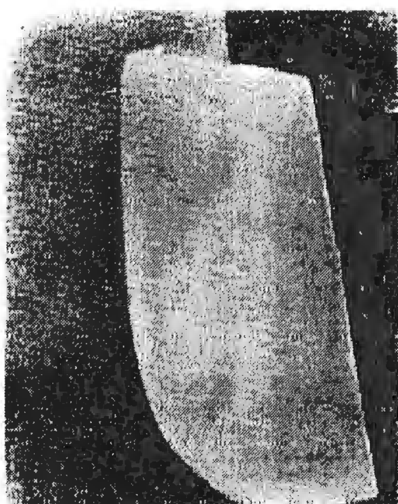
Chiều bay thấp thấp ráng mọc
Tối hù sương móc sáng bưng
Dở dang nửa cười nửa khóc
Thiết tha thèm quá dửng dưng

Lạnh tanh bốn trời Tây Tạng
Đi đi một bước rồi dừng
Lửa trời thắp lên nháng nháng
Hay là mật ngữ tưng tưng

Om om tiếng kinh động động
Phi phi tưởng xứ tang hoang
Tham sân tuyệt không một mống
Thầy ôi, ảo cảnh xuống hàng

Nhịp ba Âm và Dương nháy
Úm Ma Ni độ qua bờ
Vắng tanh trước sau bến ấy
Hỗn nguyên cái cõi ban sơ

NGUYỄN TÔN NHAN
Ngu cốc 7/2001





LAM TRÙNG DƯƠNG.
Gươm lạc giữa rừng hoa.

Một cái ao cổ
Con ếch nhảy vào
Âm thanh của nước.
Matsuo Basho.

Giữa lòng Thái Bình Dương xanh biếc, có một đảo quốc gọi là xứ Phù Tang. Nơi tinh thần võ sĩ đạo được truyền tụng đời đời như một báu vật của nghìn năm văn hiến. Và trong muôn vàn truyền tụng đó, có câu chuyện về chàng hiệp sĩ thành Edo.

*

Như mọi hôm, thiền sư Motoki dậy sớm và ra vườn thiền hành. Ông đi nghiêm trang, bình thản qua những lùm cây. Sương mù phủ khắp lối, bồng bềnh ôm quanh cỏ mềm làm đẫm ướt đôi giầy dưới chân. Hương rượu *saké* đang hâm nóng len nhè nhẹ từ khe giấy rách

trên cửa sổ ngôi đền, tỏa ra các phía, thoang thoảng mà dịu ngọt dai dẳng. Trong khoảng không tĩnh mịch lạ thường của buổi sớm, vị thiền sư nghe có tiếng khua động. Tâm hồn ông bình lặng mà lòng lại nao nao khó tả. Sự xốn xang càng lúc càng tăng trên mỗi bước đi. Ông dừng lại, trầm tư nhìn quanh. Vẫn không thấy gì ngoài sương mỏng bay là là trên đất.

Thiền sư Motoki ngồi xuống, tĩnh tọa. Mặt trời đã bắt đầu rót những tia nắng ấm áp đầu tiên lên ngọn *sakura*. Ông thở nhẹ cho nắng theo vào lồng ngực. Thiền sư Motoki chậm rãi đưa mắt khắp vườn, đặt những tia nhìn yêu mến lên từng ngọn cỏ, chồi non. Và rồi ông thấy cạnh giếng nước hình lục giác đôi bàn tay bé nhỏ, đang giơ lên, hươ hươ vẫy gọi. Thiền sư dụi dụi mắt. Ông ngỡ là ảo ảnh của sương sớm. Không phải, rõ ràng đôi tay mũm mĩm, trắng hồng kia đang mở ra nắm lại liên tục như cố vốc từng vốc hơi nước mờ ảo. Thiền sư Motoki đứng dậy. Lại gần. Ngay trên thềm giếng, trong chiếc *kimono* phụ nữ quấn xếp vụng về là một cậu bé trai đang quẫy đạp. Ông chìa đôi tay sần sùi vì cuốc đất ra, nắm lấy tay đứa trẻ. Đứa bé nhìn ông, mỉm cười. Nụ cười quét sạch mọi âm u, băng giá còn đọng lại quanh vườn. Ông bồng bé lên. Có con *suzumé* vừa bay qua.

Từ đó, cậu bé ở với thiền sư Motoki. Ông đặt tên cho nó là Shuwa, nghĩa là "nói với bàn tay". Shuwa lớn lên trong tình thương yêu thầm thầm lặng lặng của người thầy- người cha Motoki.

Thấm thoát, chàng đã trở thành một thiếu niên cường tráng, khôi ngô. Thiền sư Motoki cũng đã già. Ông không còn ra vườn mỗi sớm nữa. Shuwa thường đốt lửa trên sàn mỗi khi đông về để sưởi ấm cho thầy. Mọi việc lớn nhỏ, nặng nhọc trong đền chàng đều chu tất.

Một hôm, thầy Motoki gọi Shuwa vào bảo:

_ Này con, đã đến lúc ta phải chia tay. Con hãy bảo trọng. Và ngẫm lời ta:

"Vạn vật khởi
từ tâm
Tâm biến
ảo khôn lường
Dẫu là bụi trầm vương
Nhớ.
Chỉ là hạt bụi."

Nói xong, sư nhập thiền viên tịch.

Nhớ lời thầy lúc còn sống, thường nói: "Ta muốn tắm mát thân này.", Shuwa đem hỏa táng thi thể thầy, lấy tro rải xuống giếng sau vườn.

Trong đền giờ vắng ngắt. Đêm, Shuwa không còn nghe tiếng thầy trở mình dậy thắp hương; không còn nghe chuông trầm ngân vang quanh giọng thầy rất ấm trong mỗi buổi lễ chiều. Vậy mà đâu đâu chàng cũng thấy bóng dáng thầy.

Shuwa buồn. Chàng đóng cửa đền. Một mình một gậy, hướng về phía Edo mà đi. Kinh đô trong trí chàng là một thành phố hoa lệ, lộng lẫy khác thường. Không giống những gì chàng đã từng trải qua với thầy Motoki. Càng tiến gần về Edo, Shuwa càng thấy nhiều người qua lại. Họ đi lại tất bật, vội vã hồ như không để ý gì đến chung quanh.

Ở cửa ngõ kinh thành, Shuwa gặp một người kỵ sĩ, đội nón mây rộng vành, đi ngược chiều với chàng, sau lưng đeo một bọc vải to, dài dài trồi chéo qua khỏi vai. Người khách lạ vừa thủng thẳng thúc vào hông ngựa, vừa nghêu ngao:

" Hát lên người cô lữ
Cho đường bớt quạnh hiu
Cứ mặc kệ gió chiều
Thổi tiêu sầu vọng lại
Dặm đường còn xa mãi
Hãy thêm một dấu hài
Cứ mặc kệ ngày mai
Xóa trôi ngàn vết tích."

Bóng người lữ khách đã khuất mà tiếng hát và dáng dấp khoan thai vẫn còn để lại trong lòng Shuwa một ấn tượng mạnh mẽ. Cái vẻ tiêu dao quen thuộc này, dường như, chàng đã gặp đâu đó. Chàng lầm lũi bước tiếp. Edo tầm thường hơn Shuwa tưởng. Có điều khác là ở đây thật vui nhộn. Chàng dạo khắp châu thành, xem người ta làm đủ các trò lạ lẫm mà chàng chưa từng thấy qua bao giờ. Người đi đường chốc chốc lại cuối gập xuống. Thỉnh thoảng, một đám kỵ binh vẹt đám đông rạt ra hai bên, lao vút về đâu gấp gáp. Chàng chen vào giữa vòng người đang vây kín một nhóm kỳ khôi. Họ nhảy múa quay cuồng và đám đông kia tán thưởng. Một người trong bọn nhìn chàng từ đầu đến chân rồi gọi ra giữa vòng tròn. Hắn cầm một cây gì như cây sắt bè bè, sáng loáng, múa quanh người chàng. Đám đông cười rộ lên. Bất giác, chàng cũng múa theo, nhịp nhàng và uyển chuyển không kém. Đám đông nhìn sững. Người ban nãy bất ngờ chuyển thế tấn công chàng.

Shuwa lẹ làng rút cây gậy bên mình đánh trả. Chớp nhoáng, chàng đã đánh ngã người kia. Mọi người vỗ tay rào rào. Shuwa bước tới đỡ dậy. Anh ta tự giới thiệu mình là Hiroshi, một trong những danh kiếm thành Edo nhưng không muốn trở thành *samurai* cho các lãnh chúa. Suốt ngày chỉ thích dạo quanh thành chọc cười thiên hạ. Anh ta cũng xin lỗi về hành vi mạo phạm khi nãy:

_ Bạn tên là gì?

_ Shuwa.

_ Tên nghe hay quá. Bạn học kiếm thuật với vị thầy nào?

_ Cái gì?

_ Kiếm thuật.

_ Tôi không biết kiếm thuật là gì.

_ Là cái bạn múa nãy giờ.

_ Ồ... vậy hả?. Nhưng đây là cây gậy mà.

_ A ha, điều đó không thành vấn đề.

*

Shuwa theo Hiroshi khắp hang cùng ngõ hẻm của thành Edo. Chỗ nào có danh kiếm, chỗ đó có Shuwa. Dần dà, chàng đều đánh bại hết các danh thủ thành Edo. Không có ai là không biết đến tên chàng. Không có ai là không biết đến tài nghệ của chàng. Nhưng Shuwa thì chán, giống như một người chơi cờ không đối thủ. Ngán ngẩm sự tung hô, chàng giã từ Hiroshi, lên đường tìm thầy học. Chàng hiểu những gì chàng đang làm không phải là thứ "kiếm thuật" đích thực như Hiroshi nói.

Với cây *shinai*, chàng lang thang khắp đất nước. Chàng chỉ dừng lại nơi nào có người đánh bại mình. Và chàng sẽ rời nơi đó khi chinh phục được tay kiếm của họ. Càng về sau, càng khó tìm người chiến thắng mình nên Shuwa làm đủ mọi cách để được đấu kiếm. Có những vị thiền sư – kiếm sĩ kiêu hãnh thường bắt chàng phải tranh luận Phật pháp với họ. Nếu thắng, họ sẽ đấu với chàng. Và chàng lúc nào cũng thắng. Luôn trong mười năm, Shuwa thất vọng đến cùng cực khi không tìm được một ai hơn mình.

Một ngày nọ, trên con đường bụi mù của cuộc hành trình tìm kiếm đối thủ, Shuwa bỗng gặp lại người hiệp khách hôm nào. Cũng vừa đi vừa hát thảnh thơi:

" Ngại ngùng chi nữa hoa ơi
Mà không thơm cả đất trời ta đi

Khẽ vạn hương đẫm tình si
Ôm hoa gối ngủ muôn vì sao đêm."

Shuwa chợt nhớ thầy. Đã mười lăm mùa hoa anh đào trôi qua kể từ khi chàng rời đền *Hana-dera*. Shuwa vượt nghìn dặm về lại thăm đền. Bốn bề vắng lặng. Chàng đến bên miệng giếng, cúi xuống, gọi khẽ: "Thầy ơi..." Vườn cây xào xạc. Trong lòng giếng vọng vang tiếng chàng: "Thầy ơi...thầy ơi....". Mặt nước lung linh chao nhẹ. Shuwa ngồi bệt xuống, ôm thành giếng mát lạnh. Lòng buồn rười rượi. Chàng thẫn thờ ngắt phiến lá gần bên, kề lên miệng thổi. Âm thanh réo rắt, rơi vào miệng giếng, chạm đáy nước rồi vút lên ngọn cây, lan xa khắp núi rừng.

Thầy Motoki không hề dạy chàng kiếm thuật. Ông chỉ dạy chàng lặng ngắm cánh hạc bay ngang trong ráng chiếu đỏ ối. Ông dạy chàng im nghe tiếng rì rào lau sậy. Từ ông, Shuwa biết thế nào là những con rắn thẳng đứng mình lên, uống sương đêm; những con trăn cuộn mình ngủ gục trên cành sau một bữa no nê; biết thế nào là cảnh hùng vĩ của những ngày đông giá, tuyết lở trắng cả một sườn núi tím thẫm.

Thầy Motoki còn dạy Shuwa chuyện trò hay lắng nghe vạn vật. Ông thì thầm với gió, ông rủ rỉ với hoa. "Shuwa con, người ta có thể làm một bài thơ đẹp từ những con chữ nhỏ bé mà cũng có thể khảm nó thành những lời nguyền."

Vào những đêm trăng, ông cùng Shuwa múa điệu múa của muôn thú, lúc nhanh như sóc, lúc êm như báo, lúc lả lướt như rập rờn như đàn chim về tổ, lúc hùng dũng đĩnh đạc như chúa sơn lâm. Những điệu múa biến ảo như tâm hồn.

*

Shuwa lững thững thả những bước vô định. Tiếng khèn lá đã tắt tự bao giờ sao vẫn còn âm vang phía trước, giữa núi đồi trùng điệp, đang vẫy gọi chàng.

Mùa xuân đến từ những ụn tuyết tan, đang chảy ra thành dòng, men theo sườn đồi thoai thoải leo xuống. Shuwa thấy mình lạc vào giữa rừng hoa anh đào. Hàng vạn nụ hoa anh đào đang chúm chím mỉm cười. Gió thổi làm những cành anh đào khẳng khiu rung rinh, lay động. Shuwa hướng tầm mắt qua phía bên kia núi. Đỉnh núi bạc đầu, sừng sững, ngạo nghễ. Bất giác, chàng rùn người xuống, tay nắm chặt đốc kiếm, hét lên thật to:

_ Ki..ai…ai….ai…..ai……

Tiếng thét tung ra từ lồng ngực vạm vỡ của Shuwa, cuộn bay trong gió, quất vào vách núi. Dội vang thung lũng. Tiếng đáp trả là những âm thanh rền rĩ, đồng tâm, loang rộng, loang rộng.

Shuwa hét lần nữa:

_ Ki ..ai…ai….ai…..

Bỗng chàng thấy đất rùng mình dưới chân. Những nụ hoa anh đào bừng tỉnh, thức giấc. Phút chốc, nở bung ra, xòe những cánh hoa tươi thắm. Cả rừng chiều hồng lên, rồi đỏ rực trong nắng vàng sắp tắt.

Lần thứ ba, Shuwa hét;

_ Ki..ai…ai….

Hoa rụng lả tả. Gió nâng nhẹ từng cánh anh đào lên, cuốn đi. Không gian bạt ngàn hoa bay. Shuwa rút kiếm, chém dạt những bông hoa bay về phía chàng. Ánh kiếm phủ kín người chàng loang loáng. Nhưng những cánh anh đào vẫn lừng lững vờn quanh. Hoa chạm vào tay chàng, hôn lên má chàng. Hoa rớt vào tay áo; hoa len vô lồng ngực; hoa cài trên búi tóc chàng. Hoa bay.

Shuwa cứ đuối dần, đuối dần theo ánh tà đang xuống. Tay chàng vẫn múa liên hồi giữa ngàn hoa chao lượn. Chợt Shuwa khuỵu xuống. Chàng chống kiếm để tựa, gượng đứng lên, rồi lại khuỵu xuống. Thở dốc. Shuwa quỳ khép hai đầu gối sát vào nhau, từ từ ngồi lên bọng chân. Bóng chàng đổ nghiêng theo vệt nắng nhạt nhòa, gẫy khúc.

Bất động và uy nghiêm, Shuwa thản nhìn vầng mây tía bay ngang qua sau núi, dần khuất lấp mảnh lửa tròn hừng hực nơi cuối chân trời. Chàng rút cây chủy thủ bên hông. Ánh thép xanh ngời. Hai tay chàng duỗi thẳng, nắm chặt chuôi dao. Đâm phập vào bụng. Shuwa kéo lên. Shuwa kéo xuống. Máu trào lênh láng. Dòng máu nóng hổi thấm vào tuyết lạnh, làm chúng tan ra, hòa lẫn vào nhau, uốn quanh co qua những gốc cây. Có một cánh anh đào rơi xuống, đáp nhẹ trên suối máu, ngập ngừng, rồi lững lờ trôi theo dòng chảy.

Đôi mắt chàng mở to, lung linh, tựa ngắm những vì sao đang mọc phía trời xa.

LAM TRÙNG DƯƠNG
Orange, 28 tháng 06 năm 2000.
*(Trích **Những huyền thoại sống**)*

sakura: cây cherry.
suzumé: một loài chim nhỏ, phổ biến ở Nhật Bản.
shinai: kiếm trúc



TRẦN SA
Tội lỗi của nước

Một người không phải là một người,
Hay tôi thấy em là cây cối
Rất nhiều nhánh.
Tôi thấy rễ em ngoằn nghèo, trắng tươi, đâm sâu vào đất.
Tôi thấy sự liên hệ sống chết giữa em và mưa.
Tôi thấy em và mặt trời
Không thể nào xa cách.

Đôi khi tôi làm những cử chỉ giống hệt em mỗi đầu ngày,
Khi những ngón chân em vẫn thức dậyvà len lỏi loanh quanh tới lui trong trí.
Có khi em cứ bước đi như thế hoài,
Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối.
Và tôi cứ lắng tai nghe tiếng em thầm thì,
Những câu ngắn, đôi khi là tiếng cười trong vắt.
Tôi dõi theo bóng hình em, ẩn hiện, thấp thoáng, trong máu tôi,
Có khi theo lộ trình cuả hai giọt lệ.

Đôi khi em là những con người ngang qua trên đường,
Những cô gái ốm yếu và bí mật mà tôi chẳng bao giờ nhìn thẳng mặt.
Đôi khi em cất tiếng gọi tôi ngoài sân,

Từ cổ họng cuả một con chim sẻ.
Đôi khi tôi lặng lẽ biến mình thành nước trong,
Chờ đôi cánh em muà xuân bay về in bóng.

Một người đâu phải là một người,
Hay tôi thấy em là khu rừng,
Ở đó tôi thường bị lạc,
Ở đó tôi chạy nhảy, lang thang, hạnh phúc và đói khát,
Nở những đoá hoa dại hoang, mọc và rơi, xanh ngắt và phai tàn.
Ngây ngất và đau đớn thay, ở đó,
Tôi là một con ong, say tít bởi mật hoa, lảo đảo vì nhựa lá,
Chép sự sống ngắn ngủi và đam mê mình, li ti, lên một miếng vỏ cây,
Cái sẽ rã tan, cùng em.
Sự hoà nhập duy nhất cuả mọi tình yêu, trong lòng đất.

Một người đâu phải là một người,
Hay mỗi lần thèm môi em tôi cứ hãy hôn mình,
Âu yếm, ân cần và cuống quít.
Thứ tội lỗi cuả nước trong,
Đã xao động từ khi bóng – hay đôi cánh cuả em - vừa chạm tới.

TRẦN SA





NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG
Chuyện chép ở hiệu cắt tóc

Tôi không trọc. Đầu tôi rất lắm tóc. Nhưng trong đám bạn bè của tôi cũng có đến mấy thằng trọc. Long trọc, Quảng trọc, Thiện trọc, Dục trọc, Minh trọc, Thắng trọc...

Vì ở cơ quan không muốn bị phê bình là lố lăng nên khi thấy tóc mới hơi dài là tôi đã đi cắt. Tôi thường cắt tóc ở hiệu của ông lão đầu phố. Phố tôi cũng có nhiều thằng trọc lông lốc. Và như một nghịch lý cái bọn không có sợi tóc nào trên đầu này lại rất hay đến tụ bạ ở cửa hiệu của ông lão cắt tóc. Mà ở đây thì còn có việc gì hơn là ngồi đọc đi đọc lại mấy tờ báo cũ đã đóng thành tập và tán phét. Một lần, nhân giở đến trang báo có chụp ảnh buổi lễ Elsin bàn giao ghế tổng thống Nga cho Puttin ở điện Kremlin, Dũng trọc, một thằng cao to như tây và có cái đầu rất giống đầu Khơrúpxốp, nháy nháy mắt rất đểu nói với tôi:

- Mày phải biết, những thằng trọc như chúng tao bao giờ cũng có cái đầu hơn người.

Dũng trọc hơn tôi hai tuổi và số vợ của hắn cũng nhiều hơn tôi tới ba bà. Trong khi tôi mới nghe đến hai chữ lấy vợ đã sợ hết cả người

thì hắn đã kịp lấy và bỏ hai bà. Còn cô gái thứ ba đang sống chung với hắn bây giờ thì đang bị hắn dọa bỏ với lý do là hắn bị cô ta cản trở tự do quá nhiều.

Vì đã có một thời làm đội trưởng phụ trách một đội hơn năm chục cô gái lao động hợp tác ở Liên Xô cũ nên Dũng trọc có vẻ thông thạo một số chuyện được gọi là lạ kỳ ở xứ sở này. Hắn nói với tôi:

- Mày phải biết là ở Liên Xô, số người trọc đầu như chúng tao hiếm lắm. Cùng lắm cũng đến mười phần trăm. Vậy mà, chỉ tính từ thời Lê Nin trở đi, trong số nguyên thủ quốc gia, cứ một đời có tóc lại một đời không có tóc.

Rồi nhìn tôi như một thằng kém hiểu biết nhất trên đời, hắn tiếp:

- Để tao tính cho mày nghe nhé: Có đúng đầu tiên là Lê Nin không có tóc không nào. Sau đó đến Stalin rất nhiều tóc. Sau đó lại đến Khơrúpxốp không có tóc. Rồi sau đó lại đến Brêgiơnép nhiều tóc...

Và cứ như thế, sau mỗi lần ærồi sau đó..." hắn lại liệt kê ra một nhân vật: Andropop không có tóc, Trecnencô nhiều tóc, Gorbatrop không có tóc, Elsin nhiều tóc và... đến bây giờ lại là Puttin không có tóc.

Không biết đến sau đời Puttin thì sẽ thế nào. Nhưng tới thời điểm này thì tôi phải công nhận là bản thống kê của Dũng trọc khá đúng. Có thể ngẫu nhiên như thế. Nhưng cũng có thể những người đầu trọc, những người hói... tỷ lệ có chỉ số thông minh cao hơn những người bình thường. Thí dụ như Agasi, cây vợt số một thế giới bây giờ. Người ta đã thử làm một bảng tính toán và thấy rằng cứ bốn trăm triệu người trên trái đất này mới có một người như gã. Nghe đồn, khi nào không cầm vợt nữa, gã sẽ làm chính trị, sẽ ứng cử tổng thống.

Tháng nào tôi cũng phải đến thăm ông thợ cắt tóc ở đầu phố ít nhất một lần. Lần nào tôi cũng gặp Côn trọc ở đây. Tuy không có tóc nhưng Côn trọc vẫn là khách hàng trung thành của ông thợ cắt tóc này. Hắn đến đây để cạo mặt, cạo gáy. Côn trọc hơn tôi gần hai tuổi, nhưng về chiều cao hắn lại thấp hơn tôi đến hai chục centimet. Tuy chưa bao giờ đo được đến một mét bốn mươi lăm, thuộc loại lùn, nhưng Côn trọc không chịu nhận. Và đây là cái lý của hắn:

- Đã gọi là lùn thì đầu phải to, lưng phải dài, chân phải ngắn..., nghĩa là giữa các bộ phận trên cơ thể phải có một tỷ lệ rất bất hợp lý. Thí dụ như ông... (hắn cố ý nói tên một ca sỹ khá nổi tiếng), đầu thì to tướng, lưng dài ngoằng nhưng chân thì chỉ có một mẩu, thế mới gọi là

lùn. Còn tao, tỷ lệ giữa đầu với lưng, với chân tay... có kém gì chúng mày đâu.

Tôi nhìn lại hắn một lần, công nhận:

- Mày nói đúng. Trông mày không giống ông... tí nào. Mày không lùn mà chỉ hơi ngắn một tí thôi.

Tôi cố ý bôi bác vậy mà không ngờ hắn nhận luôn:

- Tao chịu. Theo sách tướng số thì tao thuộc loại ngũ đoản. Mũi ngắn, cổ ngắn, ngón chân, ngón tay ngắn...

Côn trọc còn nói thêm một cơ quan khác cũng ngắn nữa trên cơ thể hắn, nhưng tôi thấy không cần chép ra đây độc giả cũng tự hiểu. Xong, hắn tiếp:

- Trên đời này, lùn thì nhiều chứ còn tướng ngũ đoản như tao đây hiếm lắm. Đây là tướng của những thằng tài. Như Lê Nin chẳng hạn.

Dẫn chứng cửa hắn thật là đắt. Tôi chịu ngay. Tuy chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội là một ảo tưởng thật, nhưng có ai lại không công nhận Lê Nin là một thiên tài. Và Côn trọc nữa, nếu thật vô tư mà xét thì ai cũng phải thấy là hắn tài thật. Không phải thiên tài nhưng mà tài. Và tài nhất là khoản ăn nói của hắn. Ông thợ cắt tóc ở đầu phố nói với tôi:

- Nó nói giỏi lắm. Đúng là dẻo như kẹo kéo, ngon ngọt đến con kiến nằm trong lỗ cũng phải bò ra. Cậu nghĩ mà xem, mọi cái, kể cả cái ấy của nó... ngắn như thế vậy mà nó vẫn tán đổ hàng đống con gái.

Và ông còn nói thêm:

- Nó có con vương con vãi ở khắp nơi đấy. Nó hay kể với tôi là nó có một thằng con đang học Bách khoa hẳn hoi. Và lại còn khoe rằng mẹ thằng bé này là người Hà Nội tử tế, và từ ngày bị nó bỏ rơi vẫn âm thầm ở vậy nuôi con chứ không chịu lấy ai cả.

Nếu để quá lứa, một tháng không cắt được một lần thì tóc tôi phải dài trùm cả ra ngoài cổ áo, ngứa ngáy rất khó chịu. Ở cái hiệu cắt tóc của ông lão đầu phố này, tôi hay gặp Đĩnh trọc. Nhiều hơn tôi hai tuổi nhưng Đĩnh trọc phải giầu hơn tôi ít nhất là hai trăm lần. Hắn có một ngôi nhà năm tầng to, cao nhất phố và là chủ của hai quán karaoke và hai quán thịt chó nổi tiếng nhất trong vùng.

Sở dĩ Đĩnh trọc có một cơ ngơi đáng nể như vậy là vì có một thời hắn đi làm công nhân lao động xuất khẩu ở Cộng hòa dân chủ Đức. Có hơn ba năm trời mà hắn gửi về nhà đến gần hai chục cái xe máy, và lần cuối cùng thì là hẳn một thùng hàng năm khối.

Ông lão cắt tóc đầu phố có lần nói với tôi:

- Dù không muốn thì ai cũng phải công nhận là Đĩnh trọc thuộc loại ranh ma, biết chớp thời cơ.

Rồi, như để rõ nghĩa hơn, ông giải thích:

- Ngày ở nhà, thằng Đĩnh trọc này đã là phó phòng cung tiêu của Công ty Bách hóa. Một công ty lớn đấy chứ. Trong khi lão trưởng phòng của nó, nguyên là một ông đại úy quân đội từ thời chống Pháp chuyển ngành vừa hom hem về sức khỏe, vừa yếu về năng lực, lại sắp đến tuổi về hưu, cơ hội nắm quyền hành trong tầm tay vậy mà nó dám bỏ chỉ để đổi lấy một xuất đi lao động xuất khẩu...

Nghe ông vừa nói vừa lách cách... lách cách... khua kéo rất vui tai, tôi lim dim mắt nửa như đồng ý, nửa như không:

- Vâng... Đi Đức thì cũng cả trăm thằng, nghìn thằng, nhưng có phải thằng nào cũng khuân được của cải về như nó đâu?

- Thì đã bảo là nó thuộc loại ranh ma mà... Cậu biết là ở bên ấy nó làm cái gì mà khuân được nhiều xe máy với hàng hóa thế không?

Tôi hơi hồi hộp:

- Làm sao mà cháu biết được? Thằng cha làm cái gì bác?

Còn ông lão cắt tóc thì vẫn cà kê:

- Kể ra thì nói nó làm cái gì cũng không đúng hẳn. Vì nó có làm vương làm tướng, có chức tước gì đâu. Tớ nghe nói lại là nó chỉ cặp bồ một lúc với ba đứa con gái của ba tay cửa hàng trưởng của ba cửa hàng bách hóa thuộc loại lớn ở Dresden... Mà cậu biết rồi đấy, dưới thời ông Honechke, cửa hàng trưởng ở bên ấy cũng như cửa hàng trưởng ở nhà mình...

- Vâng... Cháu hiểu.

- Thế... Nên nó muốn moi bao nhiêu xe máy, bao nhiêu hàng hóa gì thì moi. Gửi về nhà được bao nhiêu thì gửi, còn thừa thì bán lại cho người khác lấy lãi. Bao nhiêu mà chẳng hết.

Lần nào ông lão cắt tóc cũng lấy ráy tai cho tôi rất kỹ. Ông lấy con dao lá lúa nhọn hoắt và sắc như nước khoen qua khoen lại trong lỗ tai làm tôi vừa khoái vừa sợ đến cứng cần cổ. Chỉ cần ông hơi sơ ý, nhãng tay đi một tí là tai tôi bị chọc thủng liền. Và dù đã không còn nhớ là lần thứ bao nhiêu, lúc nào tôi cũng rất thích nghe câu nhận xét của ông:

- Tớ thấy lỗ tai của con người ta càng ngày lại càng chóng bẩn cậu ạ. Tai ông nào cũng vậy, cùng lắm là một tháng ngoáy lại đã thấy bẩn ngập bẩn ngụa lên rồi. Tớ nghĩ, có lẽ là tại hàng ngày có quá nhiều thứ bẩn thỉu đổ vào vào đấy. Cậu thấy có phải không?

Tôi nghĩ, chắc là phải. Thí dụ nếu thường xuyên nghe phải

những câu chuyện của Hân trọc kể thì dù có muốn giữ gìn đến mấy hai lỗ tai cũng phải bẩn. Hân trọc nhiều hơn tôi mười hai tuổi và giàu hơn tôi ít nhất cũng khoảng một trăm hai mươi lần. Như Đĩnh trọc, hắn cũng có một ngôi nhà năm tầng to cao nhất phố và là chủ của một cửa hiệu cầm đồ to nhất vùng.

Như phần lớn những nhà giàu trong phố, Hân trọc cũng đi Tây về. Hắn đi Tiệp và ngoài mười lăm chiếc Java, hàng Hân trọc mang về chủ yếu là vòng bi, moay ơ, xích xe đạp, khóa Tiệp, đồ pha lê và thuốc tây, nói chung là toàn hàng chiến lược... Tuy nhiên, cái mà người ta để ý ở hắn không phải thủ đoạn làm thế nào để lấy được nhiều hàng như vậy, mà là những câu chuyện về cuộc sống ăn chơi của hắn ở đấy. Hân trọc có nụ cười trông rất đểu và nốc rượu nặng như nốc nước lã. Trong túi hắn bao giờ cũng giắt một chai rượu, và khi đã ngà ngà say, câu chuyện của hắn kể bao giờ cũng chuyển về đề tài gái:

- Các ông biết không? - Hắn lè nhè, vừa cười giơ hai hàm răng vàng khè khói thuốc lá vừa nói. - Trong hơn chục năm ở Tiệp, tôi đã từng ngủ với không ít hơn một trăm đứa con gái. Già... năm sọi, sáu sọi cũng có, sồn sồn ba sọi, bốn sọi cũng có, trẻ trung mười tám, hai mươi tuổi cũng có, và choai choai... mười bốn mười lăm tuổi cũng có... Mỗi lứa tuổi có một cái sướng riêng.

Rồi như cảm thấy chẳng ai có thể hiểu được kinh nghiệm của mình, hắn lại cười hề hề:

- Mà đủ các loại quốc tịch nhé: Tiệp, Di gan, Ba Lan, Cu Ba, Nga... Lại đủ các loại mầu da, mầu tóc nữa: Vàng có, trắng có, mà nâu, đen, nhờ nhờ... cũng có... Mỗi loại có một cái sướng riêng.

Đúng là... mỗi loại có một cái sướng riêng, nhưng theo Hân trọc thì:

- Phải chơi con vợ ngay trước mặt thằng chồng nó mới sướng.

Rồi hắn kể:

- Thỉnh thoảng chúng tôi lại làm một bữa tiệc tương đối rôm rả, nhiều rượu, nhiều thịt và nhất là nhiều mấy món ăn Việt Nam như nem rán hay bún măng, bịa bừa ra là sinh nhật của thằng này thằng kia hoặc ngày tết, ngày thành lập đảng, ngày quốc khánh của ta xong mời bọn tây đến. Cứ chuốc rượu cho mấy thằng chồng thật say, say đến không biết gì nữa thì đè mấy con vợ ra muốn làm gì thì làm...

Đến đoạn này bao giờ Hân trọc cũng lôi chai rượu trong người ra tu một hơi rồi mới tiếp:

- Tất nhiên, đã là cái bọn hay lê la đánh chén với dân æCộng" mình này thì cũng chẳng tử tế gì. Nhưng mấy con vợ của mấy thằng này cũng lạ. Hình như là chúng nó lại còn có vẻ thích như vậy. Vừa

nhìn mấy thằng chồng nằm lăn lóc dưới đất kéo bễ khò khò chúng nó lại vừa cười hề hề vừa phi như điên.

Tóc tôi thuộc loại mọc rất nhanh. Tôi không thể để quá lứa một-hai tuần mà không cắt. Và trong một lần đi cắt tóc quá lứa như vậy tôi gặp Đức trọc. Hôm đó, trong hiệu cắt tóc của ông lão đầu phố số người chờ hơi đông nên ông bảo tôi:

- Chịu khó đi quanh quẩn ở đâu đó một lúc, khoảng hai giờ nữa quay lại đây.

Tuy muốn nghe lời ông, nhưng vì không biết đi đâu bây giờ, nên tôi chặc lưỡi, cầm tờ báo đến ngồi bên cạnh gã. Gã trạc ba mốt ba hai tuổi, bé nhỏ và gầy giơ xương. Đầu gã trọc lốc còn mặt thì nhấp nhô với mấy cái hốc đen ngòm như mặt của thần chết. Ngoài cái cơ thể còi cọc và hút thuốc quá nhiều như một cái ống khói, gã chẳng còn vẻ gì khiến tôi phải quan tâm đặc biệt. Tôi cúi mặt xuống tờ báo. So với mấy năm về trước, báo chí của ta hiện nay khá khởi sắc. Tờ nào cũng đăng nhiều chuyện lạ đó đây, chuyện các vụ án, chuyện móc ngoặc, tham nhũng, chuyện lừa đảo... Nói chung toàn là những chuyện đọc giết thời giờ rất được.

Đúng lúc vừa lật sang trang báo có bài một người có mang chuyên sống dưới nước ở một tỉnh phía Nam thì tôi cảm thấy như có ai giật nhẹ tay áo mình. Tôi bèn quay sang thì nhìn thấy gã đang ngỏn ngoẻn cười:

- Anh Phương... Anh không nhận ra em à?

Tôi nhìn kỹ lại gã một lần nữa và chịu không nhận ra.

- Thế mà em nhận ra anh ngay từ lúc bước vào đấy. - Gã tiếp tục. - Em là Đức, em anh Trung.

Đến đây thì tôi nhớ ra. Trung là thằng học cùng lớp với tôi hồi phổ thông. Tuy không thân nhau lắm nhưng tôi cũng đã đến nhà hắn vài lần. Đấy là một ngôi nhà cổ ở cuối phố. Ông nội hắn bị treo cổ nhầm trong Cải cách ruộng đất nhưng ông bố hắn vẫn có vẻ rất yêu mến và tin tưởng vào sự lớn mạnh của chủ nghĩa xã hội. Bằng chứng là ông lấy tên của các nước trong phe này để đặt cho bảy anh chị em hắn: Liên, Lan, Ba, Trung, Đức, Triều, Khắc.

Trung là thủ môn bắt cho đội tuyển bóng đá của trường tôi. Vì rất liều mạng, sẵn sàng lăn xả vào ngay trước mũi giầy của đối phương nên hắn có biệt danh là Trung Vồ. Trung Vồ bắt bóng giỏi và học cũng rất được nên cuối năm học của chúng tôi, hắn thi đỗ vào trường Dược. Hơn sáu năm sau, lúc tôi ở chiến trường biên giới đánh nhau với quân bành trướng Trung Quốc về thì hắn đã trở thành một ông dược sỹ có

một chỗ làm rất ngon lành ở công ty dược có tiếng tăm ở Hà Nội.

Tôi nói với Đức Trọc:

- Trông em khác quá. Thấy ai nói là em đang tỵ nạn ở Đức cơ mà...

- Em mới bị bọn nó tống về. - Gã thì thầm. Rồi vừa xoa xoa cái đầu không còn sợi tóc nào, lại tiếp. - Ở bên ấy khí hậu khắc nghiệt quá anh ạ. Em bị rụng hết tóc. Đã bôi đã uống đủ thứ thuốc mà vẫn không mọc lại được sợi nào.

Nhân vì gã nói đến thuốc, tôi hỏi luôn:

- Anh Trung em giờ thế nào? Chắc khá lắm...

- Anh Trung em chết được gần tháng nay rồi. Vậy là anh vẫn chưa biết ạ.

Lúc nói với tôi câu ấy, mắt Đức trọc ánh lên một tia rất lạ. Còn tôi thì làm sao mà biết được. Trung Vồ có thể lực tốt hơn tôi nhiều. Hơn nữa, hắn lại làm tít tận trên Hà Nội, cách cái thành phố nhỏ nhoi này của tôi cả hơn trăm kilomet. Đức trọc vẫn thầm thì:

- Ông anh em dính ma túy. Ông già em sợ ảnh hưởng đến gia đình mới đưa vào cai nghiện ở Thanh Hóa. Được tháng trước, tháng sau đã nhận được giấy báo vào để nhận xác... Anh còn lạ gì chế độ trong các trại cải tạo, trại phục hồi, trại cai nghiện của nhà mình nữa.

Gã nói thế. Nhưng tôi thì không nghĩ là cái gì mình cũng biết. Một vài điều nghe kể qua miệng người này người khác so với sự thật chắc chắn là còn phiến diện rất nhiều.

Tôi thấy hình như là mình hơi nghiện tiếng kéo khua lách cách... lách cách... của ông già cắt tóc đầu phố. Vậy nên, nhiều khi mặc dù chưa tới lứa tôi cũng vẫn cứ đi cắt. Tôi lại gặp Đức trọc ở đấy. Gã bảo:

- Em thích cạo gáy ở đây. Ông già có chiêu đưa dao xuống lưng quét qua quét lại mấy nhát rất sướng.

Hôm ấy, gã cố ý lấn lá ở lại chờ tôi:

- Anh có rỗi không, ghé qua nhà em tí... Hôm nay là bốn chín ngày anh Trung em.

Tôi đi với gã. Gần chục năm không ghé qua đây nhưng tôi thấy cảnh trí vẫn vậy. Tất cả chỉ cũ đi và thế giới ở đây có vẻ khác với ở ngoài kia. Mấy anh chị em của Trung Vồ về hết. Bức truyền thần của hắn lồng khung kính đặt trên bàn thờ, com lê, cà vạt, kính trắng và hơi ngơ ngác. Tôi thắp cho hắn một nén hương rồi quay sang hỏi Đức trọc:

- Cụ đâu?

- Cụ đang bận ở trong kia. Anh ngồi đây chờ tí. - Gã trả lời. Rồi

sau một giây đấn đo, lại nói với tôi:

- Mà thôi, cũng chẳng có gì là quan trọng... Anh có muốn thì vào chỗ cụ tí cũng được.

Xong, như chẳng cần biết là tôi có muốn hay không, gã cứ thế đi trước. Nhà Đức trọc thuộc loại cổ, gồm ba gian ngoài và hai gian buồng phía hai đầu hồi. Chúng tôi vào gian buồng phía hồi đằng tây. Dưới ánh sáng mờ mờ của buổi chiều tà, tôi thấy ông bố Đức trọc đang ngồi trên lưng làm một trò gì đó như tẩm quất cho một thằng cũng trọc y hệt gã. Thằng trọc này có vẻ đau đớn khó chịu gì lắm ở trong người. Tôi thấy nó cứ oằn lên, mắt long sòng sọc và dãi dớt thì tràn cả ra hai bên mép. Còn ông già thì cố đè nó xuống, và vừa đè ông vừa bóp, vừa xoa, vừa ấn khắp mọi nơi.

- Thằng này là đệ tử của ông anh ruột em. Cũng dính ma túy, cũng được đưa vào trại cai nghiện, nhưng may sao lại trốn ra được. - Đức trọc nói nhỏ với tôi như thế. Xong gã thêm:

- Từ ngày ông anh em mất, ông cụ em phát nguyện là sẽ mở cửa đón những con nghiện và sẽ cai nghiện cho họ theo phương pháp của ông.

Rồi vừa chỉ những cuốn sách xếp thành hàng ngay ngắn trên giá và một loạt những chai lọ lỉnh kỉnh trên một cái giá khác, gã vừa tiếp:

- Anh xem kìa. Tài liệu và dụng cụ hành nghề của cụ đấy... Mà cái bọn nghiện này cũng thật yếu đuối. Hình như chúng chẳng có bản lĩnh quái gì. Anh xem em đây này, em đã thử đủ thứ thuốc, hàng đen, hàng nâu, hàng trắng... đủ cả rồi mà có thấy nghiện ngập gì đâu.

Nhìn thân hình thần chết của Đức trọc, tôi không biết phải trả lời gã như thế nào. Tôi nghe người ta bảo rằng, lúc những con nghiện no thuốc, chúng rất tỉnh táo, thông minh và nói hay như sáo sậu. Chẳng biết có đúng như thế hay không, nhưng có một điều chắc chắn rằng nếu là æthử“ thì Đức trọc đã phải æthử“ rất nhiều và rất đều. Âu đấy cũng là một trong những cái xuất chúng của bọn trọc.

Ông thợ cắt tóc ở đầu phố tôi bị ốm. Ông chỉ có mỗi một thằng con trai mà gã lại làm ăn tít tận trong thành phố Hồ Chí Minh. Nghe nói là gã làm ăn rất khá. Không ở nhà lâu với bố được, gã mới đón ông vào để chăm sóc.

Một gã thợ khác tiếp quản cửa hiệu của ông lão cắt tóc. Cả dụng cụ lẫn tay nghề của gã đều kém của ông xa. Gã như vừa cắt vừa nhổ tóc của người ta. Lúc cạo thì mấp lên mấp xuống chảy cả máu đầ máu mặt. Vì không dám dùng con dao lá lúa để khoen tai khách hàng,



VI THÙY LINH
Ngày sinh

Không tụng ca nào trên thế gian đủ cho tình yêu
Em - người xoay vần tảng đá đầu nguồn để anh chảy bất diệt
(sức chảy chưa có ở anh và ở bất cứ ai)
Rồi nằm vào dòng nước ấm và tinh khiết ấy
Giao linh

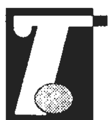
Thống lĩnh giác quan là lạc thú khả hữu
Nó ràng buộc hai nửa thế giới
Cuộc sống - là thời điểm người ở trọ trên trái đất.
Những nghịch lý vẫn nhả bọt
Có gì đáng kể đâu
Khi chúng ta xuyên trục không gian bằng thân thể chúng ta
Thấu suốt mọi trọng đại bằng nguồn chảy
Bằng tiếng rên thét toàn thân miệt mài
Anh sáng tạo em em sáng tạo anh tô lên nhau sự biến đổi

Sự minh triết hiện hữu trong cơn mê sảng
Mỗi cơn trào dâng tột độ
là một lần được tái sinh

VI THÙY LNH

không biết cách cạo lưng và đặc biệt là không biết tán dóc nên cửa hàng của gã mỗi ngày một kém khách. Tôi nhớ là hình như chỉ cắt tóc ở chỗ gã được đúng một lần. Bọn trọc trong phố cũng chẳng lấy địa điểm này làm nơi tụ bạ nữa. Và đấy cũng chính là lý do tại sao mà cái truyện ngắn của chúng ta lại kết thúc ở chỗ này./.

17 - 2 - 2001
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG



ĐẶNG HIỀN
Bắt đầu

Đêm bắt đầu khoảng tối
Vòng tay em kéo lại
Khoảng cách nào đôi ta
Chao ôi xa diệu vợi

Chiều bắt đầu phiền muộn
Vườn nhà em héo hắt
Tiếng dương cầm nhẹ buông
Bờ cát và cuộc tình

Ngày bắt đầu bơ vơ
Đâu bóng tôi mờ nhạt
Chút lửa hồng môi em
Trói nhau vào nhung nhớ

Tôi bắt đầu tháng năm
Vẽ bờ vai thơ mộng
Vẽ em trái tim mình
Một màu buồn mênh mông.

ĐẶNG HIỀN
(Cali. ngày 18-10-01)



TRẦN MINH QUÂN
Âm Hộ Địt

*(số màu đỏ hình số 8)**

Mẹ nó
chưa sinh
con bé chưa chào đời
nhưng đã có thai và cái thai là một con bé khác
đang mang thai

Mẹ nó
ghét quần lót màu đỏ nhưng ông chồng ngày hôm qua đã mua
từ chợ đồ cũ một tá quần lót màu đỏ đầy lổ chuột cắn.

Có một ngày mặt trời không đỏ màu xanh
Mẹ nó
ló đầu ra ngoài
ai ngờ đứa nào mất dạy sơn cặp kính

Rốt cuộc con bé phụt ra từ háng Mẹ nó
a varginal fart

Con bé phụt ra từ háng Mẹ nó

hai bắp đùi mở rộng rồi
tiếp tục địt từ âm hộ

Con bé địt một cái
ra một con bé
địt một cái
một con bé khác
rồi địt
một con bé
thay phiên nhau địt—

Mẹ ơi
đừng
địt
Mẹ ơi

TRẦN MINH QUÂN

*Tình huống số 8 của Đinh Linh, "
Tám Tình Huống" do Nguyễn Quốc Chánh
dịch từ nguyên bản "Eight Plots."





NGUYỄN HƯƠNG
Mô-tô bay

Tôi hỏi:
"Lỡ dàn sập thì sao hả cha?"
Cha nói:
"Đã dựng thì không sập."
Chúng tôi ngồi sau thùng xe cam-nhông. Con đường dài ra sau xe, dậy bụi. Đoàn chúng tôi sắp tới thành phố. Chúng tôi sẽ đỗ xe lại bãi đất trống nào đó ở ngoại thành. Cha và các chú sẽ dựng dàn. Dàn đã dựng thì sẽ không sập. Tôi tin vậy. Tất cả những lần trước đều vậy. Tôi lên mười và chưa học phép xúc xắc.

*

Tôi đứng nhấp rượu nghe tiếng chuông reng, tiếng tiền cắc rớt lanh canh. Tôi sống ngoài ngoại ô Tucson, Arizona. Tối thứ Bảy, đi làm

overtime ra, tôi hay lái xe qua cầu biên giới giữa hai tiểu bang, đến dãy khách sạn sòng bài dọc bờ sông Colorado, phía Laughlin, Nevada, kéo máy đánh bạc. Hên xui may rủi. Có được có thua. Tôi năm mươi và tôi đã học phép xúc xắc.

Hắn hỏi:

"Ăn thua?"

Tôi nói:

"Thì vừa hốt một bụm đồng 5 xu. Khỏe không Eugene?"

Tôi vẫn gặp hắn ở đây mỗi tối thứ Bảy. Eugene làm người giữ trật tự, ăn mặc đồng phục, đeo dùi cui, mang súng. Nhiều lần tôi thấy Eugene bỏ đồng 25 xu vào máy mua thức ăn cho cá. Eugene búng từng hạt xuống nước. Bầy cá tai tượng trườn lên nhau. Da cá đen nhẩy cả một khoảng sông nước cạn trong tầm búng của Eugene.

Tôi bước ra trời đêm hực nóng. Eugene gọi tôi từ sau lưng:

"Có về hướng Bullhead không?"

"Bullhead?" Tôi không dừng lại.

Eugene theo sau. Hắn vừa đi vừa dí chân xuống đá vụn nghe rào rạo. Trời đứng gió. Một quảng sau, hắn hỏi:

"Cho đi nhờ xe có được không?"

Tôi quay lại. Eugene đang nhìn hút vào đất đá sa mạc trãi dài ra phía trước. Tôi chỉ chiếc Lincoln: "Xe đây rồi."

Tôi vào xe, nhoài người mở khóa phía hành khách cho Eugene. Bánh xe nghiến trên đường đá vụn. Hắn tự giới thiệu:

"Burns. Eugene Burns. Ông?"

"Kiên thôi là đủ."

Eugene móc điếu Marlboro ra mồi lửa. Hắn hít sâu, thỉnh thoảng khịt khịt mũi giữa những lúc chỉ chỏ cho tôi quẹo phải quẹo trái. Tôi rẽ vào bãi xe trailer chỗ ở của hắn. Eugene mở cửa xe rồi quay sang tôi:

"Ở lại coi Marilyn."

"Marilyn?"

"Ừ. Monroe."

Tôi lắc đầu. Lúc tôi trở đầu xe xong thì Eugene đã leo lên ngồi ghế bành trên nóc xe trailer. Tôi nghển cổ nhìn lên. Eugene bấm nút màn ảnh tivi. Marilyn nẩy mông; Marilyn chồm tới cong môi giữa sa mạc. Eugene không mở tiếng nói. Marilyn trong những động tác câm lặng, nhấp nháy sáng trên mặt Eugene.

Tôi gọi với lên:

"Nhắn với Marilyn ngủ ngon nhé."

Eugene nhìn xuống đưa ngón tay lên môi:

"Suỵt. Marilyn không bao giờ ngủ."

Vợ tôi giờ này chắc đã vào giường. Nhưng Liên có lẽ đang trằn trọc. Liên làm chuyên viên hô hấp trong bệnh viện thành phố. Thường Liên về rất trễ. Có khi làm ca đêm đến sáng mới về. Bốn tháng trước. Liên mang cả chục tờ quảng cáo các khu nhà mới xây bày ra trên bàn phòng khách, trên thảm phòng ngủ, trên table de nuit đầu giường. Các khu nhà có tường bao quanh và có cổng an ninh. Chelsea. Woodbridge. Brookwillow. Phase I, II, III. Những tờ bươm bướm xanh mướt màu cỏ, màu cây, màu suối. Chúng tôi lặn lội đi xem nhà mẫu. Cỏ không chỉ xanh trên tờ bươm bướm. Cỏ xanh mượt từng khoảng có nước phun, có đá cụi trãi dài lòng suối, giữa sa mạc.

Tôi kéo cần số. Eugene kêu:

"Ê Kiên."

Tôi quay kiếng xuống thò đầu ra ngoài:

"Gì?"

"Đợi đó tôi lấy cho lon bia."

"Thôi khỏi. Mai tôi phải dậy sớm."

Tôi chưa nói hết câu là Eugene đã nhảy xuống biến mất vào trailer. Tôi gài số đậu nhưng không tắt máy. Eugene trở ra chạy ngang đầu xe sang phía bên tôi. Đèn xe quét ngang người hắn. Hắn khum xuống chống tay trên thành cửa kiếng chìa cho tôi lon bia không ra hiệu. Hẳn là loại rẻ tiền. Tôi đành cầm lấy. Hắn hỏi:

"Mai sáng Chủ Nhật sao lại dậy sớm? Không lẽ bọn bây cũng đi nhà thờ?"

"Không. Cù."

Eugene lầm bầm:

"Cỏ sân cù chắc xanh mướt nước. Giữa sa mạc."

Tôi vừa kéo cần số vừa nói Goodnight Eugene. Xe lăn bánh. Tôi vừa quay kiếng lên vừa nói Goodnight Eugene. Trước đầu xe, Eugene đã đứng sững trong ánh đèn xe. Tôi đạp thắng. Bụi dậy quanh chân hắn. Tôi quay kiếng xuống thò đầu ra ngoài:

"Eugene! Gì nữa?"

Eugene vòng qua phía tôi, thò đầu vào xe. Bắp tay trái hắn chận ngang ngực tôi, tay phải hắn với vào tắt máy và rút chìa khóa ra khỏi ổ. Tóc hắn lùa vào mũi tôi ngai ngái mùi nước đái. Tôi há miệng, tóc hắn bệt vào lưỡi tôi. Tôi chợt nhớ tóc hắn màu vàng tro—dirty blond. Tôi đẩy cửa xô Eugene ra:

"Đừng ngu Eugene. Trả tao chìa khóa."

Hắn cười. Tôi thấy hắn gập người xuống mà không nghe tiếng. Xung quanh là bóng đen những dãy đá lừng lững. Tôi dợm chạy.

Eugene kêu với theo:

"Ê Kiên, tao khoe với mày sức phá của đạn magnum chưa?"

Tôi dừng lại. Trời đêm xa ra, cao vọi. Tôi muốn ngước nhìn mà người tôi đứng chựng. Ánh sáng sao đổ đục trời, tràn xuống cát đá, lan ra lan ra như sữa. Tôi nhìn thấy phía sau ót mình hẳn như Eugene đang nhìn thấy. Tôi thấy ngón chỏ bên phải của Eugene bóp cò trên khẩu magnum. Bình thường không thấy Eugene mang khẩu magnum. Nhưng tôi nhớ có lần thấy Eugene thọc tay xuống nước chộp một con tai tượng nguậy ngụa vứt độp vào ghềnh đá cho bầy mèo hoang vồ xé bên bờ sông Colorado, ngay ngoài dãy khàch sạn sòng bài hừng hực đèn màu chớp tắt. Nhất định tôi có thấy. Phải là hắn. Bây giờ thì tôi thấy viên đạn trổ từ sau ra trước, phá vở hai lớp xương sọ, những mảnh vụn bắn ra, tia nhỏ như nước vòi phun tưới cỏ trên sân cù, sân cù xanh mướt giữa sa mạc một thành phố khác.

Ánh sáng sao trời tràn qua lỗ hổng giữa đầu tôi, đổ xuống cát đá, lan ra như máu.

Tôi tỉnh dậy thấy mình nằm trên sàn trailer. Bóng đèn 60 watts vàng nguệch. Cách chân tôi 4 feet là mặt bàn vừa cho một người, bằng formica, màu luông luốc. Bầy dán to nhỏ đậm lợt thập thò quanh chân bàn. Phía đầu tôi là chiếc giường treo bằng giây xích, có thể xếp vào vách. Quanh giây xích bên trái buộc một khăn quàng trắng.

Chiếc khăn mỏng quá, dài quá, trắng quá. Như thể để dành bay phơi phới ngược gió ở đâu đó—xuyên mây trên máy bay một động cơ hồi đầu thế kỷ, hay xuyên sa mạc trên xe mô-tô cao phân khối hồi giữa thế kỷ. Thế kỷ trước.

Tôi đã chạm tay vào chiếc khăn như thế.

*

Tôi nhắm mắt đưa ra bàn tay phải. Mỗi lần Mẹ vù ngang trên xe mô-tô, khăn quàng cổ của Mẹ cuộn vào tay tôi. Khăn tơ. tôi không dám nắm bắt, sợ làm Mẹ té. Làn vải trơn mát, tuột đi. Tôi nghe tiếng máy mô-tô, tiếng dàn gỗ run chuyển dưới đoàn xe đuổi xoắn vào nhau. Tôi tưởng cả cấu trúc hình ống sắp sụp đi dưới đám đông hò hét. Nhưng khăn quàng của Mẹ lại bay quận vào những ngón tay tôi xòe rộng. Cứ vậy, ba bốn vòng trên miệng dàn. Xong xe Mẹ xuống thấp dần thấp dần. Tôi mở mắt tìm Mẹ với dãi khăn trắng ở đáy dàn. Xe Mẹ lại bắt đầu xoắn lên, nương theo sức ly tâm, dính sát vào thành dàn. Lên dần, lên dần, cho đến khi khăn mẹ lại tuột qua tay tôi lần nữa.

Xong buổi trình diễn, Cha đứng dưới dòng chữ sơn đỏ đã phai màu "Phi yến và Đoàn Mô-tô Bay Vạn Niên." Cha kêu: "Yến ơi Yến ơi vô ngủ giờ này còn đi đâu nữa." Nhưng Mẹ không bao giờ ngủ sau buổi trình diễn. Mẹ không nói không rằng, cứ đi. Cha đứng cạnh dàn gỗ tối đen, hình ống, cao bằng hai tầng nhà. Giữa đồng trống.

Tôi nằm trong thùng xe cam-nhông nhìn ra, thấp thỏm. Cha lục đục dọn dẹp một lúc sau thì chui vô nằm bên tôi. Tôi nghe hơi Cha thở trên gáy. Tôi nghe Cha chặc lưỡi. Tôi hỏi: "Cha, sao thần lần chặc lưỡi?" Cha nói: "Tầm phào. Ngủ đi."

Hừng đông là cha trở dậy. Tôi nằm trong thùng xe cam-nhông nhìn ra, thấp thỏm. Mẹ ngồi đong đưa hai chân trên dàn gỗ. Khăn quàng Mẹ nhét túi, một đoạn thòng ra, phấp phới trắng. Cha kêu: "Say không đó? Xuống đi coi chừng té Yến ơi." Chân trời màu cam lạt, ở xa.

*

Eugene thò đầu vào trailer nói:

"Đồ lại cái. Đéo đụng mày đã té xỉu. Tao làm gì có khẩu magnum. Tao chỉ có cây shotgun thôi. Ở khoảng cách 60 feet như nãy, sức phá hạt đạn bung ra trong vòng đường kính 1 foot. Đầu mày lúc đó đã lỗ chỗ đầy sao rồi."

Eugene cười cười cúi xuống kéo tôi ngồi dậy:

"Lên nóc ngồi coi Marilyn với tao. Lon bia của mày tao để trên đó. Hết lạnh mẹ nó rồi."

Tôi chồm lên đè Eugene xuống sàn thảm cũ, ngai ngái mùi nước đái. Người hắn dài hơn tôi, âm ấm.

"Trả tao chìa khóa xe."

Eugene nhìn tôi. Hắn cười ngất, đẩy tôi ra, đứng dậy dí mũi giày xuống con dán màu hung to bằng ngón chân cái đang núp ở chân bàn. Hắn đẩy cửa ra ngoài, leo thang trên nóc trailer bằng kim loại tanh tanh, trơn tuột. Đầu tôi còn choáng váng.

"Chó má. Trả tao chìa khóa xe."

Eugene đứng sững trên nóc trailer, cạnh Marilyn trên màn ảnh nhỏ, nhấp nháy sáng. Hắn chỉ ra sa mạc:

"Tao quăng mẹ nó ra đó rồi. Mày làm Moses mà tìm. Mò ra được mày cứ về với vợ. Tao đéo cản."

Eugene cúi xuống gạt mũi giày ở nấc thang trên cùng. Xác dán nhèm nhẹp dính vào thành kim loại.

Tôi tuột xuống đứng tựa chiếc Lincoln mồi thuốc. Gió rin rít tràn

qua lỗ hổng trong đầu. Bây giờ trăng mới mọc.

*

Tối hôm đó trăng mọc trễ. Lúc mẹ trở dậy ra ngoài, trăng còn lừng lững phương đông, vàng bệt mà mỏng lắm. Mẹ thấy cha. Tôi biết mẹ thấy cha. Lưng áo cha trắng mờ. Cha lom khom trên đất, cúi đi càng lúc càng xa. Mẹ bước theo, cỏ khô đơm theo gấu quần. Mẹ đi mấy mươi bước thì dừng. Dưới chân mẹ, rãnh đất mới vỡ sẫm đen, chạy dài tới lưng áo cha phía trước. Mẹ quì xuống bốc lên mớ đất ẩm. Mẹ sàn đất qua kẻ tay, dính lại mấy hạt đậu nhỏ xíu trong lòng tay. Mẹ biết đậu màu xanh. Lúc mẹ ngẩng lên, cha đang bước về phía mẹ. Cha lầm lũi hốt đất rãi đều trên rãnh đậu xanh. Mẹ nhìn giá mọc trắng rãnh đất. Cha lấp đất đến đâu, giá đâm chồi đội đất lên đến đấy, những cọng giá non mọng nước, sáng mờ.

Tôi nhìn thấy rãnh đất vào ban ngày. Những vạt giá bị dẫm nát, đầu giá thè ra cặp lá nhỏ xíu, vàng xanh. Nắng đổ xuống bãi đất trống. Xe an ninh bao quanh. Họ đào lên từ rãnh đất 6 khẩu carbine quấn giấy dầu. Cha bị lôi đi.

Hay là tôi nhìn thấy rãnh đất vào ban đêm? Không có an ninh. Chỉ có cha và các chú. Họ chuyển giao carbine gói giấy dầu. Không ai biết. Chỗ đất mới đào, cha lại trải đậu xanh. Tôi chưa hề nhìn thấy giá đâm lá thành giàn đậu, màu xanh um như cha hứa hẹn về tương lai những người cùng khổ.

*

Tôi rít hơi chót, búng tàn vào sa mạc. Ánh lửa đánh vòng, tắt ngúm trong bóng tối. Marilyn của Eugene cũng tắt ngúm. Hắn tuột xuống đất vào trailer mò ra cây đèn bấm.

"Lại cái máy phát điện cứt."

Tôi ngồi đong đưa trên đầu xe, xem Eugene sửa máy. Đèn hắn hết pin, mờ đi lúc máy bắt chạy. Điện xẹt từng tia, ngoằn ngoèo, cong vòng rồi tắt ngúm.

"Cứt. Bọn gook tụi bây giỏi sửa máy, xuống đây phụ tao một tay."

"Trả tao chìa khóa xe, tao sửa cho."

"Mày đéo biết sửa. Nếu không mày đã nối dây công-tắc xe

dông mất rồi."

Đêm sa mạc tối thui, im phắc. Eugene ngã ngửa ra đất, nghiêng người quăng cây đèn bấm vào vách trailer đánh xoảng.

*

Đêm trước khi an ninh (hay cha?) đào carbine dưới rãnh giá, trời cũng tối thui. Mẹ đứng nhìn: sét lóe lên. Tôi đứng sau lưng mẹ. Sét trắng, như dãi khăn. Mẹ chạy theo, băng ra bãi đất hoang, ra trời đêm. Trong ánh chớp, tôi thấy mẹ xổ tóc dẫm nát rãnh giá của cha. Những cọng giá non trắng.

Cha thấy giá nát. Cha thấy đêm tối lắm, sau cơn sấm chớp. Cha cho đốt đèn măng xông treo quanh dàn mô-tô bay. Cha đi quanh dàn kiểm soát lại mấu chốt, sờ vào những thanh gỗ chống dàn. Khách tụ tập không còn đông. Phi Yến và Đoàn Mô-tô Bay Vạn Niên dựng dàn trên bãi đất đã gần nửa tháng.

Tôi chạy vòng kiếm me. Mẹ đứng cạnh xe cam-nhông nhìn dàn gỗ chăm chăm, tay vuốt lại chiếc khăn quàng trắng. Mẹ có lẽ đang thấy chiếc khăn phấp phới trắng lúc mẹ bay. Nhưng tôi thì chỉ thấy lúc khăn bị dạt về phía vách dàn, như chiếc thòng, giữ mẹ lại. Tôi chạy đến nắm tay mẹ. Mẹ nói Thằng chó, mẹ có mua cho mày ly chè đậu đen để trong cam-nhông.

Tôi chạy chơi lúc mẹ rồ máy mô-tô. Tiếng dàn gỗ gầm lên rầm rập. Tôi nhảy tửng, hét to: Tay trắng tay đen/Chè đậu đen nấu đường cát trắng. Ly chè đậu đen mẹ mua cho tôi có ướp đá. Đêm nóng hực. Tôi nghĩ đường cát trắng chắc trắng như khăn mẹ. Mỏng, trơn, mát lạnh.

Xe mẹ leo dàn, lên cao. Dân chúng vỗ tay. Xe mẹ ép sát vào vách dàn. Mẹ bay. Mẹ thấy giá trắng đâm chồi đội đất, ngập rãnh, kéo dài mãi về chân trời màu cam lạt. Mẹ bay theo đường giá trắng. mẹ đứng trên yên xe, giơ tay khỏi đầu. Khách vỗ tay; giá vé năm cắc. Năm cắc còn hơn khơi tiêm đèn ngó nhau trong đêm tù mù tỉnh lẻ.

Mẹ bay không khỏi dàn cha dựng. Xe mẹ dán sát vào vách dàn. Xe mẹ chồm lên. Tôi nghe tiếng xe mẹ chồm lên. Mẹ thấy ra đường giá trắng của cha trồng chỉ tới bìa bãi đất hoang đầy sạn đá. Đường giá trắng của cha chôn carbine gói giấy dầu. Mẹ biết giá chỉ èo uột trên sạn đá, chỉ chạy đến bìa những bãi đất hoang, và sẽ không bao giờ thành giàn đậu.

Nhưng dàn cha đã dựng thì không sập. Cha bảo thế. Mẹ biết thế. Mẹ không cần biết phép tính xúc xắc. Cha bảo ngoài màn trình diễn của mẹ thì bên ngoài kia chỉ là sạn đá. Mẹ biết thế.

Nên mẹ bay khỏi dàn cha dựng.

*

Eugene kêu:

"Ê Kiên, tao có khoảng đất cạnh bờ sông, đặt máy bơm nước trồng bí rợ. Tao lấy chà che bớt nắng. Tháng này dây bí đang trườn trên sa mạc, nẩy trái màu xanh."

Giọng Eugene hơi nhỏ lại:

"Tới lễ Halloween tháng Mười bí tao trái nặng sẽ trên 20 cân, ửng màu vàng cam. Mày đến trick-or-treat, tao cho bí."

Tôi nói:

"Tao thì làm gì với bí rợ? Đúc bánh pumpkin pie à?"

"Bọn mày không biết thưởng thức pumpkin pie."

"Mày láo, không có cái gì mọc nổi trong chỗ sạn đá này. Mày không có xe để vượt khoảng cách của sa mạc. Dây bí của mày không bò trên sa mạc, xanh um, trái bí không cam rực. Chúng èo uột, chết khô trong khoảng không cháy nắng."

Eugene chồm dậy với lấy cây shotgun. Hắn ôm súng như cha ôm khẩu carbine. Mà mẹ vẫn bay. Khỏi dàn cha dựng.

Tôi nói:

"Mày cứ bắn đi. Những hạt đạn sẽ túa vào sa mạc. Mất hút. Tao không cần chìa khóa xe. Tao vẫn đi ra khỏi tầm đạn của mầy."

Tôi có thể nối dây điện công tắc. Tôi có thể chạy xe vượt chân trời của sa mạc. Tôi biết thứ Bảy tuần tới vào sòng bài, tôi sẽ nói: "Khỏe không Eugene." Và có thể sẽ cho hắn đi nhờ xe về nhà. Eugene sẽ ngồi nghế bành uống bia trên nóc trailer xem Marilyn nẩy mông, ôm váy, cong môi. Mặt Eugene sẽ nhấp nháy sáng giữa sa mạc.

Tôi nhảy xuống khỏi đầu xe Lincoln, bước đến gần Eugene.

Tôi và Eugene nằm ngửa nhìn trời, cách nhau 6 feet. Sao to như sà xuống. Tôi hỏi:

"Khăn quàng trắng buộc ở đầu giường là của mày?"

Eugene quay về phía tôi hồi lâu. Chắc hắn không thấy rõ mặt tôi trong tối.

"Của mẹ tao. Lúc sống trong viện dưỡng lão, bả thỉnh thoảng quàng khăn. Ai hỏi thì nói chuẩn bị cho sẵn sàng. Mẹ gặp ai cũng kể:

Khi chết, mới đầu mình chìm xuống, co rụt vào thân xác, sau đó thì nổi phình như bột bánh mì dậy men, cảm giác sẽ như bay... Mẹ tao lúc chết cổ buộc khăn quàng trắng. Như Amelia Earhart lúc đi bay."

"Bao lâu rồi?"

"6 tháng. Về sau bà ấy ở mãi trong phòng, khui đồ hộp ăn một mình, không thích có người vào. Mẹ chết cả 3 ngày nhân viên viện mới hay. Xác đã bắt đầu nổi phình."

Tôi ngồi dậy lui cui tìm cây đèn bấm, và tìm pin mới trong cốp chiếc Lincoln. Tôi gọi Eugene đến cầm đèn cho tôi sửa máy.

Điện vụt sáng. Trên nóc trailer, Marilyn hiện ra như tự chồm dậy một mình, giữa sa mạc, trong đêm tối. Marilyn tóc vàng phới và mông nẩy. Marilyn váy gió tốc. Marilyn môi cong.

Phần Phụ:

Đây không là lời kết, chỉ là phụ trang về những điều (có thể) xảy ra mà Kiên không kể vào truyện:

Kiên không kể lúc sét trắng lóe lên như dãi khăn lụa, lúc mẹ dẫm nát rãnh giá của cha, Kiên thấy sống chết gần gụi và khủng khiếp, sáng lòa và thôi miên. Không như máy đánh bạc slot machine: bài xúc xắc đã tính, all odds computed and accounted for; Disneyland theme parks; lối sắp xếp những khu nhà đang xây: Phase I, II, III. Không như trò chơi điện tử cuộc đua mô-tô của các con Kiên: vòng I, II, III mọi xê dịch đã ghi, đã tính. Con của Kiên trong trò chơi đó có thể bay xe mô-tô qua sông, qua rào cản. Những động tác vô hậu, như bóng, như nhái lại những điều không thể xảy ra, như mẹ Kiên đã từng làm trong màn trình diễn, trong động tác bay mãi không khỏi dàn cha dựng.

Kiên không kể mẹ Eugene tên Lucy Louise (ngắn là Lucy Lu), lúc sống vẫn ngồi nhìn ra cửa sổ đón ông bạn già Robert trần truồng đứng trên nóc toa xe lửa chuyến 11 giờ, chạy vục ngang bên ngoài phòng viện dưỡng lão hằng đêm. Người Robert bệu trắng, khôi hài. Robert vẫy vẫy tay. Lucy Lu vẫy lại bằng chiếc khăn quàng trắng. Lucy Lu không có cảm giác mất mát vì bà không có trí nhớ. Mọi điều xuyên qua tâm thức bà như màu trắng bệt trên thân hình Robert vụt ngang hằng đêm ngoài cửa sổ. Hy vọng không nằm ở tương lai. Nó chỉ

màu trắng, bôi trắng trí nhớ về tương lai. Lucy Lu hay chửi thề. Eugene nói Mẹ nói tục. Lucy hỏi tục so với cái gì?

Kiên không kể Eugene đã hỏi: Nên mong gì? Mong gì đây khi toàn bộ thời gian đã diễn ra? Marilyn sẽ đã trải qua mọi kết cục. Mọi chuyện sẽ đã xảy ra. Marilyn sẽ nuốt hết bao nhiêu đó viên thuốc của nàng. Hay Marilyn đã nuốt những viên thuốc của nàng, cách đây lâu lắm rồi, những mấy mươi năm trước? Ở thời điểm tương lai đó, Eugene đã hoàn thành gói bom chất đạm lấy từ phân bón; và hắn đã cho nổ đập Davis. Nước hồ Mojave đổ vào sông, tràn bờ dòng Colorado, lênh láng chảy qua sa mạc. Marilyn sẽ chỉ bàng quang trông xuống từ nóc trailer. Marilyn tóc vàng phới và mông nẩy. Marilyn váy gió mãi tốc. Marilyn môi cong.

NGUYỄN HƯƠNG
2000-20001



ĐỖ QUYÊN
Bài thơ không thuộc về ai
(trích trường ca)

(...)

Em hãy biết!
Trong các cuộc lữ hành nữ giới bị thua thiệt
Không có kẻ đồng hành mà hoặc không yêu hoặc không thù
Em sẽ chỉ có tình yêu sẽ chỉ có hận thù
Làm che làm lu cái đích
Thậm chí đó chính là cái đích
Ồ! Anh đã nghĩ sai khi coi đó là thua thiệt
Mà thật ra đó là sự lựa chọn được kết tinh
Những cái đích đàn ông tính nhiều lớp nhiều tầng
Lý tưởng, đạo hành, danh vọng, tiền tài, sắc dục
Qua xáo động Ông Tạo xếp lại cũng về nữ tính kép Tình yêu-Thù hận
Nữ tính trùm che những con đường những mục đích
Nữ tính chỉ huy bàn chân con mắt
Nữ tính em nền đất sản sinh
Đàn ông anh những hạt giống lang thang
Đàn ông này theo ngọn lửa chiến
Đàn ông kia theo cơn lốc tình
Đàn ông này theo cơn gió tiền
Đàn ông kia theo đợt sóng thơ
Đến đậu
Những mảnh vườn nữ tính đời đời

Những ai không còn suy tư
Đang cầm *phone* lập ngôn
Một ngày 23 tiếng
Lập thuyết qua *Tivi* theo các hãng quảng cáo-truyền tin
Mùa thu dị ứng em nghẹn giọng
Chiếc ống nghe bên này ho cộng hưởng một điệu khàn
Anh không còn tiếng nói của vỏ não khi các phương tiện
truyền thông độc tài toàn trị hồn em
Nếu một phút màn hình *Tivi* được trống
Với chúng mình ấy là bình minh sáng tạo
Văn minh kỹ nghệ bức tử văn minh ái tình
Nhắm mắt lại mở thân ra em đừng nghe thấy tiếng anh hôn *phone*

Không! Chúng mình không thủ dâm chúng mình yêu nhau
bằng lối chân quê bụi bờ và phản kháng trong một
không gian nào chặn thời gian giới hạn tột cùng
Nếu một tiếng Yêu khai tình chưa vượt được
nền công nghệ đến bên em
Như núi lửa đến độ tuôn trào
Thì dưới anh tuôn trào

Những ai không còn tầm nhìn
Dẫu mang kính mắt trái tả khuỳnh mắt phải hữu khuynh
Đều không nhận ra em mỗi khi hai ta dời nhau
Người Việt hải ngoại thế hệ thứ nhất chúng ta hẹn nhau làm tình
bằng tầm nhìn hữu hạn khiến con gián đực ngượng đỏ mình
Thế hệ thứ hai con cái chúng ta không nhìn không hẹn
về tình dục bởi nó hiển nhiên như màu con gián là hung đỏ
Thế hệ một rưỡi cháu em chúng ta mải nhìn tìm diệt gián
hơn là lo đi làm tình
Thế hệ cha ông chúng ta có lẽ không thực sự làm tình hoặc làm
tình ở tầm nhìn vô hạn nên đời nay loài gián mới nhiều đến vậy

Những ai không còn không gian
Sau một cái vuốt tóc thời gian ép lại
Sợi đen sợi bạc sợi màu
Em bao nhiêu tóc đã từng đau
Ở không gian khác
Ngôi nhà rèm trắng cửa luôn khép
Lẵng cây nghiêng từ mùa hoa trước
Cây phong già lá chưa xanh hết
Cặp chân nâu đâu còn trong mắt
Xếp vào trí nhớ của gió mây những chi tiết lộn xộn này
Là con dốc nhỏ vắng người nữ
Ở thời gian khác
Có người trai ngủ ngày giật mình nhặt lên chiếc đồng hồ đeo tay
Ngỡ con cu mình rớt

Những ai không còn những gì đời còn
Các bài thơ không thuộc về ai có chung tác giả
(...)

Mississauga 16/9-24/10/2001
ĐỖ QUYÊN





THƠ THƠ

Con yêu ai nhất?

(để tặng cho Cụ)

Nó chưa bao giờ nói với cụ là nó yêu cụ nhất.

Mẹ, những lúc chơi với nó, thường hỏi: "Con yêu ai nhất?", hoặc khác đi một chút: "Con yêu mẹ hơn hay bố hơn?"

Nó trả lời ngay, rất tự nhiên: "Con yêu mẹ nhất", không phải nghĩ ngợi gì. Bởi vì mẹ hay hỏi, nên mỗi bận trả lời nó lại càng thấy yêu mẹ hơn. Mẹ xinh đẹp lắm, hơn tất cả những người đẹp nhất trên ti-vi, người mẹ lúc nào cũng thơm, nhìn mẹ nó vừa ngưỡng mộ vừa hãnh diện. Mẹ lại giỏi nữa, cái gì mẹ cũng biết, vì mẹ đi dạy học mà.

Bố cũng có khi hỏi: "Con có yêu bố không?", nó bá cổ bố: "Có chứ, nhiều lắm", và cả hai bố con đều vui vẻ. Nhưng có một lần, bố hỏi thêm: "Con yêu mẹ hơn bố phải không?", làm nó phân vân lắm. Bố lấy tay hất nhẹ mớ tóc nó lòa xòa phủ trán qua một bên, bố vẫn hay sửa tóc nó theo kiểu ấy mỗi lần đi chụp ảnh dán vào học bạ. Nó ngần ngừ không nói, nó ngủ với mẹ buổi tối, hay chơi với mẹ hơn, nhưng nó cũng yêu bố lắm, tuy không giống như đã yêu mẹ.

Bố cứ sửa mãi tóc trên trán nó, gặng hỏi:

"Con yêu mẹ hơn bố phải không? Nói thật đi, bố không buồn đâu.

Nó gật đầu, nhìn đi nơi khác, không ôm bố như mọi khi. Bố ôm nó, hôn lên tóc, trầm ngâm. Bố không buồn, thế là nó mừng rồi. Nhưng nó buồn , buồn cho bố, buồn vì không biết nói làm sao cho bố hiểu.

Và nó thấy nhẹ nhõm, vì vẫn được yêu mẹ nhất.

.

Ban ngày bố mẹ đi dạy, nó ở nhà với cụ, chơi với cụ. Mẹ bảo cụ là mẹ của bà ngoại, nó là chắt của cụ, nhưng cụ bảo: "Nó là con búp bế của cụ đấy!". Nó vẫn bán phở cho cụ ăn, cụ hay vẫy tay gọi: "Cô hàng phở ơi, bán cho tôi một bát nào", mỗi lần nó cất tiếng rao hàng ầm ĩ. Trưa nó ăn cơm với cụ, những món cụ làm là ngon nhất. Xong cụ và nó nghỉ trưa. Nó nằm xấp, cụ ngồi cạnh vừa xoa lưng vừa phất nhẹ cái quạt giấy, ru khe khẽ cho nó ngủ:

...À ơi, cái bống đi chợ cầu (ớ) kênh,
Con tôm đi trước, củ hành theo (à) sau.
Con cua cọc cạch theo hầu,
Cái chầy rơi xuống... vỡ đầu (à) con (à) cua..."

Trong giờ trưavắng, giọng ngâm "À, à ơi" với "ơi à" nghe buồn não nuột, mỗi lần nó ngóc đầu lên định nói thì cụ lại bảo: "ngủ đi con", nên chẳng bao giờ cụ biết nó buồn cả. Tiếng ru làm mắt nó trĩu xuống, giấc ngủ trưa có gió mát phe phẩy, bàn tay cụ vẫn xoa đều trên lưng nó, theo nhịp với lời ru.

....

Cụ còn biết nhiều bài lắm, con mèo trèo cây cau, con gà cục tác lá chanh, con kiến mà kiện củ khoai, mà bài nào cũng hát được theo một điệu, thật là tài. Mẹ gọi nhạc của cụ là ca dao. Nó khoe với mẹ:

"Hôm nay cụ dạy con hát bài mới, mẹ ơi!

Mẹ cười:

"Bài này có con gì, con cua hay con mèo?

"Bài này có con cò, bài này là buồn nhất!

Mẹ lại cười:

"Tại sao con buồn?

"Tại vì.., tại vì có con cò, nó ngã xuống ao, người ta có thể ăn thịt nó.

Hình ảnh tưởng tượng làm nó rớm nước mắt, mẹ kéo nó vào lòng:

"Để mẹ nói cụ đừng hát bài này nữa nhé, cho con khỏi buồn

nhé!

Nó lắc đầu:

"Đừng, mẹ đừng nói".

"Tại sao?

"Con hết buồn rồi".

Mẹ lau nước mắt trên má nó:

"Ở nhà con có ngoan với cụ không?

Nó gật.

"Thế cụ có yêu con không?

"Có chứ. Con cũng yêu cụ nữa".

Mẹ bẻ cổ áo cho nó:

"Con yêu cụ bằng ai?

Nó ngập ngừng, hoang mang lắm vì đây là một câu hỏi mới: Yêu bằng ai?

Có thể "bằng" là "giống", nhưng nó yêu cụ không giống như nó yêu mẹ, khác với nó yêu bố. Nó chợt nhớ ra cụ vẫn bảo *Cụ yêu con nhất,* và buột miệng:

"Con cũng yêu cụ nhất!".

Nó nói rất dõng dạc, như những khi làm được điều gì tốt và biết sẽ được khen.

Nhưng lạ chưa, sắc mặt mẹ không vui, giọng mẹ bất chợt đanh lại:

"Thế con yêu cụ hơn mẹ à?"

Nó chột dạ, vậy là nó nói sai rồi, nhưng không biết sai chỗ nào? Nó lo lắng nhìn mẹ, cố chữa:

"Không , con yêu mẹ nhất mà!"

"Con vừa mới nói yêu cụ nhất xong! Đồ nói dối!"

"Con yêu mẹ nhất, với cụ nhất luôn..."

Mặt mẹ sầm xuống, mẹ hẩy nó ra:

"Mẹ đẻ ra con thì con phải yêu mẹ nhất chứ, thứ con bất hiếu nhỉ. Thôi đi đi, mẹ không yêu con nữa".

Nó lăn vào lòng mẹ:

"Mẹ! Mẹ yêu con đi, con yêu mẹ nhất mà!".

Nó lay lay cánh tay mẹ, ngước nhìn mẹ nằn nì, nhưng mẹ vẫn lạnh lùng không thèm nhìn nó. Chưa bao giờ nó nó thấy mẹ xa la như thế, như một người hoàn toàn khác. Bỗng dưng người nó lạnh toát vì sợ hãi, thì ra mẹ không yêu nó nữa, mẹ muốn đuổi nó đi. Nó không biết phải làm sao, không biết phải trốn đi đâu bây giờ.

Nó có thể chạy vào phòng cụ, ở ngay góc cầu thang, nhưng thế thì cụ sẽ biết chuyện. Nó nghĩ đến bố: *"Ồ, Bố! Đúng rồi, Bố sẽ giúp*

mình". Nó mừng như sắp thoát nạn. Thế mà không nghĩ ra, bố sẽ nói cho mẹ biết là *nó yêu mẹ hơn bố, và bố không buồn gì hết!*

Nó cắm đầu chạy đi tìm bố.

Mẹ gọi giật:

"Con đi đâu thế?"

Nó quay lại e dè, mặt mẹ đã dịu lại, mẹ đang mở rộng tay chờ nó lao vào. Nó vẫn đứng im một chỗ, lưỡng lự, chưa hết sợ. Mẹ kéo nó vào lòng. Hành động âu yếm này làm nó càng thêm buồn tủi, nó òa lên khóc, nước mắt đầm đìa. Mẹ hôn lên đôi má ướt đẫm, nói thì thầm:

"Nín đi con, mẹ yêu con mà. Con là con của mẹ, mẹ yêu con nhất trên đời mà. Đừng khóc nữa, mẹ xin lỗi, đừng khóc nữa!".

*

Mấy hôm sau nó vẫn còn suy nghĩ mãi về câu chuyện đó. Nó vui vì mẹ vẫn yêu nó như cũ, nhưng nó buồn mỗi lần nhìn thấy cụ. Tội cụ nhỉ, nó không thể yêu cụ nhất được rồi. Và nó tự hỏi, có ai yêu cụ nhất không? Mẹ và bố đều nói là yêu nó nhất, mẹ còn bảo vì nó là con mẹ nên mẹ yêu nó nhất trên đời. Bà thì rõ ràng yêu dì út nhất. Cụ không có mẹ - nó chưa bao giờ thấy mẹ của cụ cả - thế là chẳng ai yêu cụ nhất hết. Đến lúc này, nó mới để ý là ít có người chơi với cụ, thân với cụ. Những lúc không phải chăm nó, cụ ngồi lặng lẽ trong cái buồng bé xíu, xem ti-vi một mình.

Cái ti-vi nhỏ lắm, cụ cứ phải ngồi thật gần, dí mắt sát màn hình, tiếng phát ra oang oang nhưng cụ vẫn phải giỏng tai nghe. Cụ thích cải lương, nó cũng coi cải lương luôn. Nó thích cả Thái Thanh vì cụ thích Thái Thanh nhất: "Cô này hát rõ lời lắm, thế mới là hát. Những người khác hát cụ chịu, nghe chẳng hiểu chúng nó muốn nói cái gì".

Căn phòng nhỏ, lối đi hẹp cỡ ba viên gạch, chỉ vừa kê cái phản gỗ và mấy cái rương quần áo. Các vật dụng cần thiết cụ để đầu giường, ngay tầm tay với. Một hộp bánh quế đựng đủ các loại dầu gió, cù là, khuynh diệp, bạc hà, mỗi thứ dầu cụ dùng trị mỗi bệnh khác nhau, với cả đồng tiền cạo gió. Một hộp bánh bích qui đựng các loại thuốc nhỏ mắt, ngậm ho, nhỏ mũi, đau bụng. Một hộp kẹo tây đủ màu vui mắt đựng đồ nghề kim chỉ, những mụn vải con con vá áo quần, cùng đủ loại khuy bấm, nút áo. Những khuy áo chẳng cái nào giống cái nào, lâu lâu cụ lại nhặt được một chiếc ở xó nhà, hoặc bể nước giặt đồ, cụ chùi rửa kỹ lưỡng rồi đem cất lại vào hộp kẹo.

Trên nền những đồ vật quen thuộc đó là cụ của nó, mặc áo cánh trắng, đầu vấn khăn nhung sờn, đang cặm cụi vá quần cho nó. Dáng cụ

ngồi với cái lưng còng làm nó nghĩ tới một chữ C màu trắng, từ khi nó biết nhớ thì lưng cụ đã như thế rồi.

*

Có một lần nó làm cụ buồn. Đó là sau tết Trung Thu, cụ vẫn còn giữ nhiều bánh còn lại sau hôm phá cỗ trông trăng. Chiều hôm ấy, trước khi bố mẹ đi dạy về, cụ kêu nó vào buồng cho hai miếng bánh nướng thật nhiều trứng, thứ nó vẫn thích nhất. Nó vừa đạp xe vòng vòng quanh sân gạch vừa ăn bánh. Lúc ấy mẹ về, nó vội vàng phóng xe ra cổng đón mẹ. Hai mẹ con ôm chặt nhau, nó hôn mẹ làm vụn bánh dính cả vào mặt mẹ. Chợt mẹ kêu ầm lên:

"Con ăn cái gì thế?"

Nó móc trong túi áo ra mẩu bánh cắn dở, hí hửng:

"Bánh Trung Thu. Có trứng".

Mẹ cau mặt:

"Cụ cho phải không? Bánh cũ rồi, đừng ăn nữa. Vứt đi".

Nó ngẩn người nhìn mẹ:

"Còn ăn được mà, mẹ ăn thử đi. Ngon lắm!".

Mẹ quắc mắt:

"Ăn vào đau bụng chết. Cụ hay giữ thức ăn cũ trong buồng lắm. Mà mẹ có để cho con đói bao giờ đâu. Đem vứt ngay đi."

Nó líu ríu đi theo mẹ vào nhà. Đến cái sọt rác trước cửa buồng cụ, mẹ và nó cùng dừng lại. Nó lo lắng chỉ sợ cụ nhìn thấy, nó định nói mẹ đem vứt ở chỗ khác, nhưng mẹ đã ra lệnh:

"Ném vào đấy!".

Như cái máy, nó quăng miếng bánh vào sọt, rồi chạy vội ra sân như đi trốn.

Nó buồn ghê lắm, không phải vì không được ăn bánh, mà vì mẹ chê bánh của cụ. Nó không tin là bánh đã cũ rồi, và ăn vào sẽ đau bụng chết. Cụ yêu nó nhất, chẳng lẽ cụ lại cho nó ăn bánh để mà chết à.

Cụ vẫy nó vào buồng, trông cụ không vui như mọi khi:

"Sao con lại vứt bánh vào sọt rác?"

Nó ngẩn người *Tại sao cụ biết?* Nó thấy thật khó nói, vì nó không muốn cụ giận nó, lại cũng không muốn cụ giận mẹ nó.

"Con vẫn thích bánh có nhiều trứng mà, tại sao kỳ này lại vứt bánh đi?"

Nó cúi gầm xuống, lí nhí:

"Mẹ không cho con ăn, mẹ bảo bánh cũ rồi. Có thể làm cho chết."

Giọng cụ có vẻ giận:

"Thôi được, từ rày cái gì con không ăn thì đem trả lại cho cụ. Đừng có vứt đi, phí của giời. Bao nhiêu người cơm không có mà ăn kia kìa, con vứt thức ăn đi như thế là phải tội đấy!"

Nó liếc nhìn cụ, để ý thấy tròng mắt cụ loang loáng nước, bàn tay cụ run rẩy vịn vào tường khi bước lần về phía cái phản gỗ. Nó kinh hoàng nhận ra cụ đã yếu lắm rồi, có thể bị bịnh nặng không chừng, và cụ có thể ngã xuống bất cứ lúc nào.

*

Từ hôm đó, nó thấy cụ yếu hẳn đi, lúc nào cũng phải chống gậy. Bà và mẹ không cho cụ nấu chè và nấu những món ăn nó thích nữa. Bây giờ nó nấu cho cụ ăn, món nào nó cũng biết nấu, toàn là những món ngon nhất, mà lại rất rẻ, chỉ có một đồng một món thôi. Cụ mua nhiều lắm, nên ngày nào nó cũng có tiền để ăn hàng đầu ngõ.

Cụ vẫn khâu quần áo cho nó, tỉ mỉ hàng giờ, đắp những mụn vải khâu chồng lên những chỗ rách. Cụ thật khéo tay, vá rất phẳng, rất chắc, khó mà rách lại lần nữa. Nó phục cụ lắm, nhưng mẹ lại không hiểu, không cho là đẹp.

Hôm đó nhà có khách, lúc họ đi về, mẹ kêu nó lại, nhìn chòng chọc bộ đồ nó đang mặc:

"Tại sao lại khâu vá chằng chịt thế này?"

Bộ quần áo ấy vừa mới vá xong buổi trưa, một miếng ở cùi chỏ, một miếng ở đầu gối, hai miếng đắp ở nách. Nó chống chế cho cụ:

"Đẹp chứ..., cụ làm lâu lắm mới xong".

"Sao con không mặc bộ màu hồng cổ lá sen mẹ mới may?"

Nó ngần ngừ.

"Con không thích à?"

"Có, con thích chứ..."

"Đi thay đi, ai lại mặc quần áo vá bao giờ!"

"Con nghĩ là không mặc được đâu".

"Tại sao?", mẹ cao giọng.

Nó đành nói thật:

"Nó bị rách ở đít rồi".

"Con làm sao mà đến nỗi rách đít, hở?

Nó cúi đầu, không nói.

"Sao mẹ hỏi mà không trả lời?"

"Con không biết,... tự nhiên nó rách".

Mẹ thở dài:

"Mang ra đây cho mẹ xem".

Nó ngập ngừng:

"Cụ đang may lại, nó ở trong phòng cụ".

Tự nhiên mẹ nổi giận bất ngờ:

"Mẹ không cho con mặc quần áo vá, nghe chưa! Nhất là lúc mẹ có khách, họ cười mình, họ tưởng nhà mình nghèo lắm đến nỗi mẹ không may nổi quần áo mới cho con. Đem vứt hết những cái đồ vá này đi!"

Mặt nó nóng bừng, nó gào lên trong đầu *Không!!! Không được vứt đi của cụ!* Nước mắt nó trào ra khi thấy mẹ lục lạo mớ quần áo cũ, ném sang một bên những món đồ cụ đã khâu cho nó .

Nó giậm chân tức giận:

"Con yêu cụ nhất! Tại vì cụ vá áo cho con!"

*

Cụ ngã trong phòng tắm mà suốt đêm không ai biết. Sáng ra mẹ thấy cụ nằm sóng soài bên sàn nước, không nói được nữa. Từ lúc đặt cụ lên giường, cụ mê man không biết gì hết.

Nó bôi dầu bạc hà lên mũi, lên trán cụ, bôi hết cả tay chân, như cụ vẫn làm mỗi khi nó trúng gió. Mùi dầu bay sực nức phòng, làm nó chảy nước mắt ràn rụa, có thể vì vậy mà cụ tỉnh dậy, hé mắt nhìn nó. Nó mừng quýnh:

"Cụ ơi! Con đây này!"

"Con đây này, cụ dậy đi!"

Cụ không ngồi dậy được, chỉ thấy môi mấp máy, chắc cụ muốn nói với nó. Không ai hiểu cụ muốn nói gì, nước mắt cụ ứa ra, cụ cứ nhìn nó mãi, chỉ nhìn nó thôi. Nó vỗ vỗ bàn tay khô quắt queo, bảo:

"Cụ có muốn đắp chăn thêm không? Cho đỡ lạnh!"

"Con lấy thuốc cho cụ nhé, con biết nó ở trong hộp bánh bích qui bơ."

"Con để khăn ướt lên trán cụ nhé, cho đỡ sốt!"

Nói chán rồi nó ngồi nhìn cụ, trông cụ nằm thật kỳ lạ, bất động hơn cả cái giường. Mẹ ghé vào, bảo nó ra ngoài chơi cho cụ nghỉ. Buổi trưa nó ngủ dậy thì người ta đã mang cụ đi rồi.

Nó ghé vào phòng cụ, mọi thứ vẫn y nguyên, nó yên lòng biết cụ không đi lâu được. Quần áo cụ vẫn đầy đủ, thế nào cụ cũng phải

về, mấy lọ dầu vẫn để đầu giường, ngày nào mà cụ chẳng phải bôi dầu, thế nào cụ cũng phải về.

*

Mẹ bảo: "Cụ đã lên Niết Bàn", để an ủi nó. Những ngày đầu nó khóc lóc thảm thiết, nhất là lúc trời chạng vạng tối, giờ mà cụ vẫn gọi là *gà lên chuồng*, nó đòi phải có cụ về nó mới chịu ăn cơm. Mẹ dỗ nó đủ cách, mua cho nó nhiều đồ chơi mới, mua cả con búp bê thật to tóc vàng. Mẹ không đi dạy nữa, chỉ ở nhà chơi với nó.

Bây giờ thì đỡ rồi, nó không khóc nhiều nữa. Mẹ dặn đừng khóc thì mẹ sẽ may thêm áo mới cho búp bê. Mỗi chiều nó rủ mẹ bày những con búp bê xinh đẹp ra giường, chải tóc, thay quần áo cho chúng.

"Mẹ ơi, con nào đẹp nhất?"

"Mẹ ơi, mẹ thích con nào nhất?"

Mẹ mi lên má nó:

"Mẹ thích con này nhất này!"

"Không, búp bê cơ mà! Không phải con!"

"Con là búp bê của mẹ!.."

Cụ cũng từng nói như thế, *nó là con búp bế của cụ đấy....*

Mẹ bế nó, đặt lên lòng:

"Mẹ yêu con nhất, con biết không, yêu hơn tất cả mọi thứ trên đời. Con có yêu mẹ không?"

Nó nũng nịu gật đầu.

"Con yêu ai nhất?"

Con yêu ai nhất? Câu hỏi làm nó buồn ghê gớm. Nó hình dung ra cụ thân yêu, cặm cụi vá áo trong căn buồng nhỏ, dáng ngồi còng lưng như một chữ C màu trắng. Nó nhớ đến miếng bánh nướng mà nó đã vứt đi, miếng bánh không bao giờ nó còn được ăn nữa. Nó cố hết sức đừng khóc, dấu mặt vào lòng mẹ:

"Con yêu mẹ nhất...".

THƠ THƠ



LÊ NGHĨA - QUANG TUẤN
Động

...
Tôi tát vào mặt anh
Thằng đàn ông
Có vầng trán lầm lì ngoan cố
Mắt sáng thông minh lóe lửa hận thù
Há từng khuất phục
Miệng chỉ biết lảm nhảm những lời ca sặc mùi sinh tử
Trong đêm đỏ
Rậm rực rú rừng
Răng anh trắng
Đã cắn cười vang qua bao nỗi nhọc nhằn
Nhưng trước mặt tôi
Hóa là ngạo mạn

–

Tôi trói chặt tay anh
Để hóa giải những gì u uất nhất
Để tháo mở những đam mê có thật
Nhắm mắt vào!
Há miệng ra!
Tôi vẫn là tôi đây
Và anh đó vẫn là anh tội nghiệp
Vét sạch mớ oan khiên
Ta vây quanh nhau làm thành trì vây quanh số kiếp
Trong vòng tay tôi, giữa cõi mông lung này
Tôi sẽ biến anh thành đứa trẻ
Có ngây thơ, có hé mở, có đợi chờ
Có cả những phút giây không dính liền quá khứ
Đi! Đi ngay!
Hãy bắt đầu với khoảng thời gian
Thay chào đón bằng vạn lời xin lỗi

–

Tôi xé toạc áo quần anh
Như xé đi
Một linh hồn rũ nát

Tháo banh ra những gì không cần che đậy
Giải thoát đi luôn những gì chẳng cần khai mở
Bóng tối
Quyện bóng trăng
Loang loãng dần
Tan
Hoang
Mùi popper nồng nực
Tiếng rít của những ngọn roi sẽ quất ngược anh về
Miền hương đồng cỏ cũ
Nơi có những đóa hoa muôn màu
Đang nở rộ giữa vùng gai góc nhất
Đây!
Những đóa hoa lóa lửa tang thương
Những đóa hoa được vun trồng bằng đạn bom và nước mắt
Sung sướng ứa lên...
Đớn đau ào xuống...
Giữa không cùng anh chỉ thấy tôi
Hạnh phúc nhất lẫn cùng đau khổ nhất

–

Tôi đâm thẳng vào thân anh
Chỗ giấu ẩn trần gian chưa giáp mặt
Đứng trước giáo tôi
Từ chối?
Đón mời?
Hay hèn mạt để làm can đảm?
Dù gì thì tôi cũng sẽ tiến vào
Sẽ chiếm đoạt những gì không muốn lấy
Sẽ bắt dẫn anh về
Vùng khoái cảm trong tận cùng sâu thẳm
Xong rồi
Tôi sẽ vất trả lại anh
Một thằng đàn ông - Một xác thân - Một linh hồn
Lạc loài vô âm thế
...

Trong góc tối của một căn phòng đỏ/nhỏ có hai người đàn ông giành/cho nhau mộng

LÊ-NGHĨA QUANG-TUẤN





PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Nhân bản vô tính vị tình?

Tháng chín 2010.

Lần thứ nhì, điểm đau xuất hiện cũng bất ngờ, như lần chớp ngoằn ngoèo trên bầu trời đêm trong sáng. Mũi kim đâm bắt đầu từ giữa ngực trái, mọc dài xuyên ngang bụng, trổ ra lưng, lan lên vai trái. Một đường đau bất ngờ, bén ngọt, rõ ràng. Và ngay lập tức, trái tim cuống quít, dồn dập nhịp đập, hỏi han và kêu cứu. Mồ hôi ướt ngực. Không khí chợt đậm đặc, ngưng đọng trước mũi. Khi mở mắt ra, đêm vẫn yên tĩnh bình thường quanh tôi, chỉ váng vất đâu đó một chút bàng hoàng, một chút hoang mang của khoảnh khắc sau ác mộng. Không, ngắn hơn ác mộng. Một cái chớp mắt kéo dài của một đoạn phim quay chậm. Một đoạn phim không đầu đuôi, điển tích, không cốt chuyện, ngụ ngôn. Cơn mơ bất an? Có phải một thoáng mộng dữ?.

Lần thứ ba, chấm đau vẫn bất ngờ và ngắn ngủi nhưng trí nhớ bắt đầu ghi dấu và vẽ lại trình tự thành hình. Điểm đau đột khởi, đường chém ngọt, nhịp tim hoảng loạn, thúc bách, hơi thở mất tăm, những bong bóng phổi xì hơi ngoi ngóp mang cá mắc cạn. Phải tìm cho ra điển tích, thông điệp.

Bây giờ, trong khi chờ đợi, tôi đâm ra bực bội vì đôi lúc bắt gặp mình đang nghe ngóng, mong chờ, theo dõi bước đi của mũi gươm, bực bội vì tưởng như cả tâm trí mình đều hội tụ về chỗ đau ấy.

Khi nào? Có phải sau lần đến bệnh viện thăm chú Hóa? Có phải từ hôm được tin đứa con út li dị vợ và không quyền giữ con?

Lần thứ tư, nó xông đến vào buổi sáng hôm nay. Như thường lệ vào mỗi thứ hai, tôi giữ thư viện hai giờ với cô bạn thân Simone; đến nơi, sau khi vào phòng trong cất ví, áo khoác, tôi quay ra, tay ôm chồng sách báo mới lấy từ hộp thư đầy ứ ở tầng trệt thư viện. Chưa ngồi hẳn xuống ghế, tôi với tay bật máy tính; vừa ngẩng mặt chớp mắt cười chào Simone đang bước qua hành lang. Nụ cười chưa kịp khép. Đôi mí chưa kịp hạ thành cái chớp mắt nhìn ra màn ảnh bật sáng. Những quyển sách, chồng báo đổ sầm rơi rụng xuống sàn gỗ. Có lẽ tôi cũng nặng nề rơi xuống ghế, rơi vào đêm. Chưa xong một cái chớp mắt.

Ánh sáng mở ra, tôi thấy ngay đôi mắt kinh hoảng của Simone kề sát. Từ chỗ hành lang, nó phải bay đến đây, năm, bảy mét, hẳn là bằng ba cái chớp mắt. Simone ôm vai tôi lay mạnh, bàn tay kia xoè ra như sắp sửa tát vào mặt tôi. Sắp tát hay tát cái thứ hai, thứ ba? Thảo nào nghe mặt nóng bừng, tôi kêu lên :

- Ê bạn!

- Thượng Đế ơi, Chúa ơi. Mày làm tao hết hồn, cái gì thế? Cái gì thế? Tao gọi bác sĩ đến?

Máy vừa bật hỏi mã số riêng. Không, hai cái chớp mắt. Tôi bật ho, ôm ngực trấn an những nhịp đập đã mất nhịp. Như vậy "nó" có thật ư, Simone đang làm biên bản. Tôi thất vọng.

- Mở giùm cửa sổ đi Simone.

Cô bạn vẫn lặng yên, thêm một chút ái ngại và ngạc nhiên trong ánh mắt. Luồng sấm vô âm vô ảnh cũng qua nhanh như những lần trước." Nó" đã đến và đã đi rồi.

- Hơi ngộp một tí thôi, Sissi. Cả tuần nghỉ lễ nên không khí nơi này bị nhốt với đám sách vở, nó phản kháng. Không sao, tao hơi mệt vì thiếu ngủ.

Simone đi thụt lùi về phía cửa sổ, đôi mắt vẫn lạ lùng xanh xám. Nắng và gió ùa vào từ đôi hàng cây tiêu huyền vàng rực hai bên đường đưa ra cổng sắt thư viện cổ.

- Này, thở sâu vào đi. Tao có cảm tưởng mày vừa ngất đi, phải không?

Tôi ngồi ngay ngắn, gượng cười :

- Không. Chỉ hơi khó chịu chút xíu thôi. Không sao. Có lẽ cái đầu óc lì lợm của tao phản kháng giờ mới mùa thu.

Simone cúi xuống nhặt nốt những tờ báo, xếp ngay ngắn trước

mặt tôi, vừa thở ra vừa lắc đầu, tôi nắm tay bạn, cám ơn. Simone vẫn lắc đầu, nhưng đôi mắt xanh đã vơi đi ánh xám nâu sợ hãi :

- Như mày vừa đi đâu vắng, tại hôm qua chúng mày lại quần thảo cả đêm chứ gì?
- Hừ, cái gì mày cũng biết thì tao còn nói năng chi nữa?
- Phải cẩn thận, bọn chúng ta hết trẻ rồi, bạn nhỏ.

Vừa nói nó vừa cười chỉ vào ngực mình.

Hai tháng trước, Simone trợt chân ngã trong bồn tắm, vú trái đập vào vòi nước, đỏ bầm một mảng to. Đến nay, thỉnh thoảng tôi thấy nó nhăn mặt, những ngón tay gõ nhịp trên bờ ngực. "Ừ vẫn như có gì kì kì, đau chẳng ra đau, ngứa không ra ngứa, lạ lắm, dù hình chụp quang tuyến X và siêu âm rất bình thườnng. Vết bầm hóa xanh rồi trở nên đen mà vẫn chưa mất hẳn, chắc tao phải đi cắt mẩu khám tế bào".

- Công chúa ơi, đừng nhắc đến tuổi tác nữa, tao hết ăn bánh sinh nhật từ mươi năm nay rồi.

Simone cười to :

- Đà điểu thân mến, thỉnh thoảng nên bớt vô tư một tí. Vì cơ thể không để mình yên đâu, cứ bật nút báo động! Này, mọi việc cho tuần tới, bọn mình lo xong cả rồi, mày muốn về sớm thì cứ về tự nhiên. Có muốn tao gọi Nhân không?

Tôi lắc đầu, lẳng lặng giở báo, lấy phiếu ghi. Không dám hỏi Simone đã đi khám tế bào chưa. Lại nghĩ đến "nó". Từ đâu tới? Quen biết bao giờ? Có phải dấu bầm Simone ám ảnh? Báo động gì? Xanh đỏ?

Năm ngoái sau khi đã ngồi đọc gần hết bộ tự điển y khoa và tìm thấy vô số bệnh có thể sẽ mắc phải kể từ tuổi sáu mươi, hai đứa tôi chẳng thiết nói đến chuyêỳn này nữa.

Tôi thở dài dẹp chồng sách báo, xếp trả các phiếu về chỗ cũ, rồi đứng lên. Tim phổi đã bình thường thật rồi, chỉ có cái đầu chưa bình an. Tôi mang bình nước đi tưới những chậu cây trên các bệ cửa sổ. Và nghe thấy đôi mắt Simone lo lắng rà trên lưng, sau gáy. Tôi quay người lại, mỉm cười :

- Ê bạn già, Halloween 2010 của lũ cháu nhỏ nhà mày ra sao?
- Hừ, như đám giặc chòm. Quái lắm, đứa nào cũng rất thích được sợ. Mày cảm thấy trong người thế nào, không sao thật hả? Ba con ma đến viếng buổi tối, vẫn lũ ma cũ : Franskenstein, Dracula, Satan. Suốt tuần là kẹo bánh, xi nê, và ra ngoài phố xem hội chợ. Lúc nãy quên mang theo ảnh chúng cho mày xem
- Bốn thằng cháu nội của tao cũng thế : mặt nạ Freddy, Vampire, Bin Laden, Bush Jr. Thế giới này chưa đủ điều đáng sợ?.
- Kể từ hôm nay thì bọn già tụi mình lại lủi thủi.

- Dọn dẹp và bùi ngùi nhớ nhung chúng nó! Ôi vòng nhân sinh lẩn quẩn.

Hai đứa tôi nhìn nhau cười.

Simone huyên thuyên về những ẩn ức của tiềm thức, tâm lý trẻ con. Dư âm các bàn tròn năm ngoái, 2009, về vai trò Phân tâm học trong các nước Á đông, Tâm lí trẻ con thời bình thời chiến vàv... Simone hân hoan :

- Không phải vì mình già, nhưng càng ngày tao càng thích khi đi ngược mãi về trước, năm sau tao đề nghị mình tấn công vào thế kỉ mười tám.

Đúng rồi, ba tuần nữa, chúng tôi trình bày chủ đề triển lãm cuối năm do thư viện tổ chức "Chủ nghĩa Siêu thực trong văn chương và hội họa đầu thế kỉ 20". Suốt năm tháng nay chúng tôi chia nhau soạn thảo chương trình, sưu tầm tranh ảnh Odilon, Dali, Max Ersnt, Picabia, Marcel Duchamp, Man Ray vàvà những bài thơ của Rimbaud, Breton, Aragon, Crevel,vàvà Simone đang kết luận bài thuyết trình, nó chỉ còn phải đẻ bản tóm tắt gửi cho chàng phóng viên địa phương báo tỉnh.

Tôi tự nhủ nếu bệnh thì nhớ chỉ bệnh hôm nay hoặc ngày mai thôi.

Bên bàn kia Chiristine chăm chú gõ, kích đều đặn trước màn ảnh máy tính, tôi lại ngẩn ngơ nhìn những hàng chữ vô nghĩa lướt chạy trước mặt. Đúng ung thư bao tử, hay.. đau tim? Hoặc lao phổi? Những báo động của bệnh quên, bệnh lão àhóa? Đúng rồi, lão thật chứ hóa gì. Xung quanh tôi, người ta như thấy tín hiệu rõ ràng hơn tôi.

Sáng nay, chưa xong bữa điểm tâm Nhân đã chẳng dặn dò đó sao :- Trưa chờ anh ở quán X. Nhớ không?

- Nhớ! Anh đã nhắc từ tối hôm qua.
- Anh có thể ghé qua thư viện đón em.
- Em sẽ nhớ mà! Anh quên hôm nay em có một giờ rưỡi tập làm mĩ nhân ngư? Đi bộ chưa quá mười lăm phút từ hồ tắm đến quán ăn.

Tuần rồi về chơi ngày thanh minh, những đứa con cũng nhắc nhở không ngừng "mamie nhớ cái hẹn bác sĩ tháng tới?". "Mẹ đã đi lấy kết quả siêu âm chưa?". Nghỉ hưu mới hai năm nhưng tôi có cảm tưởng xã hội quay lưng lại với mình và những người thân thích bạn bè thì bám sát, lôi cổ, giật tóc mai, như thể tôi sắp rơi chìm vào bể quên hồ lãng. Dĩ nhiên, hai ba tuầọn sau ngày hưu tôi không ngừng điện thoại cho bạn đồng nghiệp hoặc cho các con, hỏi han về lũ cháu, về thời tiết nơi chúng ở. Khi bắt đầu thoáng nhận nét thương hại thông cảm của bạn và nỗi lo lắng của con, tôi giật mình. Xuống xe lửa rồi thì vẫy tay từ biệt, thong thả đếm bước đi, gõ nhịp thở, rời bỏ hai đường rầy xưa, nhìn ngắm quang cảnh bên ngoài con đường cũ chứ có đâu quáng

quàng chạy theo xe, ơi ới đòi lên, để thấy lại những gì đã thấy?.

Cái hụt hẫng, chênh vênh phải có nhưng không thể kéo dài. Dù muốn dù không. Nhưng con người thường mâu thuẫn, sang năm thứ hai, vì tôi im tiếng, thư từ điện thoại bạn bè đồng nghiệp lại tới tấp hỏi thăm.

Cũng may cho tôi, đầu năm ấy, báo chí bàn tán xôn xao chuyện một đôi vợ chồng trẻ ra toà về tội làm chết đứa con hai tháng. Họ đổ thừa nhau đã hơn một "rung lắc" cháu bé. Trong khi chờ công an điều tra định tội, ở mục thời sự xã hội, báo chí chạy tít " xin đừng lắc trẻ sơ sinh" các bác sĩ dặn dò trên đài phát thanh, truyền hình : này, xin quý vị không nên "giày vò", rung lắc, lay giũ trẻ nhỏ mới sinh, vì xương sọ cháu mềm, óc cháu lửng lơ trong dịch não vân vân và vân vân.

Tôi gửi message năn nỉ ": xin đừng lay giũ những bà già vừa về hưu, xương họ dòn, óc họ nhũn và sắp sửa bời rời tan rã vì những nhớ nhung. Và biết đâu đấy, Alzheimer đang bắt đầu? "

Tuy một rừng thư từ phản đối bay về nhưng mọi dặn dò trở nên kín đáo, tế nhị khôi hài hơn. Tôi được yên thân, ít ra đến hôm nay. Triệu chứng gì khiến tôi lại được/bị những nhắc nhở mới?

Một lát sau, tôi tắt máy, đứng lên, nói với bạn như nói với mình:

- Thôi, tao đi đây, Sissi. Tuần sau nhá. Đừng lo lắng, thế nào rồi cũng xong.

Tôi tự dặn nhớ tuần sau rủ Simone cùng đi ăn. Ôi, Simone. Thấy mặt nhau từ lúc đưa lũ con lần lượt hết học mẫu giáo, qua trung học rồi cùng đưa chúng đi thi Tú Tài. Nhưng chỉ chào hỏi, nói chuyện nắng mưa tuyết gió.

Rồi bẵng dấu nhau cho đến khi tôi về hưu, bắt đầu lui tới thư viện làng, tình cờ gặp lại Simone. Thế là rủ nhau cùng vài người làng khác, thay phiên làm thần giữ cửa kho tàng khi ông quản thủ thư viện từ chức dọn nhà đi nơi khác. Từ đó biết nhau nhiều hơn và càng thân nhau.

Mới hay rằng đứa con gái út Simone vừa vào lớp mười, Robert xin li dị, rời tỉnh vào miền Nam với vợ mới. Con bé năm sau trốn học về với bố; Simone bỏ việc, bán nhà, đi lang thang khắp thế giới, sinh sống bằng cách bán phim tài liệu đủ loại thực hiện trong những chuyến đi. Afghanistan là trạm cuối, Simone làm phóng viên chiến trường, kiêm giáo sư Anh văn cho một số moudjahidins ở vài chục cây số phía bắc Kaboul, cũng đến ba bốn năm sau đó, lúc Liên bang Xô viết tan rã, quân Nga rút chạy, Simone mới quay về nhà. Lập gia đình mới, việc làm mới. Về hưu. Simone ít khi tự động nhắc đến những chuyến đi.

Thật khó tưởng tượng một Simone lịch lãm, hiền lành, nhỏ thó như một phụ nữ phương Đông, trong hơn mười năm, một người, một

camera, (đôi khi) một ngựa (4x4,4WDR Dodge, LandRover thuê), len lỏi qua vùng Amazone hay ỳ ạch dắt lừa vượt đồi núi Paropamisus. Khi tôi ngạc nhiên :

- A phú Hãn có biên giới chung với nước Tàu ư?

Lập tức Simone say sưa nói về xứ sở lắm núi, ít người và nhiều bộ tộc này, một chiếc lá sồi, đầu cuống lá là một mẩu biên giới với Tàu, vùng Wakhan, qua nơi ấy Thành Cát Tư Hãn đã kéo quân sang chinh phụcà

- Hãy nói về những tượng Phật đứng của Bamiyan. Simone đã nhìn thấy nó hai mươi năm trước khi đám "sinh viên" thần học phá tan tành? Một hòa điệu nghệ thuật Ấn, Hi lạp? Lạ nhỉ?

Thế là Simone đưa ra tranh ảnh, phim đã quay, cho biết thêm đám "sinh viên" ấy cũng thiêu huỷ một thư viện toàn sách cổ quý giá. Simone kể chuyện Alexandre đại đế và bước đường chinh phục khác của vua chúa Thổ Nhĩ Kỳ, Á Rập, Ba Tư, Ấn Độ... rồi kết luận về văn minh cosmopolite quá sớm này :

- Những cuộc sống chung bó buộc, những hòa điệu nghệ thuật miễn cưỡng hay áp đặt luôn luôn có tính cách giai đoạn. Ở tại một ngã tư, ngã sáu của nhiều nềạn văn minh như A Phú Hãn có phải là một điều tốt? Nhưng ai được quyền chọn lựa đâu?

Mới biết Simone gắn bó vô cùng với đất nước xa lạ này.

Khởi từ cuộc khủng bố tại New York, khi hai chiếc boeing cắt đôi hai toà cao ốc, hàng nghìn tấn sắt thép và hàng nghìn người cháy vụn thành than, tiếp nối bằng các cuộc khủng bố trả đũa. Trận chiến bất ngờ và không tương xứng, cả trái đất bằng cách này hay cách khác đều tự ý/bị lôi vào cuộc chiến quái dị.

Khi nhìn nhiều đường phố Kaboul đổ nát, những đống vụn chạy dài mút mắt, xen kẻ, chen lấn với các mảng tường gạch còn sót lại, thấp cao lô nhô vươn những đỉnh nhọn tả tơi, tôi tưởng như không có khoảng cách vài ngàn năm giữa các dấu (chân) ấn đại đế (quốc) A lịch Sơn, Gengis Khan, Timur Lang và Bush Jr.

- Bush Jr?

- Rửa hận là ra tay khi lửa giận còn nghi ngút. Và ông ta xua voi ngay vào cửa hàng đồ sứ, phải dày nát con chuột! Vốn liếng cửa hàng là của người khác.

- Bên xứ tao người ta nói giết ruồi bằng dao (mổ) trâu! Nhưng mấy ngàn người chết, và thư tuyên chiến không nhận trước, đánh nhau với kẻ dấu mặt thật khó khăn.

Simone chiếu phim ảnh vùng núi non Hindu Kush hùng vĩ, kể về một tối ở Mazar, trong ánh đèn dầu lửa ăn bánh mì với thịt cừu nướng, uống trà. Hai mươi năm sau, chỉ nghe kể, tôi tưởng chừng như ngửi

thấy mùi hương đêm sa mạc, mùi dầu, bánh, nghe được tiếng cười lanh lãnh của những người đàn bà pashtounes đã tháo bỏ burkha, loay hoay bên bếp lò tandur. Và ông chồng râu ria chiều dài đúng chuẩn mực nói về những cơn mưa chờ đợi, về mùa khoai sắp tới, về cô vợ trẻ sắp cưới.

Sự đụng độ giữa các nền văn minh và tôn giáo? Thánh chiến ư? Như thể tài nguyên, mỏ dầu, quyền lợi kinh tế xếp vào hàng thứ yếu.

Tôi vẫn nghĩ đến Simone khi vào tới thương xá trung tâm thành phố. Simone ơi, cám ơn. Nếu Nhân li dị, chắc tao đi xa nhất là àđến nhà các con tao, Sissi ạ!

Khu thương mại này, giữa khách thập phương vẫn còn bóng dáng (công an) đồng phục, nai nịch súng ống qua lại tuần tra, lăm le đe dọa bọn khủng bố. Lại nhớ đến cuộc thế chiến kì quái vẫn âm ỷ kéo dài suốt mấy năm qua.

Đến nơi hẹn tôi nhìn đồng hồ mới hay trễ mươi phút. Nhân mất vẻ bồn chồn, mỉm cười khi thấy tôi. Nụ cười vẫn như từ hơn bốn mươi năm về trước. Chúng tôi vẫn còn trong thế kỉ trước.

Bụng Nhân bắt đầu to, nhưng rượu Nhân càng năm càng đượm. Tôi nhớ đến nỗi lo của mình. Và quyết định quên "nó" đi. Chỉ nên biết thời gian hiện tại và Nhân. Dù khung cảnh hiện tại không ngừng nhắc nhở quá khứ và đe dọa tương lai, tuy trong mọi thành phố, thiên hạ vẫn tiếp tục dập dìu, yên lặng sản xuất và tiêu thụ.

Ô, hay là mười năm kinh khủng này đã đem "nó" đến cho tôi? Cộng với mấy mươi năm thở hít không khí bụi bặm xăng dầu nhiều CO 2 hơn O 2, ăn bò điên bảy món với tôm cà nuôi bằng bột thịt/ xương/da thú (điên +bệnh) với khoai, bắp đổi giống ogm?

Mà chỉ chao đảo vài chớp mắt cả thân xác và tâm hồn. Thì hãy còn may mắn lắm!

- Hôm nay bơi được mấy vòng hồ?
- Chết, em quên ra hồ bơi!

Tôi đã mất ba giờ đồng hồ đi hết năm tầng thương xá và mười năm thế chiến?

Nhân an ủi :

- Khủng hoảng giữa gánh đời em ạ, crise existentielle de la cinquantaine, đừng nhìn lại phía sau!

Tôi trợn mắt :

- Lão nịnh thần!. Em hãy còn khá tỉnh táo nhớ rằng mình được quà sinh nhật sáu mươi tám tuổi vào đầu năm nay. Tuổi thọ cho thế kỉ này là một trăm. Vốn liếng còn lạiàchưa biết sẽ tan biến vào đâu. Và em nhớ rằng chúng ta sắp về Hà Nội. Người ta đã xây Loa thành, đã tái khơi Giếng ngọc (theo sơ đồ xưa để lại, s'il vous plait!). Xem lễ hội một nghìn năm Thăng Long và mừng anh thất thập cổ lai hi, hỡi phu

quân yêu dấu! Anh yêu em thật không?

Nhân tươi cười xoay qua chuyện hôm nay trong sở làm. Như không nghe một chút ngậm ngùi trong hai tiếng thất thập. Không, tôi vẫn nhớ rằng lão phu quân yêu dấu phải cày bừa thêm hai năm nữa. Sau hai năm đó chúng tôi sẽ không còn phải hẹn nhau buổi trưa ở quán X.vào ngày lẻ, quán Y vào ngày chẵn và chương trình tự do tự biên tự diễn vào hai ngày cuối tuần. Chẵn, lẻ cho đỡ phải suy nghĩ chứ không vì một bệnh A. khởi đầu, débutante? A như aluminium, A như ảo ảnh. A là không dám khai. Dù đọc hết bộ tự điển y khoa.

Hai đứa con than cha mẹ không nghỉ ngơi được chỉ vì trót mua nhà ở Long Hải, một villa tại Bình Dương, cha mẹ sẽ về đấy chỉ sáu tháng mùa đông và bọn chúng sang lắm cũng chỉ có thể kéo về mỗi năm nhiều nhất một lần. Cùng với vài bạn bè thân, chúng tôi quyết định việc ấy một năm trước khi Thăng Long nghìn tuổi. Thấy "người ta" vạn thọ mình cũng đâm nghĩ đến tương lai. Hậu vận ấm áp? Thì phải tự lực cày bừa, không có fmi hay nhà nước cho vay không lãi.

Hai con sẽ tặng cha mẹ chuyến về quê hương, quà kỉ niệm bốn mươi lăm năm đời chung. Nhân vuốt tay tôi :

- Còn non nửa thế kỉ trước mặt.

Tôi lắc đầu chịu thua. Nhân muốn cuộc tình trăm năm hay cuộc đời trăm năm không già nua, bệnh hoạn?. Bao nhiêu lần, tuy buồn vui theo Nhân khi chàng hân hoan báo tin thành công hay thất bại trong những thử nghiệm mới trong việc làm, tôi vẫn bâng khuâng xao xuyến.Tiếp tay tạo hóa hay muốn thay tạo hóa?

Gần nửa thế kỉ trước, đêm tân hôn cùng ngồi đọc lại những lời chúc mừng nhận được, tôi than bạn bè từ chương ước lệ, ngược lại, Nhân bảo chàng yêu lắm những "trăm năm hạnh phúc" và "bách niên giai lão", "yêu nhau đến đầu bạc răng long". Và trước "thương mãi ngàn năm" thì chàng tan thành nước. Và nẩy mầm ý tưởng điên cuồng. Yêu nhau một nghìn năm.

Kinh hãi, tôi hòa đồng hiện thực, tôn giáo và hoài nghi chủ nghĩa :

- Mấy thằng cha bạn anh thiếu suy nghĩ, không chút ý niệm về tâm lí, về thời gian và tính chất hữu hạn con người. Nhưng không sao, không sao đâu anh : đầu thai trên dưới mười lần thì đủ một thiên niên. Nhưng chắc mình sẽ lạc nhau mất! Chưa tính đến chuyện lỡ ra cùng đầu thai làm trai hoặc gái cả thì sao?

- Anh vẫn cưới em như thường, trăm năm nữa còn ở đâu trên thế giới cấm đám cưới đồng tính Vấn đề là nhận nhau ra trong mỗi kiếp! Khó lắm.

- Thật ra người xưa phán rằng thương hoài một ngàn năm khi

nào lấy nhau chẳng đặng kìa, anh ơi. Lấy được nhau rồi thì vài năm là chán ngấy nhau, người xưa khôn lắm, anh.

- Chờ xem! Vấn đề là tìm em nơi nào ở kiếp sau?

Không chán ngấy nhau thì chỉ còn một vấn đề, vấn đề nan giải. Vấn kế các đấng chân tu Tây Tạng, chuyên về việc đi tìm baby Đạt Lai Lạt Ma? Cùng nhau chết cùng một lúc? Nhưng ai cho đầu thai cùng lúc? cực kì nan giải! Nhân không đùa!

Thế rồi năm sau, để ghi dấu, Nhân đưa tôi cùng đi xâm một đóa hồng. Nhân giao hẹn mỗi năm năm xâm một đóa. Mỗi bờ vai và trên mỗi bờ mông hai đứa đã xếp hình rẽ quạt ba nụ hồng tí hon vừa hé cánh. Đúng ra, đoá hồng thứ mười trên mông trái của tôi sẽ được ghi tại Thăng Long theo dự định cuối tháng chạp năm 2010. Nhân dặn kiếp sau em phải mặc quần áo hễ không hở vai thì phải hở mông, nhớ đấy!

Óc tưởng tượng và cõi mơ mộng của khoa học gia (điên?) luôn luôn không bờ bến?

Hi vọng tôi nhớ lời dặn dò này cho kiếp sau, nhưng đến nay tôi buộc lòng mặc áo tắm kín mít như mấy bà già cuối thế kỉ 19 mỗi lần đi hồ bơi. Nhớ bikini quá lắm, tôi tắm (biển) đêm. Thế là rơi ngay vào bẫy của mình : Chưa hết kiếp tôi đã thấy mình giống Hoạn Thư : hở nhiều ngộ nhỡ gây hứng cho mấy con mụ khác, họ bắt chước xâm hồng ba nụ ở vai, mông thì anh sẽ lắm vợ ở kiếp sau. Nhân cười dài, khoái chí. Thì tôi bi quan mở ra chân trời mới :

- Phải xâm vào gien, khắc vào ADN thì may ra ông ơi! Thế nào em cũng lạc dấu anh ở kiếp thứ hai!

- ? ?

- Ấy là chưa nói có khi anh vào cõi Phật còn emàlàm con bò, cày bừa khổ sở suốt đời hoặc làm thứ bò thịt, sống nhỡn nhơ vài ba năm trước khi thành đồ hộp hay bifteck.

- ??

- Thì kiếp này cứ tái chanh với nhúng dấm suốt năm suốt tháng. Sống một trăm năm, thanh toán đến mấy chục con bò, mấy mươi con heo, trăm gà, nghìn cá. Em phải bị ăn thịt ở một kiếp bò, heo, gà vịtà nào đó.

- Nhưng anh cũng ăn như em kia mà. Sẽ cùng em làm bò với cá!

Người tình chung ơi, bỏ qua máu nịnh tự nhiên mà có, ngây thơ, son sắt thế kia ắt anh phải về chơi đất Bụt. Nhân quên mình chuyên khoa về chữa trị hiếm muộn. Thụ tinh nhân tạo. Thụ tinh trong ống nghiệm, cấy thai ruột, cấy thai tặng, thai thuêà chàng đã tạo (?), đã giúp bao đời sống thành hình.

- Anh ơi, là hai con bò, nếu ta muốn lấy nhau, muốn sống yên ổn

ắt phải xin về Ấn Độ. Làm cá, sống trăm năm tất phải làm cá àvoi, và chớ nên được biệt phái về biển Nhật hay biển Nam hải. Lại thêm chướng ngại nữa.

Nhưng hai ba năm sau, Nhân quên thuyết luân hồi, không nghĩ về niết bàn, lao mình vào nghiên cứu và thí nghiệm. Nhất là vào thập niên 1980 rồi 1990 khi luật lệ quốc gia và quốc tế chưa rõ ràng, Nhân (bị bạn bè lôi kéo, tôi đoán thế) vào việc nhân (tạo) bản vô tính : clonage người. Lâu lâu, cười tình : cho anh tía tế bào. Thế là xong. Đâu đó trên trái đất này đã có vài phó-bản (không, chính-bản)-tôi!

Trong hai thập niên này, mọi công việc tiến hành bí mật kín đáo, đa số đều say mê khoa học, táo bạo nhưng một số khác, trong nhóm Ý, Mĩ quá duy tài và một nhóm Pháp, pha trộn thần bí và lường gạt, bất kể vấn đề luân lí, đạo đức khiến cả thế giới kinh hoàng kết án và nhiều nước chính thức đình chỉ việc "chế tạo" người không thông qua phối tính này. Nhưng kể từ sau năm 2005 lúc phương pháp kĩ thuật đã khá hoàn hảo đưa xác xuất thành công cao, trên 50 %, dù chính thức đình chỉ, cấm đoán, trong một số nước giàu, có những tỉ phú lén lút trả lương các ê kíp y khoa làm việc nhân bản vô tính này. Để lo về một hậu vận : thay thế dễ dàng các cơ quan bộ phận hư hỏng, thiếu hụt. Người thường như Nhân còn muốn vợ trăm tuổi, huống hồ.

Hai đứa kèn cựa đôi co mãi rồi cũng như mọi khi. Chẳng ngã ngũ về đâu. Tôi về nhà và Nhân quay về phòng thí nghiệm.

Khi tôi 30 tuổi, sinh xong con út, ngẩn ngơ đo vòng bụng, eo ơi 70 xăng ti mét. Nhân đắm đuối : em như ngày mình gặp nhau. Tôi 40, chàng gật gù : coi hơn 30 chút xíu. Tôi 50, đi cắt bỏ hết mỡ bụng, mỡ đùi, chàng bảo như Merryl Streep trong Đường đến Madison. Tới 60, căng da xong thì như Catherine Deneuve trong Place Vendome. Sáu mươi mốt, tôi uống melatonin, dhea như uống aspirine mỗi ngày thì như Brigitte Bardot àvào cuối thế kỉ 20? Anh ơi, bao giờ em được khen giống (mặt) mẹ Teresa?

Nhân galant hay Nhân là con cháu thi sĩ nhà họ Nịnh? Nhưng tôi tự hứa từ nay chỉ cần dẹp bỏ những chiếc gương, thêm "dose" những viên thuốc dùng mỗi buổi sáng, và nhất là, nhất là phải đeo ngay trước ngực tờ giấy ghi những việc cần làm (ngay àtrong ngày). Nhân nghiêm mặt : em đừng nói gỡ.

Tháng 11- 2010?

Lần cuối nó tấn công tôi ngay lúc Nhân ngồi bên cạnh, khoa học gia canh đồng hồ : năm phút. Thế là suốt tuần : chụp hình, thử máu, hết thử nghiệm này đến thử nghiệm khác. Khi tôi bắt đầu quen biết hầu hết các bạn bè Nhân trong cái bêỳnh viện tư đa khoa ven đô thì chàng biết nó muốn gì. Hóa ra, tôi cũng biết nó từ lâu lắm. Tôi nhẹ người, Nhân nói phải mổ sớm nghe em.

Tháng 11- 2001?

Những ngày vừa qua tôi vật vờ trôi nổi, mũi kim đau trở thành trăm ngàn đường kiếm xuyên khắp người, đôi khi là những bờ tường mờ ảo, di động không ngừng, trần nhà lay chuyển, tiếng bánh xe băng ca lăn rinh rích, những khuôn mặt lạ nhưng đầy dịu dàng, thiện ý, mùi ether, iode thơm sạch, thuốc sát trùng, tiếng gọi dậy của bác sĩ, y tá, lời thì thầm, bàn tay ấm và những ngón tay thon dài quen thuộc của Nhân. Đôi khi thoáng thấy nét mặt Nhân, đôi lúc nghe tiếng nói của những đứa con thân yêu. Khi tôi tỉnh lại thật sự, ngực đau như có khối đá tảng đè nghiến, nhưng vừa thấy Nhân tôi hỏi :

- Còn Julien? Tòa xử lại chưa anh?

Khuôn mặt tiều tuỵ Nhân dụi xuống, những râu bạc nhám má tôi, một giọt nước mắt ướt mũi tôi. Tôi thì thầm :

- Em giữ lời hứa sẽ bách niên giai lão với anh mà.

Cô y tá vào báo tin, vặn máy truyền hình. Những đứa con lần lượt hỏi thăm mẹ, đứa nào cũng khen mẹ có vẻ khoẻ hơn hôm qua. Mấy thằng cháu ngoại cũng lao nhao giơ những hình vẽ, những bài thơ tặng mamie. Xung quanh ai cũng hân hoan, nên tôi phải hỏi, Nhân nói mổ xong tôi hôn mê hai đêạm. Trục trặc thuốc gây mê. Nhưng qua rồi.

Simone vẫy tay :

- Có ra bài thơ siêu thực nào không?

Tôi ngâm :

- *Buổi sáng dậy nhức tùm lum đủ thứ*
  Bớt đau vì người tư lự ngồi đây
  (...).
  Buổi sáng dậy mới hay đời còn đó
  Bên này thương nằm ngổ những con người.

Nhân dịch xong, hai mắt long lanh; tôi nói yếu xìu :

- Hiện thực lắm, Simone!

Khi lớp da nơi vết mổ ngực bắt đầu có cảm giác thì Nhân sửa soạn va li, thủ tục đưa tôi rời bệnh viện, Andrée ghé vội, khi ra về, đùa

với tôi :

- Can đảm nhé. Về với thực tại thì làm thơ vô thức không chừng dễ hơn.

Tôi miên man nhớ bạn. Hình như tôi đã lại quên điều gì đó.

- Ngày mai anh đi thăm Simone cho em, nó phải giải phẩu.

Nhân ngẩn người một giây, rồi dịu dàng :

- Em nhớ nhầm, Simone đã khỏi bệnh, chuyện giải phẩu, chimio, chiếu quang tuyến qua đã lâu, Simone hoàn toàn bình phục hơn năm năm rồi. Em an tâm. Andrée và Simone sẽ chu tất cuộc triển lãm. Simone thuyết trình và Andrée đọc thơ, phần bình luận tranh ảnh của em họ sẽ kiêm nhiệm luôn.

Tôi hoang mang. Không khoảng cách nào giữa chuyện hôm qua với chuyện năm năm về trước?.

Mãi khi nấn ná từ giả và đưa lẵng hoa to làm quà cho các cô y tá, tôi bước ra ngoài, người y công da đen đội chiếc mũ cachemire màu trắng ngưng huýt sáo mồm, cất tiếng chào, thì tôi nhớ.

Nhớ lại rồi, Simone với chiếc mũ cachemire trắng, Andrée và tôi đã chọn mua cho Simone hôm rời viện ung thư. Một Simone gầy gò, xanh tái như đến từ thời nào xa xôi lắm. Nhưng ngày cơn đau tim tấn công tôi ở thư viện, Simone chỉ ngực nhắc chuyện biopsie vết thương. Thời gian như rơi ra từ những chiếc đồng hồ mềm của Dali, trí nhớ kiên trì và mềm mại. Trí nhớ khăng khăng miệt mài, sẽ dứng lại ở đâu?

Xe lăn bánh trên lớp tuyết dày, tôi kêu thầm trong bụng : Đài báo tuyết hôm qua sao mình chẳng nhớ dặn dò lũ trẻ, chết, không biết sáng nay chúng nó ăn mặc ra sao? Ăn uống như thế nào trong những ngày qua? Tôi hốt hoảng, hoang mang. Hơi thở đọng sương mù bốn bên cửa kính xe. Tôi như chưa rời thư viện, như vẫn còn loanh quanh khu thương xá, rồi buổi chiều đầu tiên trong bệỳnh viện. Bàn tay sờ soạng không tìm thấy tay Nhân khi (nên?) giật mình thức dậy giữa đêm.

Trên chiếc bàn đêm lạ lẫm, a đây rồi, quyển sách đọc dở dang, bức ảnh những đứa con quen thuộc, nhưng tôi đang ở đâu. Khi bắt đầu quen, trí nhớ nối lại những đoạn rời. Tôi thấy mình trên đường về nhà. Bàn tay lạnh và bối rối xoay vần cây bút parker cũ. Mũi viết lăn tròn kêu tiếng nhẹ như lá vàng la đà trên đường sỏi thư viện. Tập vở dày, những trang giấy vàng nhạt. Nhớ rồi, quyển tập bìa cứng Julien tặng mẹ ghi cảm tưởng. Julien? Còn án quyết của tòa thượng thẩm?.

Tôi mở quyển tập, nhớ ngay điều phải hỏi :

- Đúng cái souffle au coeur hơn bốn mươi năm về trước phải

không anh?

Nhân gật đầu, nét lo tiêu tán. Tôi cũng phơi phới. A, tiếng thì thầm của tim em và âm gào của ánh mắt tình si.

Dạo ấy, Nhân theo nằn nì đòi khám tim tôi mãi :

- Thơ này, cô có cái souffle au coeur, thật mà!.

Hôm trước, vào buổi khám sức khoẻ sinh viên hàng năm, lần đầu tiên tôi gặp Nhân. Bắt người ta đứng lên, ngồi xuống, ho tới ho lui, Nhân cứ kê cái ống nghe lạnh ngắt lên lưng, lên ngực tôi, rà tới rà lui, gật gù không nói. Tôi lườm, Nhân gỡ ống nghe, lí nhí nói với tôi :

- Tổng quát tốt... nhưng hình như tôi nghe một cái souffle au coeur!

Hai con mắt hắn đốt cháy đồng tử tôi xong lại chạy xuống hâm nóng bờ vai, bộ ngực trần của tôi :

- Tôi sẽ đưa giấy tái khámmàHoặc cô hỏi ý kiến bác sĩ cá nhân gia đình.

Tôi phát giận :

- *Hình như?* Ống nghe bị hư hoặc anh dở ẹc! Rờ đúp năm thứ nhất cho nên được xung công đi khám bệnh miễn phí?

Tôi đùng đùng ôm mớ áo đi ra. Nhân ngẩn ngơ không dám cản đường.

Bên ngoài, tôi thấy tôi mỉm cười bên kia ánh cửa kính ở lối ra.

- Thơ ơi, cô đi khám tim chưa? Un souffle au.

Trong quán ăn sinh viên, giữa một rừng người! Tôi ngượng với lũ bạn : anh muốn nói gì thì nói, tim tôi câm và rất khoẻ. Trời ơi, bạn tôi cười nghiêng ngả, đổ cả mâm đĩa. Có hôm thấy Nhân trờ tới bưng mâm ngơ ngác tìm (tôi?) vài đứa khua gõ dao, nĩa khiến cả quán mấy trăm đứa cùng bắt chước gõ loạn lên. Tim tôi hét lời can gián.

Nhân kiên trì, khoe mình đã học đủ lớp (!), đang làm luận án ra trường, Nhân gửi tôi những croquis vẽ những (lời) thì thầm heart murmur. Có khi rồi sẽ qua, có khi phải-giải phẩu, đôi lúc cần thay tim. Tôi dốt đặc về lục phủ ngũ tạng, sau chuyện này thì biết khá nhiều về tim bệnh.

Cho đến lúc yêu nhau nhiều rồi và cả khi con cái lớn, thỉnh thoảng, Nhân vẫn đòi nghe tim em thì thầm. Và tôi vẫn nghĩ rằng Nhân diễn tả rất tệ khi chàng muốn nói điều xưa như trái đất.

- Thế là tim em có van mới rồi phải không anh? May mắn chưa, vẫn giữ được tim cũ!.

- Về lâu dài vẫn phải nghĩ đến chuyện thay tim, hay nhất là thay sớm, càng sớm càng tốt..

Nhân nói về những biến chứng có thể xảy ra, về những giải đáp rất khả thi. *Đợi em khoẻ lại đã.*

Bốn mươi lăm năm qua, tôi vẫn nhớ như in các hình vẽ ngày xưa. Bốn mươi lăm năm sau, mái tóc bồng của Nhân đã thưa và trắng xóa, mi mắt, giọng nói Nhân đã dày nặng thời gian nhưng âm vang vẫn sôi nổi, thiết tha như buổi đầu. Tôi nghe mình cũng như buổi ấy, nhưng không ôm áo bỏ đi, nghe tim gõ nhịp hát lời câm và nghe thấy nụ cười mình rạng rỡ phản chiếu từ kính cửa.

Nhân ba mươi, Nhân bốn mươi ra sao? Nhân năm mươi, sáu mươi thế nào? Không một khác biệt sao? Vô thường nào? Ở đâu?

- Cho em xin lỗi!

Không, tôi đã thay đổi nhiều, chỉ có Nhân bất biến, tim Nhân bất biến, Nhân thuỷ chung, kiên trì.

Tôi bật cười nhớ đến những so sánh Nhân kê khai mỗi lần tôi lo lắng soi gương hay thẩn thờ ngồi xem những đoạn phim cũ. Những hình ảnh xưa ấy, là ảo ảnh. Tôi hai mươi với thằng bé con bụ bẩm không có thật. Tôi nào? Bé con nào?

- Cho em xin lỗi!

Nhân lặng im, ra dấu cho tôi đừng nói nữa. Chàng thì thầm :

- Anh thay đổi nhiều chứ, như em thôi. Cả hai cùng thay đổi.

Thế là hoát nhiên đại ngộ!

Chú Hóa cười hiền lành ngày tôi đến thăm chú nơi bệnh viện :

- Chú ngất đi một giờ nhưng tốt lắm Thơ ơi. Hoát nhiên đại ngộ.

Tay lái xe đập vỡ ba lóng xương ngực, chân trái gãy đôi, ruột phải vá lại vài nơi, khi tỉnh lại chú khoe chú hoát nhiên đại ngộ.

Chú chậm rãi nói đến những lời kinh đã tụng đã nghe, so sánh các cảm tưởng nghiệm sinh. Chú thay đổi hẳn, tôi chẳng đặng đừng nhớ đến chú những mươi năm trước, khi chú điện thoại hàng giờ nhắc nhở đến thời kì chú oai quyền trai trẻ. Chúng mày thì biết gì! Chú vẫn mào đầu câu nói ấy dù tôi thuộc lòng mọi chuyện đời chú. Chú mở ra từng giai đoạn xanh, hồng, lần nào chú cũng cho là lần kể mới. Nhiều lúc tôi để mặc chú say sưa kể, trí óc đi trước những kỉ niệm chú (đã) đang giao phó. Chú nhiều đào đẹp, chú đánh tennis số một, chú là kinh tế gia xuất sắc trước khi bị tái ngũ, chú vua lả lướt vũ trường, chú run rẩy dưới pháo địch, chú lâm nạn thế nào, chù thoát hiểm ra sao, bạn thân người nào chết trong trận sáp lá cà ở Khe Sanh, ai mất dưới mưa bom ở Quảng Trị, ở Vĩnh Linh. Lắm khi chú chợt tỉnh, ngưng kể, mắng tôi một tràng rồi cúp máy. Vài hôm sau, chú dựng cổ tôi sáng sớm để nói về rạng đông trên cánh đồng Chum, bên xác bạn chờ trực thăng đến bốc đi. Và một bài thơ lục bát bạn đọc cho nghe trong thời học tập cải tạo. Rồi chú phát thảo một chương trình kinh tế, giáo dục cho hợp với chuyện toàn cầu hóa. Tôi ngáp dài thì chú chửi con cháu thời bây

giờ chẳng biết thiết tha với tiền đồ đất nước.

Sau lần hoát nhiên đại ngộ, quả thật mọi oán hờn tiêu tan, chuyện đâu còn có đó, chú yêu tất cả mọi người, mọi thứ trên đời. Đời sống tuyệt diệu từng khoảnh khắc, chú nghe kinh, viếng chùa nhiều hơn và một bữa, chú lại điện thoại dựng cổ tôi dậy, đọc một bài chú lạ lùng; tôi kêu, giọng hết cả ngáy ngủ :

- Chú đại ngô thật rồi!

Chú cười lớn, thêm một chút bí mật vào cái đầu còn ngầy ngật của tôi :

- Cái "đại ngộ" của chú chẳng đáng giá ba xu. Bây giờ chú phải "cách mạng thường trực", cứ đợi đụng xe mãi thì àchết tiền bảo hiểm!

Lâu nay không nghe tiếng cười của chú. Tôi níu lấy cơn đại ngộ của mình :

- Cho em xin lỗi!

Nhân vuốt mặt tôi. Nhân ơi, anh đã đi cùng với em, đổi thay với em. Còn em?

Tháng 12 / 2010?

Nhân nhắc mãi đến những công trình đã qua khiến tôi biết Nhân chưa yên tâm. Rồi đây sẽ phải thay máy trợ tim, có khi lại phải thay van khác v..v..Nhưng tốt nhất là thay tim. Hơn một lần tôi kinh hoàng nghĩ tới những tôi khác. Những tôi mười tuổi, hai mươi tuổi nào đó lớn lên ra sao ở những nơi chốn khác nhau? Tôi /"họ" ấy, giữ được gì của những hạt nhân tế bào xưa? Có đóa hồng nào trên vai? Biết, nhớ gì về tiếng thì thầm xưa? Có biết nhận ra Nhân? Có người yêu chưa? Sắp hẹn hò trăm năm với ai?

Nhân sợ mười năm sau tôi có thể "đi xa" bất cứ lúc nào. Nhưng tôi cần biết gì về mười năm tới? Đã bao nhiêu lần, qua những mốc mười năm, anh, và em, đã thoát hiểm. Đã sống tròn đầy. Và còn chuyến đi Thăng Long? Hiện tại gần của em đâu?

Chú Hóa đến từ giả khiến tôi không biết mình thật sự ở nơi đâu. Chú về hẳn hay chỉ du lịch quê hương như những lần trước kia? Chú đến buổi sáng sớm, khoẻ mạnh, tươi tắn khiến tôi lại hoang mang. Chú đã khỏi bệnh từ bao giờ mà tôi chẳng biết. Chú nhắc Sài Gòn hai mươi triệu dân, ngoại ô về sát tận biên giới Tây Ninh, đến tận biển. Còn Huế, Thăng Long lộng lẫy cao ốc, chằng chịt xa lộ. Cũng ô nhiễm, cũng tai nạn xe cộ. Đầy bản sắc quốc àtế. Trăm triệu rưỡi dân với bấy nhiêu diện tích cũ thì chẳng còn đất ruộng nữa cháu ạ. Làm rồng cho thuê. Bình thường hóa bắt đầu với những tim óc bình thường. Toàn

cầu hóa đây rồi. Dân mình vẫn giỏi thích ứng. Không, dân ta như thiên hạ, là con người bình thường và nhu cầu bình thường.

Này, thí dụ nhá. Trồng củ từ bán năm đồng một kí cho Tàu, Tàu chưng cất thành DHEA bán cho mấy bà già Mĩ mười ngàn đô la một kí. Này nhá, quân đội thuần quân đội, chuyên nghiệp giữ nước, công an cảnh sát thuần công an cảnh sát giữ an ninh xã hội chung, mặt sắt (với trộm cướp, sát nhân) thì mặt sắt sợ gì ai mà cứ áy náy soi gương hàng ngay, xem có thật mình mặt sắt; với lương tiền phải đạo với công việc, canh gác cao ốc, cận vệ công tư, chả còn phải đi chẹt xe, ném đá, rình rập, nghe trộm, cướp giật lôi thôi các thư từ, bản thảo của bọn văn nhân điên khùngàKhi mặt sắt cũng biết làm thơ, viết hồi kí, khi nhà chính trị biết rằng cuộc đời không phải chỉ có chiến tranh và những thằng địch, biết quỳ gối xin lỗi những oan hồn quá khứ vàvàthì ta biết rằng ta qua khỏi giai đoạnàquá độ. Thương nhân bình thường của ta sẽ biết chế tạo thẳng DHEA và bán năm nghìn đô la /đơn vị cho những người già thế giới. Giáo dục sẽ thay đổi khi con cái các đỉnh cao xưa cũ đi học xa về, thừa kinh nghiệm chua cay, biết rằng những bằng cấp giấy và mặt nạ không đưa nổi chân ai ra khỏi thềm nhà.

Chú ơi, chú ngộ thật rồi!

Chưa lâu lắm, chú thề không trở lại khi đảng cộng sản còn cầm quyền. Đảng đã xuống trong khi tôi nằm bệnh hay tôi lại quên đã có đổi thay trong thế chiến thứ ba? Hay chú ngộ thật sự? Cộng với chẳng cộng? Bắc với Nam. Dân tộc hay quốc tế. Nơi này và chỗ kia. *Đi với về? Cùng một nghĩa như nhau?*

Hỏi Nhân chú đâu, chàng dịu dàng :

- Anh quên nói cho em nghe : chú về Long Hải, vào tịnh thất với ba má em. Chưa đến một tháng. Chú có đến hôm em mổ. Yên tâm đi em, mình sẽ gặp chú với ông bà cụ.

Tôi hỏi Nhân đột ngột :

- Khi tìm ra “bản in” clone em, anh giết người ta để lấy tim họ?

Nhân bối rối không trả lời ngay. Một lát sau mới gượng gạo :

- Nhưng anh tạo ra họ. Và mục đích ngày ấy chính là đặt giải đáp cho ngày nay.

Tôi phải tìm cách giải vây tôi :

- Những trái tim ấy bình thường không? Con cừu Dolly vừa già trước tuổi vừa đủ thứ bệnh tật. Và những phó bản của nó đều càng lúc càng bệnh, càng lúc càng chết sớm.

- Đó là thí nghiệm đầu tiên thành công trên thú vật, mươi năm sau các ê kíp đã hoàn toàn làm chủ các phương pháp, chế ngự được những biến cố bất ngờ về kĩ thuật. Anh đã...

- Nhưng giả sử như các bản nhân của em giống y như mẹ (?) nó thì tim chúng nó cũng đau bệnh, cũng thầm thì...

- Ít ra chúng sẽ sống hơn sáu mươi năm trước khi đòi thay thế!

- Em không muốn bị giải phẩu nữa. Đau lắmàVà em đoạt tim của người ta! Nhân ơi, không có tim thì làm sao sống?. Hay là, cứ để yên em như vậy. Tim mới thì làm sao nhớ rằng đã yêu anh? Em khoẻ rồi mà. Lạy trời cho anh tìm không ra đứa nào cả. Hay tìm ra thì anh hãy xin cưới nó.

Nhân bật cười. Tôi biết mình ngây ngô. Hồ sơ, chương trình cũng như kết quả thí nghiệm chỉ có thể mất khi tỉnh này phải bom nguyên tử hay đại hồng thuỷ bất ngờ.

- Nhưng Nhân ơi, anh không sợ khi em làm con bò thì anh lại vào địa ngục?

- Đừng nói lôi thôi, anh quên tương lai xa để chỉ nghĩ đến kiếp này thôi.

Nhưng tôi biết mình sẽ thuyết phục được Nhân. Mười năm sắp tới này quá dài cho thân xác tôi, trí óc đã không còn nhớ nổi những gì vừa qua, không muốn biết điều sắp tới. Một trái tim mới để làm gì khi tôi sẽ không nhận ra Nhân nữa? Nói gì đến những đời kiếp về sau?

Nhân ngẩn ngơ biến sắc khi tôi kêu lên :

- Anh sẽ thay luôn bộ óc em mới phải...

- !!

Và nhẫn tâm :

- Nếu được. Nhưng em biết không thể được và em không hề muốn. Ví dù như anh thay được cả óc em thì liệu sau đó em biết được anh là ai, em có nhìn ra con cái, bạn bè? Anh có còn yêu em khi em không trọn vẹn là em, mà một thứ Frankenstein vá víu? Anh yêu em hay anh thử nghiệm tài năng mình?

Rồi đó, anh biết rằng em biết rồi đó, Nhân. Chất thuốc gây mê đã gây phản cộng hưởng với Alzie. Thúc hối Alzie. Bạn bè anh viết tắt, nói lóng. Em hỏi Alzie là gì, anh không trả lời. Nhưng em biết rồi đó.

Có kịp thay đổi Nhân cho khoảng thời gian còn lại? Chưa được tới trăm năm; nghìn năm nghe xa như tận cùng vũ trụ, bên kia vô số thiên hà xa lạ. Yêu em làm chi cho khổ sở, lao tâm, lao lực và đến nổi phải vàoàđịa ngục? Bốn mươi lăm năm qua như cái chớp mắt. Còn giữ lại được gì đâu. Còn chăng một nỗi hoan lạc mơ hồ, điểm xuyết những loé chớp hào quang, không căn cứ thời gian, xuất xứ.

T6i muốn kỉ niệm và trí nhớ tôi ngừng lại ở chuyến du lịch cuối cùng. Hoặc chuyến trăng mật đầu tiên. Hay lần xâm hoa hồng thứ nhì,



TRỊNH GIA MỸ
Trà, bạn

Rót chung trà mời bạn
Tôi rót nửa mùa thu
Một nửa hồn quay quắt
Một chút nửa sương mù

Hớp ngụm trà tinh khiết
Tôi hớp nửa quê hương
Một nửa lòng nhung nhớ
Một chút nửa vấn vương

Thở hơi trà thơm ngát
Tôi thở nửa vầng trăng
Một nửa đời lưu lạc
Một chút nửa cung hằng

Đưa chung trà mời bạn
Tôi đưa nửa tiếng cười
Một nửa hồn ngó lại
Một chút nửa ngậm ngùi

Uống chung trà cùng bạn
Tôi thấy đời còn vui.

TRỊNH GIA MỸ

thứ ba? Đốt nến kỉ niệm 20 năm ngày gặp nhau ở Amsterdam hay Paris? Đã quên mất rồi!

Nhanh lên, Nhân ơi, quá khứ, tương lai và hiện tại đã bắt đầu xóa trong em.

Nhân ơi, hôm qua anh dặn em điều gì? Quán X. ? Đón con ở trường nào chiều nay? Đứa nào?

Hẹn nhau tại một nơi nào đó, và gương mặt anh ra sao? Làm sao em nhận ra anh?

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Tháng 11- 2001

THÁI TÚ HẠP
Tâm người viễn xứ

Ông hạ Tri Chương nói thế mà hay
Đi loanh quanh cuối đời về cố quận
Trẻ thờ ơ. Già lú lẫn mặt mày
Thấy quen quen. Nhờ giọng quê không đổi.

Mấy mươi năm đã phong trần hồ hải
Giao tiếp vụng về bộc trực thẳng ngay
Thương ghét chính tà. Làm sao phân biết!
Sống thành người quả khó hơn cỏ cây.

Xin cảm tạ đời nhiễu nhương bội bạc
Giúp cho ta đôi dép cỏ lên đường
Xin cảm tạ người tị hiềm xảo trá
Tặng cho ta thêm báu vật tình thương.

Ta ước mơ suốt đời làm thi sĩ
Ca ngợi tình người. Ca ngợi quê hương
Dù thế sự có thịnh suy biến đổi
Lòng viên dung vô ngại giữa tai ương

Ta đã hiểu Khuất Nguyên. Thời thế trước
Đục hay Trong cũng chỉ một dòng thôi
Dòng trinh nguyên ngọt ngào tình nghĩa Mẹ
Dù trăm năm bão tố ở bên trời.

Đời canh bạc cho dù ta khánh tận
Niềm tin yêu hoa - rác cũng như nhau
Hạt bụi nào biến tan trong khoảnh khắc
Chuyện vô thường. Chuyện xa cách biển dâu!

Đỉnh no cao sương mù giăng mấy lớp?
Biết đâu tìm tri kỷ giữa phù vân
Trong hơi thở quay về tâm tĩnh lặng
Tìm thấy ta an lạc chuyện tha nhân.

Như dòng sông mênh mông về biển cả
Như mây trời tâm thức đã thong dong
Ta có em từ trong thiên cổ mộng
Tiếng đàn vui thanh thoát cõi phương Đông!



PHẠM HOÀNG *thực hiện*
ĐỖ QUYÊN *cộng tác*

Phỏng vấn nhà thơ Trần Đăng Khoa: "...Tôi sẽ gác bút không quan tâm cái gọi là phê bình nữa..."

Lời dẫn của Người thực hiện:

Lần này thì tôi gặp và hỏi chuyện "ông Cựu Thần đồng Thơ" trong dịp cùng dự Hội thảo "Văn hoá, Nghệ thuật và Truyền thông ở Việt Nam ngày nay" do Viện Tin lành Iserlohn (Evangelische Akademie Iserlohn), Đức, tổ chức từ 29-6 đến 01-07-2001. Cùng với nhà thơ Trần Đăng Khoa, có nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà báo Việt Nam đến từ Việt Nam và từ khắp nước Đức.

Khoảng năm 1977, là những người "lính văn

hóa", tôi và Trần Đăng Khoa đã có đợt ở cùng nhau gần một tháng. Khi đó tôi là thiếu úy, còn anh hình như là thượng sĩ haytrung sĩ. Nay, trên 20 năm gặp lại, trước mắt tôi, anh đang ở hàm trung tá QĐND VN.

Phỏng vấn người nổi tiếng dễ làm mà khó hay. Họ mà "chiều" mình thì họ nương theo câu hỏi của mình; họ "tương" với mình thì câu hỏi có cũng như không. Chả sao, dẫu "chiều" hay "tương", với tên tuổi và tài năng đã có cái gì phát ra từ người nổi tiếng cũng dễ bắt tai, bắt mắt thiên hạ. Miễn là mình... sạch nước cản một chút! Song với nhà thơ quá nổi tiếng Trần Đăng Khoa này thì lại nảy ra chuyện khác: 4-5 năm nay, bỗng dưng, anh lại kiêm luôn một cái nổi tiếng nữa: về phỏng vấn. Với nghề phỏng vấn đã đạt đến mức nghệ thuật, anh mà "tương" thì không dễ gì chúng tôi có được cái hay hay để hầu tiếp độc giả của mình. Biết vậy, chúng tôi không tham vọng nhiều, chỉ muốn hỏi về: Các thông tin mới nhất quanh cuốn sách bình luận văn chương "Chân Dung và Đối thoại" - sự kiện đã làm anh "nổi tiếng lần hai" trong trường văn trận bút Việt Nam chừng 40 năm qua; Cái nhìn của anh về người Việt, nhất là về các văn nghệ sĩ, ở nước ngoài; Về chuyện... riêng tư của anh (vì anh còn khá nổi tiếng vì chuyện... muộn vợ!); Về các sự kiện văn hóa-văn nghệ trong, ngoài nước (Cái này thì tôi thủ sẵn khá nhiều, tính trong câu chuyện tiện đến đâu là dí ra đến đó! May, lần này cũng có được hai cái nặng kí: về tiểu thuyết "Chuyện kể năm 2000" của nhà văn Bùi Ngọc Tấn và về cuộc thảo luận trên Diễn đàn Liên mạng "Trí thức VN" do chúng tôi "bày bàn").

Vậy, mời Quý độc giả cùng vào hỏi chuyện Trần Đăng Khoa với chúng tôi, để thấy còn có nhiều cái bất thần khác mà chúng ta vớ được qua một môi miệng lém lỉnh và sắc sảo của làng văn Việt Nam hiện đại.

*

Phạm Hoàng (PH): *Chào anh Trần Đăng Khoa. Trước hết cám ơn anh đã nhận lời phỏng vấn của chúng tôi.*

Sau khi cuốn "Chân Dung và Đối thoại" của anh được xuất bản, nó đã trở thành một sự kiện với 8 lần tái bản và chúng tôi được biết là anh còn ra tập 2 của cuốn này. Nhưng sau lại thấy anh cho ra cuốn "Người thường gặp" (Ghi chép - NXB Thanh Niên, 2001), được báo chí giới thiệu như là cuốn nối tiếp của "Chân Dung và Đối Thoại" và cho đến nay cuốn đó đã tái bản lần thứ ba rồi. Chúng tôi, và chắc nhiều bạn đọc ở đây, chưa được đọc cuốn "Người thường gặp". Anh có thể cho biết sơ sơ về về cuốn đó?

Trần Đăng Khoa (TĐK): Tôi nghĩ người sáng tác cũng giống như anh thợ săn. Khi anh ta vác súng đi săn thì không thể nào biết trước là cái con thú nào sẽ chạy qua mũi súng của mình. Câu nói đó không phải của tôi mà là của ông Raxum Gamzatov, một người rất là có kinh nghiệm về sáng tác và ông cũng có một cuốn sách mà tôi xem như một cuốn lý luận về văn học, lý luận của người sáng tác. Đó là cuốn "Daghetxtan của tôi".

Tôi đã cho ra đời cuốn "Chân Dung và Đối Thoại" tập 1 cách đây 3 năm. Thực ra tập 1 mới chỉ là chạm đến một số vấn đề, phác hoạ một số tác giả và tác phẩm. Đó mới là một khúc dạo đầu thôi và sau đó tôi chuẩn bị cho tập tiếp theo. Nhưng trong khi đang chuẩn bị cho tập tiếp theo thì lại có những cuốn sách khác nó "gõ cửa" tôi, đòi cho ra đời trước. Đầu tiên chính là cuốn "Tuyển thơ Trần Đăng Khoa 1966-1999" với những bài thơ đầu tiên của tôi cho tới năm 1999 là năm cuốn này ra đời. Và cuốn tiếp theo là "Đảo Chìm" ra vào năm 2000. Đây là cuốn, cũng như "Chân Dung và Đối Thoại", tôi chỉ viết về những người thật, việc thật. Tức là những nhân vật, những sự kiện đều có thật mà tôi được chứng kiến, với những địa chỉ hết sức cụ thể và hiện họ vẫn đang còn sống. Tiếp theo là cuốn "Người thường gặp" vừa mới ra vào tháng Tư năm nay và cũng đúng như đã biết: hiện nay cuốn này đã tái bản lần thứ ba rồi. Lần đầu in là 5000 bản, lần thứ hai cũng số lượng như vậy và lần thứ ba là 2000 bản.

"Người thường gặp" đúng như cái tên của nó và tôi cũng đặt nó vào thể loại ghi chép. Đây không phải là giả vờ khiêm tốn gì đâu mà thực sự nó là ghi chép. Ghi chép những câu chuyện vụn vặt mà mình vẫn gặp hàng ngày. Nói tóm lại đây là một dạng mà tôi thử đưa ra về cách tiếp cận đời sống, tiếp cận sự việc; và tôi muốn mỗi cuốn sách phải có những phong cách khác nhau. Cuốn này tôi chia ra làm hai phần: Phần thứ nhất tập hợp khoảng hơn chục những bài viết rất ngắn, có bài chỉ khoảng 2 trang, bài nào dài nhất có 4 trang, đề cập đến những vấn đề mà bạn đọc hiện đang quan tâm, những bức xúc của đời sống. Tất cả những vấn đề mà tôi đưa ra cũng không mới mẻ gì, vì báo chí người ta cũng bàn đến rồi, chỉ có điều tôi viết theo cách viết của tôi, theo cái giọng điệu của tôi và ngay trong cùng phần này thì tôi cũng cố gắng để làm cho mỗi một bài có cách viết khác nhau. Có bài tôi viết như một truyện ngắn mini, có nhân vật, có đối thoại, có chấm phá một vài nét để làm sao ra người, ra cảnh, ra tình huống, ra ngôn ngữ của nhân vật. Có những cái tôi lại viết như một tản văn. Nói tóm lại, không cái nào giống cái nào. Phần thứ hai là những nhân vật cụ thể, những con người tôi đã từng được tiếp xúc, trong đó có những nhà

báo, vị tướng, dũng sĩ trong chiến tranh, bà mẹ anh hùng, còn phần lớn là những người bình dị mà ta vẫn thường gặp hàng ngày. Cho nên tôi mới lấy tên "Người thường gặp".

PH: *Thế nếu để độc giả tò mò muốn đọc cuốn sách đó thì anh có thể kể thêm gì về nó?*

TĐK: Ở đây thì tôi viết rất nhiều về những con người bình thường, hết sức giản dị. Ví dụ như câu chuyện về con nuôi con đẻ chẳng hạn...

Có một ông già nhà quê chỉ mê cậu con nuôi vì cậu nuôi biết nịnh bợ, nói những "lời có cánh" đôi khi ngược hẳn sự thật. Còn cậu con đẻ đứt ruột ra thì toàn nói thật, nói tất cả những bệnh tật của ông, ví dụ như bệnh ông bị hôi miệng chẳng hạn, thì cậu ta nói ngay: "Đó là dấu hiệu của bệnh tật, bố phải đi chữa bệnh đi, con mua thuốc xúc miệng về cho bố đấy". Và rồi cậu ta còn dặn rất cụ thể: "Bố nói chuyện với ai thì bố đừng ghé sát vào mặt người ta, người ta kinh lắm đấy, người không nỡ nói ra thôi". Thế là ông cụ rất bực bội, ông nghĩ: "Thế hoá ra nó lại bảo mình là cái thằng thối mồm". Hay có lần cậu con trai tìm được một cây gỗ lim rất tốt và cậu mang về đóng ngay cho bố một cỗ hậu sự. Ở làng quê tôi người ta hay đóng cỗ quan tài sớm lắm, có khi bố mẹ vẫn còn sống đã để chềnh ềnh cỗ quan tài ngay trong nhà, khi bố mẹ vẫn còn khỏe thì cỗ quan tài để làm cái hòm để chứa lúa, đến khi chết thì "nhảy" vào cái quan tài đó. Trong làng tôi, ngày xưa, các cụ thường hay sắm trước cái cỗ hậu sự và chính ông bố này đã từng khen một cậu hàng xóm ở bên cạnh: "Cái thằng này có hiếu với bố nó quá, nó sắm cái cỗ quan tài mà trông cứ sướng cả mắt". Nhưng đến khi cậu con ông sắm cho ông một hậu sự bằng gỗ lim thì ông lại nói: "Thế ra là mày muốn chôn sống bố mày à!" Và thế là ông ta đuổi luôn cậu con ra khỏi nhà. Trong khi đó thì anh con nuôi lại suốt ngày ve vãn, khen nịnh ông: "Bố phải sống đến trăm tuổi là ít". Rốt cuộc là ông già từ đứa con đẻ của mình. Đến khi ông đổ bệnh rất nặng, cậu con trai phải bán hết cả nhà cửa đi để chăm cho bố. Cậu ta còn phải đến lạy lục ông con nuôi, đưa tiền của mình cho anh ta và nói: "Thôi thì tôi góp của, còn bác thì góp công, tôi mà về chăm sóc sợ ảnh hưởng đến sức khoẻ của ông cụ. Tôi biết là ông cụ rất quý bác. Bác cứ cầm lấy tiền của tôi và cứ coi như của bác để chăm sóc ông cụ". Khi cậu con đẻ bán nhà để lo cho bố thì người vợ run rẩy hỏi: "Bán mất nhà thì lấy ở đâu?", anh ta liền trả lời: "Trước mắt, ta nương nhờ ông bà ngoại. Chờ bố nguôi ngoai rồi thì về. Khi ông cụ quy tiên thì ta ở đó luôn, rồi còn hương khói cho cụ nữa chứ". Rốt cuộc thì vì không nghe lời nói thật

của cậu con đẻ, chữa bệnh sớm, nên ông cụ đã chết. Đám tang làm rất to, linh đình, người đến viếng rất đông. Người ta bàn về cậu con nuôi. Có người thì cho rằng ông già tốt số, vớ được thằng con tốt quá, phương phi quá, tuyệt vời quá. Có người thì nói rằng lão con ấy là khôn ngoan quá, tự dưng không phải "tốn" một ông bố mà tổ chức được một đám tang rất linh đình và hốt về không biết bao nhiêu tiền của. Khi cậu con đẻ đến để trông nom hương khói ông bố, thì anh con nuôi mới "xỉa" ra một cái giấy: đó là giấy chuyển nhượng tài sản, trao toàn bộ nhà cửa cho anh con nuôi. Đến lúc đó anh con đẻ mới ngả ngửa, không ngờ bố mình lại ghét mình đến như vậy, tới khi chết rồi vẫn còn muốn đuổi mình ra khỏi nhà. Khi đó anh ta đành xin bác cả một ân huệ, đó là xắn lại cho anh một mét đất để anh có chỗ lập bản thờ, thờ bố..

Đấy, một cái chuyện thì nó như vậy. Đại để, toàn là chuyện có thật diễn ra trong làng xóm thôi. Tôi có rất nhiều những mẩu chuyện như thế. Hay một câu chuyện về "Người không quen ở nhà mình", kể về một ông giám đốc Sở Văn hoá vừa về hưu nhưng không làm sao quen nổi khi về nhà của mình. Ông vẫn đến cơ quan và gây ra rất nhiều phiền toái. Chỉ đến khi về hưu thì ông ta mới quan tâm đến cuộc sống của cấp dưới. Thôi, kể mãi thì lằng nhằng lắm, mà cũng chẳng đâu vào đâu, tốt hơn hết là hãy đọc nó!

PH: *Với cuốn "Chân dung và Đối Thoại", cho đến nay đã được 3-4 năm và sau gần 300 trang của tác phẩm này đã có 3 quyển sách với hàng nghìn trang viết, bình luận về nó ở thái độ cả phản đối cả ủng hộ. Chúng tôi muốn biết với tư cách là tác giả, anh tự đánh giá về tác phẩm đó ra sao?*

TĐK: Tôi nghĩ rằng mình chỉ biết tạo ra tác phẩm thôi còn việc đánh giá nó thì tốt nhất nên để cho độc giả họ đánh giá. Tôi nhận được rất nhiều thư của độc giả ở khắp nơi trong nước, của cả bạn đọc Việt Nam ở nước ngoài, cùng bàn về cuốn sách này. Trong đó có nhiều ý kiến góp ý mà tôi thấy sâu sắc. Còn xung quanh nó cũng rất nhiều bài viết bàn về nó. Việc cuốn sách hay hoặc dở thì tôi không bàn, hãy để cho độc giả và để cho thời gian nữa. Có những cuốn sách ra có thể ầm ĩ nhưng thời gian lắng đi thì trôi vào quên lãng. Có những cuốn sách ra rất khiêm nhường, rồi cuối cùng càng lùi về quãng thời gian thì nó lại càng sáng. Cái này Xuân Diệu nói rất giỏi, ông bảo là: Một tác phẩm ra đời giống như con thuyền mới xuống nước, nó cứ nhấp nha nhấp nhô theo những đợt sóng của những "làn sóng" của dư luận mang đầy mầu sắc cảm tính và đến khi giời yên bể lặng rồi thì nó sẽ nổi bằng

đúng cái sức nổi của nó. Tôi nghĩ, tác phẩm của tôi, cũng như nhiều những cuốn sách khác, sẽ do thời gian và bạn đọc phán quyết. Tôi thì thấy mình đã làm được một việc này, một việc tôi nghĩ cũng có ích: Đó là tôi đã "rủ re", "lôi kéo" bạn đọc đến cái "sân" phê bình, mà cái "sân" này bấy lâu nay phải nói rằng rất là nghiêm trang và người ta ngại đến. Và thế là tôi đã rủ rê độc giả đến đó và đến khá là ồn ào, khá là vui vẻ. Tôi nghĩ mình làm được thế cũng tốt rồi, để thấy được một điều là bạn đọc không thờ ơ với văn học. Hoàn toàn không thờ ơ. Bởi vì đọc tôi có những học giả tên tuổi, giáo sư rất nổi tiếng và cũng có cả những bạn đọc rất bình thường. Thậm chí có cả những em bé đánh giày, những em bé cơ nhỡ đều đọc được, đến với tôi và tôi rủ họ vào cái sân phê bình. Việc còn lại, đấy là của các bác phê bình và tôi chỉ cầu mong làm sao các bác ấy có thể giữ được chân họ lại, đừng để họ quay đi.

PH: *Nếu vì viết phỏng vấn, chân dung hay ghi chép này mà nhà văn-nhà báo Trần Đăng Khoa nổi tiếng hơn "cựu thần đồng thơ" Trần Đăng Khoa, thì anh dám đánh đổi không?*

TĐK: Tôi nghĩ rằng hoàn toàn không có sự đánh đổi nào ở đây cả, vì tôi vẫn là một cái anh nhà thơ thôi. Bây giờ có ai sống được chỉ bằng một công việc của mình đâu, ngay cả các nhà thơ lớn ở trên thế giới người ta cũng viết nhiều thể loại lắm. Ví dụ như Puskin, ông là nhà thơ rất tuyệt vời, nhưng kịch của ông rất hay và văn xuôi cũng rất tuyệt tác. Đến Lev Tolxtoi cũng kính phục cái văn xuôi của Puskin và cho rằng chính ông là người mở đầu văn chương hiện thực của nước Nga. Người ta đánh giá ông rất cao. Ngay ở nước ta cũng vậy, Xuân Diệu không chỉ có làm thơ, ông còn viết cả bình luận, viết cả tùy bút, văn xuôi. Tất nhiên văn xuôi của ông cũng như một dạng thơ, đó là một kiểu của Xuân Diệu. Hay ngay như một nhà thơ mà chúng ta tưởng cả đời ông chỉ gắn bó với thơ là Nguyễn Bính chẳng hạn, thì té ra gần đây người ta mới biết ông viết rất nhiều truyện ngắn. Trong một tuyển tập làm cho các em học sinh đọc, chúng tôi có trích đến hai truyện ngắn của Nguyễn Bính.

Mỗi người đều làm thêm ngoài công việc chính của mình, vì có những cái hợp với thơ nhưng cũng có những cái thơ không thể chuyển tải được, thì phải dùng thể loại khác. Tôi nghĩ như vậy. Mà đấy là những nhà thơ lớn, những người có tài; còn tôi, tôi nghĩ là mình chỉ là người bình dị như những người bình dị ở khu phố tôi ở. Phố tôi ở là phố Lý Nam Đế, một phố của lính và từ xưa tới nay khu phố này nghiêm trang lắm. Tự dưng đời sống kinh tế thị trường ào đến một cái, thế là chỉ sau có một đêm thay đổi hẳn. Tất cả những ngôi nhà trước

kia quay lưng ra đường một cách thơ ơ, lãnh đạm và khá kiêu kỳ thì bây giờ đều xoay hết trở lại. Mọi người đều đục một cái cửa và bày ra đấy một cái mặt hàng gì đó, người thì bán tủ lạnh, người thì bán quạt máy... Và khu phố trở thành một cái chợ khá đông đúc. Chủ những cửa hàng đó không phải là những vị thương nhân, đấy đều là những người lính, những thầy cô giáo, những học giả và những người bình thường khác. Thế là tôi cũng học tất cả các anh các chị ấy: tôi "đục" ra một cái lỗ bé hin hin, bày ra đấy một cái "mẹt hàng" trong đó có mỗi thứ một tý. Tý văn xuôi, tý phỏng vấn, tý truyện ngắn, tý bút ký... Mỗi thứ tôi làm tý ti. Và như thế hoá ra lại đông vui, khách hành đến với tôi đông lắm, có khi lại còn đông hơn cả thơ đấy. Mặc dù là tôi không phải là người bỏ thơ. Nhiều người vẫn bảo rằng, Trần Đăng Khoa từ bỏ thơ ca, Trần Đăng Khoa là một nhà thơ đã chuyển ngành hoặc chuyển nghề. Nhưng hoàn toàn tôi không phải vậy. Chả nhẽ khi ông Chế Lan Viên viết phê bình thì là vì ông đã bí thơ hay sao?

PH: *Cái cửa chính ngoảnh ra đằng trước rất kiêu kỳ là "cửa" nhà thơ, tôi thấy cái "cửa" mà anh "trổ" ra đằng sau trong cái thời kinh tế thị trường cũng hấp dẫn. Mà hình như người ta thích nhìn qua "cửa sau", hay qua "cửa sổ" vì nó hấp dẫn hơn hay sao?*

Và bây giờ thì tôi muốn nói về chuyện "phỏng vấn" của "Chân Dung và Đối Thoại". Qua việc anh phỏng vấn người này người kia, thì cũng có người bị "tai tiếng" vì "dây dưa" với Trần Đăng Khoa và cũng có nhiều người, như anh đã biết, nói: "Đấy là Khoa nó nhét cái câu đó vào mồm tôi" và họ không công nhận những câu nói của họ. Vậy, kể từ những lúc anh phỏng vấn, rồi thành tác phẩm và cho đến nay thì cái quan hệ của anh đối với những "chân dung" mà anh đã làm việc ra sao, và sự thật của nó là thế nào? Xin anh cho biết...

TĐK: Thật ra khi làm việc trên tư cách một nhà báo thì làm gì tôi cũng có máy ghi âm, rất nghiêm túc. Còn người mà phản ứng tôi rất dữ dội thì đấy chính là một người rất thân thiết của tôi. Đó là nhà văn Lê Lựu. Ai đã sống với Lê Lựu cũng sẽ thấy anh là một người xuề xoà. Đấy là tôi viết theo cái lý luận, cái kiểu của tôi, tức là tôi dựng chân dung, dựng người, dựng cảnh, dựng nhân vật. Khi đã dựng nhân vật thì phải có tình tiết để nói về sự xuề xoà của Lê Lựu. Về chi tiết đi dự hội thảo ở bên Mỹ, anh vắt cả cái chân nguyên giầy nguyên tất đưa lên mũi ngửi: điều này tôi nghe chị Thùy Linh kể ở Matxcơva, chị Thùy Linh lại nói đấy là anh Nguyễn Quang Thiều kể lại; và tất nhiên do tôi thân với Lê Lựu, hiểu anh và vì vậy tôi tin ngay. Đến khi in ra thì anh Lựu lại thấy không phải thế, làm ầm lên: "Chuyến này tôi phải đưa

cậu ấy ra tòa vì cậu ấy bôi bác tôi, không bao giờ tôi lại làm cái chuyện dị mọ như thế, không bao giờ tôi lại đưa giày lên mũi ngửi; mà tôi chỉ có rút tất ra lau... miệng!" Chuyện anh Lựu lấy tất lau miệng do chính anh kể trên báo Tiền Phong, báo Văn Hoá Văn Nghệ Công An số Tết năm 1999, nếu quý vị cần có thể kiểm tra được ngay. Tôi nghĩ viết thế cũng chẳng phải làm xấu gì Lê Lựu cả, người nào đọc thì cũng chỉ thấy yêu anh ấy hơn thôi. Nhiều người "kích" vào Lê Lựu bảo đấy là nhếch nhác thì cũng chẳng phải. Anh Lựu viết rằng tôi giống như cái bao tải, mà tôi thấy mình quả thật cũng giống cái bao tải. Cái đó chả ảnh hưởng gì. Đấy, tôi cho chỉ là cách nhìn, một cách nhìn nó vui vui thôi. Hay như là khi anh Lựu anh ấy "lai" tôi trên một cái xe máy và anh nói là đang đèo một cái bao trấu chẳng hạn, thì tôi thấy cũng đúng vì có khi mình giống bao trấu hơn cả cái bao trấu thật. Thì biết làm sao được, mắt ông Lựu ông ấy nhìn thế, sao tôi cãi ông ấy được. *(Tất cả cùng cười)*

PH: *Anh ra nước ngoài nhiều, anh thấy người Việt ở nước ngoài nói chung ra sao, và sinh hoạt văn học nghệ thuật cũng như giới văn nghệ sĩ ở nước ngoài như thế nào? Anh có giao tình nào đối với những đồng nghiệp người Việt ở nước ngoài? So với suy nghĩ của các đồng nghiệp ở trong nước, các suy nghĩ trên của anh giống và khác nhau ra sao?*

TĐK: Tôi đã có dịp được đặt chân lên nước Mỹ, nước Nga và bây giờ là nước Đức. Tôi cũng tiếp xúc với cộng đồng người Việt ở nước ngoài... Có thể nói là anh em rất vất vả. Tôi nói thật như thế, vì cha ông mình đã nói: "Sảy nhà ra thất nghiệp" mà, dẫu rằng ở một nước phồn thịnh thế nào, văn minh thế nào thì đấy vẫn là quê người. Và cái sự ở quê người thì khổ lắm. Trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài, phải nói rằng có những tình cảm rất cảm động vì họ luôn hướng về Tổ quốc, có nhiều đóng góp cho quê hương, đặc biệt là cứu trợ những đồng bào bị lũ lụt, chăm sóc những người cơ nhỡ. Sang đến bên này mới biết rằng để kiếm ra đồng tiền vất vả vô cùng, phải đổ mồ hôi, thậm chí có khi cả xương máu nữa.

Còn đối với anh em văn nghệ thì thực ra là thế này. Tôi nghĩ là rất nhiều cái gắn với Tổ quốc có khi vì đi xa lại gần Tổ quốc hơn. Anh Nguyễn Duy viết một câu rất hay: "Có gì lạ quá đi thôi / Gần thì lại mất xa xôi lại còn". Nhiều khi để hiểu Tổ quốc Việt Nam thì ta lại phải ra với thế giới, đấy là như vậy. Chúng ta cứ bàn cãi mãi về giữ gìn tính dân tộc, tôi nghĩ muốn giữ gìn tính dân tộc thì phải rộng cánh cửa để ra với thế giới rộng lớn. Tôi ví dụ như ngay ông Sergei Essenin, vì về

nước Nga thì tôi thạo. Ông này là một nhà thơ nổi tiếng của Nga. Một nhà thơ nông thôn. Cả đời ông, ông chỉ viết về làng quê, về con chó, về con cáo, về con bò, về cái cây bạch dương, rất là giản dị về cái làng quê cụ thể của ông. Nhưng xin thưa là để viết được vậy về làng quê này thì ông phải vượt ra khỏi nước Nga. Năm 14 tuổi ông đã rời khỏi làng rồi cơ mà. Ông lấy vợ Mỹ và sống ở Mỹ, Pháp, Ý, ở rất nhiều nơi trên thế giới. Ông đi khắp nơi, ông nhìn bằng con mắt rộng lớn như thế, con mắt của thế giới, để quay nhìn lại, ngắm lại quê nhà ông bằng con mắt của nhân loại. Chính thế mà cảnh sắc cụ thể vượt qua khỏi biên giới cụ thể mà rồi đến với bạn đọc của nhân loại. Ivan Bunhin cũng thế, Trotsky cũng vậy. Cho nên tôi nghĩ anh em người Việt trong điều kiện xa Tổ quốc thì đó là cách thiết thực để nhìn Tổ quốc một cách sâu sắc hơn và phát hiện được nhiều điều thú vị hơn. Cũng bằng con mắt của người Việt các anh có thể phát hiện ra những vẻ đẹp của nước ngoài mà có khi chính người bản xứ không thể thấy được. Đây là một điều hay và nếu tận dụng được cái đó để hoạt động văn học nghệ thuật thì tuyệt vời! Nhưng nếu ngược lại, không làm được những điều đó thì đau xót vô cùng! Cũng có thể có người không làm được những điều ấy, tiếng Việt thì bị quên mà tiếng nước người thì không vào, bơ vơ ở giữa giời: cái đó phải nói là rất vất vả mà tôi vừa cảm thông, vừa chia cái nỗi vất vả với các anh đó. Nhưng tôi nghĩ rằng - nhất là với những anh em có điều kiện - làm sao làm cái nhịp cầu nối giữa Việt Nam với thế giới, có thể giới thiệu các tác phẩm đặc sắc của nước ngoài nơi anh em ở về trong nước. Ở trong nước chọn những cái đó không phải dễ, đôi khi vớ được một cuốn sách thì chắc gì đó đã là cuốn sách hay, có khi vớ được một bài phê bình mà cái ông phê bình lại làm công việc quảng cáo thì sao! Ở trong nước không thể nắm được cái đích thực trong ý nghĩa như vậy của nước ngoài bằng những người ở nước ngoài. Đó là: nhìn nhận khách quan hơn, với những điều kiện lựa chọn tốt hơn, biết được những ý kiến phê bình của các nước sở tại về những tác phẩm đó. Sau nữa là anh em có thể giới thiệu các tác phẩm hay của nước ta ra nước ngoài. Hiện nay văn chương của nước ta cũng khá, tiểu thuyết, truyện ngắn có những cái rất hay. Nhưng tôi tiếc là gần như ở nước ngoài người ta không biết gì về văn chương của chúng ta cả. Họ biết rất ít và nhìn chúng ta méo mó lắm. Chính thế mà trông chờ vào những anh em cộng đồng người Việt, ngoài kiếm sống sinh nhai để tồn tại ở xứ người còn có một việc nữa cũng quan trọng là làm nhịp cầu nối văn hóa hai nước. Như thế rất có ích cho đồng bào ở trong nước cũng như bạn đọc ở nước ngoài. Đấy là điều tôi rất mong muốn.

PH: *Bây giờ xin hỏi một chút về đời tư... Anh làm thơ từ lúc còn nhỏ, theo lẽ thường một đứa trẻ mới 9-10 tuổi khó có thể chọn cho mình một nghề theo đuổi cả đời, nhưng kể từ đó cho đến nay anh đã sống bằng nghiệp viết. Vậy giả dụ nếu trưởng thành như tất cả những đứa trẻ bình thường khác thì khi lớn lên anh có chọn nghề viết không, nghề mà anh cũng từng biết là vất vả?*

TĐK: Tôi nói điều này cũng cũ, vì trước tôi đã bao người nói; nhưng đúng là như vậy. Tức là, "tôi không phải chọn cây bút mà cây bút nó chọn tôi". Từ thuở nhỏ đã như vậy và bây giờ cũng như vậy. Tôi thấy, bằng cây bút tôi có thể đến được với đông đảo độc giả, đến với mọi người, mọi người quý mến tôi cũng vì cây bút ấy và cũng có người ghét là tôi do cây bút ấy. Trong cuộc đời ta cũng cần những người bạn tốt để an ủi và đôi khi cũng phải cần những người ghét mình để mình biết rằng cuộc đời không đơn giản, nhờ vậy phải sống cho nghiêm túc hơn, tốt đẹp hơn. Với tôi, cả hai đều có ích và đó là do cây bút mang lại. Còn nghề viết văn thì các anh biết rồi, đấy là một số phận mỏng may lắm, đấy là một nghề chỉ làm cái việc là ngả ruột gan mình, phơi ra cho thiên hạ họ bình phẩm chỗ này nó xanh, chỗ kia nó trắng, chỗ này nó vàng vàng, nó thơm hay nó thối. Và khi đã nhận "búa rìu dư luận" thì anh phải chịu cả hai phía, khi người ta khen cũng như khi người ta hắt hủi anh. Và đấy là điều bình thường.

PH: *Trong cuộc sống đời thường và đời văn, cái khó nhất đối với anh là gì? Và cái... dễ nhất?*

TĐK: Tôi thấy, cái khó nhất là làm sao để kiếm được một bà vợ và bây giờ thì tôi đã kiếm được một bà vợ cũng rất là tươi tắn và nhiều người khen là đẹp lắm! Tôi thì cũng chả biết là như thế nào, nhưng bây giờ cái khó hơn là giữ chân bà vợ vì gia đình là quan trọng. Gia đình giống như một tổ ấm của chúng ta: ngoài đời sóng gió lắm, gia đình như một vũng lặng để ta buông neo. Gia đình mà đổ vỡ thì còn biết trú ngụ ở đâu! Ta cứ tưởng cái đó là đơn giản chứ hóa ra thì không đơn giản tí nào. Và sống trong đời sống gia đình, tôi thấy vui lắm. Trước đây chúng ta cứ nghĩ rằng "hai chúng ta tuy hai mà một", cứ tưởng cứ lấy được vợ rồi thì tất cả chỉ là một, nhưng thật là nhầm. Đấy mãi mãi là hai thế giới chả bao giờ hoà nhập được với nhau. Hai thế giới đi song song bên nhau và cùng tồn tại. Nhiều người cứ tưởng khi đã có được nhau rồi thì không cần giữ kẽ nữa và nhiều khi vì cái "tưởng" ấy mà tan vỡ gia đình. Tôi thấy rất nhiều mợ kỳ lạ ở chỗ chỉ trang điểm khi đi ra ngoài đường, trang điểm rất sạch sẽ, tươm tấp,

thơm tho, tuyệt vời, hấp dẫn - đấy chỉ là làm đẹp mình cho cái lão "hàng xóm" tốt bụng và vô trách nhiệm! Còn ông chồng của mình thì coi chả là cái quái gì! Lẽ ra người mà bà vợ cần phải làm mình trở nên hấp dẫn hơn, tuyệt vời hơn, thơm phức lên - đấy chính là ông chồng của mình - thì các bà vợ lại chả để ý. Ngược lại, các ông chồng cũng vậy: cứ ra ngoài đường thì trông lịch sự, văn hoá cứ như những nhà chính khách, còn khi về nhà bao nhiêu cái lịch sự vứt hết ở ngoài đường, khiến bà vợ chỉ thấy trần sì trước mặt mình một lão nông thôn lếch thếch, nhem nhuốc; Thậm chí có ông ngủ với vợ miệng cứ há hốc ra như một cái xác chết đói, trông hãi vô cùng. Như thế thì bao nhiêu những cái giây thần kinh gọi là rung động sẽ tê liệt hết, làm sao mà mê nhau được! Tôi thấy gia đình là cả một vấn đề không đơn giản chút nào và tôi cầu mong tất cả các anh có được một cái gia đình yên ấm, có được một bà vợ thật là tuyệt vời để làm một chỗ tựa cho nhau.

PH: *Vừa nghe anh nói, tôi nghĩ tới những lời đồn đại của mọi người khi thấy anh chậm, mãi không chịu lấy vợ: "Có vẻ như Trần Đăng Khoa "đụt" về chuyện vợ chồng hay chuyện cưa cẩm mấy em?" Nhưng nghe anh "triết lý" như thế, thì tuy chúng tôi cũng trải qua không ít thời gian của cuộc sống gia đình nhưng có lẽ cũng phải học anh về mấy cái "triết lý" này...*

TĐK (*Lập tức trả lời*): Thật ra tôi lấy vợ muộn bởi tôi đến với văn chương từ bé. Từ xa người ta lại cứ nghĩ tôi là em bé, thậm chí có người còn "kết nghĩa" chị em thắm thiết với tôi, còn dặn tôi là phải chịu khó tập thể dục cho người phát triển cân đối, lúc đến gần thì người ta lại chào tôi bằng bố già! Mà khi người ta đã chào là bố già thì mình lại phải nghiêm trang mất rồi, chứ "bố" gì mà lại mắt trước mắt sau, lấm la lấm lét liếc con gái thì còn ra làm sao! Thế rồi tôi cứ luôn luôn phải nghiêm trang, mà nghiêm như thế thì khó lấy vợ. Tôi cho là muốn lấy vợ tốt thì phải nửa nghiêm một tí, nửa năng động một tí, nhem nhuốc một tí: chứ còn nghiêm quá khiến người ta sợ, mà lăng nhăng quá thì người ta không tin.

PH: *Cám ơn anh về những câu trả lời chân tình về cuộc đời; và bây giờ tôi muốn hỏi một chút về "nghề".*

Hai tháng nay, chúng tôi đang thực hiện một cuộc thảo luận liên mạng cho những người Việt cầm bút ở khắp nơi trên thế giới (tất nhiên cả với các đồng nghiệp ở trong nước). Đề tài số 1 là "Trí thức Việt Nam" (nhân bài tọa đàm của nhà văn Phạm Thị Hoài tại Berlin tháng 10-2000, tựa đề "Tư cách chính thống của trí thức VN", đăng trên báo

Cánh Én (Đức) số tháng 3 và tháng 4-2001. Đề tài số 2 là "Trí thức và Phản trí thức" (nhân bài tiểu luận "Trí thức và Phản trí thức: vấn đề trước mắt của chúng ta" của nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc-Tuấn, đăng trên tạp chí Hợp Lưu (Mỹ) số 52, tháng 4 & 5-2000). Các đề tài này đã. đang và sẽ làm sườn cho một cuộc thảo luận dài hơi về mối quan hệ của Văn chương và Thời thế VN; của Trí thức-Văn nghệ sĩ và Thời cuộc VN.

Là một nhà thơ, nhà báo, người viết phê bình hẳn anh có suy nghĩ gì đó về các vấn đề trên?

TĐK: Tiếc là ở nhà tôi không có Internet nên tôi không theo dõi được cuộc tranh luận đó. Nhưng tôi biết là khi bàn về vấn đề trí thức thì có thể nói rằng đó là môt vấn đề rất cấp thiết và không phải chỉ anh chị em ở nước ngoài mà trong nước chúng ta cũng đang bàn rất kỹ vấn đề này.

Hơn bao giờ hết, hiện nay chúng ta đang chạm đến vấn đề rất thiết thực, đấy là thời đại của thông tin toàn cầu và kinh tế tri thức; vì vậy không thể không quan tâm đến đội ngũ trí thức được. Tôi nghĩ, nên coi tất cả các cuộc tranh luận là một sự đối thoại, mà đối thoại là cái cả hai bên cùng nghe nhau để tiếp cận đến chân lý, chứ trong cái đó không có người thắng hoặc người thua. Tôi không biết cuộc tranh cãi anh đang nói này như thế nào, nhưng trong tranh cãi về văn chương chẳng hạn, thì xin nói thật rằng: Cái đích mà người tranh luận cần đến chính là "khán giả" - người xem, người nghe - chứ không phải là vì đối tượng tranh luận của mình. Nhiều người tranh luận chỉ biết nhăm nhăm vài cái đối tượng của họ thôi, tức là cứ làm sao đổ hết những cái gì xấu xa lên đầu đối tượng, coi đấy là thắng! Cái đó là không phải. Cái chính của tranh luận là không phải thuyết phục đối tượng đó, vì có khi mỗi người một quan niệm, có những cái không gặp nhau được nên mới phải đối thoại. Và có những khi đối thoại cũng không đến được với nhau thì bỏ ngỏ đấy, để cùng nghĩ. Khi tranh luận mà lại quên mất độc giả, không coi đó mới chính là đối tượng để mình phải "chinh phục" thì thật đáng tiếc. Nó làm cho độc giả người ta chán chúng ta, không hiểu chúng ta là những người như thế nào cả. Trí thức gì mà cãi nhau, rất buồn cười. Cho nên tôi thấy, tranh luận về trí thức thì cần lại phải trí thức hơn.

***PH**: À, chắc anh cũng biết cuốn "Chuyện kể năm 2000" của nhà văn Bùi Ngọc Tấn vừa được nhà xuất bản Thanh Niên vừa phát hành thì có lệnh cấm...*

TĐK: Trước hết, tôi xin thưa rằng là về cuốn sách này người ta

cứ đồn thế thôi, đồn là bị cấm chứ thực ra chả có văn bản gì cả. Bằng cớ là vừa rồi anh Bùi Ngọc Tấn vẫn là đại biểu để đi dự Đại hội của Hội Nhà Văn VN. Và trong khi tôi nói cùng anh điều này thì anh Bùi Ngọc Tấn vẫn đang sống ở Hải Phòng, đang gặp gỡ bạn bè một cách bình thường và vẫn viết. Tôi cho rằng hiện nay ở nước ta tương đối phóng khoáng trong tất cả các quan niệm. Còn trên báo chí những lời đồn thì đôi khi rất nhiều. Ngay như tôi mà trên báo chí cũng có tin đồn "Khoa thật Khoa giả" cơ mà. Tôi biết hiện nay các nhà văn của chúng ta được mở hết các cánh cửa để sáng tạo, nếu mà viết không hay thì lỗi là ở chúng ta thôi. Cái này tôi nói có khi các bạn ở nước ngoài không hiểu, lại cho là tôi "tuyên truyền" chăng? Nhưng thực chất là như vậy. Ngay nhà xuất bản Thanh Niên, và anh Cao Giang là người biên tập cuốn đó, cũng vẫn bình thường, bằng cớ là vừa rồi chính anh Cao Giang và NXB Thanh Niên biên tập và xuất bản cuốn "Người Thường Gặp" của tôi. Anh Bùi Văn Ngợi hiện nay vẫn là Giám đốc nhà xuất bản này.

PH: *Thế còn đánh giá thế nào cuốn "Chuyện kể năm 2000" về mặt văn học?*

TĐK: Tôi thấy đây là một cuốn truyện không có gì ghê gớm, nó chỉ có một vài chi tiết thôi. Ở nước ngoài đọc đôi khi lại đọc một cái gì đó phía ngoài văn học. Cho nên tôi nghĩ rằng đọc sách nên vô tư và khi vô tư thì nhìn nhận mọi cái nó sẽ khác. Đôi khi chúng ta đọc vì một định kiến đã có sẵn, sau đó tìm mọi cách để phụ họa cho cái định kiến đó của mình. Cái đó theo tôi là một cái thứ không văn học lắm. Bùi Ngọc Tấn có rất nhiều cuốn sách hay, còn cuốn này tôi thấy bình thường. Như cuốn "Babylon", rồi một số cuốn khác, hay lắm. Với cuốn này tôi cho rằng nó chỉ có một số chi tiết làm tôi nhớ được thôi, chứ thực ra đọc nó nặng nề. Nếu gọi đó là cuốn sách hay, hoặc thậm chí có người "tung hô" lên, thì tôi nghĩ cái đó không phải, không đúng. Tất nhiên, điều này còn tùy vào cách cảm nhận của từng người, nhưng riêng tôi thấy đây không phải là cuốn tiêu biểu của Bùi Ngọc Tấn.

PH: *Câu cuối của cuộc phỏng vấn này tôi muốn anh hé mở một chút: không biết anh đã "săn" được "con thú" nào trước mặt chưa, anh có dự định sáng tác gì, với tác phẩm nào trong thời gian tới?*

TĐK: Cũng như tôi đã nói, người viết như một người đi săn nên không thể biết trước mặt sẽ là gì. Nhưng hiện nay tôi cũng đang có một cuốn phải tiếp tục hoàn thiện, đó chính là "Chân Dung và Đối Thoại" tập 2 và tập 3. Làm xong nốt cái này tôi sẽ "gác bút" không

quan tâm cái gọi là phê bình nữa. Vì "chơi" với cái "lão" phê bình này xem ra nó lằng nhằng lắm! Tất nhiên là vui vẻ thôi nhưng cái vui vẻ này cũng hơi ồn ào; và thậm chí làm những người yếu bóng vía thấy mệt mỏi. Vợ tôi có một đức tính rất hay mà tôi rất "kính trọng": cái "đức" đó là cô ấy không bao giờ đọc sách, chứ nếu mà đọc thì cô ấy sẽ thấy kinh tởm tôi, không biết người ta khen hay người ta chê tôi. cứ mù mịt có khi lại đâm hoảng, đâm sợ cái ông chồng của mình.

PH: *Trong không khí vui vẻ như thế này, không biết anh có nhã ý tặng cho độc giả một bài thơ vui của anh được chăng?*

TĐK: Thôi thế thì tôi sẽ đọc một bài thơ mà tôi đã đọc cho các anh nghe rồi, vì tôi nghĩ đây là một bài thơ đơn giản, có tính phổ cập, hay dở tôi cũng chẳng biết. Đó là bài thơ vui tặng bà mẹ vợ.

Tôi nghĩ rằng đàn ông chúng ta đều là con của hai bà mẹ, một bà mẹ đẻ ra ta và một bà mẹ chả họ hàng gì với ta cả. Đấy chính là bà mẹ vợ. Trong hai bà mẹ thì bà mẹ vợ lại vất vả hơn. Đúng như ông Thanh Tịnh đã nói: Con gái là con người ta, khi con mình lấy chồng thì mình mất con, khi con mình có con thì mình mất vợ, vì vợ phải đi chăm chút cho cháu, "cháu bà nội thì tội bà ngoại" mà. Bà mẹ vợ vất vả vì phải tạo dựng ra một cô con gái. Tôi cảm giác là bà phải "đúc" từ bao nhiêu cái xác hoa làm nên cái làn môi của cô con gái, phải kiếm, góp nhặt từ bao nhiêu những ánh trăng non để làm nên làn da huyền bí của cô con gái, phải lấy cả tuổi xuân rất là tuyệt vời của mình để làm nên cái vẻ dịu dàng đến mức bí hiểm nên rất hấp dẫn của cô con gái. Nhưng đùng một cái, một anh chàng ất ơ ở đâu đó, chả có họ hàng, quen biết gì trước với mình cả, nó đến nó rước đi mất cô con gái - một tòa thiên nhiên - như thế là bao nhiêu của nả đi cùng, nào là vòng Tàu, xe máy, nhẫn... Đấy thật là một cuộc mất trộm ngoạn mục mà công an thì ủng hộ, pháp luật lại vỗ tay hoan hô, bà mẹ thì cũng sung sướng vì lo cho con đi "vu qui". Nhưng thật ra đây là một vụ mất trộm. Thế thì xin thay mặt cho những "thằng trộm", tôi cám ơn bà mẹ vợ, bằng một bài như thế này. Tôi đọc vui cùng các anh và đây cũng là một món quà tặng cho tất cả các chàng trai.

Thơ tặng mẹ vợ

Mẹ từng lặn lội suốt đời
Trên những cánh đồng hoang dại
Tìm ánh trăng non ngàn xưa
Toả mát màu da con gái

Mẹ vượt qua trăm ngọn núi
Chập chùng rừng mộng suối mơ
Kiếm những sắc hoa đẹp nhất
Làm nên làn môi thơm tho
Và mẹ ngược miền thiếu nữ
Nhặt từng nét đẹp vẻ xinh
Và nỗi dịu dàng muôn thuở
Chuốt lên vóc dáng con mình
Mẹ trao Thiên Thần của mẹ
Cho một chàng trai nghèo nàn
Thế là con thành ông chủ
Bỗng nhiên giàu nhất thế gian

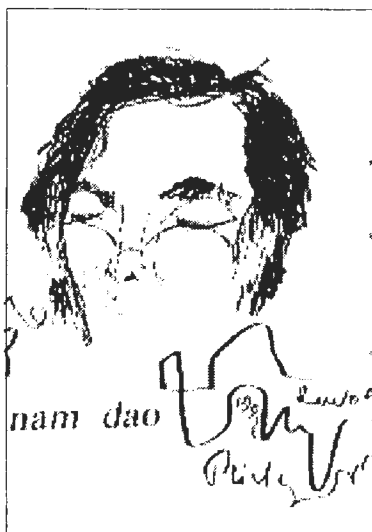
Xin cảm ơn quý vị.

Phạm Hoàng: *Rất cám ơn anh Khoa. Nhưng... nhân nghe anh đọc thơ thì tôi chợt thấy mình quên một câu định hỏi. Đó là những đánh giá của anh cũng như một số dẫn chứng về "thơ mới" hiện nay ở Việt Nam, mà chúng tôi đã có dịp nghe anh nói. Nếu không nghĩ là chúng tôi quá lạm dụng, anh có thể cho độc giả được biết qua vài nét?*

Trần Đăng Khoa: Đây lại là vấn đề rất là dài và có thể nói lại thành một chương trình nữa (*Tất cả cùng phá lên cười*). Tôi nghĩ rằng các bác đừng ngại là đã lạm dụng tôi mà có lẽ chính tôi mới là người lạm dụng các bác. Nay kể câu chuyện này: Có một chàng trai rất mê một cô gái, tới nhà cô ta chơi và trước khi về anh ta còn muốn quay lại nữa. Anh ta bèn giả vờ bỏ quên bao thuốc lá, để ngày hôm sau có cớ quay lại... Thế thì tôi cũng như vậy, mà tôi lại không hút thuốc lá nên tôi giả vờ "bỏ quên" cái câu hỏi này của bác để sau này tôi còn có cái cớ quay trở lại đây.

(Một tràng cười vui vẻ kết thúc cuộc phỏng vấn)

Tháng 6&7-2001
PHẠM HOÀNG *thực hiện*
ĐỖ QUYÊN *cộng tác*





PHẠN TRỌNG LUẬT
gió lửa : mô hình xã hội học trong tiểu thuyết lịch sử

1

« *Gió Lửa* » là tiểu thuyết lịch sử, đúng như tác giả đã giới thiệu, tất nhiên. Nhưng « *Gió Lửa* » của Nam Dao không đơn giản chỉ là một truyện dài về những biến động và con người trong đời sống chính trị xã hội Việt Nam, vào thời điểm Trịnh tàn Lê mạt ở cuối thế kỷ 18. *Có gì trong mẫu hình văn hoá của chúng ta khiến đất nước này luôn luôn bị rình rập bởi một cuộc nội chiến ?* Đấy là câu hỏi xuyên suốt từ quá khứ đến tương lai, mà bản thân tập truyện là lời giải đáp của chính tác giả. Bằng một câu hỏi tương tự, Nam Dao dường như muốn mời gọi độc giả thử nghiệm thêm một cách đọc khác. Với *« Gió Lửa »*, ngoài lối thưởng thức thông thường về khả năng tưởng tượng hay nghệ thuật hư cấu trong tiểu thuyết, ngoài cả sự thẩm định về tính

đích thực hoặc tính chính xác của lịch sử (1), hãy cùng tác giả suy ngẫm về sự lặp lại của một phong cách hành xử và sự thích đáng của một mô hình tâm lý xã hội trong tác phẩm.

Sử dụng mô hình là một đặc điểm của các khoa học xã hội. Có thể và có nên đọc tiểu thuyết như một biên khảo xã hội học hay chăng ?

Ở nơi khác và trên một vấn đề khác, một học giả người Đức đã có lần đặt loại câu hỏi đồng dạng với băn khoăn trên của Nam Dao. *Có gì trong mẫu hình văn hoá của Tây Phương khiến chủ nghĩa tư bản buổi đầu đã chỉ phát triển nhanh và mạnh tại đây chứ không ở nơi nào khác* (2) *?* Người ấy là Max Weber, một trong những tác giả đã đặt nền cho bộ môn xã hội học. Đọc lời giới thiệu *« Gió Lửa »* của nhà văn Nam Dao, bút hiệu của nhà kinh tế Nguyễn Mạnh Hùng, một độc giả có chút duyên với xã hội học và một ít nợ nần với Weber, khó lòng không liên tưởng đến tác phẩm kinh điển của nhà xã hội học này. Và nếu thay đổi những gì cần phải thay đổi, vẫn có thể bước không mấy khó khăn, từ *« Đạo lý Tin Lành và Tinh Thần của Chủ Nghĩa Tư Bản »* (1904) sang *« Gió Lửa »* và ngược lại, qua chiếc cầu *« mẫu hình »* và một lối tiếp cận mà thao tác chính là *« hiểu »* (*« verstehen »*, nắm bắt ý nghĩa nội tại của một hành động hay quan hệ xã hội từ phía trong), dù một bên là biên khảo xã hội học lịch sử (sociologie historique), bên kia là tiểu thuyết dã sử.

Dù sao, văn học và xã hội học cũng đã dan díu với nhau từ khá lâu. Không thiếu gì những tiểu thuyết với luận đề xã hội trên văn đàn. Và gần đây, không ít nhà xã hội hoặc dân tộc học đã dùng lối viết tự sự hay tự truyện như phương pháp nghiên cứu và biên luận khoa học (3).

2

Có gì trong mẫu hình văn hoá của Tây Phương khiến chủ nghĩa tư bản buổi đầu đã chỉ phát triển nhanh và mạnh tại đây chứ không ở nơi nào khác ? Giải đáp của Max Weber là : *một quan hệ nào đó với vấn đề cứu rỗi.* Người theo đạo Tin Lành tin ở sự cứu rỗi, và hy vọng được lên Thiên Đàng. Các doanh nhân theo giáo phái Calvin còn tin thêm vào « thuyết tiền định », cho rằng nếu quả thực họ đã được Thượng Đế đãi ngộ, thì chứng cớ của « Ân Sủng » này là sự thành công trong một công ăn việc làm thế tục đầy rủi ro như kinh doanh. Nói cách khác, kinh doanh đã trở thành một « bổn phận nghề nghiệp »,

tiếp nối quan niệm truyền thống từ Luther, xem tồn tại và nghề nghiệp chỉ là một nhiệm vụ duy nhất của Chúa giao cho. Đấy chính là cái động lực khiến họ cật lực làm ăn, và nhờ vậy mà đạt thu nhập cao. Đạo lý Tin Lành lại đòi hỏi một cuộc sống thanh bạch, nếu không muốn nói là khổ hạnh, ngăn cấm mọi hưởng thụ, xa hoa, phung phí ; do đó, họ chỉ còn có thể dùng trở lại số lợi nhuận ngày càng to tát này vào việc kinh doanh. Vô hình trung, nhờ tin tưởng vào sự cứu rỗi tiền định mà họ đã thực hiện được cái quá trình « hợp lý hoá » bắt buộc khó khăn nhất trong cung cách làm ăn tư bản là tích lũy vốn để tái đầu tư vào sản xuất. *« Hãy tích lũy, tích lũy thêm đi, đãy là quy luật, đãy là nhà tiên tri ! » (« Accumulez, accumulez, c'est la loi et le prophète ! »*, Karl Marx).

Trở lại với Việt Nam. *Có gì trong mẫu hình văn hoá của chúng ta khiến đất nước này luôn luôn bị rình rập bởi một cuộc nội chiến ?* Câu trả lời của Nam Dao là : *một quan hệ nào đó với vấn đề quyền lực (pouvoir).* Và cả quyển truyện là một minh chứng khá hấp dẫn cho luận điểm trên, thông qua một số nhân vật điển hình (nửa hư cấu nửa hiện thực, hoặc hoàn toàn hư cấu), ở nhiều mức độ : 1) những người *đã thực sự làm* ra lịch sử (những dòng họ Vua, Chúa) ; 2) những kẻ *đáng lẽ đã có thể* đóng một vai trò lịch sử quan trọng hơn (sĩ phu, văn thần, võ tướng) ; 3) và những thành phần *lẽ ra đã phải* là tác nhân hơn là nạn nhân của lịch sử (nông dân, thương gia, phụ nữ, đạo giáo...) (4). Đối với tác giả, chính cái *« đạo lý về quyền lực »* ở Việt Nam - tất nhiên, không phải là thứ đạo lý ghi trên văn bản (« éthique ») mà là *thứ đạo lý đã được nhập tâm đến mức trở thành phong cách hành xử* (« éthos ») (5), như ở các nhà tư bản Tin Lành thuộc giáo phái Calvin của Weber - mới là động lực lịch sử quốc gia thực hiệu suốt nhiều thế kỷ, và là « nguồn căn của những cuộc nội chiến mà ta là nạn nhân của chính ta ».

3

Ở mức độ thứ nhất : cái đạo lý quyền lực nói trên được thể hiện như thế nào nơi những người *đã thực sự làm* ra lịch sử, nghĩa là ở những gia tộc lớn như nhà Lê, nhà Trịnh, nhà Nguyễn, nhà Nguyễn Tây Sơn ? Vào thời điểm này (cuối thế kỷ 18), Nho gia, hay đúng hơn, một hình thức nào đó của Nho học, đã thế chân Phật Giáo và chiếm địa vị độc tôn trong vai trò hệ tư tưởng chỉ đạo chính trị xã hội ở Việt Nam từ trên dưới 300 năm. Thoạt nhìn, cái mẫu hình quyền lực đã sai khiến

những dòng họ ấy, do đó, chỉ có thể thoát thai từ học thuyết Khổng Mạnh. Quả có thế thật, nhưng vấn đề dường như cũng phức tạp hơn đôi chút.

Bởi vì, vào đến Việt Nam, cái tư tưởng cốt lõi về nguồn gốc quyền lực của Khổng Tử dường như đã biến đổi không ít. Thứ nhất : trong quan hệ Thiên-Địa-Nhân, nếu cái « Thiên mệnh » của cửa Khổng vẫn còn do Trời định, nó còn phải được sự làm chứng của Đất ; thứ hai : nó không còn là một Nghĩa Vụ tạm trao (charge) mà Trời có thể thu hồi khi dòng họ cai trị để xảy ra loạn lạc nữa ; thứ ba : nó là một thứ Ân Sủng mà Trời đã cho đứt (don), không thể bị lấy lại mà chỉ có thể bị đánh mất vào tay kẻ khác. Quả thực đây là một sự xuống cấp, so với học thuyết Khổng Mạnh chính thống. Nhưng đến mức nào nó là một nét thuần túy Việt Nam, hay một nét văn hoá mà chúng ta chia sẻ với một dòng chảy nào đó của Nho giáo Trung Hoa (« giá trị Việt Nam » hay « giá trị Á Châu » ? nói theo ngôn ngữ thời thượng kiểu Lý Quang Diệu), xin nhường quyền trả lời cho các nhà Nho và Việt học uyên bác hơn. Ở đây, tôi chỉ xin lạm bàn thêm đôi điều về ba điểm đã nêu trên.

Cụ thể, cái đạo lý quyền lực ba mặt của các gia tộc tranh quyền ở Việt Nam còn có thể được diễn dịch cho rõ nét thêm như sau. Một mặt, nếu quả thật dòng họ « ta » được Trời trao cho quyền trị nước, thì *chứng cớ của sự trao tặng ấy là cái cơ may đã an táng tổ tiên vào một nơi có mạch Rồng* ; *và ngược lại, dòng họ nào đặt được mả tổ vào mạch Rồng thì sớm muộn gì cũng hạnh phát Đế Vương*, nói nôm na là « phất » (« *Thiên Mệnh-Địa Chứng* »). Mặt khác, *ngôi báu của dòng họ, một khi đã xuất phát từ mạch Rồng, là một Ân Sủng mà Trời cho đứt* ; *con cháu phải gìn giữ cho đến một thứ giới hạn không thể vượt qua*, nói nôm na là « trụ » *(« Thiên Mệnh-Ân Sủng »).* Và để « phất », để « trụ », « ta » có thể làm mọi tội ác (kể cả gây ra chiến tranh, gây ra hoặc bỏ mặc đất nước trong loạn lạc), có thể chờ đợi một hoặc hai trăm năm (dù phải thay tên đổi họ năm ba lần), trừ việc « cõng rắn cắn gà nhà ». Bởi vì, trong thứ đạo lý hành xử ấy, dường như cũng có một giới hạn, và *việc cầu viện ngoại bang, nghĩa là tự mở đường cho sự lệ thuộc nước ngoài, chính là cái giới hạn cuối cùng không thể vượt qua đó : nó có nghĩa là giao quyền thay Trời trị nước cho dòng họ nào sẽ đánh đuổi được ngoại xâm sau đó trên thực tế.*

« Tiếng đá », chương đầu và quan trọng nhất của « Gió Lửa », đã lấy hứng từ lịch sử và ngay cả huyền sử, để phác hoạ khá linh động công cuộc dời mả tổ tiên của họ Hà vào dãy Giăng Màn và lập nghiệp ở bản Mê, cùng những hậu quả vô cùng tai hại của nó đối với những

cư dân đến trước. Hà tộc đuổi người Táy khỏi Bản Thượng, xây đập Cheo Reo chặn nước, nhằm làm sông Mê khô cần đến độ con Rồng của dòng họ mình « có đủ lửa để mọc cánh bay lên ! »

Cái đập oan nghiệt là đầu mối tạo ra sự phân chia và tranh chiến giữa Mê Thượng với Mê Hạ, cho đến khi người tộc trưởng bản Thượng cuối cùng vì tham thớt voi trắng mà chịu gả con gái là Hà Khinh Vân (nàng Mây) cho tay sáo bản Hạ Đèo Kha. Đèo Kha yêu vợ, song cũng manh tâm làm rể để lẻn vào Hang Sau đánh cắp « mật kíp », hầu học cách phá đập cứu dân Mê Hạ. Kha bị rắn độc giữ sách mổ chết ; nàng Mây phản lại cha, trao quyển sách quý cho bên chồng. Đinh Mê Hạ liên kết với đinh Mường Rây phá được đập. Thế là họ Hà lại phải thay tên đổi họ và dời mả tổ tiên đi nơi khác một lần nữa. Trước khi đi, Hà công không quên giết đứa con gái phản nghịch và bắt cóc làm con tin con trai út của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, xử sĩ có công đã chỉ cho mình một mảnh đất chiến lược khác, đồng thời có tội đã chỉ cho nàng Mây cách đọc và giải « mật kíp » phá đập.

Họ Hà là hậu thân của nhà Hồ và tiền thân của dòng Nguyễn Tây Sơn. Nhưng câu chuyện ở trên là tiêu biểu. Đấy là giấc mơ điển hình của các gia tộc lớn, của những nhà Lê, nhà Trịnh, nhà Nguyễn nào khác. Nó cũng là một thứ mẫu số chung, như sự tin tưởng rằng ngôi báu, một khi Trời đã trao cho ai, là cho vĩnh viễn - nghĩa là, chỉ có Trời mới lấy lại được, mà đôi khi cũng chẳng thu hồi nổi ! Và dưới cái tham vọng của kẻ cai trị nắm giữ quyền bính cho dòng họ mình bằng bất cứ giá nào, đôi khi gồm cả sự cầu viện ngoại bang, không thể có đất cho ý thức trách nhiệm đối với kẻ bị trị nẩy mầm. « Lửa đàng ngoài » hay « gió đàng trong » cũng cùng một bản chất ấy thôi, đôi khi chúng còn hợp lực, gió càng lồng lộng bao nhiêu thì lửa càng vòi vọi bấy nhiêu, như núi càng cao thì nước càng dâng của một thời chưa viết sử.

Cái khoảng cách giữa triều đình và hàng dân có khi còn xa hơn cả giữa Trời với Người. Để hiểu thế nào là « hạnh phúc bình thường » (« bụng no, đầu vui »), Quang Trung Nguyễn Huệ phải thử tuyệt thực, để cuối cùng chết vì bị đầu độc khi ăn lại món óc nghé của Phạm Hoàng Hậu. Khi sống cũng như lúc chết, Huệ luôn bụng no nhưng đầu thường không vui, vì lúc nào cũng bị An, cô con gái của giáo Hiến, mối tình đầu của Huệ ám ảnh. Một ngày xa xưa, An đố đám học trò của cha : đứa nào đoán được ý thầy thì ta lấy làm chồng. Huệ viết « Giết quyền thần Trương Phước Loan » ; một đứa khác viết « Muốn chị An sống hạnh phúc ». Huệ đoán đúng ý thầy như tôi trung, như bạn nghĩa, như tư thù ; nên Huệ được thầy dạy thêm binh thư, sau thành

một tướng quân bách chiến bách thắng. Song đứa kia đoán đúng ý thầy như kẻ làm cha, lại đúng với giấc mơ an phận của cô gái, nên An chịu lấy. Huệ chết đi, mang theo những dự phóng dở dang và một mối hận tình.

Gần cuối đời, Quang Trung cám ơn Nguyễn Trọng Thức (con nuôi La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp) đã dạy mình « đừng đợi đến lúc làm Vua rồi mới hỏi làm Vua để làm gì ? » (ngoài việc bảo toàn ngôi báu cho dòng họ mình, tất nhiên) : « câu thầy bảo làm Vua phải biết là để làm gì nay Trẫm đã hiểu ». Nhưng nếu còn sống, liệu Nguyễn Huệ có thể thay đổi lịch sử được chăng, với cái dự án Quân Chủ Lập Hiến và những cải cách (dùng chữ Nôm rồi chữ Quốc Ngữ, tự do truyền đạo, gửi du học sinh ra ngoài, giao thương với Tây Phương) của Trọng Thức với Nguyễn Huy Tự ? Khi bên cạnh còn có cánh Nguyễn Nhạc đầy tham vọng, có phe bảo thủ của Phạm Hoàng Hậu cùng Bùi Đắc Tuyên Thái Sư đang lăm le đánh thuốc độc giết cả bọn « nước ngoài » (Đàng Ngoài) « vào chiếm chồng, chiếm Vua nước Đàng Trong, mê hoặc triều đình bằng những luận điệu huyễn hoặc », khi ngay cả Bắc Cung Hoàng Hậu Lê Ngọc Hân cũng thì thầm với con : « Vua mà bị ức hiếp thì làm Vua làm gì ... Nhà Lê dẫu chỉ có nửa dòng máu, con vẫn sẽ là một ông Vua, như đức Thái Tổ. Không cần Chúa và cái Hiến Pháp gì gì đó... ».

Nghe tin Chiêu Thống Lê Duy Kỳ vừa sai Trần Danh Án sang Tầu cầu viện, Ngọc Hân lẩm bẩm : « Thế là hết, nghiệp nhà đến chỗ tuyệt rồi ! ». Song Hân cũng chưa bao giờ quên lời cha dặn dò : « cơ nghiệp nhà Lê trong tay con ». Được tin Vũ Văn Nhậm đang tác oai tác quái ở Bắc Hà sau khi chém Nguyễn Hữu Chỉnh, mặc Huệ cho gọi hai lần mà vẫn không chịu về, Ngọc Hân đã có thể tỉ tê ngay với Huệ : « Bắc Hà thuộc nhà Lê, nay nếu không giữ được thì thuộc về Vương. Về sau đất đó phải về tay Quang Cương, vừa là máu mủ Tây Sơn, vừa là huyết thống cựu triều. Thiếp xin theo Vương ra Bắc bắt Nhậm, nếu không thì chết không nhắm mắt, chẳng mặt mũi nào nhìn thấy tổ tiên nữa ». Ra Thăng Long là mở ngỏ Phú Xuân cho tham vọng của Nguyễn Nhạc, Huệ phải suy tính hết mấy ngày mới dám cất quân. « Đêm hôm đó, để mặc Huệ dày vò, đánh đá trong một cuộc truy hoan trước khi viễn chinh, Hân vừa rên rỉ, vừa thì thào « nữa đi, nữa đi ! » như thách thức, đầu chỉ tưởng đến cái cơ nghiệp nhà Lê để quên nỗi đau đớn của thể xác ». Một lần khác, vừa miên man nghĩ cách tạo vây cánh cho Quang Cương sau này, vừa bước theo Huệ, Ngọc Hân chợt thấy dấu chân mình « hằn lên những vết chân cọp ».

Để mở một « kỷ nguyên mới » thay vì chỉ lặp lại một triều đại

khác, Quang Trung Hoàng Đế nhất thiết phải nhổ được tận gốc rễ cái tư tưởng « Thiên Mệnh » nói trên về quân quyền. Đâu dễ ! Nó đã ăn quá sâu vào não trạng, không chỉ của kẻ đang đội vương mão, của những con dòng cháu giống đang chờ ngày nối ngôi (mặc dầu, ở đây, vẫn có những ngoại lệ, như Trịnh Bồng hay Nguyễn Lữ), mà cả ở những đứa mà số phận chỉ là làm một món hàng gả bán. Nói cách khác : sự tin tưởng rằng Trời đã cho đứt dòng họ mình ngôi báu với quyền trị vì có giá trị của một tín ngưỡng. Nói theo thuật ngữ xã hội học của Max Weber : cái đạo lý quyền lực ở Việt nam vào cuối thế kỷ 18 gần gũi với *« kiểu điển hình lý tưởng »* (*« idéaltypes »*) (6) gọi là *« đạo lý niềm tin » (« éthique de conviction »)*, hơn là *« đạo lý trách nhiệm »* (*« éthique de responsabilité »*, Vua Chúa không có trách nhiệm gì với đất nước cả, cùng lắm là với tổ tiên mà thôi). Thuyết phục họ từ bỏ niềm tin ấy cũng đồng nghĩa với, và khó khăn như thuyết phục các nhà tư bản Tin Lành từ bỏ thuyết cứu rỗi tiền định.

4

Ở mức độ thứ hai, cái đạo lý quyền lực này được thể hiện như thế nào ở tầng lớp gọi là sĩ phu, thành phần *lẽ ra đã có thể* đóng một vai trò hệ trọng hơn trong lịch sử ? Chẳng lẽ khi Vua không ra Vua thì đất nước chẳng còn ai ? Thật ra, nhân tài không thiếu, cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài. Nhưng tầng lớp trung gian này, cả văn lẫn võ, dường như hoàn toàn bị tê liệt bởi một thứ quan hệ nan giải với vấn đề quân quyền. Vua Lê chỉ còn là hư danh, nhưng nhà Lê vẫn giữ « Mệnh Trời ». Ngay cả Chúa Trịnh cũng phải dùng danh nghĩa phù Lê để lấn Vua. Chống Vua Lê là làm giặc đã đành, mà bài Trịnh để phù Lê cũng là làm giặc. Nhưng ngồi yên là chấp nhận cảnh một Vua hai Chúa và loạn lạc khắp nơi. Trước câu hỏi « làm gì » tưởng như đơn sơ, biết bao là trăn trở không lối thoát ! Thử nhìn lại một số trường hợp điển hình.

1) Nhân tài Bắc Hà không chỉ có một mình Nguyễn Hữu Chỉnh, như Chỉnh thường tự phụ. Song gốc gác con buôn, đứng ở cực « duy danh lợi » có lẽ Chỉnh đúng là Nho sĩ điển hình nhất của « chủ nghĩa cơ hội » khắp Đàng Ngoài. Làm tôi nhà Lê, Chỉnh theo Chánh Dường Hoàng Tế Lý phò Chúa Trịnh. Khi Lý bị « Kiêu Binh » giết, Chỉnh vào Qui Nhơn theo Nguyễn Nhạc. Biết bản lãnh Nguyễn Huệ, Chỉnh thuyết phục Huệ lấy danh nghĩa « phù Lê, diệt Trịnh », tính kế đánh Phú Xuân, rồi vượt mệnh Vua anh, thẳng đường Bắc tiến. Trở lại Thăng

Long, Chỉnh chỉ gọi Vua Hiển Tông là « bề trên » nhằm xác định mình không còn là bề tôi nhà Lê, làm trung gian thực hiện cái quỉ kế làm rể vua Lê để dẫu có phải về Đàng Trong lúc nào cũng có chính danh để trở ra Đàng Ngoài của Huệ. Khi Nguyễn Nhạc thình lình ra Bắc, Chỉnh bàn với Hoàng Tự Tôn Lê Duy Kỳ dâng ngọc tỉ và thảo biểu xin hàng. Đồng thời, Chỉnh cũng không quên sai thủ túc bí mật gặp gỡ các hào trưởng và thương nhân giàu có, « ý chiêu dụ về việc gây dựng lại Đàng Ngoài ». Khi Tây Sơn trở vào Đàng Trong, Chỉnh hoảng sợ chạy theo, được Huệ giao cho giữ Nghệ An. Chỉ tháng sau, lại lấy danh nghĩa phù Lê, Chỉnh kéo được một vạn quân về Thăng Long dẹp đám tàn quân nhà Chúa, được phong tước là Bằng Trung Công, « thực tế là quyền hành như Chúa Trịnh thuở trước ». Khi anh em Tây Sơn lục đục, Chỉnh sai Trần Công Sán đi xứ vào đòi lại Nghệ An cho nhà Lê, đồng thời thôi thúc việc đúc súng và bắt lính. Khi anh em Tây Sơn giảng hoà, Huệ sai Vũ Văn Nhậm ra trấn ở Nghệ An cầm chân, sau đó ra Bắc bắt Chỉnh đem về làm tội ở Thăng Long.

Dù nhiều thăng trầm, con đường quan tước của Chỉnh như vậy đâu phải là hẹp (dù không thênh thang bằng một nhân vật tương đương khác là Hoàng Tế Lý). Nhưng cái dở của Chỉnh là gần như ai cũng đọc được những lá bài trong tay đương sự, thông qua động cơ hành động bên trong. Chỉnh xui Huệ tiến quân ra Bắc, Huệ cười giả lả : « Ta ra nước ông rồi về, nước ấy trống, chắc ông chẳng theo ta, ở lại mà trông nom. Ta lấy được gì ? Còn ông, ông lấy cả nước ... ». Với Lê Chiêu Thống, Chỉnh tâu : « Tôi đem anh em hắn (Tây Sơn) ra là chỉ để tôn phù, việc đã xong, nay tôi xin ở lại. Anh em hắn về, thì Nghệ An là phên dậu của xã tắc. Vậy xin Bệ Hạ cho tôi vào đó trấn thủ, mặt Nam tôi xin đương hết ». Với Nhạc, Chỉnh hót : « Chỉnh vào làm dưới trướng Thánh Thượng, xin đi đâu cho Chỉnh theo, chẳng có lòng nào ở lại Bắc Hà... ». Chỉnh sai chém Tuần Huyện Trang, kẻ được thầy là Lý Trần Quán giao cho việc bảo vệ Trịnh Tông trên đường bôn tẩu, cho là Tông bị Trang giết để lập công chứ chẳng phải tự tử. Biết chuyện, Huệ nói với bộ tướng : « Hắn muốn gột cái tiếng phản phúc đấy. Như vậy, hắn sắp phản ta rồi ». Chỉ có Đỗ Thế Long là dại dột, vì còn tin vào chút đạo lý nhân nghĩa ở một nhà Nho cơ hội. Long khuyên Chỉnh « chọn trong tôn thất họ Trịnh một người lập lên làm Chúa », hầu tránh tiếng tàn tặc phản chủ, đồng thời phá cái thế bố vợ Lê - chàng rể Tây Sơn của Nguyễn Huệ ; ngay đêm đó, Long bị trói mang ra sông Nhị Hà, « rồi chết đuối như người ta kháo lại ».

2) Quận He Nguyễn Hữu Cầu vây Thăng Long. Một bộ tướng của Cầu là Dương Quang ước lượng chỉ cần một ngày là có thể dẹp tan

đám quân ở phủ Vua, phủ Chúa. Nhưng Quang hỏi : « Đánh xong, chủ tướng làm gì ? » Quận He ngẩn người ra ngẫm nghĩ rồi nói : « Ta không định làm Vua... Ta không biết bây giờ làm Vua để làm gi ? ». Quang nói : « Chiếm được nhưng giữ thì không dễ, mà giữ lại không muốn làm Vua thì vô lý lắm ». Cụ Quận suy đi tính lại rồi bảo : « Ta cũng không định làm Chúa, làm Chúa người ta chửi cho », sau đó rút quân về. Về đến căn cứ, Quang lại hỏi : « Chẳng lẽ cứ làm giặc mãi à ? ». Cụ Quận gắt nhặng lên : « Thời này mày không làm giặc thì làm gì ? ». Họ Dương bạo miệng nói : « Chủ tướng làm Vua thì Dương Quang này chỉ xin đi điều người đắp đê sông Nhị cứu lụt. Mỗi năm mỗi lụt, dân đói dân khổ lắm »... Mắt cụ Quận sáng lên, rồi bỗng tối xầm lại : « Tiên sư nhà mày, sao không nói lúc ở Thăng Long ? Giờ muộn mất rồi còn gì ! ».

Cầu là kẻ đã dấy binh chống Chúa Trịnh Doanh trước đây, tự xưng là « Tổng Quốc Bảo Dân Tướng ». Ngôi Vua trong tầm tay, thế mà Cầu lại không nghĩ đến việc làm Vua, có lẽ vì chưa bao giờ đặt được hài cốt tổ tiên vào hàm Rồng, nên còn tin rằng ngôi báu là một Ân Sủng mà Trời đã trao đứt cho nhà Lê. Về tham vọng, Cầu thua xa cả Bắc Cung Hoàng Hậu Ngọc Hân, vì bà Công Chúa này còn biết mưu đồ cho con trai mình làm một thứ Vua không bị ức hiếp, dù chỉ có một nửa dòng máu thuộc nhà Lê. Về chính trị, Cầu dở hơn cả bộ tướng của mình lúc ấy, vì tự xưng là « Bảo Dân Tướng » mà không nghĩ nổi rằng làm Vua ít ra phải biết đắp đê cứu lụt cho dân nhờ. Cầu cũng không nghĩ đến việc làm Chúa, bởi biết rằng làm Chúa là tiếm quyền Vua, thiên hạ sẽ nguyền rủa. Chỉ còn cách là làm giặc, vì không thể ngồi yên mà nhìn thế sự xoay vần. Cuối cùng, Cầu cũng chẳng trả lời nổi câu hỏi làm giặc cho đến bao giờ của Dương Quang, tự khoá mình vào cái bẫy làm giặc không mục đích, vô tình kéo dài tình trạng hỗn loạn triền miên trên khắp đất nước.

3) Ngô Thì Nhậm thì tính toán hơn. Hành động phải có *chính danh*. Muốn đánh Trịnh, phải chờ cho cái danh nghĩa phù Lê của nhà Chúa mất đi. Nghĩa là, nói một cách cụ thể, phải đợi *thời cơ*. Cái cơ hội ấy là những biến loạn ngay trong phủ Chúa. Nhậm nói với Nguyễn Thiếp : « Cái sấm ký về 200 năm nhà Chúa trị vì đã có mòi đúng rồi. Đoan Nam Vương Trịnh Tông bây giờ bị đám Kiêu Binh loại Bằng Vũ, Nhưng Thọ kiềm chế, lại nhân danh Vua để chèn Chúa »... Thế nhưng khi Thiếp hỏi : « Còn phần ông, ông tính thế nào ? », thì Nhậm chỉ trả lời : « Ở thế xuất thì xuất, ở thế xử thì xử », nghĩa là trả lời để chẳng nói gì cả. Và tiếp : « Đây là tập « Xuân Thu Quản Kiến », trình lên tiên sinh xem xét. Trong này, tôi có luận lại vấn đề chính

danh ». « Thế Ngô huynh luận thế nào là chính danh ? », Trọng Thức hỏi. Nhậm giảng : « Khi dân ca thán, chính danh bắt đầu lung lay. Lúc giặc giã tứ bề, chính danh đang lụi mà chỉ còn sức mạnh. Chỉ dùng sức mạnh là hoàn toàn mất chính danh. Theo cuộc tuần hoàn, cái mất đi luôn được bù lại. Đó là lúc một sức mạnh mới biết mang đến một cái gì khác với sức mạnh để hỗ tương cho nó. Mệnh trời thay đổi là vậy ». Thức lại hỏi : « Nghĩa là mệnh trời với ý dân hợp nhất. Là một, không tách bạch được ? Nhưng như vậy thì cứ phải loạn lạc mới biết dân ý để đổi mệnh trời ? Ngô huynh cho là không còn con đường nào khác à ? ». Nhậm buồn bã : « Không, bởi cái truyền thống từ Bắc phương đã nhiễm vào đến xương tủy của mình rồi ». (Ở đây, cả hai đều nhầm một nửa : « ý dân là ý Trời », « loạn lạc là dấu hiệu của sự thay đổi mệnh trời » là những điều Khổng Tử viết, nằm ngoài phong cách hành xử của loại Rồng tại vị, dù vẫn là một khích lệ mạnh mẽ cho những con Rồng khác).

Nhưng rồi lý thuyết gia của thuyết « chính danh » và của hai chữ « thời thế », một ngày kia, cũng quyết định vào Đàng Trong theo Tây Sơn, dự phần vào « cuộc hôn nhân gán ghép giữa đám quân tướng Qui Nhơn đang bơ vơ đi tìm một ý thức hệ với bọn sĩ phu vẫn chênh vênh trên bờ vực ». Nhậm giải thích với Trọng Thức : « Kẻ sĩ xưa nay chỉ có hai lối, xuất hay xử. Xuất, ta đâu có vì cái chức Tả Bộ Thị Lang của một guồng máy non choẹt đến nay vẫn còn cố xoay sở tìm cho có chính danh. Ta xuất, vì quân Thanh sẽ vào lãnh thổ, mang tiếng phù Lê để xâm lăng ». Rồi Nhậm đã vận dụng tất cả bản lãnh văn võ, góp tài thao lược đánh bật quân Thanh, đắc lực giúp Huệ xây dựng cơ đồ, trở thành một trong những rường cột của triều đình Tây Sơn. Khi Ngô Văn Sở giễu : « Phiền ông làm một bài thơ đuổi giặc ... », Nhậm biết trả lời : « Văn võ chẳng qua là hai mặt của một đồng tiền, có cái này tất có cái kia. Bỏ đi một mặt là hỏng ». Nghe Thức trình bày về những tư tưởng cách mạng đang làm sôi sục nước Pháp, Nhậm biết căn dặn : « Kẻ hiểu đệ nếu có một, thì số người không hiểu cả trăm ngàn. Số người không hiểu có thể là bạn, là thầy, là anh em... ». Khi Quang Trung băng hà và Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền, đảo ngược mọi chính sách của tiên quân, rồi quân Nguyễn Ánh sôi sục căm thù sửa soạn đổ bộ vào Thăng Long, Nhậm lúc ấy đã lui về phường Bích Câu, nhất định không đi trốn : « Trốn, ta không trốn ! Ta trốn thì còn gì cái tiếng danh giáo của Ngô Thì Nhậm ? Ta trốn thì sau này ai hiểu làm sao cho được cái việc chấn hưng Trúc Lâm thiền pháp của Hải Lượng ? ». Nhậm lúc ấy đang mơ tưởng tổng hợp những giáo lý Nho và Thiền thành một khối. « Nhưng Hải Lượng thiền sư

không vất bỏ nổi Ngô Thì Nhậm ». Võ Toàn Nhật (một con nuôi khác của Nguyễn Thiếp) nói với Trọng Thức : « Ngô huynh vẫn đời lắm, có đạo được chút nào đâu ! ». Và đến khi đối lại câu xướng của Đặng Trần Thường bằng cái vế bất hủ : « Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế, thế thời phải thế » trong trận đòn thù năm Quí Hợi (1803), thì đúng là nhà Nho đã hoàn toàn trở về với những ám ảnh và hạn chế buổi nào, khi lần đầu tiên ý thức về thân phận của một kẻ sĩ sinh ra để dấn thân trong thời tao loạn.

4) La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp chọn con đường xử sĩ ngay từ đầu. Nổi tiếng là nhà danh Nho đạo hạnh suốt từ Bắc vào Nam, Thiếp thà nhận danh hiệu « cuồng ẩn » để giữ tiết tháo hơn là tham gia thế cuộc. Phu Tử đứng trơ vơ như một pho phỗng đá cô độc ở trại Bùi Phong, thách thức cả những ngọn lửa hực Đàng Ngoài lẫn các cơn gió lốc Đàng Trong. Được Hoàng Tế Lý « mời » ra Thăng Long, rồi kiếm chuyện bỏ ngục Trọng Thức làm áp lực, buộc phải bao che cho một số hành động ngược cương thường, Thiếp sẵn sàng hy sinh đứa con nuôi trên bàn thờ trung nghĩa. Về việc soán ngôi nhà Lê, Thiếp nhất quyết : «... dù cả họ có chết để giữ toàn tiếng cho Chúa cũng đành chịu, chứ có xá chi một mạng Trọng Thức ! ». Về việc phế Tông lập Cán, Thiếp thoái thác : « Việc đó cứ coi là việc riêng nhà Chúa, Thiếp này là kẻ tiện dân nên muốn hay không cũng chỉ cắn răng cúi đầu ngậm miệng ». Đã ba lần được Nguyễn Huệ viết thư cầu hiền, Thiếp từ chối cả ba, gửi trả tặng vật, chỉ xin giảm thuế cho dân Nghệ vừa bị mất mùa chết đói. Chỉ từ khi Lê Chiêu Thống dập đầu cầu viện Thanh triều, Thiệp mới than trời « Nhà Lê tuyệt số mất rồi », sau đó gọi Huệ là Hoàng Thượng, cùng với Ngô Thì Nhậm mở màn cho sự đầu quân của đám sĩ phu Bắc Hà, và cuối cùng, nhận làm viện trưởng Viện Sùng Chính, cụ thể hoá chiếu « lập học », do Trọng Thức và Huy Tự đề ra cho triều đại mới, bằng những khoa thi dùng chữ Nôm và một công trình dịch thuật sách vở từ Hán sang Nôm. Khi diệt xong Tây Sơn, Nguyễn Ánh ngạo mạn hỏi : « Người làm thầy bọn giặc Tây Sơn, sao lại để ta vào đến đây ? ». Nguyễn Thiếp không trả lời.

Cái thảm kịch của La Sơn Phu Tử nằm nơi hai chữ trung trinh. Trung trinh với một nền cựu học và một triều đại. Để hiểu rằng triều Lê không còn « chính danh », Thiếp phải chờ đến cái hành động tự sát cuối cùng của Lê Chiêu Thống. Nhưng Thiếp chưa bao giờ hiểu, khoan nói chấp nhận, rằng nền cựu học cũng đã rơi vào tình trạng « hữu danh, vô thực ». Về điểm này, ông thầy của cả nước không bằng một kẻ tự học như Dương Quang. Khi chia tay với Trọng Thức trong ngục, Quang bùi ngùi dặn dò : « Chú em thoát được thì vào

Đàng Trong, rồi đi xa mà học cái tốt của người ta mang về giúp đời. Nhớ nhé, một là tránh cho bằng được cái học rỗng tuếch, thứ là chớ có sa vào bất cứ khuôn mẫu ép buộc nào, kể cả Quân-Thần, Sư-Môn, Phụ-Tử, Phu-Thê, nếu nó là ép buộc...». Nghe Thức trình bày về những tư tưởng mới lạ ở Pháp, Thiếp chỉ biết đưa tay ngăn với cái chiêu bài « xã hội nào, kỉ cương nấy » : « Lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia thế nào được ! ». Khi Thức cãi : « Không thể xem qui củ xã hội là điều bất biến, nếu nó đổi thì nhiệm vụ của kẻ sĩ là làm sao cho sự thay đổi đó tốt đẹp nhất cho hàng dân » ; Thiếp chỉ biết xót xa tự hỏi : « Thế thì tam tòng tứ đức lộn lạo ư ? Còn cái đạo quân tử, nó sẽ đi về đâu ? ». Tối hôm tranh cãi cuối cùng về bình đẳng ở Bùi Phong, Thiếp mở cửa phòng, giận dỗi đẩy Trọng Thức ra : « Anh nay khôn lớn, có cánh cứ bay. Bay cho đến cái xã hội cộng hoà gì gì đó, nào có cần chi đến tôi nữa ! ».

5) Muốn mở một kỷ nguyên mới, phải có những con người mới, hay ít ra những con người của môi trường cũ nhưng biết chấp nhận cái mới, như Dương Quang, Nguyễn Trọng Thức, Võ Toàn Nhật, và ở một mức độ nào đó Nguyễn Huy Tự. Cả Trọng Thức lẫn Toàn Nhật đều là con nuôi và học trò của Nguyễn Thiếp. Nhưng người thầy thực sự của Trọng Thức là Dương Quang, kẻ bị xử tử trong vụ án phản loạn năm Canh Tý (1780). Nhờ gặp họ Dương mà Thức trút bỏ được mớ công thức « rỗng tuếch, rỗng toác » còn trong đầu khi mới đặt chân vào ngục, mới hiểu rõ rằng kiến thức của mình chỉ rặt những thể loại trừu tượng với những qui phạm xơ cứng, và từ đó biết khao khát một tinh thần phê phán độc lập, một lối tư duy sống động và tự do, những kiến thức mới mẻ và thực dụng. Tương tự, người thầy thực sự của Toàn Nhật là Koji Mishima, một thương gia Nhật ở Phố Hiến. Với Mishima, Toàn Nhật không chỉ học được ba đường kiếm sau này Nguyễn Huệ đặt tên là « Chiêu Hồn kiếm », mà còn học được giá trị của một lời giao kết hay tờ hợp đồng, những ý tưởng như « biết chết, bởi vì đã biết sống », và « cái lý tưởng là thuở xưa đằng sau, mà tương lai thì mênh mang trước mặt ». Chỉ là kẻ buôn bán khí giới, Mishima có đủ sĩ khí từ chối chức Đông Ngoại Hầu của nhà Chúa và mổ bụng tự sát, để vừa khỏi trao quyển « Luyện Kim Yếu Pháp » cho Hoàng Tế Lý, vừa thuyết phục thầy mình là Motoni Norigana rằng cái tư tưởng « Đại Hoà Tâm » là quá khứ, còn tương lai của Nhật Bản ở phía trước, rằng nước Nhật cần khuếch trương kinh tế, phát triển mậu dịch, và một giai cấp thương nhân. Toàn Nhật là người đã cho Mishima nhát gươm ân sủng cuối cùng đúng theo phép thiết phúc « seppuku », một cách đền đáp cái nghĩa cử của Koji đã tự tay đốt quyển sách quý dạy luyện

kim đúc súng, hầu góp phần dập tắt cuộc tương tàn Đàng Trong - Đàng Ngoài, mà nếu tiếp diễn sẽ chẳng đời nào « tạo thành được một quốc gia ».

Thoát khỏi ngục thất của nơi kinh kỳ , Thức có dịp tiếp xúc với giáo sĩ Charles-Antoine Sieyès và học ngoại ngữ ở Phố Hiến. Bị truy nã vì chuyện gia đình, Thức tìm đường vào Đàng Trong theo lời mời của Trần Danh Kỷ, tay gián điệp mà Nguyễn Huệ gửi ra Đàng Ngoài để chiêu dụ nhân tài. Sau một thời gian ẩn náu giữa giáo dân ở làng Đa Phạn, Thức đến Qui Nhơn nhưng bị Nguyễn Nhạc bạc đãi vì nghi kị. Trên đường vào Gia Định tìm Huệ, thuyền Thức bị bão đánh đắm, cuối cùng rơi vào tay Nguyễn Ánh. Nhờ biết tiếng Pháp và có liên hệ với một số giáo sĩ người Pháp, Thức được Ánh giao làm Tư Giảng dạy chữ Hán cho hoàng tử Cảnh và hộ giá Cảnh sang Pháp cầu viện, « đừng để ảnh hưởng Tây dương xâm nhập quá độ vào cái trí óc còn ngây thơ ». Ở Paris, Thức được tiếp xúc trực tiếp với một dòng tư tưởng dân chủ đang hình thành và quen biết với những yếu nhân của cuộc cách mạng Pháp sau này. Ý thức được sự mất chủ quyền bao hàm trong « Đề Ước Liên Minh » mà Bá Đa Lộc sẽ đề nghị với Ánh, Thức cùng với Hồ văn Nghị tức Paul Nghị (một tu sĩ biết lo xa « đừng để cho giáo hữu mắc vào cái tiếng là cấu kết với ngoại nhân mang nước ta đi bán rẻ »), cộng tác với một số người Pháp tiến bộ mưu bắt và nếu cần, giết Hoàng Tử Cảnh để phá việc ký kết « Đề Ước ». Đến phút chót, Thức không nỡ, phải nhảy xuống sông Seine tẩu thoát.

Về lại được Phú Xuân khi Nguyễn Huệ đang sửa soạn viết « Chiếu Lên Ngôi », Thức đầu quân và gieo được vào đầu Huệ một số ý tưởng giản dị mà trọng đại : « không có Huệ này thì có Huệ khác, nhưng nhân dân thì chỉ có một », « viết rõ cả điều vua phải làm gì » trong chiếu lên ngôi, « đừng lấy quá khứ làm mốc cho tương lai », « phải sống một cuộc sống bình thường mới thấu hiểu được niềm hạnh phúc của những kẻ bình thường ». Huệ chưa nghe lời Thức dùng chữ Quốc Ngữ, nhưng biết nói với Ngọc Hân : « Còn Đế nghiệp Tây Sơn có thêm một vài trăm năm nữa hay không, cái đó tùy vào trí tuệ của Trọng Thức ». Nhưng Quang Trung đoản mệnh, và Thức phải « rời ngay Phú Xuân tránh nạn » theo lời khuyên của Huệ. Sau chuyến về Bùi Phong, Thức đi tìm vợ con ở một trại hủi tận thượng nguồn sông Mã. Thức ngừng bước phiêu bạt ở đây để viết « Tề Nhân Thế Đạo ». Khi Nguyễn Ánh lên ngôi, Thức tự thiêu để tránh cho vợ con bị hoạ lây vì chính sách trả thù của vị tân Hoàng Đế, dặn vợ con về giáo phận Bùi Chu lánh nạn, dặn thêm con là Quốc Thư sau này đặt tên con trai là Nguyễn Trường Tộ (« Tộ có nghĩa là vận

may cho cả quốc gia xã hội »), giao quyển « Tề Nhân Thế Đạo » cho Toàn Nhật. Khi tác phẩm chính trị này nằm trong tay Đặng Thị, người mẹ nuôi đã nắn nót viết tựa cho nó, quyển sách triết gáy da chỉ có toàn những trang giấy trắng, như cái tiền thân của nó đã tình cờ rơi vào tay Thức là quyển « mật kíp » ngày nào. Để cuối cùng được Toàn Nhật mang ném xuống lỗ huyệt, nơi ngày xưa họ Hà đặt mả trong rặng Giăng Màn, chấm dứt một chu kỳ nhập cuộc.

Võ Toàn Nhật thực ra là con rơi của Hoàng Đăng Bảo, sau đổi tên là Hoàng Tế Lý. Vì danh vọng, họ Hoàng đã bỏ rơi mẹ con Toàn Nhật, cưới công chúa Ngọc Tĩnh nhà Chúa. Mẹ Toàn Nhật trầm mình ở sông Lam sau khi sinh, hồn vẫn thường hiện về như một nỗi oán. Cả Tế Lý lẫn Toàn Nhật đều đoán biết liên hệ cha con với nhau. Chính Tế Lý đã gửi gấm Toàn Nhật cho Mishima và phong Nhật làm Chưởng Cơ đội Trung Kính, một bộ phận trọng yếu của Cấm Binh bảo vệ cung phủ. Hoàng Tế Lý và Đặng Thị Huệ ép Trịnh Sâm phế con trưởng là Tông để lập con thứ là Cán lên ngôi Chúa, vì thật ra Cán chính là đứa con ngoại tình của họ. Cấm Binh không theo, ăn thề với nhau trên núi Khán Sơn, nhất quyết phò Tông. Cái câu sấm trong địa ký nhà Trịnh : « Chẳng đế chẳng bá, quyền nghiêng thiên hạ. Truyền hai trăm năm, buồng nhà dấy vạ » thế là thành hình. Toàn Nhật cản đường trốn của Lý, buộc kẻ đã sinh ra mình phải trực diện với cái trò chơi quyền lực ác nghiệp mà y đã khởi động. Tế Lý bị Cấm Binh giết trong cuộc đảo chánh, mở đầu cho thời kỳ hỗn loạn mà chính sử gọi là « Kiêu Binh ». Đề ra một chánh sách rất cách mạng trên danh nghĩa, « Kiêu Binh » hà hiếp hàng dân, lũng đoạn triều đình, rồi lại mưu truất Lê Duy Cẩn lập Kỳ làm Thái Tử, phế Tông lập Trịnh Bồng làm Chúa, giết các đại thần nào phản đối. Toàn Nhật can thiệp, cứu anh em Nguyễn Khản, Nguyễn Du cùng gia đình thoát khỏi Thăng Long. Rũ sạch bụi kinh kỳ, Toàn Nhật về Bùi Phong, sau cùng với Nguyễn Huy Tự vào Qui Nhơn gặp Nguyễn Huệ theo lời mời của Trần Danh Kỷ.

Ở đây, Toàn Nhật gặp cả Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ lẫn Nguyễn Huệ vừa chiến thắng quân Xiêm trở về. Nhờ tài điều quân và võ dõng, Toàn Nhật trở thành vị tướng chỉ huy đội Du Binh Tiền Kích của Tây Sơn, lẫy lừng trong việc mở đường cho Nguyễn Huệ ra Bắc chinh phục và tham dự vào cuộc đại thắng quân Thanh. Khi anh em Tây Sơn bất hoà, được giao nhiệm vụ thuyết phục Nguyễn Lữ đứng về phía Huệ chống lại Nguyễn Nhạc, Toàn Nhật chọn con đường bất tuân cùng với Nguyễn Huy Tự, để không phản bội giấc mơ « kỷ nguyên mới » của Huệ, theo lệnh Lữ dàn quân ngăn Nguyễn Huệ đánh Qui Nhơn. Nhạc và Huệ bắt buộc phải ký hoà ước, Huy Tự và Toàn Nhật theo Lữ về Gia

Định lo việc bình định, chủ yếu là chiêu dụ thành phần thương nhân gốc Minh tham chính. Chuyện chưa đến đâu thì Thái Bảo Phạm Văn Tham, người được Lữ giao giữ binh quyền, bắt được một mật thư, tiếng là của Nguyễn Nhạc xui Lữ giết Tham, song lại mang đưa cho họ Phạm. Để « hỏi cho ra lẽ », Lữ cùng với Toàn Nhật và em gái là Đăng Vân về Qui Nhơn. Trên đường, bộ ba bị chính quân Tây Sơn, không biết là của Nhạc hay của Huệ, phục kích. Đăng Vân chết, Lữ chán ngán theo một đám sơn nhân nửa người nửa ngợm bỏ biệt vào rừng. Toàn Nhật cũng rút lui khỏi chính trường, khoác áo thiền sư. Hành động nhập thế cuối cùng của kẻ một thời vang danh võ tướng là chứng minh bằng thực tế cho Nguyễn Du, lúc ấy đang lăm le dấy nghĩa phù Lê, thấy rằng : « cái nghiệp máu » không phải là nghiệp của nhà thơ. Tái ngộ với Trọng Thức lần chót ở trại cùi khi Thức tự thiêu, Toàn Nhật đưa vợ con Thức về ẩn ở giáo phận Bùi Chu, trước khi mang trả cuốn « mật kíp » mang tên « Tề Nhân Thế Đạo » về huyệt nguồn, cắt đứt một vòng nghiệp chướng.

Qua 13 chương *« Gió Lửa »*, độc giả có thể nhận diện như vậy ít nhất là năm lối hành xử có thể xem là điển hình của tầng lớp sĩ phu Việt Nam lúc ấy. Mặc dù đây là những nhân vật tiểu thuyết có độ dày của lịch sử xen lẫn với nét bi hùng của hư cấu, tất cả đều có thể được rọi sáng bằng những khái niệm xã hội học, cụ thể là các *« kiểu điển hình lý tưởng »* của Max Weber về hành động xã hội. *« Hành động cảm tính »* (do xúc động hoặc tình cảm sai khiến, Nguyễn Hữu Cầu), *« hành động lý tính trước mục đích »* (việc thích nghi phương tiện vào cứu cánh, bất kể đạo lý : Nguyễn Hữu Chỉnh, Hoàng Tế Lý), *« hành động lý tính trước giá trị »* (do sự thúc đẩy của các giá trị muốn đề cao hay bảo vệ, Ngô Thì Nhậm với cái « chính danh », v. v...), *« hành động truyền thống »* (khi truyền thống được xem là một giá trị, Nguyễn Thiếp với hai chữ « trung nghĩa »). Một sự kiện đáng lưu ý khác : trong *« Gió Lửa »*, các tên tuổi mà giá trị là sự đổi mới tư duy hay hành động đều là những nhân vật hoàn toàn hư cấu (Dương Quang, Trọng Thức, Toàn Nhật) : hơn bất cứ một lời tố cáo nào khác, đấy chính là cách tác giả vẽ ra cái giới hạn thực tế của lịch sử, cái ngõ cụt của một hệ tư tưởng đang trói buộc toàn bộ xã hội, cái vòng luẩn quẩn của tầng lớp có nhiệm vụ đưa đất nước tiến lên.

5

Ở mức độ thứ ba, cái đạo lý quyền lực này đã tác động như thế

nào trên những kẻ đáng *lẽ ra đã phải* đóng một vai trò quan trọng hơn trong quá khứ, nghĩa là làm tác nhân thay vì nạn nhân tập thể của lịch sử, nếu không sinh nhầm cả thời điểm lẫn nơi chốn ? Tất nhiên, trong cái danh sách rất dài những kẻ đã bị nghiền nát bởi trò chơi quyền lực giữa các thế lực phong kiến, không phải ai cũng chịu đựng cái gánh nặng của bạo lực ở cùng một mức độ. Cái « xã hội dân sự » của Việt Nam vào cuối thế kỷ 18 có tôn ti trật tự của nó, nghĩa là nó cũng có nhiều thành phần, dù cắt ngang thành tầng lớp kinh tế hay xẻ dọc theo những đường ranh giới tính và tôn giáo.

1) Tầng lớp nông dân là cột xương sống của xã hội. Nó vừa tạo ra cái thượng tầng kiến trúc, vừa làm cái « cơ sở nhân liệu » để phục vụ cho bộ máy quyền lực cai quản xã hội xuất phát từ đấy. Quân chủ tập trung, với nào là « thiên mệnh », « thiên tử »... chẳng qua chỉ là nếp suy nghĩ của nông dân, dựa trên cái khả năng nuôi no hay bắt đói, nghĩa là để sống hoặc bắt chết của một ông Trời toàn năng điều hành mưa nắng, mùa màng. Rồi qua một quá trình định danh, định phận, kẻ được xem là con Trời đã nấp sau lưng Trời mà tước đoạt quyền quyết định đói no, sống chết. « Quân, Sư, Phụ chẳng qua là một cách áp bức tinh vi đến độ những kẻ bị áp bức sẵn sàng chết để bảo vệ chính sự áp bức đó ». Quan hệ của tầng lớp nông dân với bộ máy Vua Chúa ở Việt Nam vào cuối thế kỷ 18 có thể được tóm tắt bằng một cách đo đếm, bên cạnh những sưu cao, thuế nặng và lao công, lao dịch khác : hai đinh, ba đinh, hay năm đinh một lính - tuỳ chiến cuộc. Dù ở Đàng Trong hay Đàng Ngoài, thân phận tập thể của họ cũng chẳng khác gì cái số phận bi đát của những kẻ mà chính họ đã tuân lệnh bộ máy quyền lực tước đoạt quyền sống : « Những ma Hời sờ soạng dắt nhau đi !».

Trong *« Gió Lửa »*, không có những nhân vật điển hình của nông dân với độ dày như ở tầng lớp sĩ phu, chỉ có vài phác hoạ tâm lý cá nhân, dù khá ít và đơn sơ, cũng nói lên được cái giới hạn chính của tầng lớp này : bản tính chất phác, họ không vươn thoát được một cái nhìn cục bộ về những biến cố xung quanh. Như Lão Hài hay Bố già, người lính lâu năm nhất trong Cấm Binh, không sợ đánh giặc, chỉ sợ nhìn thấy cảnh đám binh Tam Phủ chém giết lẫn nhau. Như người lão bộc gác dinh Khương Tả Hầu « xưa vẫn sống thui thủi với cái bóng của chính mình », nay ấm ức, nghẹn ngào khi nhìn thấy Toàn Nhật trở về với đốc kiếm Tây Sơn (« Giặc Quảng đã vào, nó cướp nước mình », « Võ tướng quân nay mang giặc vào Kinh à ? »), trong khi đứa cháu nội của mình vừa chết trận (« Đất này lắm Vua lắm Chúa. Họ bất binh,

bắt lính đánh nhau, ... giật qua, giành lại uy này quyền nọ. Sinh mạng người ở đây nào khác gì con rận, con rệp... Ối giời ơi là giời »), để rồi hôm sau xé quần xé áo làm giây treo cổ. Như thằng bé Thuấn chỉ mơ chóng đến ngày lên mười sáu để « đăng lính ông Long Nhượng », vì « lính ông được thoa thuốc, cung tên bắn không trúng, đao kiếm chém không đứt », cho thỏa cái chí « làm trai cho đáng nên trai, xuống đông đông tĩnh, lên đoài đoài tan », đợi ngày « mũ đáo thành công... về khoa đại đao giết thằng già dượng dám mang đồng bạc trắng ra ép buộc kẻ góa bụa trung trinh » ...

2) « *Gió Lửa* » cũng đề cập đến một giai tầng xã hội khác đang vươn lên : thương gia, doanh nhân. Họ đã có đủ tầm vóc để buộc các bộ máy quyền lực phải bỏ công ve vãn. Tàu buôn Tây Phương đã nhộn nhịp ngoài cửa biển, thương gia nước ngoài đã mở chi nhánh tại nhiều nơi ở Đàng Ngoài, số người bản địa làm công việc thông dịch và trung gian buôn bán ngày càng đông. Ở Đàng Trong, bên cạnh đám xử sĩ cùng gốc gác, lớp thương gia Minh Hương cũng đã phát triển khá mạnh, « ẩn sau cái chữ trung của Nho Giáo để mặc cả ». Điều đáng tiếc là sự thiếu vắng một vài nhân vật điển hình cho tầng lớp doanh nhân bản xứ, ngoài bức chân dung thật sống động song lại quá độc đáo của ngoại kiều Koji Mishima. Có thể đúng là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Hữu Chỉnh đều xuất thân từ thành phần này thật, nhưng cái lẽ sống của cả hai không phải là « lợi nhuận », mà là « danh quyền », nghĩa là cả hai đều đeo đuổi cùng một mục đích với đám sĩ phu Nho gia, chỉ khác một điều là cái chất Nho hầu như đã hoàn toàn ráo mực, ít ra về mặt đạo lý ở Nguyễn Hữu Chỉnh chẳng hạn.

Bàn với Nguyễn Lữ về giới thương gia, Nguyễn Huy Tự phát biểu : « Cơ sở của doanh thương là thuận mua vừa bán, không ai áp đặt được ai. Vì thế, sự ý thức về tự do và quyền hạn được nâng lên so với một xã hội nông nghiệp » (...) « Ở Đàng Ngoài, các « lái » không được tham chính, nên mỗi khi cần vì loạn lạc đói kém, triều đình đến trưng thu của tư hữu bằng sức mạnh. Vì không bảo đảm được quyền tư hữu, Đàng Ngoài đâm kiềm chế sự phát triển của thương nghiệp » (...) Ở Gia Định tình thế khác... Xuất ra là gạo, nên thương nhân mua đất, khẩn hoang ở tầm cỡ lớn, và bán gạo để mua vào đồ đạc công nghệ. Thương nhân như vậy có thực lực ». Dù đúng hay sai (1), sự so sánh sau của Tự đặt vấn đề chính sách thương nghiệp cho kẻ muốn bình định như Lữ ; nhưng nhận định đầu mới thật là quan trọng, nó đặt vấn đề cơ sở luật pháp cho mọi chính sách. Và cái cơ sở pháp lý cho sự « thuận mua vừa bán, không ai áp đặt được ai » chỉ có thể là một hợp

đồng. Ở đây, Huy Tự đã chỉ đúng vào điểm nhược của hệ thống luật pháp phong kiến : luật không chỉ là cây gậy để trừng trị kẻ phạm pháp như trong cái quan điểm đã thừa hưởng từ các thời xa xưa của lịch sử Trung Hoa, luật còn là « chiếc đũa trần » tạo lập một không gian mới, cho các loại hành động và quan hệ xã hội vừa bình đẳng vừa cùng hữu ích cho tất cả các bên đối tác.

3) Một nửa « xã hội dân sự » thuộc nữ giới. Và đây là bộ phận nạn nhân nặng nề nhất của trò chơi quyền lực, bất kể thuộc giai tầng nào. Nhiều khi cũng bị cướp đoạt sự sống như người nam, họ còn thường bị tước đoạt cả cái ý nghĩa của cuộc sống là hạnh phúc. Hoàn toàn bị tê liệt, dù dưới một biểu hiện khác, trước cùng một thứ đạo lý quyền lực như ở tầng lớp sĩ phu, cái nhục hình của những người nữ thuộc thành phần vương giả hoặc thượng lưu là dễ bị sử dụng trực tiếp như một món hàng trao đổi. Cuộc hôn nhân Ngọc Tĩnh-Hoàng Tế Lý, Ngọc Lan-Đặng Mậu Lân, hay Ngọc Hân-Nguyễn Huệ, đều chỉ là sự lặp lại của cùng một nước cờ vây cánh ; thụ động trước mọi quyết định của bề trên, số phận của các bà công chúa nhiều khi còn vị thành niên này là đánh đổi hạnh phúc cá nhân của mình lấy một sự ổn định thường là ngắn ngủi và bấp bênh cho dòng họ. Dù đôi khi món đồ chơi xưa cũng biết tập tành để trả thù, trở thành một tay chơi như bà Chúa Chè Đặng Thị Huệ, đến lượt mình tạo ra những nước đi trái luật để leo cao hơn nữa, như mưu lập con riêng làm Chúa, hoặc toan bán đứng em là Đặng Thị Mai cho Lê Duy Cẩn làm Đệ Nhất Thứ Phi, ngấm nghé chiếc ngai Hoàng Hậu tương lai của nhà Lê.

Tất nhiên, ở mọi thành phần xã hội, cũng có những người chọn « hạnh phúc bình thường », không thiết gì « quyền uy, quan tước, danh vọng, phú quí ». Như cô An đã nói với Huệ : « Vì Huệ không biết thế nào là hạnh phúc, thứ hạnh phúc bình thường » ; như Đặng Thị Mai đã từ chối cuộc hôn nhân ép uổng với Thái Tử Lê Duy Cẩn, nhất quyết thuỷ chung với Trọng Thức. Nhưng chống lại những kẻ đang trực tiếp hay gián tiếp, hoặc chỉ mới tơ tưởng « thay Trời trị nước », thì sẽ bị quyền lực đày đọa cách khác. Hoặc phải chết như nàng Mây Khinh Vân trong một cuộc tình duyên phảng phất nửa Mỵ Châu-Trọng Thủy, nửa Huyền Trân-Chế Mân với Đèo Kha ; hay như cô Chúa Út Đặng Vân đang hồi yêu đương say đắm với Võ Toàn Nhật. Hoặc bị săn đuổi như một con mồi từ Cấm Cung này đến trại hủi kia như Đặng Thị Mai, vừa đoàn tụ với chồng chưa mấy lâu sau bao nhiêu năm lưu lạc, thì Trọng Thức đã phải tự thiêu để tránh cho vợ cái cảnh bị truy lùng trở lại. Hoặc phải nhìn thấy người yêu, thấy chồng bị bắt

lính, bị giết vô tội vạ, như cô Thơm của Hài, như cô Nhu của Hình.

4) Trong « xã hội dân sự » Việt Nam ở thế kỷ thứ 18 cũng có những người khước từ thứ đạo lý quyền lực của các tập đoàn cai trị. Dù nhân danh « Linh Hồn » của Kitô hay chữ « Tâm » của nhà Phật, đấy là sự tìm kiếm một giá trị tâm linh hay tinh thần khác. Đối với họ, quyền lực không phải là cái không thể, mà là cái không nên với tới. Họ nhìn sự tranh giành thế quyền như một tấn tuồng, nhìn kiếp người như bèo bọt đáng thương. Dù vào đời, họ tạo cho mình một thiên hướng (vocation) khác, đó là sự giảm thiểu những đau đớn, sầu khổ ; và quyền lực chính là cái làm tăng những oan trái ấy. Họ là những Mẹ-Bề-Trên đã hiến mình cho việc chăm sóc, chữa chạy người cùi ; những giáo hữu thà chịu chết chứ không tố cáo Trọng Thức. Họ là bà Vãi ở Am Chúng Sinh đã nói với đám lính « Ta làm phúc cho, sống cho thỏa thì chết mới yên », rồi làm tình cả đêm với hai mươi mốt tên lính trẻ, sớm hôm sau thắt cổ tự tử. Và trong số những nạn nhân thuộc loại này của trò chơi quyền lực, có cả những con Vua cháu Chúa, dưới những hình thức đặc thù của nó. Như Trịnh Bồng, như Nguyễn Lữ - những nhân vật phần nào là phản diện của tầng lớp Nho sĩ.

Cháu gọi Trịnh Sâm là chú, Trịnh Bồng không thù oán Sâm đã giết cha mình để tiếm ngôi Chúa. Khi phế con trưởng là Trịnh Tông, Sâm đã có ý trả ngôi lại cho Bồng. Hoảng sợ, Bồng bỏ đi tu. Tông lên ngôi Chúa, gọi mãi Bồng mới chịu về giúp. Thấy Tông âm thầm kháng cự, bọn Kiêu Binh lại rắp tâm phế Tông lập Bồng, Bồng phải bỏ trốn lần nữa. Khi Tông bị giết, nghe lời xui của thủ hạ, Bồng dâng biểu xin về lo chuyện tông miếu. Cùng lúc, em Trịnh Sâm là Trịnh Lệ cũng xin Vua hạ sắc dụ cho nối ngôi. Nhờ hiền lành, Bồng được sự ủng hộ của các bộ tướng Trịnh cũ, Lệ thua trận phải bỏ chạy. Về Thăng Long, Bồng bị bọn thủ hạ rước kiệu về đặt ở Chính Phủ. Cảnh Vua Chúa hầm hè lại có cơ tái diễn, với quân Hoàng Phùng Cơ phe Vua, Đinh Tích Nhưỡng phía Chúa. Kinh hoàng, Bồng lại bỏ trốn, nhưng bị Nhưỡng bắt lại và giam lỏng. Thừa nước đục thả câu, Nguyễn Hữu Chỉnh mạo chiếu Vua, lấy danh nghĩa phù Lê mộ quân từ Nghệ An kéo về. Bọn thủ hạ lấy nghĩa tôn phù nhà Chúa lần lượt bị Chỉnh đánh tan hoặc thi nhau bỏ chạy. Sau Bồng thoát được vòng chầu chực của kẻ dưới tay, trốn lên núi một mình, lấy kiếm gọt đầu làm Đạt Hải thiền sư, lang thang hết chùa này đến chùa nọ.

Cuối cùng, Đạt Hải thiền sư cùng với mấy tên phiêu lưu theo đuôi, kì kèo mưu chuyện phù trợ đổi lấy chức tước, cũng bị nông dân bắt nộp cho Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh hỏi Bồng : « Rước về làm

Chúa, mi có nhận không ? ». Bồng cười hềnh hệch : « Eo ôi, cái nghiệp ấy thì chịu. Xưa, bần tăng như khúc gỗ tròn, cứ bị bọn mê muội thèm muốn danh vọng xô đẩy nên mới lăn lóc thế. Nay, chẳng dại nữa, làm Vua làm Chúa thì thà chém chết ngay đi còn hơn ! ... Nghiệp quyền lực là cái nghiệp của Quỉ Vương. Nó sai khiến hằng hà sa số ma quỉ, căng chặng bẫy ở ngay nhân tâm. Bây giờ bần tăng đã hiểu mà tránh được, dại gì lại dính vào nữa ». Chỉnh ngẫm nghĩ rồi quát thủ hạ : « Sao chúng mày bắt nhầm ông sư gàn gàn ương ương này vào đây ? », rồi ra lệnh đuổi Bồng ra ngoài. Sau đó, Chỉnh làm tờ cáo rằng Trịnh Bồng đã chết, và cấm không cho ai nói thêm gì nữa để khỏi làm náo loạn lòng người.

Nguyễn Lữ thật ra là Thúc Khải, đứa con út của Nguyễn Thiếp đã bị Hà Công bắt cóc làm con tin trước kia. Một trong ba cột trụ của nhà Nguyễn Tây Sơn, Lữ biết điều binh, khiển tướng, nhưng cũng biết bình định, dự kiến chính trị. Khi Nhạc với Huệ bất hoà, Lữ quyết định ngăn chận cảnh nồi da xáo thịt chứ không ngả theo ai : « Nếu đánh thì lực lượng Tây Sơn mười phần sẽ mất tám. Tầu Tây Dương đã sáp gần Thị Nại, và nghe đâu Nguyễn Ánh cũng sắp sửa tiến vào. Vậy thì anh em trong nhà ai thắng ai, cuối cùng cũng là thua người ngoài... ». Khi phải bình định Đàng Trong, Lữ biết tìm cách lôi cuốn tầng lớp thương gia tham chính, dự tính phong vương tước cả cho Nguyễn Ánh đang trốn tránh bên Xiêm để cùng giữ Gia Định, lập đàn « Chiêu Hồn » cho những người Minh Hương đã bị Nhạc giết trước đây. Ngoài ra, Lữ còn có khả năng nhìn và dùng người như Huệ (Huy Tự, Toàn Nhật), biết nghe và biết thuyết phục... Về hai anh mình, Lữ bảo với Toàn Nhật : « Anh hai ta thích đánh bạc... Anh ba ta thì chẳng chịu nhường ai, bất kể trời, bất kể đất ». Về việc chiêu hồi Nguyễn Ánh, Lữ nói với Thái Bảo Tham : « Một là Chủng nhận, giặc tất ít đi. Hai là Chủng không nhận, nếu có chiến tranh, hắn mang trách nhiệm, người oán hắn sẽ có ». Về sự lo ngại của sư Viên Chân rằng việc tự do truyền đạo sẽ phá mất cương thường, Lữ giải thích : « Ở bên Xiêm, họ tự do truyền đạo nhưng có mấy ai theo, lý do là Phật tử được dạy dỗ bên Xiêm. Họ tự do truyền đạo, ta cũng tự do hoằng hoá Phật pháp, lo gì ? ». Về sự phản đối việc đạo Cao Đài thờ Chúa Jésus của Linh Mục Lelabousse, Lữ hỏi ngược : « Vậy là tôi cho tự do giảng đạo của Chúa các vị, rồi đồng thời lại phải cấm không cho thờ Chúa các vị ư ? ».

Ở Lữ, có thể nói rằng cái « chữ tâm kia mới bằng ba chữ quyền ». Lữ xin thí phát làm đệ tử tại gia của Hoà Thượng Từ Tâm, rồi chính cư sĩ Chính Tâm Nguyễn Lữ « sai thêu một bức trướng với chữ Tâm bằng chỉ vàng, đặt ngay đại sảnh, vừa tự răn mình, vừa để cho người biết

lòng dạ mình ». Nhưng cái thế chính trị của Việt Nam thời đó, cái cảnh một Vua ba Chúa trên thực tế, cộng thêm đủ thứ loạn tặc tiềm tàng, có cho phép hoà giải chữ « Tâm » của tôn giáo với chữ « Lực » của thứ « đạo lý quyền lực » truyền thống như đã được phác hoạ không ? Khi Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ nhất, « dân đói hàng đoàn từ Nghệ An chạy vào, mắt trắng dã, thất thểu dìu nhau đi như những kẻ không hồn. Chẳng cần bắt, đám đàn ông xin xung quân, ít ra cũng có ngày hai bữa. Đàn bà, trẻ con mất chồng, mất bố đứng nhìn, kiệt lực, khóc không thành tiếng... ». Huy Tự thưa : « Thượng Hoàng, chiếm Vị Hoàng ta sẽ đủ quân lương. Giờ chia cho dân một ít ». Huệ lạnh lùng lắc đầu : « Nhỡ quân không đủ lương thì đánh chác thế nào ? Thừa hơn thiếu, có hơn không ». Liệu Lữ sẽ làm khác chăng ? Điều chắc chắn là khi bị chính quân Tây Sơn phục kích mưu sát trên đường về Qui Nhơn, Lữ mới lấy lá cờ đỏ thêu chữ Tâm quấn làm khố, trả lời Toàn Nhật : « Ta là con Hà Công hay là con Nguyễn Thiếp thì có khác chi nhau ? Ảo cả, và cái có thật là cái khổ của kiếp phù sinh khốn nạn này ! », rồi rảo bước theo đám sơn nhân vào rừng, xác nhận vĩnh viễn một thất bại và một chọn lựa.

Emmanuel Sieyès nói với Trọng Thức : « Dân tộc của anh là một đàn cừu có thứ bậc. Một tập đoàn nô lệ nhưng lại tôn ti trật tự (...) Giá mà ngược lại, đàn cừu chỉ có mười phần trăm, còn lại làm giặc, nhưng không sắm khí giới, mà chỉ dùng lý lẽ thì xứ các anh khá hơn nhiều ». Rồi Sieyès đọc những câu hỏi « tại sao » của đứa bé với thầy giáo trong *« Emile »* của Rousseau cho Thức nghe. Thức ngẫm nghĩ rồi nói : « Viết như thế, ở xứ tôi chính quyền nào cũng sẽ chu di tam tộc kẻ viết. Toàn là những vấn đề không ai có quyền đặt ra mà hỏi. Chẳng đứa trẻ nào dám nói ngược lại thầy cả. Cái khuôn đời trước đặt lên đời sau, không cho cựa quậy, trói con người trong trăm thứ bổn phận, cuối cùng tất cả thành nô lệ ».

Người nông dân không biết hỏi « Vua là gì ? », nên cả đời đi lính chết cho Vua. Người nữ không biết hỏi : « Tại sao đặt đâu phải ngồi đấy » nên bị tước đoạt hạnh phúc. Một trong những cái ngăn chúng ta hỏi « là gì ? », « tại sao ? » chính là truyền thống. Vì truyền thống, ta khinh miệt thương nghiệp và thương gia. Vì truyền thống, kẻ cầm quyền tiếp tục hành xử như con trời, cai trị bằng luật rừng, thay vì thiết lập với nhân dân một hợp đồng ủy nhiệm. Sự tôn trọng truyền thống có lẽ chỉ nên đặt ra nếu con người đồng thời có tự do tư tưởng và hành động để chọn lựa. Một đất nước chỉ có rặt, hay có quá nhiều, loại « hành động truyền thống » sẽ là một quốc gia không biết nhìn tới tương lai. Nhưng một đất nước chỉ có những « hành động lý tính

trước giá trị », loại đi tìm sự giải thoát cho chính mình ở mức độ cá nhân như Nguyễn Lữ, sẽ là một quốc gia có nhiều thánh sống nhưng nghèo đói, lạc hậu. Trịnh Bồng chẳng bao giờ nên dính vào chính trị ; Nguyễn Lữ rời chính trường là một mất mát. Câu hỏi « đi tìm hay đi trốn » của Thiền Sư Từ Tâm khi Lữ xin qui y, với lời giảng : « Bỏ ngôi Vương là bỏ cái địa vị có thể độ cho tha nhân, để thu về hỉ xả cho riêng mình, Ngài đã bỏ con đường Phật dạy, làm sao bần tăng nhận lễ cho được ? Tâm Vương Công mà thành, xin Ngài hoằng dương Phật pháp từ chỗ Ngài đứng Ngài ngồi, thế là qui y Phật ... », rốt cuộc, có thể là vẫn là giải đáp khả thi tốt đẹp nhất. Tôn giáo là chính trị của một thời xa xưa, rất xa xưa.

6

Viết « Gió Lửa », khát vọng của Nam Dao là đặt cả *« cái mẫu hình văn hoá »* trách nhiệm của những cuộc nội chiến *« lên bàn giải phẫu để suy ngẫm, hội chẩn, và rồi cắt bỏ những phần nhiễm độc trong tâm thức. Chỉ có như vậy, phần nào tương lai mới rõ nét ngõ hầu hiện tại cưu mang được hy vọng »*. Có gì đáng để hy vọng trong hiện tại chăng ? Hãy nhìn lại lịch sử đương đại của Việt Nam, và thử tự hỏi xem cái « đạo lý quyền lực » như đã được phác hoạ ở trên có còn tác động gì không : 1) trên các đảng phái đã hoặc đang cai trị đất nước trong thế kỷ 20 ; 2) đối với hậu thân của tầng lớp kẻ sĩ thời nay gọi là « trí thức tân tiến » - bộ phận được ưu đãi của xã hội mà ai cũng chờ đợi phải có một đóng góp tương xứng hơn trong việc đưa đất nước tiến lên ; và 3) trên những thành phần xã hội lẽ ra phải là tác nhân tập thể tích cực của lịch sử ? Chính thức, ngày nay Việt Nam đã thoát ly chế độ phong kiến, với một nền đạo lý quyền lực mới, hết sức hiển nhiên trong ngôn ngữ. Tất cả vấn đề là độ chênh lệch thường thấy giữa văn bản với phong cách hành xử, giữa lý thuyết và hành động. Bình mới, nhưng rượu có thể là không mới.

1) Ở mức độ thứ nhất, từ khoảng giữa thế kỷ 20, Việt Nam đã có những « nhà nước hiện đại », trên cả hai miền Nam Bắc. Nhưng cái tư tưởng « Thiên Mệnh » chỉ mới thay áo thành « Ơn Trên », thành « Sứ Mệnh Giai Cấp », « Tất Yếu Lịch Sử ». Chuyên chính tập trung chỉ mới đổi tên từ « Quân Chủ » sang «Dân Chủ », với một ngài Tổng Thống hay một ngài Tổng Bí Thư quyền hành còn hơn cả Vua, vì không còn Chúa để kèn cựa. Có đảng phái thật, nhưng lại là những

chánh đảng mà cả ngôn ngữ lẫn lề lối tổ chức đều rập khuôn theo quan hệ gia tộc phong kiến, cùng thờ một vị « Cứu Tinh », một « Cha Già », hay một « Bác Hồ Vĩ Đại ». Có ngợi ca « Nhân Dân » thật, nhưng nhân dân ở đây không phải là toàn thể xã hội, hay ít nữa cũng là nông dân, mà lại thu hẹp vào một thứ « Dân Của Chúa » hay một « Giai Cấp Công Nhân » tiên tiến sẽ xuất hiện vào cái thời điểm nào đó chưa xác định nổi của lịch sử. Nhân danh cái gì những bộ máy nhà nước ấy cai trị ? Không phải là sự đồng thuận của mọi tầng lớp dân chúng trên một chương trình canh tân đất nước, không phải do một cuộc tổng tuyển cử trung thực, mà dựa trên quyết định của một nhóm người nếu không phải là một người. Nói cho cùng và nhân nhượng nhất, trên đà bạo lực của kẻ đã kết thúc thắng lợi một trận quét dọn, hay một cuộc chiến tranh nửa giải phóng nửa nội chiến. Ở đây, hoàn toàn không có gì mới lạ.

Lịch sử còn là một sự lặp lại. Hôm qua « Kiêu Binh », hôm nay « Kiêu Đảng ». Cả hai xây dựng sự thống trị của mình trên bạo lực : một bên bằng mũi giáo ; một bên bằng nòng súng. « Kiêu Binh » thiết lập một hình thức độc tài quân phiệt ; « Kiêu Đảng » xây dựng nền chuyên chính toàn trị. Một bên lũng đoạn triều đình, hà hiếp dân chúng ; một bên thao túng nhà nước, thủ tiêu xã hội dân sự, vô sản hoá nhân dân. « Kiêu Binh » hô hào : nào là « cách mạng », nào là « nông chế », nào là « đất trả người cày ». « Kiêu Đảng » cũng gào thét : « cải cách ruộng đất », « sĩ, phú, địa, hào, đào tận gốc, trốc tận rễ », « chủ nghĩa quốc tế », « chủ nghĩa anh hùng », « xã hội không giai cấp », « kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa », v.v... Một bên dựa vào Vua để lật Chúa, rồi dựa vào Chúa đòi đổi Vua ; một bên dựa vào những huyền thoại ít nhiều được thần thánh hoá của lãnh tụ, và một bộ máy đàn áp khá kiến hiệu để kéo dài sự thống trị. Loạn « Kiêu Binh » kéo dài được vài năm trong một tình trạng cực kỳ hỗn loạn ; loạn « Kiêu Đảng » vừa bước qua năm thứ 26 kể từ ngày thống nhất đất nước, trong một tình trạng có thể gọi là « ổn loạn » (không thấy xáo trộn ở bề mặt, nhưng bậc thang giá trị của xã hội hoàn toàn bị đảo lộn bên trong, các giá trị chân chính bị thay thế bởi những phản giá trị).

Max Weber cho rằng một sự thống trị (7) chỉ có thể được xem là « chính thuận » (« légitimité », danh chính ngôn thuận, « chính thống », « chính danh ») khi nó được sự ưng thuận tự giác của kẻ bị trị, chứ không phải chỉ là sự phục tùng vì bị bắt buộc. Từ đó, ông phân biệt ba « kiểu điển hình lý tưởng » về tính « chính thuận » của sự thống trị : sự *« thống trị hợp pháp »* (*« domination légale »*, trên

cơ sở niềm tin vào tính công chính của trật tự xã hội, vào quyền lực hợp pháp của bộ máy cai trị), sự *« thống trị truyền thống »* (*« domination traditionnelle »*, trên cơ sở niềm tin vào sự sáng suốt của các tập quán), sự *« thống trị mị lực »* (*« domination charismatique »*, trên cơ sở sự sùng bái tính siêu việt hoặc tính tiêu biểu khác thường của một nhân vật, hoặc trật tự xã hội do nhân vật đó đề xuất hay tạo lập). Dưới ánh sáng của sự phân biệt này, sự thống trị của « Kiêu Đảng » ngày nay là một hỗn hợp nửa « truyền thống » (« Đảng đã giải phóng đất nước »), nửa « mị lực » (« Chế độ này do Bác chọn »), khác xa loại hình « hợp pháp ».

2) Ở mức độ thứ hai, từ phần tư đầu thế kỷ 20, Việt Nam đã có những nhà « trí thức mới », tây học. Họ đã và đang hành xử ra sao, trước sự thống trị của các tập đoàn quyền lực phản dân chủ từ sau thế chiến thứ hai, và sự lây lất của thứ đạo lý quyền lực kế thừa từ thế kỷ thứ 18 ? Một nghi vấn khởi đầu : nếu sự tồn tại của tầng lớp sĩ phu là rõ ràng sau trên dưới 300 năm mài dũa của Nho học, có hay không một « tầng lớp trí thức Việt Nam » khi, chưa kịp trưởng thành, thành phần này đã bị xé đôi theo đường ranh Quốc-Cộng ? Dù sao, so với sĩ phu, những nhà trí thức mới giàu kiến thức thực dụng hơn rất nhiều, song dường như lại vô cùng nghèo nàn về đồng thuận đạo lý. « Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách » là khẳng định của kẻ sĩ ngày xưa ; « ăn cơm nhà, đi vác ngà voi » là lời mỉa mai của trí thức thời nay. Hãy thử nghiệm một trò chơi thời sự không mấy vui : nhận diện những khuôn mặt tương đương với các trường hợp điển hình của quá khứ, trên bàn cờ thế cuộc của năm đầu thế kỷ 21. Để thấy rõ hơn một thế kẹt.

Với sự phổ biến rộng rãi của khoa học và lối làm chính trị « cứu cánh biện minh cho phương tiện », chắc chắn chúng ta ngày càng phải có nhiều Nguyễn Hữu Chỉnh và Hoàng Tế Lý hơn là Nguyễn Hữu Cầu. « Lý trí công cụ » càng phát triển bao nhiêu, thì cảm tính càng thụt lùi bấy nhiêu. Người ta sẵn sàng dựa vào phe này, phái nọ của guồng máy quyền lực để trục lợi, hơn là nông nổi nổi dậy chống lại guồng máy vì căm phẫn. Chắc chắn cũng sẽ có nhiều Nguyễn Thiếp hơn Ngô Thì Nhậm. Trong cả cái biển người đang ngồi lo hoặc chờ guồng máy mất hết « chính danh », bao nhiêu rồi sẽ chỉ biết thở dài luyến tiếc một chính nghĩa đã mất như Thiếp, thay vì tích cực tham gia vào cuộc thay đổi với tất cả rủi ro của một ngày mai chưa rõ nét như Nhậm ? Có thể cũng có một hai Trọng Thức, khắc khoải tìm giải đáp cho một vấn đề đến nay vẫn chưa giải quyết nổi : định chế nào, giá trị

văn hoá nào cho tương lai ? Để khỏi trao lại cho các thế hệ sau một cẩm nang toàn giấy trắng ? Để không rơi vào nỗi tuyệt vọng phải khoanh tay nhìn chữ « Lực » dày xéo chữ « Tâm » như Toàn Nhật hay Nguyễn Lữ ?

3) Ở mức độ thứ ba, bộ máy quyền lực hiện nay dường như đã thành công ngoài sự chờ đợi, trong việc xây dựng sự thống trị phản dân chủ của mình trên một thứ đạo lý quyền lực phong kiến được tân trang bằng loại ngôn ngữ cách mạng mới, và giam hãm các giai tầng kinh tế xã hội dưới sức nặng của truyền thống chịu đựng thụ động. Tất cả vấn đề là cho đến bao giờ ?

Dù sao thì tầng lớp thương và doanh nhân cũng chỉ mới manh nha, nhưng đối với nông dân, đây là một kỳ tích. Sau bao nhiêu năm được trang bi súng đạn đấu tranh dưới lá cờ của một giai cấp khác, người nông dân Việt Nam dường như vẫn chưa ý thức được khả năng thay đổi thế cuộc của mình và sự bịp bợm mà mình là nạn nhân, có lẽ vì thiếu vắng một tầng lớp « trí thức hữu cơ » của giai cấp. Với sự bắt buộc phải nâng cao phần nào đời sống nông dân lên để trả nợ gạo, cái tầng lớp ấy đang từ từ xuất hiện từ các nấc thang giáo dục. Song song, cùng với yêu cầu giao thương với bên ngoài, những điều kiện để hình thành một giai cấp tư bản dân tộc cũng đang dần dần hội tụ. Bên cạnh một lộ trình thay đổi khác. Trong hoàn cảnh đổ vỡ toàn diện của nền đạo lý gia đình và xã hội, chưa bao giờ người phụ nữ Việt Nam phải chịu đựng một cuộc sống nhọc nhằn và nhục nhã như ngày nay. Họ sẽ cắn răng chấp nhận thân phận ấy bao lâu nữa ? Cũng chưa bao giờ vai trò xã hội của các đạo giáo lại quan trọng như bây giờ, trong khi kẻ cầm quyền vừa không kèn không trống rút lui, vừa vẫn tìm cách ngăn cấm hoặc ít nữa là hạn chế sự tham gia của đạo giáo vào một lãnh vực xem như độc quyền của mình. Nếu không muốn nhìn thấy đất nước suy thoái đến điểm không còn có thể đảo ngược, nhất thiết có yêu cầu động não để tìm một lối thoát, ngay cả bên trong guồng máy, và nhất là ở cái thành phần ưu tú gọi là « trí thức ».

Một mặt, vấn đề sống chết của Việt Nam là đổi mới, và đổi mới là một vấn đề văn hoá. Chưa hiểu rằng « điều ghê gớm nhất là sự nô lệ của mình với chính mình », rằng « kẻ nghĩ mình là chủ tể của người khác cũng nô lệ không kém gì những người nô lệ cho họ », thì đảng cầm quyền không thể nào đổi mới chính trị nổi, hầu biến cái « chính danh » của phong kiến thành cái « chính thuận » của dân chủ mà xây dựng một hình thức « thống trị hợp pháp ». Mặt khác, đối với thành phần có ý thức, lời chúc « Trường Tộ » (« một vận may lâu

dài cho cả quốc gia xã hội ») của Trọng Thức đã trôi qua, với thêm một thế kỉ mất toi màmột phần không nhỏ đã cống hiến cho cuộc nội chiến. Cái còn lại là lời nguyền của Chế Mân trong « *Gió Lửa* » để suy ngẫm và « sám hối ». Niềm tin của Nam Dao có lẽ là : tuỳ ở sự suy nghĩ và tự phê về những căn bệnh trầm kha của mình mà tầng lớp trí thức hiện nay có thể lột xác hay không, hầu cắt bỏ được « những phần nhiễm độc trong tâm thức », mở cửa cho một tương lai sáng sủa hơn. Nếu không muốn bị lịch sử vất vào thùng rác như một đám ăn bám và đào ngũ.

7

Nhìn từ tác giả, « *Gió Lửa* » có thể đã chuyên chở khá nhiều vấn đề tư tưởng mà tác giả muốn đưa ra để thảo luận (lý thuyết và cơ chế, tự do và dân chủ, truyền thống và đổi mới, v. v...). Nó thuộc vào thứ « văn học tư tưởng » (littérature d'idées) chưa mấy phát triển ở Việt Nam, trừ phi đánh đồng tư tưởng với tuyên truyền hoặc cổ động. Nhìn từ văn bản, « *Gió Lửa* » không phải chỉ là một tiểu thuyết lịch sử. Nếu việc phân tích tác phẩm, từ quan điểm phương pháp và với những khái niệm xã hội học của Max Weber, thực tình có thể mang đến cho độc giả đôi chút thích thú, thì đây còn là tiểu thuyết xã hội học. Có thể xem « *Gió Lửa* » là quyển tiểu thuyết xã hội học lịch sử đầu tiên của Việt Nam, cả trong lẫn ngoài nước.

Điều chắc chắn là « *Gió Lửa* » mang rất nhiều tâm tư của Nam Dao, được gửi gấm tản mát trong khá nhiều nhân vật, chứ không tập trung riêng gì ở một người. Gặp lại nhau sau bao năm xa cách, Trọng Thức hỏi Toàn Nhật : « Yêu gì nhất, ghét gì nhất ? ». Nhật đáp : « Không yêu gì, còn ghét, cố mãi không ghét gì nữa, nhưng vẫn chưa được. Còn ghét một điều duy nhất là quyền lực ». Ở đoạn khác, Toàn Nhật nói với Nguyễn Du : « Đời này có thể cứu rỗi bằng cái đẹp. Cho nên muốn cứu thiên hạ, đệ cứu bằng cái đẹp. Cứu như thế là cứu cả thiên hạ không những chỉ đời này, mà cho cả những đời sau... ». Có khá nhiều những câu thơ của Nguyễn Du, nhà thơ lớn mà tác giả yêu thích, được rắc đó đây dọc theo tác phẩm. Đọc lại « *Gió Lửa* » lần thứ hai để viết bài này, tôi thường mường tượng thấy một câu thơ nữa của Tố Như, ở một trang nào đó trước trang tựa : « Của tin xin một chút này làm ghi ». « Còn duyên là còn gặp », cho tôi kết luận bằng lời chào từ biệt của Trịnh Bồng, biết đâu ngày nào sẽ chẳng tái ngộ với

quí độc giả, qua một tác phẩm khác của Nam Dao ?

PHẠM TRỌNG LUẬT

---

1) Về điểm này, có thể đọc : *Nguyễn Thanh Nhã, « Đọc tiểu thuyết lịch sử « Gió Lửa » của Nam Dao »*, Paris, Diễn Đàn, số 104/02.2001.

2) Đề tài suốt đời của Max Weber là tiến trình *« hợp lý hoá » (« rationalisation »)* trên thế giới. Chủ yếu ông nhìn chủ nghĩa tư bản dưới khía cạnh này, do đó, nhận định rằng mặc dầu chủ nghĩa tư bản cũng như các nhà tư sản có thể có mặt ở bất cứ đâu, chỉ có chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu - Mỹ mới là tiêu biểu cho tinh thần hợp lý hoá. Weber cũng chỉ giới hạn các luận điểm của ông trong *« Đạo Lý Tin Lành và Tinh Thần của Chủ Nghĩa Tư Bản »* vào bước đầu của hình thái kinh tế này, không quên vai trò cực kỳ quan trọng của nền sản xuất cơ khí máy móc về sau.

3) Tất cả các tác phẩm trong tủ sách *« Terre humaine »* của nhà xuất bản *« Plon »* chẳng hạn.

4) Tất cả những nhân vật lấy làm điển hình trong bài phân tích này đều là nhân vật tiểu thuyết của *« Gió Lửa »*, dù tên tuổi có thật trong lịch sử.

5) Một khái niệm tương tự nhưng rộng hơn là *« habitus »* trong xã hội học của Pierre Bourdieu.

6) *« Idealtypes »* : từ lý tưởng ở đây thuộc lãnh vực luận lý, không phải đạo lý. *« Kiểu diển hình lý tưởng »* được tạo lập bằng cách tô đậm một cách phiến diện một quan điểm nào đó về hiện tượng, rồi sắp xếp các hiện tượng đơn lẻ, tản mát và rời rạc trong hiện thực theo quan điểm đã chọn lựa nhằm tạo ra một bức tranh tư tưởng nhất quán.

7) Max Weber phân biệt *« thế lực » (« puissance »)* với *« thống trị » (« domination »)*. « Thế lực » là khả năng thực hiện ý muốn bản thân trong phạm vi một quan hệ xã hội, ngay cả khi có sự chống đối ; thế lực được thực hiện bằng việc sử dụng bạo lực hoặc phương tiện khác mà không có sự thoả thuận giữa các tác nhân. « Thống trị » là khả năng đạt được sự phục tùng ở kẻ khác, khi đưa ra một mệnh lệnh có nội dung nhất định ; khác với thế lực, thống trị luôn luôn phải tìm kiếm một hình thức chấp nhận nào đó của kẻ khác.



KIM THI
ngày... tháng...

Ngày... Tháng...

Gần đây, trong một lần gặp gỡ, tôi nói với Du Tử Lê: "HL Xuân Nhân Ngọ cũng sẽ là số báo đặc biệt đánh dấu ngày HL tròn 12 tuổi. Anh là một trong những người đến với HL sớm nhất. Xin anh viết cho một bài. " Du Tử Lê hứa, và làm tròn lời hứa chóng vánh. Một tuần sau, anh trao tôi bài viết dưới đây.

Đọc bài viết, tôi có hơi bất ngờ. Trong thâm tâm, tôi vẫn nghĩ DTL sẽ viết về giao tình văn nghệ giữa anh với HL, nói chung, giữa anh và tôi, nói riêng. Dù gì thì chúng tôi đã biết nhau, khá thân thiết, từ gần hai thập niên rồi. Từ những ngày tôi mới từ trại đảo đặt chân đến đất nước này, ngỡ ngàng và mới mẻ nhận công việc layout cho tờ tuần báo Tay Phải do DTL làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Và cũng khởi từ đó, nghiệp văn chương, báo chí buộc chặt, quấn siết, đeo đuổi tôi

cho đến hôm nay. Với giao tình đó, tôi nghĩ Du Tử Lê có thể viết về sự hình thành và tồn tại của Hợp Lưu suốt thời gian qua một cách khá chính xác. Nhưng anh đã không viết làm thế, anh lại viết về... cá nhân tôi, KT!!!

Từ những ngày khởi nghiệp báo chí, văn chương, tôi vẫn tâm niệm, và luôn đặt tâm niệm này lên hàng đầu mỗi khi cầm đến cây bút, đó là cố gắng tránh đề cập đến "cái tôi" của mình càng nhiều càng tốt. Bởi một lẽ giản dị: "cái tôi" của bất cứ ai, không cứ gì tôi, thường, rất khó coi trong mắt nhìn kẻ khác, lại càng khó coi hơn ngay với chính mình. Đem "cái tôi" ấy (dù hay, dù dở) phô bày ra trước mắt công chúng, thì quả rất chướng. Với một chút tự trọng tối thiểu, không ai không thấy điều đó.

Nhưng bài viết đã được viết, tôi không thể không sử dụng. Không sử dụng, nghĩa nào đó, tôi đã phụ lòng Du Tử Lê. Dù vẫn bị mang tiếng là một tay "giang hồ thứ thiệt, nói năng hành sử bạt mạng sốc nổi", nhưng bản thân, tôi biết rõ tôi hơn ai hết, ở chỗ, rất ngại phụ lòng kẻ khác. Phụ lòng kẻ khác, luôn luôn rất cực lòng mình!

Một lý do khác khiến tôi sử dụng bài viết của Du Tử Lê, thay vì, như dự định, sẽ viết trong mục này một bản tường trình tóm lược lý do và quá trình hình thành Hợp Lưu, cùng thời gian tồn tại 12 năm, với những buồn, vui, những thành công, thất bại, mối quan hệ giữa tờ báo và độc giả, văn hữu. Bài viết có lẽ khá chi tiết, sẽ đề cập đến nhiều "bí mật" sau hậu trường chữ nghĩa, sẽ "trà dư tửu hậu" về sự nhạy cảm thái quá đối với một số vấn đề thuộc văn chương cùng cách xử kỷ tiếp vật ở một số nhà văn, nhà thơ, họa sĩ; Sẽ nhắc đến những tai tiếng, những bỉ thử cùng sự đồng cảm và khích lệ khởi từ dư luận; Sẽ không quên thời kỳ Hợp Lưu lao đao tài chính, nhiều anh chị em cầm bút - những ai - đã phải đóng góp trường kỳ nhiều năm để duy trì diễn đàn văn học này, cũng như chính bản thân tôi, một cách thành thật không hổ thẹn, "thú tội" với văn hữu và độc giả, rằng đã có lúc tôi phải viết cả dâm thư, bán cho một nhà xuất bản, lấy tiền tiếp sức Hợp Lưu. Cách nào đó, tôi đã vấy bẩn chữ nghĩa để nuôi chữ nghĩa. Và rồi những "oan khiên" đến từ các đồng nhiệp ngoài nước, như HL là "cánh tay nối dài" của CSVN; Hoặc HL là CIA, là "mũi nhọn trong mưu đồ diễn biến hòa bình của đế quốc" theo đánh giá của chính quyền trong nước một thời... Nói chung, có rất nhiều chuyện thú vị lẫn cay đắng xảy ra suốt lộ trình dài 12 năm mà tờ báo đã sinh tồn, nếu viết đủ, viết thật, tôi nghĩ ít ra cũng đóng góp được vài kinh nghiệm và tư liệu nhỏ nhoi cho các thế hệ sau, khi muốn nghiên cứu về một mảng văn học bên ngoài quốc gia, sau dấu mốc tháng 4/1975. Nhưng tôi đã không làm được

công việc này, bởi lẽ, suốt 3 tháng qua, tôi bận tối mày tối mặt. Ngoài chuyện áo cơm, tôi phải làm cùng một lúc rất nhiều công việc khác liên quan đến ngày kỷ niệm thập nhị chu niên của Hợp Lưu, mà quan trọng nhất là hoàn tất cho xong 100 bức tranh, kịp triển lãm trong ngày ấy. Trung bình mỗi ngày, không sót ngày nào, kể cả cuối tuần, tôi dậy từ năm giờ sáng và làm việc cho đến già nửa khuya. Suốt thời gian này, tôi vừa vẽ, vừa cưa đóng đục đẽo 100 cái khung (có cái chiều dài và chiều cao vài ba thước, nếu phải bỏ tiền ra mua, chắn chắn tôi không thể, vì khả năng tài chánh hạn hẹp!). Song song với việc lao động tay chân ấy, là chuyện giao tế, chạy tìm nơi triển lãm, ký hợp đồng bao thuê, liên lạc điện thoại, trả lời phỏng vấn báo chí, đài phát thanh... Đã thế, tôi còn phải lo cho tờ báo ra đúng hạn kỳ. Đọc email và thư từ gửi qua bưu điện, hồi đáp, đọc bài văn hữu và độc giả gửi về, chọn đăng, đưa đi đánh máy và tự đánh máy, layout, trình bày, hoàn tất hơn 300 trang HL (tăng gần 100 trang, vì là số Xuân mà cũng là số đặc biệt kỷ niệm ngày HL tròn một con giáp)... Với số lượng công việc tưởng chừng không thể nào gồng gánh nổi nếu chỉ với sức lực của một người (duy nhất, không hơn) . Thế nhưng, không hiểu nhờ động cơ nào, chính tôi cũng ngạc nhiên, mọi chuyện dần dà được hoàn tất tốt đẹp. Hợp Lưu có mặt đúng ngày trên các sạp báo, 100 bức tranh đầy đủ khung khám nằm chờ để treo lên tường nơi triển lãm, chương trình hội luận, văn nghệ, tiếp tân... cho ngày ấy cũng được hoạch định chu tất...

Rất mong độc giả cảm thông cho chuyện thiếu sót một bài viết lẽ ra không thể thiếu nhân ngày kỷ niệm thập nhị chu niên Hợp Lưu, mà với tư cách chủ biên, tôi đương nhiên phải viết. Khổ nỗi, dù cố gắng thu xếp, tôi vẫn không tìm đâu ra thời gian để có thể ngồi vào computer, làm cái công việc đương nhiên ấy! Cũng rất mong độc giả đọc bài viết của nhà thơ Du Tử Lê dưới đây bằng tinh thần rộng lượng, tha thứ. Tôi đủ già, sống đủ nhiều, để thấy được từ lâu một điều: thêm hay bớt đi một người nói xấu (hoạc tốt) về mình, thì cũng chả vì thế mà tôi trở nên tốt hơn hoặc tệ thêm. Và xét cho cùng, chuyện tốt, xấu ấy, sẽ không là gì cả. Rồi ra, tất cả sẽ trở về với số không, cái vòng tròn khép, không điểm khởi, cũng chả có điểm cuối. Tóm lại, tôi vẫn nghĩ, sống như một người bình thường, làm những công việc bình thường với tất cả trách nhiệm và lương năng của mình, mặt nào đó, cũng là một cách đóng góp tích cực cho cuộc đời, nói chung, và hoàn thiện nhân cách của mình, nói riêng. Nào sá gì lời khen, tiếng chê, không chừng có khi sẽ dẫn ta đến những lầm lạc tệ hại, dấy lên trong ta cái "ngã" đầy vọng tưởng hư huyễn. Thỉnh thoảng, người bạn vong niên

rất thân gần một thời của tôi - nhà văn Mai Thảo - trở về trong hồi tưởng, nhắc tôi vài ba tuần, một hai tháng đến nghĩa trang thăm anh. Ngồi một mình bên cạnh những chân nhang lạnh, tôi nhớ đến giao tình mật thiết giữa anh với đồng nghiệp, bạn bè, văn hữu và độc giả thuở anh còn sinh tiền. Vậy mà chỉ vài ba năm, giờ đây, còn bao nhiêu người nhắc đến tên anh, và bao lâu nữa anh hoàn toàn đi vào lãng quên? Vậy thì tôi còn sống, còn làm những công việc đang làm, còn gách vác những trách nhiệm với chính mình và mọi người, chẳng qua vì tôi đang hiện diện trong cuộc tồn sinh này, tôi đã thế, ắt phải thế. Giản dị. Có gì đâu để phải bận tâm vì một "cái tôi", vì những điều tốt lẽ xấu phát sinh từ "cái tôi" ấy? Xét cho cùng, tất cả cũng chỉ là giả tạm. Bám vào cái giả, cái tạm, xem nó như một thứ cứu cánh phải bảo vệ, phải trau chuốt, há chẳng phải là điều nghịch lý sao? Một lần nữa, tôi xin độc giả hãy xem bài viết của Dư Tử Lê như một điều giả tạm, trong trùng trùng những giả tạm đang vây bọc loanh quanh thân phận con người.

DU TỬ LÊ
Khánh Trường, ám ảnh bất toàn, trong văn chương, và đời sống.

Nếu phải chọn một nhà văn, tiêu biểu cho trường hợp hay, hiện tượng phức tạp, mâu thuẫn, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt hải ngoại, hơn một phần tư thế kỷ qua, tôi sẽ chọn Khánh Trường. Nguyễn Khánh Trường.

Tôi chọn Khánh Trường / Nguyễn Khánh Trường, không phải, vì Nguyễn là họa sĩ, cùng lúc, nhà văn, cùng lúc nhà thơ và, cùng lúc nhà báo.

Nơi quảng trường sinh hoạt văn nghệ của chúng ta, trong nước, cũng như hải ngoại, không chỉ có một Nguyễn vừa vẽ, vừa làm thơ, viết văn, lại còn làm báo nữa. Chúng ta có khá nhiều nghệ sĩ, ở trường hợp này. Đó là những lãnh vực, tự nó, có những mối tương quan, liền lạc hữu cơ.

Tôi chọn Khánh Trường, có dễ, bởi Khánh Trường / Nguyễn Khánh Trường tiêu biểu cho ý niệm khá buồn thảm: người là con vật bị ngộ nhận.

Ý niệm ấy, không mới mẻ gì.

Không phải đợi tới lúc chúng ta có một Albert Camus, với những

tác phẩm đào xới chủ đề "con người là một con vật bị ngộ nhận," một cách trầm thống, lúc đó, vấn nạn ngộ nhận mới được đặt ra trong sinh hoạt tri thức của con người.

Đọc lại những tác phẩm cổ điển; nhớ lại những bi kịch trong thần thoại cổ Hy Lạp, trong văn chương Shakespeare, luôn cả những tác phẩm gần gũi chúng ta hơn, như Đoạn Trường Tân Thanh, như Cung Oán Ngâm Khúc; dù với ít, nhiều cường điệu, hầu hết các nhân vật trong những tác phẩm này, cũng chỉ như những con vật rẫy rụa tuyệt vọng trong lưới định mệnh.

Họ bị thảm kịch đánh bẫy và trở thành con tin hớn hở (hay tội nghiệp?) trong bầu khí thảm kịch đó.

Với tôi, Khánh Trường / Nguyễn Khánh Trường, không chỉ tiêu biểu cho trường hợp con người là con vật bị ngộ nhận, bị đánh bẫy, mà, Nguyễn, tự thân còn là nạn nhân hay con vật của chiếc lưới tuyệt vọng do chính Nguyễn giăng lấy cho mình.

Với tôi, sự rẫy rụa của Nguyễn, từ hình tượng, mầu sắc, tới chữ nghĩa, là hệ quả đương nhiên của chủ tâm đánh tháo khỏi vòng tay định mệnh. Đơn giản, ta có thể coi đó như nỗ lực tuyệt vọng trong kiếm tìm hoàn hảo, của Nguyễn.

Khánh Trường, chủ biên một tạp chí, như Hợp Lưu, sau 12 năm tồn tại liên lủy, như một phép lạ, và, cùng lúc, cũng là thảm kịch dài đẵng, cuộc chơi chập trùng ngộ nhận, tôi nghĩ, tựa khuôn mặt khác của mâu thuẫn hay, một trong những cách thế kiếm tìm hoàn hảo, của Nguyễn?

Tám năm trước, khi trả lời một cuộc phỏng vấn của Nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh, phát biểu về Hợp Lưu, tại sao? Người chủ biên dài lâu nhất, một tạp chí, chí ít, cũng đến ngày hôm nay, cho biết:

"Ngày nay, sau mười mấy năm, chiến tranh đã kết thúc, quốc gia đã độc lập, vấn nạn bức thiết nhất là làm thế nào đưa đất nước ra khỏi cảnh u tối, lạc hậu, nghèo đói, độc tài, chuyên chế. Muốn giải quyết vấn nạn này, trước tiên phải đưa dân tộc trở về với "đại khối". Tùy tâm cơ, hoàn cảnh, sở thích, mỗi người mỗi cách. Tôi yêu văn nghệ, vì vậy tôi chọn văn nghệ như phương tiện để góp phần thực hiện ước mơ kia. Ước mơ xóa bỏ những vĩ tuyến 17 trong lòng mỗi người Việt Nam, ước mơ hợp lưu mọi tinh hoa của giống nòi, không phân biệt vị trí quá khứ. Nói theo ngôn ngữ Tạ Duy Anh: "phải bước qua lời nguyền," cái lời nguyền hình thành trong não trạng mỗi chúng ta, khởi từ thảm kịch qua phân Nam Bắc. Nói gọn lại, phải ý thức rằng, chúng ta, không chừa ai, đều là nạn nhân của một giai đoạn lịch sử. Nếu chưa đủ tỉnh táo và can đảm vượt thoát khỏi thân phận nạn nhân, thì, mãi mãi chúng ta sẽ

còn trầm luân trong vũng lầy thù hận. Vô lý, vô nghĩa và bất nhân. Bất nhân với chính bản thân, đã đành, còn bất nhân với lịch sử nữa."

Có dễ, cũng vì tấm lòng chân thật (tới ngây thơ,) thiết tha (tới ngông cuồng,) qua bút hiệu Kim Thi, trong mục "Ngày Tháng," con người làm báo trong Khánh Trường / Nguyễn Khánh Trường, đã không ngớt gióng giả những hồi chuông lai tỉnh chân diện mục: nhân ái. Nguyễn đã gặt hái được một cách dư thừa những "vụ mùa trái độc."

Những tưởng, những vụ mùa bất ưng, những ngày gió chướng sẽ quật Khánh Trường ngã xuống, tênh hênh trên những trang chữ nồng nàn của Nguyễn; và, sự ra đi, hay rút lui của những đồng hành, từ điểm khởi, là những dự báo bất thường, thời tiết; có khả năng nhắc nhở, khuyến cáo Nguyễn; vậy mà Khánh Trường vẫn bước tới; như sự bước tới (một cách ương ngạnh) với định mệnh.

Ngộ nhận, nếu đó là cây bài thủ mệnh của người đàn ông mang tên Khánh Trường, (thì,) nó không chỉ chi phối phần đời làm báo của Khánh Trường / Nguyễn Khánh Trường; nó còn dẫm đôi chân tàn khốc lên những khối mầu, những hình thể của một Khánh Trường, họa sĩ.

Phát biểu suy nghĩ của mình về Hội Họa, cũng trong cuộc phỏng vấn vừa kể, Khánh Trường nói:

"Một bất hạnh (cũng có thể may mắn?) - tôi không xuất thân từ bất cứ trường ốc nào. Thuở nhỏ, mê vẽ, chưa kịp học vẽ, đã phải khoác lên người bộ quân phục. Giải ngũ không bao lâu thì biến cố 1975 ập tới, cơm áo lao đao, thê nhi lận đận, tuổi lại chẳng còn trẻ trung chi mấy, muốn học, cũng đã muộn màng. Trong một buổi nói chuyện với vài anh em trong ban chủ trương tờ Thiện Chí, bên Đức, tôi có tâm sự: Tôi biết vẽ từ khi biết cầm...các cái: than củi, mảnh gạch, ngói vỡ (trên các bức tường quết vơi trắng,) rồi bút chì, bút rông, bút lá tre (trên tập vở học trò...,) rồi mầu nước, bột màu, sơn dầu (trên giấy, vải, bố...) Từ ấy đến nay, hơn một phần ba thế kỷ tìm tòi, đọc, tập luyện, thể nghiệm hết sức cam go. Con đường từ A qua B, nếu có người hướng dẫn, chỉ mất nửa giờ đến đích. Tôi đi một mình, lại không có bản đồ, có khi lòng vòng mất cả ngày. Tuy nhiên, trong cái khó ló cái khôn: nhờ khổ công tìm kiếm, tôi khá vững về hình họa (nhiều họa sĩ Việt Nam, dù xuất thân trường ốc đàng hoàng, muốn vẽ một bàn tay, một khuôn mặt, một đồ vật "đâu ra đó," vẽ không xong. Những vị này lúc còn học trong trường thường "khinh bỉ" hình họa, muốn đi tắt, đi nhanh nên chỉ thích bôi màu xanh đỏ tím vàng đầy khung bố, đợi ráo mặt, đổ xăng đổ dầu lên cho co cụm nhăn nhúm lại để tạo "chất," xong, lật ngang lật dọc, thêm, bớt chút đỉnh cốt hơi hơi giống cái gì đó, rồi đặt một cái

nhan đề thật "nổ," thật "bí hiểm," và gọi đó là tranh siêu thực."

Những người theo dõi khít khao bước đường tạo hình của Nguyễn, sẽ không khỏi ngạc nhiên, khi thấy những tương phản, đối chọi gay gắt. Từ những bức sơn dầu khỏa thân, mà hai mầu chính được dùng ở thể gần như nguyên trạng là, đỏ và xanh, Khánh Trường bước qua mầu tối là sự trộn lẫn giữa hai mầu nguyên thủy, đen và trắng; với hình ảnh những người đàn ông lẻ loi, cuối đường; những thiếu nữ và, trăng xám; những mẹ, con và, biển tối...

Lại có thời gian, người xem chỉ thấy trên canvas của Khánh Trường những hình khối, trơ vơ, lạc lõng, như sự vỡ bùng của tâm thức quá tải số lượng thuốc nổ hư vô...

Con người lạc lõng, (hay hư vô lạc lõng?) tất cả cũng chỉ là một mặt nào đó của nỗ lực đi tìm hoàn hảo để suốt cuộc trường chinh tìm kiếm (hoặc trốn chạy) kia, Khánh Trường / Nguyễn Khánh Trường chỉ có thể, có được cho mình sự bất toàn. Tựa bất toàn, diện mạo song sinh với ngộ nhận hoàn hảo.

Nếu ở mặt báo chí, mặt hội họa, ám ảnh bất-toàn-chia-nửa-phần-đời-hoàn-hảo còn có lúc được giảm khinh, che mờ bởi những đám mây mang nặng những cơn mưa bập bềnh cảm hứng, hay sự nới tay, độ lượng bất ngờ của vô thức, thì trong cõi văn xuôi Khánh Trường / Nguyễn Khánh Trường, mối ám ảnh bất toàn, đứa con song sinh của ngộ nhận, lại thường trực hiện diện, như kẻ dẫn đường (chết dẫm,) trong sự cần mẫn quá độ của chính hắn.

Ngay từ truyện ngắn (hay tùy bút ký sự) đầu tay của Khánh Trường, đăng trên tuần báo Khởi Hành những năm đầu thập niên 70; kể chuyện hai anh em ruột, ở chung một đại đội, tham gia chiến dịch Lam Sơn, 719; khi người anh tử thương, người em dùng con dao đi rừng, vừa khóc vừa chặt đầu anh, bỏ vào bao mặt nạ chống hơi độc, mang về cho mẹ, ngộ nhận đã sớm rôm rả, cất tiếng.

Dù chuyện thật, Nguyễn chứng kiến từ đầu, trở thành ám ảnh chai, chết trong tâm trí Nguyễn, nhưng khi câu chuyện được phổ biến, ngộ nhận đã cùng lúc đến với tác giả, như chiếc bóng đeo quẩn gót chân.

Tôi không có khả năng lý giải về một tương quan định mệnh nào, giữa dòng chữ đầu tiên, và những giòng chữ kế tiếp, trải trên mặt phẳng thời gian đằng đẵng, một đời, nhà văn. Nhưng, điều tôi nhận ra, điều tôi tìm thấy: tuồng, trong khá nhiều truyện ngắn (hoặc dài,) của Nguyễn, nếu nhân vật không bất toàn thể chất, (thì,) cũng bất toàn tâm lý. Sự bất toàn thân, tâm đó, như phản diện của nỗ lực đi tìm toàn hảo, hay hành trình soi sáng ngộ nhận.

Một trong những truyện ngắn mới của Nguyễn, truyện "Những Vòng Tròn Không Đồng Tâm," in trong tập Chung Cuộc, tôi tình cờ gặp nhân vật nam, tên Huân, với đôi chân tật nguyền, được nhân vật nữ, tên Quỳnh Thư, chọn, trao gửi tình yêu thời con gái. Nhưng sự bất toàn của Huân lại là nhát dao chém xuống khuôn mặt tình yêu Quỳnh Thư; tựa, bất hạnh vốn chiếm giữ nửa phần chân dung hạnh phúc. Tựa, bất toàn vừa là chính diện tình yêu Quỳnh Thư, vừa là phản diện của ngộ nhận: định mệnh bất phân ly; quà tặng tai ương cho mỗi sinh vật, mang tên con người.

Tôi không biết Quỳnh Thư (hay Khánh Trường chia nửa với nhân vật,) khi viết:

"Tôi vẫn là tôi của những năm mười tám, hai mươi, vẫn muốn đi tìm sự hoàn hảo ở một người đàn ông. Hoàn hảo ở cả thể xác lẫn tâm hồn. Tôi biết, sẽ chẳng bao tôi tìm ra mẫu người lý tưởng đó."

(Những Vòng Tròn Không Đồng Tâm, trang 131.)

Người đàn ông được nhân vật Quỳnh Thư kiếm tìm đó, tôi nghĩ, có dễ cũng là người đàn ông, hay, một con người, nói chung, (mà,) Khánh Trường hằng săn đuổi. Một con người không thật. Một con người không hiện diện. Hoặc giả, nếu có, theo tôi, con người ấy, cũng chỉ có thể sinh thành từ túi bào thai ngộ nhận.

Tôi muốn gọi ngộ nhận trong văn chương Khánh Trường / Nguyễn Khánh Trường là ngộ nhận khép.

Tôi muốn chỉ danh nó là mẫu thuẫn nội tại. Và, Nguyễn Khánh Trường là hiện thân của mâu thuẫn bình phương.

Những tảng mầu, khối, chưa một lần thỏa mãn nhu cầu kiếm tìm hoàn hảo, nơi Nguyễn. Những dòng thơ sốc nổi hay sâu lắng, chưa một lần mang lại cho Nguyễn nụ cười. Những trang giấy được lấp đầy bởi những con chữ nóng rẫy, rát bỏng lương hảo của một gã giang hồ, phiêu bạt (thứ thiệt,) của Khánh Trường, chưa một lần, hắt trả lại cho Nguyễn, niềm vui, dù khiêm tốn, liu điu.

Thì thôi, hãy để Nguyễn "tự do phơi phới" như thơ Mai Thảo, với những vết chàm (mà,) định mệnh đã đánh dấu trên tâm, thân chàng.

DU TỬ LÊ

(VOA / Chương trình Tác Giả và Tác Phẩm/ Tháng 9-01)



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU
Giới thiệu sách mới

PHẠM HẢI ANH, Huyết Đằng, tập truyện, tựa Nguyễn Mộng Giác, bìa KT, Văn Mới xuất bản. Giá 12MK.

"Truyện của Phạm Hải Anh là những mẫu sống, mẫu đời, mẫu người có thể tìm thấy ở bất cứ đâu, bất cứ thời nào. Nhân vật truyện Phạm Hải Anh không có trong túi bản lý lịch trích dọc trích ngang nào cả. Tác giả không định vị nhân vật của mình theo những khuôn khổ chính trị quen thuộc thường thấy ở lớp cầm bút đi trước (và cả đến bây giờ). Họ không thuộc phe chính diện gương mẫu từ chân tơ kẻ tóc, mà cũng không thể xếp họ vào hạng phản diện đáng nguyền rủa. Họ nghèo, họ khổ, nhưng cả tác giả lẫn nhân vật đều không truy tìm kẻ thù giai cấp và chuẩn bị xắn tay áo lên để làm cách mạng xã hội..."

"Tập Huyết Đằng của Phạm Hải Anh gồm hai thể loại: một loại truyện tôi tạm gọi là "truyện thực", một loại có hình thức như là những "huyền truyện"... (N.M.G., tựa).

Sau Lê Minh Hà, Miêng, Mai Ninh, và nhiều nhà văn nữ khác xuất hiện vài năm gần đây, Phạm Hải Anh tuy khá mới, nhưng cũng đã nhanh chóng chiếm giữ một vị trí quan trọng trên sân chơi chữ nghĩa. Có thể nói Huyết Đằng là tập truyện có giá trị văn chương đáng kể trong năm 2001 tại hải ngoại.

MIÊNG, tập truyện dịch, tựa Phạm Trọng Luật, bìa KT, Văn Mới xuất bản. Giá 12MK.

Gồm 9 truyện của 9 tác giả:
- Hwang Sun-Won (Bà góa)
- Phelan, Jim (Bức màn)
- Singa Naoya (Con bé và cây hoa cải đầu)
- Morivia, Alberto (Đứa bé)
- Kundera Milan (Edouard và thượng đế)
- Naoum, Nabil (Giếng nước)
- O'Henry (Hai mươi năm sau)
- Tchekhov (Một cuộc gặp gỡ)
- Ainsa, Fernando (Số mạng của Hector)

Tất cả 9 truyện được tác giả chọn đều rất xuất sắc, và đã được dịch giả - Miêng - chuyển ngữ một cách sáng sủa, giản dị, lôi cuốn.

"Hãy đọc tập truyện dịch này với tất cả sự nghiêm khắc cần thiết về mặt ngôn từ và kỹ thuật chuyển ngữ. Nhưng hãy khoan thai bước vào những cảnh ngộ trong truyện với tất cả tấm lòng, để cùng chia sẻ với các tác giả và người dịch, để sống với những nhân vật trong truyện, một chút gì nòi tình chúng ta hằng gọi là nhân tính (Phạm Trọng Luất - Tựa)

TRẦN DOÃN NHO, Dặm Trường, truyện dài, bìa Nguyễn Trọng Khôi, Văn Mới xuất bản. Giá 17MK.

Truyện kể về một người nữ buôn chuyến đường dài tại Việt Nam sau tháng 4.1975, với những chao đảo, nghiêng ngửa của nhân vật chính cùng bối cảnh xã hội VN giai đoạn ấy. Phác vẽ chân dung một nhân vật, nghĩa nào đó, cũng là phác vẽ chân dung một thời đại. Có lẽ đó là tham vọng của tác giả.

Bằng một văn phong và bút pháp trầm tĩnh, Trần Doãn Nho đã ung dung đi trọn một lộ trình trải dài gần 600 trang sách, chứng tỏ tác giả có một nội lực sung mãn. Rất hiếm nhà văn, chỉ chưa đầy 5 năm, đã cho ra đời 5 tác phẩm, như tác giả Trần Doãn Nho.

VIẾT VỀ NƯỚC MỸ, Giải thưởng Việt Báo, nhiều tác giả. Bìa Văn Le. Bản in lần thứ 2, gồm hai tập, mỗi tập dày 640 trang. Giá 20MK/tập.

Chỉ riêng lĩnh vực báo chí, có thể khẳng định nhà thơ Trần Dạ Từ và Nhã Ca là hai trong rất ít những người thành công nhất, không cứ gì ở hải ngoại bây giờ, mà ngay cả trong nước, trước 1975.

Chỉ chưa đầy 10 năm, từ Thụy Điển sang Hoa Kỳ với hai bàn tay trắng, Trần Dạ Từ/Nhã Ca đã nhanh chóng tạo dựng bảng hiệu Việt Báo Kinh Tế, và bằng những bước đi nhảy vọt, tờ nhật báo này đã trở

nên một trong hai tờ báo Việt ngữ có uy tín và lớn nhất tại quận Cam, nói riêng, hải ngoại, nói chung.

Từ nhật báo Việt Báo Kinh Tế, những công tác liên quan đến văn hóa, xã hội... cũng đã được thai nghén, hình thành và phổ biến rộng rải. Tập hợp lớn trong hai cuốn sách này là một ví dụ. Với hai tập *Viết Về Nước Mỹ*, độc giả sẽ tiếp cận khá cụ thể với tâm tư, tình cảm, sinh hoạt, kinh nghiệm, thành công, thất bại... của người Việt đang sinh sống bên ngoài quê hương, xuyên qua mọi lĩnh vực, do chính người trong cuộc trình bày.

TẠ TỴ, Tuyển Tập. Bìa KT, Thằng Mõ xuất bản. Giá 22MK.

Sách dày gần 650 trang, ấn loát trang nhã, cả trong lẫn ngoài, gồm văn, thơ, họa (với 18 phụ bản màu) do chính tácgiả chọn lọc.

Họa sĩ/nhà văn Tạ Tỵ năm nay đúng 82 tuổi, nhưng trông ông vẫn quắc thước, hồng hào, minh mẫn và nhất là vẫn không ngừng sáng tác, trong cả hai lĩnh vực, Văn và Họa.

Trong dịp gặp gỡ gần đây nhất, Tạ Tỵ cho biết còn hai tác phẩm nữa, đã xong, chưa in, đó là: Cuộc đời và hội họa (Hồi ký); Văn nghệ là gì (Tiểu luận).

Tuyển tập này là các sáng tác rút từ các cuốn sách đã được xuất bản: Những Viên Sỏi. Yêu Và Thù, Xóm Cũ, Mây Bay (thơ)

NGÔ THẾ VINH, Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng, truyện dài, bìa KT, Văn Nghệ tái bản lần thứ nhất. Giá 25MK.

Trong tình hình xuất bản hiện nay, sách in ra, bán được đã hiếm, sách bán được đến phải tái bản, lại càng hiếm hơn nữa. Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng là một trường hợp hiếm thấy: chỉ trong vòng sáu tháng đã tái bản.

Với lần tái bản này, tác giả đã nhuận sắc, bổ sung thêm hơn một trăm trang, cùng rất nhiều hình ảnh do chính tác giả chụp ngoài thực địa, sau một chuyến du hành dọc theo dòng Cửu Long., xuyên qua các quốc gia Việt, Miên, Lào...

"Trên 23 chương sách dàn trải rất nhiều vấn đề thuộc về thiên nhiên, về con người, về tâm tình thao thức của nhiều nhân vật điển hình, về môi trường sống và cả những mưu toan chính trị, tất cả đã được tác giả trình bày khi thì dưới dạng những trang biên khảo cực kỳ phong phú về lịch sử, về phong tục, về tín ngưỡng hay tập quán của nhiều bộ tộc, khi thì là những dữ kiện, những con số, những thống kê khoa học chính xác, và đặc biệt hơn cả là những trang du ký sinh động, đầy màu sắc của nhiều miền đất lạ... "(Nhật Tiến)

STEPHEN B. YOUNG, Nguyễn Vạn Hùng dịch, **Cuộc Chiến Bị Bỏ Lỡ**, Thời Luận xuất bản. Giá 20MK.

Cuốn sách được viết theo các chứng liệu về chiến tranh Việt Nam của cựu đại sứ Mỹ Ellsworth Bunker

"Để giải đáp cho sự thắc mắc không thể hiểu về cuộc chiến thắng đã bị bỏ lỡ đó, giáo sư Stephen B. Young đã tìm kiếm những hồ sơ, lục lọi những tài liệu về cuộc chiến của những người trách nhiệm trực tiếp và cao cấp. Với tấm lòng yêu VN, cộng với ý chí tranh đấu soi sáng cho sự thật, ông Stephen B. Young đã bỏ khá nhiều thì giờ để biên soạn cuốn sách này..." (Đỗ Tiến Đức - Tựa)

Sự thật được tác giả soi sáng đã khiến chúng ta, những người Việt Nam từng sinh sống tại miền Nam VN trước 1975, cảm thấy đau lòng, tủi hổ, càng thấy thân phận nhược tiểu của một dân tộc, đã bị các cường quốc - xuyên qua các con bài do họ nặn ra - lèo lái, mua bán như thế nào trên bàn cờ chính trường quốc tế.

Sự thực vẫn là sự thực, không thể bôi xóa, nhưng dù sao thì nó cũng đã thuộc về lich sử. Chúng ta rất nên đọc, để biết, và rồi để dứt khoát gập lại một cách không hối tiếc. Những trang sử đau thương ấy phải được nhanh chóng lật qua, để bắt đầu những trang mới, bằng cả tấm lòng và sự tỉnh thức cần thiết, rút từ kinh nghiệm máu xương tủi nhục cũ.

NAM DAO, Trong Buốt Pha Lê (tập truyện), **Khoảng Chơi Vơi** (truyện và ký). Nhà xuất bản Thi Văn. Giá mỗi cuốn 12MK.

Sách khổ nhỏ (4" X 6.5" - 10cm X 17cm), mỗi cuốn trên 200 trang.

Hai cuốn sách gộp chung một số truyện ngắn và bút ký đã đăng trên Hợp Lưu, Văn Học, Chủ Đề... Trong một thế giới mở, người viết ở vị thế một di dân tuy đèo bồng nền văn hóa của sắc tộc mình nhưng không bắt buộc cứ phải lập lại và khép kín trong những sắc thái và tình tự đặc thù cá biệt. Văn chương chỉ vượt lên tầm nhìn khái quát khi đối tượng khái quát. Đó là con người ở những điểm chia chung với nhau về thân phận. Nhìn rộng ra và đi sâu vào những mảnh đời của những sắc dân chung quanh ta là một hướng văn học đáng trân trọng. (Tác giả - Ngõ).

So với Trần Doãn Nho (chỉ riêng trong lĩnh vực làm việc), thì chưa chắc ai đã hơn ai. Tên tuổi Nam Dao xuất hiện đều trên các tạp chí văn chương và sách cũng được xuất bản liên tục vài năm gần đây.

QUẢNG ĐÀ, đặc san, của năm 2001, **Thái Tú Hạp, Ái Cầm** chủ

trương. Bìa Vi Vi, nhiều tác giả. Trên 600 trang. Không ghi giá.

Mỗi năm, Đặc san Quảng Đà mỗi đầy đặn hơn, súc tích hơn, tác giả đóng góp đông đảo hơn, và chất lượng bài vở cũng được dư luận đáng giá trân trọng hơn.

Công lao này là của cặp vợ chồng Thái Tú Hạp/Ái cầm. Nếu không có một tấm tình quê sâu đậm, nếu không tha thiết với văn chương, chữ nghĩa, chắc chắn không thể làm được công việc dài hơi và mất thì giờ này.

PEARL BUCK, Chuyện Kinh Thánh, bản dịch Nguyễn Ước, bìa Đỗ Duy Ngọc, nhà xuất bản Văn Học - Hà Nội, Việt Nam. Giá 65,000$VN.

P. Buck, nhà văn được giải Nobel năm 1938. Vào năm đánh dấu 80 tuổi, bà trước tác cuốn sách này.

Kinh Thánh gồm hai phần, Cựu Ước và Tân Ước. Từ hàng ngàn trang cổ văn, P. Buck đã tuyển ra những nhân vật, những sự kiện tiêu biểu và kể lại theo cách của bà, thành 72 truyện, bắt đầu từ sáng thế kỷ cho đến khi Chúa Kitô lên trời.

Tuy không phản ánh hết được bộ Kinh thánh, và cũng không thể thay thế cho Kinh thánh, nhưng theo những người có thẩm quyền giảng huấn tôn giáo và phê bình văn học thì đây là một thành tựu to lớn của P. Buck. Tác phẩm cô đọng sự kết tập hai truyền thống Đông Tây, cả văn học lẫn tôn giáo.

P. Buck kể chuyện Kinh Thánh, bám sát sự kiện và lời nói trong kinh thánh, không thêm, không sửa, nhất là giữ y phần đối thoại, bà chỉ minh họa thêm vài cử chỉ, ít nụ cười, mấy tiếng thở dài.... Dưới ngòi bút linh động, bà đã chuyển được nội dung của cuốn Kinh Thánh dày cộm thành những câu chuyện hấp dẫn, cho mọi người, trong và ngoài Kitô Giáo.

SẦU ĐÔNG, Những Hồng Nhan Của Một Thời, tập truyện ngắn và tùy bút. Bìa Đinh Cường. Tác giả xuất bản. Không ghi giá.

NGUYỄN NGỌC LAN, Hẹn Thắp Lên, lời chứng 25 năm - 1975-2000. Trình Bày xuất bản. 376 trang. Giá 17MK.

Vẫn với hình thức ghi chép, nhận xét mọi sự việc - tôn giáo, chính trị, xã hội... Việt Nam và thế giới - qua nhãn quan sắc bén, cam đảm của một chứng nhân

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



DƯƠNG THU HƯƠNG
chốn vắng

Truyện dài
(Khởi đăng từ HL 48 - Kỳ 5)

Thời trai, khi chuyến tàu ngược lên phương Bắc hú gọi anh chẳng mảy may để tâm tới chuyện áo cơm và những vấn đề thiết thực của đời sống. Anh hài lòng với số phận, chỉ mơ tưởng duy nhất thứ đời người gọi là sự nghiệp. Nhưng cái cây mộng tưởng ấy đột nhiên bị sét đánh gãy. Cuộc hôn nhân gian lận do mẹ con bà Kim Lan áp đặt khiến cuộc đời anh bẻ quặt sang ngả khác. Anh sang làng Bảo kéo vó. Anh theo học nghề buôn gỗ sau khi bị từ chối không được tòng quân. Chiến tranh xảy ra anh cùng gia đình rời thành phố lên chân núi Trường Sơn. Trước khi chết ông giáo đột ngột gợi ý:

- Này con, làm trang trại là một nghề vui thú. Tuy có nhọc nhằn nhưng nếu khôn ngoan biết tính toán thì nỗi cơ cực nơi sơn dã lại trở thành thú vui chốn thị thành không mua nổi. Ở xứ ta, chưa có ai làm nghề đó một cách tận tình. Thời xưa, chỉ bọn Tây mở

đồn điền nhưng chúng tham quá, chúng không học được câu: Biết Đủ, Biết Dừng của người phương Đông. Còn nông trường tập thể của nhà nước là thứ trang trại không điền chủ, rắn không đầu làm sao bò nổi?... Con hãy thử xem... Hẳn sau này người ta phải cho mở trang trại tư nếu họ không muốn dân chết đói. Con sáng ý, có một chút kinh nghiệm buôn bán của mẹ, có kiến thức về máy móc, có ý nguyện tự cường. Sớm hay muộn con cũng sẽ thành đạt...

Đối với anh, mỗi lời nói thốt ra từ con người mảnh khảnh dịu dàng ấy là một huấn lệnh. Ông giáo chết chưa đầy nửa năm, anh đã lên đường tìm đất làm trang trại... Và anh đã gặp Miên... Anh đã tìm thấy nửa kia của mình... May mắn là gì? Và rủi ro là gì?... Nhiều lần anh nghĩ, và lần nào anh cũng thấy chúng không tách biệt rạch ròi. Sự nghiệp là gì?... Cũng nhiều lần anh tự hỏi. Và anh phác họa những sơ đồ cho giải đáp: Nếu con tàu lên phương bắc chuyển bánh xuôn xẻ như mọi người dự tính, anh trở thành sinh viên đại học bách khoa. Một sinh viên giỏi có thể được giữ ở lại trường làm giáo viên phụ giảng rồi chính giảng, cũng có thể được cử đi học nước ngoài, khi trở về mang theo chứng chỉ tiến sĩ hoặc phó tiến sĩ được bổ nhiệm và nhận đồng lương theo thang bậc quy ước... Rất có thể cái con người thành đạt kia sẽ phải đổi sự nghiệp trong tay bằng những năm dài tự giam mình giữa bốn bức tường phòng thí nghiệm hoặc mài đũng quần trong thư viện, bằng chỉ số cặp kính cận tăng lên đến mức nếu bỏ kính ra anh ta sẽ hoàn toàn mù... Cái kẻ thành đạt ấy hẳn không bao giờ nhìn rõ làn da thật của người đàn bà anh ta yêu vì chẳng thể đeo cặp kính dày cộm lúc làm tình, cũng có thể anh ta sẽ chẳng bao giờ đề cập đến niềm sau mê ân ái vì cuộc sống mọt sách khổ sai làm gân cốt chùng nhão, và máu nguội lạnh đi... Không, cái giá đó anh không muốn trả. Sự nghiệp, giấc mơ long lanh ấy cũng giống ánh sáng hắt lên từ mảnh vỏ trai, vẻ đẹp trang trí không thể thay thế cuộc đời. Hoan biết rằng trời đã cho anh tìm được người đàn bà của anh, anh hài lòng với số phận, anh muốn tận hưởng những nguồn vui lương thiện và lành mạnh. Những nguồn vui giản dị, thậm chí nhỏ nhặt như người đời thường gọi. Anh muốn được thấy Miên đi lại trong một gian bếp sang trọng hơn phòng khách của người khác, với những thứ đồ gia dụng thật sạch và đẹp. Anh muốn chị mặc những bộ quần áo bằng lụa mỏng đứng trước ngọn lửa bếp, với thứ ánh sáng ấy gương mặt chị sáng ngời, thân thể chị mềm mại và rực rỡ như lửa. Anh muốn họ thết khách quanh chiếc bàn hình bầu dục, đủ một lần cho cả hai mươi người. Vì thế anh đã tự vẽ kiểu và thuê người đóng bàn ăn ngay khi chưa xây móng gian bếp. Anh cũng tự mua tủ đựng bát dĩa và giá đặt

các loại xoong nồi, hài lòng vì Miên sung sướng. Dù đã có một thời thơ ấu gian nan nhưng vợ anh không tích cóp tiền. Giống như anh, chị thích đãi khách, thích ngôi nhà họ tưng bừng vui vẻ và cái không khí hội hè đó làm cho cuộc sống của họ nơi Xóm Núi chẳng kém náo nhiệt so với đời sống của đám dân phố phường...

Cái buổi tối hai người vừa canh nồi bánh tét, vừa đóng khuôn bánh in như mới xảy ra hôm qua. Ánh lửa rạng rỡ, mùi thơm của nồi bánh tét đang sôi âm ỉ trên bếp, mùi thơm của bột nếp rang của đỗ xanh ngào đường, và những lời thủ thỉ của Miên... vào lúc nồi bánh tét đã sắp đủ độ rền, phải cời bớt lửa chị bỗng cất tiếng hỏi:

- Em đố anh, mình sẽ có bao nhiêu đứa con?

- Trời cho bao nhiêu được bấy nhiêu, đất còn rộng tha hồ lập trại.

- Sao lại trời?... Có hay không do mình định chứ?

- Do mình, nhưng cũng phải được trời ưng thuận.

- Anh không sợ người đời chê cười hay sao?

- Không. Anh là dân thường, chẳng phải quan nha, chẳng cần chức sắc, anh đẻ con theo ý muốn.

- Anh muốn bao nhiêu?

- Anh muốn đủ hai trai hai gái, ta sẽ lập thêm vài khu trại nữa và khi về già sống với đứa con út.

Hoan nói xong, đưa mắt nhìn vào mắt vợ. Miên đỏ ửng mặt, cụp đôi mi xuống cúi đầu đỗ* bánh không nói gì thêm. Dù lấy nhau đã lâu nhưng chị vẫn thường đỏ mặt trước những lời yêu đương của anh khiến anh cảm thấy chị chưa hết lớn, còn ngây ngất thiếu nữ và nỗi e thẹn dai dẳng đó khiến chị thêm phần quyến rũ. Hoan biết rằng không cứ loại đàn bà trơ trẽn như cô Kim Liên mà vô số những kẻ khác cũng thiếu hụt cái bản tính trinh nữ trường cửu, và điều đó biến họ thành một thứ lụa nhung bị rụng hết tuyết, một loài bướm cánh bị cạo hết lớp phấn màu...

Lúc đó, anh đã nhìn chăm chăm gương mặt hồng rực của Miên rồi đưa một ngón tay lên khẽ cọ vào má chị:

- Thế còn em?... Em muốn bao nhiêu?... Bốn, năm, sáu bảy hay làm cả tiểu đội đủ mười hai đứa cho tiện?

Và vợ anh, mặt càng đỏ tía lia, nguây nguẩy lắc đầu:

- Em làm sao biết được?... Mọi việc là tùy ở anh chứ?...

* Đỗ: Gõ bánh in (bánh khảo) cho rơi khỏi khuôn gỗ.

Vẻ ngượng ngùng của chị khiến anh trào lên một cơn yêu không thể kìm giữ, anh vồ lấy vợ hôn ngấu nghiến và họ ái ân ngay trên sàn bếp dù chị từ chối chống đỡ một cách yếu ớt và vô hiệu...

Sao bỗng dưng Miên nhớ lại kỉ niệm đó?... Phải chăng vì họ

đang ngồi trong chính không gian cũ và chỉ vài giờ nữa họ sẽ phải chia ly?... Hay chị hối hận đã không kịp đẻ thêm một đứa con nữa sau đứa con trai đầu lòng?... Thực ra, hai người đã trù tính tích trữ thêm tài sản chờ năm sau, khi cu Hạnh lên sáu họ sẽ cho ra đời đứa thứ hai... Cuộc sống lứa đôi đã được hoạch định trước khi sự chia lìa đổ ập xuống... Hoan vẫn không ngừng vuốt lưng vợ, nói:

- Anh hứa với em rằng, chúng ta sẽ có đủ bốn đứa con cho đầy mâm cỗ. Lời hứa ấy vẫn còn. Anh mắc nợ em ba...

Miên bổ nhào vào lòng chồng, ôm chặt lấy anh. Mạch đập nơi ngực chị dội sang tim anh từng nhịp. Rồi tiếng nước sôi trào xuống lửa xèo xèo khiến người đàn bà bừng tỉnh. Chị gỡ tay anh:

- Nước sôi rồi, để em rót vào phích.

Gương mặt chị không vết nước mắt, trầm tĩnh, có một vẻ xa xôi mà anh không dò đoán nổi.

- Mình uống trà ở đây nhé?

- Cũng được.

- Em muốn ngồi thêm một lần trong gian bếp này.

- Anh lên nhà lấy trà.

- Em thắp ngọn đèn cầy* lên đã.

* Đèn cầy: Nến (tiếng miền Trung).

Khi Hoan mang trà và gói bánh từ trên nhà xuống, Miên đã tắt cây đèn dầu để thắp một giá nến đủ năm ngọn. Chị thích câu ngạn ngữ: Sống dầu đèn, chết kèn trống. Ấy là lý do khiến đám đàn bà đố kị thường gọi sau lưng chị là "Con đàn bà hoang tàng" còn anh anh tự nhủ rằng vợ anh là người quý phái bẩm sinh. Thời thơ ấu cam khổ chẳng để lại dấu vết nào trên gương mặt trong phong thái sinh hoạt cùng dáng đi nét đứng của chị. Hồi họ mới lấy nhau, đang dang dở cuộc chiến tranh, cuộc sống vật chất vô cùng kham khổ nhưng anh thấy Miên chấp nhận sự khổ ải đó với một phong cách khác biệt mọi người. Chị chẳng than phiền, cũng không bực dọc, cũng chẳng cúi đầu lầm lũi cam chịu như sẵn sàng thú nhận rằng cuộc sống tăm tối cam khổ là lẽ đương nhiên của kiếp người. Miên có thể ngồi ăn bát khoai khô với vẻ thanh thản, nhai ngấm ngon lành như đó chẳng phải thứ khoai khô nấu với đậu cua mà là một món ăn hoàng tộc. Một hạt sạn nhỏ xíu, một mảy trấu lẫn trong cơm chị cũng nhằn ra bằng được và chị làm động tác đó thật ung dung, đầu ngẩng cao, mắt nhìn thẳng về phía trước như loài hạc tiên luôn ngẩng cổ nhìn trời để tìm khoảng không gian tiền kiếp của mình.

- Anh muốn anh chè không?

- Ăn bánh đậu cũng đủ rồi. Anh không thấy đói.

- Anh lấy loại trà nào vậy?

- Trà nhà em ướp.

Miên đi tới tủ đựng bát đĩa, lựa chiếc dĩa sứ trắng viền chỉ vàng chuyên đựng bánh uống trà. Đoạn, chị lấy tấm khăn bông lau đĩa rồi bóc bánh, xếp vuông vắn. Xong xuôi, chị tráng ấm pha trà. Trong lúc Hoan lặng lẽ chống tay lên cằm chờ đợi:

... Miên ơi, rồi em sẽ sống ra sao trong căn nhà mới, không phải nhà mà chỉ là gian buồng lợp tranh tăm tối, bên cạnh một người đàn bà bẩn thỉu buông tuồng và nghèo khổ nhất vùng... Nơi đó, làm sao có được một gian bếp tử tế cho em nấu ăn, có lẽ cũng chẳng có nhà vệ sinh và phòng tắm... Tính em sạch sẽ, liệu em có chịu nổi một cuộc sống thiếu đến những điều kiện tối thiểu như vậy không?

Anh nhìn tấm khăn bông trắng muốt trên tay vợ, nhìn động tác chị gấp nó làm tư và đặt lại vị trí cũ, cách chị kéo tấm cửa kính tủ đựng bát đĩa, cách chị vén tà áo trước khi ngồi xuống ghế đối diện với anh... Tất thảy đều đẹp và chua xót:

- Anh uống trà đi, trà đã ngấm.

- Ờ, em cũng uống đi.

- Nhài chưa thật ngấu.

- Thế cũng thơm lắm rồi. Bụi nhài nhà mình dạo này nhiều hoa không nhỉ?

- Lạ thật, hoa thơm điếc cả mũi hàng xóm mà anh không ngửi thấy ư?

- Ừ, có thể là anh quên... Mà quanh năm hết hoa bưởi, hoa ngâu hoa lan dại hoa nhài hoa sói... anh cũng chẳng phân biệt được. Anh không phải là người tuổi chó nên mũi không thính lắm... Bánh có ngon không?

- Ngon anh ạ, chỉ phải cái hơi đậm đường.

- Ừ, họ ngào nhiều đường để bánh lâu mốc... Thế nên anh vẫn thích ăn bánh em làm hơn.

Miên im lặng. Mỗi lần anh khen, chị thường giữ im lặng. Không từ chối, không lên tiếng cảm ơn, chỉ cúi đầu ngượng ngùng và thầm sung sướng... Đó, chính là người đàn bà của anh. Của riêng anh. Những lúc họ làm tình, vào khoảnh khắc tột vời của đam mê chị cũng vẫn im lặng như thế, chỉ hơi thở là dồn lên và đôi lần, anh thấy cặp môi xinh xắn của chị mở hé ra.

Chuông đồng hồ trên nhà thong thả gõ bốn tiếng. Chuông vừa dứt, gà trong chuồng gáy ran. Hai người nhìn nhau. Hoan thấy rõ vẻ thê lương hiện lên trong mắt vợ:

- Em uống thêm chén trà nữa đi.
- Em uống đủ rồi.
- Em đã chuẩn bị đủ những thứ cần mang theo chưa?
- Dạ, đã đủ.
- Anh kiểm tra giúp xem còn thiếu gì không nhé?
- Không cần đâu anh.
- Thôi được, nhưng anh có một yêu cầu.
- Yêu cầu gì vậy?
- Em hãy chấp thuận trước khi nghe, anh xin em.
- Không, anh nói đi đã.
- Miên, anh đã xin em rồi.
- Em không thể chấp nhận điều em chưa biết.
- Vì thế, anh mới cất tiếng xin em. Đây là lần đầu tiên anh xin em, kể từ khi chúng ta lấy nhau.

Miên im lặng hồi lâu, rồi nói: - Thôi được, em chấp nhận.

Hoan nắm cổ tay vợ:

- Ngôi nhà này bao giờ cũng là của em, và toàn bộ tài sản chúng ta có được là của em. Em có thể về lấy chúng đi bất kể lúc nào.

Miên rút phắt cánh tay đứng dậy:

- Không được, em không thể làm như vậy được.
- Như vậy, em là người thất hứa. Em không tôn trọng danh dự của chính mình.
- Mọi chuyện khác, em có thể nhân nhượng... Nhưng nhà cửa và tài sản... tất thảy những thứ đó là của cu Hạnh, con trai chúng ta.
- Con trai em từ máu thịt của em mà ra. Nó còn quá nhỏ. Nếu khôn lớn, nó cũng sẽ không cam lòng nhìn mẹ đẻ của mình sống một cuộc sống khổ ải... Thêm nữa, con trai em chính là con trai anh, nếu nó đủ nhẫn tâm sống sung sướng trong khi mẹ thiếu thốn nó không còn xứng là con anh và trong trường hợp ấy anh sẽ đuổi nó ra khỏi cửa...

Giọng Hoan rắn đá và căng thẳng, khác hẳn lệ thường. Và đôi mày lưỡi kiếm của anh như vếch cao hơn trên vầng trán rộng. Vẻ cứng cỏi bất chợt đó khiến Miên nhụt chí. Chị buông thõng hai cánh tay, không còn giữ được bộ mặt gan bướng. Hoan kéo tay vợ ngồi xuống và hạ giọng:

- Anh biết em yêu con, muốn hy sinh tất cả cho con, nhưng làm người phải biết cho và biết nhận. Nếu em không chấp nhận tình yêu của bố con anh, em là kẻ bạc tình... Dù em không còn là vợ anh nữa, nhưng mãi mãi em vẫn là mẹ của con trai anh. Cu Hạnh không thể có một người mẹ đói khát, lam lũ.

Anh đứng lên:

- Chờ anh một phút, anh quay lại bây giờ.

Anh đi lên nhà trên. Vài phút sau anh quay lại với một gói vuông vắn như viên gạch nhỏ, bên ngoài bọc ni-lông và chằng bởi những sợi dây cao su:

- Đây là tiền anh chuẩn bị cho em mang đi. Em hãy chú ý ăn uống đầy đủ vì đàn bà đã qua sinh nở dễ xuống sức. Người ta chẳng phải thánh thần, không thể ăn hương và ngửi gió mà khỏe. Ở đây, mỗi tấc đất mỗi viên gạch đều có mồ hôi của em. Chúng ta có một số tài sản kha khá. Sau khi em đi rồi, anh sẽ thuê quản gia lên đây coi sóc nương trại. Anh xuống phố mở lại cửa hàng với chị Châu. Dì Huyên sẽ trông coi cu Hạnh.

Anh ngừng lại một lát, rồi nói thêm:

- Em biết đấy, anh không thể nào ở lại đây... Anh không thể...

Miên nhìn anh, bất chợt mắt chị lóe lên những tia sáng điên cuồng hoảng loạn, rồi chị gục mặt xuống hai cánh tay khóc rồ lên như đứa bé.

Sáu giờ rưỡi sáng, chuông vang lên ngoài cổng.

Miên bảo Hoan:

- Em đi đây... Thôi, anh đừng bước ra.

- Cũng được.

- Anh vào giường ngả lưng cho đỡ mệt.

- Cũng được. Để anh mang chiếc hòm cho em.

- Không. Em xách được

- Thế anh xách bị cỏ khô cho em vậy.

- Không. Cỏ nhẹ bỗng, chẳng an thua gì.

- Em làm sao xách một lần cả hai thứ.

- Em sẽ mang làm hai lượt.

- Sao em cứ thích hành hạ mình?

- Em muốn thế... Kệ em...

Chị lại nổi cơn gan bướng lên. Cặp mắt sưng húp lại ửng đỏ.

- Thôi được, anh vào buồng đây.

- Em ra mở cổng.

Chị xách bị cỏ khô ra trước rồi quay vào đưa chùm khóa cho anh:

- Anh giữ lấy khóa.

- Đấy là phần của em. Nhà ta có hai chùm mà...

- Không, bây giờ em đã hết quyền giữ khóa.

Chị đặt chùm chìa khóa lên chiếc kỉ thường đặt cây đèn đêm rồi quay ngoắt lưng bước ra:

- Thôi em đi.

Anh thấy bóng chị vút qua khuôn cửa buồng trong chớp mắt. Anh

nằm vật xuống giường, nghe cánh cổng quay ken két vọng vào. Không có tiếng đối thoại. Miên đã trở về với người đàn ông trong sự im lặng đó. Chỉ có tiếng lao xao của những đám lá tre rụng bị gió lùa, hoặc tiếng chân họ khua động hoặc chính anh tưởng tượng ra thứ âm thanh đó... Phải chăng tiếng xào xạc kia chính là vọng âm của một hạnh phúc đã ở sau lưng mà đam mê còn phía trước?...

... Ta sẽ sống ra sao bây giờ?... Ra sao, ra sao?...

Hoan tự hỏi.

Và vì không thể tự trả lời anh chạy nhào ra sân, hối hả trèo lên cây cầu thang sân thượng. Trên cao, anh nhìn thấy người đàn bà của anh cùng người đàn ông kia đi trên đường làng. Chị xách chiếc hòm đi trước, anh ta xách bị cỏ khô theo sau, người nọ cách người kia chừng dăm bước chân. Miên nghển mặt nhìn thẳng, cổ vươn cao, lưng dựng đứng. Trong dáng đi ấy, chị đang hướng tới cõi riêng của chị. Cõi ấy, thuộc về anh và đứa con trai, Hoan tin chắc điều ấy. Người đàn ông xách bị cỏ đi lầm lũi phía sau kia có biết điều đó chăng?... Liệu anh ta có hiểu rằng anh ta sẽ phải chung sống với một người đàn bà thuộc về một cõi khác và anh ta chẳng có chỗ trong cõi ấy, hoặc anh ta tin vào khả năng chinh phục lại của bản thân?...

... Kẻ yếu có sức mạnh và mánh khóe riêng của họ. Sức mạnh ấy dựa trên lòng trắc ẩn của người đời. Biết đâu, mưa dầm lâu thành lụt, sự tận tụy và niềm đam mê của anh ta lại chẳng khơi được ngọn lửa trong tro tàn của mối tình đầu?...

Hoan nghĩ, và bất giác lòng ghen tị chọc một mũi kim vào tim anh... Mối tình đầu... bao nhiêu cuốn sách đã mô tả các trạng thái và sức sống tiềm tàng của nó... Dầu sao chăng nữa, giờ đây người đàn ông kia cũng được sống với Miên, đàng hoàng trong tư cách ông chồng. Còn anh, anh sẽ sống ra sao? Anh không biết sống làm sao?...

Anh đứng nhìn theo tới lúc hai người kia khuất sau các khu vườn mút tầm mắt mới xuống thang. Ngôi nhà rộng hoang rộng huếch như anh chưa từng xây một ngôi nhà thừa không gian đến thế. Anh bất chợt bắt gặp bóng mình trong gương, thấy một gã đàn ông vậm vạp, có gương mặt ngơ ngác và dáng vẻ của một con gà chiếp lạc bầy...

*

- Miên... Miên ngồi xuống đây.

Bôn đặt bị cỏ vào góc buồng, đoạn lấy chiếc may-ô cũ lau lại

mặt ghế. Cặp ghế gỗ của già Dọt cho, cùng chiếc bàn cũ từ thuở cha mẹ anh còn sống vừa được chàng Xá chột sửa lại mộng và thay cặp chân mới. Nước gỗ mun đen vá đôi chân trắng lốp trông như con lừa khoang vừa buồn cười vừa vui mắt. Bôn xin Xá chiếc bình đất nung anh ném lăn lóc trong xó bếp đem về cọ rửa sạch, đặt lên bàn, cắm vào đó mấy bông hoa riềng đỏ lẫn mấy cành thạch thảo khiến gian buồng tưng bừng rạng rỡ hẳn lên. Ngày trước, tiểu đội trưởng dạy anh:

... Dân quê các cậu cứ lấy câu ăn chắc mặc bền mà dọa thiên hạ. Người ta cần no cơm ấm cật thật. Nhưng cũng còn cần nhiều thứ khác. Con hổ, con hươu, loài chồn, loài khỉ cũng tự tạo cho chúng được no và ấm dù chúng không cấy lúa dệt vải như người. Con người là loài khác, vì thế phải biết cần những thứ khác thú vật...

Bôn thầm cảm ơn người đã chết bởi nhờ vài cành hoa riềng đỏ với mấy bông thạch thảo li ti tím kia mà gian buồng của anh bớt đi vẻ lạnh lẽo, nghèo nàn. Anh tự hài lòng với mình:

... Rồi ta sẽ cắm hoa ngày ngày, ta sẽ trồng một luống hoa trong vườn nhà và bẻ hoa trang hoa cúc dại trên đồi. Ta sẽ trang trí căn buồng này cho xứng với cuộc sống mới. Ta còn trẻ và ta có thời gian.

Vào lúc nghĩ điều đó, anh không khỏi thoáng qua niềm kiêu hãnh ngầm ẩn: Anh bằng tuổi Miên, trẻ hơn người đàn ông kia bảy tuổi. Tạo hóa cho anh gần một thập kỉ để anh chiếm lĩnh lại những gì đã mất và xây đắp những gì muốn xây đắp. Ấy là ưu thế độc nhất anh có thể tìm được cho mình.

- Miên ngồi xuống cho đỡ mỏi.

Bôn nhắc lại lần thứ hai, vẻ như chủ nhà mời khách hơn là chồng nói với vợ. Chẳng hiểu sao, mỗi lần há miệng định gọi Miên là em anh vẫn cứng lưỡi lại. Một nỗi rụt rè, một thoáng nghi hoặc nào đó khiến anh không thể xác lập được cách xưng hô... Mười bốn năm trước, Miên đã thắp hương thề trước cây phượng già rằng sau hôn lễ chị sẽ gọi Bôn là anh. Giờ đây, cây phượng nhân chứng cho lời thề xưa vẫn còn, vẫn đâm bông đỏ rực nhưng anh đã mất niềm tự tin ngày ấy... Họ bằng tuổi nhau, đó là sự đã rồi, nhưng còn lẽ khác, anh không dám cắt nghĩa...

- Khát nước không Miên?
- Em không khát.
- Để tôi đặt chiếc hòm của Miên lên kệ gỗ.
- Được rồi.
- Miên ngồi đây.

- Dạ.

- Tôi đón Miên về sáng sớm để thiên hạ khỏi tò mò thóc mách.

- Dạ.

- Dù sao... thì cũng đã hơn mười bốn năm, chúng ta phải bắt đầu lại cuộc sống.

- Dạ.

- Tôi biết Miên rất có tình với tôi... ở đằng kia, Miên sống rất giàu... à... rất đầy đủ.

- Cũng không sao.

- Nhưng chúng ta còn trẻ, chúng ta có thể làm giàu với đôi tay mình.

-...

- Tôi rất yêu Miên.

-...

- Tôi muốn... tôi muốn chúng ta... như ngày xưa...

Nói tới đó, thốt nhiên anh tắc họng...

... Như ngày xưa...

Lời ước ấy khiến anh trào nước mắt. Ngày xưa, anh không có gì ngoài tuổi trẻ, sức trẻ và tình mê say với người con gái kiều diễm nhất vùng... Nhưng bây giờ cô ấy đã trở thành người đàn bà cao lớn hơn, lộng lẫy hơn, quyến rũ hơn... giàu sang và xa lạ hơn cả ngàn lần... Sao cô ấy không nói gì ngoài những tiếng: Dạ điểm nhịp và sự lặng im?... Anh biết đó là tiếng đáp làm vì, là thứ lời không nghĩa. Miên ngồi yên trên ghế, đưa mắt nhìn gian buồng. Chẳng có gì đáng kể nhưng anh đã xây tường ngăn, có liếp chắn bên trên, để cuộc sống lứa đôi của họ hoàn toàn biệt lập với mẹ con Tá. Cánh cửa gỗ đã được thay và bạn anh, Xá chột đã dốc cả lọ véc-ni của anh ta để đánh bóng. Bôn cũng đã mua ổ khóa. Xá chột lại cho anh vay tiền mua chiếc giường đôi mới gắn hộp gỗ ở đầu giường. Đấy là chỗ cho Miên cất gương lược kim chỉ, những thứ đồ vặt vãnh của đàn bà và anh dự tính họ sẽ chụp ảnh chung lồng kính đặt trong đó. Chiếu trải giường mới tinh, cuối giường là chiếc màn nguyên nước hồ và tấm chăn in những bông thược dược... Tất cả sự cố gắng của anh, tình yêu, niềm trìu mến và những đồng tiền dành dụm được sau một cuộc chiến... Liệu chị có hiểu được điều đó không?...

- Tôi đun nước Miên uống nhé?

- Em không khát. Nếu khát, em sẽ đun... Chị Tá với lũ trẻ đâu?

- Chị ấy đưa lũ trẻ sang nhà già Đọt từ chiều qua, mai mới về.

- Chúng ta sẽ nấu chung căn bếp với mẹ con chị ấy phải không?

- Ừ, trước mắt ta tạm dùng chung căn bếp cũ... Sau này làm

ăn khấm khá...

Miên đứng dậy đi lại góc buồng, lật nắp chiếc chum sành:

- Gạo vẫn đựng trong chiếc chum này phải không anh?

- Ừ, sao Miên biết?

- Vì mùi gạo mới mà mùi chum đầy mốc bụi... Sao anh không lau sạch chum trước khi đổ gạo vào?

- Tôi vội... Tôi quên...

Bôn lúng túng. Trong mọi sự chuẩn bị để đón Miên về anh đã quên rằng Miên rất sạch. Chị không chịu được sự bẩn thỉu và coi đó như một đặc tính chung ai ai cũng phải chấp nhận. Khi về làng, Bôn mới biết rằng sau khi anh nhập ngũ, Miên đã trở về nhà dì Huyên ngay không giây phút chần chừ. Chị không chịu được gia đình Tá, không chỉ sự dơ dáy trong tâm tính mà cả sự bẩn thỉu toát ra từ đầu tóc, quần áo, da thịt người chị ruột của anh. Bôn nhìn Miên, hai tai nóng bừng. Chị vẫn đứng quay nghiêng lại phía anh cúi đầu nhìn vào chum gạo. Chiếc chum đó, họ đã đựng gạo hồi cưới nhau. Mười bốn năm qua, nó vẫn còn. Dạo chiến tranh, người ta lăn mọi thứ chum vại xuống hố hoặc xuống ao. Hết thời bom đạn, họ lại móc chúng lên. Những thứ đồ đất nung này thiên niên vạn cửu như khí cụ bằng đá của người nguyên thủy. Bôn không chỉ coi nó là một kỉ niệm của cha mẹ anh để lại mà cũng là kỉ vật từng chứng kiến những ngày ân ái của họ trước kia... Nhưng với Miên, có lẽ đó chỉ là thứ đồ cóc cáy, xoàng xĩnh và hết sức bẩn thỉu.

... Tại sao ta không lau rửa đàng hoàng trước khi đổ gạo. Ta thật vô tích sự...

Anh thầm chửi rủa mình khi nhìn đôi mày Miên cau lại trên tinh mũi. Anh vội nói:

- Để anh... để tôi lau lại. Cũng chẳng nhiều nhặn gì, chỉ có năm cân gạo thôi...

Miên không đáp, chị lẳng lặng vần chum gạo ra giữa căn buồng rồi gọi:

- Anh tìm cái thúng đem ra đây.

Bôn lao sang buồng Tá, đổ mớ quần áo của lũ trẻ ra mới tìm được chiếc thúng lành. Anh đem trở lại. Miên đổ gạo ra thúng Bôn nhìn tay Miên vốc gạo, thầm nghĩ:

... Số gạo kia không đủ ăn một tuần. Sau đó ta sẽ sống bằng cách nào đây?... Ta đã tiêu đến đồng bạc cuối cùng. Vài tờ giấy lẻ sót lại trong túi chỉ đủ mua hai gói thuốc lá... Nhưng không thể mua gạch sửa lại gian buồng, không thể không mua đôi chiếu mới và sắm chăn màn mới. Đó là những món chi tiêu bắt buộc. Để làm đẹp

lòng Miên. Có Miên, rồi ta sẽ có tất cả. Ta sẽ vay tiền Xá chột, Bình kều hay già Đọt để làm vốn canh tác và sống trong thời gian trước mắt... Mọi thứ sẽ toan tính sau...

Miên gọi:

- Nào, anh vét nốt gạo ra...

- Tôi làm ngay đây... Xong rồi...

- Anh vần chum ra sân phơi cho hết mọt. Khi nào chum nóng rẫy, mọt mới chết hết được. Sau đó hãy lấy giẻ lau.

- Được rồi.

- Phải sàng sẩy lại chỗ gạo này... Nhà chị Tá có sàng sẩy không?

- Có... Hình như có. Miên để tôi đi tìm...

Anh xuống bếp, không muốn Miên phải thò tay đụng đến mớ gia tài mục nát của Tá. Quả nhiên, anh bới toát mồ hôi mà không tìm được cái dần hoặc cái sàng nào nguyên vẹn. Tất thảy đều đã hư hỏng, không tuột vành cũng gãy nan. Bôn cảm thấy ánh mắt Miên đang nhìn anh ẩn chứa sự khinh bỉ. Anh biết sự khinh bỉ ấy không chỉ riêng Miên có. Cả làng này, đàn ông lẫn đàn bà đều khinh bỉ người chị ruột của anh. Nhưng riêng sự khinh bỉ của Miên khiến anh đau và nhục. Hai mang tai nóng ran lên, anh quay lại, lắp bắp:

- Miên chờ tí... Tôi sang hàng xóm mượn...

Lát sau Bôn quay về, thấy Miên đang cặm cụi nhặt những hạt thóc và sạn lẫn trong gạo. Chị lặng thinh đỡ bộ dần sàng trong tay anh, bắt đầu làm công việc của người đàn bà xứ quê một cách nhẫn nại. Anh đứng nhìn chị, ngỡ như mơ... Người đàn bà đang ngồi sàng gạo trước hiên kia là vợ anh, là người đàn bà của anh, người anh yêu mê, ngưỡng vọng đã ở dưới mái tranh này, bằng xương bằng thịt, món tóc tơ trước trán, cái gáy trắng hồng hở ra dưới búi tóc gài cây trâm sừng, da thịt nõn nà như chẳng phải da thịt người mà là thịt da tiên nữ. Từ nơi chị ngồi đến chiếc giường đôi mới kia chỉ vài bước chân. Những bông hoa thược dược sẽ trả lại cho anh tuổi trẻ đã mất. Đêm nay họ sẽ cùng nhau. Đêm nay, anh sẽ uống thỏa thuê cơn khát mười bốn năm ròng.

- Gạo nhiều sạn quá.

Chị cất tiếng đột ngột khiến Bôn giật mình. Anh cười:

- Tôi đàn ông đàn ang chỉ mua được thứ gạo ấy thôi. Từ rày về sau Miên sẽ mua.

... Nhưng ta sẽ lấy đâu ra tiền cho Miên mua gạo và đi chợ?... Không lẽ vay lãi Xá chột?... Cậu ấy chẳng giàu có là bao, lại ba đứa con lóc nhóc. Xá đã tặng mình cặp chân ghế lẫn cánh cửa, cho vay tiền mua chiếc giường đôi, sao phiền nhiễu thêm được...

Ngoài Xá chột, còn có thể trông cậy vào ai?... Chính quyền ư, sự giúp đỡ tới đó là chấm dứt, xã còn cả đống gia đình thương binh liệt sĩ, đồng tiền bố thí bao giờ cũng là vốc tiền xu. Ta còn có thể hỏi già Đọt, người đã bao dung mẹ con Tá ngần ấy năm ròng. Nghe nói hồi còn trẻ bà có nhan sắc và rất phong tình, khối đàn ông mê mẩn cho tiền bạc. Ta cũng có thể đến hỏi Bình kều... Dẫu sao cũng phải có tiền để sống. Ngày mai, không lẽ ăn cơm với muối rang, con gà nhép kia kho mặn cũng chỉ được hai bữa...

Bôn đưa mắt liếc con gà nhép trong lồng, chỉ độ bảy tám lạng thịt, luộc lên khéo không đầy một đĩa, nhưng anh sẽ bảo Miên rang mặn để ăn cho đủ một ngày. Con gà ấy không phải anh mua mà là gà nhà Xá. Cô Soan, cô vợ thơm thảo của Xá đã vào vườn bắt cho anh để "làm bữa cơm đón nàng về dinh..." sau khi phàn nàn "... rủi cho bác quá, hơn chục con gà mái tơ vừa thịt hết cho bố cháu tẩm bổ trước khi lên rừng. Chỉ còn lại mụ mái già với hai con nhép..." Giá như Soan không lo cho chuyện đó, anh cũng đành cười trừ và đón Miên bằng bữa cơm rau suông.

... Vậy mà bữa ta về, Miên đã bưng lên một mâm thịnh soạn...

Anh nhớ lại chiếc mâm đồng đầy tú ụ đồ ăn thức uống chị đã đặt trước mặt, vào đêm anh trở về. Mâm thức ăn đó được đặt trên bàn, dưới ánh sáng của năm ngọn nến. Đó là một không gian khác, không gian ấy không thuộc về anh. Nhưng giờ đây, chị đã chấp nhận quay về, như vậy chị sẽ phải hòa nhập với cuộc sống mới, và thở hít trong không gian của chính anh:

... Em là người đàn bà của tôi, sống dưới mái nhà của tôi, trong vòng tay của tôi...

Cái tiếng nói dõng dạc đầy xác tín ấy cất lên trong anh, âm vang của từng lời dội vào óc não đường gân thớ thịt trên thân xác anh và anh bỗng cảm thấy mình lớn mạnh lạ thường, oai nghiêm lạ thường. Anh đi đi lại lại trước hiên, trong khi Miên không ngừng tay sàng gạo. Ngước nhìn những ngọn soan đung đưa trong vòm trời anh bắt đầu mơ đến những nương tiêu của mình trong tương lai. Anh đã quyết không trồng cà-phê, khoảng đất xã chia cho, anh sẽ vỡ nương và trồng tiêu hoàn toàn dù rằng tiền đầu tư vào nương tiêu nhiều hơn.

... Ngả nào ta cũng phải vay tiền làm vốn ban đầu, nếu quyết định sai, sau này có hối cũng muộn...

Miên đã sàng xong mớ gạo, ngẩng lên hỏi:

- Cái giếng nhà còn nhiều nước không anh?

- Còn, nước sẵn lắm.

- Nước sạch không?

- Nước trong, nước rất trong... À, tôi chưa kiểm tra lại nhưng mọi người vẫn dùng. Tôi cũng đã nhờ người dựng cho Miên cái nhà tắm cạnh giếng. Miên có xem qua không?

- Thôi, đằng nào nấu cơm xong em cũng phải tắm.

Chị phủi quần áo, đoạn xếp đống dần sàng gọn ghẽ:

- Anh mang trả người ta, đồ dùng như chân tay không thể phiền nhiễu hàng xóm.

Lúc anh mang mớ dần sàng đi, Miên bê thúng gạo vào buồng. Anh định bụng khi quay về sẽ hôn chị một nụ hôn dài cho bõ những ngày chờ đợi. Nhưng khi Bôn quay về, Miên đã đứng trước hiên, trong tư thế sẵn sàng lao vào một công việc mới:

- Bát đĩa anh để đâu?... Em mang đi rửa lại.

Bôn tiu nghỉu. Anh bắt đầu hiểu rằng Miên cố ý lảng tránh anh và chị sẽ nghĩ ra đủ thứ công việc để không còn khoảng thời gian rảnh rỗi:

... Được, cô ranh ma lắm... Nhưng sớm hay muộn rồi mặt trời cũng xuống núi, đêm sẽ tới và chẳng còn lý do nào để lảng tránh tôi. Cô đã là người đàn bà của tôi và cô sẽ là người đàn bà của tôi, có đất trời chứng giám...

Anh thầm nghĩ như vậy và dõng dạc đáp:

- Bát đĩa tôi chưa mua được. Mình hãy tạm dùng bát đĩa nhà chị Tá.

- Không, trước hay sau cũng phải có đồ dùng riêng, bát đĩa riêng không nên dây rưa phiền hà người khác. Bây giờ anh rãy cỏ vườn, em ra cửa hàng của xã mua vài thứ lặt vặt.

- Không cần. Chị em trong nhà, mượn tạm vài hôm đã sao?...

- Em không muốn ăn vay ở mượn.

Chị đáp lại, giọng vấn tất và lạnh lùng.

Bôn buộc phải sẳng giọng:

- Nhưng tôi chưa lo kịp tiền. Có đồng nào đổ vào chuyện sửa nhà với sắm giường chiếu mới... Ấy là chưa kể đến...

Chút nữa anh nói: Chưa kể đến món tiền nợ Xá... và những thứ cậu ta đã cho... Nhưng anh đã kịp cắn lại lời. Nói hết ra ê chề quá. Anh không đủ muối mặt và anh biết rằng phận người đàn ông phải gách vác chuyện chi tiêu trong gia đình.

Miên vẫn đứng như trời trồng trước hiên, chị đưa mắt nhìn anh thong thả buông từng lời:

- Chúng ta sẽ bắt đầu cuộc sống thế nào đây?... Không xoong nồi, bát đĩa, không củi đuốc dầu đèn, chỉ mấy cân gạo trắng...

Mỗi lời chị buông ra như một sợi dây cột chặt vào cổ khiến

anh ngạt thở. Bôn thấy mắt mờ đi và anh đáp hối hả:

- Em đừng lo. Bạn tôi ở làng bên, cùng giải ngũ một lượt với Xá đã hứa cho tôi mượn tiền, đủ mua sắm nông cụ và mướn thợ làm nương tiêu... Nhưng tôi bận thu xếp nhà cửa đón em nên chưa có thời gian đi lấy...

Nói xong, mồ hôi Bôn vã đầy gáy:

... Sao ta lại nói khoác như vậy?... Chỉ còn hai nơi bấu víu: già Đọt và Bình kều. Hai nơi đó chưa nơi nào chắc chắn. Lỡ Bình kều không thật giàu như đám lính về vườn đồn thổi, làm sao ta có thể vay được một món tiền lớn như vậy?... Rồi ta sẽ phải kiếm cách dối quanh?... Bắt đầu bằng một lời khoác lác, sau đó trở thành kẻ dối trá. Và có thể phải dấn thân vào trò lừa đảo, đó là con dốc nhiều kẻ đã trượt qua...

Càng nghĩ, anh càng hoảng loạn. Mồ hôi không chỉ vã ra nơi gáy mà toát đầy lưng. Anh không có thói quen nói khoác hay nói dối. Đây là lần đầu. Chính anh cũng không hiểu vì sao những lời lẽ dối trá vừa tuột khỏi đầu lưỡi mình trơn như bôi mỡ. Giá anh có muốn cũng không thể ghìm giữ nổi. Bôn đưa mắt nhìn vợ xem nét mặt chị biểu lộ điều gì? Chị tin anh và hy vọng vào tương lai mà anh đã tưởng tượng ra... Hoặc chị biết tỏng anh là kẻ dối trá không hổ thẹn và chị giấu đi sự khinh bỉ ngầm ẩn? Nhưng chị đang nhìn đâu đó, chẳng tin cũng chẳng ngờ, chị đang phiêu diêu trong cõi riêng của chị. Điều đó khiến anh đau đớn nhưng lúc này nó cứu gỡ anh khỏi cơn khốn khó. Mắt chị đang lướt hờ hững trên bờ dậu nhà hàng xóm, nơi những dây tơ hồng vàng ươm leo rối rít trên những bụi cúc tần, còn những khóm cúc tần cố vươn lên những túm lá non phất phơ màu ngọc thạch phủ phấn trắng bạc. Dường như vẻ đẹp e dè và mong manh đó đang gợi cho Miên những kỉ niệm những suy tưởng chỉ riêng chị biết. Và anh hiểu rằng anh đứng ngoài cái thế giới chị đang chìm đắm. Nhưng anh không thể làm gì để đổi thay. Anh đứng im lặng, chờ. Sau một khoảnh khắc dài, Miên đưa tay vén món tóc mai một cách lơ đãng và nói:

- Anh sang nhà dì Huyên mượn cho em một chục bát. Lấy loại bát Hải Dương.

Anh hiểu đó là mệnh lệnh. Miên không muốn dây rưa chung đụng với Tá. Chị ghê sợ sự dơ dáy. Anh đưa mắt liếc chiếc trạn gỗ đã mục ải, long nan mà mấy mẹ con Tá vẫn dùng úp bát. Trạn thấp lè tè ba gang tay, bất cứ con gà nào cũng có thể nhảy lên ỉa, bất cứ con chó con lợn rông nào cũng có thể sục mõm vào. Lũ bát đĩa úp trong đó càng thảm hại hơn. Lẫn lộn nào bát sứ mẻ, bát sắt móp, cái sơn trắng, cái sơn xanh, cái nào nước men cũng ghẻ lở... ấy là mớ của cải cùng

khốn gom nhặt từ mọi xó xỉnh đem về:

... Miên có lý. Cô ấy không thể ăn cơm bằng thứ bát bẩn thỉu đó. Cô ấy đã quen với một cuộc sống đàng hoàng...

Anh tự thuyết phục mình. Bởi ngày họ cưới nhau, Miên cũng đã đem về nhà anh thứ bát đũa chị quen dùng và tấm chăn chị đang đắp. Nhưng ngày đó họ còn trẻ, họ đang yêu và trước mắt họ là chiến tranh. Cuộc chia ly phía trước xóa mờ mọi ranh giới, trùm phủ lên mọi cách biệt và dồn ép không gian lẫn thời gian trong ánh chớp ngắn ngủi của thứ tình ái thuở ban đầu... Năm tháng đã qua và giờ đây anh mới có dịp hồi tỉnh, có dịp nhìn lại những gì từng trải nghiệm.

... Không chỉ chiến tranh mà cuộc sống cũng phân ly con người. Sự phân ly trong chiến tranh khốc liệt và được giải quyết bằng vũ khí... Sự phân ly trong đời thường khốc liệt không kém nhưng người ta không thể xử lý bằng đạn hoặc lưỡi lê...

Bôn nghĩ. Nhưng anh không dám nghĩ tiếp. Bởi anh biết rằng nếu anh nghĩ tiếp, đi đến tận cùng sự việc cũng có nghĩa là đi đến tử địa của chính mình.

- Anh nhớ mượn thêm một cặp bát lớn để đựng canh.

Miên lên tiếng khiến anh giật mình. Bôn nhảy khỏi cơn suy tưởng và nhìn vào mắt vợ:

- Được rồi, tôi sẽ sang nhà dì Huyên mượn bát. Miên còn cần gì nữa?

Chị vẫn nhìn rặng cúc tần, nói:

- Anh lấy thêm năm chiếc đĩa sứ Hải Dương. Đừng ngại, của dì cũng như của em, dì không tiếc đâu...

- Tôi đi đây.

- Anh cũng đem về đây chiếc trạn bát đúc bằng nhựa. Chính em đã mua cho dì hai chiếc. Hãy nói dì san bớt một nửa...

Bôn đi rồi, Miên vào buồng mở chiếc hòm gỗ lấy bọc tiền mà Hoan đã gói ghém cho chị. Chị mở lớp ni-lông gói ra. Đống tiền được gói chặt như cục gạch, thuần giấy bạc lớn mà Miên dư biết rằng một gã trai làng làm cật lực một vụ cũng chỉ kiếm được vài ba tờ. Rõ là một tài sản lớn chứ không phải món tiền tùy thân Hoan đã đoán định trước mọi điều, và lo trước cho chị. Miên nhớ lại thái độ gàn bướng của chị, vẻ mềm mỏng nhưng cương quyết của Hoan và hiểu rằng không có anh chị sẽ rơi vào một hang sâu không lối thoát. Anh đối với chị hơn cả một người chồng một người yêu và một người cha cộng lại. Và có lẽ suốt đời của chị, chị sẽ chẳng bao giờ bước khỏi cái bóng của anh, người đàn ông khổng lồ và dịu dàng nhất cõi đời.

*

Ngày hôm ấy với Bôn dài hơn thế kỉ. Bữa cơm thứ nhất đã qua trời mới đứng bóng, mặt trời bóng rẫy hắt thứ ánh sáng hừng hực chói chang như thù hận nhân gian. Nhà vừa lợp lại, mái lá dày nên không đến nỗi quá nóng nực nhưng cửa sổ nhỏ lại không đúng hướng gió nên gian buồng ngột ngạt. Vả chăng, dù không gian chẳng ngột ngạt Miên cũng sẽ kiếm cớ để không nằm chung giường với anh. Bôn nghĩ vậy nên anh im lặng khi sau bữa cơm, chị ra ngồi dưới gốc ổi ngoài vườn, phe phẩy chiếc quạt nan. Miên đã nhổ sạch các đám rau me chua dại với đám cỏ ấu. Chị cũng đã vun luống hương nhu anh trồng. Chẳng còn gì để làm trên mảnh đất hẹp mọc xiên xẹo mấy cây ổi già và mấy cây khế. Tất thảy đều cằn cỗi còi cọc, cây nào cây nấy không thể đâm lá trổ nhành vì hàng mấy thập kỉ chẳng được bón phân, thêm nữa đất quanh gốc cây nhẫn lì vì lũ trẻ chạy nhảy. Miên nhớ hồi chị tới đây, vườn còn khá tươi tốt. Còn có rặng chanh hương, thứ chanh nhỏ quả nhưng thơm nức, có một gốc mít xum xuê và xung quanh rào dậu vẫn kín. Dọc theo bờ dậu, dây mồng tơi leo nặng trĩu thả sức hái nấu canh. Giờ, mảnh vườn tàn lụi đi, tàn lụi đến mức ngao ngán...

Nằm thượt trên giường, Bôn vừa thở vừa nhìn Miên đang tựa vào gốc cây, gà gật ngủ, chiếc quạt nan rời khỏi tay chị rơi xuống:

... Cô nàng tự thân làm tội đời. Đàn bà đúng là giống lừa ưa nặng. Họ thích nhiễu sự, thích rắc rối, thích quanh co... Nhưng muốn hay không cũng vẫn là đàn bà, đái không qua ngọn cỏ...

Ý nghĩ ấy khiến cơn tức giận của anh vơi nhẹ đi. Anh nhíu mắt nhìn mặt trời, thấy nó mất dạng chỉ còn lại một khối lửa trắng chói chang trên vòm trời xa tắp. Khối lửa đó dường như rất nặng và rất có thể ngày nào đó nó sẽ rơi vỡ, nó sẽ tan thành muôn mảnh, trái đất sẽ tối tăm như cõi u tì. Tưởng tượng đến cảnh ấy, anh bỗng thấy lòng khoan khoái:

... Không còn ánh sáng, nhà ngói nhà tranh cũng như nhau, lâu đài của vua chúa cũng giống lều thằng chăn vịt. Trong bóng tối ấy, hẳn con người sẽ sống với những kỉ niệm thời thơ ấu, và như thế, Miên sẽ hoàn toàn thuộc về ta...

Anh nhớ những cuộc hò hẹn cũ. Tiếng cười của cô bé gầy gò nhút nhát có tên là Miên. Anh nhớ màu phượng đỏ lộng lẫy tung hắt lên bầu trời nỗi hoan hỉ và niềm say đắm không nguôi dịu của tuổi trẻ. Anh nhớ... và anh nhớ... Những ảnh hình êm dịu dẫn anh vào giấc ngủ.

Lúc ấy, ngoài vườn Miên cũng lơ mơ ngủ. Nhưng ngay trong giấc

ngủ chập chờn ấy, những ý nghĩ vẫn liên tục diễu hành:

... Có lẽ ta phải thuê người làm nương, có bỏ công sức vào mảnh vườn này cũng vô ích. Hình như nó đã tới hồi mạt vận, đất không đâm bông đơm trái nổi... Và có lẽ ta cũng phải bỏ tiền xây một ngôi nhà nhỏ riêng biệt, không thể chung sống dưới cùng một mái tranh với Tá...

... Nhưng vì sao ta lại tự nguyện gánh vác công việc nặng nề đó. Dù làm nương hay xây nhà ta cũng sẽ tiêu những đồng tiền Hoan đưa. Và không lẽ ta yêu Bộn đến độ phải làm những điều ngu xuẩn ấy?...

Ta không yêu Bôn, cuộc sống trở về này là phận sự, cái phận sự đã được quy ước từ thời xửa thời xưa dù chẳng ghi rõ trên giấy trắng mực đen nhưng đã thành luật lệ. Nếu ta chống lại luật lệ ấy dù bỏ làng ra đi cũng chẳng được sống bình yên...

... Nhưng sống chỉ vì phận sự còn khổ hơn kẻ tu hành. Làm sao chịu nổi?...

... Người ta có thể quen với mọi sự. Ta phải chấp nhận... Cu Hạnh còn quá nhỏ dại, và ta không thể để nó bơ vơ trên đời... Nhưng cớ sao ta phải chịu duyên nghiệp oan trái này?... Phải chăng vì mối tình từ mười bốn năm trước?... Hồi ấy, ta có yêu Bôn thật sự hay không, ta chẳng còn nhớ nổi. Đã có một lần Bôn chìa tay cho ta trên dòng suối... Sau đó, là những cuộc hẹn và một đám cưới gấp gáp trước lúc Bôn tòng quân... Hình như ta cũng đã từng yêu Bôn nhưng sao mọi kỉ niệm nhạt nhòa như mây khói?... Chỉ biết chắc chắn rằng hồi ấy mọi sự đều khác... Mắt Bôn không tối tăm như bây giờ, môi không thâm xì và hơi thở không đáng sợ như bây giờ. Tuy không đẹp nhưng Bôn tươi cười vui vẻ... Và còn có tài gảy đàn bầu. Có bận, ta đã nghe Bôn gảy đàn, đám trẻ làng túm tụm xung quanh...

Bất giác chị buông tiếng thở dài rồi vì mặt trời quá chói chị nhặt chiếc quạt rơi lên che mắt. Tựa đầu vào gốc cây chị cố lục tìm trong trí nhớ một tiếng đàn xưa, một âm vang nào đó khả dĩ gợi được trong tim chị niềm yêu dấu ngày xưa. Nhưng hồi ức chỉ là đám tinh vân nhù nhòa với các chấm sáng tối hòa trộn. Sau cùng, lờ mờ hiện lên một đường viền cỏ rậm, đồi dứa chạy hai bên. Một rặng hoa phượng vĩ. Bên trên rặng hoa ấy, những đám mây mùa hè trôi nổi, quay tròn và vòm trời lơ giống như chiếc dù lớn. Và rồi, những hình ảnh ấy tan biến trong khoảnh khắc và Miên không còn thấy gì hết. Chị cảm thấy mình đang ngủ...

Tiếng chim hót trong bụi cây nào đó vẳng tới khiến người đàn bà bừng tỉnh. Chị mở mắt. Tức khắc, ánh sáng ngũ sắc xuyên qua

những nan quạt rơi vào chói nhức. Miên vội nhắm mắt lại rồi xoay lưng sang hướng khác. Khi tỉnh ngũ hoàn toàn chị nhìn thấy Bôn đang nằm sõng sượt trên giường. Căn buồng mở toang, yên tĩnh. Hẳn anh cũng đã ngủ, người đàn ông tội nghiệp đó. Anh đã phải kiên tâm chờ đợi, không dám xấn xổ, không dám để chị phật lòng. Nhưng ánh mắt thèm khát của anh dán vào da thịt chị, rình mò từng cử chỉ nhỏ nhặt nhất nơi chị khiến chị vừa động lòng vừa run sợ... Chị là vợ anh. Đêm nay, chắc không thoát khỏi phận sự xẻ chia chăn gối. Nhưng mới chỉ nghĩ đến điều ấy, chị đã rùng mình. Lạy trời, xin đừng bao giờ xuống núi...

Rồi mặt trời ngả về phía tây đúng thời khắc quy định, mặc cho người chồng cầu xin mặc cho người vợ nguyền rủa. Bữa cơm chiều qua rất mau, dường như họ chẳng nói với nhau lời nào. Đêm nay không có trăng.

- Miên để tôi rửa bát cho.

- Thôi. - Đã qua đời lính ai cũng phải rửa bát. Để mâm cơm đấy cho tôi. Miên cứ đi tắm đi. Tôi múc nước đầy ang rồi đấy.

- Anh cứ mặc em.

- Tôi có bánh xà-phòng thơm của Mỹ dành cho Miên... Tôi nhặt được trong lúc đánh đồn.

Bôn dừng lại vài giây rồi đưa mắt nhìn chị và nói thêm:

- Để dành đã gần chín năm nay rồi đấy...

Trong ánh mắt yêu đương và quỵ lụy của anh, có một nỗi thiết tha rồ dại khiến chị mũi lòng. Chị lúng túng:

- Sao anh cầu kì thế?... Em tắm gì mà chẳng được?...

Nói rồi không dám nhìn anh, chị lấy quần áo ra nhà tắm ngay. Gọi là nhà tắm, thực ra chỉ là một khoảnh đất vườn rộng chừng hai thước vuông được lát bằng những viên gạch đầu thừa đuôi thẹo, xung quanh quây liếp. Nhóm thanh niên tình nguyện đã làm giúp trong dịp sửa nhà. Cái ang cũ đã được cọ rửa sạch sẽ, kê trong góc, đầy nước. Một đoạn dây dù chăng ngang cành cây làm nơi vắt quần áo. Bánh xà-phòng thơm Bôn đặt trên chạc ba cây ổi. Miên cầm lên xem. Nó là loại xà-phòng tắm đề chữ CAMAY, giấy gói trắng đã ố vàng rách sờn các mép gấp. Ở nhà Miên, Hoan thường mua từng tá xà-phòng tắm loại này. Vậy mà Bôn đã giữ nó suốt chín năm trong ba lô để mang về cho chị. Món quà duy nhất của anh sau một cuộc chiến tranh. Chị bỗng ứa nước mắt.

Ngoài bờ giếng, Bôn đang rửa bát. Tiếng nước xối và tiếng lách cách của bát đĩa chạm nhau nghe rõ mồn một. Miên ngồi thừ trong nhà tắm, nghe tiếng Bôn bưng mâm bát đĩa vừa rửa vào nhà,

nghe tiếng dép anh đi lại trên sân trong lúc ánh le lói chiều tà dần tắt. Chị ngửa mặt nhìn trời, những rạn mây đang sẫm dần và bầu trời như được ghép bằng những mảnh vỏ trứng vỡ nhuộm màu. Mồ hôi chị đã khô trong lưng áo. Gió lướt qua lang mang mùi vị đêm. Óc não rỗng không Miên chẳng nghĩ được điều gì rành mạch, nói đúng hơn chị chẳng còn nghĩ, chẳng còn lo âu hồi hộp cũng chẳng hoang mang chờ đợi, tâm hồn chị như đám da bị tiêm thuốc tê mất mọi cảm giác. Chị vục mặt xuống thau nước lạnh và bắt đầu xối nước không ngừng tay.

Trong lúc đó Bôn đã vào nhà, đang loay hoay tìm mảnh các-tông che cây đèn. Anh đã cặm cụi cả ngày trời để đóng hộp, vừa tránh gió vừa che bớt ánh sáng, nhưng mấy mảnh gỗ bị hụt nên cái hộp đèn cũn cỡn như kẻ mặc quần đùi. Mấy đứa con Tá chẳng học hành gì nên cũng không kiếm nổi tờ bìa hoặc cuốn vở cũ. Sau cùng, Bôn chợt nhớ tới mấy tờ báo anh đã mua trên tàu, còn nhét trong ba-lô. Anh lôi ra cuộn thành hình loa kèn, chụp lên hộp đèn. Vậy là anh đã tạo được cây đèn ngủ vừa ý Miên. Hồi họ cưới nhau, chỉ vì chuyện dầu đèn mà Tá to tiếng với anh. Những hôm sau, chị ta còn chì chiết, bóng gió dai như đỉa, khiến Miên giận dỗi. Giờ anh đã sắm cây đèn mới, dầu mua riêng cất trong buồng. Không gì có thể ngăn cản hoặc làm rầy những cuộc ái ân của họ.

Xong việc, Bôn khoanh tay ngồi nhìn ra sân. Dẫu là mùa hè nhưng đêm miền sơn cước đã tối rất mau, bóng đêm mỗi lúc mỗi dày, đen như mực Tàu. Tim anh đập náo nức trong lồng ngực, cổ họng anh nghẹn thắt. Anh đã chờ đợi, chờ đợi, chờ đợi và đây là khoảnh khắc con thuyền cập bến. Trong gang tấc, chỉ giơ tay sẽ với tới bờ...

Miên đột ngột bước vào. Chị đã tắm xong, toàn thân toát ra mùi nước và mùi của sự quyến rũ. Bôn nhắm mắt hít thở cái không khí tẩm liệm mùi người đàn bà anh yêu. Chị lặng lẽ tới góc buồng, thu dọn gì đó trên chiếc bàn nhỏ. Chị thu dọn rất lâu, lâu đến mức anh không còn kiên nhẫn được. Anh đứng lên:

- Miên còn ra ngoài nữa không?

- Không.

Anh đi ra chốt cánh cửa buồng rồi quay lưng lại. Khoảnh khắc ấy có ai đó hét vang trong đầu anh:

... Đây là nhà của tôi, rộng hay hẹp cũng vẫn là lãnh địa của tôi. Và kia là vợ tôi, người đàn bà của tôi...

... Của tôi... Của tôi... Của tôi...

Tiếng hét đó lặp đi lặp lại nhiều lần cứ như ai đó đứng nơi lèn đá hét vọng vào. Bất chợt, anh nghi hoặc sự thật. Anh lại quay ra rờ lên con chốt cửa, đẩy đi đẩy lại mấy lần cho tới khi con chốt gỗ

kêu khục... một tiếng khô khan anh mới hoàn toàn yên tâm. Anh đi về phía Miên. Chị vẫn cắm cúi thu dọn gì đó xây lưng lại ánh đèn.

- Miên...

Anh bột phát gừ lên một tiếng rồi xông tới bế thốc vợ lên giường. Búi tóc Miên xổ ra, tung một suối đen, vướng vào tay ghế. Chị kêu:

- Ái ái...

Nhưng anh không còn tỉnh trí để nghe rõ tiếng kêu ấy. Anh đặt chị lên giường, chụp xuống thân thể chị những trận hôn như giông như gió vừa hôn vừa rít lên những tiếng kêu ai oán:

- Tôi yêu em... tôi yêu em... tôi yêu...

Miên lặng lẽ kéo mái tóc lên, cuộn lại sau gáy để tránh anh co kéo. Mái tóc quá dày nên xòa khỏi hai lòng bàn tay chị và chị buộc phải giữ chặt lấy nó. Ánh đèn hắt lên gương mặt trắng hồng của chị, gương mặt mà mỗi đường nét đều khiến anh điên đảo. Sao Miên cứ im lặng hoài như vậy?... Mười bốn năm trước chị đâu có câm nín như khúc gỗ?... Chị cười, hoặc chị giơ ngón tay chọc khẽ vào má anh, điệu bộ vừa rụt rè vừa nghịch ngợm.

- Tôi yêu Miên... Miên biết không?... Lúc nào tôi cũng nhớ Miên, dù là...

Chút nữa anh đã buột miệng nói ra: Dù là lúc nằm trên bụng người đàn bà khác. Nhưng anh đã kịp ghìm giữ. Và rồi sợ chị đoán ra sự thất thố của mình anh cúi xuống cởi những chiếc khuy trên tấm áo màu xanh dương của chị.

Miên không để tâm tới điều gì. Chị nằm như pho tượng, hoặc bằng thạch cao hoặc bằng cao-su, kiều diễm như tạc bởi bàn tay nghệ nhân tài tình bậc nhất, lạnh lùng như khí núi mùa đông. Cặp mắt chị nhìn vào một điểm nào đó trên mái nhà. Anh cúi xuống hôn bụng vợ quanh cái rốn nhỏ mà anh nhớ có mụn ruồi đỏ bằng hạt vừng ở chếch bên trái trong lúc tiếng thét điên cuồng lại vang lên:

... Tôi yêu em và em phải yêu tôi... Chúng ta sẽ như ngày xưa. Như ngày xưa làm tình thâu đêm suốt sáng, như ngày xưa em ôm chặt cổ tôi mà ngủ, như ngày xưa em sẽ phải mỉm cười với tôi sau mỗi lượt. Như ngày xưa xác lũ thiêu thân sẽ rải trắng quanh hộp đèn cho tới rạng sáng, khi chúng ta tàn cuộc... Như ngày xưa...

(Xem tiếp kỳ 6)

DƯƠNG THU HƯƠNG

CHIA VUI

Nhận được hồng thiệp báo tin

cháu **Nguyễn Mai Khôi Violet**
thứ nữ của ông bà nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng
đẹp duyên cùng
cháu **Đỗ Hữu Mỹ Robert**
thứ nam của ông bà Đỗ Hữu Việt

Tạp chí Hợp Lưu, đồng nghiệp và văn thi hữu,
họa sĩ trong ngoài nước thành thật chia vui với hai họ.
Rất mong hai cháu Mỹ-Khôi hạnh phúc mãi mãi.

Mai Ninh, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phan Thị Trọng Tuyến, Thái Tú Hạp, Ái Cầm, Liên + Hải, Vũ Thùy Hạnh, Trần Thị Minh Nguyệt, Trần Thị Ngh., Thu Oanh, Vũ Quỳnh Nh. & Hải, Nguyễn Hữu Liêm, Hoàng Phủ Cương, Phạm Việt Cường, Tường Vũ Anh Thi, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Nam An, Tưởng Năng Tiến, Thượng Văn, Trần Quảng Nam, Lê Thị Huệ, Kỳ Hùng, Thân Trọng Mẫn, Nguyễn Mộng Giác, Châu Văn Thọ, Lê Thọ Giáo, Khánh Trường, Nhật Tiến, Thụy Khuê, Lê Tất Luyện, Đặng Tiến, Đặng Hiền, Nguyễn Thị Xuân Sương, Quỳnh Giao, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Duy, Trương Hồng Sơn, Lê Bi, Nguyễn Hương, Cao Xuân Huy, Vũ Huy Quang, Đinh Cường, Hoàng Xuân Sơn, Luân Hoán, Phan Ni Tấn, Hồ Đình Nghiêm, Hồ Minh Dũng, Trang Châu, Nguyễn Quốc Trụ, Đỗ Quyên, Triều Hoa Đại, Bùi Bảo Trúc, Hoàng Dược Thảo, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Đỗ Ngọc Yến, Tống Hoằng, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Thanh Thảo, Phan Mỹ Sương, Phạm Phú Minh, Ngô Mạnh Thu, Hà Tường Cát, Nguyễn Tăng Bí, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Nguyễn Trọng Khôi, Ngô Bảo, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Xuân Quang, Khế Iêm, Đỗ Kh., Đặng Phùng Quân, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn, Thường Quán, Nguyễn Hoàng Văn, Đào Trung Dạo, Trần Diệu Hằng, Bùi Vĩnh Phúc, Lệ Hằng,...

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn thân phụ của nhà văn Nguyễn Hương là

Cụ NGUYỄN VĂN TẠI
Bí danh **Quang Thanh**

đã mệnh chung ngày 19 tháng 10 năm 2001
(Nhằn ngày 3 tháng 9 năm Tân Tỵ)
tại thành phố Garden Grove, California. USA
hưởng thọ 81 tuổi.

Toàn thể văn hữu khắp nơi xin chia buồn cùng
nhà văn Nguyễn Hương và nhà thơ Lê Bi.

Thành kính cầu mong hương hồn cụ Nguyễn Văn Tại
sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Kim Ninh & Thắng, Mai Ninh, Lê Thị Thấm Vân,
Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Ngọc Nhung,
Liên + Hải, Vũ Thùy hạnh, Trần Thị Minh Nguyệt, Thư Oanh,
Vũ Quỳnh Nh. & Hải, Nguyễn Hữu Liêm, Hoàng Phủ Cương,
Phạm Việt Cường, Tường Vũ Anh Thi, Hoàng Khởi Phong,
Kỳ Hùng, Thân Trọng Mẫn, Nguyễn Xuân Hoàng,
Nguyễn Mộng Giác, Khánh Trường, Đặng Hiền,
Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi, Nguyễn Huy Thiệp,
Trương Hồng Sơn, Nhật Tiến, Đỗ Hữu Tài,
Nguyễn Quốc Trung, Cao Xuân Huy, Vũ Huy Quang...

MIỀNG

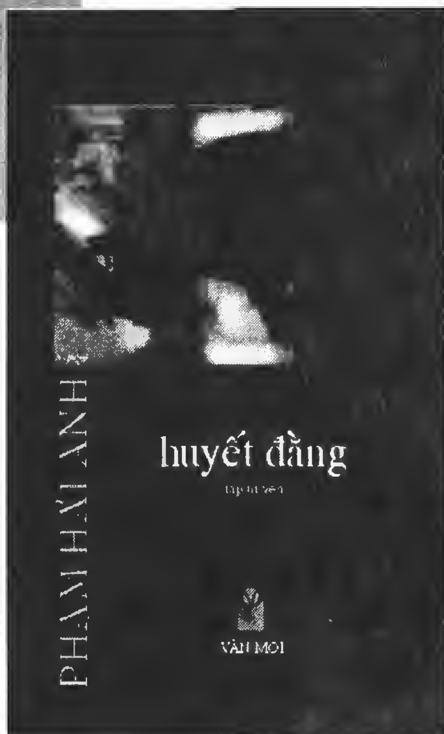
tuyển
tập
truyện
dịch



VĂN MỚI 2001

Giá 12MK

Giá 12MK



Nhà xuất bản VĂN MỚI
1127 W, Gardena Blvd.
Gardena, CA 90247
Tel: (310)366-6867



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU TẶNG BÁO

Tên người tặng: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

tặng ☐ (1,2) năm HỢP LƯU bằng máy bay ☐; hạng tư ☐ đến

Tên người nhận : ______________________________
Địa chỉ: ______________________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

Yêu cầu tòa soạn báo cho tôi biết khi nhận được phiếu tặng báo kèm check (or money order) bằng điện thoại, thư bưu điện, hoặc email.

(Xin xem PHIẾU MUA DÀI HẠN ở mặt sau để biết giá)

PHIẾU GIỚI THIỆU

Yêu cầu tòa soạn gửi đến:

Tên: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________

____

Email ______________ điện thoại ______________

HỢP LƯU số mới nhất. Nếu người nhận vừa lòng với nội dung của tạp chí, sẽ đặt mua dài hạn.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail
Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years
Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ (Four class only)
- *Một năm / One year* ☐ US$50.00.
- *Hai năm / Two years* ☐ US$95.00.

Gia Nã Đại (Canada) (Air mail only):
- *Một năm / One year* ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$135.00

Úc, Âu châu, Á châu (Australia, Europe & Asia) (Global priority only):
- *Một năm / One year* ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$155.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HOP LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.